LIÊN DANH TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH - KT XANH

ĐỊA CHỈ THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH: &,.....& SỐ 11A, ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG, TP TN

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 681/BC-T.CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Phạm Văn Quang

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
(PHẦN HẠ TẦNG KỸ THUẬT)

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 9055/Sxd-QLCHXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

THÁI NGUYÊN 2025

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4055/SXD-QLCHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 /BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Phạm Văn Quang

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
(PHẦN HẠ TẦNG KỸ THUẬT)

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Hữu Bác

THÁI NGUYÊN 2025

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 4055/SXd-QLCTXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: SAN NỀN

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

DANH MỤC BẢN VẼ HẠNG MỤC SAN NỀN

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	MẶT BẰNG PHÁ DỠ ĐƯỜNG BÊ TÔNG HIỆN TRẠNG	SN-01
2	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LÔ SAN NỀN	SN-02
3	MẶT BẰNG ĐÒNG MỨC THIẾT KẾ SAN NỀN	SN-03
4	MẶT BẰNG KHỐI LƯỢNG SAN NỀN	SN-04
5	CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG SAN NỀN	SN-05
6	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÂY XANH CÔNG CỘNG	SN-06

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

L01

L02

L03

L05

L06

L07

L09

L10

L11

S_{BTHT} = 173.48M2

S_{BTHT} = 389.78M2

S_{BTHT} = 176.19M2

Ruộng lúa

Đường bê tông

Đường nhựa

Mương đất

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC - TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA - UBND HUYỆN PHỔ BÌNH)

CẤU TẠO PHÁ DỠ MẶT ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG

PHÁ DỠ LỚP BTXM DÀY 20CM

NỀN ĐẤT HIỆN TRẠNG

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN / CHÍNH CAO

CAO ĐỘ THIẾT KẾ / VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — CHÍNH CAO

DIỆN TÍCH — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — CHÍNH CAO

DIỆN TÍCH — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

KÝ HIỆU BẢN VẼ

RANH GIỚI LÔ ĐẤT SAN NỀN

ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ

M8 TÊN LÔ SAN NỀN

TENNUT RANH GIỚI GIAI ĐOẠN I

PHẠM VI PHÁ ĐƯỜNG BT

PHẠM VI MẶT NƯỚC

PHẠM VI CÂY XANH CC

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐẮP MÁI TALUY

THUYẾT MINH:

- SAN NỀN THEO PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
- KHỐI LƯỢNG TÍNH TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP LƯỚI Ô VUÔNG
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẮP NỀN ĐƯỢC ĐẦM CHẶT K90
- QUÁ TRÌNH THI CÔNG ĐẦM NỀN ĐẤT THEO ĐỊC 8.1 ĐẾN 8.23 QUY TRÌNH THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447-2012
- KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT THEO ĐIỀU 10.1 ĐẾN 10.16 QUY TRÌNH THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447-2012
- LƯỚI SAN NỀN KÍCH THƯỚC 10X10M
- ĐƯỜNG TẠM SỬ DỤNG NỀN ĐƯỜNG LÀM MỚI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 7055 /SXD - QLCHXD

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 68 /TC-CT

Ngày 06 tháng 11 năm 2025

Ký tên

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHỔ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC: SAN NỀN

STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	TÊN BLOCK SAN NỀN							TỔNG	GHI CHÚ
			L01	L02	L03	L05	L06	L07	L09	L10	L11		
I.	**Diện tích**	m^2	**991,86**	**4.558,31**	**4.734,41**	**1.047,71**	**5.382,00**	**4.581,04**	**3.202,44**	**2.861,27**	**1.229,15**	**28.588,19**	
1	Diện tích đắp ô hoàn	m^2	991,86	4.558,31	4.734,41	1.047,71	5.382,00	4.581,04	3.202,44	2.861,27	1.229,15	**28.588,19**	*Theo bảng tính*
2	Diện tích đào ô hoàn	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*Theo bảng tính*
3	Diện tích vỉa hè	m^2	880,39	4.357,23	4.361,04	1.047,71	5.145,33	3.954,21	1.884,35	2.533,08	1.229,15	**25.392,49**	*S vỉa hè = S đáy ô hoàn + S vỉa hè đường BT hiện trạng + S cây xanh công cộng*
*	Giảm trừ diện tích đường bê tông hiện trạng	m^2	-	-	(173,48)	-	-	(389,78)	-	(176,19)	-		*Bằng diện tích phá dỡ đường BT hiện trạng*
*	Giảm trừ diện tích cây xanh công cộng	m^2	(111,47)	(201,08)	(199,89)	-	(236,67)	(237,05)	(1.318,09)	(152,00)	-		*Bằng diện tích cây xanh công cộng*
4	Diện tích phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m^2	-	-	173,48	-	-	389,78	-	176,19	-	**739,45**	*Đo theo bình đồ*
5	Diện tích cây xanh công cộng	m^2	111,47	201,08	199,89	-	236,67	237,05	1.318,09	152,00	-	**2.456,25**	*Đo theo bình đồ*
6	Diện tích taluy	m^2	-	-	-	-	-	-	139,04	-	275,82	**414,86**	*Theo bảng tính*
II.	**Khối lượng**												
1	Khối lượng vỉa hè (Hth = 50cm)	m^3	440,20	2.178,62	2.180,52	523,86	2.572,67	1.977,11	942,18	1.266,54	614,58	**12.885,98**	*Tổn dụng trồng cây vỉa hè giao thông, cây xanh công cộng - Thừa vận chuyển đi thải*
*	Giảm trừ khối lượng vỉa hè bù hao hụt lắp đá nền suối	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	159,73	*Khối lượng vỉa hè đã tính trong hạng mục kè nền suối*
2	Khối lượng phá dỡ đường bê tông hiện trạng (Hth = 20cm)	m^3	-	-	34,70	-	-	77,96	-	35,24	-	**147,89**	*Phá bằng máy - Vận chuyển đi thải*
3	Khối lượng đào ô hoàn + taluy	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Khối lượng đắp đất nền nền	m^3	1.939,33	6.426,29	7.731,96	2.618,97	8.618,16	9.683,25	5.339,64	6.433,71	3.552,75	**52.324,03**	*Đã chặt K90*
*	Khối lượng đắp ô hoàn	m^3	1.648,40	4.348,21	5.616,69	2.095,11	6.163,83	7.746,71	6.905,07	5.207,93	2.618,61		*Theo bảng tính*
*	Khối lượng đắp taluy	m^3	-	-	-	-	-	-	-	147,70	-	209,58	*Theo bảng tính*
*	Khối lượng đắp đất bù vỉa hè bù	m^3	440,20	2.178,62	2.180,52	523,86	2.572,67	1.977,11	942,18	1.266,54	614,58		*Khối lượng bù đã vỉa*
*	Khối lượng đắp đất bù phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m^3	-	-	34,70	-	-	77,96	-	35,24	-		*Khối lượng phá dỡ đường BT*
*	Giảm trừ khối lượng đắp đất phạm vi cây xanh	m^3	(140,27)	(100,54)	(99,95)	-	(118,34)	(118,53)	(2.655,31)	(76,00)	-		*Khối lượng đất bóc tận dụng vào đắp cây xanh*
5	Khối lượng đất trồng cây xanh	m^3	149,27	100,54	99,95	-	118,34	118,53	2.655,31	76,00	-	**3.317,92**	*Đắp đất bóc tận dụng toàn bộ phạm vi cây xanh công cộng thuộc các lô 01; 09 — Đắp đất bóc tận dụng 30cm phù mặt phạm vi cây xanh công cộng thuộc các lô 02; 03; 06; 07; 10*
6	Trồng cỏ phủ bề mặt	m^2	111,47	201,08	199,89	-	236,67	237,05	1.318,09	152,00	-	**2.456,25**	*Trồng cỏ lạc*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHỔ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHỔ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:	HẠNG MỤC: SAN NỀN MẶT BẰNG PHÁ DỠ ĐƯỜNG BÊ TÔNG HIỆN TRẠNG
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: SN-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TRÌNH GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG VIÊN ĐỒI VÀ KHU ĐẤU GIÁ KHU VỰC TRẠM THÚ NGUYỄN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHÚ BÌNH)

L01 L02 L03 L04 L05 L06 L07 L08 L09 L10 L11

Ruộng lúa

Đường Nội Đồng

Đường Hương Sơn

Đường Hương Sơn - Cầu Gò Miễu

Mương đất

Mương nội đồng

Mương thủy lợi

Mương đất

Mương đất

Mương đất

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 577/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHỔ YÊN)

L01 L02 L03 L04 L05 L06 L07 L08 L09 L10 L11

Ruộng lúa

Đường Vành đai V

Đường dây 500kV

Đường dây 220kV

Mương đất

Đường bê tông

2 Cống D80

ao

g

G

T

BO

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN/ CHÊN CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô | 13 | 3.50 | 98.00 | 98.00 | CHÊN CAO
DIỆN TÍCH | KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô | A1 | +0.65 | 100.00 | 100.00 | CHÊN CAO
DIỆN TÍCH | KHỐI LƯỢNG ĐÀO

KÝ HIỆU BẢN VẼ

RANH GIỚI LÔ ĐẤT SAN NỀN
ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ
M8 TÊN LÔ SAN NỀN
TENNUT RANH GIỚI GIAI ĐOẠN I
PHẠM VI PHÁ ĐƯỜNG BT
PHẠM VI MẶT NƯỚC
PHẠM VI CÂY XANH CC

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐẮP BA TALUY

THUYẾT MINH:

- SAN NỀN THEO PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
- KHỐI LƯỢNG TÍNH TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP LƯỚI Ô VUÔNG
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẮP YÊU CẦU ĐẦM CHẶT K90
- CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT ĐẮP THEO BẢNG 6.1 ĐẾN 6.23 QUY TRÌNH THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447:2012
- KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT THEO ĐIỀU 10.1 ĐẾN 10.16 QUY TRÌNH THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447:2012
- LƯỚI SAN NỀN KÍCH THƯỚC 100*100M
- ĐƯỜNG TẠM SỬ DỤNG NỀN ĐƯỜNG LÀM MỚI

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
HẠNG MỤC: SAN NỀN

STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	TÊN BLOCK SAN NỀN								TỔNG	GHI CHÚ
			L01	L02	L03	L05	L06	L07	L09	L10	L11		
I.	Đối tượng	m^2	991,86	4.558,31	4.734,41	1.047,71	5.382,00	4.581,04	3.202,44	2.861,27	1.229,15	28.588,19	
1	Diện tích đắp ở hoàn	m^2	991,86	4.558,31	4.734,41	1.047,71	5.382,00	4.581,04	3.202,44	2.861,27	1.229,15	28.588,19	*Theo hàng tính*
2	Diện tích đào ở hoàn	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*Theo hàng tính*
3	Diện tích vét bùn	m^2	880,39	4.357,23	4.361,04	1.047,71	5.145,23	3.954,21	1.884,35	2.533,08	1.229,15	28.392,49	*S sạt lở = S đắp ở hoàn - S giữ nt đường BT hiện trạng - S cây xanh công cộng*
*	Giảm trừ diện tích đường bê tông hiện trạng	m^2	-	(173,48)	-	-	(389,78)	-	-	(170,109)	-		*Bằng diện tích phá dỡ đường BT hiện trạng*
*	Giảm trừ diện tích cây xanh công cộng	m^2	(111,47)	(201,08)	(199,89)	-	(256,67)	(237,05)	(1.318,09)	(152,00)	-		*Bằng diện tích cây xanh công cộng*
4	Diện tích phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m^2	-	-	173,48	-	389,78	-	-	170,10	-	739,45	*Đo theo hình dễ*
5	Diện tích cây xanh công cộng	m^2	111,47	201,08	199,89	-	256,67	237,05	1.318,09	152,00	-	2.456,25	*Đo theo hình dễ*
6	Diện tích nhày	m^2	-	-	-	-	-	-	139,04	-	275,82	414,86	*Theo hàng tính*
II.	Khối lượng												
1	Khối lượng vét bùn (Htb = 50cm)	m^3	440,20	2.178,62	2.180,52	523,86	2.572,67	1.977,11	942,18	1.266,54	614,58	12.855,98	*Tận dụng trồng cây vùa hè giao thông, cây xanh công cộng - Thêm vận chuyển đổ thải*
*	Giảm trừ khối lượng vét bùn hàng mục kè đã nền suối	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150,73	*Khối lượng vét bùn đã tính trong hạng mục kè nền suối*
2	Khối lượng phá dỡ đường bê tông hiện trạng (Htb = 20cm)	m^3	-	-	34,70	-	77,96	-	35,24	-	-	147,89	*Phá bằng máy - Vận chuyển đổ thải*
3	Khối lượng đào ở hoàn + nhày	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Khối lượng đắp đất san nền	m^3	1.939,33	6.426,29	7.731,96	2.618,97	8.618,16	9.683,25	5.339,64	6.433,71	3.532,75	52.324,03	*Đã chặt K90*
*	Khối lượng đắp ở hoàn	m^3	1.648,40	4.348,21	5.016,69	2.095,11	6.163,83	7.746,71	6.905,07	5.207,95	2.618,61		*Theo hàng tính*
*	Khối lượng đắp nhày	m^3	-	-	-	-	-	-	147,70	-	299,56		*Theo hàng tính*
*	Khối lượng đắp đất bù vét bùn	m^3	440,20	2.178,62	2.180,52	523,86	2.572,67	1.977,11	942,18	1.266,54	614,58		*Khối lượng bùn đã vét*
*	Khối lượng đắp đất bù phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m^3	-	-	34,70	-	77,96	-	35,24	-	-		*Khối lượng phá dỡ đường BT*
*	Giảm trừ khối lượng đắp đất phạm vi cây xanh	m^3	(149,27)	(100,54)	(99,95)	-	(118,34)	(118,53)	(2.655,31)	(76,00)	-		*Khối lượng đất bóc tận dụng vào đắp cây xanh*
5	Khối lượng đất trồng cây xanh	m^3	149,27	100,54	99,95	-	118,34	118,53	2.655,31	76,00	-	3.317,92	*Đắp đất bóc tận dụng toàn bộ phạm vi cây xanh công cộng thuộc các lô 01; 09 --- Đắp đất bóc tận dụng 50cm phù mặt phạm vi cây xanh công cộng thuộc các lô 02; 03; 06; 07; 10*
6	Trồng cỏ phủ bề mặt	m^2	111,47	201,08	199,89	-	256,67	237,05	1.318,09	152,00	-	2.456,25	*Trồng cỏ lạc*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày 25 tháng ..... năm 2025

F. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TRẦN HỮU BẮC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4955/SXD-QLCTKHCN
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.../KC-01
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: SAN NỀN
MẶT BẰNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ SAN NỀN

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: SN-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V (ĐOẠN QUA KHU VỰC TÁI ĐỊNH CƯ THÁI NGUYÊN) (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHỔ YÊN)

L01 L02 L03 L04 L05 L06 L07 L08 L09 L10 L11

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN / CHÍNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ / VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — CHÍNH CAO
DIỆN TÍCH — KHỐI LƯỢNG ĐẮP
TÊN Ô — CHÍNH CAO
DIỆN TÍCH — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

KÝ HIỆU BẢN VẼ

RANH GIỚI LÔ ĐẤT SAN NỀN
ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ
TÊN LÔ SAN NỀN
TENNUT RANH GIỚI GIAI ĐOẠN I
PHẠM VI PHÁ ĐƯỜNG BT
PHẠM VI MẶT NƯỚC
PHẠM VI CÂY XANH CC

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH ĐẮP MÁI TALUY

THUYẾT MINH:

- SAN NỀN THEO PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
- KHỐI LƯỢNG TÍNH TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP LƯỚI Ô VUÔNG
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẮP NỀN ĐƯỢC ĐẦM CHẶT K90
- QUÁ TRÌNH THI CÔNG ĐẮM NỀN ĐẤT THEO ĐIỀU 8.1 ĐẾN 8.23 QUY TRÌNH THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447-2012
- KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT THEO ĐIỀU 10.1 ĐẾN 10.16 QUY TRÌNH THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447-2012
- LƯỚI SAN NỀN KÍCH THƯỚC 10X10M
- ĐƯỜNG TẠM SỬ DỤNG NỀN ĐƯỜNG LÀM MỚI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4955/SXD-QLCTXDHTKD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-TC
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
HẠNG MỤC: SAN NỀN

STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	TÊN BLOCK: SAN NỀN							TỔNG	GHI CHÚ
			L01	L02	L03	L05	L06	L07	L09	L10	L11		
I.	Diện tích	m^2	991,86	4.650,31	4.734,41	1.047,71	5.382,00	4.581,04	3.202,44	2.861,27	1.229,15	28.588,19	
1	Diện tích đắp ô lưới	m^2	991,86	4.558,31	4.734,41	1.047,71	5.382,00	4.581,04	3.202,44	2.861,27	1.229,15	28.588,19	*Theo bảng tính*
2	Diện tích đào ô lưới	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*Theo bảng tính*
3	Diện tích vét bùn	m^2	880,39	4.357,23	4.361,04	1.047,71	5.145,53	3.954,21	1.884,35	2.533,08	1.229,15	25.392,49	*S vét bùn = S đắp ô lưới - S ựa đá đường BT hiện trạng + S cây xanh công cộng*
*	Giảm trừ diện tích đường bê tông hiện trạng	m^2	-	(173,48)	-	-	-	(389,78)	-	(176,19)	-		*Bằng diện tích phá dỡ đường BT hiện trạng*
*	Giảm trừ diện tích cây xanh công cộng	m^2	(111,47)	(201,08)	(199,89)	-	-	(236,67)	(237,05)	(1.318,09)	(152,00)		*Bằng diện tích cây xanh công cộng*
4	Diện tích phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m^2	-	-	173,48	-	-	389,78	-	176,19	-	739,45	*Đo theo bình đồ*
5	Diện tích cây xanh công cộng	m^2	111,47	201,08	199,89	-	-	236,67	237,05	1.318,09	152,00	2.456,25	*Đo theo bình đồ*
6	Diện tích taluy	m^2	-	-	-	-	-	-	139,04	-	275,82	414,86	*Theo bảng tính*
II.	Khối lượng												
1	Khối lượng vét bùn (H/h = 50cm)	m^3	440,20	2.178,62	2.180,52	523,86	2.572,67	1.977,11	942,18	1.266,54	614,58	12.855,99	*Tận dụng trồng cây vỉa hè giao thông, cây xanh công cộng - Thừa vận chuyển đổ thải*
*	Giảm trừ khối lượng vét bùn hạng mục kè đá nền xuất	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	159,73	*Khối lượng vét bùn đã tính trong hạng mục kè nền xuất*
2	Khối lượng phá dỡ đường bê tông hiện trạng (H/h = 20cm)	m^3	-	-	34,70	-	-	77,96	-	35,24	-	147,89	*Phá bằng máy - Vận chuyển đổ thải*
3	Khối lượng đào ô lưới + taluy	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Khối lượng đắp đất san nền	m^3	1.939,33	6.426,29	7.751,96	2.618,97	8.618,16	9.683,25	5.330,64	6.133,71	3.352,75	52.324,03	*Đã chặt K90*
*	Khối lượng đắp ô lưới	m^3	1.648,40	4.348,21	5.416,69	2.005,11	6.163,83	7.746,71	4.905,07	5.207,93	2.618,61		*Theo bảng tính*
*	Khối lượng đắp taluy	m^3	-	-	-	-	-	-	147,70	-	299,56		*Theo bảng tính*
*	Khối lượng đắp đất bù vét bùn	m^3	440,20	2.178,62	2.180,52	523,86	2.572,67	1.977,11	942,18	1.266,54	614,58		*Khối lượng bùn đã vét*
*	Khối lượng đắp đất bù phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m^3	-	-	34,70	-	-	77,96	-	35,24	-		*Khối lượng phá dỡ đường BT*
*	Giảm trừ khối lượng đắp đất phần vỉ cây xanh	m^3	(149,27)	(300,54)	(99,95)	-	(118,34)	(118,53)	(2.655,31)	(76,00)	-		*Khối lượng đất bàn tận dụng vào đắp cây xanh*
5	Khối lượng đất trồng cây xanh	m^3	149,27	100,54	99,95	-	118,34	118,53	2.655,31	76,00	-	3.317,92	*Đắp đất bàn tận dụng toàn bộ phạm vi cây xanh công cộng thuộc các lô 01; 09 — Đắp đất bàn tận dụng 50cm phía mặt phạm vi cây xanh công cộng thuộc các lô 02; 03; 04; 07; 10 — Trồng cỏ lạc*
6	Tổng có phá bê mặt	m^2	111,47	201,08	199,89	-	-	236,67	237,05	1.318,09	152,00	2.456,25	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH			
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
		CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày 17 tháng ... năm 2025

TP. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: SAN NỀN
MẶT BẰNG KHỐI LƯỢNG SAN NỀN

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: SN:04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L01

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 6	126,78	174,30	-	-
Hàng 5	239,05	392,19	-	-
Hàng 4	181,96	310,93	-	-
Hàng 3	180,01	296,85	-	-
Hàng 2	180,00	323,86	-	-
Hàng 1	84,06	150,27	-	-
Tổng	991,86	1.648,40	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L01

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	90,57	105,86	-	-
Cột B	461,32	831,03	-	-
Cột C	439,97	711,51	-	-
Tổng	991,86	1.648,40	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L02

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 6	449,85	340,59	-	-
Hàng 5	915,01	831,41	-	-
Hàng 4	915,01	882,30	-	-
Hàng 3	915,00	914,65	-	-
Hàng 2	915,01	939,42	-	-
Hàng 1	448,43	439,84	-	-
Tổng	4.558,31	4.348,21	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L02

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	267,58	349,98	-	-
Cột B	501,74	630,51	-	-
Cột C	502,05	569,19	-	-
Cột D	502,37	502,41	-	-
Cột E	502,66	484,67	-	-
Cột F	502,92	467,83	-	-
Cột G	503,14	414,72	-	-
Cột H	503,29	376,68	-	-
Cột I	503,36	361,57	-	-
Cột J	269,20	190,65	-	-
Tổng	4.558,31	4.348,21	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L03

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 6	442,84	331,62	-	-
Hàng 5	960,94	977,50	-	-
Hàng 4	958,86	1.141,56	-	-
Hàng 3	956,38	1.210,44	-	-
Hàng 2	953,90	1.296,52	-	-
Hàng 1	461,49	659,05	-	-
Tổng	4.734,41	5.616,69	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L03

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	391,47	283,87	-	-
Cột B	502,41	441,57	-	-
Cột C	501,81	509,35	-	-
Cột D	501,04	528,36	-	-
Cột E	500,08	489,15	-	-
Cột F	498,93	491,10	-	-
Cột G	497,54	629,37	-	-
Cột H	495,88	786,16	-	-
Cột I	493,95	858,39	-	-
Cột J	351,30	599,37	-	-
Tổng	4.734,41	5.616,69	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L05

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 6	164,85	321,63	-	-
Hàng 5	180,00	336,55	-	-
Hàng 4	180,00	354,60	-	-
Hàng 3	180,00	378,92	-	-
Hàng 2	180,00	377,10	-	-
Hàng 1	162,86	326,31	-	-
Tổng	1.047,71	2.095,11	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L05

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột B	533,92	1.053,91	-	-
Cột C	513,79	1.041,20	-	-
Tổng	1.047,71	2.095,11	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L06

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 6	863,63	773,76	-	-
Hàng 5	915,00	935,03	-	-
Hàng 4	915,00	1.031,75	-	-
Hàng 3	915,00	1.083,63	-	-
Hàng 2	915,00	1.150,66	-	-
Hàng 1	858,37	1.189,00	-	-
Tổng	5.382,00	6.163,83	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L06

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	324,53	653,74	-	-
Cột B	591,40	1.028,79	-	-
Cột C	591,48	749,51	-	-
Cột D	591,57	656,10	-	-
Cột E	591,66	625,46	-	-
Cột F	591,73	578,64	-	-
Cột G	591,82	550,64	-	-
Cột H	591,91	544,15	-	-
Cột I	591,99	513,35	-	-
Cột J	323,91	263,45	-	-
Tổng	5.382,00	6.163,83	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L07

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 6	839,26	1.311,44	-	-
Hàng 5	844,05	1.416,25	-	-
Hàng 4	800,18	1.350,03	-	-
Hàng 3	756,33	1.258,07	-	-
Hàng 2	712,48	1.244,74	-	-
Hàng 1	628,74	1.166,18	-	-
Tổng	4.581,04	7.746,71	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L07

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	553,11	645,23	-	-
Cột B	592,36	873,46	-	-
Cột C	592,45	962,65	-	-
Cột D	592,53	1.035,32	-	-
Cột E	592,62	1.087,24	-	-
Cột F	592,70	1.111,99	-	-
Cột G	559,13	1.064,85	-	-
Cột H	369,58	711,43	-	-
Cột I	136,56	254,54	-	-
Tổng	4.581,04	7.746,71	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L09

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 9	512,43	1.480,99	-	-
Hàng 8	343,85	648,57	-	-
Hàng 7	348,41	668,05	-	-
Hàng 6	377,24	766,35	-	-
Hàng 5	343,15	717,73	-	-
Hàng 4	377,83	788,06	-	-
Hàng 3	423,48	872,41	-	-
Hàng 2	337,95	669,68	-	-
Hàng 1	138,10	293,23	-	-
Tổng	3.202,44	6.905,07	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L09

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	205,09	424,05	-	-
Cột B	322,63	838,36	-	-
Cột C	55,01	321,81	-	-
Cột D	55,01	163,93	-	-
Cột E	747,30	1.589,33	-	-
Cột F	711,32	1.451,54	-	-
Cột G	739,89	1.443,67	-	-
Cột H	366,19	672,38	-	-
Tổng	3.202,44	6.905,07	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L10

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 8	291,34	538,54	-	-
Hàng 7	380,00	731,39	-	-
Hàng 6	380,00	685,76	-	-
Hàng 5	380,00	632,10	-	-
Hàng 4	380,00	600,47	-	-
Hàng 3	380,00	679,50	-	-
Hàng 2	380,00	759,72	-	-
Hàng 1	289,93	580,45	-	-
Tổng	2.861,27	5.207,93	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L10

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	671,91	1.235,14	-	-
Cột B	761,39	1.412,90	-	-
Cột C	761,39	1.374,85	-	-
Cột D	666,58	1.185,04	-	-
Tổng	2.861,27	5.207,93	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG L11

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 7	102,89	211,83	-	-
Hàng 6	200,88	423,86	-	-
Hàng 5	201,71	429,09	-	-
Hàng 4	202,56	420,01	-	-
Hàng 3	203,39	423,42	-	-
Hàng 2	204,23	449,70	-	-
Hàng 1	113,49	260,70	-	-
Tổng	1.229,15	2.618,61	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT L11

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	312,57	630,84	-	-
Cột B	610,77	1.316,69	-	-
Cột C	305,81	671,08	-	-
Tổng	1.229,15	2.618,61	-	-

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY

TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			9,35	7,12
C2			195,91	211,60
G3			-	-
C4			-	-
G5			-	-
C6			-	-
G7			-	-
C8			-	-
G9			-	-
C10			70,56	80,84
Tổng	-	-	275,82	299,56

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY

TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			-	-
C2			-	-
G3			-	-
C4			57,08	59,29
G5			0,50	0,29
C6			81,45	88,12
G7			-	-
C8			-	-
Tổng	-	-	139,04	147,70

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẠI PHÚC
THẨM TRA
Thẩm tra ngày ... tháng ... năm 20...
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: SAN NỀN
CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG SAN NỀN

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: SN-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

S_{CXCC}= 111.47M2

S_{CXCC}= 201.08M2

S_{CXCC}= 199.89M2

S_{CXCC}= 236.67M2

S_{CXCC}= 237.05M2

S_{CXCC}= 625.22M2

S_{CXCC}= 152.00M2

S_{CXCC}= 441.14M2

S_{CXCC}= 251.73M2

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TX – THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND – H.PHÚ BÌNH)

L01 L02 L03 L05 L06 L07 L09 L10 L11

Ruộng lúa

Đường Nội bộ

Mương đất

Mương bê tông

Suối

Mô số

Cống D 80

THUYẾT MINH:

- SAN NỀN THEO PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
- KHỐI LƯỢNG TÍNH TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP LƯỚI Ô VUÔNG
- KHỐI LƯỢNG ĐẮP NỀN ĐƯỢC ĐẦM CHẶT K90
- QUÁ TRÌNH THI CÔNG ĐẮM NỆN ĐẤT THEO ĐIỀU 8.1 ĐẾN 8.23 QUY TRÌNH TH CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447-2012.
- KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT THEO ĐIỀU 10.1 ĐẾN 10.16 QUY TRÌNH TH CÔNG VÀ NGHIỆM THU CÔNG TÁC ĐẤT TCVN 4447-2012
- LƯỚI SAN NỀN KÍCH THƯỚC 10X10m
- ĐƯỜNG TAM 30 DƯỚNG NỀN ĐƯỢC GIỮ LẠI MỚI

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô
DIỆN TÍCH — CHÊNH CAO / KHỐI LƯỢNG ĐẮP
TÊN Ô
DIỆN TÍCH — CHÊNH CAO / KHỐI LƯỢNG ĐÀO

KÝ HIỆU BẢN VẼ

- RANH GIỚI LÔ ĐẤT SAN NỀN
- ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ
- M8 TÊN LÔ SAN NỀN
- TENNUT RANH GIỚI GIAI ĐOẠN I
- PHẠM VI PHÁ ĐƯỜNG BT
- PHẠM VI MẶT NƯỚC
- PHẠM VI CÂY XANH CC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 9955/SXD-QLCHXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 13/LC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
HẠNG MỤC: SAN NỀN

STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	TÊN BLOCK SAN NỀN							TỔNG	GHI CHÚ
			L01	L02	L03	L05	L06	L07	L09	L10	L11		
I.	Diện tích	m²	991.86	4.558.31	4.734.41	1.047.71	5.382.00	4.581.04	3.202.44	2.861.27	1.229.15	28.588.19	
1	Diện tích đắp ô lưới	m²	991.86	4.558.31	4.734.41	1.047.71	5.382.00	4.581.04	3.202.44	2.861.27	1.229.15	28.588.19	*Theo bảng tính*
2	Diện tích đào ô lưới	m²	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*Theo bảng tính*
3	Diện tích vét bùn	m²	880.39	4.357.23	4.561.04	1.047.71	5.145.33	3.904.21	1.894.35	2.533.08	1.229.15	25.392.49	*Svc tại= Sdp x cao - S phần đường BT tận dụng + S cây xanh công cộng*
"	Giảm trừ diện tích đường bê tông hiện trạng	m²	-	-	(173.48)	-	-	-	-	(380.78)	-		*Bảng diện tích phá dỡ đường BT hiện trạng*
"	Giảm trừ diện tích cây xanh công cộng	m²	(111.47)	(201.08)	(199.89)	-	(236.67)	(237.05)	(1.318.09)	(152.00)	-		*Bảng diện tích cây xanh công cộng*
4	Diện tích phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m²	-	-	173.48	-	-	380.78	-	176.19	-	739.45	*Đo theo bình đồ*
5	Diện tích cây xanh công cộng	m²	111.47	201.08	199.89	-	236.67	237.05	1.318.09	152.00	-	2.456.25	*Đo theo bình đồ*
6	Diện tích taluy	m²	-	-	-	-	-	-	139.04	-	275.82	414.86	*Theo bảng tính*
II.	Khối lượng												
1	Khối lượng vét bùn (Dtb = 50cm)	m³	440.20	2.178.62	2.180.21	523.86	2.572.67	1.977.11	947.18	1.266.54	614.58	12.855.98	*Tận dụng trồng cây, vào hồ giao thông, cây xanh công cộng - Thêm vận chuyển đổ thải*
"	Giảm trừ khối lượng vét bùn hạng mục bê tông nhựa	m³	-	-	-	-	-	-	-	-	-	159.73	*Khối lượng vét bùn đã tính trong hạng mục bê nền nhựa*
"	Khối lượng phá dỡ đường bê tông hiện trạng (Dtb = 20cm)	m³	-	-	34.70	-	-	77.96	-	35.24	-	147.89	*Phá bằng máy - Tận chuyển đổ thải*
3	Khối lượng đào ô lưới + taluy	m³	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Khối lượng đắp đất san nền	m³	1.939.23	6.426.29	7.731.96	2.618.97	8.618.16	9.683.26	5.339.64	6.433.71	3.533.75	52.324.03	*Độ chặt K90*
"	Khối lượng đắp ô lưới	m³	1.648.40	4.348.21	5.655.89	2.095.11	6.165.83	7.746.71	6.905.07	5.207.93	2.618.61		*Theo bảng tính*
"	Khối lượng đắp taluy	m³	-	-	-	-	-	-	147.20	-	289.56		*Theo bảng tính*
"	Khối lượng đắp đất bù vét bùn	m³	440.20	2.178.62	2.180.21	523.86	2.572.67	1.977.11	947.18	1.266.54	614.58		*Khối lượng bùn đã vét*
"	Khối lượng đắp đất bù phá dỡ đường bê tông hiện trạng	m³	-	-	34.70	-	-	77.96	-	35.24	-		*Khối lượng phá dỡ đường BT*
"	Giảm trừ khối lượng đắp đất phần vị cây xanh	m³	(149.27)	(100.54)	(99.95)	-	(118.34)	(118.53)	(2.655.31)	(76.00)	-		*Khối lượng đất bùn tận dụng vào đắp cây xanh*
5	Khối lượng đất trồng cây xanh	m³	149.27	100.54	99.95	-	118.34	118.53	2.655.31	76.00	-	3.317.92	*Đắp đất bùn tận dụng mặt bộ phận vị cây xanh công cộng thuộc các lô 01; 03 — Đắp đất bùn tận dụng 50cm phủ mặt phần vị cây xanh công cộng thuộc các lô 02; 03; 06; 07; 10*
6	Trồng cỏ phủ bề mặt	m²	111.47	201.08	199.89	-	236.67	237.05	1.318.09	152.00	-	2.456.25	*Trồng cỏ lạc*

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: SAN NỀN
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÂY XANH CÔNG CỘNG

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: SN:06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4055/SXD-QLHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

DANH MỤC BẢN VẼ PHẦN KÈ NẮN SUỐI

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	MẶT BẰNG BỐ TRÍ KÈ NẮN SUỐI	KĐ - 01
2	CHI TIẾT CẤU TẠO KÈ NẮN SUỐI	KĐ - 02
3	CHI TIẾT CẤU TẠO KÈ NẮN SUỐI	KĐ - 03
4	CHI TIẾT LAN CAN ĐỈNH KÈ NẮN SUỐI	KĐ - 04
5	TRẮC DỌC KÈ ĐÁ (BÊN TRÁI)	KT - TD: 01
6	TRẮC NGANG KÈ ĐÁ (BÊN TRÁI)	KT - TN: 01...05
7	BẢNG KHỐI LƯỢNG KÈ ĐÁ (BÊN TRÁI)	KT - BKL: 01
8	TRẮC DỌC KÈ ĐÁ (BÊN PHẢI)	KP - TD: 01
9	TRẮC NGANG KÈ ĐÁ (BÊN PHẢI)	KP - TN: 01...03
10	BẢNG KHỐI LƯỢNG KÈ ĐÁ (BÊN PHẢI)	KP - BKL: 01

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

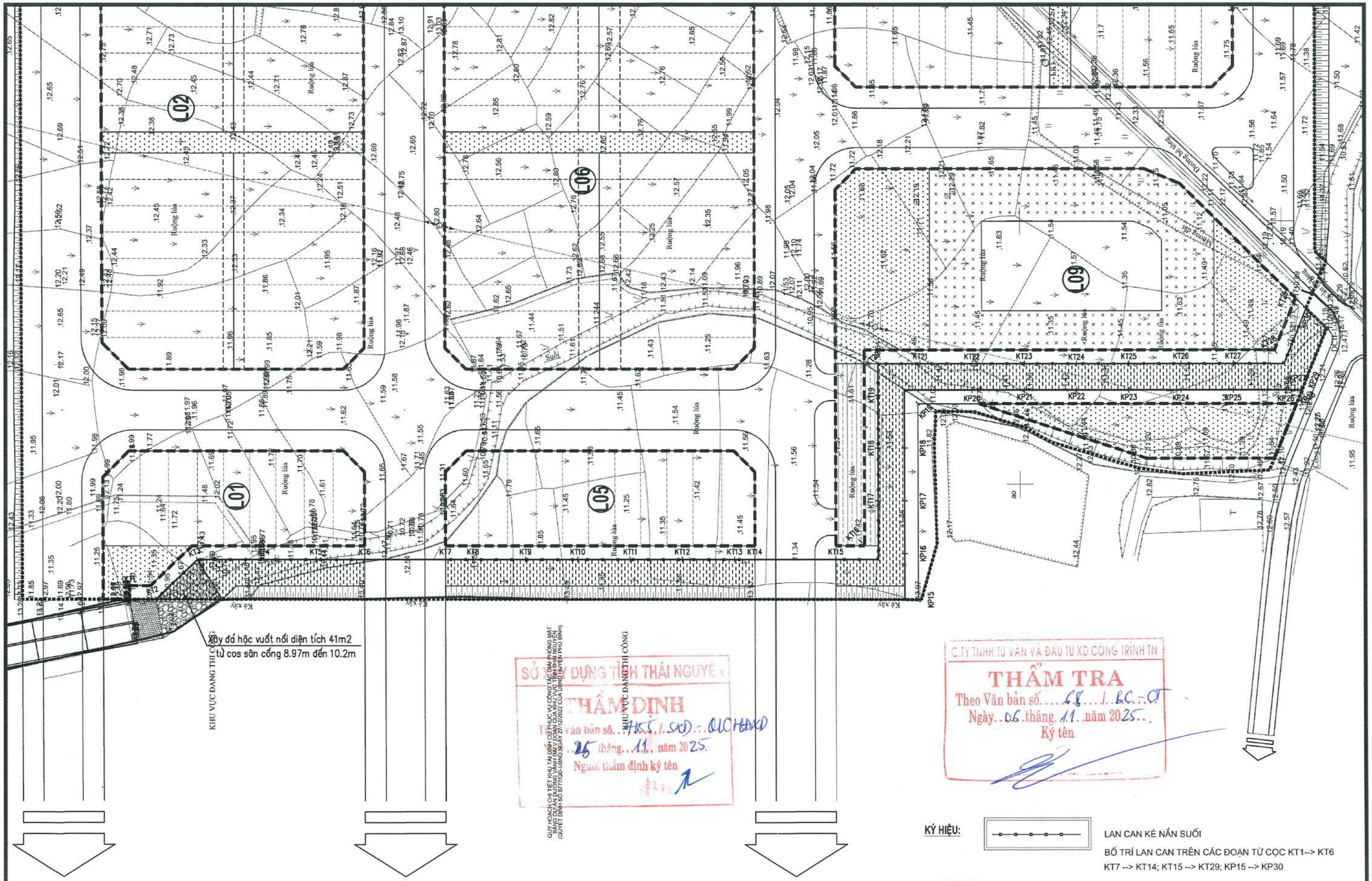
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1455/SXD-QLCHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 6777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHÚ BÌNH)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/1.BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

KÝ HIỆU: LAN CAN KÈ NẮN SUỐI

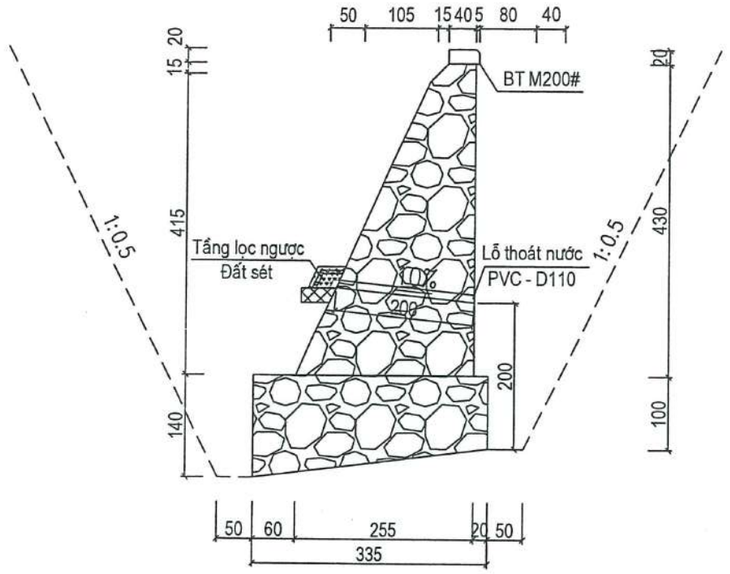
BỐ TRÍ LAN CAN TRÊN CÁC ĐOẠN TỪ CỌC KT1--> KT6
KT7 --> KT14; KT15 --> KT29; KP15 --> KP30

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

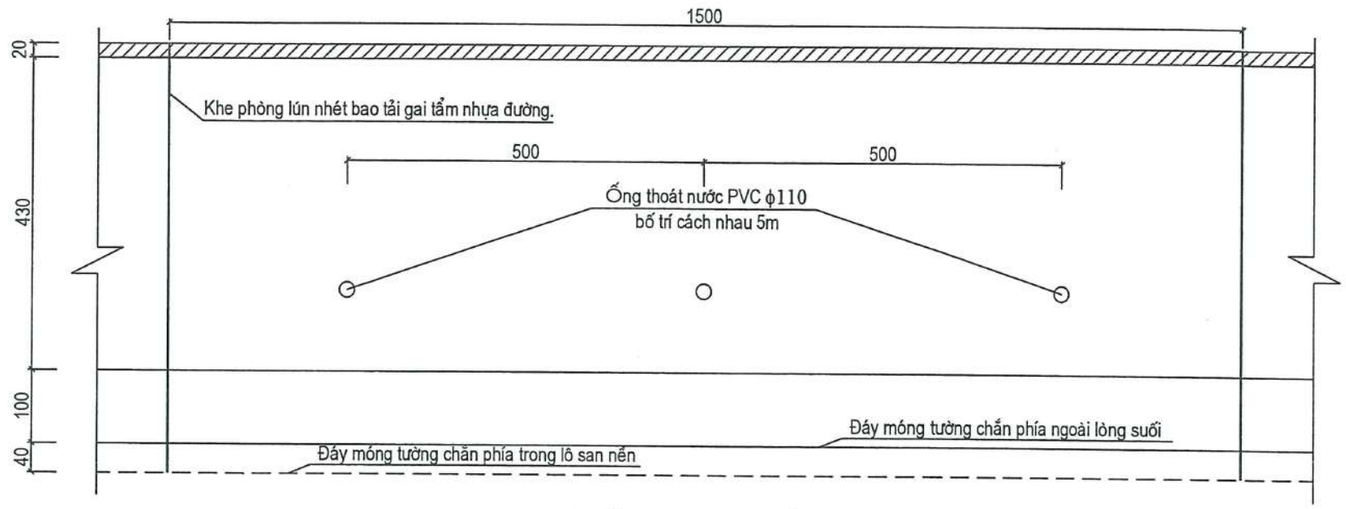
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
MẶT BẰNG BỐ TRÍ KÈ NẮN SUỐI

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KĐ - 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

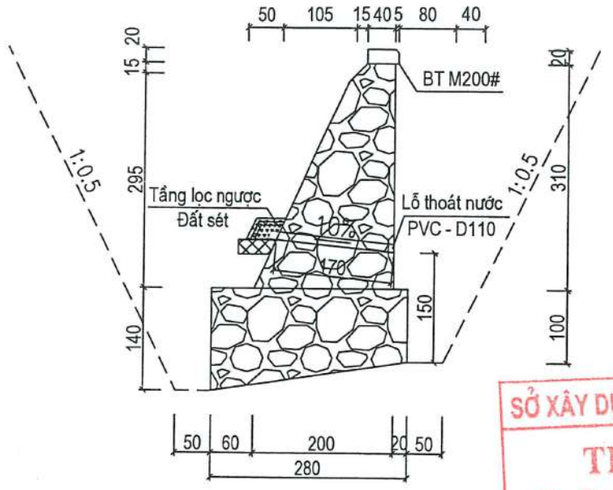
CẤU TẠO CHUNG KÈ ĐÁ NẮN SUỐI



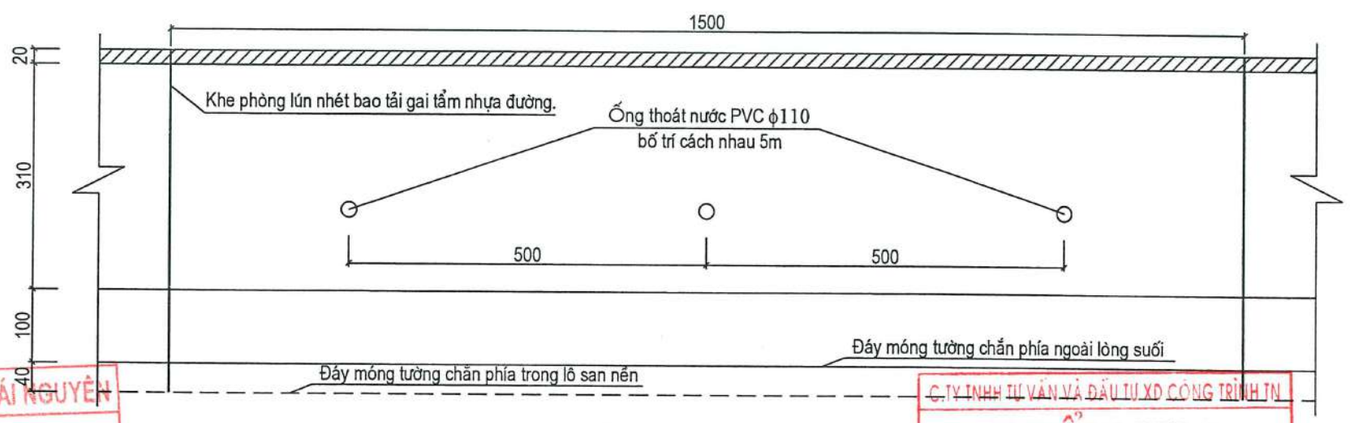
CẮT NGANG KÈ ĐÁ LOẠI 1



CHÍNH DIỆN KÈ ĐÁ LOẠI 1



CẮT NGANG KÈ ĐÁ LOẠI 2



CHÍNH DIỆN KÈ ĐÁ LOẠI 2

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

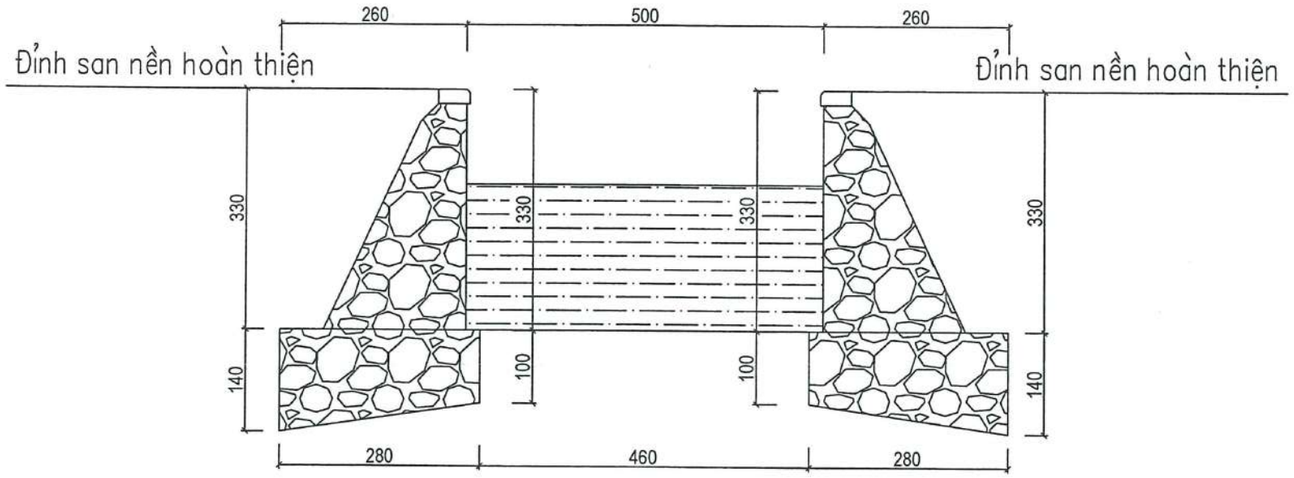
GHI CHÚ:
- Kích thước ghi theo đơn vị cm.
- Cao độ đáy kè và đỉnh kè tra trong Trắc dọc, Trắc ngang tuyến kè
- Đá hộc xây kè sử dụng đá có cường độ chống nén R28>=200kg/cm^2
- Quy định vật liệu, tổ chức thi công gia cố chân kè hiện trạng tuân thủ TCVN 10379-2014
- Khe phòng lún có cấu tạo bằng bao tải gai tẩm nhựa đường bố trí với khoảng cách trung bình 15m/1khe
- Khi đào móng gặp địa chất khác với thiết kế cần báo với Chủ đầu tư và các bên liên quan để điều chỉnh phù hợp
- Xây dựng kè đá trước khi thi công san lấp mặt bằng, đắp lưng kè phải có góc ma sát tối thiểu 30 độ, dung trọng tiêu chuẩn tối thiểu 1.8T/m^3

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
CHI TIẾT CẤU TẠO KÈ NẮN SUỐI

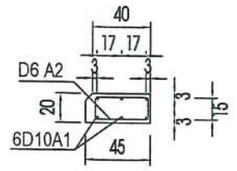
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KĐ-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CẤU TẠO CHUNG KÈ ĐÁ NẮN SUỐI

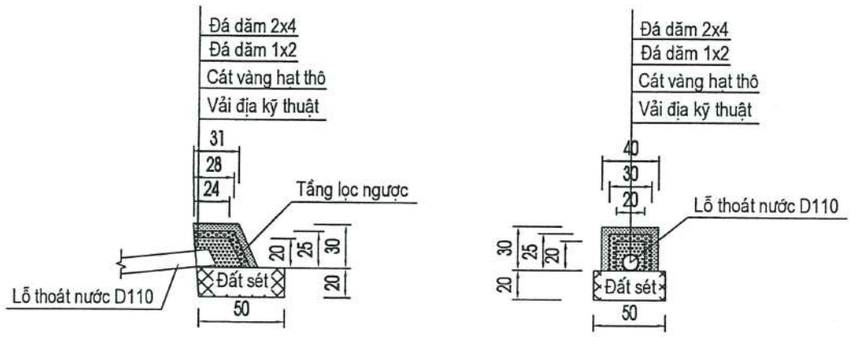


BỐ TRÍ CHUNG 1 ĐOẠN KÈ NẮN SUỐI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên



BỐ TRÍ THÉP GIẰNG ĐỈNH



CẤU TẠO CHI TIẾT TẦNG LỌC NGƯỢC

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG 1M DÀI GIẰNG ĐỈNH KÈ

KÝ HIỆU THÉP	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	S.LG	TỔNG C/D (M)	K/L ĐƠN VỊ (KG/M)	K/L TỔNG (KG)
A1	10	1000	6	6.00	0.617	3.70
A2	6	960	6	5.76	0.22	1.28
TỔNG CỘNG: - CỐT THÉP D =<10: 4.98 KG; - VÁN KHUÔN GIẰNG: 0.47M2 - BÊ TÔNG M200: 0.09M3						

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:
- Kích thước ghi theo đơn vị cm.
- Cao độ đáy kè và đỉnh kè tra trong Trắc dọc, Trắc ngang tuyến kè
- Đá hộc xây kè sử dụng đá có cường độ chống nén R28>=200kg/cm^2
- Quy định vật liệu, tổ chức thi công gia cố chân kè hiện trạng tuân thủ TCVN 10379-2014
- Khe phòng lún có cấu tạo bằng bao tải gai tẩm nhựa đường bố trí với khoảng cách trung bình 15m/1khe
- Khi đào móng gặp địa chất khác với thiết kế cần báo với Chủ đầu tư và các bên liên quan để điều chỉnh phù hợp
- Xây dựng kè đá trước khi thi công san lấp mặt bằng, đất đắp lưng kè phải có góc ma sát tối thiểu 30 độ, dung trọng tiêu chuẩn tối thiểu 1.8T/m^3

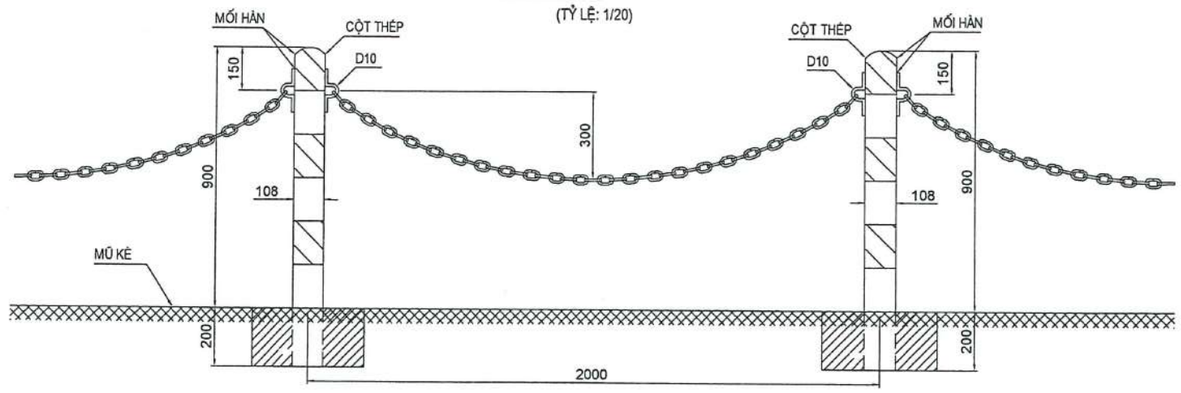
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		PHÓ GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		KS. TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
CHI TIẾT CẤU TẠO KÈ NẮN SUỐI

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KĐ-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

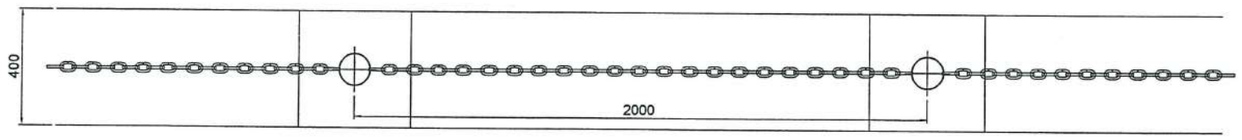
BỐ TRÍ CHUNG (CHIỀU DÀI L= 370M)

(TỶ LỆ: 1/20)



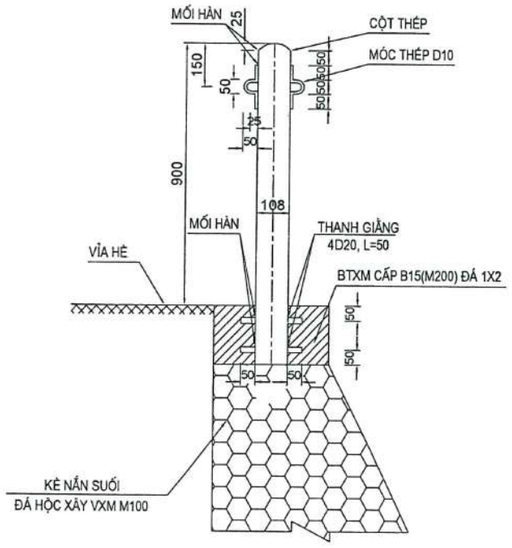
MẶT BẰNG

(TỶ LỆ: 1/20)



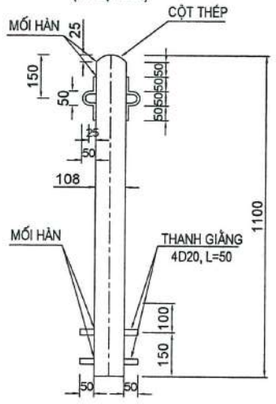
CẤU TẠO CHUNG

(TỶ LỆ: 1/20)



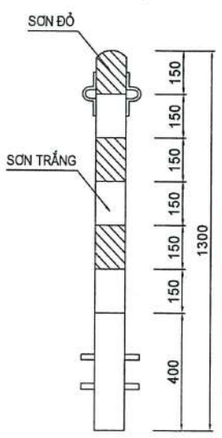
CHI TIẾT CỘT THÉP

(TỶ LỆ: 1/20)



CHI TIẾT SƠN CỘT THÉP

(TỶ LỆ: 1/20)



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHO MỘT CỘT

Số hiệu	Đường kính ϕ	Chiều dài 1 thanh	Số thanh	Tổng chiều dài	Khối lượng đơn vị	Tổng khối lượng
	(mm)	(mm)	(thanh)	(m)	(kg/m)	(kg)
Cột thép	108/112	1100	1	1100	5.230	5.753
Thanh giằng	20	50	4	0.200	2.466	0.493
Móc	10	250	2	0.500	0.617	0.310

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHO MỘT DÂY XÍCH

Số hiệu	Đường kính ϕ	Chiều dài 1 đốt	Số đốt	Tổng chiều dài	Khối lượng đơn vị	Tổng khối lượng
	(mm)	(mm)	(đốt)	(m)	(kg/m)	(kg)
Dây xích	8	160	45	7.200	0.395	2.844

MẶT CẮT NGANG CỘT THÉP

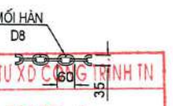
(TỶ LỆ: 1/20)



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHI TIẾT CẤU TẠO MÓC XÍCH

(TỶ LỆ: 1/20)



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi theo đơn vị mm.
- Cột thép và dây xích được mạ kẽm chống gỉ sét.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI CHI TIẾT LAN CAN DÂY XÍCH ĐỈNH KÈ NẮN SUỐI
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: KĐ - 04
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

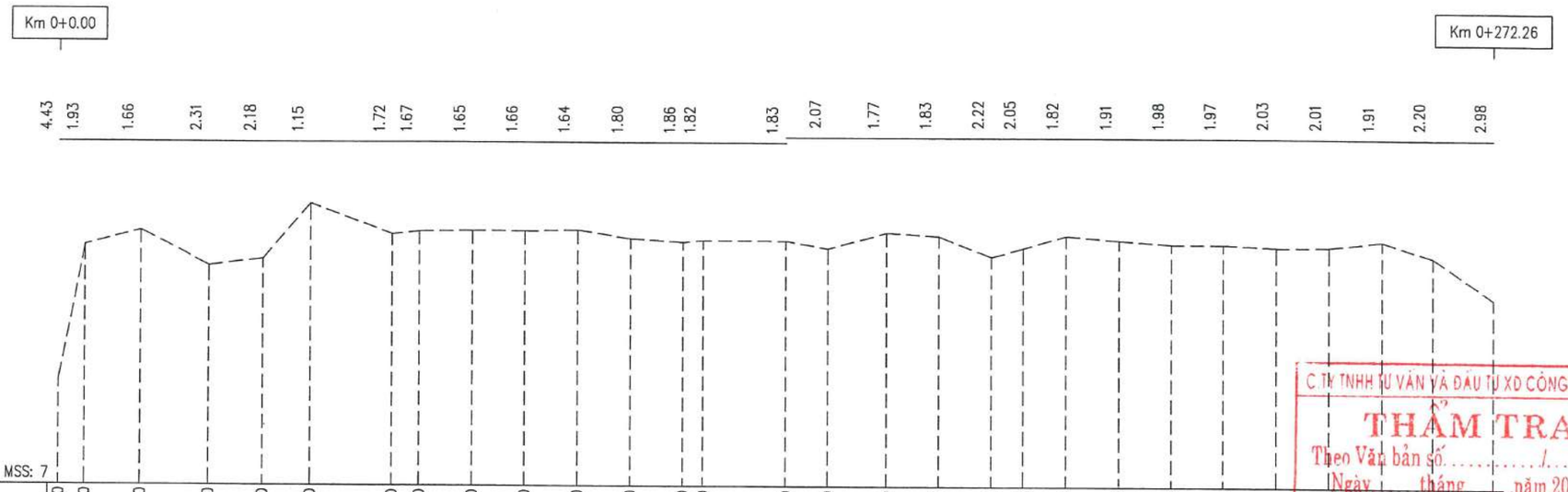
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

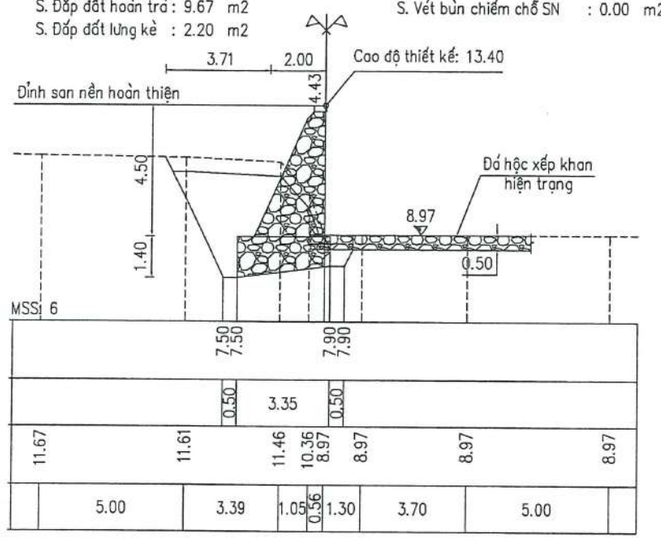


| | | |

Cọc KT1 Km 0 + 0.00

S. Vét bùn : 2.74 m2
S. Đào đất C3 : 14.05 m2
S. Đào đá hộc : 0.74 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 9.67 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.20 m2

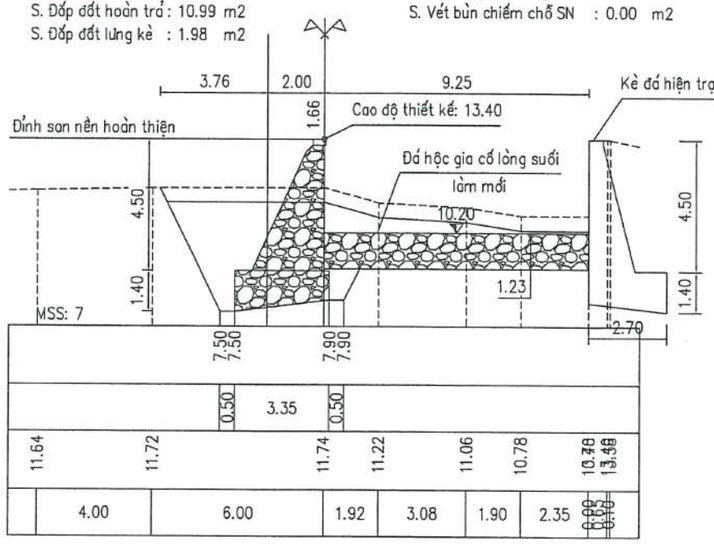
S. Xây đá móng kè : 4.02 m2
S. Xây đá thân kè : 6.61 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.74 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KT3 Km 0 + 15.96

S. Vét bùn : 7.44 m2
S. Đào đất C3 : 32.29 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 10.99 m2
S. Đắp đất lưng kè : 1.98 m2

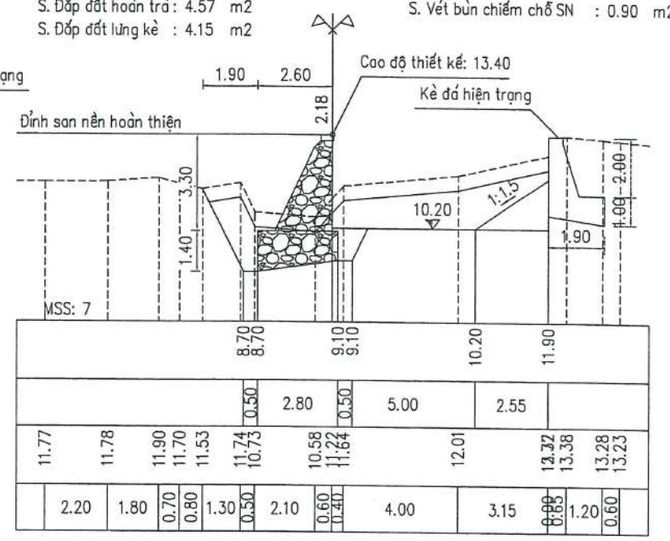
S. Xây đá móng kè : 4.02 m2
S. Xây đá thân kè : 6.61 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 11.38 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KT5 Km 0 + 38.72

S. Vét bùn : 5.97 m2
S. Đào đất C3 : 14.77 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 4.57 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.15 m2

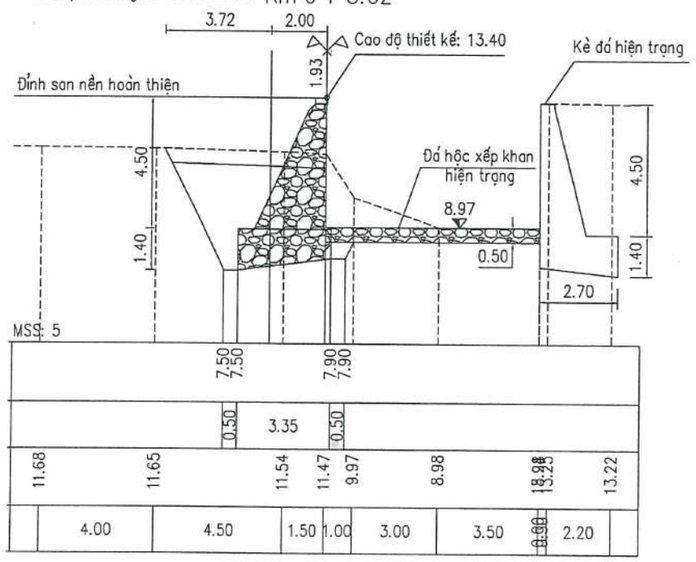
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.90 m2



Cọc KT2 Km 0 + 5.02

S. Vét bùn : 5.34 m2
S. Đào đất C3 : 16.08 m2
S. Đào đá hộc : 0.49 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 9.53 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.12 m2

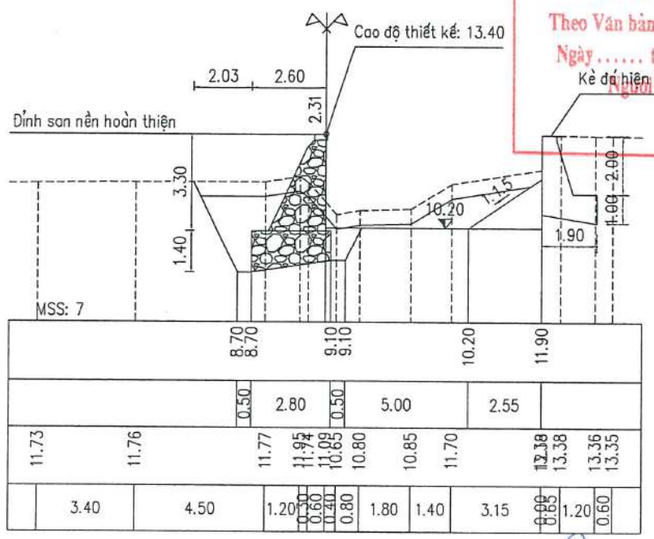
S. Xây đá móng kè : 4.02 m2
S. Xây đá thân kè : 6.61 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.77 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KT4 Km 0 + 28.72

S. Vét bùn : 5.98 m2
S. Đào đất C3 : 13.04 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 6.48 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.87 m2

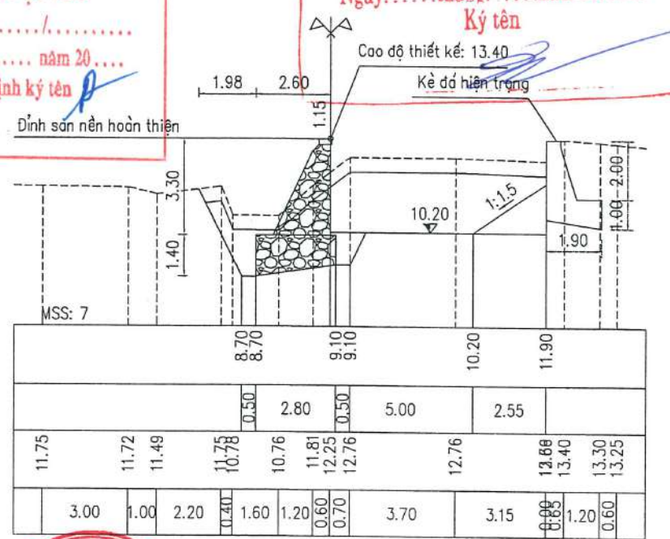
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.95 m2



Cọc KT6 Km 0 + 47.98

S. Vét bùn : 6.01 m2
S. Đào đất C3 : 20.96 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 4.22 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.08 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.93 m2



C.TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

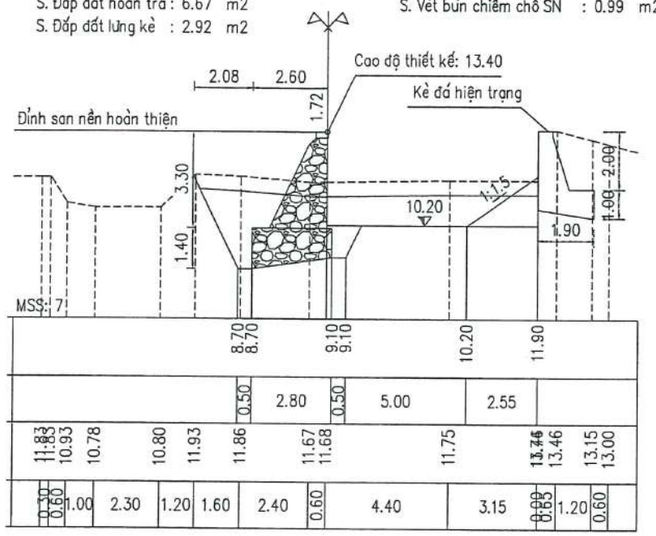
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ TRÁI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT-TN: 01/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Cọc KT7
Km 0 + 63.48

S. Vét bùn : 6.07 m2
S. Đào đất C3 : 15.86 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 6.67 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.92 m2

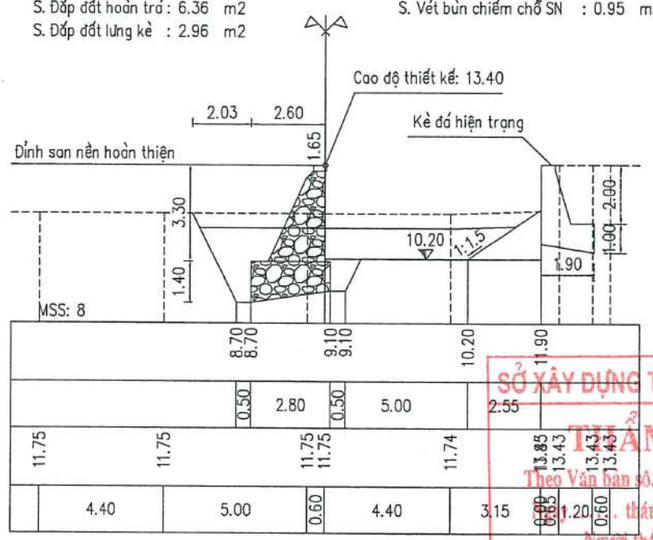
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.99 m2



Cọc KT9
Km 0 + 78.72

S. Vét bùn : 5.79 m2
S. Đào đất C3 : 15.96 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 6.36 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.96 m2

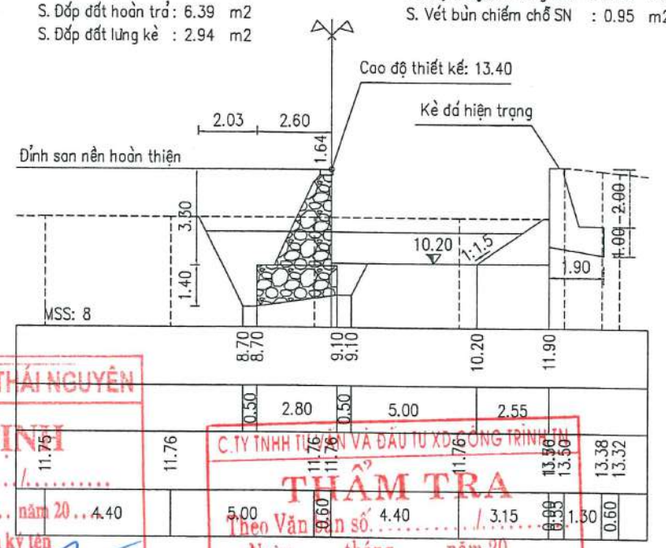
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.95 m2



Cọc KT11
Km 0 + 98.72

S. Vét bùn : 5.73 m2
S. Đào đất C3 : 15.96 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 6.39 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.94 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.95 m2



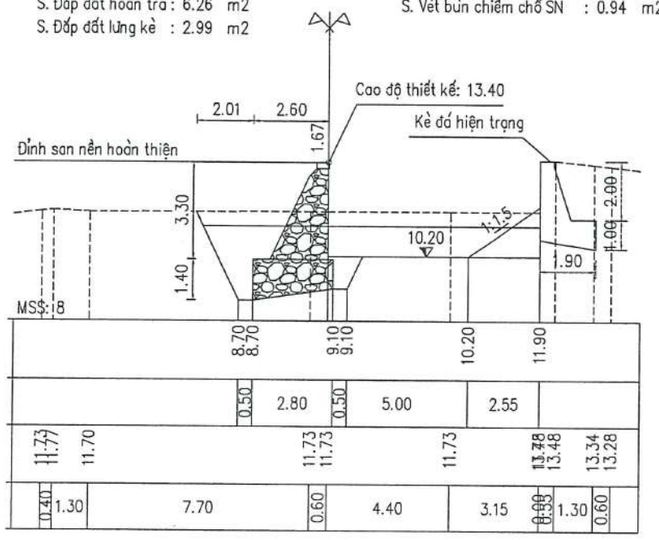
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20...
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Cọc KT8
Km 0 + 68.72

S. Vét bùn : 6.02 m2
S. Đào đất C3 : 15.86 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 6.26 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.99 m2

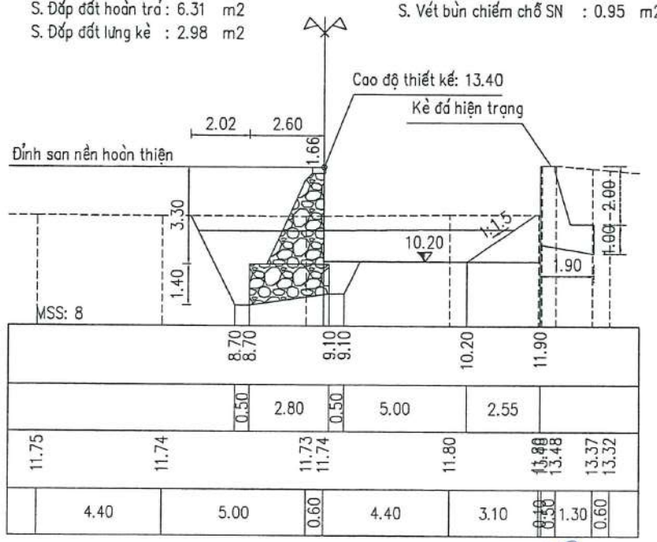
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.94 m2



Cọc KT10
Km 0 + 88.72

S. Vét bùn : 5.76 m2
S. Đào đất C3 : 16.01 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 6.31 m2
S. Đắp đất lưng kè : 2.98 m2

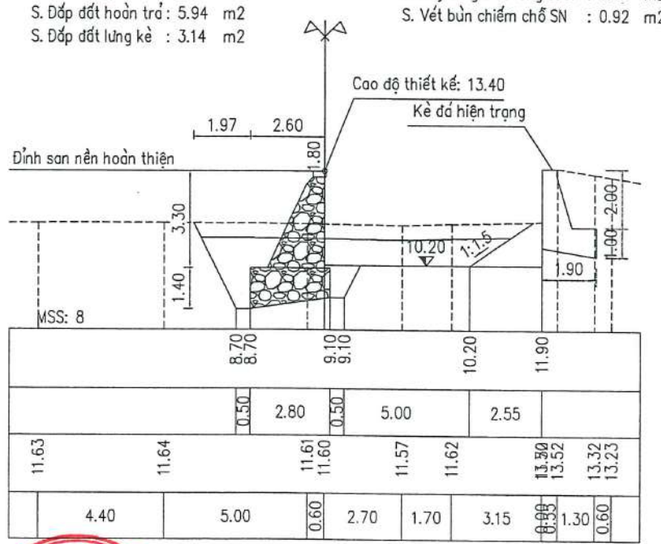
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.95 m2



Cọc KT12
Km 0 + 108.72

S. Vét bùn : 5.64 m2
S. Đào đất C3 : 14.28 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.94 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.14 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.92 m2



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THU	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

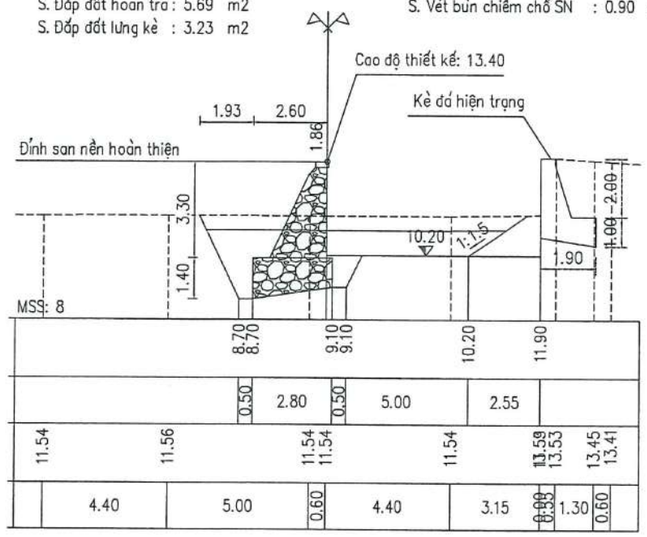
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ TRÁI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT-TN: 02/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Cọc KT13
Km 0 + 118.72

S. Vét bùn : 5.55 m2
S. Đào đất C3 : 13.45 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.69 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.23 m2

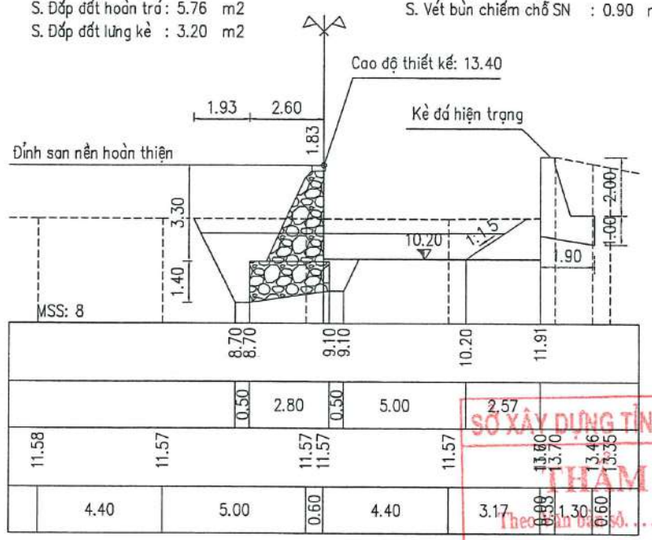
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.90 m2



Cọc KT15
Km 0 + 138.08

S. Vét bùn : 5.56 m2
S. Đào đất C3 : 13.75 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.76 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.20 m2

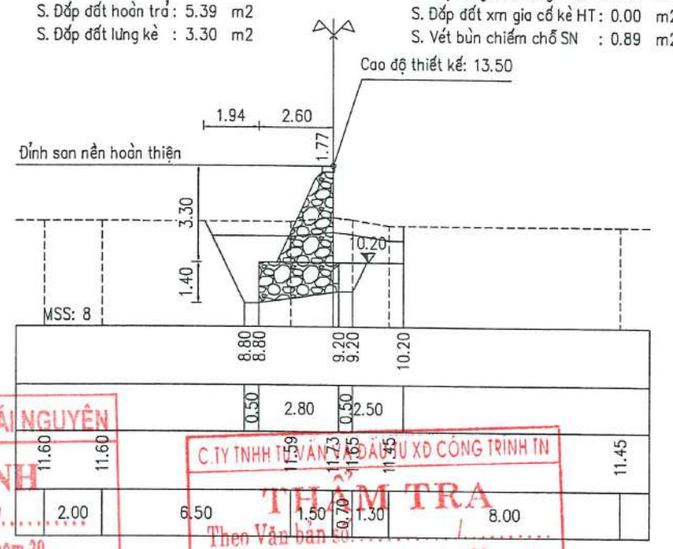
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.90 m2



Cọc KT17
Km 0 + 157.32

S. Vét bùn : 3.44 m2
S. Đào đất C3 : 11.12 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.39 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.30 m2

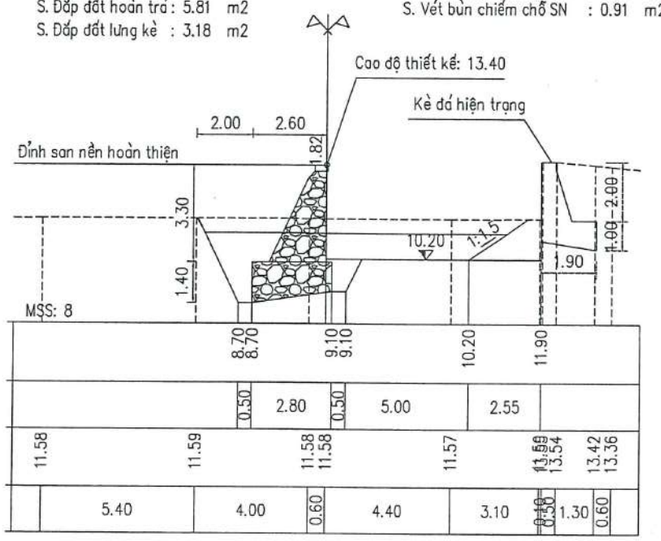
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.89 m2



Cọc KT14
Km 0 + 122.58

S. Vét bùn : 5.56 m2
S. Đào đất C3 : 13.81 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.81 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.18 m2

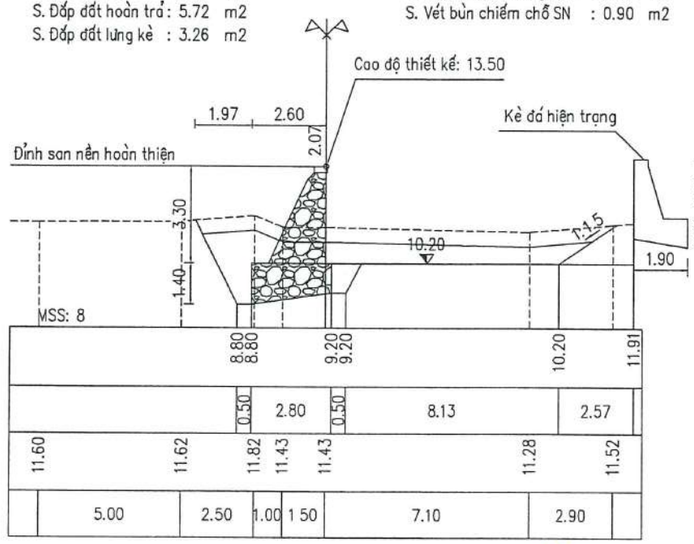
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.91 m2



Cọc KT16
Km 0 + 146.18

S. Vét bùn : 7.05 m2
S. Đào đất C3 : 14.09 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.72 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.26 m2

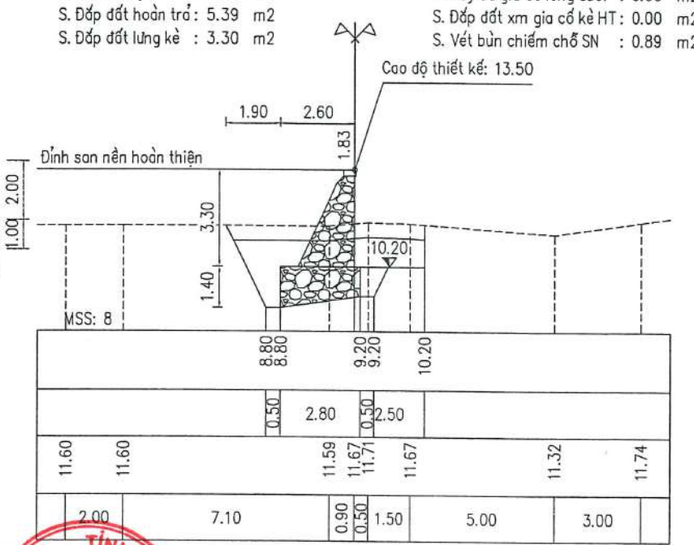
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.90 m2



Cọc KT18
Km 0 + 167.32

S. Vét bùn : 3.44 m2
S. Đào đất C3 : 11.34 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.39 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.30 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.89 m2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

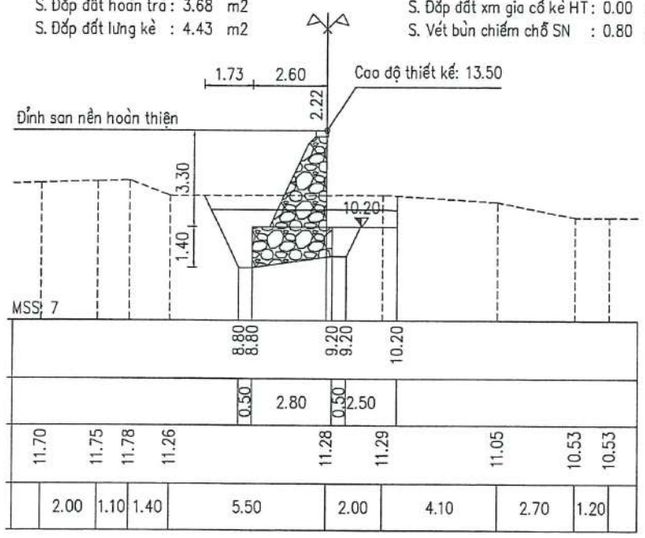
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ TRÁI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT-TN: 03/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc KT19 Km 0 + 177.32

S. Vét bùn : 3.35 m2
S. Đào đất C3 : 8.94 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 3.68 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.43 m2

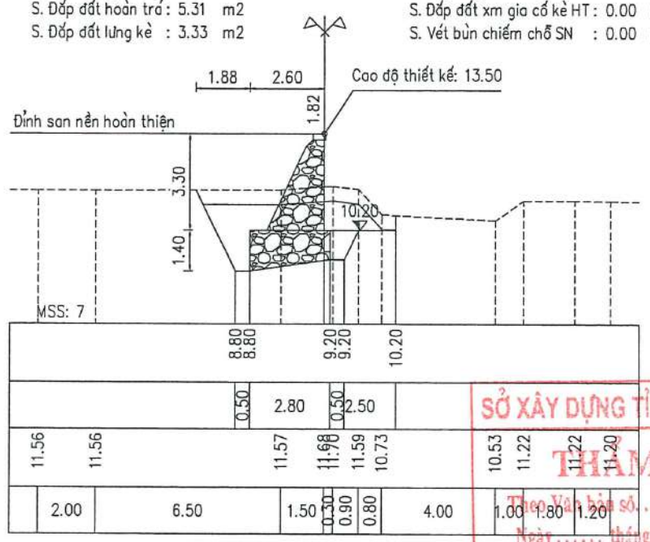
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.80 m2



Coc KT21 Km 0 + 191.32

S. Vét bùn : 3.43 m2
S. Đào đất C3 : 10.31 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.31 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.33 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2

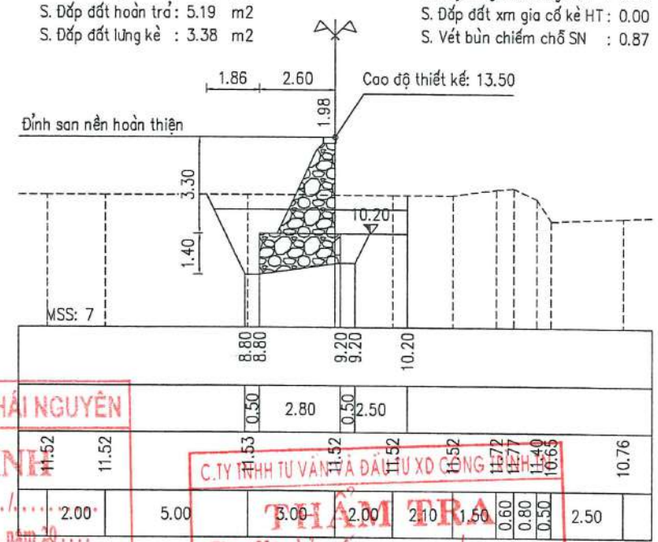


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

Coc KT23 Km 0 + 211.32

S. Vét bùn : 3.42 m2
S. Đào đất C3 : 10.59 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.19 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.38 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.87 m2

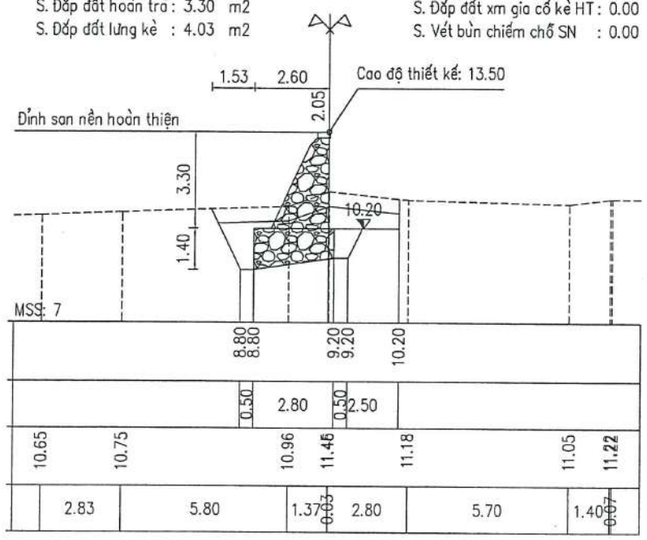


C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Coc KT20 Km 0 + 183.29

S. Vét bùn : 3.25 m2
S. Đào đất C3 : 8.04 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 3.30 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.03 m2

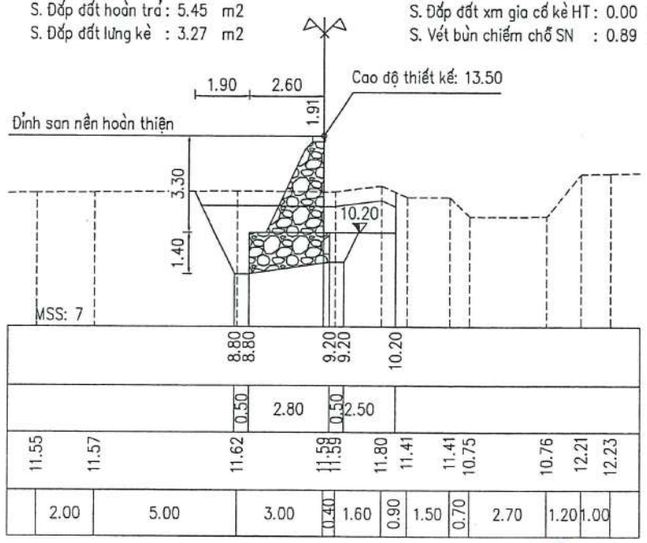
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Coc KT22 Km 0 + 201.32

S. Vét bùn : 3.44 m2
S. Đào đất C3 : 11.32 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.45 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.27 m2

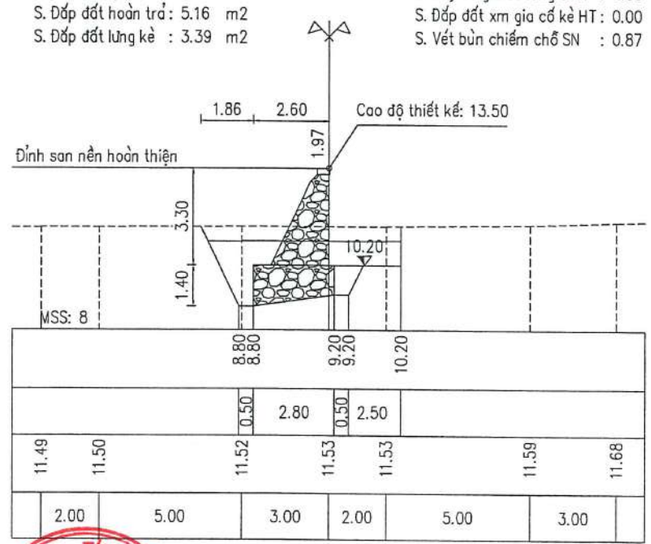
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.89 m2



Coc KT24 Km 0 + 221.32

S. Vét bùn : 3.42 m2
S. Đào đất C3 : 10.58 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.16 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.39 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.87 m2



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

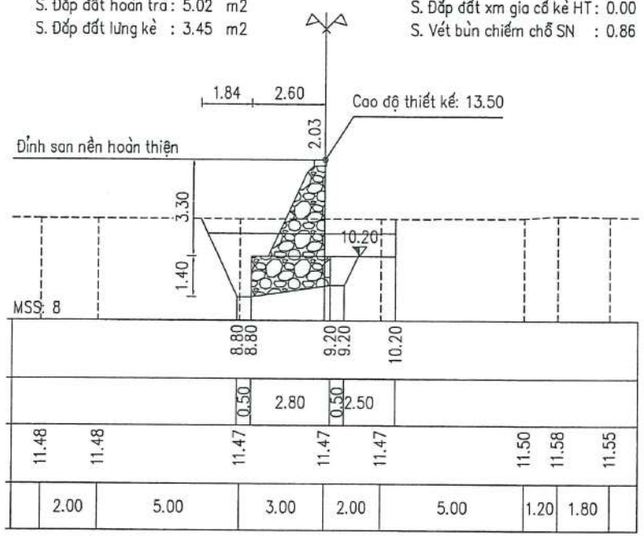
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ TRÁI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT-TN: 04/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Cọc KT25
Km 0 + 231.32

S. Vét bùn : 3.41 m2
S. Đào đất C3 : 10.23 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.02 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.45 m2

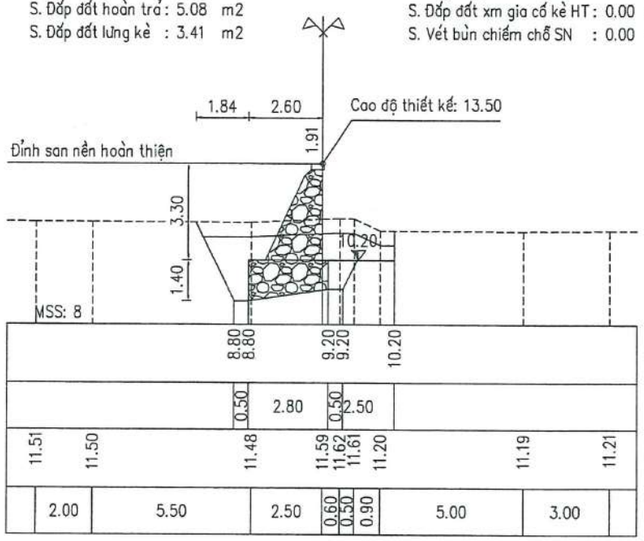
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.86 m2



Cọc KT27
Km 0 + 251.32

S. Vét bùn : 3.41 m2
S. Đào đất C3 : 10.37 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.08 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.41 m2

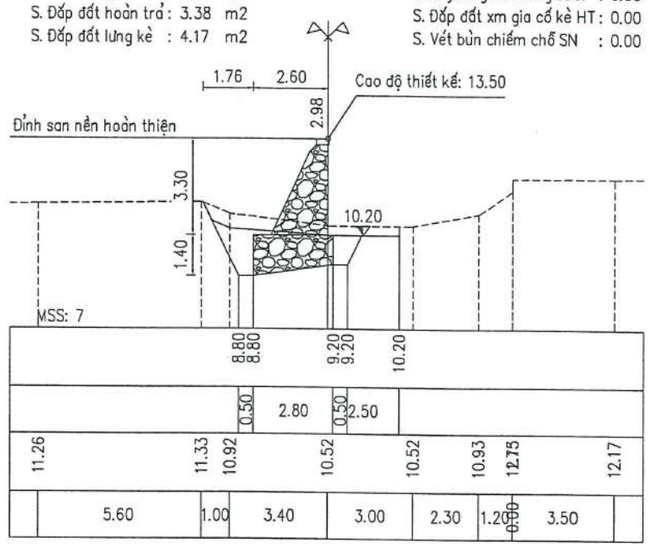
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KT29
Km 0 + 272.26

S. Vét bùn : 2.59 m2
S. Đào đất C3 : 5.84 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 3.38 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.17 m2

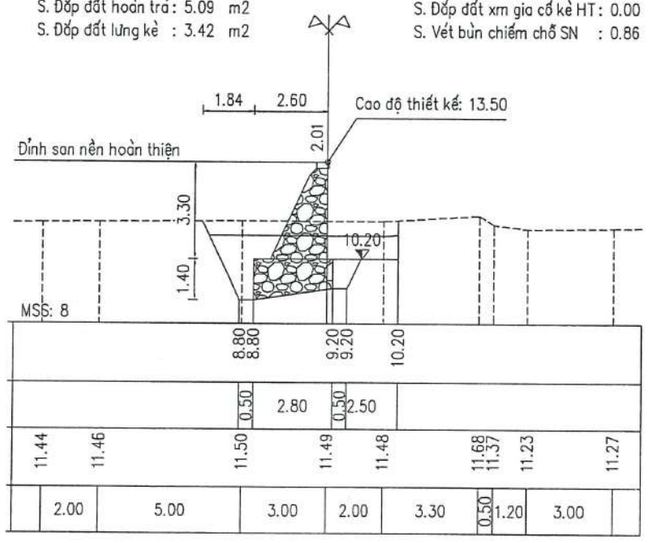
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KT26
Km 0 + 241.32

S. Vét bùn : 3.41 m2
S. Đào đất C3 : 10.40 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.09 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.42 m2

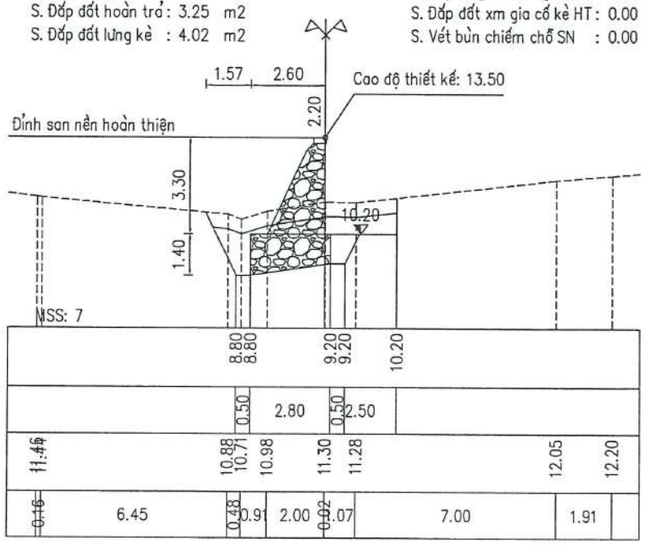
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.86 m2



Cọc KT28
Km 0 + 260.95

S. Vét bùn : 3.27 m2
S. Đào đất C3 : 6.44 m2
S. Đào đá hộc : 0.00 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 3.25 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.02 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ TRÁI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT-TN: 05/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG - KETRAI

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích									Khối lượng								
			S. Vét bùn	S. Đào đất C3	S. Đào đá hộc	S. Đắp đất hoàn trả	S. Đắp đất lưng kè	S. Xây đá móng kè	S. Xây đá thân kè	S. Xây đá gia cố lòng suối	S. Vét bùn chiếm chỗ SN	S. Vét bùn	S. Đào đất C3	S. Đào đá hộc	S. Đắp đất hoàn trả	S. Đắp đất lưng kè	S. Xây đá móng kè	S. Xây đá thân kè	S. Xây đá gia cố lòng suối	S. Vét bùn chiếm chỗ SN
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	KT1		2.74	14.05	0.74	9.67	2.20	4.02	6.61	0.74	-									
		5.02										20.28	75.63	3.09	48.19	10.84	20.18	33.18	3.79	-
2	KT2		5.34	16.08	0.49	9.53	2.12	4.02	6.61	0.77	-									
		10.94										69.91	264.58	2.68	112.24	22.43	43.98	72.31	66.46	-
3	KT3		7.44	32.29	-	10.99	1.98	4.02	6.61	11.38	-									
		12.76										85.62	289.21	-	111.46	30.94	47.08	67.12	-	6.06
4	KT4		5.98	13.04	-	6.48	2.87	3.36	3.91	-	0.95									
		10.00										59.75	139.05	-	55.25	35.10	33.60	39.10	-	9.25
5	KT5		5.97	14.77	-	4.57	4.15	3.36	3.91	-	0.90									
		9.26										55.47	165.43	-	40.70	38.10	31.11	36.21	-	8.47
6	KT6		6.01	20.96	-	4.22	4.08	3.36	3.91	-	0.93									
		15.50										Khối lượng tính trong phần cống hộp tuyến giao thông Tuyến 2								
7	KT7		6.07	15.86	-	6.67	2.92	3.36	3.91	-	0.99									
		5.24										31.68	82.37	-	33.88	15.48	17.61	20.49	-	5.06
8	KT8		6.02	15.58	-	6.26	2.99	3.36	3.91	-	0.94									
		10.00										59.05	157.70	-	63.10	29.75	33.60	39.10	-	9.45
9	KT9		5.79	15.96	-	6.36	2.96	3.36	3.91	-	0.95									
		10.00										57.75	159.85	-	63.35	29.70	33.60	39.10	-	9.50
10	KT10		5.76	16.01	-	6.31	2.98	3.36	3.91	-	0.95									
		10.00										57.45	159.85	-	63.50	29.60	33.60	39.10	-	9.50
11	KT11		5.73	15.96	-	6.39	2.94	3.36	3.91	-	0.95									
		10.00										56.85	151.20	-	61.65	30.40	33.60	39.10	-	9.35
12	KT12		5.64	14.28	-	5.94	3.14	3.36	3.91	-	0.92									
		10.00										55.95	138.65	-	58.15	31.85	33.60	39.10	-	9.10
13	KT13		5.55	13.45	-	5.69	3.23	3.36	3.91	-	0.90									
		3.86										21.44	52.61	-	22.20	12.37	12.97	15.09	-	3.49
14	KT14		5.56	13.81	-	5.81	3.18	3.36	3.91	-	0.91									
		15.50										Khối lượng tính trong phần cống hộp tuyến giao thông Tuyến 3								
15	KT15		5.56	13.75	-	5.76	3.20	3.36	3.91	-	0.90									
		8.10										51.07	112.75	-	46.49	26.16	27.22	31.67	-	7.29
16	KT16		7.05	14.09	-	5.72	3.26	3.36	3.91	-	0.90									
		11.14										58.43	140.42	-	61.88	36.54	37.43	43.56	-	9.90
17	KT17		3.44	11.12	-	5.39	3.30	3.36	3.91	-	0.89									
		10.00										34.40	112.30	-	53.90	33.00	33.60	39.10	-	8.90
18	KT18		3.44	11.34	-	5.39	3.30	3.36	3.91	-	0.89									
		10.00										33.95	101.40	-	45.35	38.65	33.60	39.10	-	8.45
19	KT19		3.35	8.94	-	3.68	4.43	3.36	3.91	-	0.80									
		5.97										19.70	50.69	-	20.84	25.25	20.06	23.34	-	2.39
20	KT20		3.25	8.04	-	3.30	4.03	3.36	3.91	-	-									
		8.03										26.82	73.68	-	34.57	29.55	26.98	31.40	-	
21	KT21		3.43	10.31	-	5.31	3.33	3.36	3.91	-	-									
		10.00										34.35	108.15	-	53.80	33.00	33.60	39.10	-	4.45
22	KT22		3.44	11.32	-	5.45	3.27	3.36	3.91	-	0.89									
		10.00										34.30	109.55	-	53.20	33.25	33.60	39.10	-	8.80
23	KT23		3.42	10.59	-	5.19	3.38	3.36	3.91	-	0.87									
		10.00										34.20	105.85	-	51.75	33.85	33.60	39.10	-	8.70
24	KT24		3.42	10.58	-	5.16	3.39	3.36	3.91	-	0.87									
		10.00										34.15	104.05	-	50.90	34.20	33.60	39.10	-	8.65
25	KT25		3.41	10.23	-	5.02	3.45	3.36	3.91	-	0.86									
		10.00										34.10	103.15	-	50.55	34.35	33.60	39.10	-	8.60
26	KT26		3.41	10.40	-	5.09	3.42	3.36	3.91	-	0.86									
		10.00										34.10	103.85	-	50.85	34.15	33.60	39.10	-	4.30
27	KT27		3.41	10.37	-	5.08	3.41	3.36	3.91	-	-									
		9.63										32.16	80.94	-	40.11	35.78	32.36	37.65	-	-
28	KT28		3.27	6.44	-	3.25	4.02	3.36	3.91	-	-									
		11.30										33.11	69.38	-	37.46	46.27	37.97	44.18	-	-
29	KT29		2.59	5.84	-	3.38	4.17	3.36	3.91	-	-									
	Tổng	**241.25**										**1,126.04**	**3,212.28**	**5.77**	**1,385.31**	**790.58**	**825.34**	**1,003.61**	**70.25**	**159.73**

C.TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

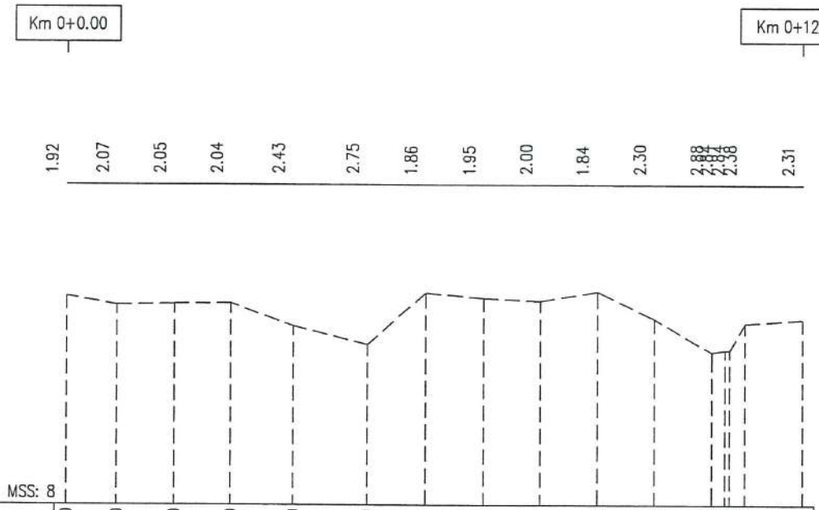
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
BẢNG KHỐI LƯỢNG KÈ NẮN SUỐI (KÈ TRÁI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT-BKL: 01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

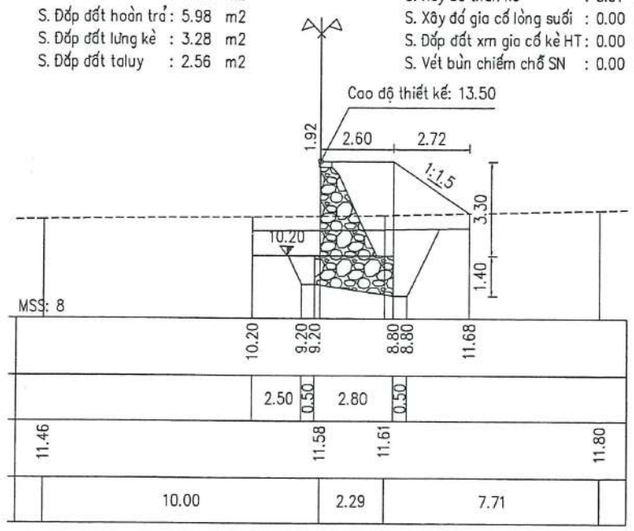

Km 0+0.00
Km 0+128.34
1.92
2.07
2.05
2.04
2.43
2.75
1.86
1.95
2.00
1.84
2.30
2.88
2.84
2.84
2.84
2.38
2.31

| | | |

Cọc KP15 Km 0 + 0.00

S. Vét bùn : 3.95 m2
S. Đào đất C3 : 11.05 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.98 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.28 m2
S. Đắp đất taluy : 2.56 m2

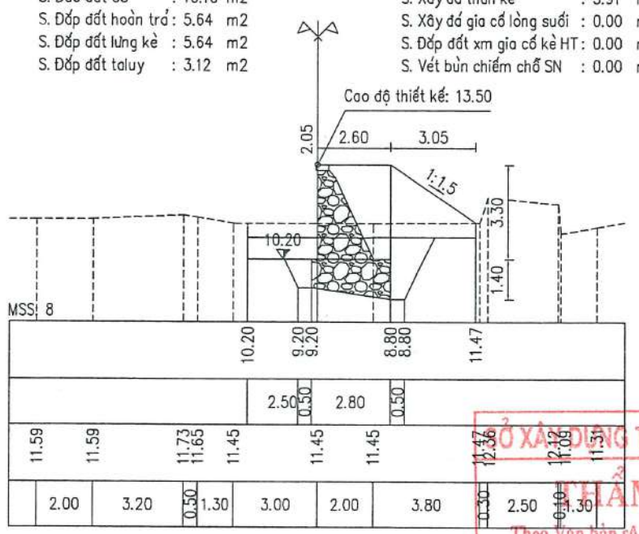
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP17 Km 0 + 18.73

S. Vét bùn : 4.07 m2
S. Đào đất C3 : 10.10 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.64 m2
S. Đắp đất lưng kè : 5.64 m2
S. Đắp đất taluy : 3.12 m2

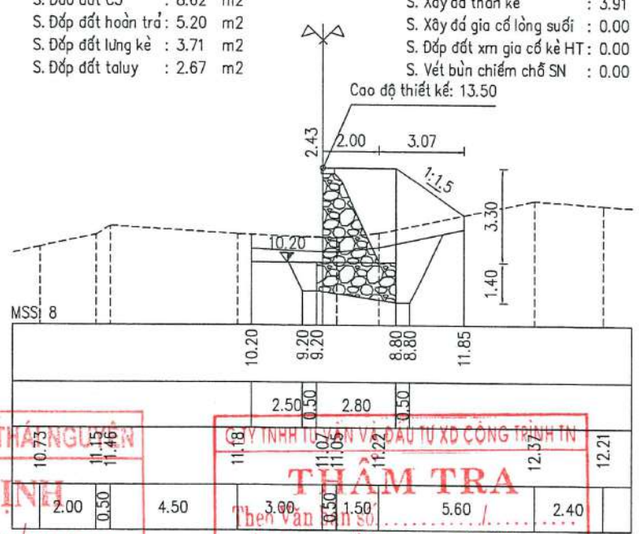
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP19 Km 0 + 39.71

S. Vét bùn : 3.79 m2
S. Đào đất C3 : 8.62 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.20 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.71 m2
S. Đắp đất taluy : 2.67 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



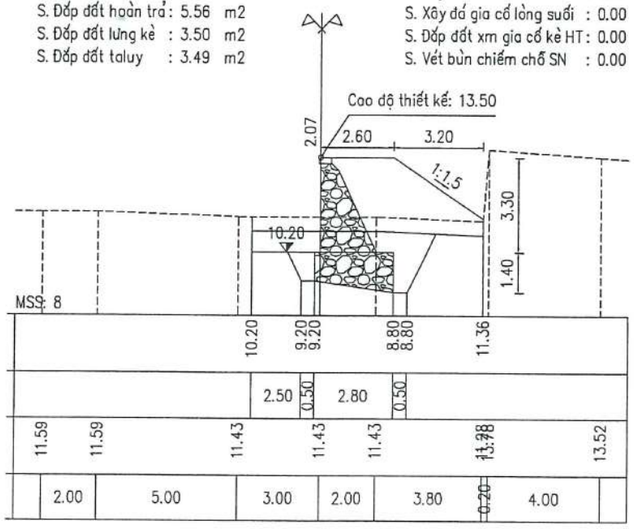
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ QUẢN LÝ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Cọc KP16 Km 0 + 8.73

S. Vét bùn : 4.15 m2
S. Đào đất C3 : 9.90 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.56 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.50 m2
S. Đắp đất taluy : 3.49 m2

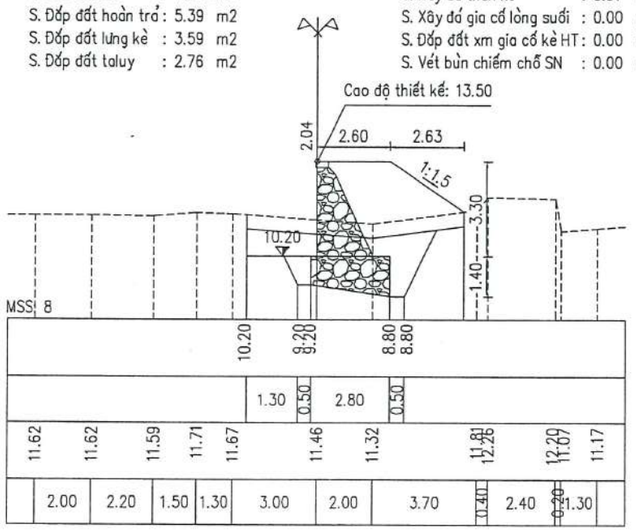
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP18 Km 0 + 28.73

S. Vét bùn : 3.86 m2
S. Đào đất C3 : 10.25 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.39 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.59 m2
S. Đắp đất taluy : 2.76 m2

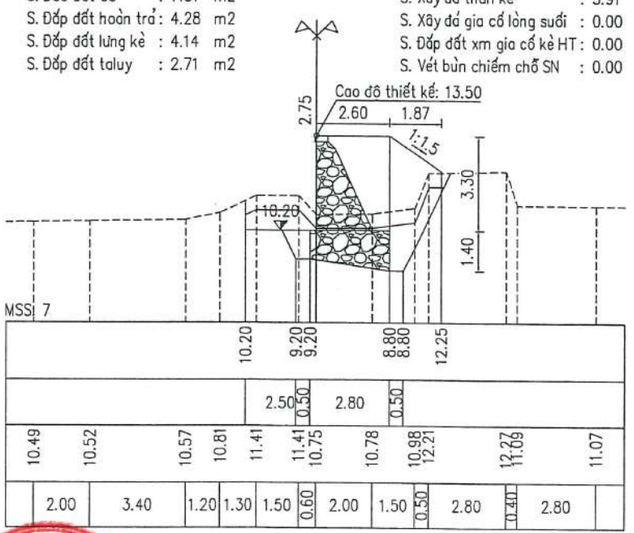
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP20 Km 0 + 52.73

S. Vét bùn : 3.59 m2
S. Đào đất C3 : 7.87 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 4.28 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.14 m2
S. Đắp đất taluy : 2.71 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025

KIỂM GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

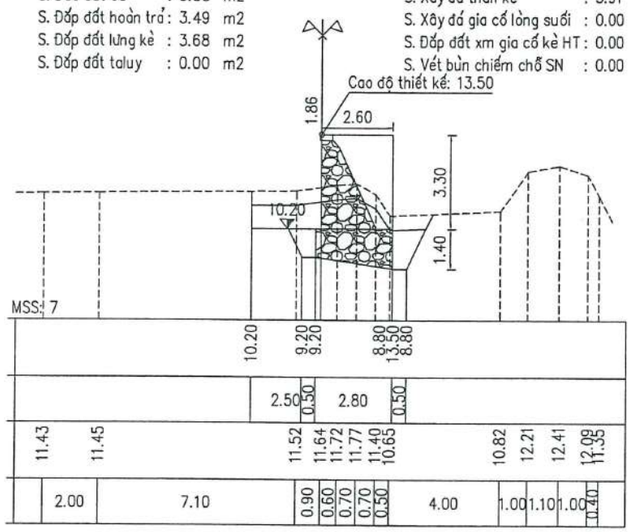
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ PHẢI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KP-TN: 01/03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Cọc KP21 Km 0 + 62.73

S. Vét bùn : 3.22 m2
S. Đào đất C3 : 9.38 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 3.49 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.68 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

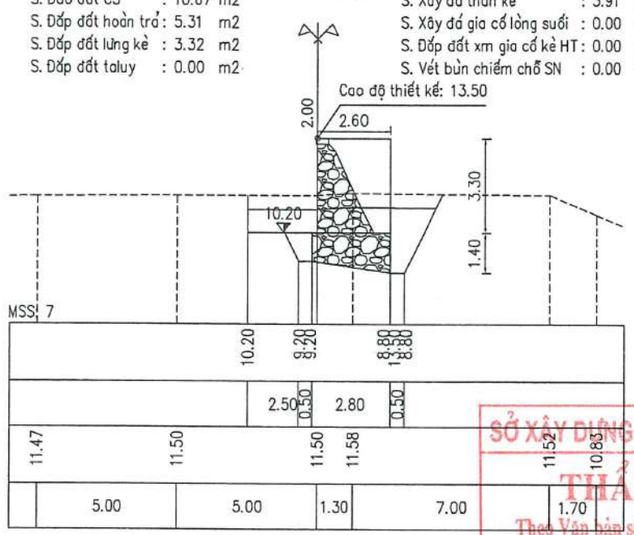
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP23 Km 0 + 82.73

S. Vét bùn : 3.43 m2
S. Đào đất C3 : 10.67 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.31 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.32 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

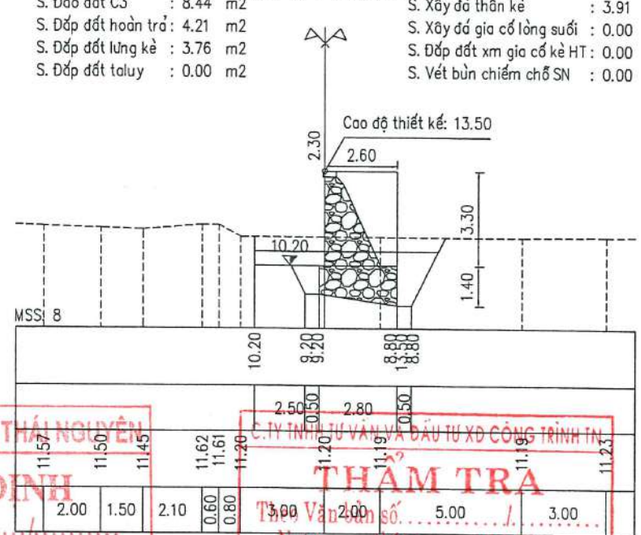
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP25 Km 0 + 102.73

S. Vét bùn : 3.34 m2
S. Đào đất C3 : 8.44 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 4.21 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.76 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



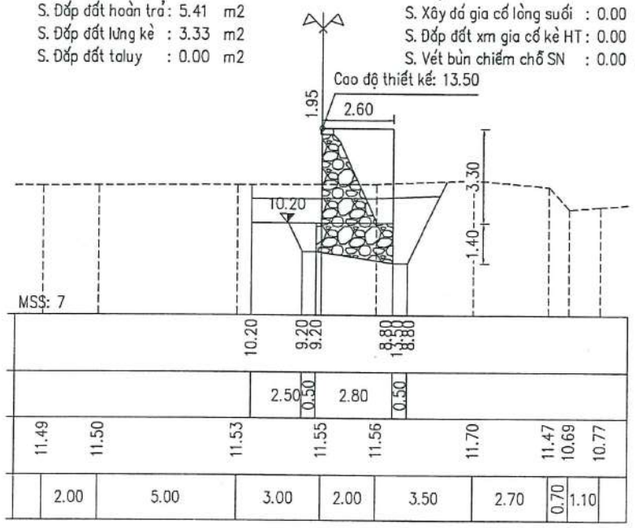
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Cọc KP22 Km 0 + 72.73

S. Vét bùn : 3.45 m2
S. Đào đất C3 : 10.86 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 5.41 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.33 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

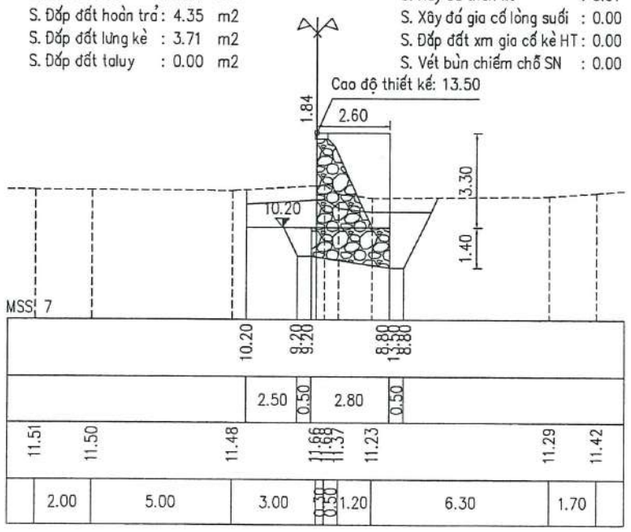
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP24 Km 0 + 92.73

S. Vét bùn : 3.35 m2
S. Đào đất C3 : 9.94 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 4.35 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.71 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

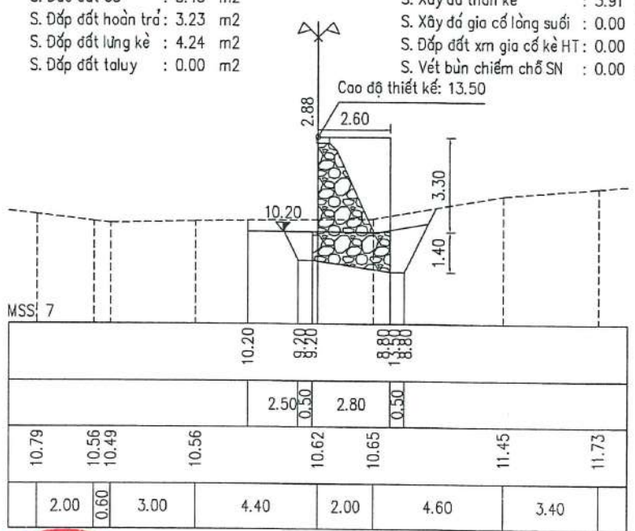
S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



Cọc KP26 Km 0 + 112.73

S. Vét bùn : 2.97 m2
S. Đào đất C3 : 5.45 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 3.23 m2
S. Đắp đất lưng kè : 4.24 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
KP. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

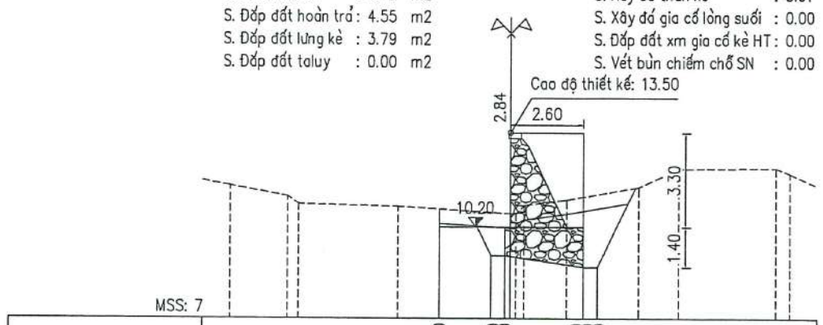
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI
TRẮC DỌC KÈ NẮN SUỐI (KÈ PHẢI)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KP-TN: 02/03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc KP27 Km 0 + 114.96

S. Vét bùn : 3.42 m2
S. Đào đất C3 : 7.18 m2
S. Đắp đất hoàn trả : 4.55 m2
S. Đắp đất lưng kè : 3.79 m2
S. Đắp đất taluy : 0.00 m2

S. Xây đá móng kè : 3.36 m2
S. Xây đá thân kè : 3.91 m2
S. Xây đá gia cố lòng suối : 0.00 m2
S. Đắp đất xm gia cố kè HT : 0.00 m2
S. Vét bùn chiếm chỗ SN : 0.00 m2



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG - KEPHAI

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích							Khối lượng						
			S. Vét bùn	S. Đào đất C3	S. Đắp đất hoàn trả	S. Đắp đất lưng kè	S. Đắp đất taluy	S. Xây đá móng kè	S. Xây đá thân kè	S. Vét bùn	S. Đào đất C3	S. Đắp đất hoàn trả	S. Đắp đất lưng kè	S. Đắp đất taluy	S. Xây đá móng kè	S. Xây đá thân kè
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	KP15	8.73	3.95	11.05	5.98	3.28	2.56	3.36	3.91	35.36	91.45	50.37	29.59	26.41	29.33	34.13
2	KP16	10.00	4.15	9.90	5.56	3.50	3.49	3.36	3.91	41.10	100.00	56.00	45.70	33.05	33.60	39.10
3	KP17	10.00	4.07	10.10	5.64	5.64	3.12	3.36	3.91	39.65	101.75	55.15	46.15	29.40	33.60	39.10
4	KP18	10.97	3.86	10.25	5.39	3.59	2.76	3.36	3.91	41.96	103.50	58.09	40.04	29.78	36.86	42.89
5	KP19	13.03	3.79	8.62	5.20	3.71	2.67	3.36	3.91	48.08	107.43	61.76	51.14	35.05	43.78	50.95
6	KP20	10.00	3.59	7.87	4.28	4.14	2.71	3.36	3.91	34.05	86.25	38.85	39.10	13.55	33.60	39.10
7	KP21	10.00	3.22	9.38	3.49	3.68	-	3.36	3.91	33.35	101.20	44.50	35.05	-	33.60	39.10
8	KP22	10.00	3.45	10.86	5.41	3.33	-	3.36	3.91	34.40	107.65	53.60	33.25	-	33.60	39.10
9	KP23	10.00	3.43	10.67	5.31	3.32	-	3.36	3.91	33.90	103.05	48.30	35.15	-	33.60	39.10
10	KP24	10.00	3.35	9.94	4.35	3.71	-	3.36	3.91	33.45	91.90	42.80	37.35	-	33.60	39.10
11	KP25	10.00	3.34	8.44	4.21	3.76	-	3.36	3.91	31.55	69.45	37.20	40.00	-	33.60	39.10
12	KP26	2.23	3.42	7.18	4.55	3.79	-	3.36	3.91	7.12	14.08	8.67	8.95	-	7.49	8.72
13	KP27	0.79	3.42	7.19	4.55	3.79	-	3.36	3.91	2.70	5.68	3.59	2.99	-	2.65	3.09
14	KP28	2.58	3.59	10.07	6.21	3.50	-	3.36	3.91	9.04	22.27	13.88	9.40	-	8.67	10.09
15	KP29	10.01	3.33	10.66	6.93	2.89	-	3.36	3.91	34.63	103.75	65.77	31.98	-	33.63	39.14
16	KP30															
	Tổng	128.34								460.36	1.209.41	626.64	485.56	167.24	[illegible]	601.31

CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 KIỂM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: KÈ NẮN SUỐI BẢNG KHỐI LƯỢNG KÈ NẮN SUỐI (KÈ PHẢI)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: KP-BKL: 01/01
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 9055/SXD-QLCHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
KIỂM TRA
Theo Văn bản số: 68/1.BC-Q
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

DANH MỤC BẢN VẼ HẠNG MỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	MẶT BẰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG	GT-01
2	MẶT BẰNG CÂY XANH - TỔ CHỨC ATGT	GT-02
3	TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN	GT-03
4	CHI TIẾT CẤU TẠO	GT-04, 05
5	CHI TIẾT HẠ HÈ, LỐI ĐI NGƯỜI KHUYẾT TẬT	GT-6A,B
6	CHI TIẾT VẠCH SƠN ATGT	GT-07
7	CHI TIẾT BIỂN BÁO ATGT	GT-08
8	CHI TIẾT DẢI PHÂN CÁCH MỀM DI ĐỘNG	GT-09
9	TRẮC DỌC TUYẾN 1	T1-TD:1,2
10	TRẮC NGANG TUYẾN 1	T1-TN:1,2...7
11	BẢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN 1	T1-BKL:1
12	TRẮC DỌC TUYẾN 2	T2-TD:1,2
13	TRẮC NGANG TUYẾN 2	T2-TN:1,2...7
14	BẢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN 2	T2-BKL:1
15	TRẮC DỌC TUYẾN 3	T3-TD:1,2
16	TRẮC NGANG TUYẾN 3	T3-TN:1,2...12
17	BẢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN 3	T3-BKL:1,2
18	TRẮC DỌC TUYẾN 4	T4-TD:1
19	TRẮC NGANG TUYẾN 4	T4-TN:1,2...5
20	BẢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN 4	T4-BKL:1
21	TRẮC DỌC TUYẾN 5	T5-TD:1
22	TRẮC NGANG TUYẾN 5	T5-TN:1,2....4
23	BẢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN 5	T5-BKL:1

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
24	TRẮC DỌC TUYẾN 6	T6-TD:1,2
25	TRẮC NGANG TUYẾN 6	T6-TN:1,2...10
26	BẢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN 6	T6-BKL:1,2
27	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN	GT-10A,B,C,D
28	CHI TIẾT NÚT GIAO N1	GT-11
29	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N1	GT-12
30	CHI TIẾT NÚT GIAO N2	GT-13
31	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N2	GT-14
32	CHI TIẾT NÚT GIAO N3	GT-15
33	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N3	GT-16
34	CHI TIẾT NÚT GIAO N4	GT-17
35	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N4	GT-18
36	CHI TIẾT NÚT GIAO N5	GT-19
37	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N5	GT-20
38	CHI TIẾT NÚT GIAO N6	GT-21
39	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N6	GT-22
40	CHI TIẾT NÚT GIAO N7	GT-23
41	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N7	GT-24
42	CHI TIẾT NÚT GIAO N8	GT-25
43	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N8	GT-26
44	CHI TIẾT NÚT GIAO N9	GT-27
45	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N9	GT-28
46	CHI TIẾT NÚT GIAO N10	GT-29

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
47	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N10	GT-30
48	CHI TIẾT NÚT GIAO N11	GT-31
49	KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N11	GT-32
50	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO	GT-33A,B
51	BÃI ĐỖ XE	GT-34
52	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 2	CH_T2: 01
53	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 2	CH_T2: 02
54	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 2	CH_T2: 03
55	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 2	CH_T2: 04
56	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 3	CH_T3: 01
57	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 3	CH_T3: 02
58	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 3	CH_T3: 03
59	BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP TUYẾN 3	CH_T3: 04
60	CHI TIẾT CỐNG HỘP BXH = 2mx2m	CT_CH: 01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

BỐ TRÍ CỐNG HỘP BXH = 2X2M

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

BỐ TRÍ CỐNG HỘP BXH = 2X2M

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHỔ BÌNH)

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 1-1

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 2-2

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 3-3

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4055/SXD-QLCTHTĐT
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN ... CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 /BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 / BẢN VẼ SỐ: GT:01
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
TRẦN HỮU BẮC

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

BỐ TRÍ CỐNG HỘP BXH = 2X2M

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

BỐ TRÍ CỐNG HỘP BXH = 2X2M

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC XÃ PHÚ THỊNH HUYỆN PHÚ BÌNH (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHÚ BÌNH)

TUYẾN 1 TUYẾN 2 TUYẾN 3 TUYẾN 4 TUYẾN 5 TUYẾN 6

Ruộng lúa

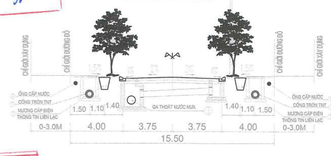
Đường bê tông

Suối

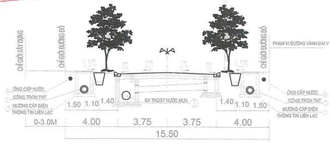
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 1-1



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 2-2



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH 3-3



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4955/SXD-QLCHXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/...-TC
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

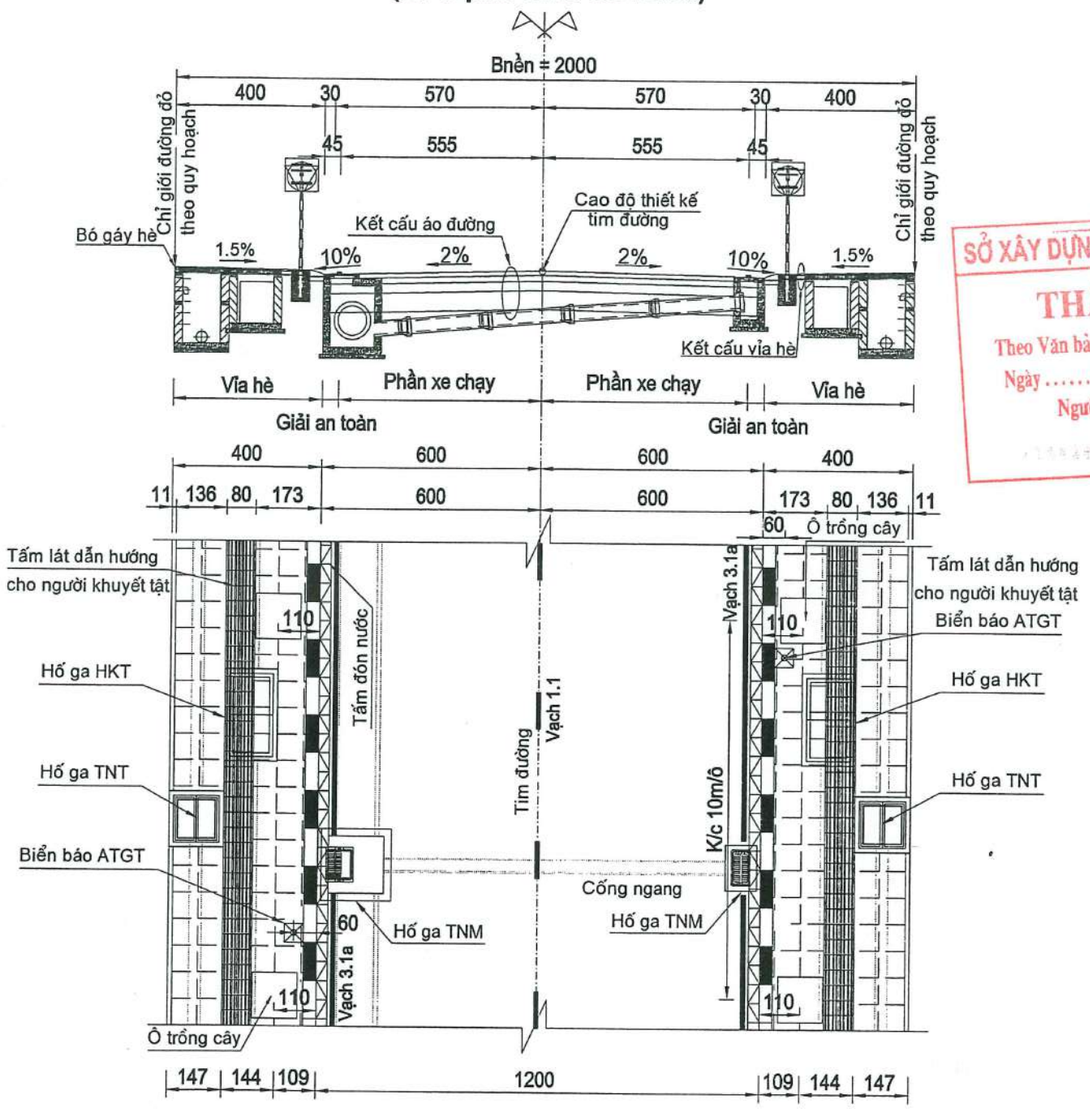
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

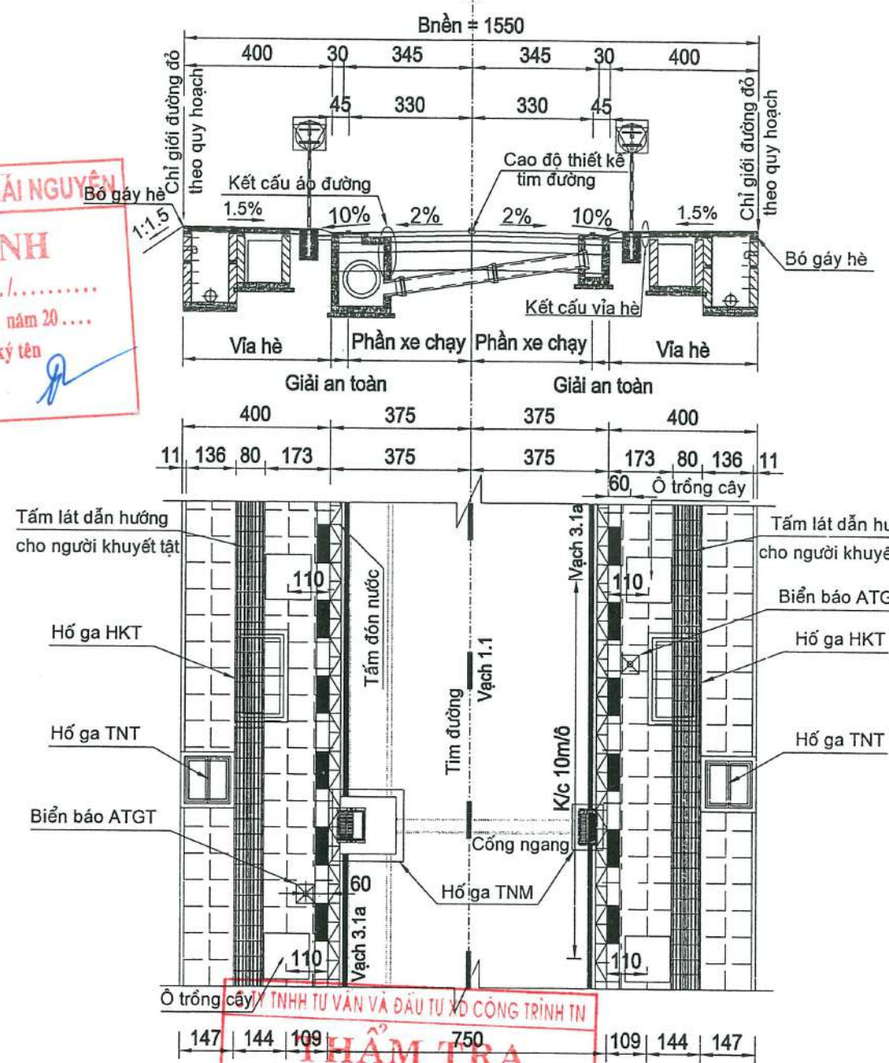
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
MẶT BẰNG CÂY XANH - TỔ CHỨC ATGT

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: GT:02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT 1-1
(ÁP DỤNG CHO TUYẾN 6)



MẶT CẮT 2- 2; 3-3
(ÁP DỤNG CHO CÁC TUYẾN 1,2,3,4,5)



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:
- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

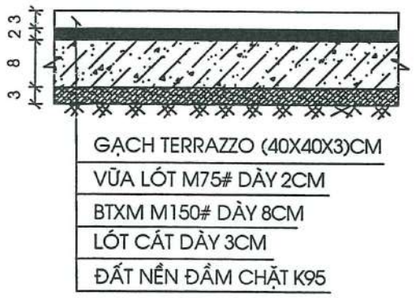
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN

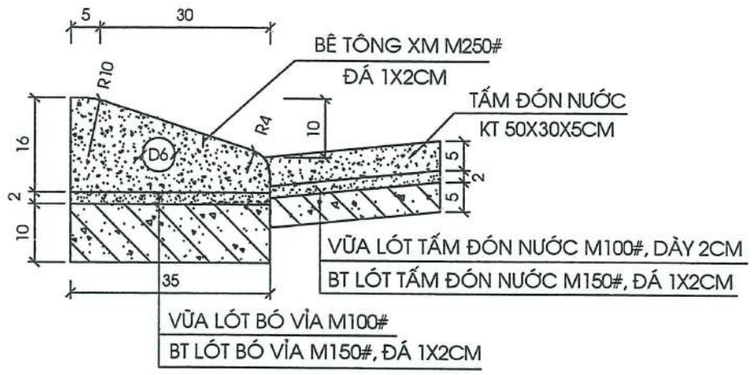
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT CẤU TẠO

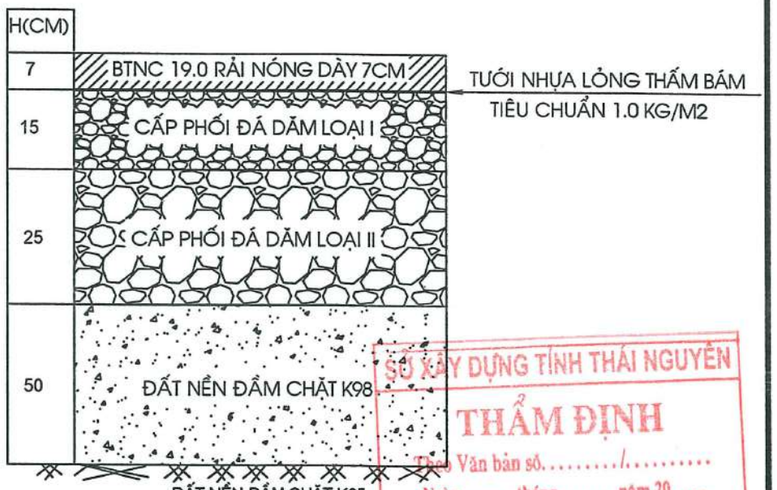
CHI TIẾT KẾT CẤU VỈA HÈ



MẶT CẮT NGANG BÓ VỈA



KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG NHỰA



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

KHỐI LƯỢNG TÍNH 1M2 LÁT VỈA HÈ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	GẠCH TERRAZZO KT (40X40)CM, DÀY 3CM	VIÊN	6.25	
2	VỮA LÓT M75# DÀY 2CM	M3	0.02	KẾT DÍNH VÀ TẠO PHẲNG
3	BTXM M150# DÀY 8CM	M3	0.08	
4	LÓT CÁT DÀY 3CM	M3	0.03	TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI ĐỔ BT

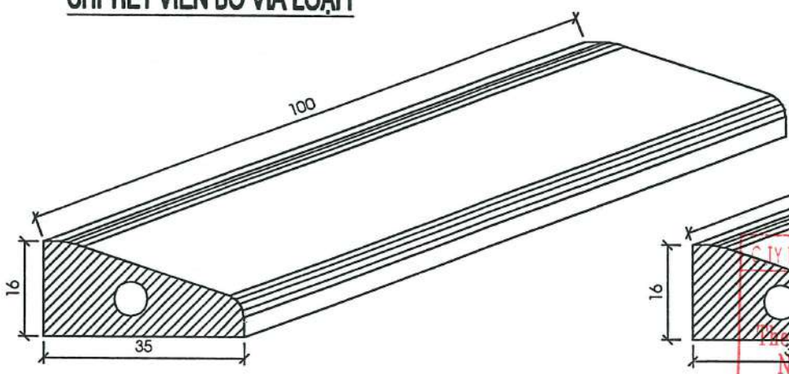
KHỐI LƯỢNG VL CHO 1M VỈA LOẠI I (35X16X100)

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	LẮP ĐẶT VIÊN BÓ VỈA 35X16X100	SL	1	
2	BTXM BÓ VỈA M250# ĐÁ 1X2	M3	0.038	
3	VÁN KHUÔN VIÊN BÓ VỈA	M2	0.93	
4	VỮA XM M100# LÓT BÓ VỈA DÀY 2CM	M3	0.007	KẾT DÍNH VÀ TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI LẮP
5	BÊ TÔNG XM MÓNG M150# ĐÁ 1X2	M3	0.035	MÓNG ĐỆM
6	VÁN KHUÔN MÓNG BÓ VỈA	M2	0.2	

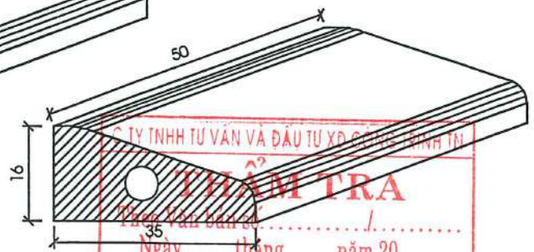
KHỐI LƯỢNG VL CHO 1M VỈA LOẠI II (35X16X50)

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	LẮP ĐẶT VIÊN BÓ VỈA 35X16X50	SL	2	
2	BTXM BÓ VỈA M250# ĐÁ 1X2	M3	0.038	
3	VÁN KHUÔN VIÊN BÓ VỈA	M2	0.93	
4	VỮA XM M100# LÓT BÓ VỈA DÀY 2CM	M3	0.007	KẾT DÍNH VÀ TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI LẮP
5	BÊ TÔNG XM MÓNG M150# ĐÁ 1X2	M3	0.035	MÓNG ĐỆM
6	VÁN KHUÔN MÓNG BÓ VỈA	M2	0.2	

CHI TIẾT VIÊN BÓ VỈA LOẠI I



CHI TIẾT VIÊN BÓ VỈA LOẠI II



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

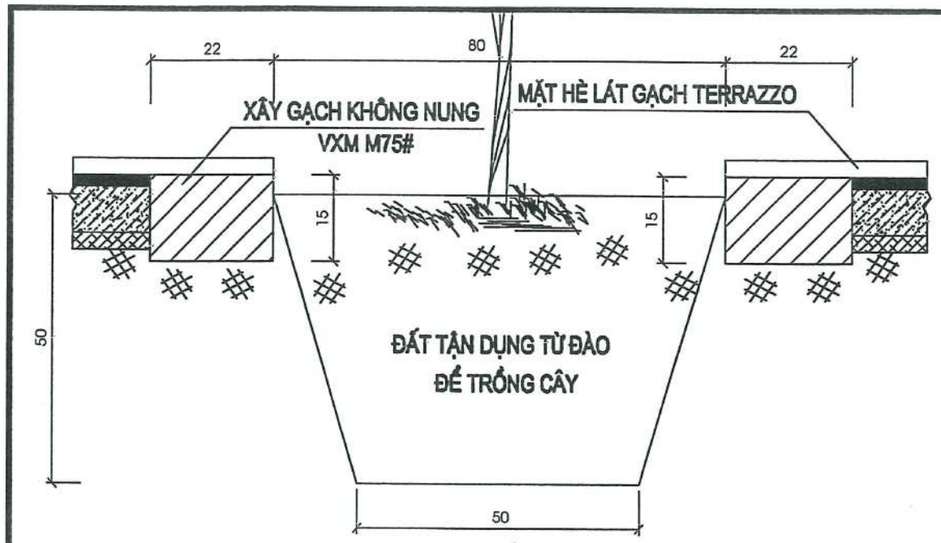
GHI CHÚ:
- Mặt đường cấp cao A1. Kết cấu áo đường mềm đường thiết kế dựa trên tiêu chuẩn TCCS 38:2022/TCĐBVN
- Bó vỉa loại I dùng trong đường thẳng, loại II dùng trong đường cong
- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

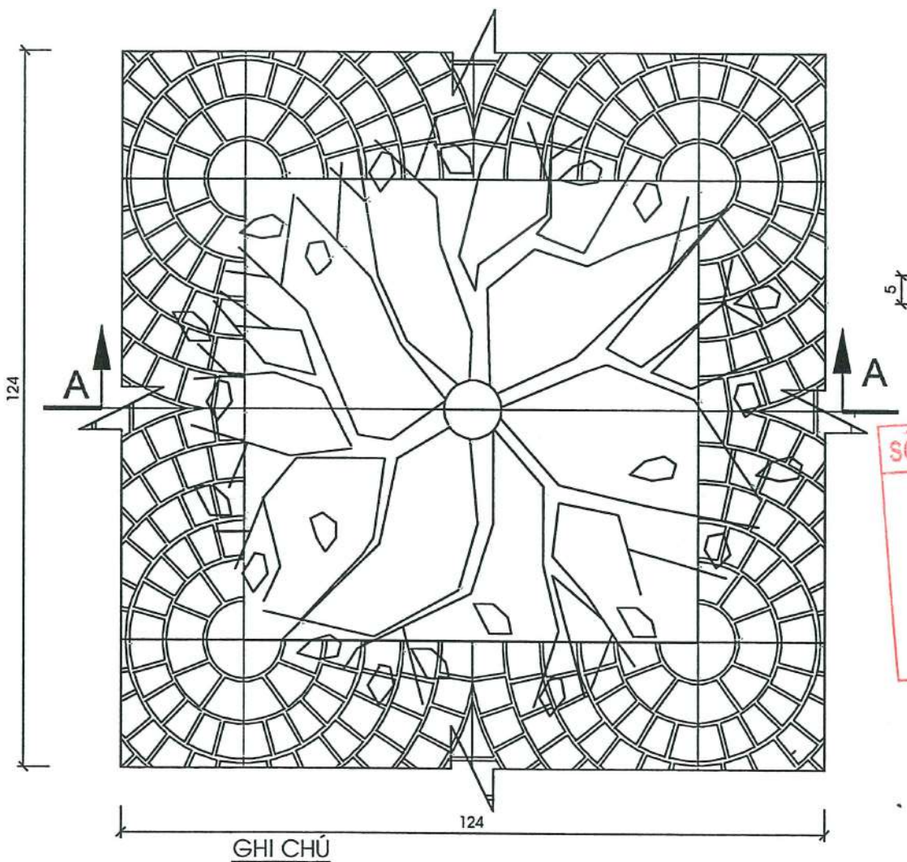
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT CẤU TẠO

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

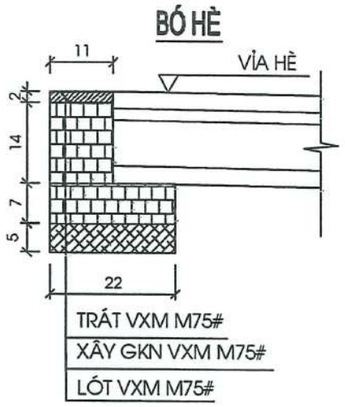
CHI TIẾT CẤU TẠO



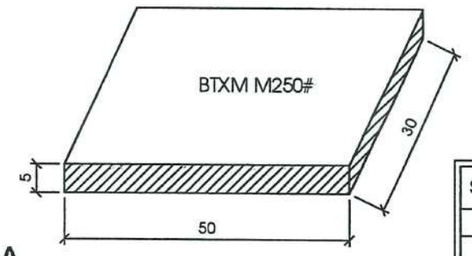
MẶT CẮT A-A



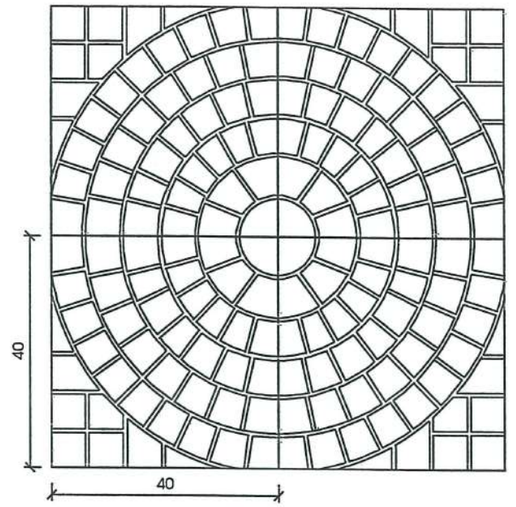
BÓ HÈ



CHI TIẾT TẤM ĐÓN NƯỚC



VIÊN LÁT VỈA HÈ



KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU CHO 1 HỐ TRỒNG CÂY VỈA HÈ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	CÂY TRỒNG	CÂY	01
2	BÓ BỒN XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM M75#	M3	0.14
3	ĐẤT TẬN DỤNG ĐỂ TRỒNG CÂY	M3	0.22

KHỐI LƯỢNG VL CHO 1M TẤM ĐÓN NƯỚC KT 50X30X5

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	LẮP ĐẶT TẤM ĐÓN NƯỚC	SL	2	
2	BTXM M250# ĐÁ 1X2	M3	0.015	
3	VÁN KHUÔN TẤM ĐÓN NƯỚC	M2	0.16	
4	VỮA LÓT M100#, DÀY 2CM	M3	0.006	KẾT DÍNH VÀ TẠO PHẲNG
5	BTXM LÓT M150# ĐÁ 1X2, DÀY 5CM	M3	0.015	

KHỐI LƯỢNG VL CHO 1M DÀI BÓ GÁY HÈ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM M75#	M3	0.031	
2	LÓT VXM M75#	M3	0.011	TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI XÂY
3	TRÁT MẶT BÓ GÁY VXM M75# DÀY 2CM	M2	0.11	

KHỐI LƯỢNG TÍNH 1M2 LÁT VỈA HÈ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	GẠCH TERRAZZO KT (40X40)CM, DÀY 3CM	VIÊN	6.25	
2	VỮA LÓT M75# DÀY 2CM	M3	0.02	KẾT DÍNH VÀ TẠO PHẲNG
3	BTXM M150# DÀY 8CM	M3	0.08	
4	LÓT CÁT DÀY 3CM	M3	0.03	TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI ĐỔ BT

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..... GHI CHÚ .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

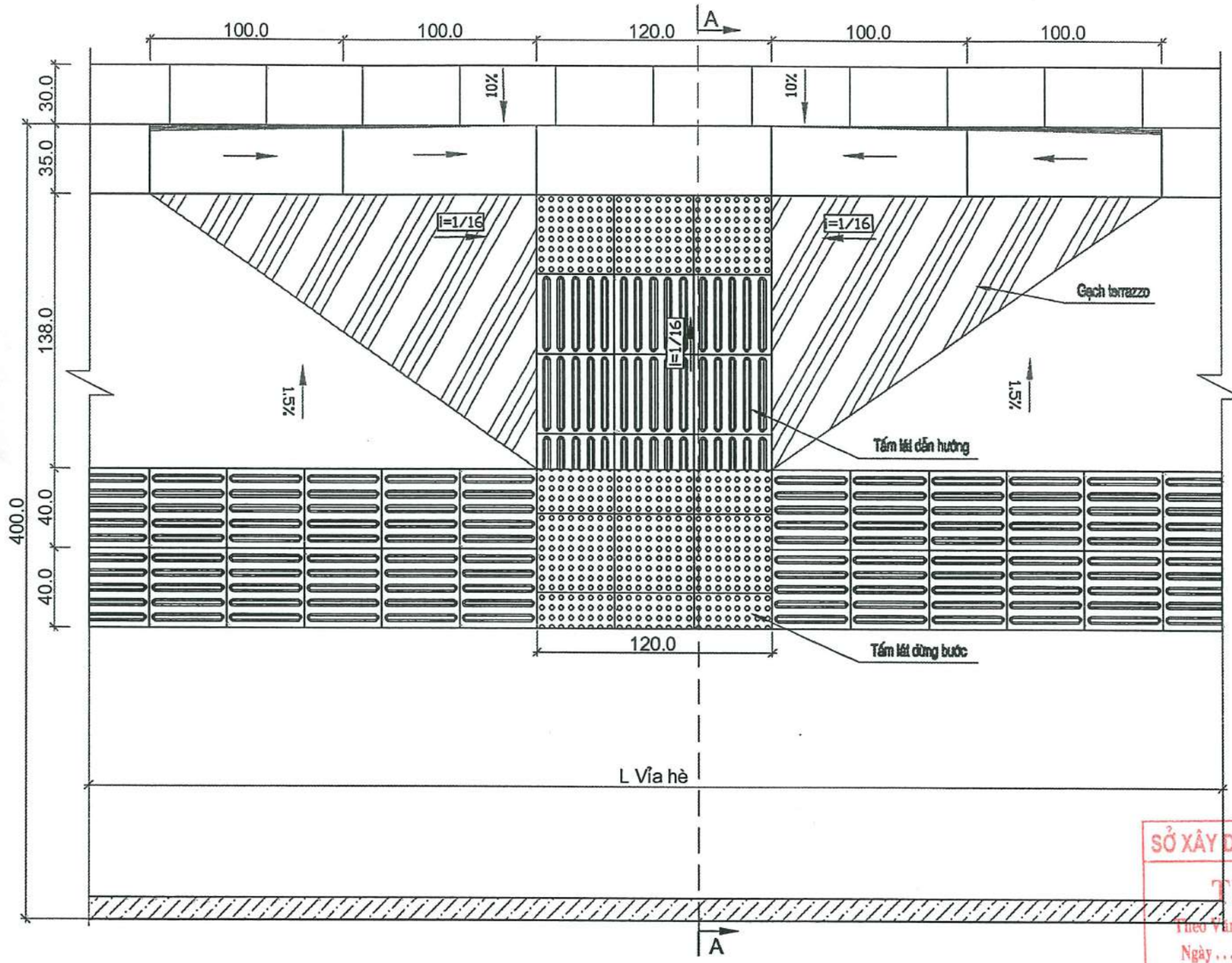
GHI CHÚ
- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ....tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT CẤU TẠO

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

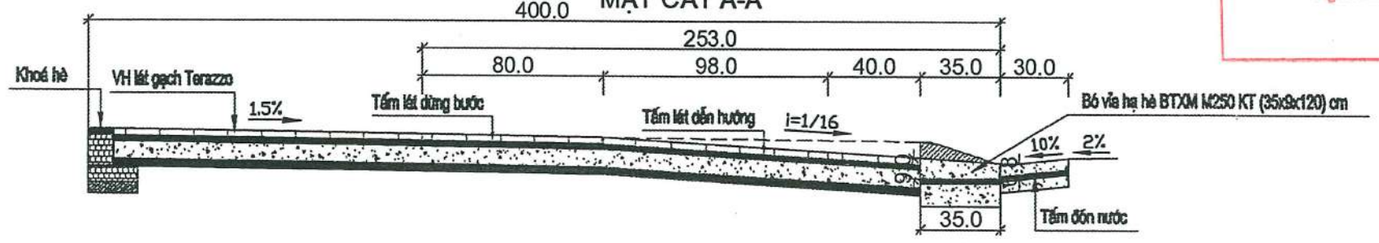
MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠ HÈ



KHỐI LƯỢNG VL CHO 1 VỊ TRÍ HẠ HÈ

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng		Ghi chú
A	Bó vỉa hạ hè loại III.A KT (35x9x120)cm	m	1.2		
1	Lắp đặt bó vỉa	CK	1		
2	BTXM bó vỉa M250#, đá 1x2cm	m3	0.0332		
3	Ván khuôn viên bó vỉa	m2	1.0308		
4	Vữa XM M100# lót bó vỉa dày 2cm	m3	0.0084		Kết dính và tạo phẳng trước khi lắp
5	Bê tông XM M150# móng dày 10cm	m3	0.042		Móng đệm
6	Ván khuôn móng bó vỉa	m2	0.24		
B	Bó vỉa hạ hè loại III.B KT(35x12.5x100)cm	m	1	2	
1	Lắp đặt bó vỉa	CK	1	2	
2	BTXM bó vỉa M250#, đá 1x2cm	m3	0.034	0.068	
3	Ván khuôn viên bó vỉa	m2	0.898	1.796	
4	Vữa XM M100# lót bó vỉa dày 2cm	m3	0.007	0.014	Kết dính và tạo phẳng trước khi lắp
5	Bê tông XM M150# móng dày 10cm	m3	0.035	0.07	Móng đệm
6	Ván khuôn móng bó vỉa	m2	0.20	0.4	
C	Bó vỉa hạ hè loại III.C KT(35x16x100)cm	m	1	2	
1	Lắp đặt bó vỉa	CK	1	2	
2	BTXM bó vỉa M250#, đá 1x2cm	m3	0.04	0.08	
3	Ván khuôn viên bó vỉa	m2	0.941	1.882	
4	Vữa XM M100# lót bó vỉa dày 2cm	m3	0.007	0.014	Kết dính và tạo phẳng trước khi lắp
5	Bê tông XM M150# móng dày 10cm	m3	0.035	0.07	Móng đệm
6	Ván khuôn móng bó vỉa	m2	0.20	0.4	
D	Vị trí hạ hè				
1	Lát tấm dừng bước KT (40x40x3)cm	m2	1.44		
2	Lát tấm dẫn hướng KT (40x40x3)cm	m2	1.176		
3	Vữa XM M100# gắn kết dày 2cm	m3	0.052		Kết dính và tạo phẳng trước khi lát
4	Bê tông XM M150# móng dày 10cm	m3	0.2616		
5	Trừ diện tích tính cho lát vỉa hè	m2	2.616		

MẶT CẮT A-A



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

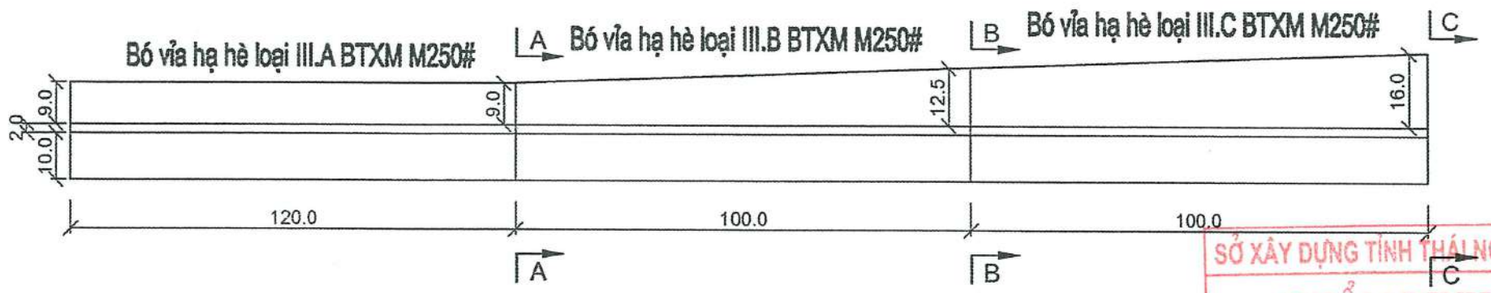
CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỊNH TIẾN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ
- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm.

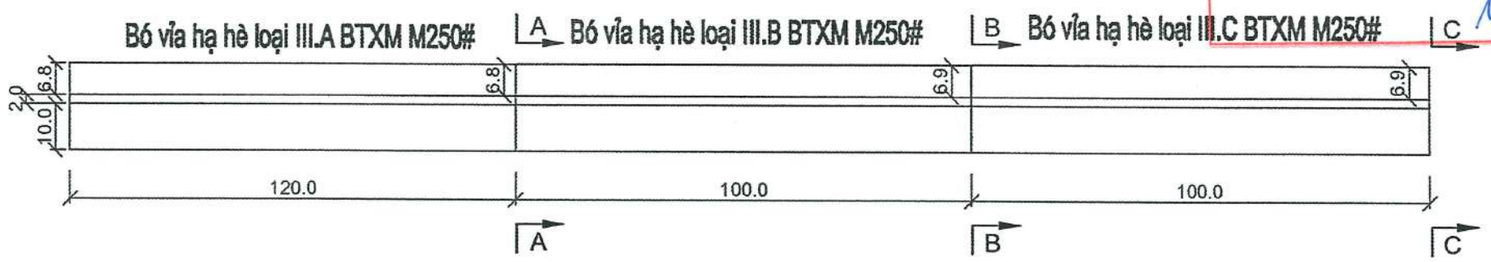
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG CHI TIẾT HẠ HÈ, LỐI ĐI NGƯỜI KHUYẾT TẬT
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-6A
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT BÓ VỈA HẠ HÈ VÀ BÓ VỈA VUỐT

MẶT LƯNG BÓ VỈA (TỶ LỆ 1/25)



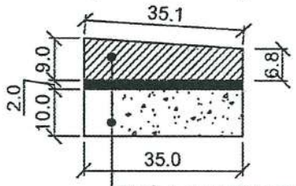
MẶT TRƯỚC BÓ VỈA (TỶ LỆ 1/25)



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

BÓ VỈA LOẠI III.A MC A-A

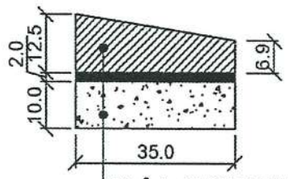
(TỶ LỆ: 1/25)



Bó vỉa hạ hè BTXM M250 (35x9x120)cm
Vữa XM M100 dày 2cm
Móng BTXM M150#, dày 10cm

BÓ VỈA LOẠI III.B MC B-B

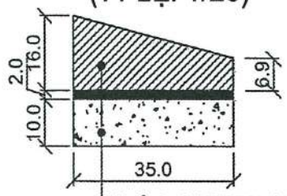
(TỶ LỆ: 1/25)



Bó vỉa hạ hè BTXM M250 (35x12.5x100)cm
Vữa XM M100 dày 2cm
Móng BTXM M150#, dày 10cm

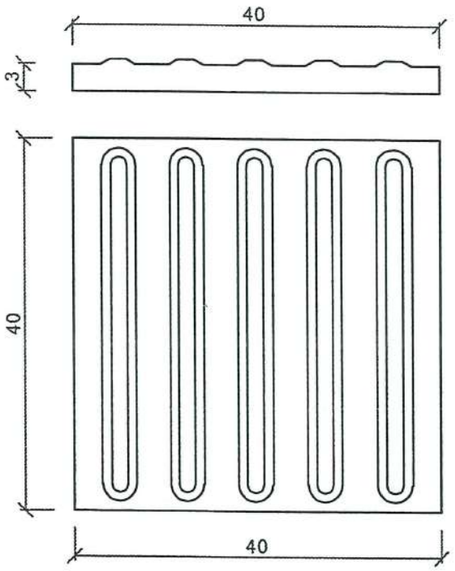
BÓ VỈA LOẠI III.C MC C-C

(TỶ LỆ: 1/25)

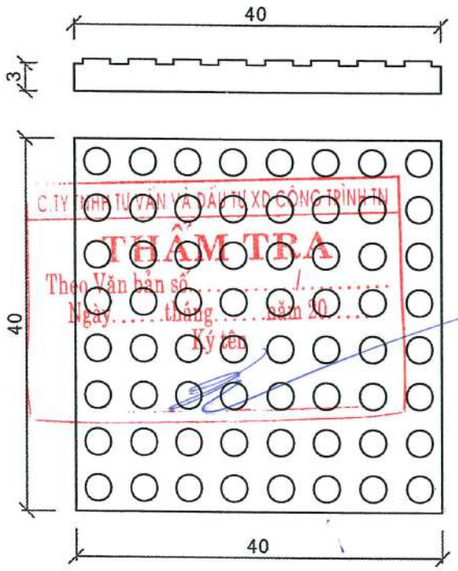


Bó vỉa hạ hè BTXM M250 (35x16x100)cm
Vữa XM M100 dày 2cm
Móng BTXM M150#, dày 10cm

TẤM LÁT DẪN HƯỚNG



TẤM LÁT DỪNG BƯỚC



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20...
Ký tên

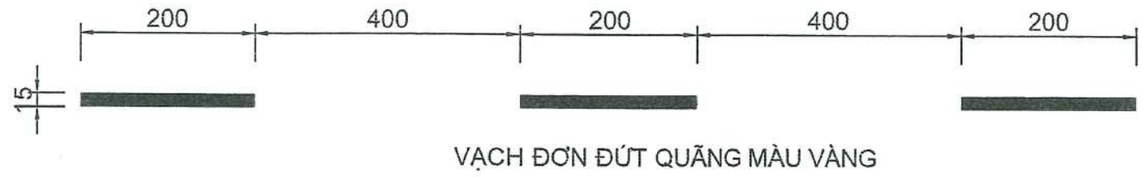
GHI CHÚ

- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

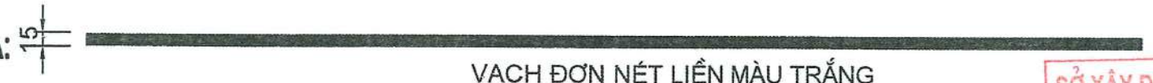
TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG CHI TIẾT HẠ HÈ, LỐI ĐI NGƯỜI KHUYẾT TẬT	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-6B
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

VẠCH SƠN SỐ 1.1:



VẠCH ĐƠN ĐỨT QUÃNG MÀU VÀNG

VẠCH SƠN SỐ 3.1A:



VẠCH ĐƠN NÉT LIỀN MÀU TRẮNG

VẠCH SƠN SỐ 3.1B:



VẠCH ĐƠN ĐỨC QUÃNG MÀU TRẮNG

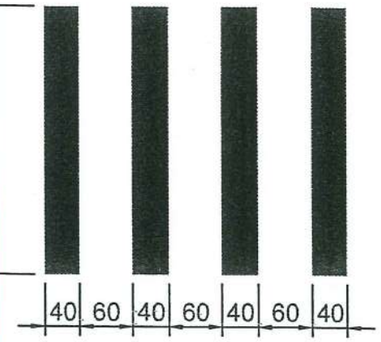
VẠCH SƠN SỐ 7.1:



VẠCH ĐƠN NGANG ĐƯỜNG NÉT LIỀN MÀU TRẮNG

VẠCH SƠN SỐ 7.3:

(Vạch đi bộ qua đường, màu trắng)

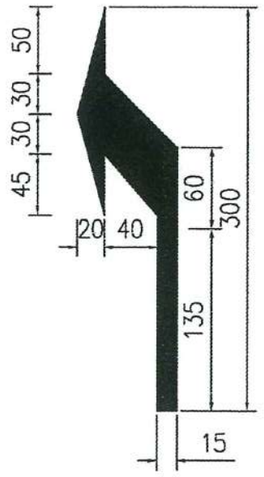


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

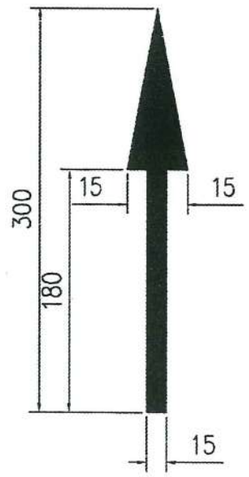
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

VẠCH SỐ 9.3: MŨI TÊN CHỈ HƯỚNG TRÊN MẶT ĐƯỜNG (MÀU TRẮNG)

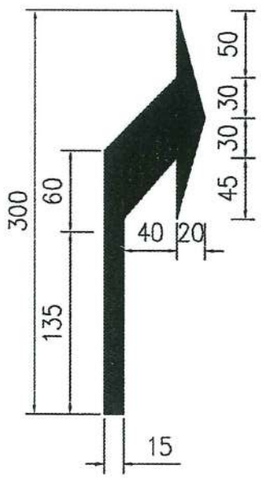
VẠCH 9.3a



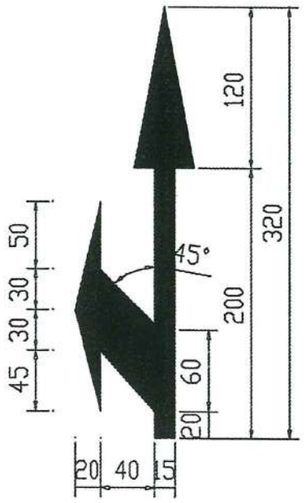
VẠCH 9.3b



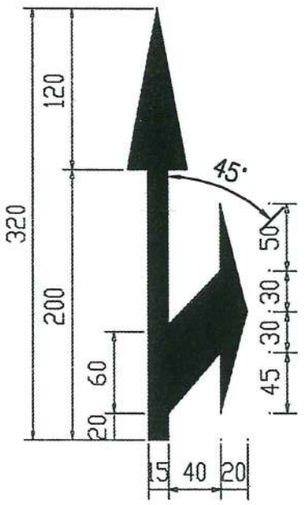
VẠCH 9.3c



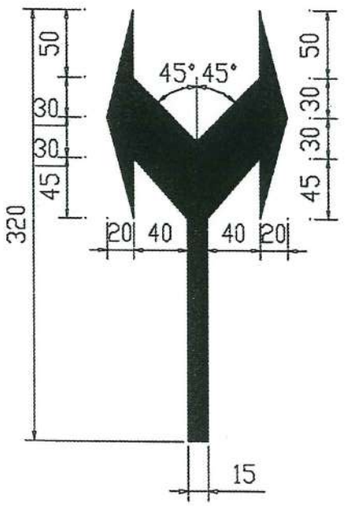
VẠCH 9.3e



VẠCH 9.3f



VẠCH 9.3g

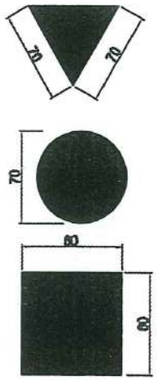


GHI CHÚ:

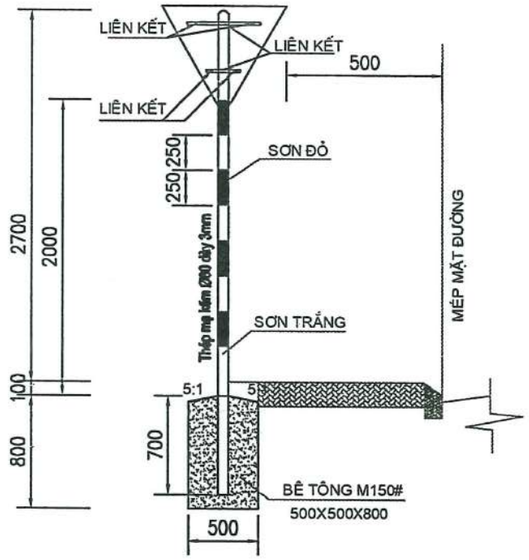
- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ CM
- VẠCH SƠN ÁP DỤNG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG CHI TIẾT VẠCH SƠN ATGT
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200 / BẢN VẼ SỐ: GT:07
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

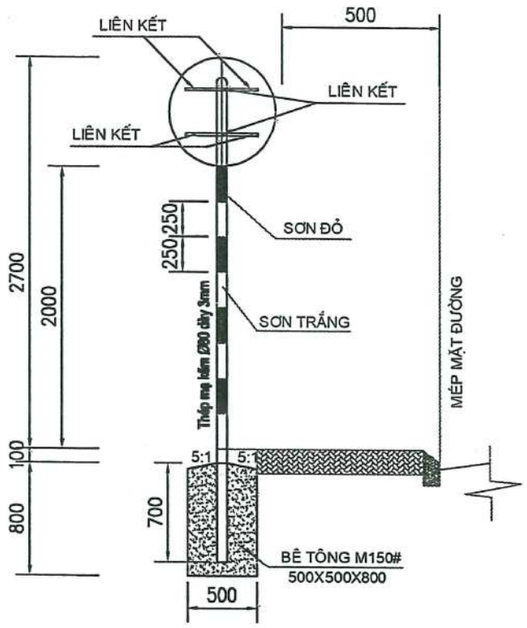
CHI TIẾT CỘT BIỂN BÁO



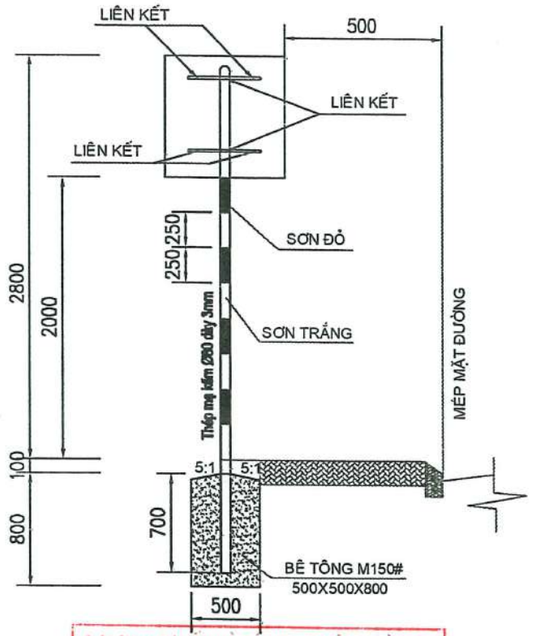
KÍCH THƯỚC BIỂN BÁO HIỆU
(BIỂN TÔN SƠN PHẢN QUANG)



LOẠI 1



LOẠI 2



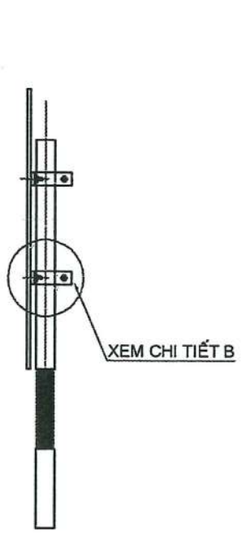
LOẠI 3

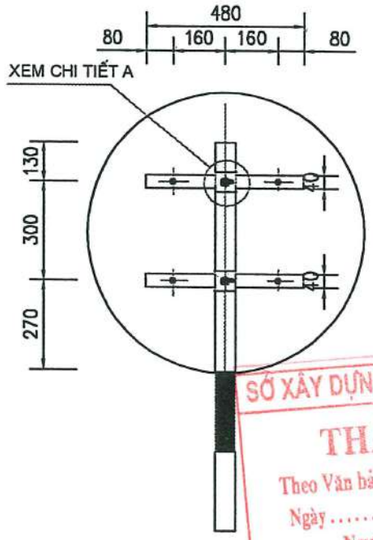
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

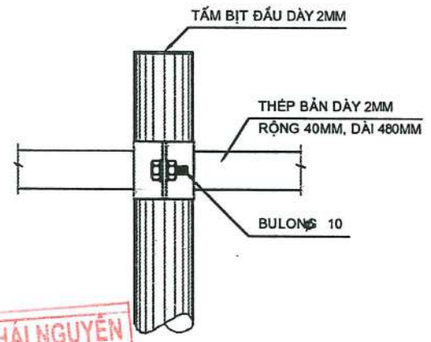


423B
ĐƯỜNG NGƯỜI ĐI BỘ SANG NGANG

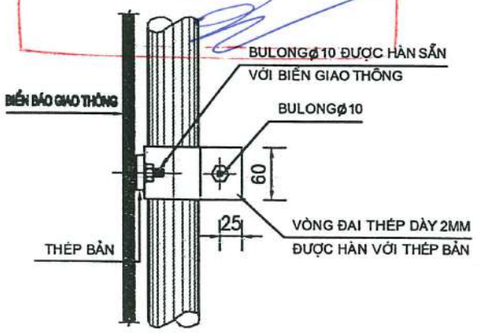
CHI TIẾT LIÊN KẾT BIỂN BÁO







CHI TIẾT A



CHI TIẾT B

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

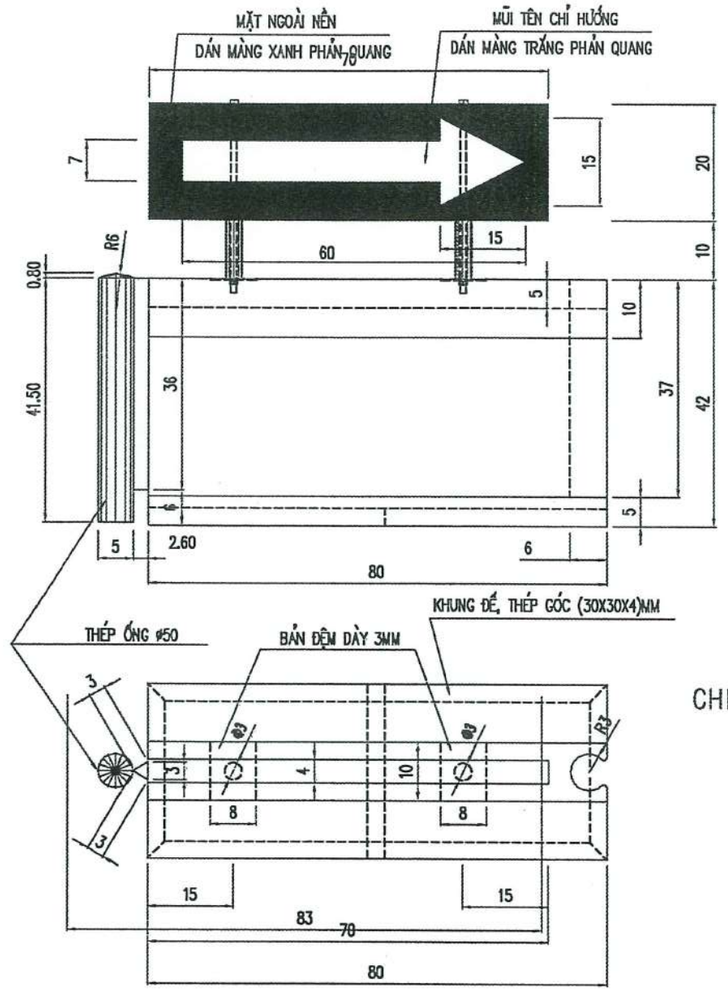
1. KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ MILIMET.
2. VẬT LIỆU, MÀU SẮC CHỮ VÀ VỊ TRÍ ĐẶT BIỂN THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ: QCVN 41:2024/BGTVT
3. BIỂN BÁO CÓ THỂ ĐƯỢC GẮN VỚI CỘT ĐIỆN HOẶC CỘT ĐÈN THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ: QCVN 41:2024/BGTVT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

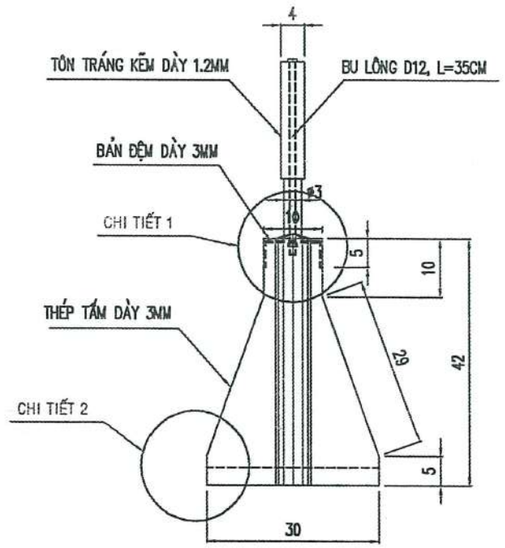
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT BIỂN BÁO ATGT

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/200	BẢN VẼ SỐ: GT:08
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

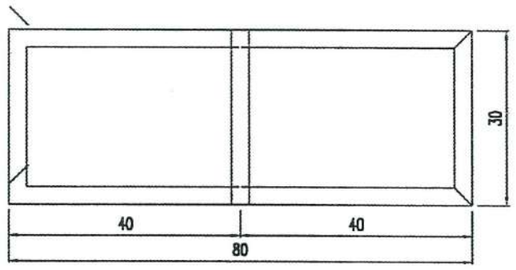
ĐẢO GIAO THÔNG BẰNG THÉP



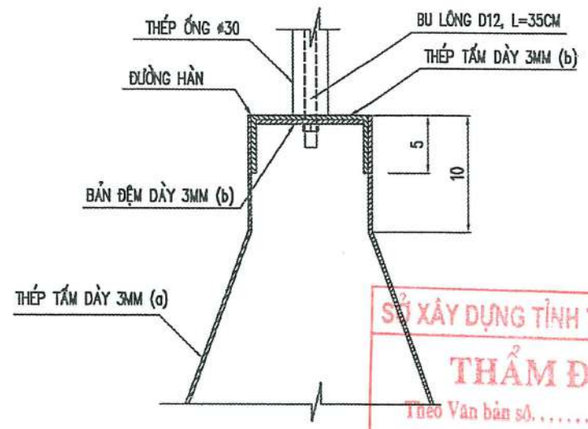
CẤU TẠO ĐẢO MỀM TL:1/10



CHI TIẾT KHUNG ĐỂ, THÉP GÓC (30x30x4)mm TL:1/10

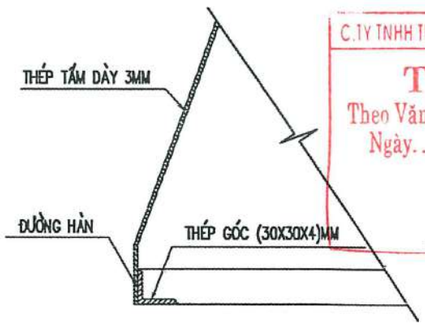


CHI TIẾT 1 TL: 1/5



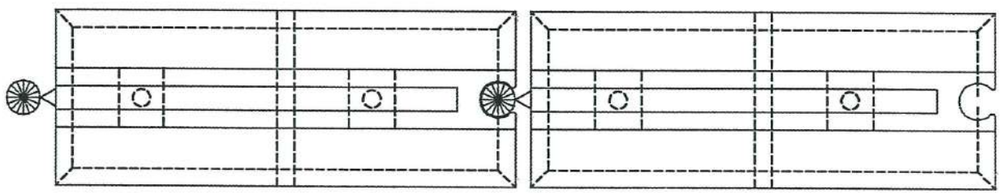
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHI TIẾT 2 TL: 1/5



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CHI TIẾT LẮP ĐẶT LIÊN KẾT GIỮA CÁC KHỐI



GHI CHÚ:
- PHẦN ĐẾ BẰNG THÉP TẤM DÀY 3MM.
- CÁC THÉP TẤM ĐƯỢC LIÊN KẾT BẰNG ĐƯỜNG HÀN 4MM.
- PHẦN CHÂN ĐẾ BỐ TRÍ THÉP GÓC (30X30X4)MM.
- PHẦN ĐẾ ĐƯỢC SƠN TRẮNG PHẢN QUANG MẶT NGOÀI.
- PHẦN TRÊN MẶT NGOÀI DÁN MÀNG PHẢN QUANG LOẠI IV MÀU XANH, MẶT TRONG SƠN MÀU TRẮNG PHẢN QUANG.
- MŨI TÊN DÁN MÀNG PHẢN QUANG LOẠI IV, MÀU TRẮNG.
- BIỂN CHỈ DẪN LIÊN KẾT VỚI ĐẾ BẰNG 2 BU LÔNG D12, L=35CM.
- CÁC CẤU KIỆN THÉP TẤM, THÉP GÓC, THÉP ỐNG ĐƯỢC MẠ KẼM CHỐNG RỈ.
- MÀNG PHẢN QUANG THEO TIÊU CHUẨN TCVN 7887:2018.
- ĐƠN VỊ BẢN VẼ CM.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT CẤU TẠO KHỐI ĐẢO MỀM BẰNG THÉP KT (80X30X72)CM

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: **GT-09**
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Km 0+0.00

KHỐI LƯỢNG TÍNH TRONG NÚT N1

KHỐI LƯỢNG TÍNH TRONG NÚT N2

1.28 1.34 0.99 1.01 0.89 0.91 0.66 0.56 0.61 0.65 0.26 0.27

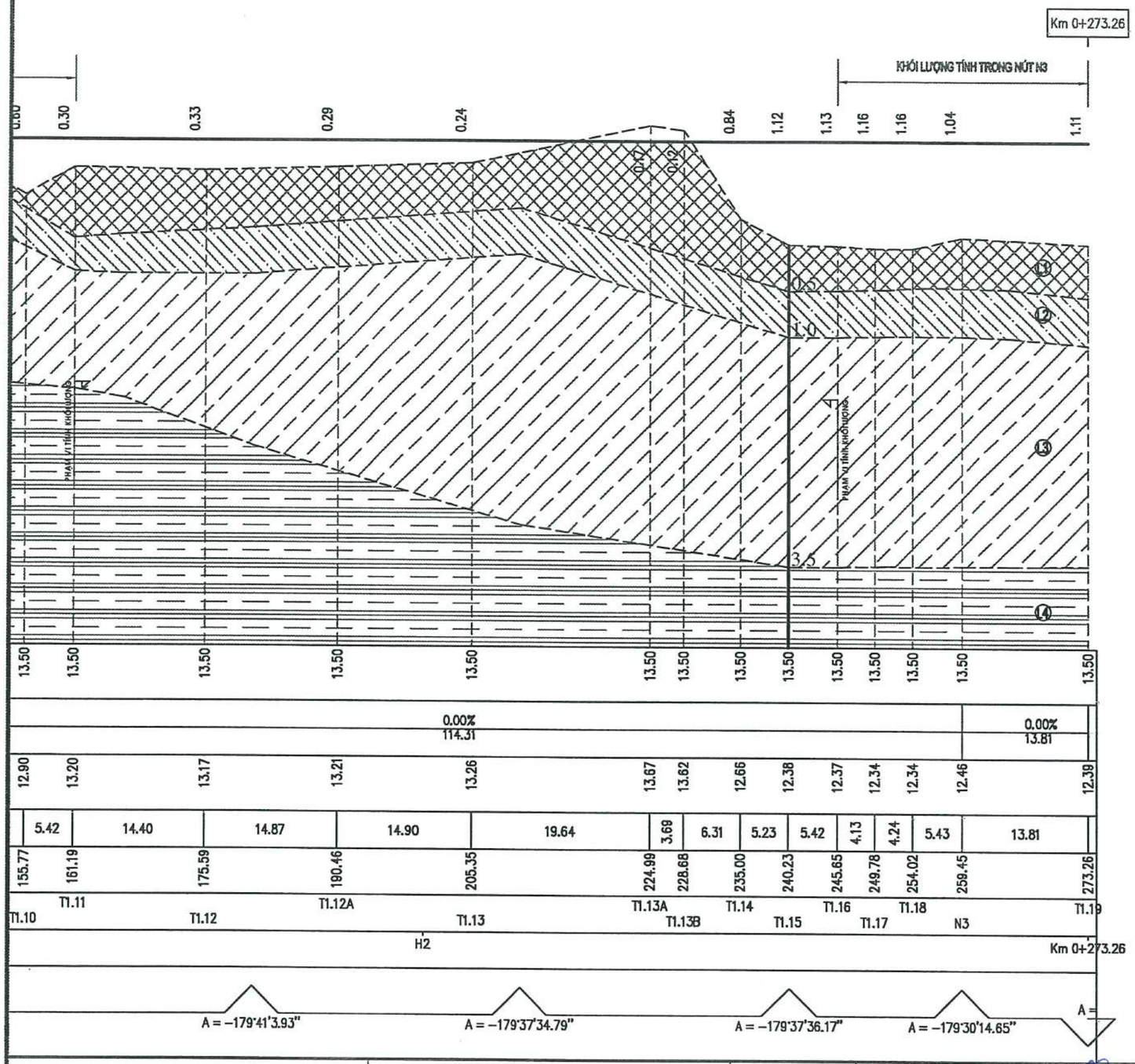
KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

- L1 — LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
- L2 — LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
- L3 — LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG-ĐẾN NỬA CỨNG
- L4 — LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG

PHẠM VI TÍNH KHỐI LƯỢNG

MSS: 8

| | | |



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

- L1 — LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
- L2 — LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
- L3 — LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG
- L4 — LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025

Q. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

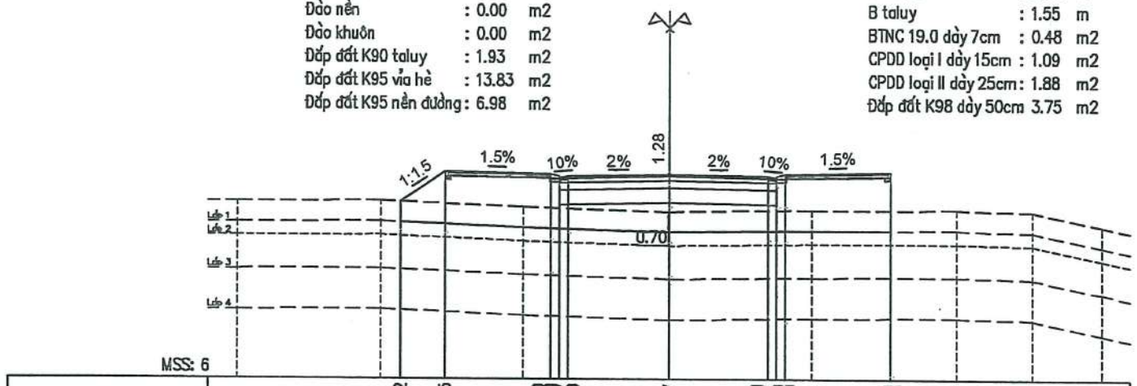
TRẮC DỌC TUYẾN 1

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T1-TD: 02/02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T1.1
Km 0 + 0.00

Vét bùn	: 11.93	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 1.93	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 13.83	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 6.98	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 1.55	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

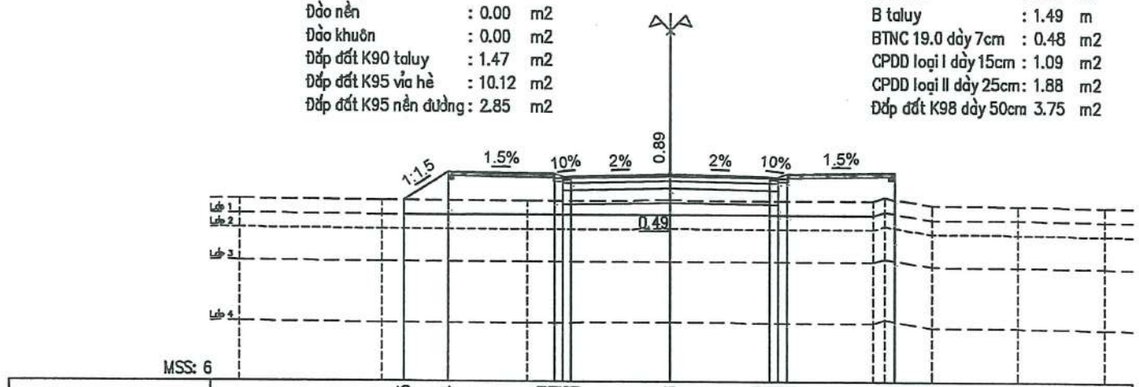


| | | |

Coc T1.3
Km 0 + 49.58

Vét bùn	: 8.32	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 1.47	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 10.12	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 2.85	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 1.49	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

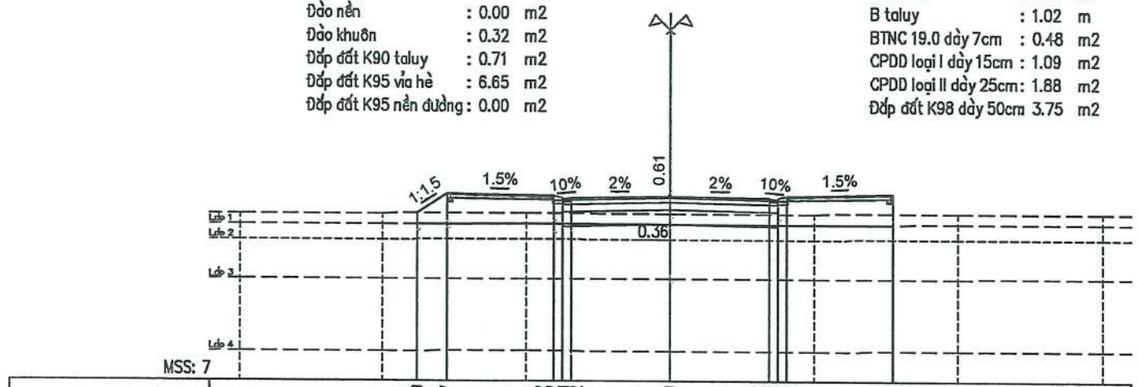


| | | |

Cọc T1.5A
Km 0 + 99.36

Vét bùn	: 5.95	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.32	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.71	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 6.65	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.00	m2

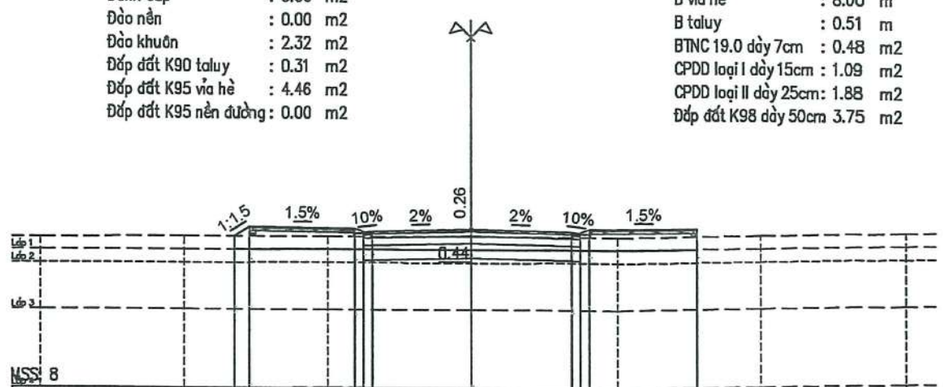
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 1.02	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Cọc T1.7
Km 0 + 123.72

Vét bùn	: 7.04	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 2.32	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.31	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 4.46	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.00	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.51	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

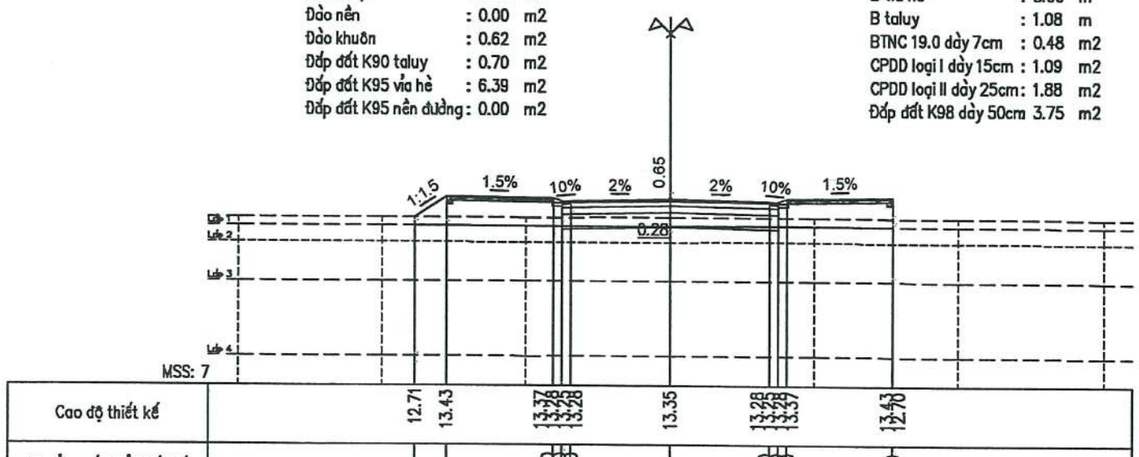
Ngày.....tháng.....năm 20....

Ký tên

Cọc T1.6
Km 0 + 111.86

Vét bùn	: 4.64	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.62	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.70	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 6.39	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.00	m2

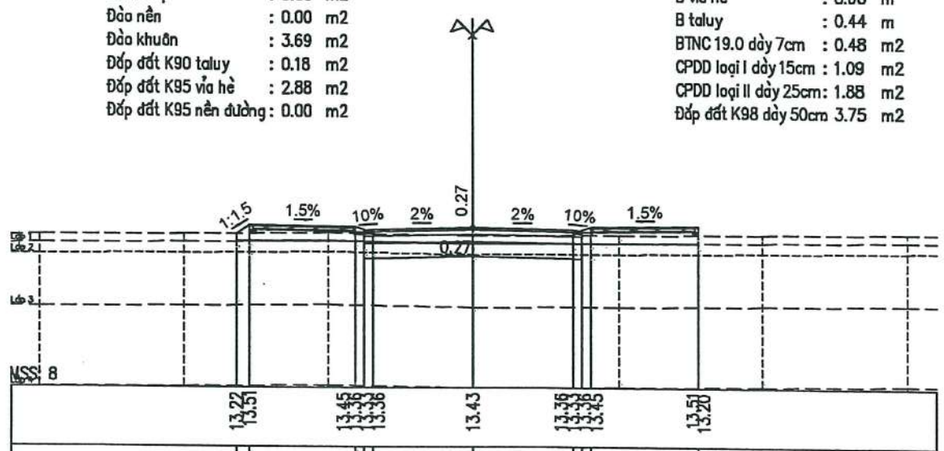
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 1.08	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Cọc T1.8
Km 0 + 129.14

Vét bùn	: 4.30	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 3.69	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.18	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 2.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.00	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.44	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày 1... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

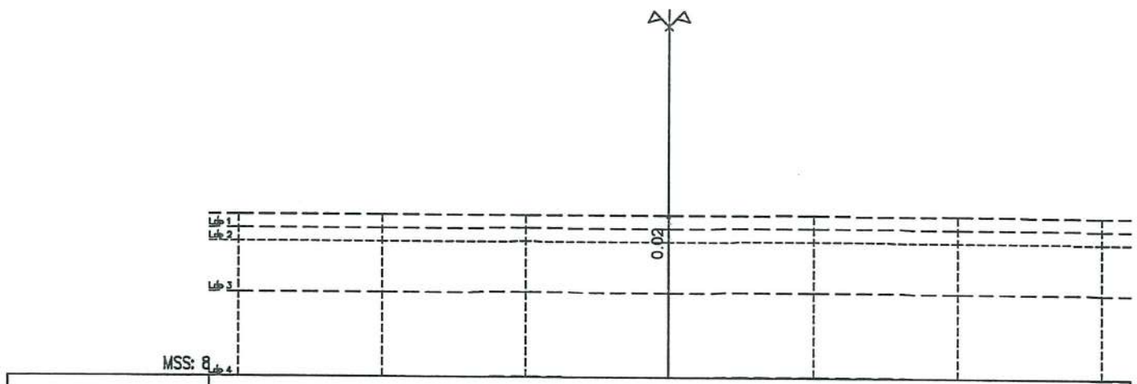
TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

TRẮC NGANG TUYẾN 1

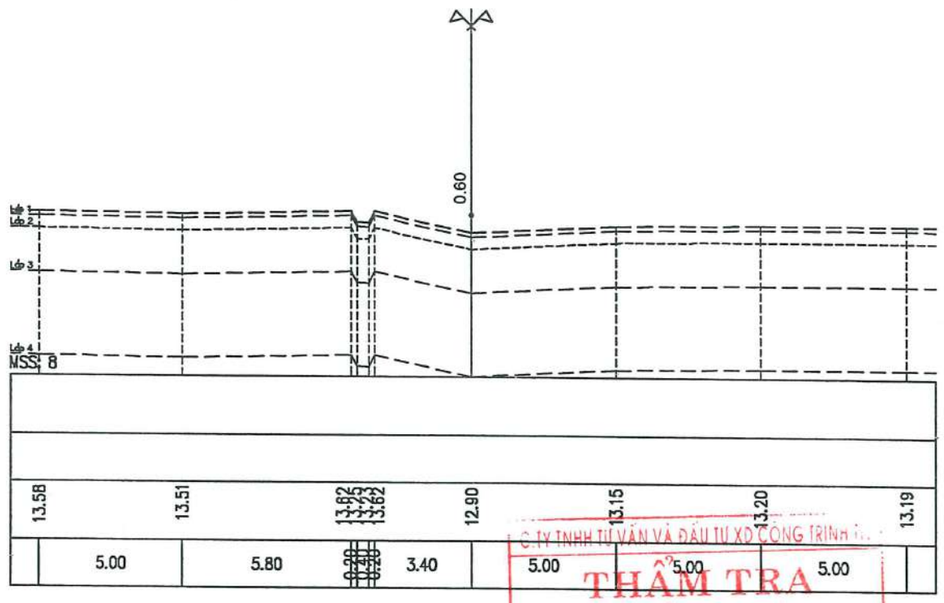
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T1-TN: 03/07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T1.9
Km 0 + 139.73



Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lề thiết kế							
Cao độ tự nhiên	13.50	13.50	13.51	13.50	13.52	13.50	13.48
Khoảng cách mia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	

Coc T1.10
Km 0 + 155.77

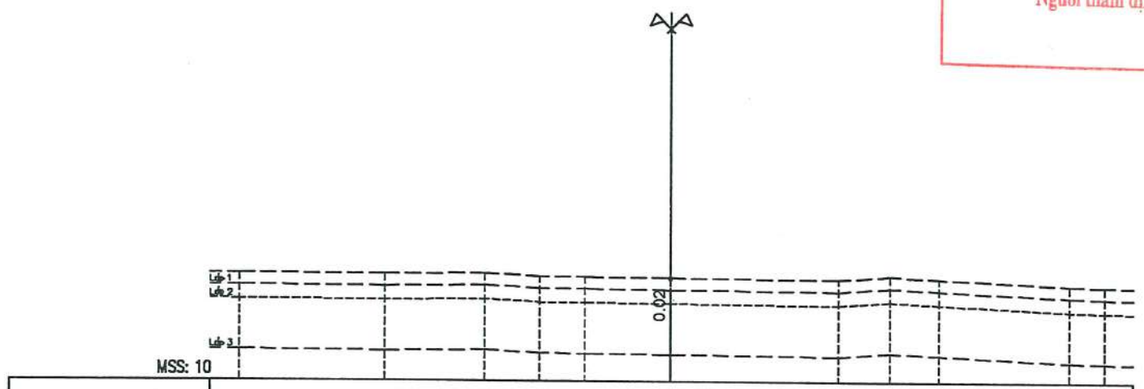


Cao độ thiết kế									
Khoảng cách lề thiết kế									
Cao độ tự nhiên	13.58	13.51	13.62 13.25 13.23 13.62	12.90	13.15	13.20	13.19		
Khoảng cách mia	5.00	5.80	3.40	5.00	5.00	5.00			

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH T...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

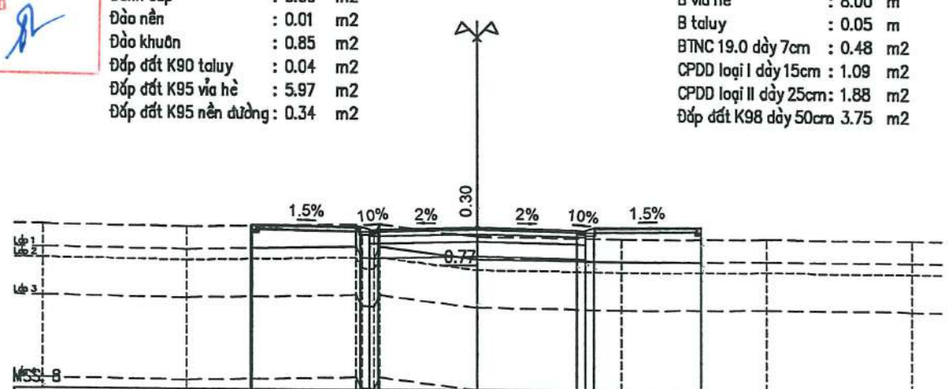
Coc N2
Km 0 + 145.14



Cao độ thiết kế											
Khoảng cách lề thiết kế											
Cao độ tự nhiên	13.66	13.62	13.65	13.56	13.54	13.52	13.46	13.59	13.50	13.28	13.25
Khoảng cách mia	5.03	3.47	1.95	1.59	2.97	5.78	1.80	1.70	4.53	1.20	

Vét bùn	: 11.35 m2
Đánh cấp	: 0.00 m2
Đào nền	: 0.01 m2
Đào khuôn	: 0.85 m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.04 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 5.97 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.34 m2

Coc T1.11
Km 0 + 161.19



Cao độ thiết kế											
Khoảng cách lề thiết kế											
Cao độ tự nhiên	13.58	13.51	13.62 13.25 13.23 13.62	13.20	13.15	13.20	13.19				
Khoảng cách mia	5.00	5.80	3.40	5.00	5.00	5.00					

B mặt đường	: 7.50 m
B vỉa hè	: 8.00 m
B taluy	: 0.05 m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48 m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09 m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88 m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75 m2

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

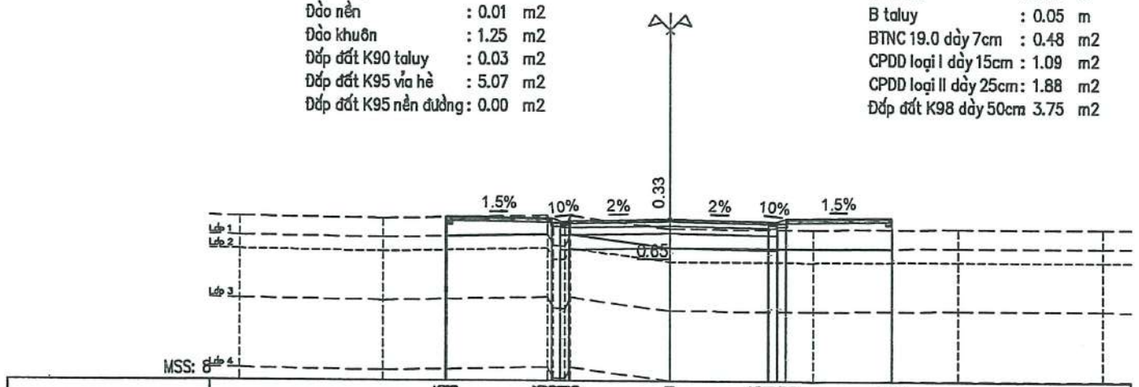
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 1

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T1-TN: 04/07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T1.12
Km 0 + 175.59

Vét bùn	: 9.58 m2	B mặt đường	: 7.50 m
Đánh cấp	: 0.00 m2	B vỉa hè	: 8.00 m
Đào nền	: 0.01 m2	B taluy	: 0.05 m
Đào khuôn	: 1.25 m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48 m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.03 m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 5.07 m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.00 m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75 m2

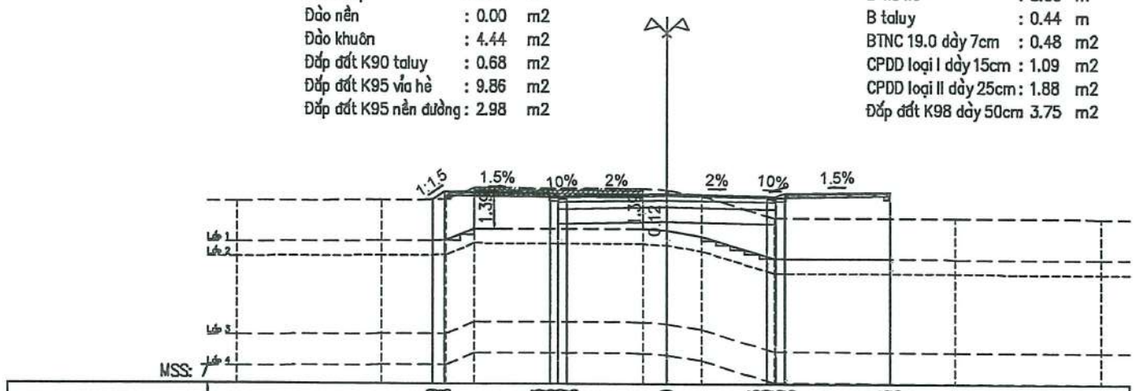


| | | |

Cọc T1.13B
Km 0 + 228.68

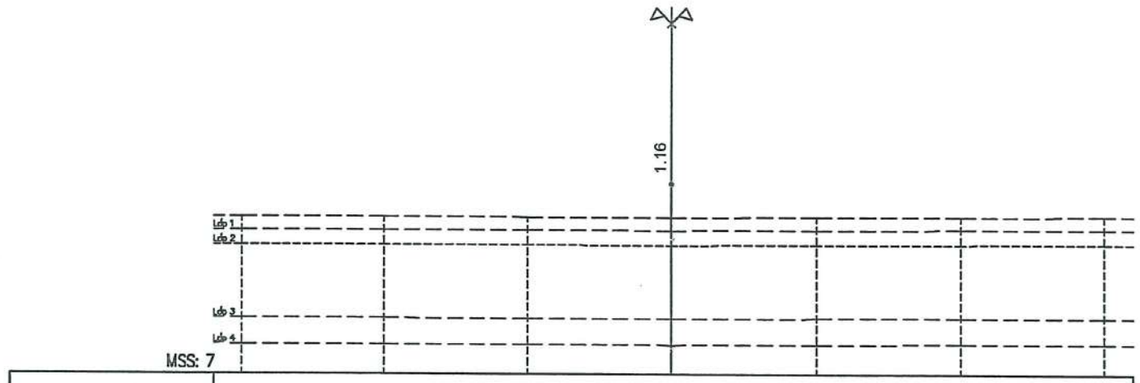
Vét bùn	: 13.96	m2
Đánh cấp	: 0.30	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 4.44	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.68	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 9.86	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 2.98	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.44	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



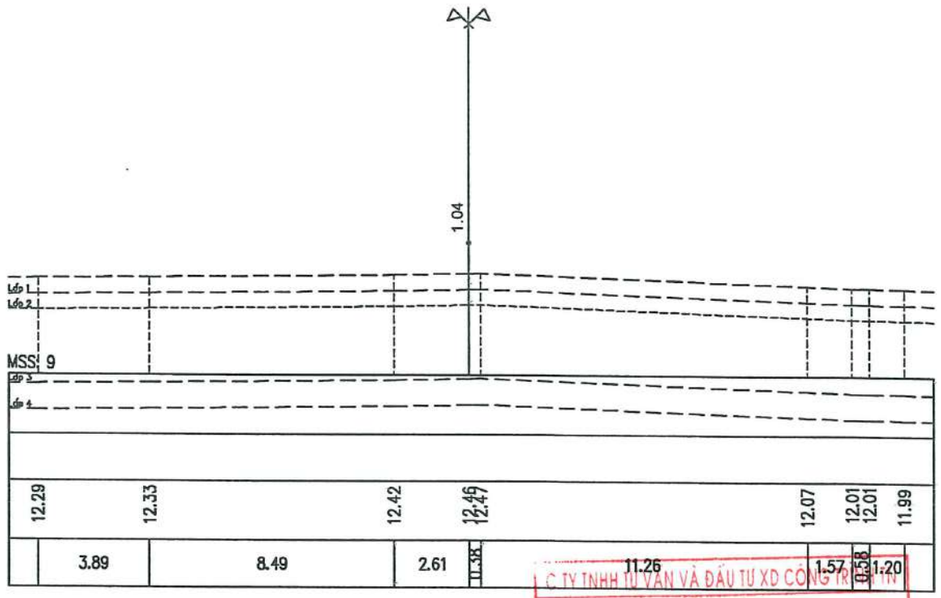
| | | |

Cọc T1.17
Km 0 + 249.78



Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	12.36	12.36	12.35	12.34	12.36	12.37	12.38
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

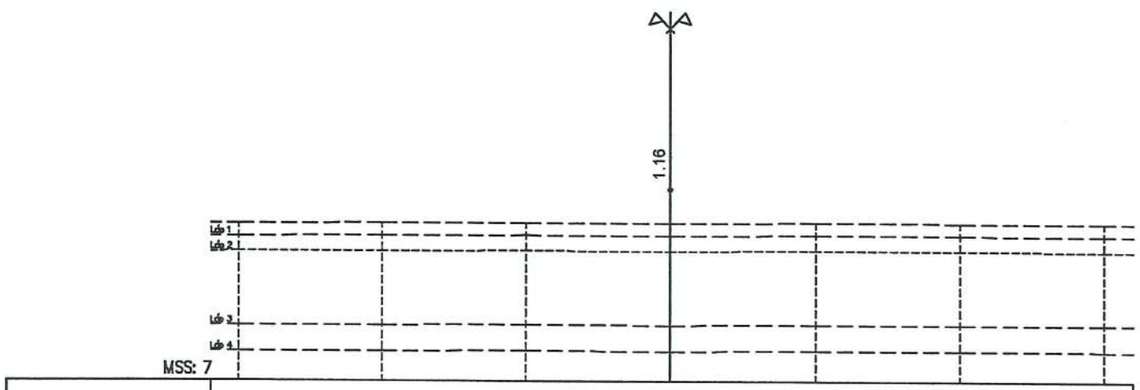
Cọc N3
Km 0 + 259.45



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

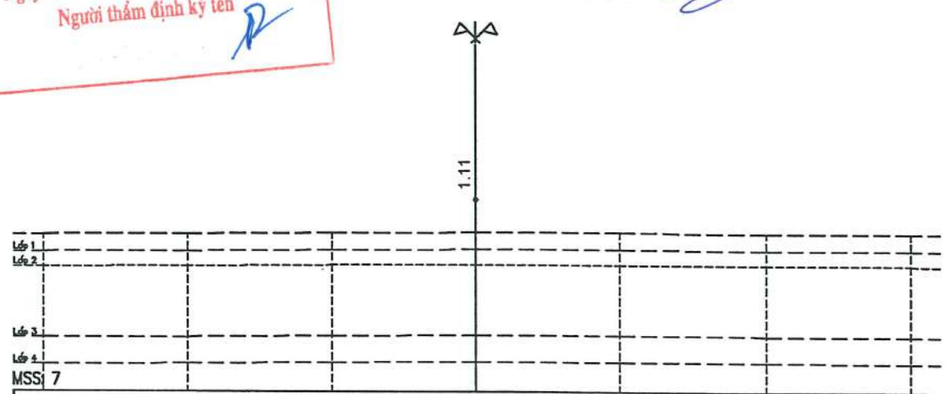
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TTY
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Cọc T1.18
Km 0 + 254.02



Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	12.33	12.34	12.36	12.34	12.37	12.36	12.35
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

Cọc T1.19
Km 0 + 273.26



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 1

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T1-TN: 07/07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 1

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích thực tính														Khối lượng													
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt đường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	T1.1		11,93	-	-	-	1,93	13,83	6,98	7,50	8,00	1,55	0,48	1,09	1,88	3,75														
		15,81															150,83	-	-	-	26,56	197,31	89,80	118,58	126,48	24,35	7,59	17,23	29,72	59,29
2	T1.1A		7,15	-	-	-	1,43	11,13	4,38	7,50	8,00	1,53	0,48	1,09	1,88	3,75														
		6,27															58,22	-	-	-	9,09	71,76	28,78	47,03	50,16	8,84	3,01	6,83	11,79	23,51
3	T1.2		11,42	-	-	-	1,47	11,76	4,80	7,50	8,00	1,29	0,48	1,09	1,88	3,75														
		13,81																												
4	N1		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N1													
		13,69																												
5	T1.3		8,32	-	-	-	1,47	10,12	2,85	7,50	8,00	1,49	0,48	1,09	1,88	3,75														
		9,31															66,52	-	-	-	13,03	84,44	20,81	69,83	74,48	14,15	4,47	10,15	17,50	34,91
6	T1.3A		5,97	-	-	-	1,33	8,02	1,62	7,50	8,00	1,55	0,48	1,09	1,88	3,75														
		15,69															95,16	-	-	0,63	17,10	117,44	13,65	117,68	125,52	21,10	7,53	17,10	29,50	58,84
7	T1.4		6,16	-	-	0,08	0,85	6,95	0,12	7,50	8,00	1,14	0,48	1,09	1,88	3,75														
		16,86															112,12	-	-	0,84	14,58	121,39	1,77	126,45	134,88	18,88	8,09	18,38	31,70	63,23
8	T1.5		7,14	-	-	0,02	0,88	7,45	0,09	7,50	8,00	1,10	0,48	1,09	1,88	3,75														
		7,92															51,84	-	-	1,35	6,30	55,84	0,36	59,40	63,36	8,40	3,80	8,63	14,89	29,70
9	T1.5A		5,95	-	-	0,32	0,71	6,65	-	7,50	8,00	1,02	0,48	1,09	1,88	3,75														
		12,50															66,19	-	-	5,88	8,81	81,50	-	93,75	100,00	13,13	6,00	13,63	23,50	46,88
10	T1.6		4,64	-	-	0,62	0,70	6,39	-	7,50	8,00	1,08	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,86															69,26	-	-	17,43	5,99	64,34	-	88,95	94,88	9,43	5,69	12,93	22,30	44,48
11	T1.7		7,04	-	-	2,32	0,31	4,46	-	7,50	8,00	0,51	0,48	1,09	1,88	3,75														
		5,42															30,73	-	-	16,29	1,33	19,89	-	40,65	43,36	2,57	2,60	5,91	10,19	20,33
12	T1.8		4,30	-	-	3,69	0,18	2,88	-	7,50	8,00	0,44	0,48	1,09	1,88	3,75														
		10,59																												
13	T1.9		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		5,41																												
14	N2		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		10,63																												
15	T1.10		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		5,42																												
16	T1.11		11,35	-	0,01	0,85	0,04	5,97	0,34	7,50	8,00	0,05	0,48	1,09	1,88	3,75														
		14,40															150,70	-	0,14	15,12	0,50	79,49	2,45	108,00	115,20	0,72	6,91	15,70	27,07	54,00
17	T1.12		9,58	-	0,01	1,25	0,03	5,07	-	7,50	8,00	0,05	0,48	1,09	1,88	3,75														
		14,87															141,56	1,04	0,07	16,65	3,27	91,45	0,30	111,53	118,96	4,31	7,14	16,21	27,96	55,76
18	T1.12A		9,46	0,14	-	0,99	0,41	7,23	0,04	7,50	8,00	0,53	0,48	1,09	1,88	3,75														
		14,90															132,46	1,04	-	17,43	3,87	88,06	0,30	111,75	119,20	5,36	7,15	16,24	28,01	55,88
19	T1.13		8,32	-	-	1,35	0,11	4,59	-	7,50	8,00	0,19	0,48	1,09	1,88	3,75														
		19,64															204,16	1,87	-	63,93	8,05	119,41	15,91	147,30	157,12	6,58	9,43	21,41	36,92	73,65
20	T1.13A		12,47	0,19	-	5,16	0,71	7,57	1,62	7,50	8,00	0,48	0,48	1,09	1,88	3,75														
		3,69															48,76	0,90	-	17,71	2,56	32,16	8,49	27,68	29,52	1,70	1,77	4,02	6,94	13,84
21	T1.13B		13,96	0,30	-	4,44	0,68	9,86	2,98	7,50	8,00	0,44	0,48	1,09	1,88	3,75														
		6,31															77,08	0,95	-	14,01	6,88	64,90	20,10	47,33	50,48	5,77	3,03	6,88	11,86	23,66
22	T1.14		10,47	-	-	-	1,50	10,71	3,39	7,50	8,00	1,39	0,48	1,09	1,88	3,75														
		5,23															50,00	-	-	-	9,15	61,35	21,00	39,23	41,84	8,37	2,51	5,70	9,83	19,61
23	T1.15		8,65	-	-	-	2,00	12,75	4,64	7,50	8,00	1,81	0,48	1,09	1,88	3,75														
		5,42															45,85	-	-	-	10,43	68,08	24,77	40,65	43,36	9,59	2,60	5,91	10,19	20,33
24	T1.16		8,27	-	-	-	1,85	12,37	4,50	7,50	8,00	1,73	0,48	1,09	1,88	3,75														
		4,13																												
25	T1.17		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		4,24																												
26	T1.18		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		5,43																												
27	N3		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		13,81																												
28	T1.19		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
	Tổng	**186,10**															**1.551,43**	**5,80**	**0,22**	**187,27**	**147,53**	**1.418,80**	**248,47**	**1.395,75**	**1.488,80**	**163,26**	**89,33**	**202,85**	**349,87**	**697,88**

Khối lượng tính trong Nút giao N2

Khối lượng tính trong Nút giao N3

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20 ....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày .... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 1
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: T1-BKL: 01/01
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

TRẠNG THÁI DẺO MỀM

KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

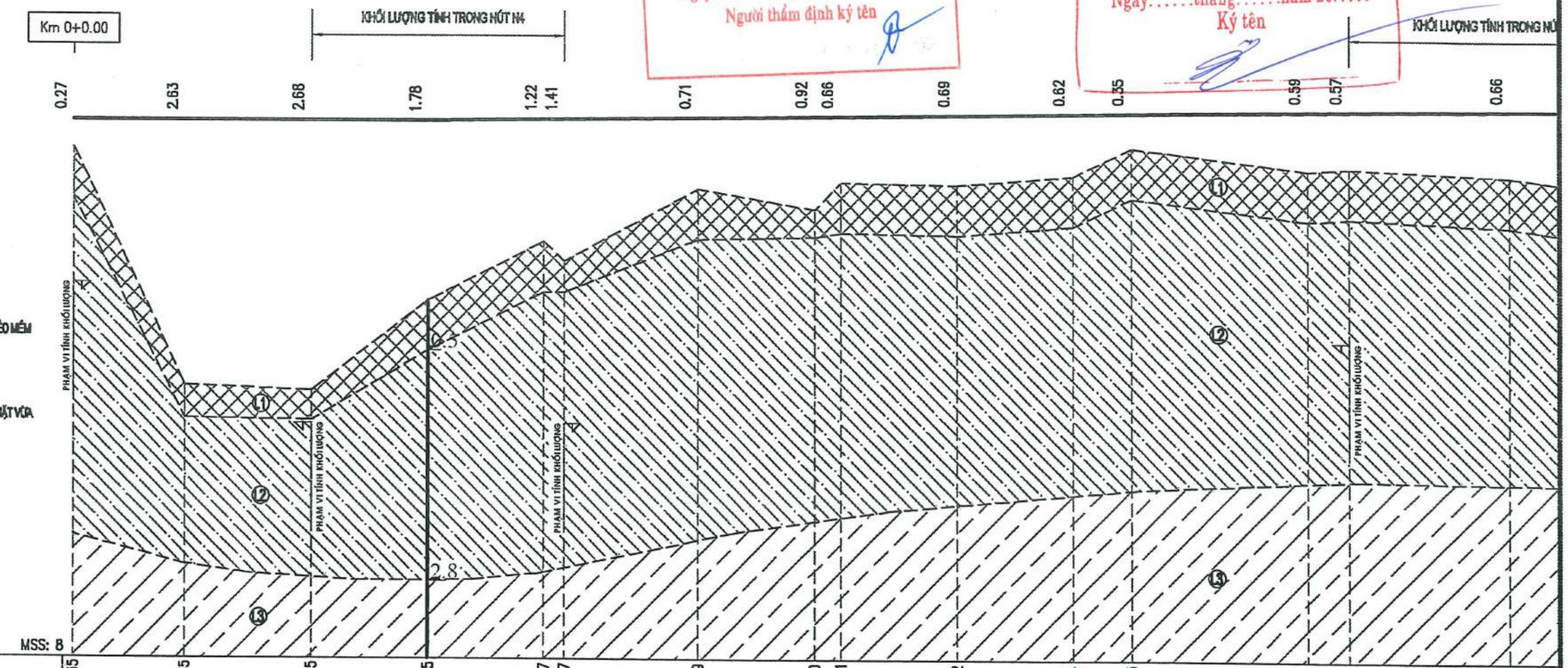
TRẠNG THÁI CHẶT VỪA

L1 — LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
U ĐỎ
CỨNG

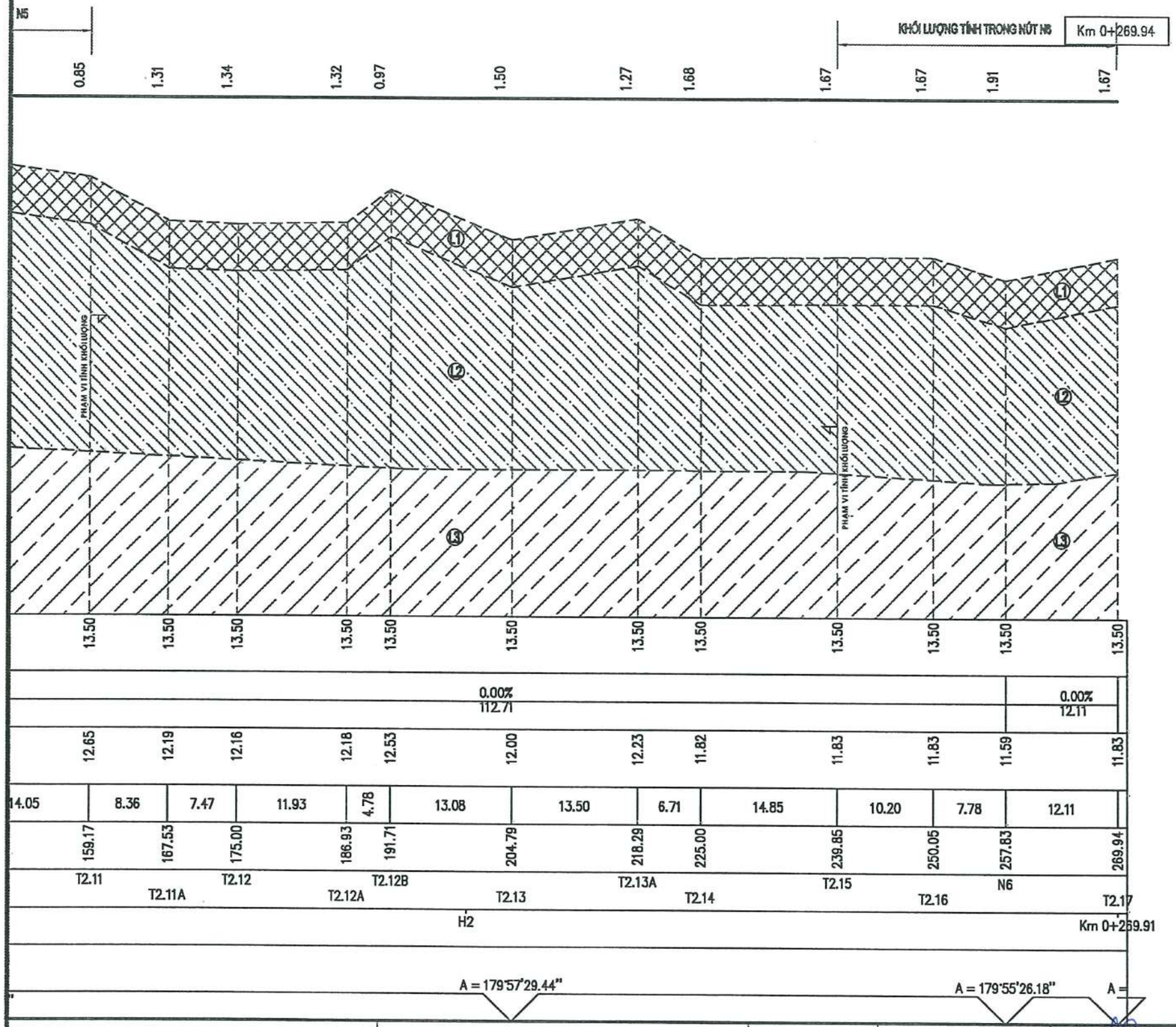
L2 — LỚP 2: ĐẤT CÁT [illegible], MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
[illegible] CỨNG

L3 — LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ
TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG

L4 — LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ,
MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG



| | | |



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

- L1: LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
- L2: LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
- L3: LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG-ĐẾN NỬA CỨNG
- L4: LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG

C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

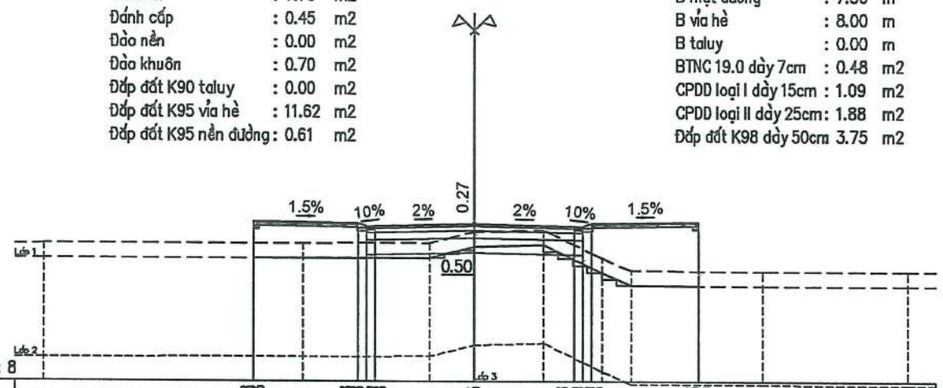
TRẮC DỌC TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T2-TD: 02/02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T2.1
Km 0 + 0.00

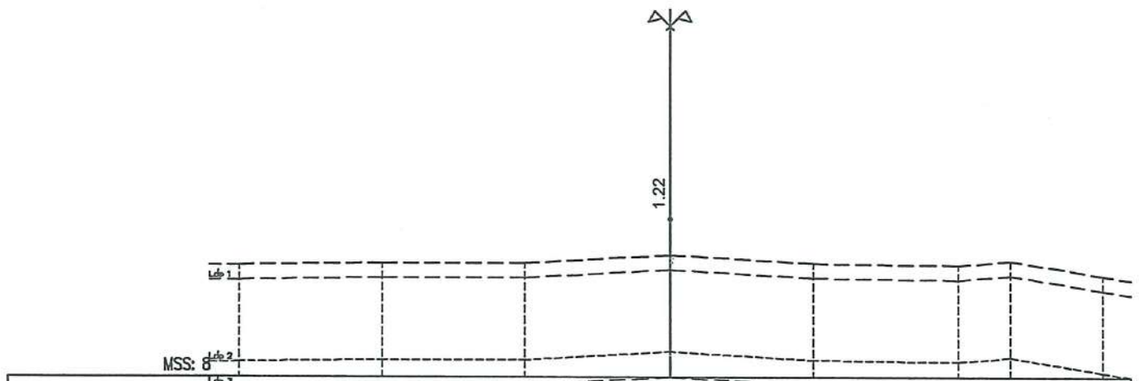
Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.45	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.70	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 11.62	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.61	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | |

Cọc T2.3
Km 0 + 47.62

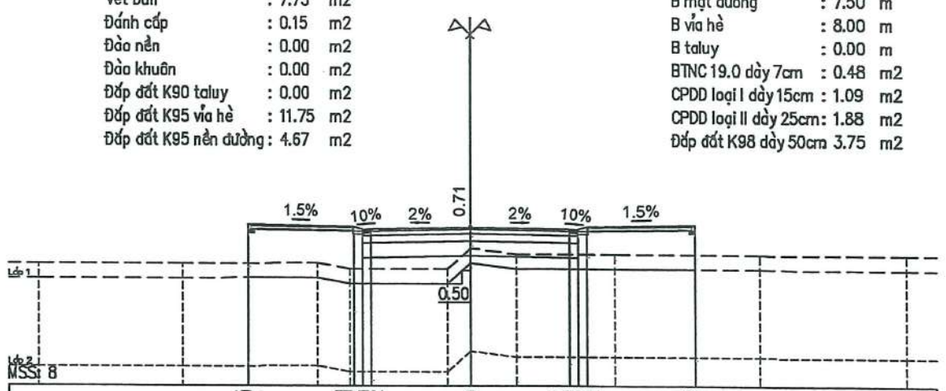


Cao độ thiết kế								
Khoảng cách lẻ thiết kế								
Cao độ tự nhiên	11.80	11.87	11.86	12.15	11.86	11.80	11.95	11.44
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	1.80	3.20

Cọc T2.4A
Km 0 + 63.18

Vét bùn : 7.75 m2
Đánh cấp : 0.15 m2
Đào nền : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp đất K90 taluy : 0.00 m2
Đắp đất K95 vỉa hè : 11.75 m2
Đắp đất K95 nền đường : 4.67 m2

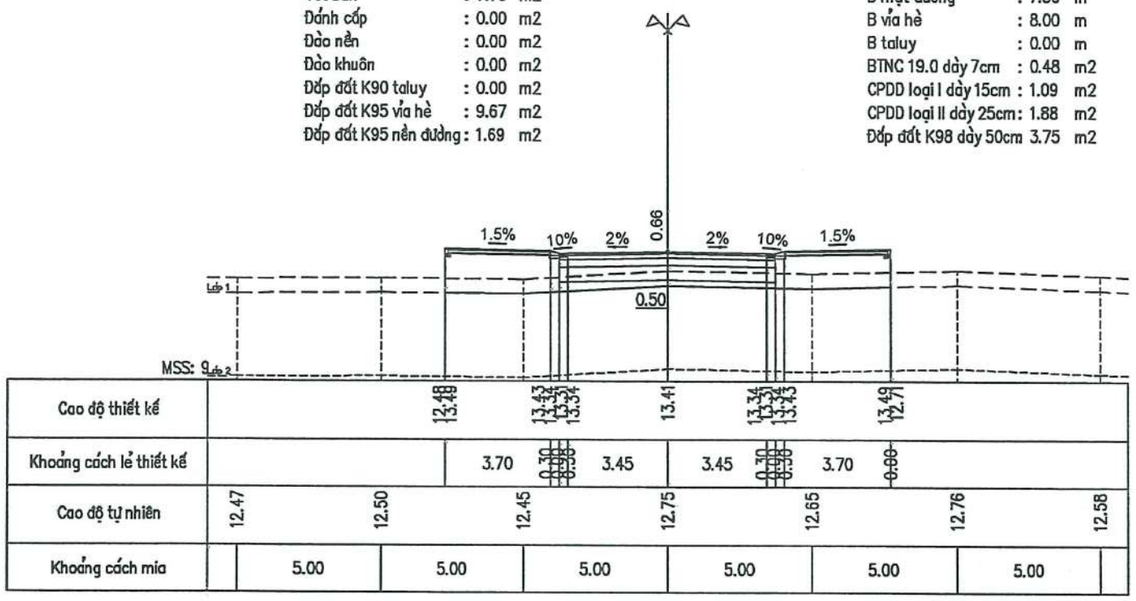
B mặt đường : 7.50 m
B vỉa hè : 8.00 m
B taluy : 0.00 m
BTNC 19.0 dày 7cm : 0.48 m2
CPDD loại I dày 15cm : 1.09 m2
CPDD loại II dày 25cm: 1.88 m2
Đắp đất K98 dày 50cm 3.75 m2



| | | | | | | | |

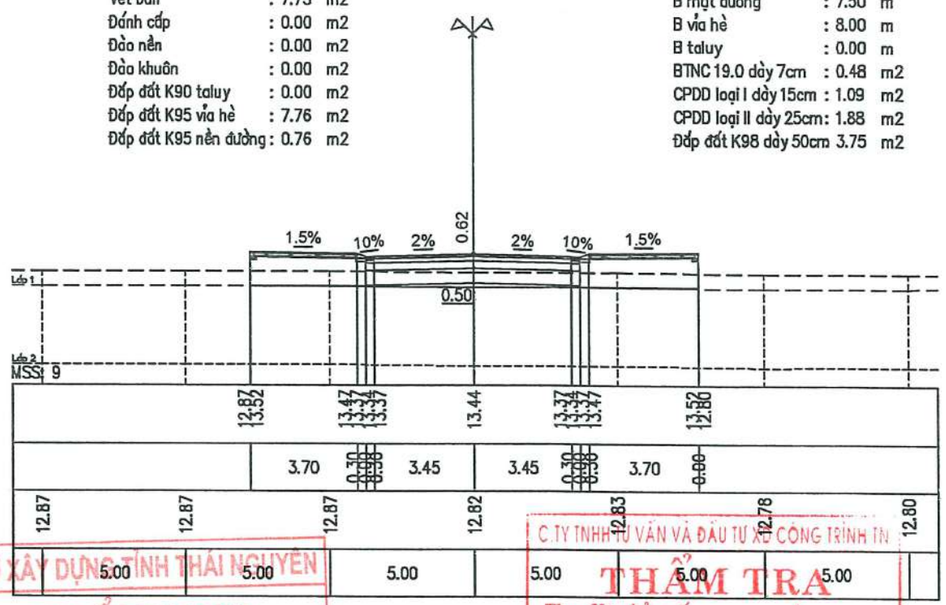
Coc T2.6
Km 0 + 77.61

Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 9.67	m2	CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 1.69	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Coc T2.8
Km 0 + 101.11

Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.76	m2	CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.76	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

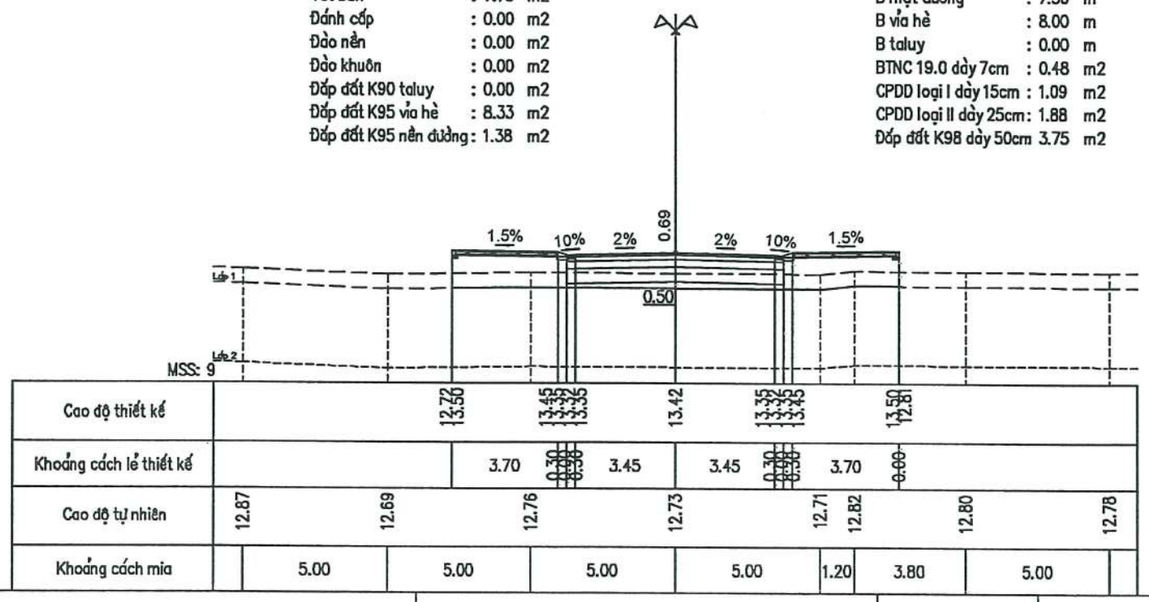


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

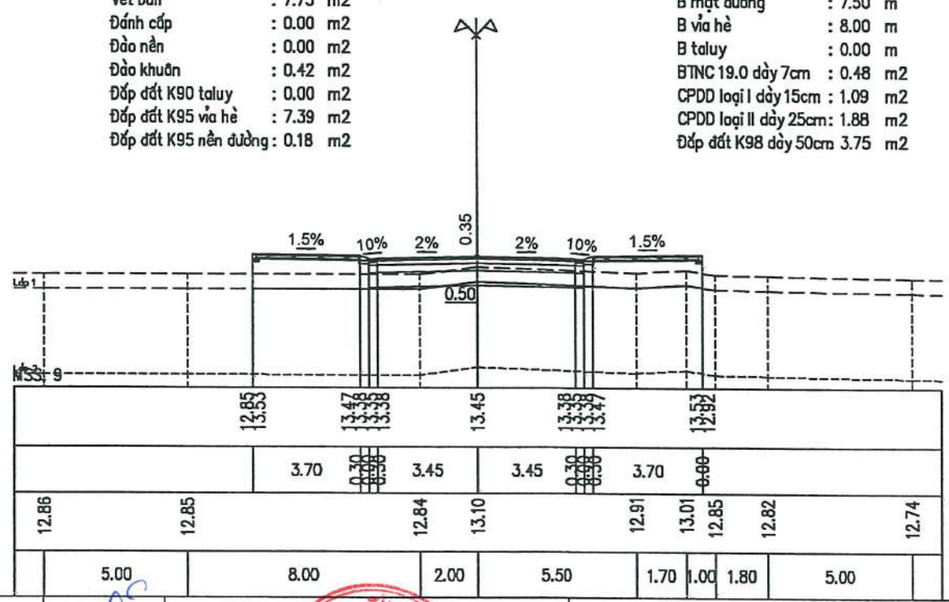
Coc T2.7
Km 0 + 89.37

Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 8.33	m2	CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 1.38	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Coc T2.8A
Km 0 + 107.03

Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.42	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.39	m2	CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.18	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



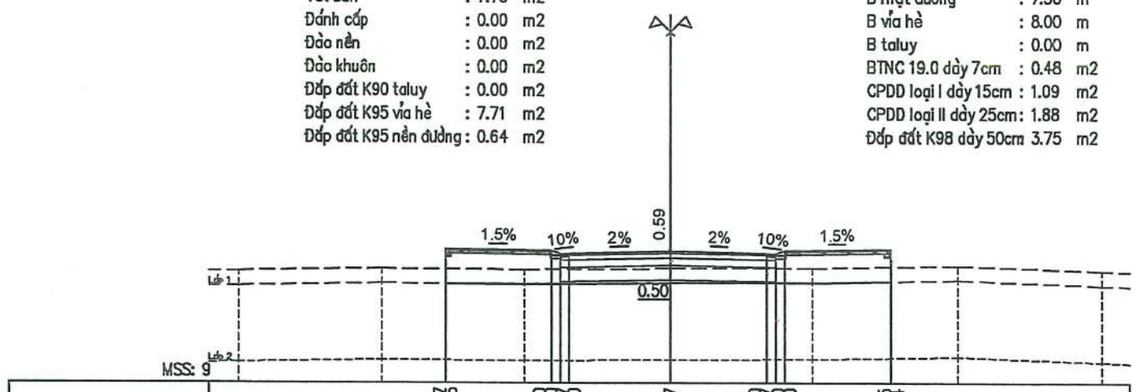
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T2-TN: 03/07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Cọc T2.9
Km 0 + 125.00

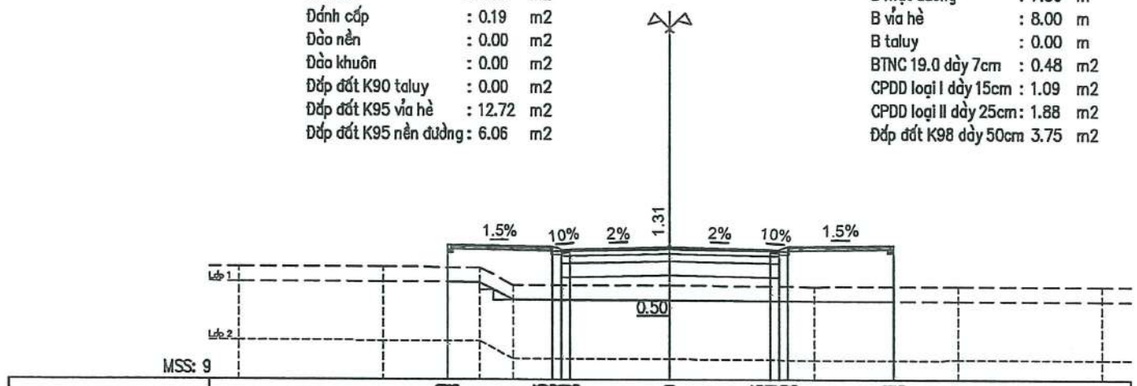
Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.71	m2	CPDD loại II dày 25cm:	1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.64	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | | | |

Cọc T2.11A
Km 0 + 167.53

Vết bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.19	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 12.72	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 6.06	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

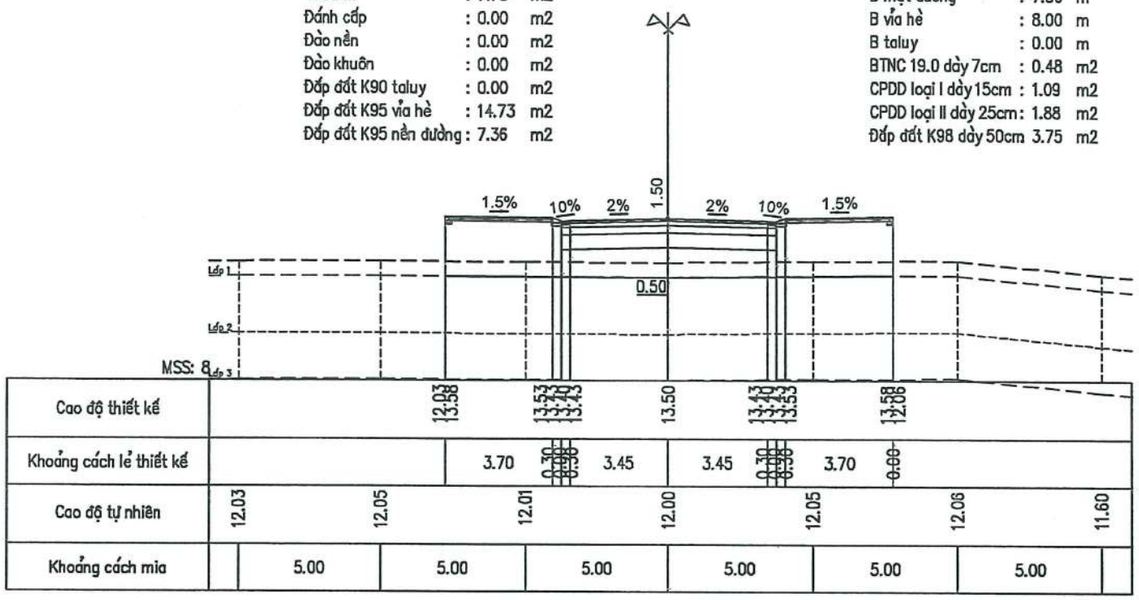


| | | | | |

Coc T2.13
Km 0 + 204.79

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 14.73	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 7.36	m2

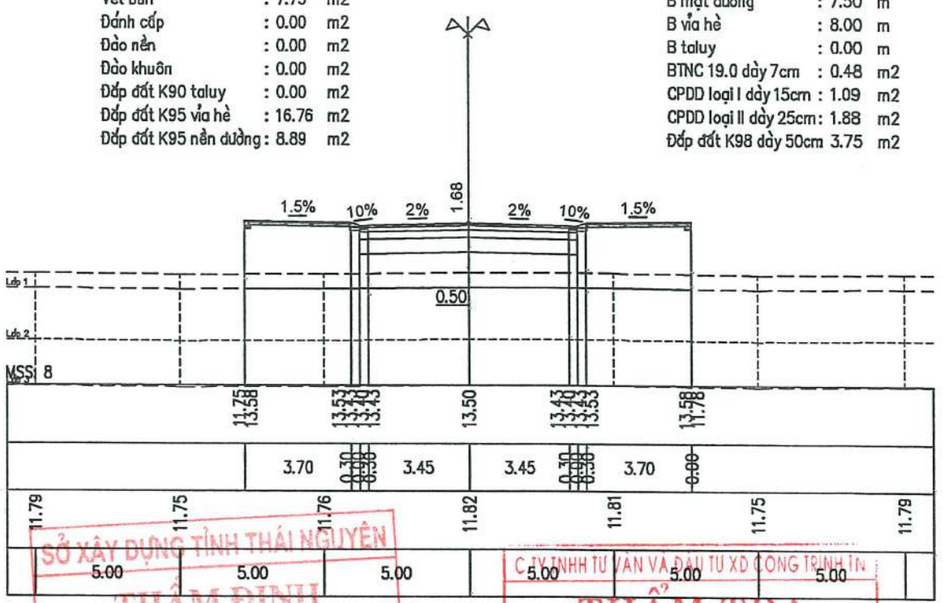
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Coc T2.14
Km 0 + 225.00

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 16.76	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 8.89	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



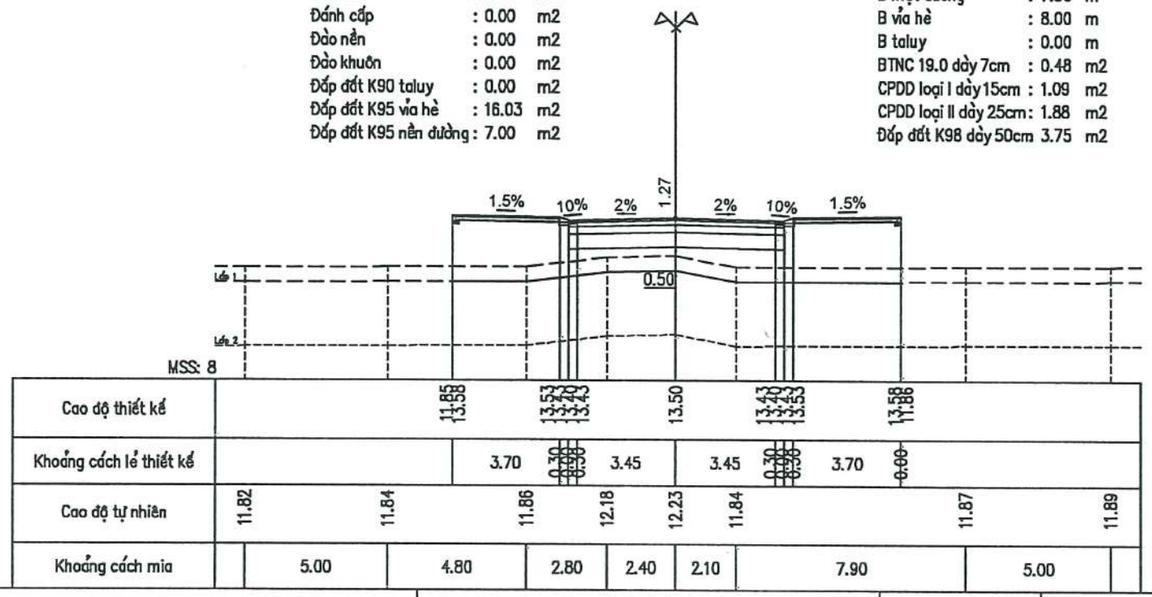
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Coc T2.13A
Km 0 + 218.29

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 16.03	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 7.00	m2

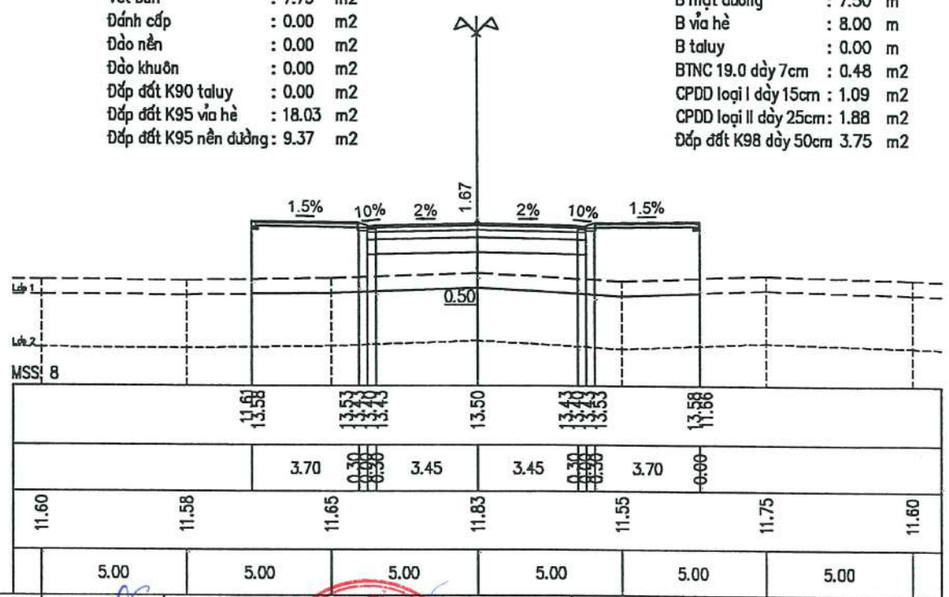
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Coc T2.15
Km 0 + 239.85

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.03	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 9.37	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



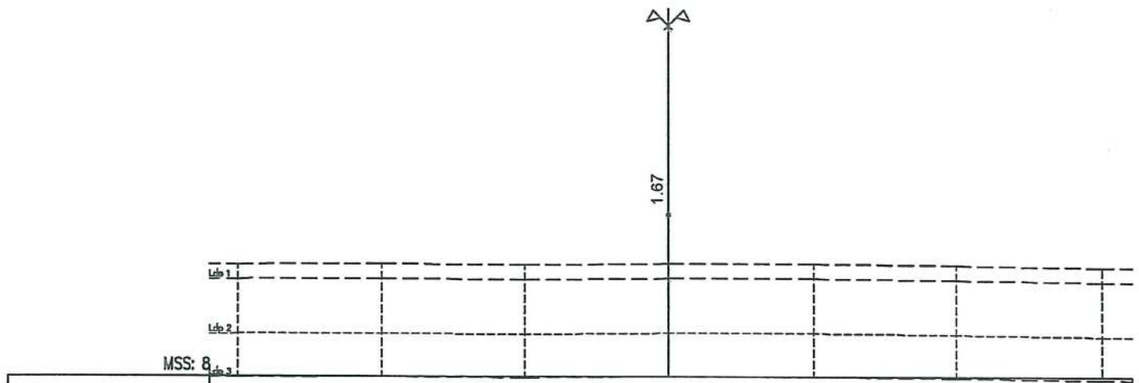
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 2

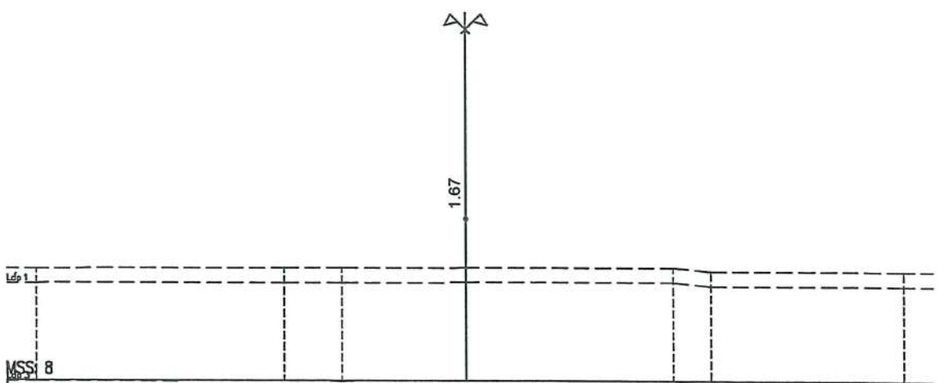
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T2-TN: 06/07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T2.16
Km 0 + 250.05



Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	11.80	11.82	11.78	11.83	11.83	11.78	11.72
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

Coc T2.17
Km 0 + 269.94



Cao độ tự nhiên	11.80	11.82	11.81	11.83	11.83	11.71	11.72
Khoảng cách mia		8.61	2.00	4.39	7.10	1.30	6.60

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

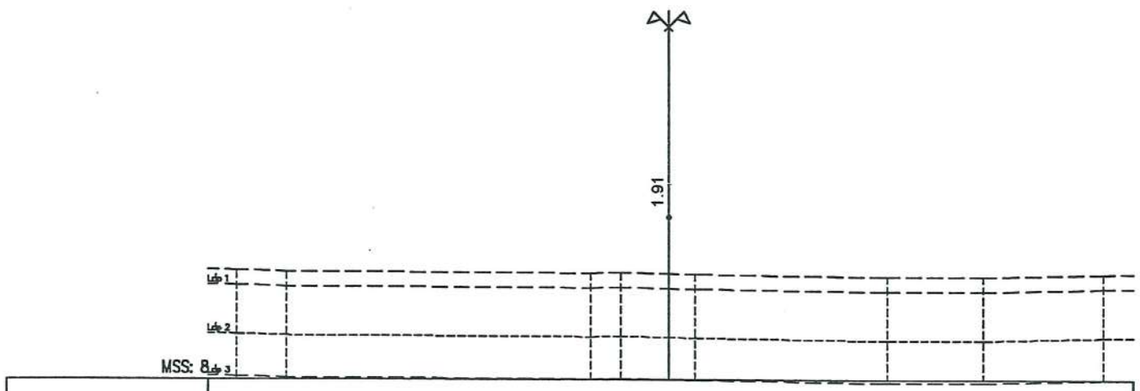
THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

Cọc N6
Km 0 + 257.83



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	11.71	11.66		11.61	11.63	11.59	11.57	11.49	11.50	11.59
Khoảng cách mia		1.74	10.59	1.05	1.62	0.92	6.64	3.36	4.08	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T2-TN: 07/07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 2

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích														Khối lượng													
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt đường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	T2.1		7,75	0,45	-	0,70	-	11,62	0,61	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,32															72,84	4,02	-	3,96	-	169,35	85,98	84,90	90,56	-	5,43	12,34	21,28	42,45
2	T2.1A		5,12	0,26	-	-	-	18,30	14,58	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		12,83															61,71	1,67	-	-	-	223,50	173,33	96,23	102,64	-	6,16	13,98	24,12	48,11
3	T2.2		4,50	-	-	-	-	16,54	12,44	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,72																												
4	N4		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		11,75																												
5	T2.3		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		2,00																												
6	T2.4		4,81	-	-	-	-	13,70	5,61	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		13,56															85,16	1,02	-	-	-	172,55	69,70	101,70	108,48	-	6,51	14,78	25,49	50,85
7	T2.4A		7,75	0,15	-	-	-	11,75	4,67	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,82															70,51	0,89	-	-	-	116,25	34,69	88,65	94,56	-	5,67	12,88	22,22	44,33
8	T2.5		4,18	-	-	-	-	7,92	1,20	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		2,60															15,51	-	-	-	-	22,87	3,76	19,50	20,80	-	1,25	2,83	4,89	9,75
9	T2.6		7,75	-	-	-	-	9,67	1,69	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,76															91,14	-	-	-	-	105,84	18,05	88,20	94,08	-	5,64	12,82	22,11	44,10
10	T2.7		7,75	-	-	-	-	8,33	1,38	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,74															90,99	-	-	-	-	94,45	12,56	88,05	93,92	-	5,64	12,80	22,07	44,03
11	T2.8		7,75	-	-	-	-	7,76	0,76	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		5,92															45,88	-	-	1,24	-	44,84	2,78	44,40	47,36	-	2,84	6,45	11,13	22,20
12	T2.8A		7,75	-	-	0,42	-	7,39	0,18	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		17,97															139,27	-	-	3,77	-	135,67	7,37	134,78	143,76	-	8,63	19,59	33,78	67,39
13	T2.9		7,75	-	-	-	-	7,71	0,64	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		4,16															32,24	-	-	-	-	31,97	2,39	31,20	33,28	-	2,00	4,53	7,82	15,60
14	T2.10		7,75	-	-	-	-	7,66	0,51	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		15,96																												
15	N5		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		14,05																												
16	T2.11		7,75	-	-	-	-	10,13	2,68	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		8,36															64,79	0,79	-	-	-	95,51	36,53	62,70	66,88	-	4,01	9,11	15,72	31,35
17	T2.11A		7,75	0,19	-	-	-	12,72	6,06	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		7,47															57,89	0,71	-	-	-	101,67	47,02	56,03	59,76	-	3,59	8,14	14,04	28,01
18	T2.12		7,75	-	-	-	-	14,50	6,53	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,93															73,85	0,89	-	-	-	142,92	66,45	89,48	95,44	-	4,95	11,09	19,03	38,00
19	T2.12A		4,63	0,15	-	-	-	9,46	4,61	7,50	8,00	-	0,35	0,77	1,31	2,62														
		4,78															21,87	0,84	-	-	-	45,86	21,18	35,85	38,24	-	1,63	3,61	6,14	12,28
20	T2.12B		4,52	0,20	-	-	-	9,73	4,25	7,50	8,00	-	0,33	0,74	1,26	2,52														
		13,08															80,25	1,31	-	-	-	159,97	75,93	98,10	104,64	-	5,30	11,97	20,54	41,01
21	T2.13		7,75	-	-	-	-	14,73	7,36	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		13,50															104,63	-	-	-	-	207,63	96,93	101,25	108,00	-	6,48	14,72	25,38	50,63
22	T2.13A		7,75	-	-	-	-	16,03	7,00	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		6,71															52,00	-	-	-	-	110,01	53,31	50,33	53,68	-	3,22	7,31	12,61	25,16
23	T2.14		7,75	-	-	-	-	16,76	8,89	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		14,85															115,09	-	-	-	-	258,32	135,58	111,38	118,80	-	7,13	16,19	27,92	55,69
24	T2.15		7,75	-	-	-	-	18,03	9,37	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		10,20																												
25	T2.16		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		7,78																												
26	N6		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		12,11																												
27	T2.17		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
	Tổng	184,36															1.275,60	12,13	-	8,98	-	2.239,18	943,54	1.382,70	1.474,88	-	86,07	195,15	336,30	670,92

Khối lượng tính trong Nút giao N4

Khối lượng tính trong Nút giao N5

Khối lượng tính trong Nút giao N6

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T2-BKL: 01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH T...

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

KHỐI LƯỢNG TÍNH TRONG NÚT N7

KHỐI LƯỢNG TÍNH TRONG NÚT N8

KHỐI LƯỢNG TÍNH TRONG NÚT N9

Km 0+0.00

1.88 1.91 1.87 1.87 2.07 2.20 2.21 2.20 1.41 1.38 1.44 1.44 1.46 1.47 1.52 1.64 1.34 0.80 0.81 0.95 1.11 1.59 1.75

KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

L1 LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM

L2 LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA

L3 LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG

L4 LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA LẪN DĂM SẠN ĐẤT SÉT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG

PHẠM VI TÍNH KHỐI LƯỢNG

MSS: 8

| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

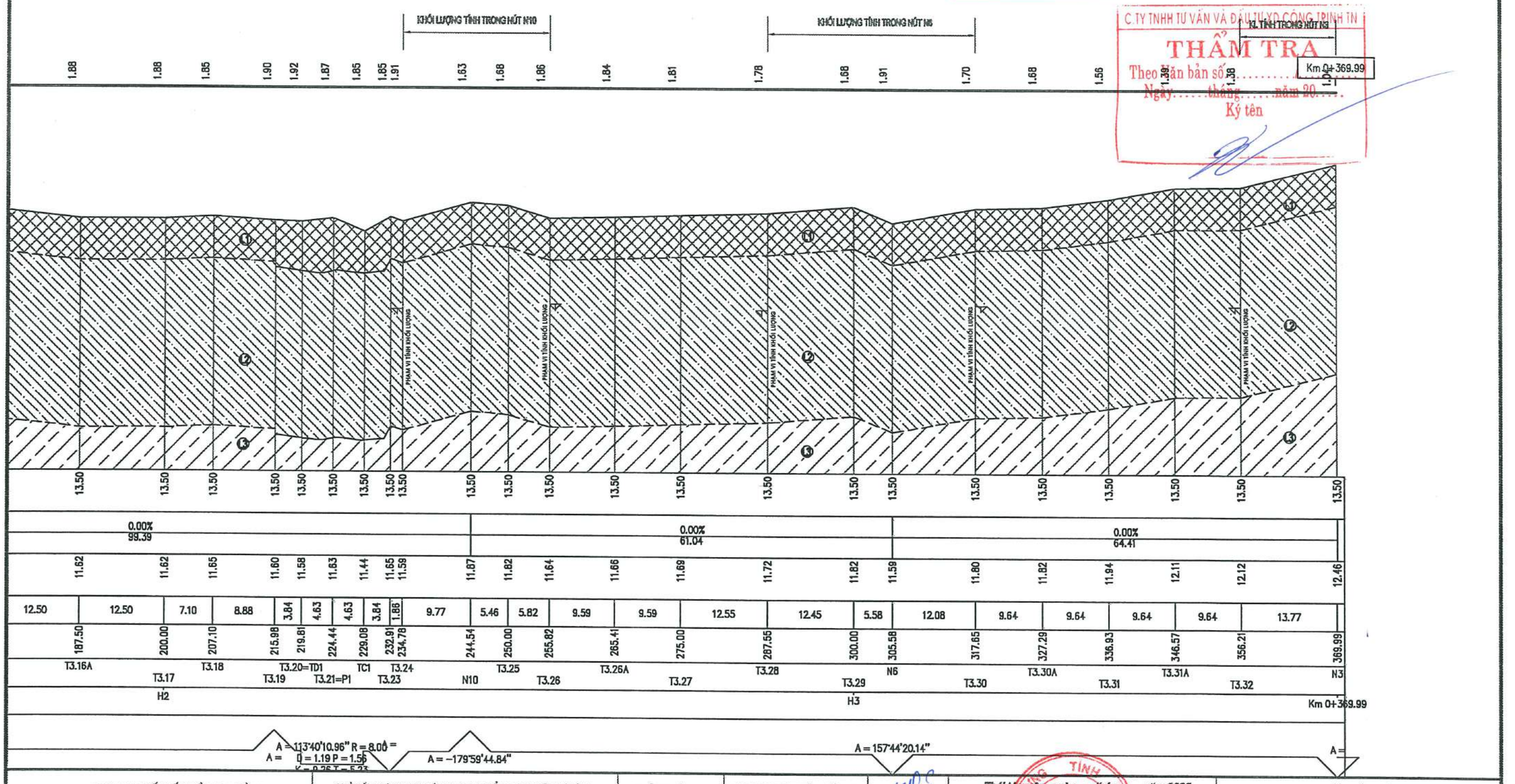
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên



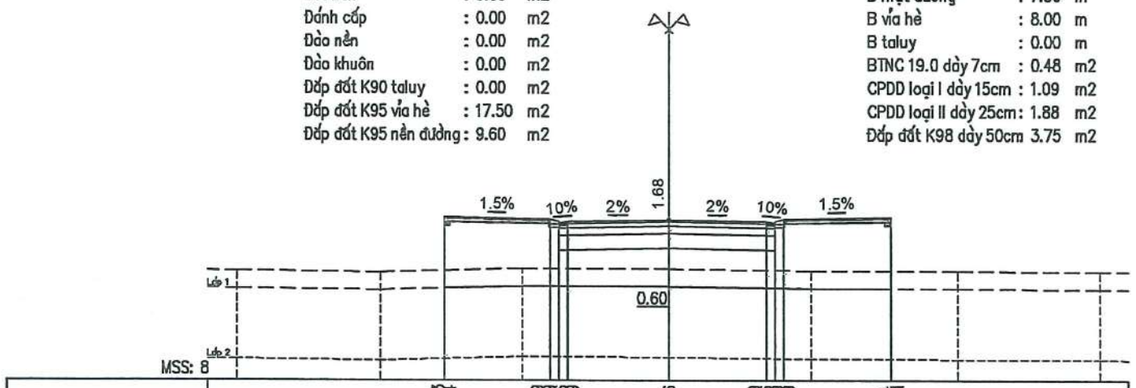
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày .... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC DỌC TUYẾN 3

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T3-TD: 02/02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

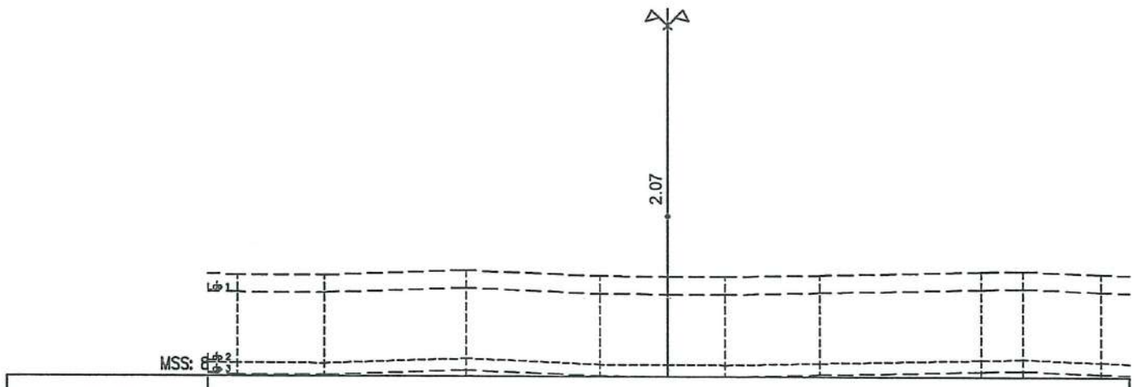
Coc T3.1
Km 0 + 0.00

Vét bùn	: 9.30	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 17.50	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 9.60	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | | | |

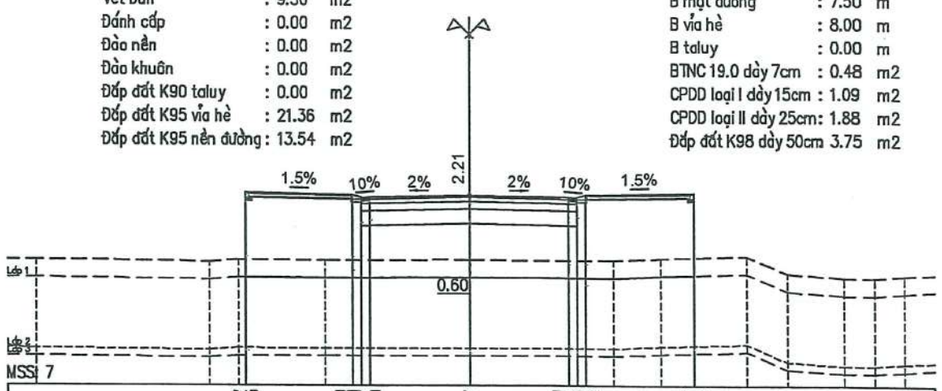
Cọc N7
Km 0 + 35.90



Cao độ thiết kế											
Khoảng cách lẻ thiết kế											
Cao độ tự nhiên	11.45	11.43	11.60	11.40	11.39	11.38	11.45	11.57	11.60	11.50	
Khoảng cách mia		3.03	5.02	4.65	2.30	2.01	3.27	5.57	1.45	2.70	

Cọc T3.5
Km 0 + 47.67

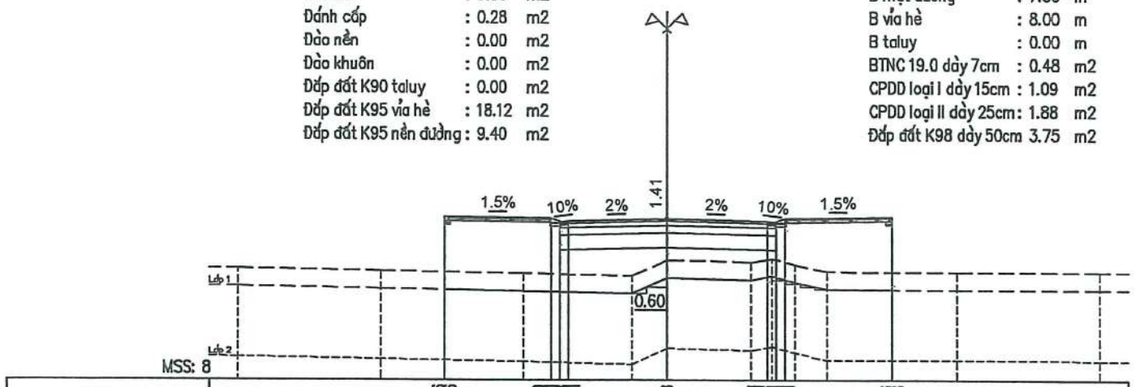
Vết bùn	: 9.30	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 21.36	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 13.54	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | | | | | | | | | |

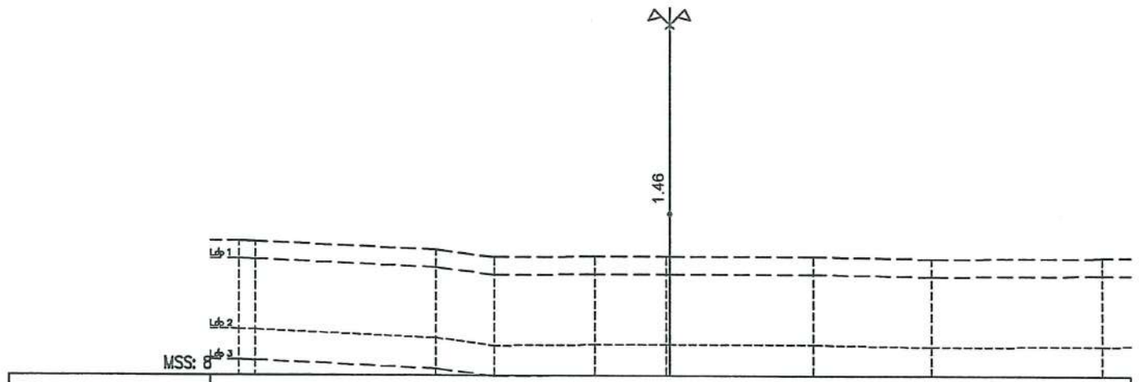
Cọc T3.6A
Km 0 + 57.45

Vết bùn	: 9.30	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.28	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.12	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 9.40	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | | | |

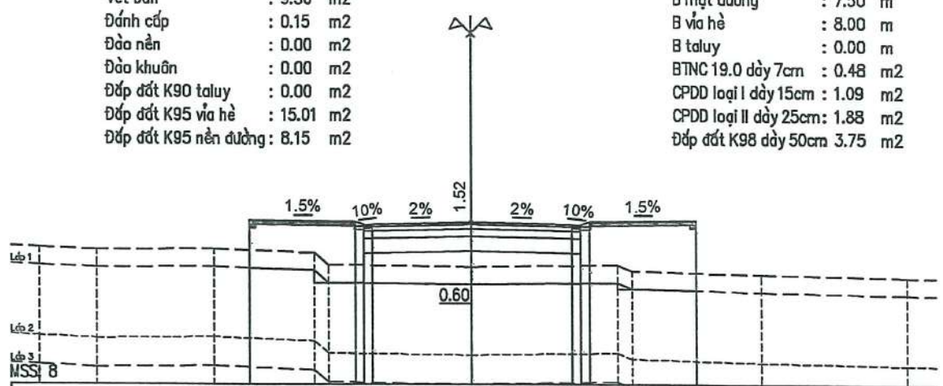
Cọc N8
Km 0 + 89.40



Cao độ thiết kế									
Khoảng cách lẻ thiết kế									
Cao độ tự nhiên	12.56 12.55		12.26	12.01	12.04	12.04 12.04	12.05	11.97	12.01
Khoảng cách mia	0.56	6.36	2.03	3.51	2.42	0.12	5.01	4.11	5.88

Cọc T3.10
Km 0 + 101.16

Vết bùn	: 9.30	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.15	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 15.01	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 8.15	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

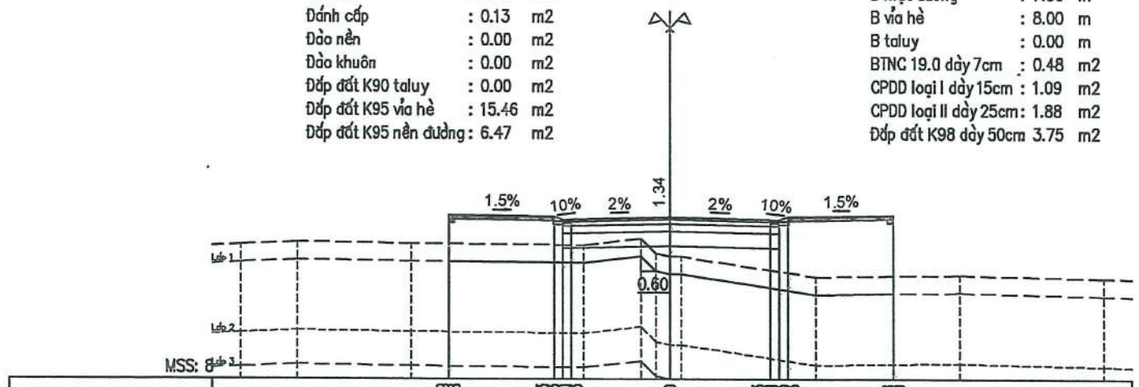


| | | | | | | | | |

Coc T3.11
Km 0 + 125.00

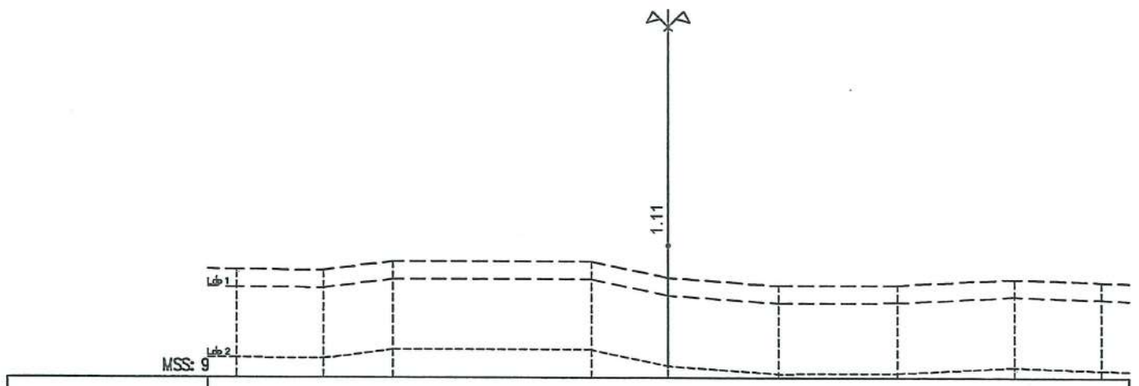
Vét bùn	: 9.30	m2
Đánh cấp	: 0.13	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 15.46	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 6.47	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | |

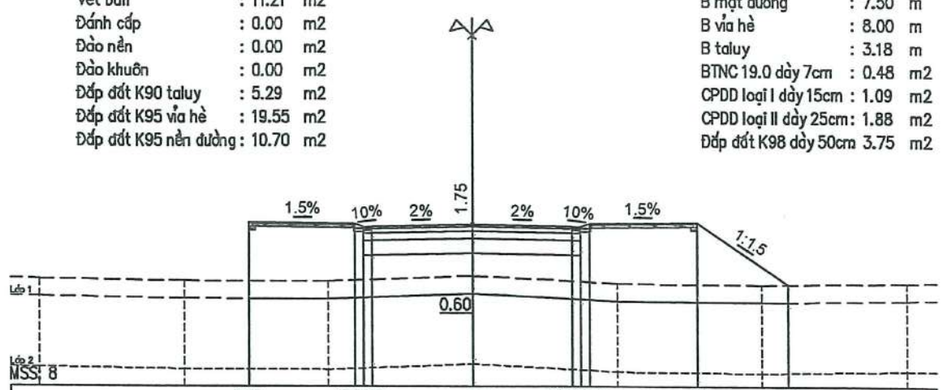
Coc T3.14
Km 0 + 154.88



Cao độ thiết kế									
Khoảng cách lẻ thiết kế									
Cao độ tự nhiên	12.67	12.64	12.94	12.94	12.39	12.13	12.15	12.35	12.25
Khoảng cách mia		3.00	2.40	7.00	2.60	3.80	4.20	4.00	3.00

Coc T3.16
Km 0 + 175.00

Vét bùn	: 11.21	m2	B mặt đường	: 7.50 m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00 m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 3.18 m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48 m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.29	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 19.55	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.70	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75 m2

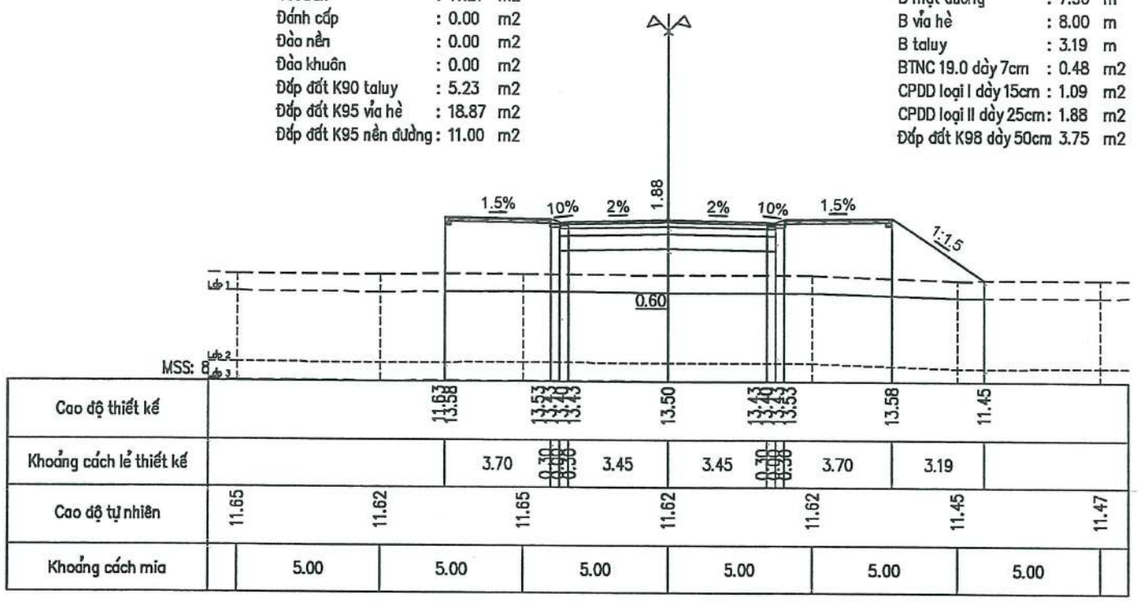


| | | | | | | | | |

Coc T3.17
Km 0 + 200.00

Vét bùn	: 11.21	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.23	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.87	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 11.00	m2

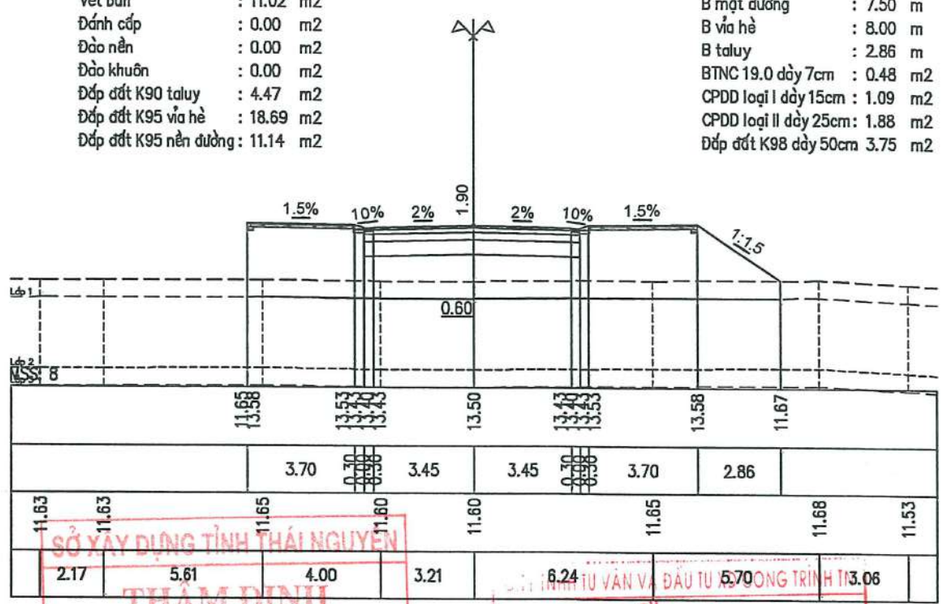
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 3.19	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Coc T3.19
Km 0 + 215.98

Vét bùn	: 11.02	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 4.47	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.69	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 11.14	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 2.86	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



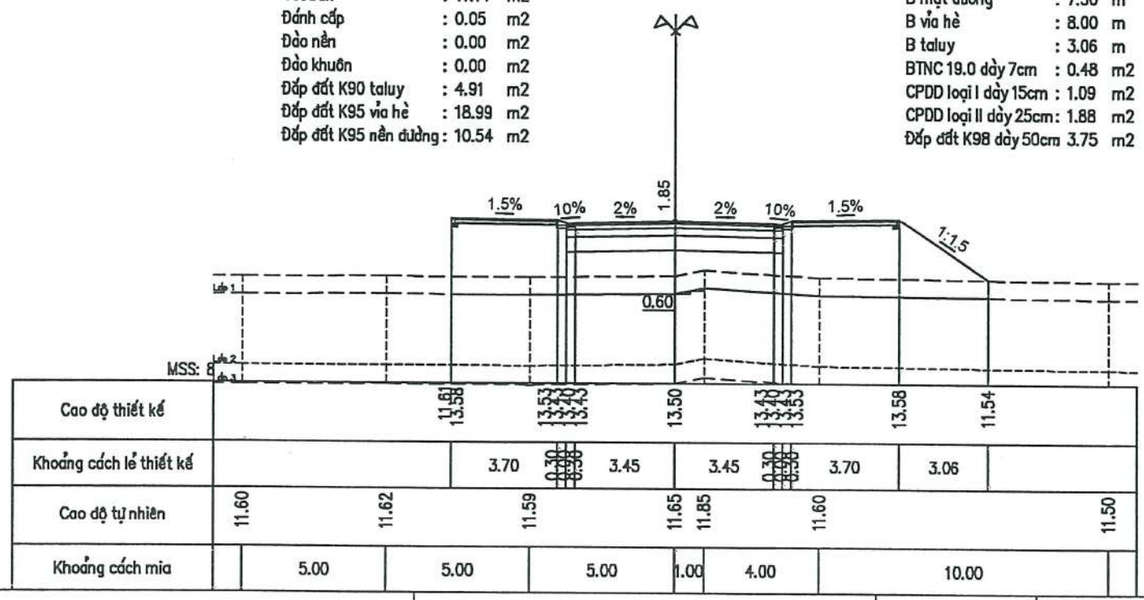
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Coc T3.18
Km 0 + 207.10

Vét bùn	: 11.14	m2
Đánh cấp	: 0.05	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 4.91	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.99	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.54	m2

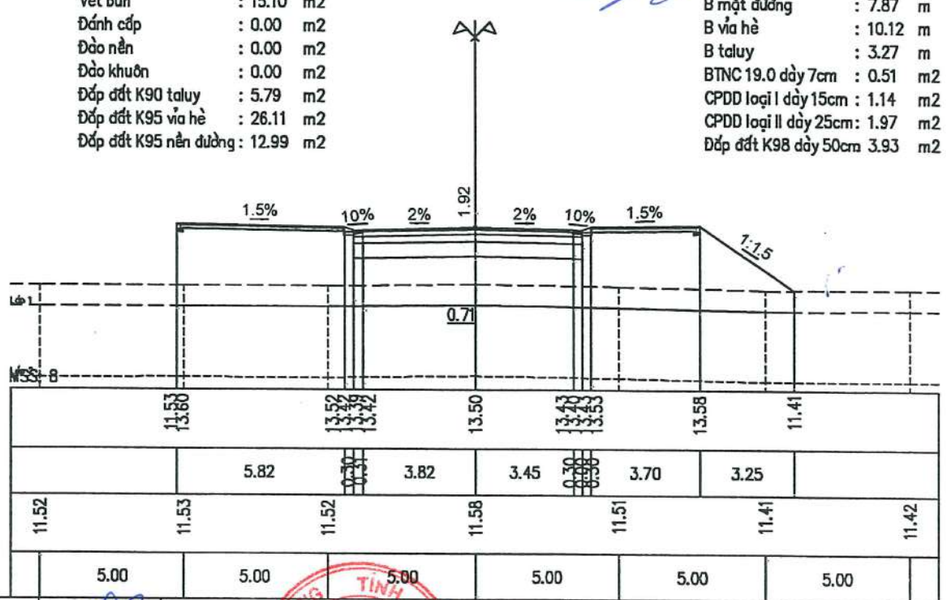
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 3.06	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Coc T3.20=TD1
Km 0 + 219.81

Vét bùn	: 15.10	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.79	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 26.11	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 12.99	m2

B mặt đường	: 7.87	m
B vỉa hè	: 10.12	m
B taluy	: 3.27	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.51	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.14	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.97	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.93	m2

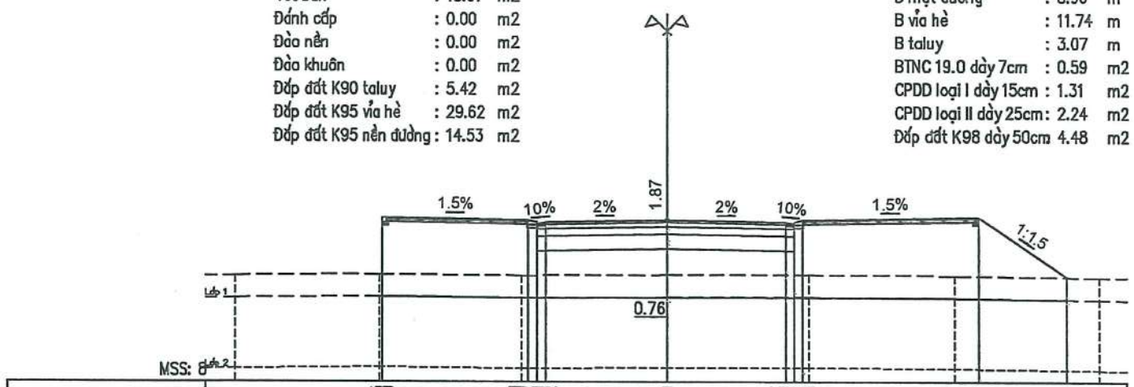


ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG TRẮC NGANG TUYẾN 3	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T3-TN: 07/12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Cọc T3.21=P1
Km 0 + 224.44

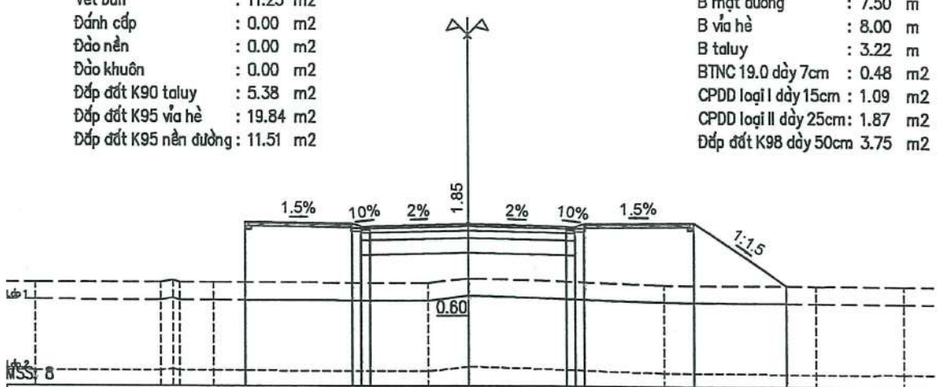
Vét bùn	: 18.07	m2	B mặt đường	: 8.96	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 11.74	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 3.07	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.59	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.42	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.31	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 29.62	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 2.24	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 14.53	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	4.48	m2



Cao độ thiết kế	11.65	13.58	13.51	13.39	13.42	13.50	13.42	13.39	13.51	13.60	11.55			
Khoảng cách lẻ thiết kế			5.11	0.30	0.30	4.18	4.18	0.30	0.30	6.03	3.07			
Cao độ tự nhiên	11.60	11.65	11.60	11.63	11.63	11.60	11.54							
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00							

Cọc T3.23
Km 0 + 232.91

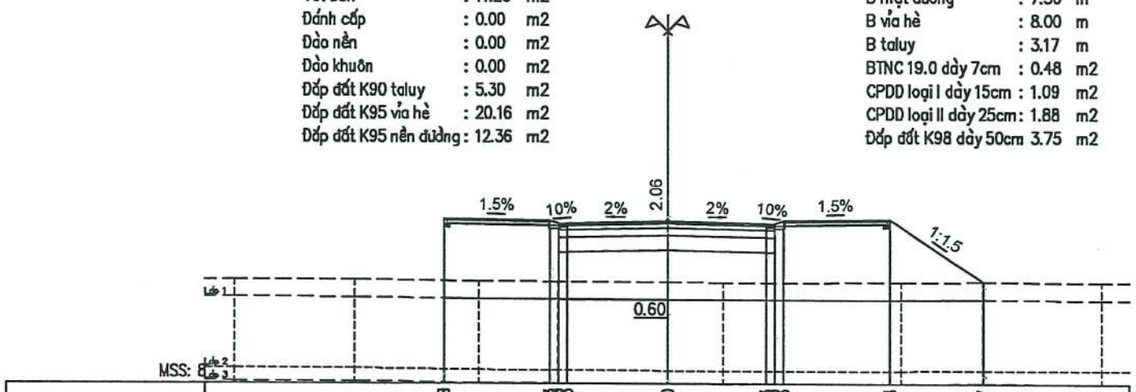
Vét bùn	: 11.23	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 3.22	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.38	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 19.84	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.87	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 11.51	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Cao độ thiết kế	11.51	13.58	13.53	13.40	13.43	13.50	13.43	13.40	13.53	13.58	11.43			
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.70	0.30	0.30	3.45	3.45	0.30	0.30	3.70	3.22			
Cao độ tự nhiên	11.53	11.52	11.49	11.65	11.45	11.43	11.44							
Khoảng cách mia		4.32	1.18	7.45	1.40	6.73	5.29	2.98						

Cọc T3.22=TC1
Km 0 + 229.08

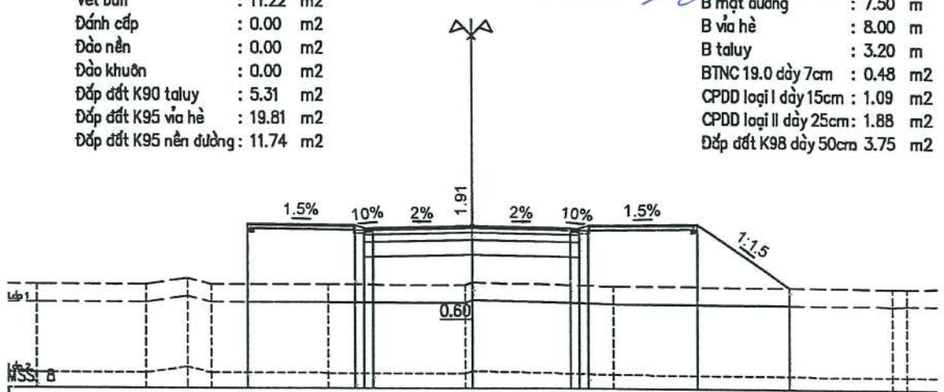
Vét bùn	: 11.20	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 3.17	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.30	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 20.16	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 12.36	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Cao độ thiết kế	13.58	13.53	13.40	13.43	13.50	13.43	13.40	13.53	13.58	11.47				
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.70	0.30	0.30	3.45	3.45	0.30	0.30	3.70	3.17			
Cao độ tự nhiên	11.54	11.53	11.47	11.46	11.44	11.44	11.44	11.47	11.45					
Khoảng cách mia		4.12	4.35	2.76	3.77	1.93	6.19	2.78	4.11					

Cọc T3.24
Km 0 + 234.78

Vét bùn	: 11.22	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 3.20	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.31	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 19.81	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 11.74	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



Cao độ thiết kế	11.53	13.58	13.53	13.40	13.43	13.50	13.43	13.40	13.53	13.58	11.45			
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.70	0.30	0.30	3.45	3.45	0.30	0.30	3.70	3.20			
Cao độ tự nhiên	11.53	11.52	11.73	11.53	11.52	11.50	11.59	11.48	11.43	11.43				
Khoảng cách mia		3.74	1.44	0.81	4.05	4.71	0.25	4.89	9.62	0.49				

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

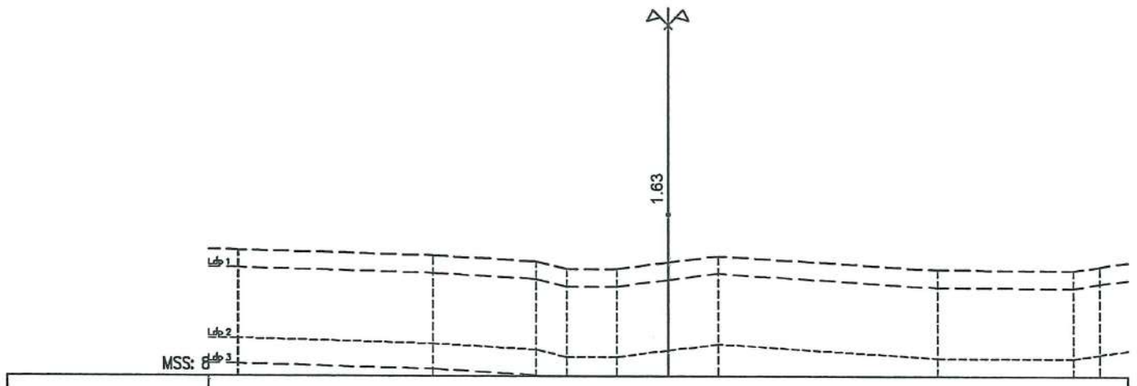
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 3

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T3-TN: 08/12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc N10
Km 0 + 244.54

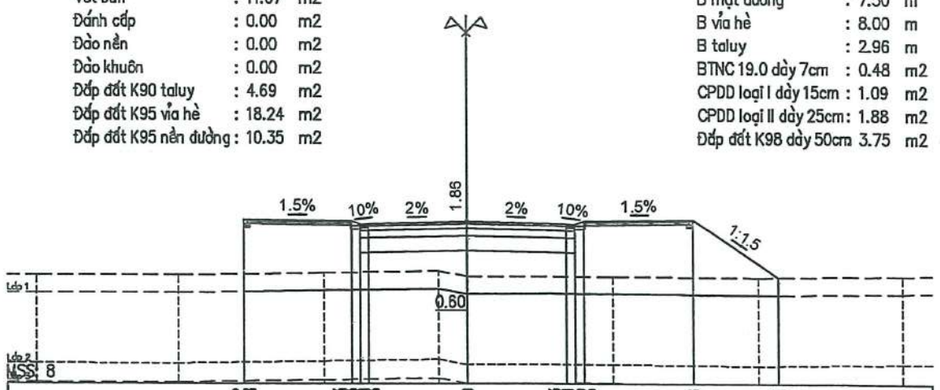


Cao độ thiết kế											
Khoảng cách lẻ thiết kế											
Cao độ tự nhiên	12.28 12.28		12.10		11.90	11.64	11.65	11.87	12.08	11.61	11.59 11.73
Khoảng cách mia	0.03	6.77	3.60	1.08	1.74	1.78	1.76	7.56	4.76	0.91	

Coc T3.26
Km 0 + 255.82

Vét bùn	: 11.07	m2	
Đánh cấp	: 0.00	m2	
Đào nền	: 0.00	m2	
Đào khuôn	: 0.00	m2	
Đắp đất K90 taluy	: 4.69	m2	
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.24	m2	
Đắp đất K95 nền đường	: 10.35	m2	

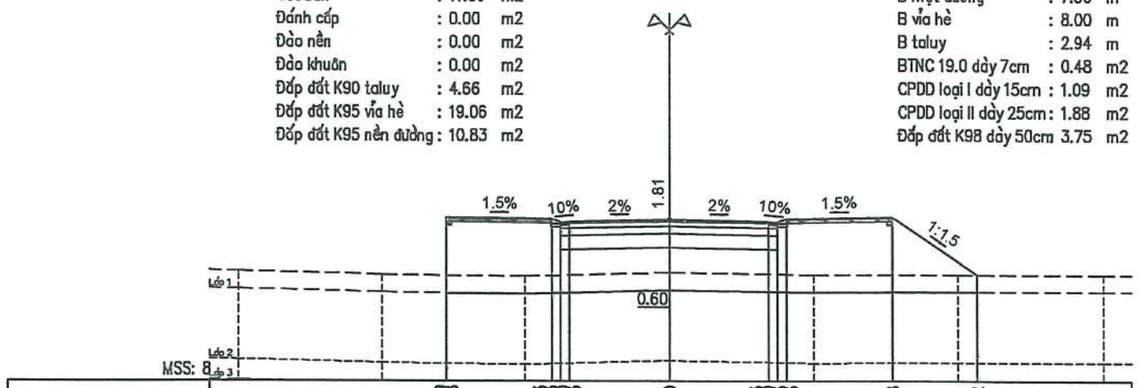
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 2.96	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | | | | | | | | | |

Coc T3.27
Km 0 + 275.00

Vét bùn	: 11.06	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 2.94	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 4.66	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 19.06	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.83	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

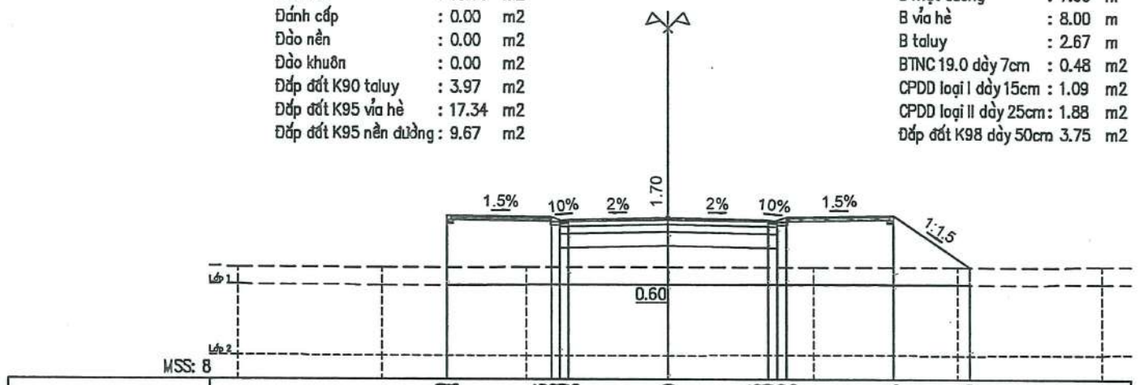


| | | | | |

Coc T3.30
Km 0 + 317.65

Vét bùn	: 10.90	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 3.97	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 17.34	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 9.67	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 2.67	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

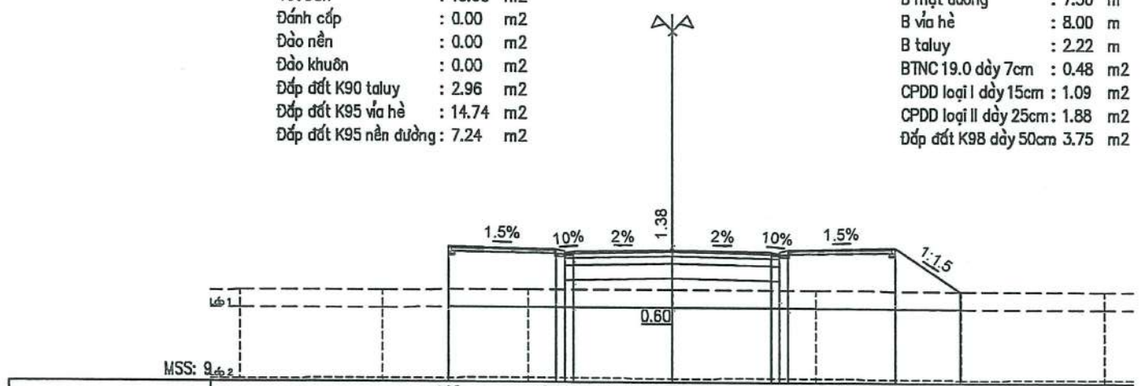


| | | |

Coc T3.32
Km 0 + 356.21

Vét bùn	: 10.63	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 2.96	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 14.74	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 7.24	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 2.22	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | |

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 3

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích													Khối lượng												
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt ường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	T3.1		9,30	-	-	-	-	17,50	9,60	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		12,08															112,34	-	-	-	-	219,25	125,81	90,60	96,64	-	5,80	13,17	22,71	45,30
2	T3.1A		9,30	-	-	-	-	18,80	11,23	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		12,08															112,34	-	-	-	-	226,50	133,97	90,60	96,64	-	5,80	13,17	22,71	45,30
3	T3.2		9,30	-	-	-	-	18,70	10,95	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		4,12																											
4	T3.3		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		7,62																											
5	N7		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N7												
		7,78																											
6	T3.4		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		3,99																											
7	T3.5		9,30	-	-	-	-	21,36	13,54	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		2,33															21,67	0,14	-	-	-	51,10	31,05	17,48	18,64	-	1,12	2,54	4,38	8,74
8	T3.6		9,30	0,12	-	-	-	22,50	13,11	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		7,45															69,29	1,49	-	-	-	151,31	83,85	55,88	59,60	-	3,58	8,12	14,01	27,94
9	T3.6A		9,30	0,28	-	-	-	18,12	9,40	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		7,13															66,31	1,28	-	-	-	125,24	65,35	53,48	57,04	-	3,42	7,77	13,40	26,74
10	T3.6B		9,30	0,08	-	-	-	17,01	8,93	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		13,08															121,64	1,11	-	-	-	217,59	109,09	98,10	104,64	-	6,28	14,26	24,59	49,05
11	T3.7		9,30	0,09	-	-	-	16,26	7,75	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		4,18																											
12	T3.8		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		7,56																											
13	N8		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N8												
		7,94																											
14	T3.9		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		3,82																											
15	T3.10		9,30	0,15	-	-	-	15,01	8,15	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		11,92															110,86	1,85	-	-	-	176,59	103,53	89,40	95,36	-	5,72	12,99	22,41	44,70
16	T3.10A		9,30	0,16	-	-	-	14,62	9,22	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		11,92															110,86	1,73	-	-	-	179,28	93,51	89,40	95,36	-	5,72	12,99	22,41	44,70
17	T3.11		9,30	0,13	-	-	-	15,46	6,47	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		6,16															57,29	0,40	-	-	-	78,57	28,55	46,20	49,28	-	2,96	6,71	11,58	23,10
18	T3.12		9,30	-	-	-	-	10,05	2,80	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		4,15																											
19	T3.13		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		9,84																											
20	N9		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N9												
		9,73																											
21	T3.14		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		4,28																											
22	T3.15		9,30	-	-	-	-	18,80	9,69	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75													
		15,84															162,44	-	-	-	41,90	303,73	161,49	118,80	126,72	25,19	7,60	17,27	29,78	59,40
23	T3.16		11,21	-	-	-	5,29	19,55	10,70	7,50	8,00	3,18	0,48	1,09	1,88	3,75													
		12,50															139,25	-	-	-	62,06	235,75	133,56	93,75	100,00	38,31	6,00	13,63	23,50	46,88
24	T3.16A		11,07	-	-	-	4,64	18,17	10,67	7,50	8,00	2,95	0,48	1,09	1,88	3,75													
		12,50															139,25	-	-	-	61,69	231,50	135,44	93,75	100,00	38,38	6,00	13,63	23,50	46,88
25	T3.17		11,21	-	-	-	5,23	18,87	11,00	7,50	8,00	3,19	0,48	1,09	1,88	3,75													
		7,10															79,34	0,18	-	-	36,00	134,40	76,47	53,25	56,80	22,19	3,41	7,74	13,35	26,63
26	T3.18		11,14	0,05	-	-	4,91	18,99	10,54	7,50	8,00	3,06	0,48	1,09	1,88	3,75													
		8,88															98,39	0,22	-	-	41,65	167,30	96,26	66,60	71,04	26,28	4,26	9,68	16,69	33,30
27	T3.19		11,02	-	-	-	4,47	18,69	11,14	7,50	8,00	2,86	0,48	1,09	1,88	3,75													
		3,84															50,15	-	-	-	19,70	86,02	46,33	29,51	34,79	11,77	1,90	4,28	7,39	14,75
28	T3.20=TD1		15,10	-	-	-	5,79	26,11	12,99	7,87	10,12	3,27	0,51	1,14	1,97	3,93													
		4,63															76,79	-	-	-	25,95	129,01	63,71	38,96	50,61	14,68	2,55	5,67	9,75	19,47
29	T3.21=P1		18,07	-	-	-	5,42	29,62	14,53	8,96	11,74	3,07	0,59	1,31	2,24	4,48													
		4,63															67,76	-	-	-	24,82	115,24	62,25	38,10	45,70	14,45	2,48	5,56	9,54	19,05
30	T3.22=TC1		11,20	-	-	-	5,30	20,16	12,36	7,50	8,00	3,17	0,48	1,09	1,88	3,75													
		3,84															43,07	-	-	-	20,51	76,80	45,83	28,80	30,72	12,27	1,84	4,19	7,20	14,40
31	T3.23		11,23	-	-	-	5,38	19,84	11,51	7,50	8,00	3,22	0,48	1,09	1,87	3,75													
		1,86															20,88	-	-	-	9,94	36,87	21,62	13,95	14,88	5,97	0,89	2,03	3,49	6,98

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 3

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T3-BKL: 01/02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 3

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích													Khối lượng												
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt ường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
32	T3.24		11,22	-	-	-	5,31	19,81	11,74	7,50	8,00	3,20	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,77																											
33	N10		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N10												
		5,46																											
34	T3.25		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		5,82																											
35	T3.26		11,07	-	-	-	4,69	18,24	10,35	7,50	8,00	2,96	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,59															105,92	0,38	-	-	44,11	175,69	100,60	71,93	76,72	27,95	4,60	10,45	18,03	35,96
36	T3.26A		11,02	0,08	-	-	4,51	18,40	10,63	7,50	8,00	2,87	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,59															105,87	0,38	-	-	43,97	179,62	102,90	71,93	76,72	27,86	4,60	10,45	18,03	35,96
37	T3.27		11,06	-	-	-	4,66	19,06	10,83	7,50	8,00	2,94	0,48	1,09	1,88	3,75													
		12,55															138,99	-	-	-	59,42	235,81	132,59	94,13	100,40	37,21	6,02	13,68	23,59	47,06
38	T3.28		11,09	-	-	-	4,81	18,52	10,30	7,50	8,00	2,99	0,48	1,09	1,88	3,75													
		12,45																											
39	T3.29		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N6												
		5,58																											
40	N6		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		12,08																											
41	T3.30		10,90	-	-	-	3,97	17,34	9,67	7,50	8,00	2,67	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,64															104,88	-	-	-	36,63	166,63	92,64	72,30	77,12	25,45	4,63	10,51	18,12	36,15
42	T3.30A		10,86	-	-	-	3,63	17,23	9,55	7,50	8,00	2,61	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,64															104,45	-	-	-	35,09	165,09	90,09	72,30	77,12	24,73	4,63	10,51	18,12	36,15
43	T3.31		10,81	-	-	-	3,65	17,02	9,14	7,50	8,00	2,52	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,64															103,20	-	-	-	31,28	153,95	79,63	72,30	77,12	22,56	4,63	10,51	18,12	36,15
44	T3.31A		10,60	-	-	-	2,84	14,92	7,38	7,50	8,00	2,16	0,48	1,09	1,88	3,75													
		9,64															102,33	-	-	-	27,96	142,96	70,47	72,30	77,12	21,11	4,63	10,51	18,12	36,15
45	T3.32		10,63	-	-	-	2,96	14,74	7,24	7,50	8,00	2,22	0,48	1,09	1,88	3,75													
		13,77																											
46	N3		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N3												
	Tổng	**230,06**															**2.425,55**	**9,17**	-	-	**622,67**	**4.161,80**	**2.286,57**	**1.733,78**	**1.866,77**	**396,35**	**111,07**	**252,00**	**434,53**	**866,87**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

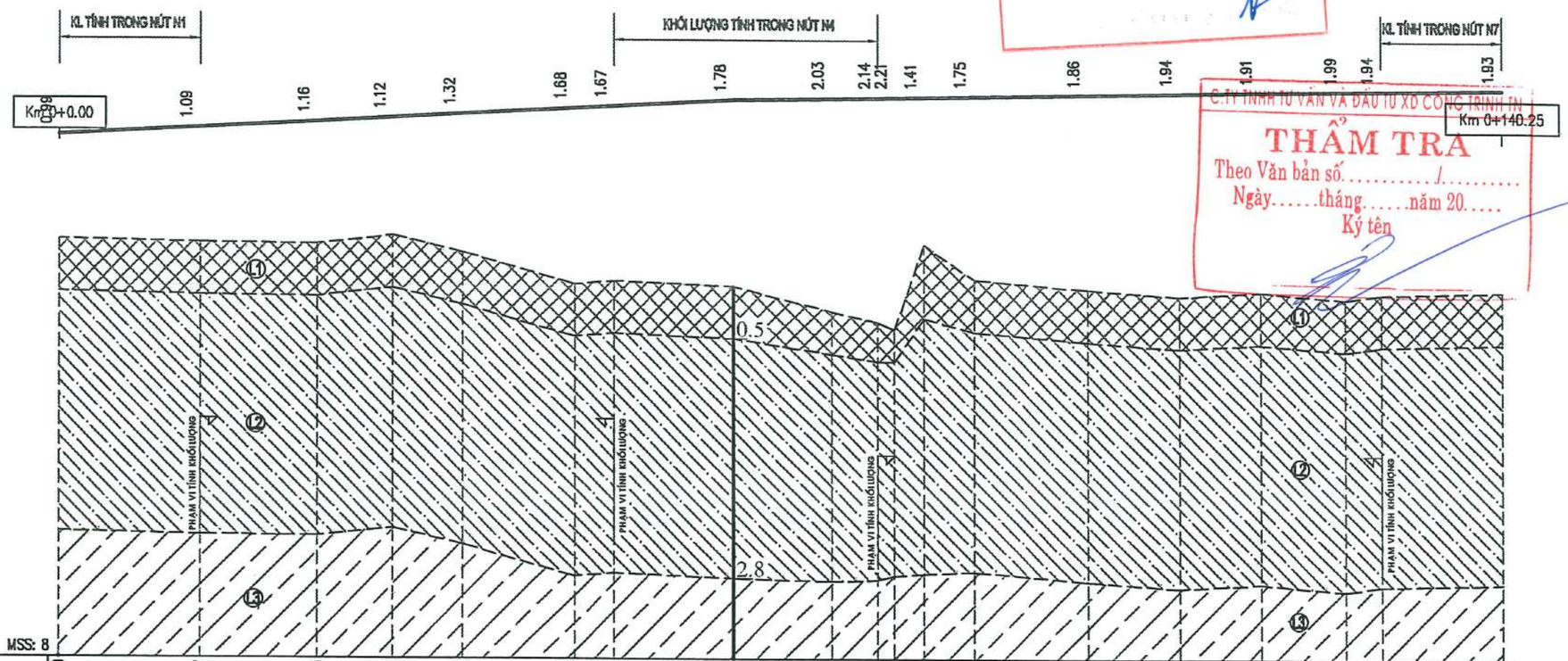
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 3	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T3-BKL: 02/02
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN				
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC			LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

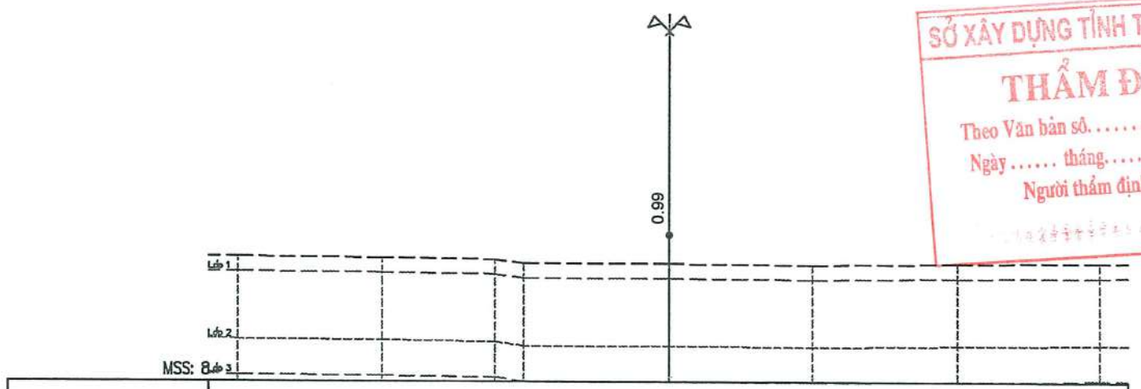
KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

- L1: LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
- L2: LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
- L3: LỚP 3: ĐẤT BỘT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG
- L4: LỚP 4: ĐẤT BỘT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG



| | | |

Coc N1
Km 0 + 0.00



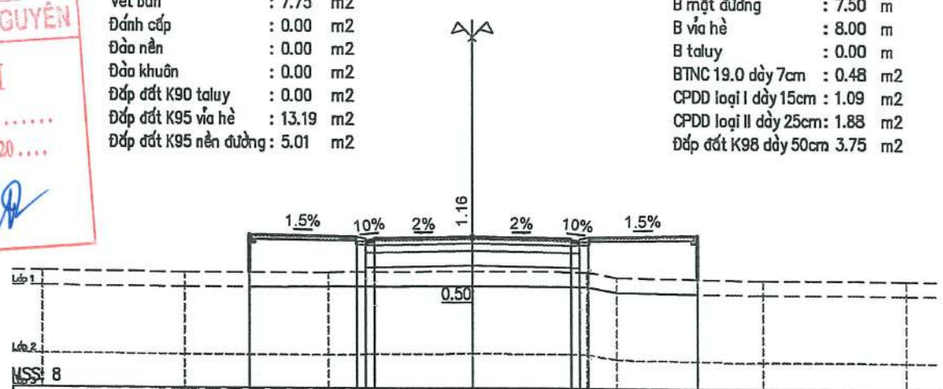
Cao độ thiết kế								
Khoảng cách lẻ thiết kế								
Cao độ tự nhiên	12.24	12.20	12.15	12.01	12.01	11.97	12.02	12.05
Khoảng cách mia		5.00	4.00	1.00	5.00	5.00	5.00	5.00

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

Coc T4.2
Km 0 + 25.00

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 13.19	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 5.01	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

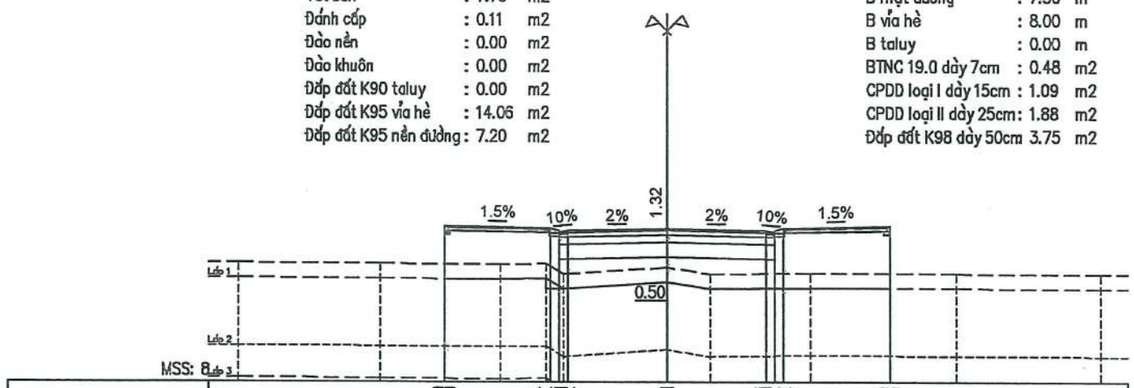


| | | | | | | | |

Coc T4.2B
Km 0 + 39.36

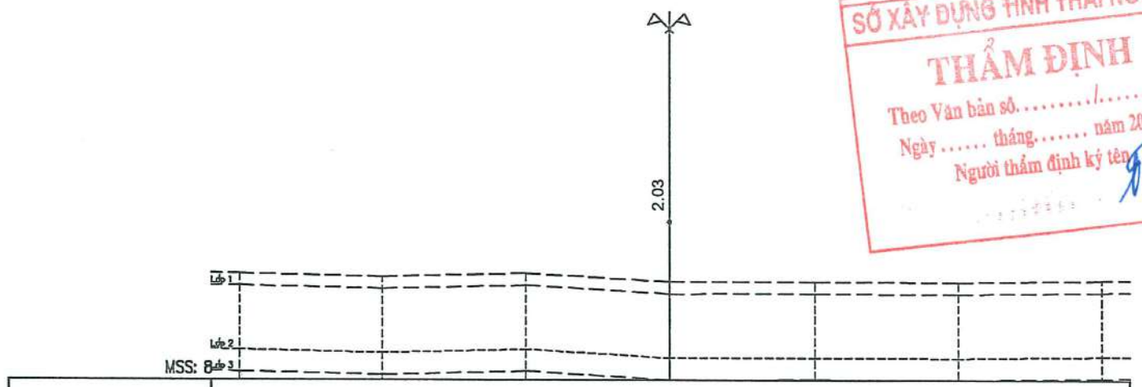
Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.11	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 14.06	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 7.20	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | |

Cọc T4.5
Km 0 + 75.00

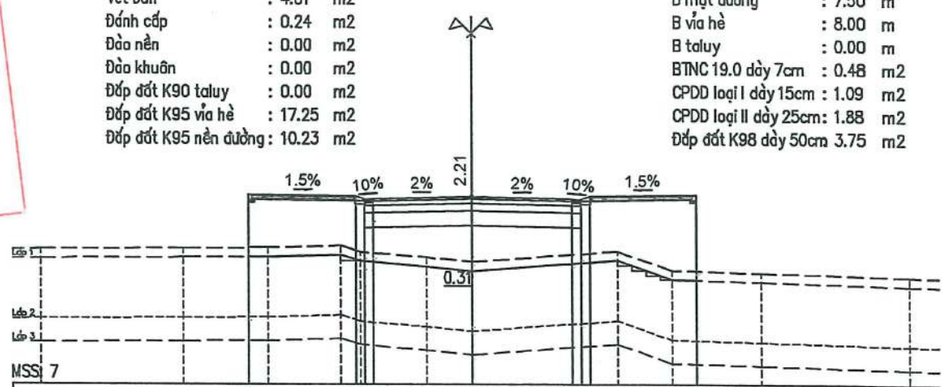


Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	11.61	11.50	11.62	11.33	11.34	11.32	11.38
Khoảng cách mia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

Cọc T4.6A
Km 0 + 81.13

Vét bùn	: 4.81	m2	B mặt đường	: 7.50 m
Đánh cấp	: 0.24	m2	B vỉa hè	: 8.00 m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00 m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48 m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 17.25	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.23	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75 m2

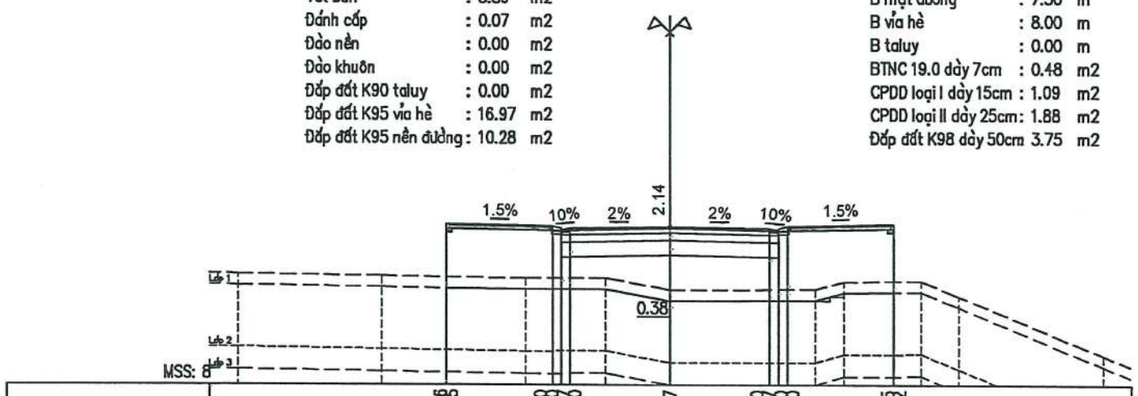


Cao độ thiết kế	11.64 13.45							13.40 13.30 13.30 13.30				13.37			13.39 13.30 13.30 13.40				13.45 10.85					
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.70		0.30 0.00 0.30		3.45			3.45			0.30 0.00 0.30		3.70		0.00						
Cao độ tự nhiên	11.59		11.62		11.64	11.71 11.50		11.31		11.16					11.52		10.87		10.79				10.66	
Khoảng cách mia	5.00		2.90		2.50	0.70		2.30		1.60		5.00			1.90		3.10		5.00					

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Cọc T4.6
Km 0 + 79.53

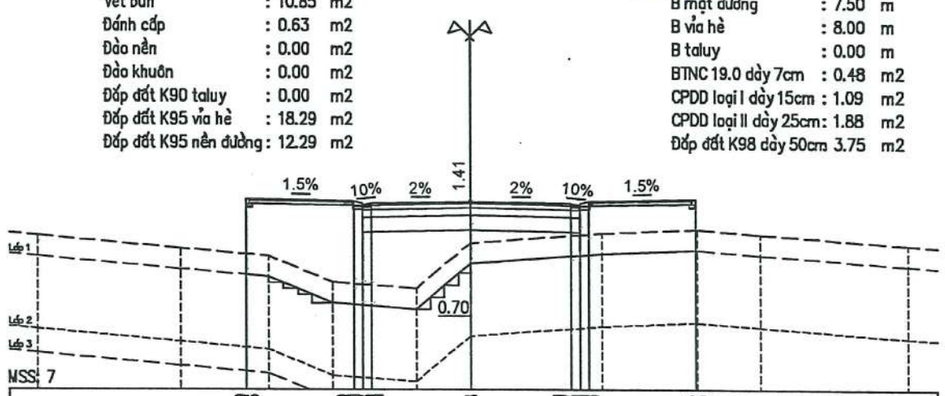
Vét bùn	: 5.89	m2	B mặt đường	: 7.50 m
Đánh cấp	: 0.07	m2	B vỉa hè	: 8.00 m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00 m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48 m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 16.97	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.28	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75 m2



Cao độ thiết kế	11.66 13.45							13.40 13.30 13.30 13.30				13.37			13.39 13.30 13.30 13.40				13.45 11.52					
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.70		0.30 0.00 0.30		3.45			3.45			0.30 0.00 0.30		3.70		0.00						
Cao độ tự nhiên	11.76		11.69		11.62	11.63		11.23				11.24	11.50		11.53	11.01							9.01	
Khoảng cách mia	5.00		5.00		2.80	2.20		5.00				1.00	2.70		1.30	5.00								

Cọc T4.6B
Km 0 + 84.03

Vét bùn	: 10.85	m2	B mặt đường	: 7.50 m
Đánh cấp	: 0.63	m2	B vỉa hè	: 8.00 m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00 m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48 m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.29	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 12.29	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75 m2



Cao độ thiết kế	11.59 13.46							13.40 13.31 13.28 13.31				13.38			13.37 13.28 13.28 13.40				13.46 12.43					
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.70		0.30 0.00 0.30		3.45			3.45			0.30 0.00 0.30		3.70		0.00						
Cao độ tự nhiên	12.22		11.79		11.53	10.64		10.43		11.97					12.30		12.43		12.27				11.91	
Khoảng cách mia	5.00		3.00		2.20	2.90		1.90		4.50					3.30		2.20		5.00					

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

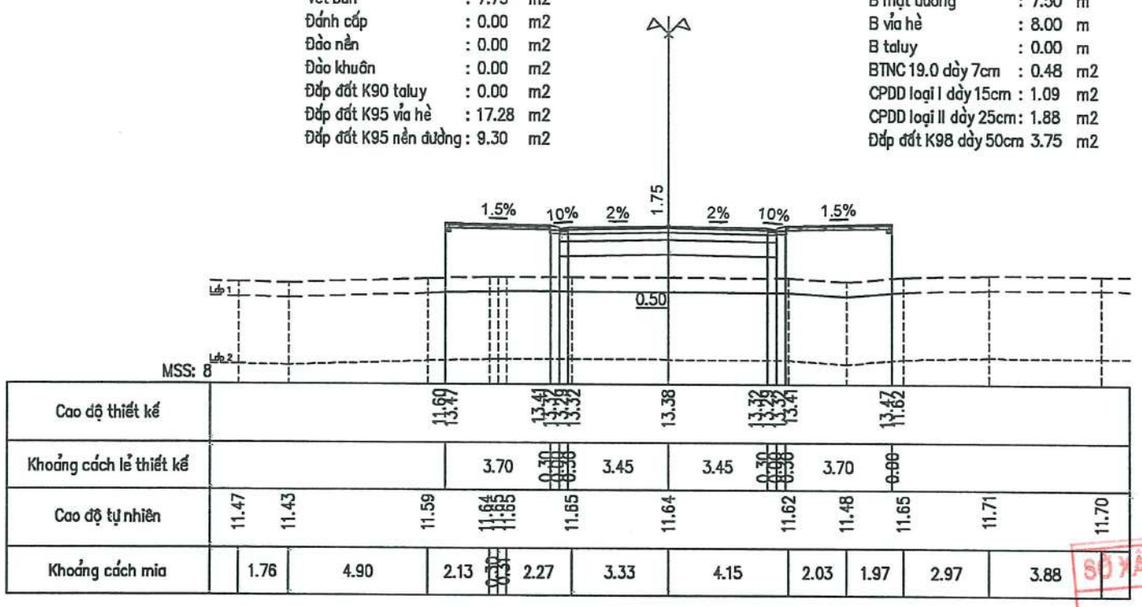
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 4

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T4-TN: 03/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T4.6C
Km 0 + 88.90

Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 17.28	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 9.30	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2

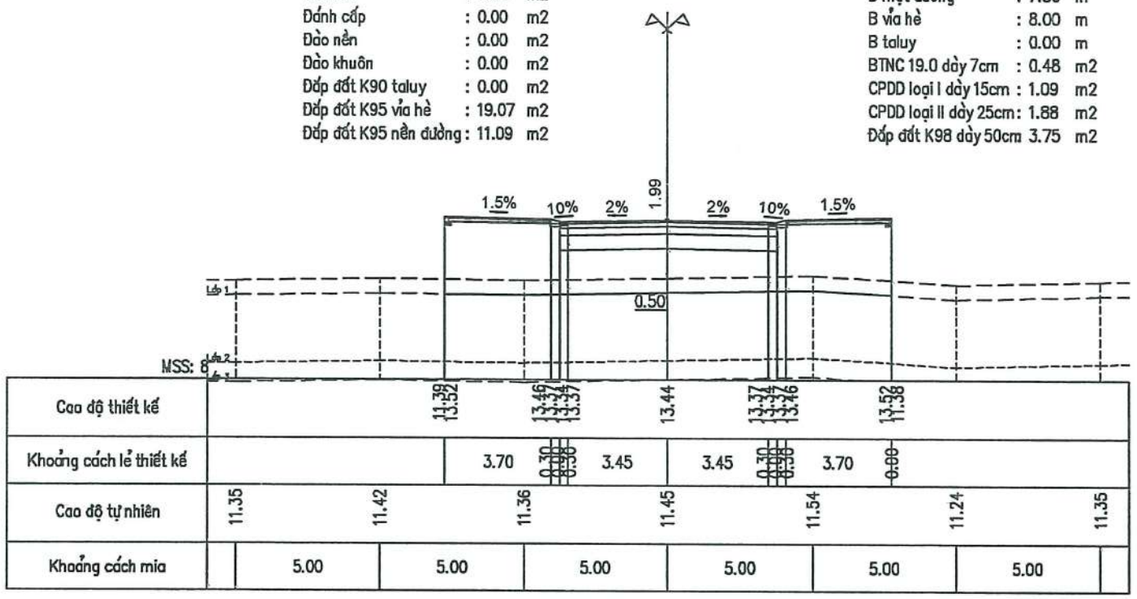


| | | | | |

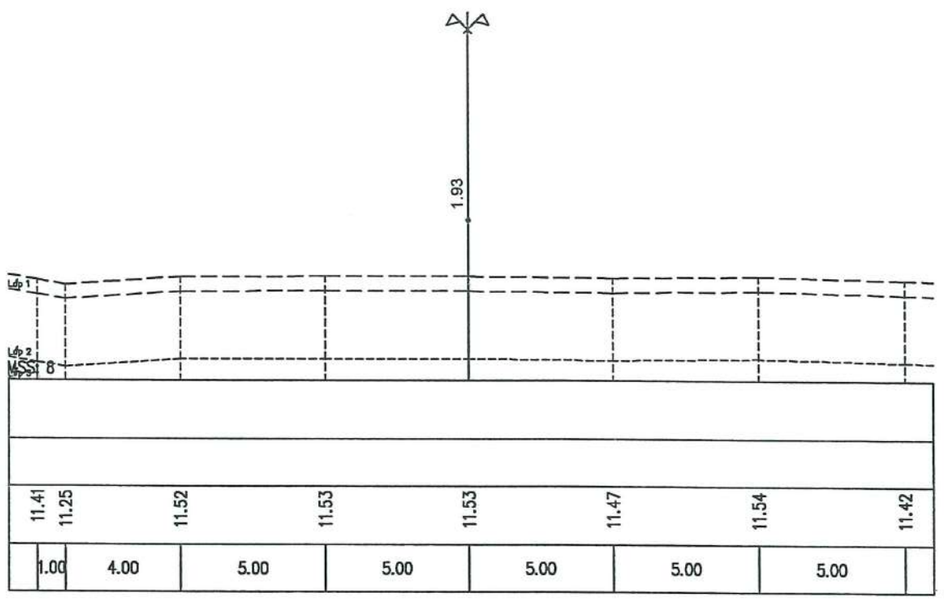
Cọc T4.8
Km 0 + 125.01

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 19.07	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 11.09	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



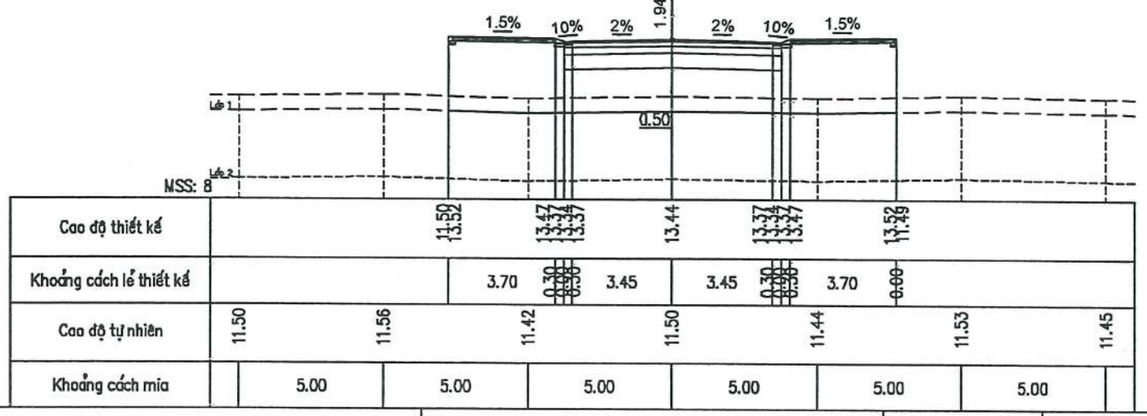
Cọc N7
Km 0 + 140.25



Cọc T4.9
Km 0 + 128.50

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 18.91	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.96	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 4

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T4-TN: 05/05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 4

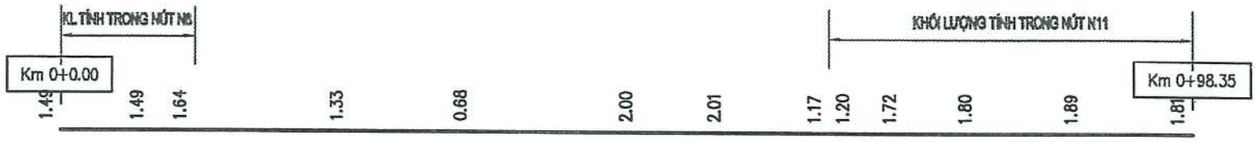
Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích														Khối lượng													
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt đường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	N1		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N1													
		13,81																												
2	T4.1		7,75	-	-	-	-	12,03	4,49	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,19															86,72	-	-	-	-	141,11	53,15	83,93	89,52	-	5,37	12,20	21,04	41,96
3	T4.2		7,75	-	-	-	-	13,19	5,01	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		7,50															58,13	0,34	-	-	-	100,84	41,63	56,25	60,00	-	3,60	8,18	14,10	28,13
4	T4.2A		7,75	0,09	-	-	-	13,70	6,09	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		6,86															53,17	0,69	-	-	-	95,22	45,58	51,45	54,88	-	3,29	7,48	12,90	25,73
5	T4.2B		7,75	0,11	-	-	-	14,06	7,20	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		10,64															82,46	0,59	-	-	-	160,29	84,27	79,80	85,12	-	5,11	11,60	20,00	39,90
6	T4.3		7,75	-	-	-	-	16,07	8,64	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		3,86															29,92	-	-	-	-	60,78	32,91	28,95	30,88	-	1,85	4,21	7,26	14,48
7	T4.4		7,75	-	-	-	-	15,42	8,41	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,78																												
8	N4		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N4													
		9,36																												
9	T4.5		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		4,53																												
10	T4.6		5,89	0,07	-	-	-	16,97	10,28	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		1,60															8,56	0,25	-	-	-	27,38	16,41	12,00	12,80	-	0,77	1,74	3,01	6,00
11	T4.6A		4,81	0,24	-	-	-	17,25	10,23	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		2,90															22,71	1,26	-	-	-	51,53	32,65	21,75	23,20	-	1,39	3,16	5,45	10,88
12	T4.6B		10,85	0,63	-	-	-	18,29	12,29	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		4,87															45,29	1,53	-	-	-	86,61	52,57	36,53	38,96	-	2,34	5,31	9,16	18,26
13	T4.6C		7,75	-	-	-	-	17,28	9,30	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,11															86,10	-	-	-	-	193,65	107,32	83,33	88,88	-	5,33	12,11	20,89	41,66
14	T4.7		7,75	-	-	-	-	17,58	10,02	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		8,92															69,13	-	-	-	-	158,02	91,43	66,90	71,36	-	4,28	9,72	16,77	33,45
15	T4.7A		7,75	-	-	-	-	17,85	10,48	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		7,88															61,07	-	-	-	-	143,97	82,82	59,10	63,04	-	3,78	8,59	14,81	29,55
16	T4.7B		7,75	-	-	-	-	18,69	10,54	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		8,20															63,55	-	-	-	-	154,82	88,68	61,50	65,60	-	3,94	8,94	15,42	30,75
17	T4.8		7,75	-	-	-	-	19,07	11,09	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		3,49															27,05	-	-	-	-	66,28	38,48	26,18	27,92	-	1,68	3,80	6,56	13,09
18	T4.9		7,75	-	-	-	-	18,91	10,96	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,75																												
19	N7		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N7													
	Tổng	89,02															693,85	4,65	[illegible]	[illegible]	[illegible]	1.440,47	767,90	667,65	712,16	[illegible]	42,73	97,03	167,36	333,83

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

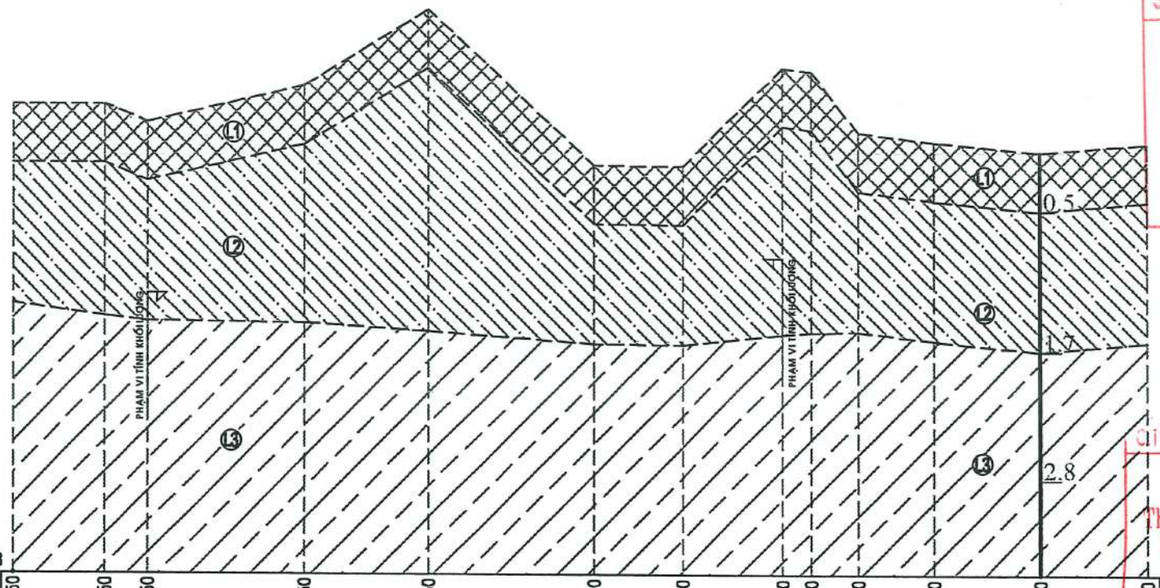
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 4	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T4-BKL: 01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

- L1 — LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
- L2 — LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
- L3 — LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG
- L4 — LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG



MSS: 8

Cao độ thiết kế	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50	13.50
Dốc dọc thiết kế	0.00% 98.35												
Cao độ tự nhiên	12.01	12.01	11.86	12.17	12.82	11.50	11.49	12.33	12.30	11.78	11.70	11.61	11.69
Khoảng cách lẻ		8.06	3.69	13.58	10.78	14.22	7.71	8.79	2.50	4.02	6.54	9.23	9.23
Khoảng cách cộng dồn	0.00	8.06	11.75	25.33	36.11	50.33	58.04	66.83	69.33	73.35	79.89	89.12	98.35
Tên cọc	N8	T5.1	T5.2	T5.3	T5.3A	T5.4	T5.4A	T5.5	T5.6	T5.7	T5.8=TD1	T5.9=P1 HK3	T5.10=TC1
Lý trình	Km 0+0.00												Km 0+98.35
Đoạn thẳng – Đoạn cong	A = 90°0'11.18" R = 11.75 D = 5.04 P = 4.87 K = 18.46 T = 11.75												

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH IT.

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..11.. tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

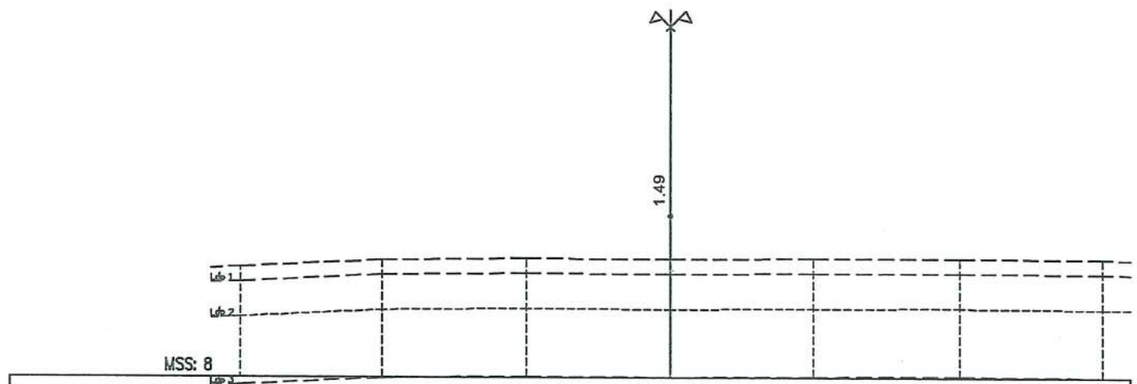
TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

TRẮC DỌC TUYẾN 5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T5-TD: 01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc N8
Km 0 + 0.00

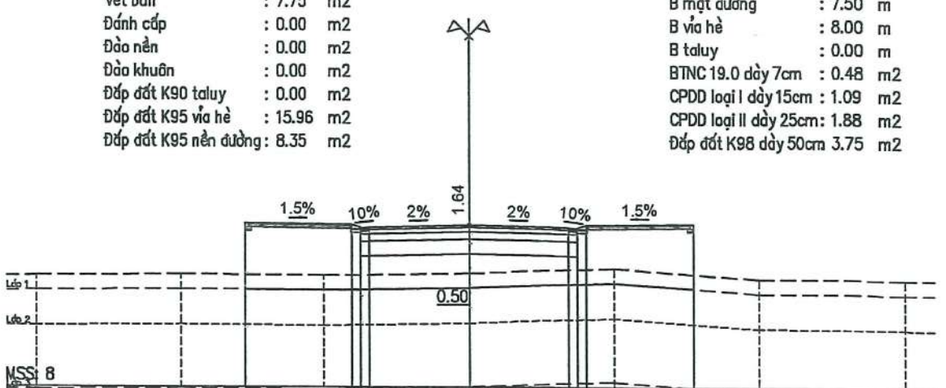


Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	11.75	11.99	12.04	12.01	12.04	12.05	12.01
Khoảng cách mia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	

Coc T5.2
Km 0 + 11.75

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 15.96	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 8.35	m2

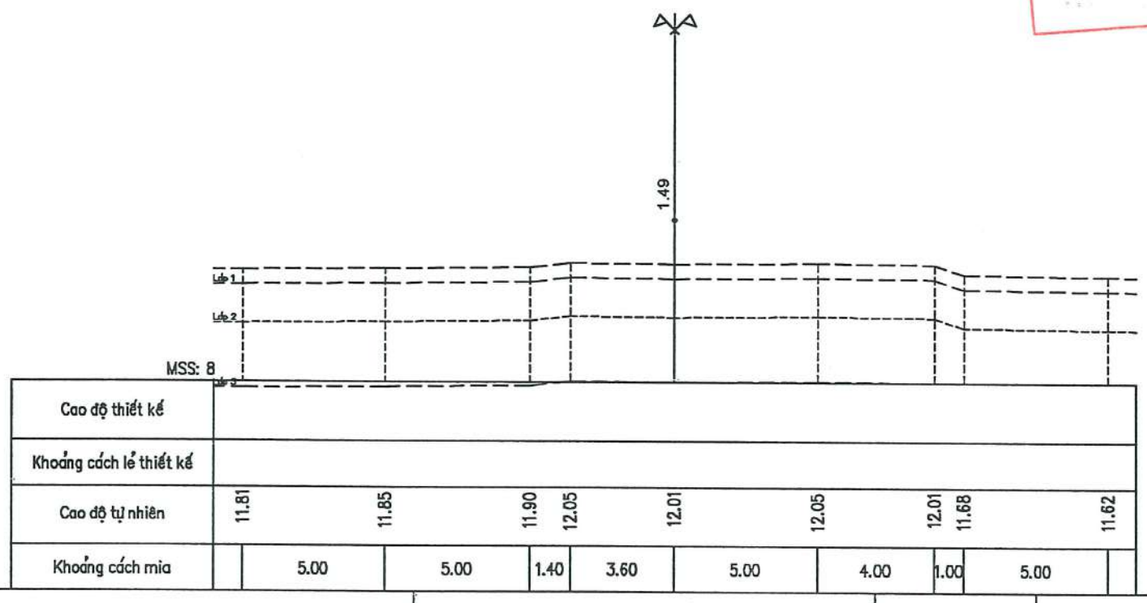
B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH IN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Coc T5.1
Km 0 + 8.06

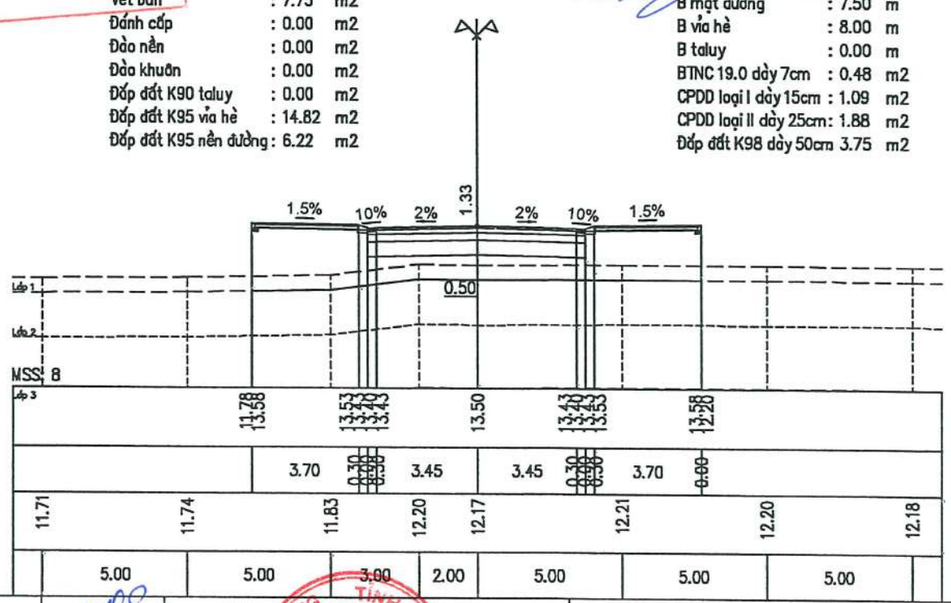


Cao độ thiết kế									
Khoảng cách lẻ thiết kế									
Cao độ tự nhiên	11.81	11.85	11.90	12.05	12.01	12.05	12.01	11.68	11.62
Khoảng cách mia	5.00	5.00	1.40	3.60	5.00	4.00	1.00	5.00	

Coc T5.3
Km 0 + 25.33

Vét bùn	: 7.75	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 14.82	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 6.22	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



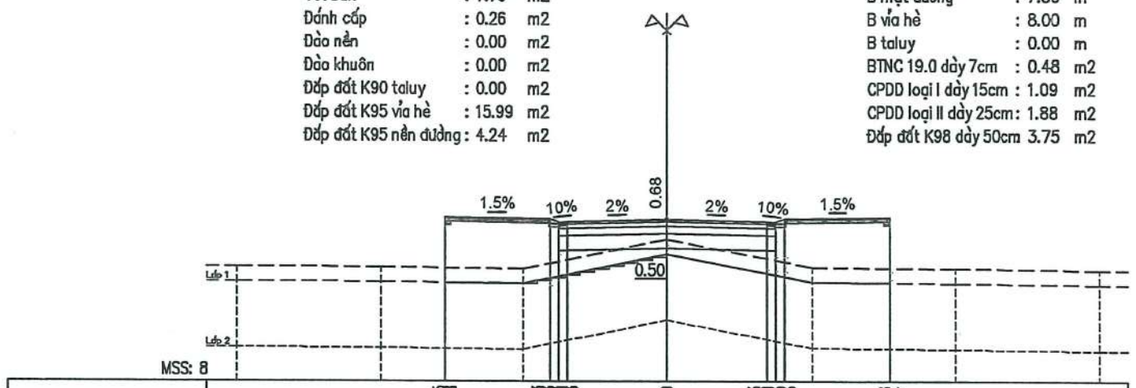
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG TRẮC NGANG TUYẾN 5	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T5-TN: 01/04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

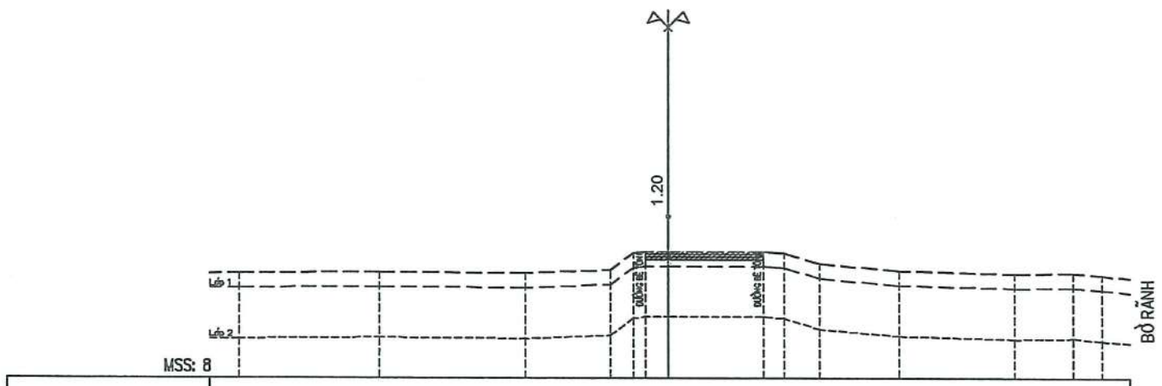
Cọc T5.3A
Km 0 + 36.11

Vét bùn	: 7.75	m2	B mặt đường	: 7.50	m
Đánh cấp	: 0.26	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 15.99	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 4.24	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



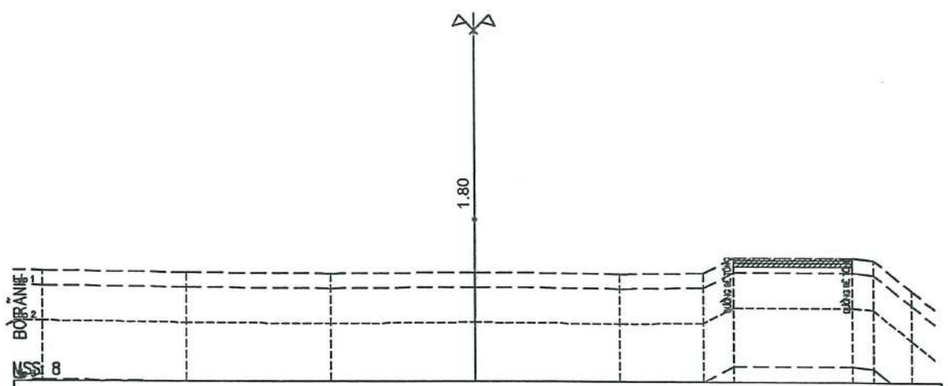
| | | | | |

Cọc T5.6
Km 0 + 69.33



Cao độ thiết kế														
Khoảng cách lẻ thiết kế														
Cao độ tự nhiên	11.56	11.60	11.56	11.67	12.25	12.30	12.30	12.30	12.25	11.88	11.65	11.54	11.57	11.48
Khoảng cách mia		5.00	5.00	3.00	0.80	0.40	0.80	3.30	0.70	1.20	2.80	4.00	2.00	1.00

Cọc T5.8=TD1
Km 0 + 79.89

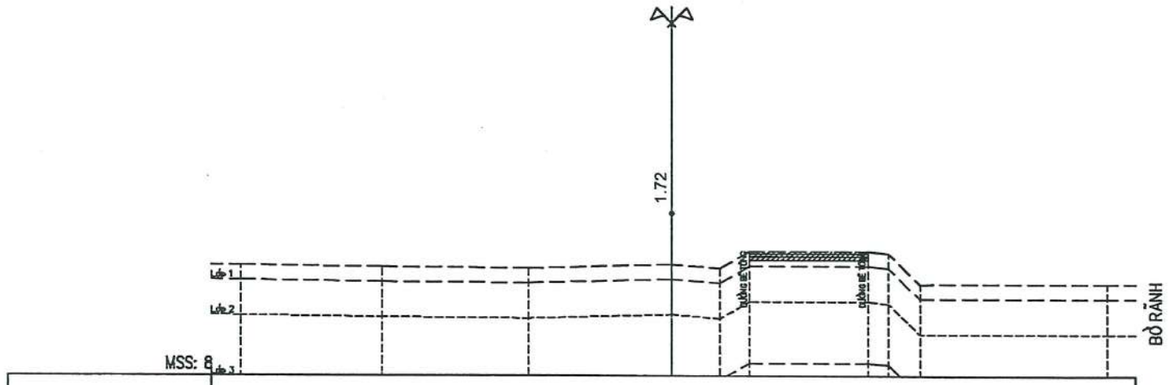


Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	11.75	11.69	11.65	11.70	11.65	11.69	12.22	12.22	12.15	11.11
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	2.90	1.00	4.10	0.70	1.30

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

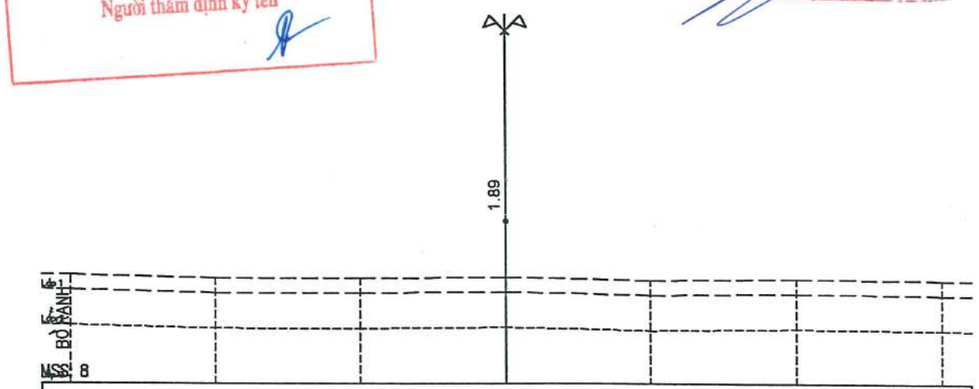
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

Cọc T5.7
Km 0 + 73.35



Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	11.75	11.69	11.65	11.78	11.65	12.22	12.22	12.15	11.11	11.12
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	1.70	1.00	4.10	0.70	1.10	6.40

Cọc T5.9=P1
Km 0 + 89.12



Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	11.69	11.58	11.57	11.61	11.50	11.56	11.51
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T5-TN: 03/04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

...NHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...N

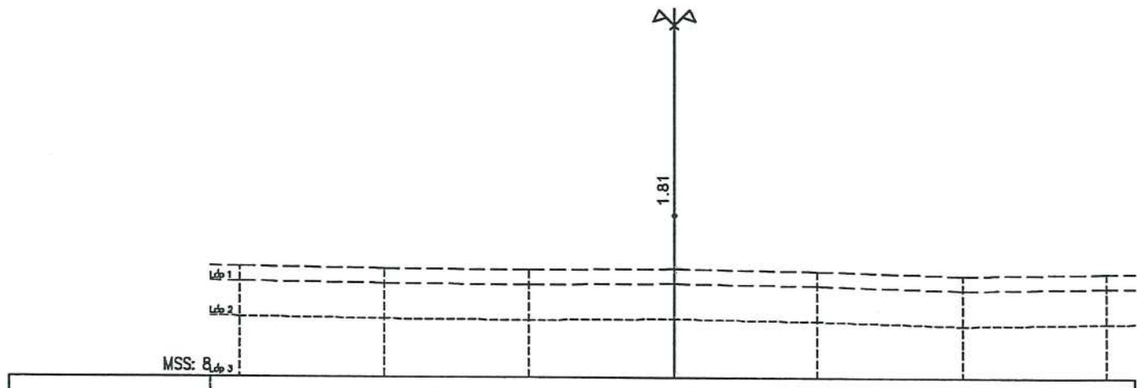
THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

Coc T5.10=TC1
Km 0 + 98.35



Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	11.75	11.68	11.64	11.69	11.61	11.47	11.54
Khoảng cách mia		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T5-TN: 04/04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 4

Stt	Tên cọc	Kc.lẻ	Diện tích														Khối lượng													
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt đường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	N1		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		13,81															Khối lượng tính trong Nút giao N1													
2	T4.1		7,75	-	-	-	-	12,03	4,49	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,19															86,72	-	-	-	-	141,11	53,15	83,93	89,52	-	5,37	12,20	21,04	41,96
3	T4.2		7,75	-	-	-	-	13,19	5,01	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		7,50															58,13	0,34	-	-	-	100,84	41,63	56,25	60,00	-	3,60	8,18	14,10	28,13
4	T4.2A		7,75	0,09	-	-	-	13,70	6,09	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		6,86															53,17	0,69	-	-	-	95,22	45,58	51,45	54,88	-	3,29	7,48	12,90	25,73
5	T4.2B		7,75	0,11	-	-	-	14,06	7,20	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		10,64															82,46	0,59	-	-	-	160,29	84,27	79,80	85,12	-	5,11	11,60	20,00	39,90
6	T4.3		7,75	-	-	-	-	16,07	8,64	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		3,86															29,92	-	-	-	-	60,78	32,91	28,95	30,88	-	1,85	4,21	7,26	14,48
7	T4.4		7,75	-	-	-	-	15,42	8,41	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,78																												
8	N4		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		9,36															Khối lượng tính trong Nút giao N4													
9	T4.5		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
		4,53																												
10	T4.6		5,89	0,07	-	-	-	16,97	10,28	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		1,60															8,56	0,25	-	-	-	27,38	16,41	12,00	12,80	-	0,77	1,74	3,01	6,00
11	T4.6A		4,81	0,24	-	-	-	17,25	10,23	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		2,90															22,71	1,26	-	-	-	51,53	32,65	21,75	23,20	-	1,39	3,16	5,45	10,88
12	T4.6B		10,85	0,63	-	-	-	18,29	12,29	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		4,87															45,29	1,53	-	-	-	86,61	52,57	36,53	38,96	-	2,34	5,31	9,16	18,26
13	T4.6C		7,75	-	-	-	-	17,28	9,30	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,11															86,10	-	-	-	-	193,65	107,32	83,33	88,88	-	5,33	12,11	20,89	41,66
14	T4.7		7,75	-	-	-	-	17,58	10,02	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		8,92															69,13	-	-	-	-	158,02	91,43	66,90	71,36	-	4,28	9,72	16,77	33,45
15	T4.7A		7,75	-	-	-	-	17,85	10,48	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		7,88															61,07	-	-	-	-	143,97	82,82	59,10	63,04	-	3,78	8,59	14,81	29,55
16	T4.7B		7,75	-	-	-	-	18,69	10,54	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		8,20															63,55	-	-	-	-	154,82	88,68	61,50	65,60	-	3,94	8,94	15,42	30,75
17	T4.8		7,75	-	-	-	-	19,07	11,09	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		3,49															27,05	-	-	-	-	66,28	38,48	26,18	27,92	-	1,68	3,80	6,56	13,09
18	T4.9		7,75	-	-	-	-	18,91	10,96	7,50	8,00	-	0,48	1,09	1,88	3,75														
		11,75															Khối lượng tính trong Nút giao N7													
19	N7		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-														
	Tổng	89,02															693,85	4,65	-	-	-	1.440,47	767,90	667,65	712,16	-	42,73	97,03	167,36	333,83

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T5-BKL: 01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

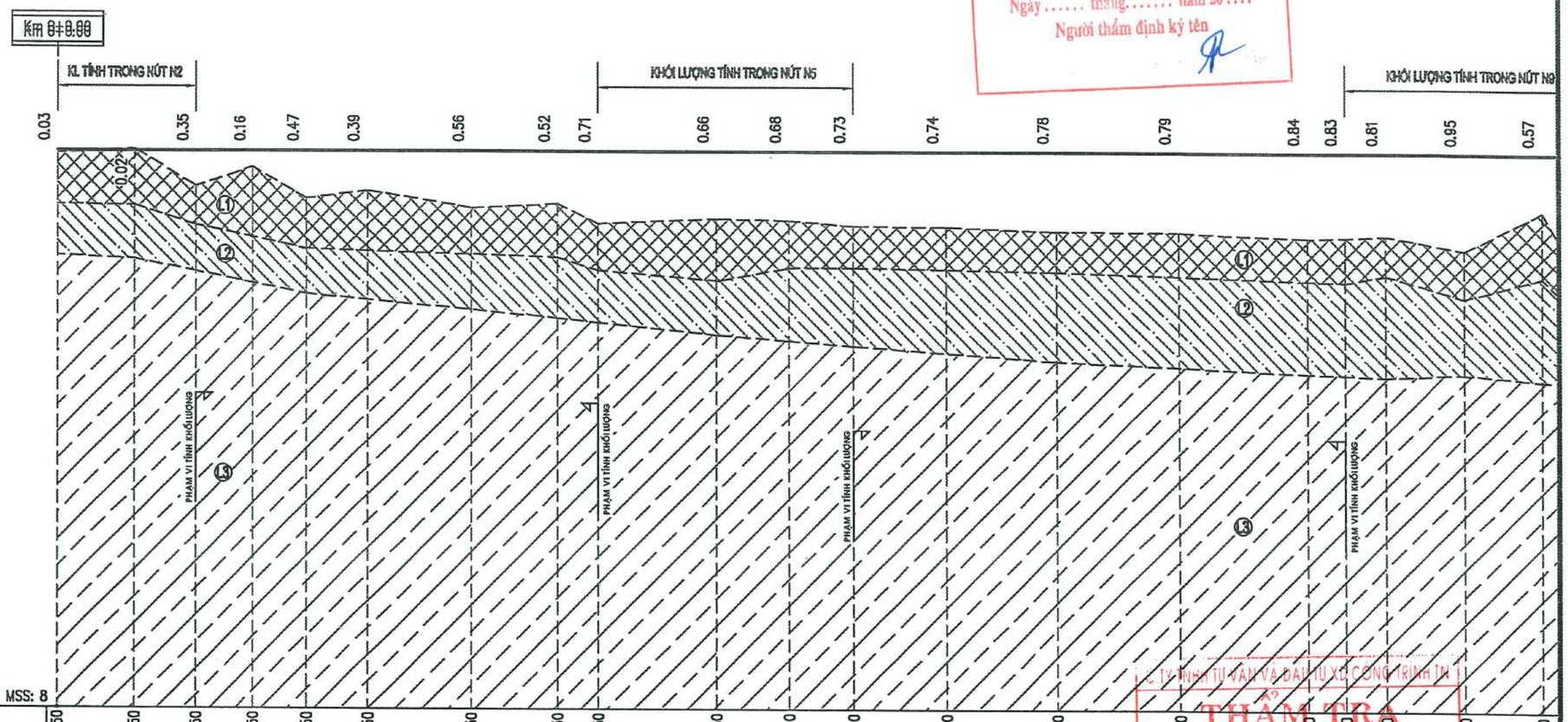
KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

L1 LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM

L2 LỚP 2: ĐẤT CÁT PHỐI, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA

L3 LỚP 3: ĐẤT BỊT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG

L4 LỚP 4: ĐẤT BỊT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

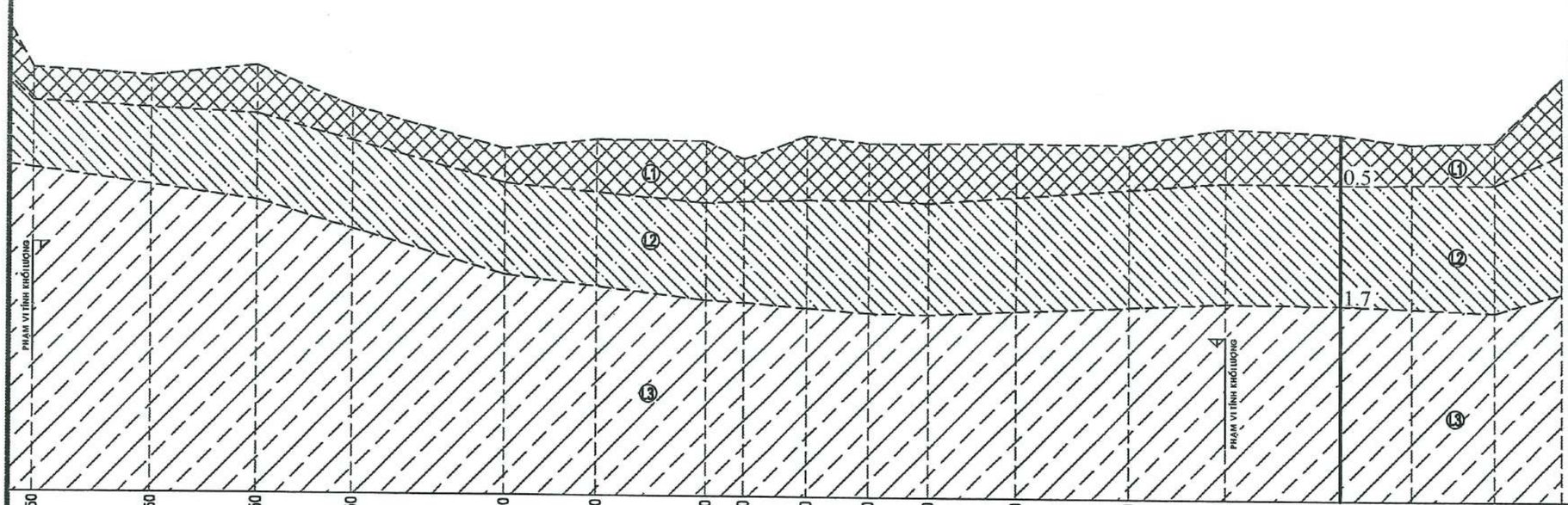
Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

Km 0+306.48

KHỐI LƯỢNG TÍNH TRONG MỨT N10

1.29 | 1.36 | 1.25 | 1.65 | 2.06 | 1.96 | 1.97 | 2.16 | 2.15 | 2.13 | 1.91 | 2.13 | 1.98 | 1.98 | 2.11 | 1.97 | 1.98 | 1.81 | 1.86 | 1.96 | 1.93 | 1.29



KÝ HIỆU LỚP ĐỊA CHẤT

- L1: LỚP 1: ĐẤT CANH TÁC, MÀU XÁM XANH, TRẠNG THÁI DẺO MỀM
- L2: LỚP 2: ĐẤT CÁT PHA, MÀU XÁM TRẮNG, TRẠNG THÁI CHẶT VỪA
- L3: LỚP 3: ĐẤT SÉT PHA, MÀU NÂU VÀNG, NÂU ĐỎ TRẠNG THÁI DẺO CỨNG ĐẾN NỬA CỨNG
- L4: LỚP 4: ĐẤT SÉT PHA XEN KẸP BỘT KẾT PHONG HOÁ, MÀU NÂU VÀNG, NÂU TÍM, TRẠNG THÁI CỨNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50 | 13.50

0.00%

165.94

12.21 | 12.14 | 12.25 | 11.85 | 11.44 | 11.54 | 11.53 | 11.35 | 11.59 | 11.52 | 11.52 | 11.53 | 11.52 | 11.69 | 11.64 | 11.54 | 11.57 | 12.21

4.07 | 12.03 | 10.68 | 9.64 | 15.36 | 9.36 | 11.07 | 3.75 | 6.28 | 6.28 | 5.98 | 8.76 | 11.42 | 9.82 | 11.50 | 7.10 | 8.40 | 6.75

152.29 | 164.33 | 175.01 | 184.65 | 200.01 | 209.36 | 220.43 | 224.18 | 230.46 | 236.75 | 242.73 | 251.49 | 262.91 | 272.73 | 284.23 | 291.33 | 299.73 | 306.48

T6.13 | T6.13A | T6.14 | T6.14A | T6.15 | T6.15A | T6.16 | T6.17=TD1 | T6.18=P1 | T6.19=TC1 | T6.20 | T6.20A | T6.20B | T6.21 | T6.22 | T6.22A | T6.23 | N11

H2 | HK3 | H3 | Km 0+306.49

A = −90°0'0" R = 8.00

A = −179°59'47.1D" = 3.43 P = 3.31 A = −179°59'58.06"

K = 12.57 T = 8.00

A = 179°59'59.68"

A =

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

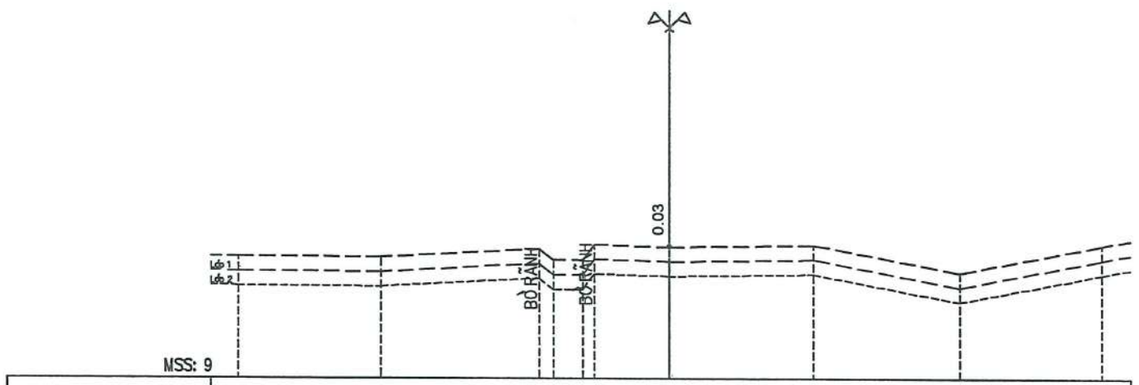
TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

TRẮC DỌC TUYẾN 6

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T6-TD: 02/02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

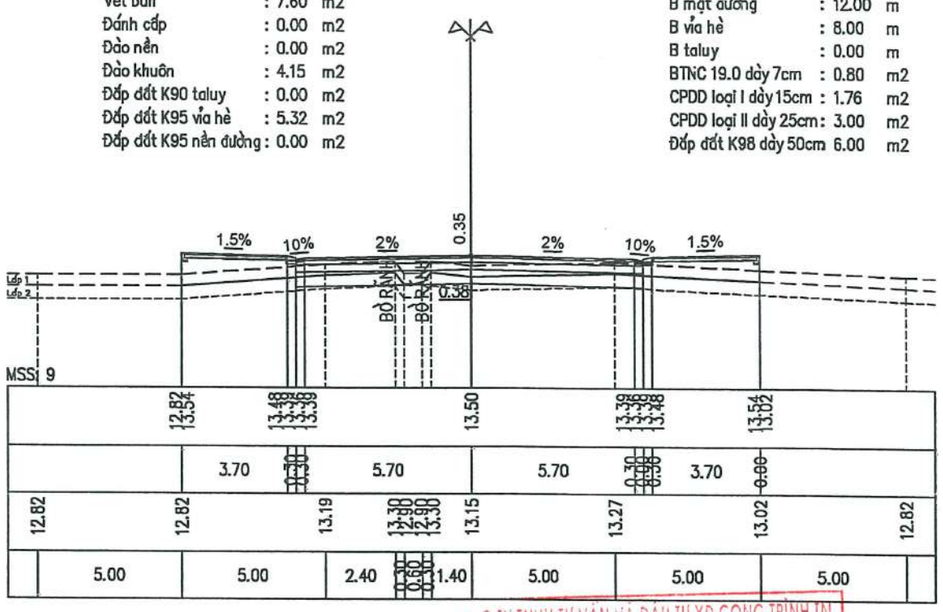
Coc N2
Km 0 + 0.00



Cao độ thiết kế								
Khoảng cách lẻ thiết kế								
Cao độ tự nhiên	13.15	13.12	13.40 / 13.01	13.01 / 13.55	13.47	13.53	12.60	13.52
Khoảng cách mia	5.00	5.50	0.50 / 1.00	0.40 / 2.60	5.00	5.00	5.00	

Coc T6.2
Km 0 + 13.78

Vét bùn	: 7.60	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 4.15	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 5.32	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.00	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2

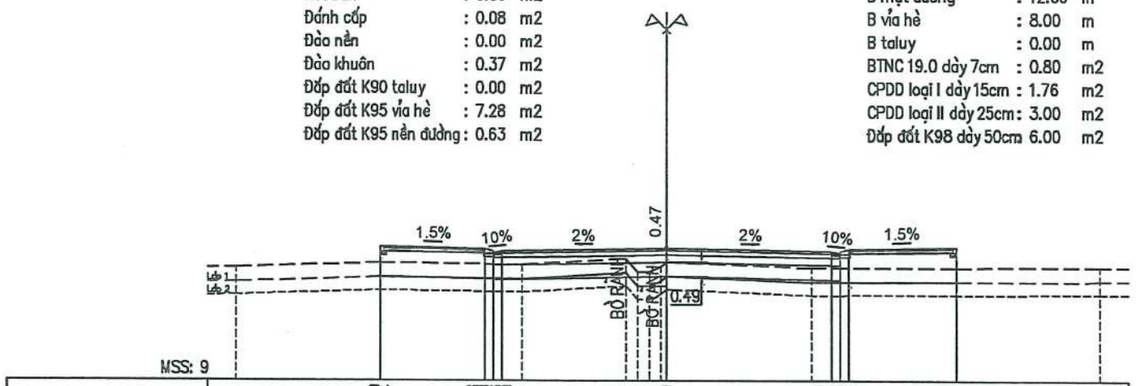


| | | | | | | | |

Cọc T6.3
Km 0 + 25.00

Vét bùn	: 9.80	m2
Đánh cấp	: 0.08	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.37	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.28	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 0.63	m2

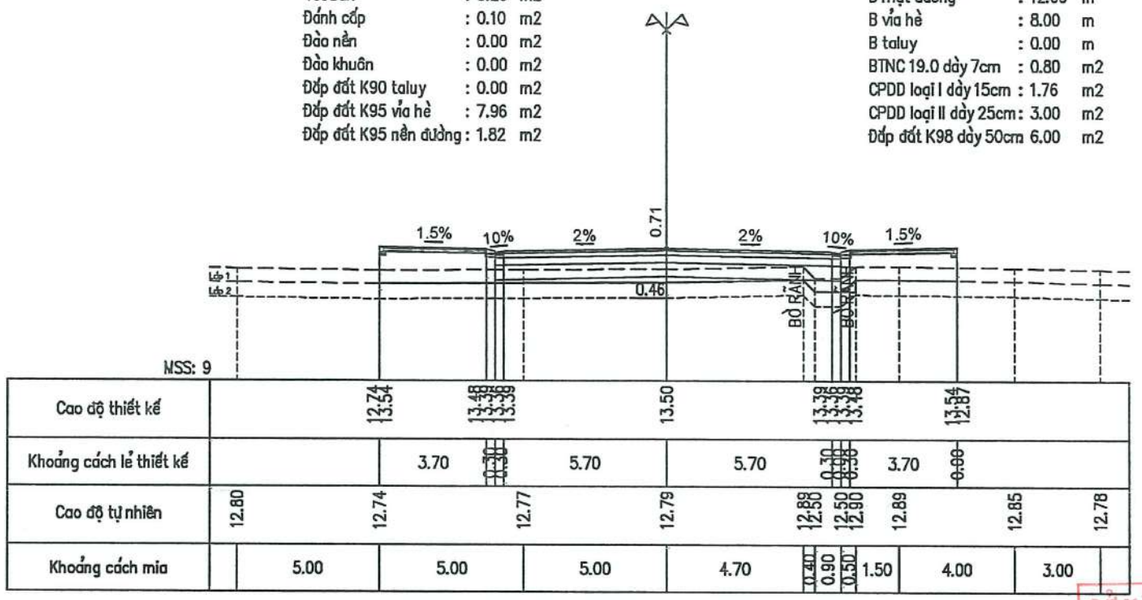
B mặt đường	: 12.00	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2



| | | |

Cọc T6.5
Km 0 + 54.06

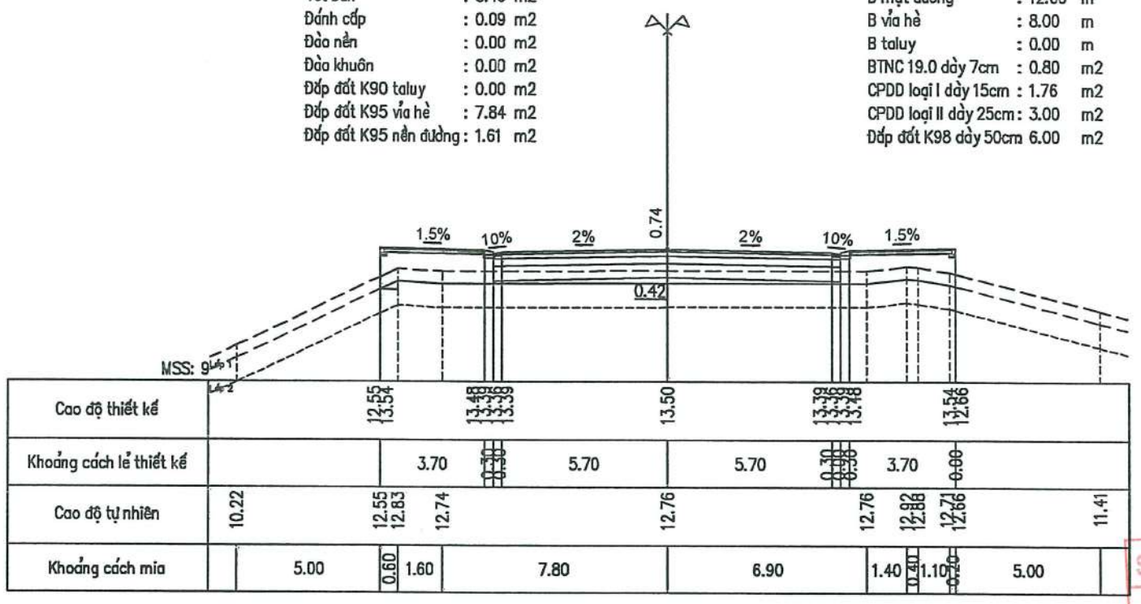
Vét bùn	: 9.20	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.10	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.96	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 1.82	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2



| | | | | |

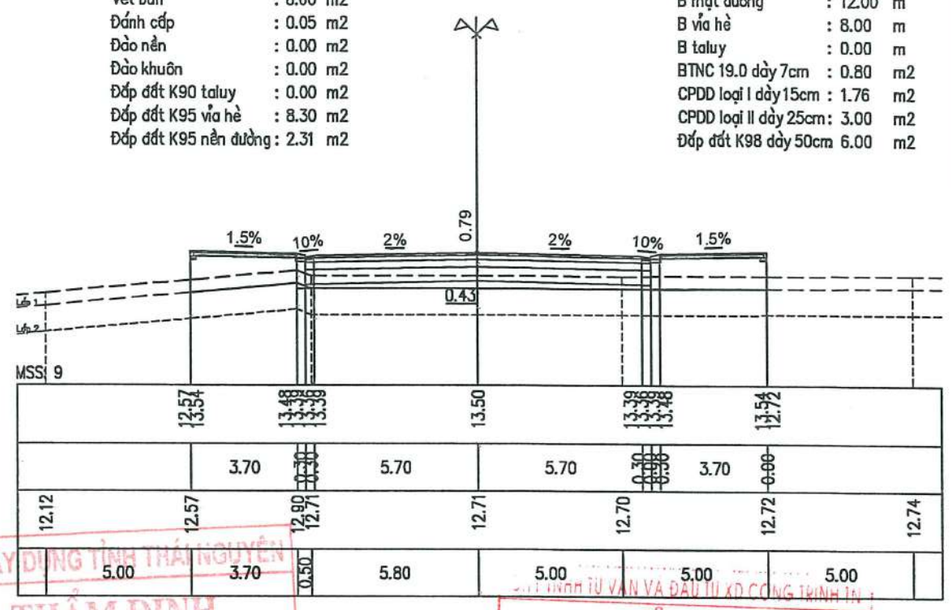
Cọc T6.7A
Km 0 + 88.88

Vét bùn	: 8.40	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.09	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.84	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 1.61	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2



Cọc T6.8A
Km 0 + 112.09

Vét bùn	: 8.60	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.05	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 8.30	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 2.31	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2

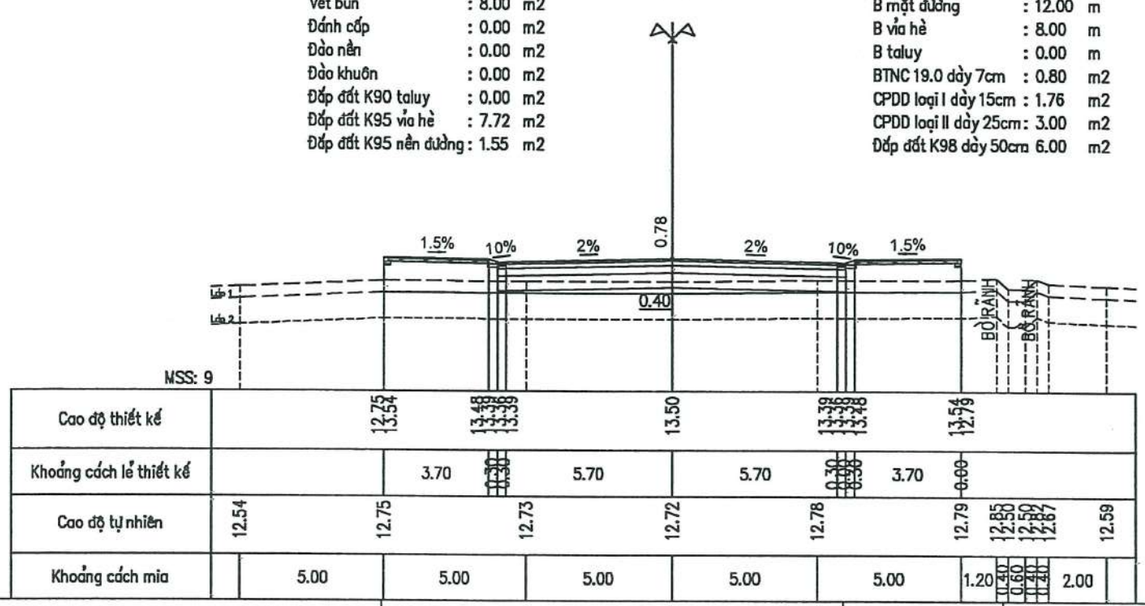


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

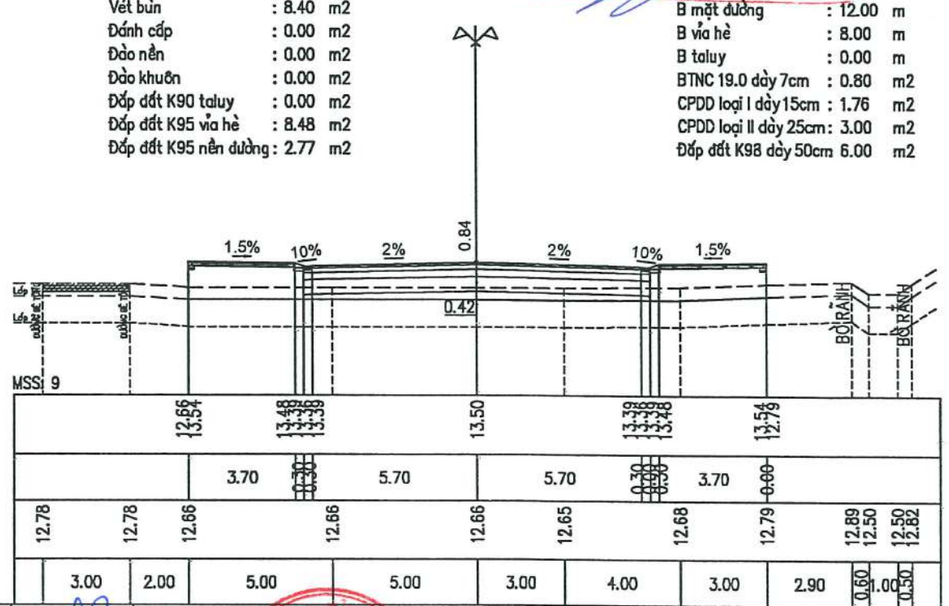
Cọc T6.8
Km 0 + 100.00

Vét bùn	: 8.00	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 7.72	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 1.55	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2



Cọc T6.9
Km 0 + 125.00

Vét bùn	: 8.40	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 0.00	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 8.48	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 2.77	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2



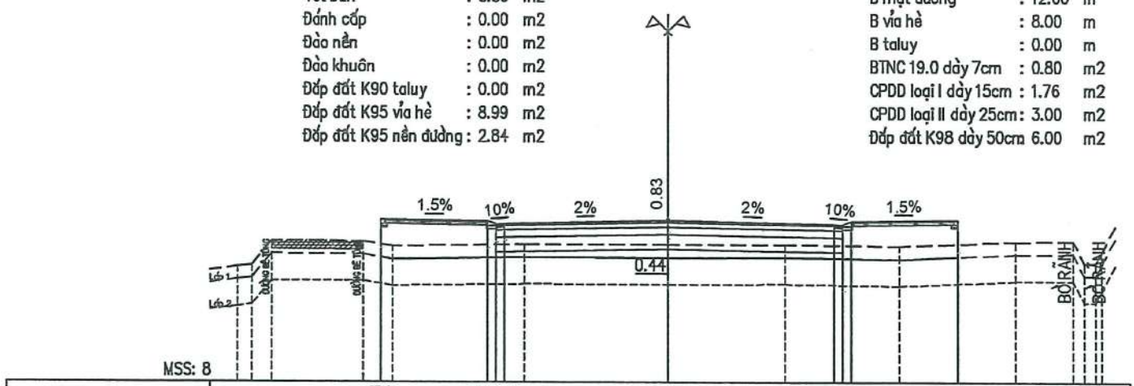
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 TL. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
TRẮC NGANG TUYẾN 6

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T6-TN: 04/10
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Coc T6.10
Km 0 + 128.76

Vét bùn	: 8.80 m2	B mặt đường	: 12.00 m
Đánh cấp	: 0.00 m2	B vỉa hè	: 8.00 m
Đào nền	: 0.00 m2	B taluy	: 0.00 m
Đào khuôn	: 0.00 m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80 m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00 m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76 m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 8.99 m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00 m2
Đắp đất K95 nền đường	: 2.84 m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00 m2

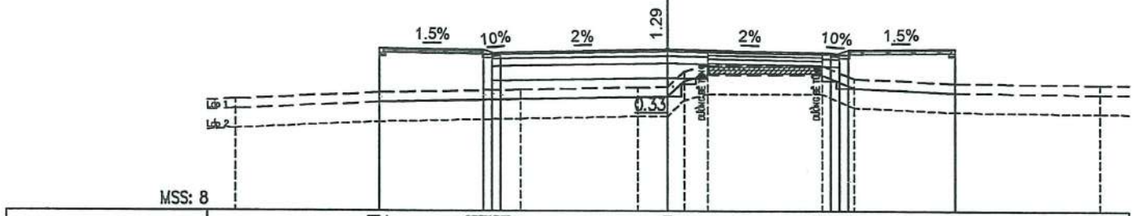


| | | |

Coc T6.13
Km 0 + 152.29

Vét bùn	: 5.28	m2
Đánh cấp	: 0.33	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.01	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 11.34	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 4.44	m2

B mặt đường	: 12.00	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.52	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.16	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 2.00	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	4.00	m2

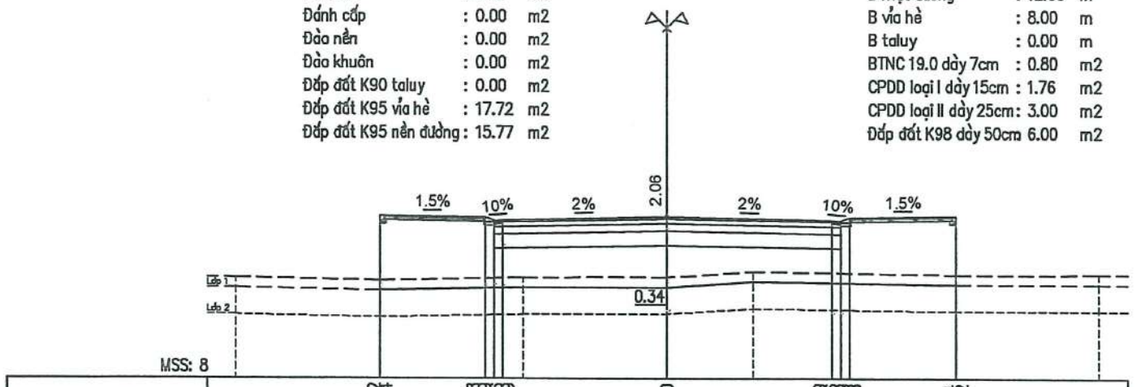


| | | |

Coc T6.15
Km 0 + 200.01

Vét bùn	: 6.80	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 0.00	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 17.72	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 15.77	m2

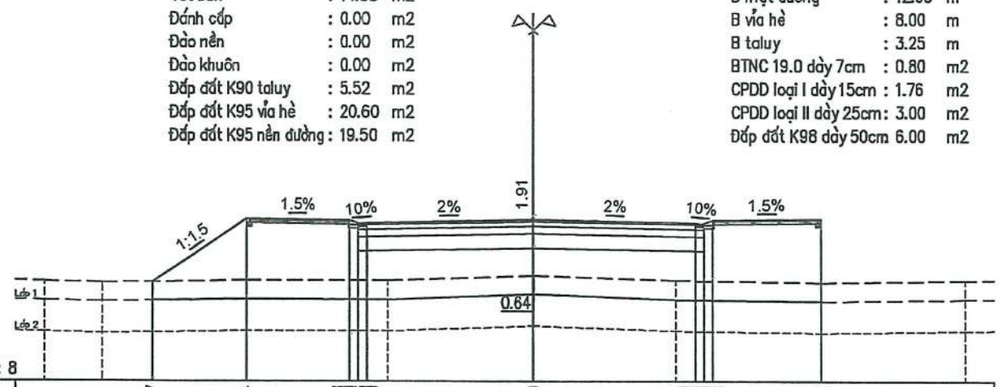
B mặt đường	: 12.00	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 0.00	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2



| | | |

Cọc T6.18=P1
Km 0 + 230.46

Vét bùn	: 14.88	m2	B mặt đường	: 12.00	m
Đánh cấp	: 0.00	m2	B vỉa hè	: 8.00	m
Đào nền	: 0.00	m2	B taluy	: 3.25	m
Đào khuôn	: 0.00	m2	BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.80	m2
Đắp đất K90 taluy	: 5.52	m2	CPDD loại I dày 15cm	: 1.76	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 20.60	m2	CPDD loại II dày 25cm	: 3.00	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 19.50	m2	Đắp đất K98 dày 50cm	6.00	m2

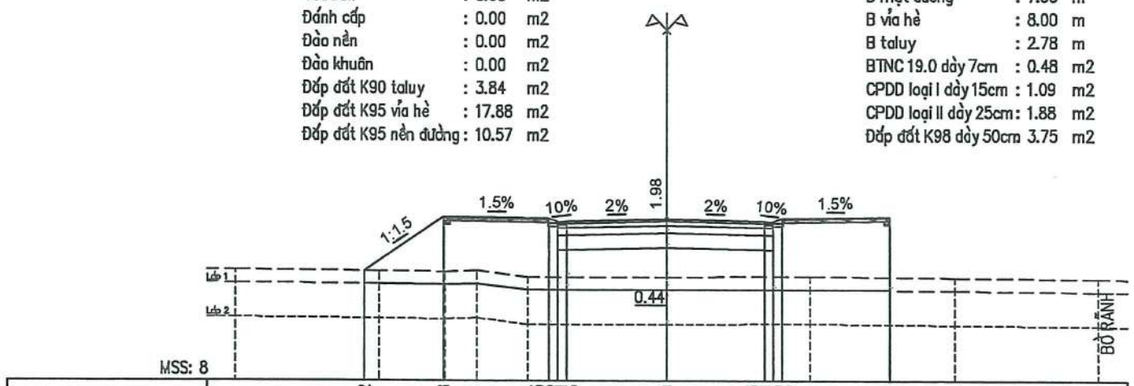


| | | | | |

Cọc T6.20B
Km 0 + 262.91

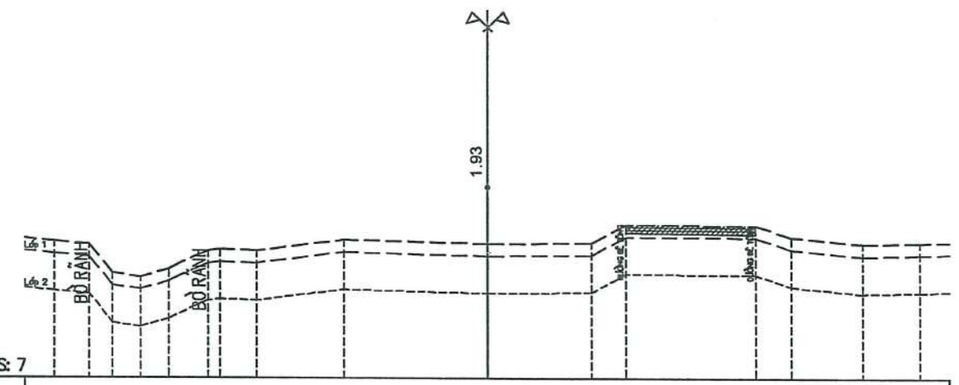
Vết bùn	: 8.05	m2
Đánh cấp	: 0.00	m2
Đào nền	: 0.00	m2
Đào khuôn	: 0.00	m2
Đắp đất K90 taluy	: 3.84	m2
Đắp đất K95 vỉa hè	: 17.88	m2
Đắp đất K95 nền đường	: 10.57	m2

B mặt đường	: 7.50	m
B vỉa hè	: 8.00	m
B taluy	: 2.78	m
BTNC 19.0 dày 7cm	: 0.48	m2
CPDD loại I dày 15cm	: 1.09	m2
CPDD loại II dày 25cm	: 1.88	m2
Đắp đất K98 dày 50cm	3.75	m2



| | | |

Cọc T6.23
Km 0 + 299.73



| | | |

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 6

Stt	Tên cọc	K.c.lẽ	Diện tích														Khối lượng												
			Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	B mặt đường	B vỉa hè	B taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm	Vét bùn	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp đất K90 taluy	Đắp đất K95 vỉa hè	Đắp đất K95 nền đường	S mặt đường	S vỉa hè	S taluy	BTNC 19.0 dày 7cm	CPDD loại I dày 15cm	CPDD loại II dày 25cm	Đắp đất K98 dày 50cm
		(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m)	(m)	(m)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^2)	(m^2)	(m^2)	(m^3)	(m^3)	(m^3)	(m^3)
1	N2		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		7,65																											
2	T6.1		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N2												
		6,13																											
3	T6.2		7,60	-	-	4,15	-	5,32	-	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00													
		5,78																											
4	T6.2A		13,80	0,11	-	0,26	-	7,93	1,27	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	61,85	0,32	-	12,74	-	38,29	3,67	69,36	46,24	-	4,62	10,17	17,34	34,68
		5,44																											
5	T6.3		9,80	0,08	-	0,37	-	7,28	0,63	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	64,19	0,52	-	1,71	-	41,37	5,17	65,28	43,52	-	4,35	9,57	16,32	32,64
		6,10																											
6	T6.3A		11,80	-	-	0,01	-	8,22	1,48	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	65,88	0,24	-	1,16	-	47,28	6,44	73,20	48,80	-	4,88	10,74	18,30	36,60
		10,23																											
7	T6.3B		9,20	0,15	-	0,29	-	7,18	0,25	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	107,42	0,77	-	1,53	-	78,77	8,85	122,76	81,84	-	8,18	18,00	30,69	61,38
		8,67																											
8	T6.4		10,40	0,10	-	-	-	7,57	1,54	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	84,97	1,08	-	1,26	-	63,94	7,76	104,04	69,36	-	6,94	15,26	26,01	52,02
		4,06																											
9	T6.5		9,20	0,10	-	-	-	7,96	1,82	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	39,79	0,41	-	-	-	31,53	6,82	48,72	32,48	-	3,25	7,15	12,18	24,36
		11,77																											
10	N5		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		7,30																											
11	T6.6		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N5												
		6,44																											
12	T6.7		8,20	-	-	0,01	-	7,70	1,39	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00													
		9,31																											
13	T6.7A		8,40	0,09	-	-	-	7,84	1,61	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	77,27	0,42	-	0,05	-	72,34	13,97	111,72	74,48	-	7,45	16,39	27,93	55,86
		11,12																											
14	T6.8		8,00	-	-	-	-	7,72	1,55	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	91,18	0,50	-	-	-	86,51	17,57	133,44	88,96	-	8,90	19,57	33,36	66,72
		12,09																											
15	T6.8A		8,60	0,05	-	-	-	8,30	2,31	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	100,35	0,30	-	-	-	96,84	23,33	145,08	96,72	-	9,67	21,28	36,27	72,54
		12,91																											
16	T6.9		8,40	-	-	-	-	8,48	2,77	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	109,74	0,32	-	-	-	108,31	32,79	154,92	103,28	-	10,33	22,72	38,73	77,46
		3,76																											
17	T6.10		8,80	-	-	-	-	8,99	2,84	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	32,34	-	-	-	-	32,84	10,55	45,12	30,08	-	3,01	6,62	11,28	22,56
		4,05																											
18	T6.11		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		7,73																											
19	N9		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khối lượng tính trong Nút giao N9												
		7,68																											
20	T6.12		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		4,07																											
21	T6.13		5,28	0,33	-	0,01	-	11,34	4,44	12,00	8,00	-	0,52	1,16	2,00	4,00													
		12,03																											
22	T6.13A		6,40	0,07	-	-	-	11,94	7,26	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	70,26	2,41	-	0,06	-	140,03	70,38	144,36	96,24	-	7,94	17,56	30,08	60,15
		10,68																											
23	T6.14		9,60	-	-	-	-	13,79	9,35	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	85,44	0,37	-	-	-	137,40	88,70	128,16	85,44	-	8,54	18,80	32,04	64,08
		9,64																											
24	T6.14A		6,40	0,12	-	-	-	14,72	11,43	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	77,12	0,58	-	-	-	137,42	100,16	115,68	77,12	-	7,71	16,97	28,92	57,84
		15,36																											
25	T6.15		6,80	-	-	-	-	17,72	15,77	12,00	8,00	-	0,80	1,76	3,00	6,00	101,38	0,92	-	-	-	249,14	208,90	184,32	122,88	-	12,29	27,03	46,08	92,16
		9,36																											
26	T6.15A		12,28	0,13	-	-	5,05	18,98	17,45	12,00	8,00	3,17	0,80	1,76	3,00	6,00	89,29	0,61	-	-	23,63	171,76	155,47	112,32	74,88	14,84	7,49	16,47	28,08	56,16
		11,07																											
27	T6.16		14,30	-	-	-	5,10	20,13	19,32	12,00	8,00	3,06	0,80	1,76	3,00	6,00	147,12	0,72	-	-	56,18	216,47	203,52	132,84	88,56	34,48	8,86	19,48	33,21	66,42
		3,75																											
28	T6.17=TD1		9,74	-	-	-	4,81	19,14	18,40	12,00	8,00	3,20	0,80	1,76	3,00	6,00	45,08	-	-	-	18,58	73,63	70,73	45,00	30,00	11,74	3,00	6,60	11,25	22,50
		6,28																											
29	T6.18=P1		14,88	-	-	-	5,52	20,60	19,50	12,00	8,00	3,25	0,80	1,76	3,00	6,00	77,31	-	-	-	32,44	124,78	119,01	75,36	50,24	20,25	5,02	11,05	18,84	37,68
		6,28																											
30	T6.19=TC1		13,21	-	-	-	5,12	19,25	18,25	12,00	8,00	3,18	0,80	1,76	3,00	6,00	88,20	-	-	-	33,41	125,13	118,54	75,36	50,24	20,19	5,02	11,05	18,84	37,68
		5,98																											
31	T6.20		10,97	-	-	-	4,93	19,11	11,72	7,50	8,02	3,07	0,48	1,09	1,88	3,75	72,30	-	-	-	30,05	114,70	89,61	58,31	47,90	18,69	3,83	8,52	14,59	29,15
		8,76																											
32	T6.20A		10,02	-	-	-	4,80	19,25	11,34	7,50	8,00	3,05	0,48	1,09	1,88	3,75	91,94	-	-	-	42,62	168,02	101,00	65,70	70,17	26,81	4,20	9,55	16,47	32,85
		11,42																											
33	T6.20B		8,05	-	-	-	3,84	17,88	10,57	7,50	8,00	2,78	0,48	1,09	1,88	3,75	103,18	-	-	-	49,33	212,01	125,11	85,65	91,36	33,29	5,48	12,45	21,47	42,83
		9,82																											
34	T6.21		9,84	-	-	-	3,99	18,14	10,25	7,50	8,00	2,72	0,48	1,09	1,88	3,75	87,84	-	-	-	38,45	176,86	102,23	73,65	78,56	27,01	4,71	10,70	18,46	36,83
		11,50																											
35	T6.22		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		7,10																											
36	T6.22A		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		8,40																											
37	T6.23		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
		6,75																											
38	N11		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-													
	Tổng	209,90															Khối lượng tính trong Nút giao N11												
																	1.971,41	10,49	-	18,52	324,69	2.745,37	1.690,34	2.370,35	1.679,35	207,29	155,68	343,71	586,74	1.173,14

SỞ XÂY DỰNG T. THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH MN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TUYẾN 6

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: T6-BKL: 01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Tuyến 1	Tuyến 2	Tuyến 3	Tuyến 4	Tuyến 5	Tuyến 6	Ghi chú
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG	m	186,10	184,36	230,06	89,02	55,08	209,90	
1	Vét bùn	m^3	1.551,43	1.275,60	2.425,55	693,85	415,96	1.971,41	*Tận dụng trồng cây xanh vỉa hè - Thừa đổ thải*
2	Đánh cấp	m^3	5,80	12,13	9,17	4,65	6,52	10,49	*Đất C3 - Tận dụng đắp - Thừa đổ thải*
3	Đào nền	m^3	0,22	-	-	-	-	-	*Đất C3 - Tận dụng đắp - Thừa đổ thải*
4	Đào khuôn	m^3	187,27	8,98	-	-	-	18,52	*Đất C3 - Tận dụng đắp - Thừa đổ thải*
5	Đắp đất K90 taluy	m^3	147,53	-	622,67	-	-	324,69	*Đất C3 - Dùng đất tận dụng - Thiếu mua tại mỏ*
6	Đắp đất K95 vỉa hè	m^3	1.406,56	2.226,62	4.144,60	1.434,07	924,38	2.730,81	*Đất C3 - Dùng đất tận dụng - Thiếu mua tại mỏ*
*	*Giảm trừ khối lượng hố trồng cây (s.lgx0,8x0,8x0,5)*	m^3	*(10,24)*	*(10,56)*	*(12,80)*	*(4,80)*	*(3,20)*	*(12,16)*	
*	*Giảm trừ móng biển báo ATGT (s.lg*0.5x0.5x0,8)*	m^3	*(2,00)*	*(2,00)*	*(4,40)*	*(1,60)*	*(0,80)*	*(2,40)*	
7	Đắp đất K95 nền đường	m^3	248,47	943,54	2.286,57	767,90	421,21	1.690,24	
II	PHẦN MÓNG + MẶT ĐƯỜNG								
1	Diện tích mặt đường (theo bảng tổng hợp)	m^2	1.395,75	1.382,70	1.733,78	667,65	413,10	2.370,35	
2	Lớp BTNC C19 dày 7cm	m^2	1.284,09	1.272,08	1.602,34	614,24	380,05	2.244,41	*Đã trừ diện tích đan rãnh*
*	*Giảm trừ đan rãnh chiếm chỗ*	m^2	*(111,66)*	*(110,62)*	*(131,44)*	*(53,41)*	*(33,05)*	*(125,94)*	
3	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m^2	m^2	1.284,09	1.272,08	1.602,34	614,24	380,05	2.244,41	
4	Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm	m^3	202,85	195,15	252,00	97,03	57,31	343,71	
5	Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm	m^3	349,87	336,30	434,53	167,36	99,02	586,74	
6	Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm	m^3	697,88	670,92	866,87	333,83	197,54	1.173,14	*Đất C3 - Dùng đất tận dụng - Thiếu mua tại mỏ*
7	Tấm đón nước	m	372,20	368,72	438,12	178,04	110,16	419,80	
*	*Giảm trừ lối vào BĐX*	m^2	-	-	*(22,00)*	-	-	-	
7.1	Lắp đặt tấm đón nước	s.lg	745	738	877,00	357,00	221	840	
7.2	BTXM M250# đá 1x2cm	m^3	5,58	5,53	6,57	2,67	1,65	6,30	
7.3	Ván khuôn tấm đón nước	m^2	59,55	59,00	70,10	28,49	17,63	67,17	
7.4	Vữa lót M100# dày 2cm	m^3	2,23	2,21	2,63	1,07	0,66	2,52	
7.5	BTXM lót M150# đá 1x2 dày 5cm	m^3	5,58	5,53	6,57	2,67	1,65	6,30	
III	PHẦN VỈA HÈ								
1	Diện tích vỉa hè (theo bảng tổng hợp)	m^2	1.488,80	1.474,88	1.866,77	712,16	440,64	1.679,35	
2	Diện tích vỉa hè lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm	m^2	970,69	960,51	1.188,77	455,30	283,97	1.091,69	*Đã giảm trừ chiếm chỗ*
*	*Giảm trừ bó vỉa hè chiếm chỗ*	m^2	*(130,27)*	*(129,05)*	*(161,04)*	*(62,31)*	*(38,56)*	*(146,93)*	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 TRƯỞNG GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-10A
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Tuyến 1	Tuyến 2	Tuyến 3	Tuyến 4	Tuyến 5	Tuyến 6	Ghi chú
*	*Giảm trừ bó gáy hè chiếm chỗ*	m^2	*(40,94)*	*(40,56)*	*(50,61)*	*(19,58)*	*(12,12)*	*(46,18)*	
*	*Giảm trừ bồn cây xanh chiếm chỗ*	m^2	*(20,48)*	*(21,12)*	*(25,60)*	*(9,60)*	*(6,40)*	*(24,32)*	
*	*Giảm trừ lát gạch dẫn hướng người khuyết tật*	m^2	*(297,76)*	*(294,98)*	*(359,66)*	*(142,43)*	*(88,13)*	*(335,84)*	
*	*Giảm trừ móng biển báo ATGT (s.lg*0.5x0.5)*	m^2	*(2,50)*	*(2,50)*	*(5,50)*	*(2,00)*	*(1,00)*	*(3,00)*	
*	*Giảm trừ vị trí hạ hè*	m^2	*(26,16)*	*(26,16)*	*(57,55)*	*(20,93)*	*(10,46)*	*(31,39)*	
*	*Giảm trừ lối vào BĐX*	m^2	-	-	*(18,04)*	-	-	-	
2.1	Vữa xi măng lót Mác M75# dày 2cm	m^3	19,41	19,21	23,78	9,11	5,68	21,83	
2.2	Bê tông xi măng móng Mác M150# dày 8cm	m^3	77,66	76,84	95,10	36,42	22,72	87,33	
2.3	Lót cát tạo phẳng dày 3cm	m^3	29,12	28,82	35,66	13,66	8,52	32,75	
3	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật**	m^2	**297,76**	**294,98**	**359,66**	**142,43**	**88,13**	**335,84**	
*	*Giảm trừ lối vào BĐX*	m^2	-	-	*(8,44)*	-	-	-	
3.1	Vữa xi măng lót Mác M75# dày 2cm	m^3	5,96	5,90	7,19	2,85	1,76	6,72	
3.2	Bê tông xi măng móng Mác M150# dày 8cm	m^3	23,82	23,60	28,77	11,39	7,05	26,87	
3.3	Lót cát tạo phẳng dày 3cm	m^3	8,93	8,85	10,79	4,27	2,64	10,08	
4	**Chiều dài bó vỉa hè loại I kt:35x16x100cm**	**m**	**320,20**	**316,72**	**323,72**	**136,44**	**89,36**	**357,40**	
*	*Giảm trừ bó vỉa loại 5 vị trí hạ hè (5,2m/vị trí)*	*m*	*(52,00)*	*(52,00)*	*(114,40)*	*(41,60)*	*(20,80)*	*(62,40)*	
*	*Giảm trừ lối vào BĐX*	*m*	-	-	*(22,00)*	-	-	-	
4.1	Lắp đặt viên bó vỉa 35x16x100cm	s.lg	321,00	317,00	324,00	137,00	90,00	358,00	
4.2	BTXM Bó vỉa M250# đá 1x2cm	m^3	12,17	12,04	12,30	5,18	3,40	13,58	
4.3	Ván khuôn viên bó vỉa	m^2	297,79	294,55	301,06	126,89	83,10	332,38	
4.4	Vữa xm M100# lót bó vỉa dày 2cm	m^3	2,24	2,22	2,27	0,96	0,63	2,50	
4.5	BTXM móng M150# đá 1x2cm	m^3	11,21	11,09	11,33	4,78	3,13	12,51	
4.6	Ván khuôn móng bó vỉa	m^2	64,04	63,34	64,74	27,29	17,87	71,48	
5	**Chiều dài bó vỉa hè loại II kt:35x16x50cm**	**m**	-	-	**18,00**	-	-	-	
*	*Bó vỉa lối vào BĐX*	*m*	-	-	*18,00*	-	-	-	
5.1	Lắp đặt viên bó vỉa 35x16x50cm	s.lg	-	-	36	-	-	-	
5.2	BTXM Bó vỉa M250# đá 1x2cm	m^3	-	-	0,68	-	-	-	
5.3	Ván khuôn viên bó vỉa	m^2	-	-	16,74	-	-	-	
5.4	Vữa xm M100# lót bó vỉa dày 2cm	m^3	-	-	0,13	-	-	-	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-10B LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Tuyến 1	Tuyến 2	Tuyến 3	Tuyến 4	Tuyến 5	Tuyến 6	Ghi chú
5.5	BTXM móng M150# đá 1x2cm	m^3	-	-	0,63	-	-	-	
5.6	Ván khuôn móng bó vỉa	m^2	-	-	3,60	-	-	-	
6	**Chiều dài bó gáy hè**	**m**	**372,20**	**368,72**	**450,12**	**178,04**	**110,16**	**419,80**	
*	*Giảm trừ lối vào BĐX*	*m*	-	-	*(10,00)*	-	-	-	
6.1	Xây gạch không nung vxm M75#	m^3	11,54	11,43	13,95	5,52	3,41	13,01	
6.2	Lót vxm M75#	m^3	4,09	4,06	4,95	1,96	1,21	4,62	
6.3	Trát mặt bó gáy vxm M75# dày 2cm	m^2	40,94	40,56	49,51	19,58	12,12	46,18	
7	**Bồn cây xanh vỉa hè**	**s.lg**	**32**	**33**	**40**	**15**	**10**	**38**	*Thống kê theo mặt bằng*
7.1	Cây trồng	cây	32	33	40	15	10	38	*Giáng Hương đường kính gốc 10-15cm*
7.2	Bó bồn xây gạch không nung vxm M75#	m^3	4,48	4,62	5,60	2,10	1,40	5,32	
7.3	Đất tận dụng vét bùn, vét hữu cơ nền đường	m^3	7,04	7,26	8,80	3,30	2,20	8,36	*Đất tận dụng từ Vét bùn*
8	**Hạ hè**	**s.lg**	**10**	**10**	**22**	**8**	**4**	**12**	*Thống kê theo mặt bằng đã bao gồm cả phạm vi nút giao*
8.1	Bó vỉa hạ hè loại IIIA kt(35x9x120)cm	m	12,00	12,00	26,40	9,60	4,80	14,40	
*	Lắp đặt bó vỉa	ck	10	10	22	8	4	12	
*	BTXM bó vỉa M250# đá 1x2cm	m^3	0,33	0,33	0,73	0,27	0,13	0,40	
*	Ván khuôn viền bó vỉa	m^2	10,31	10,31	22,68	8,25	4,12	12,37	
*	Vữa xi măng M100# lót bó vỉa dày 2cm	m^3	0,08	0,08	0,18	0,07	0,03	0,10	
*	BTXM M150# móng dày 10cm	m^3	0,42	0,42	0,92	0,34	0,17	0,50	
*	Ván khuôn móng bó vỉa	m^2	2,40	2,40	5,28	1,92	0,96	2,88	
8.2	Bó vỉa hạ hè loại IIIB kt(35x12,5x100)cm	m	20,00	20,00	44,00	16,00	8,00	24,00	
*	Lắp đặt bó vỉa	ck	20	20	44	16	8	24	
*	BTXM bó vỉa M250# đá 1x2cm	m^3	0,68	0,68	1,50	0,54	0,27	0,82	
*	Ván khuôn viền bó vỉa	m^2	17,96	17,96	39,51	14,37	7,18	21,55	
*	Vữa xi măng M100# lót bó vỉa dày 2cm	m^3	0,14	0,14	0,31	0,11	0,06	0,17	
*	BTXM M150# móng dày 10cm	m^3	0,70	0,70	1,54	0,56	0,28	0,84	
*	Ván khuôn móng bó vỉa	m^2	4,00	4,00	8,80	3,20	1,60	4,80	
8.3	Bó vỉa hạ hè loại IIIC kt(35x16x100)cm	m	20	20	44	16	8	24	
*	Lắp đặt bó vỉa	ck	20,00	20,00	44,00	16,00	8,00	24,00	
*	BTXM bó vỉa M250# đá 1x2cm	m^3	0,80	0,80	1,76	0,64	0,32	0,96	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-10C LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

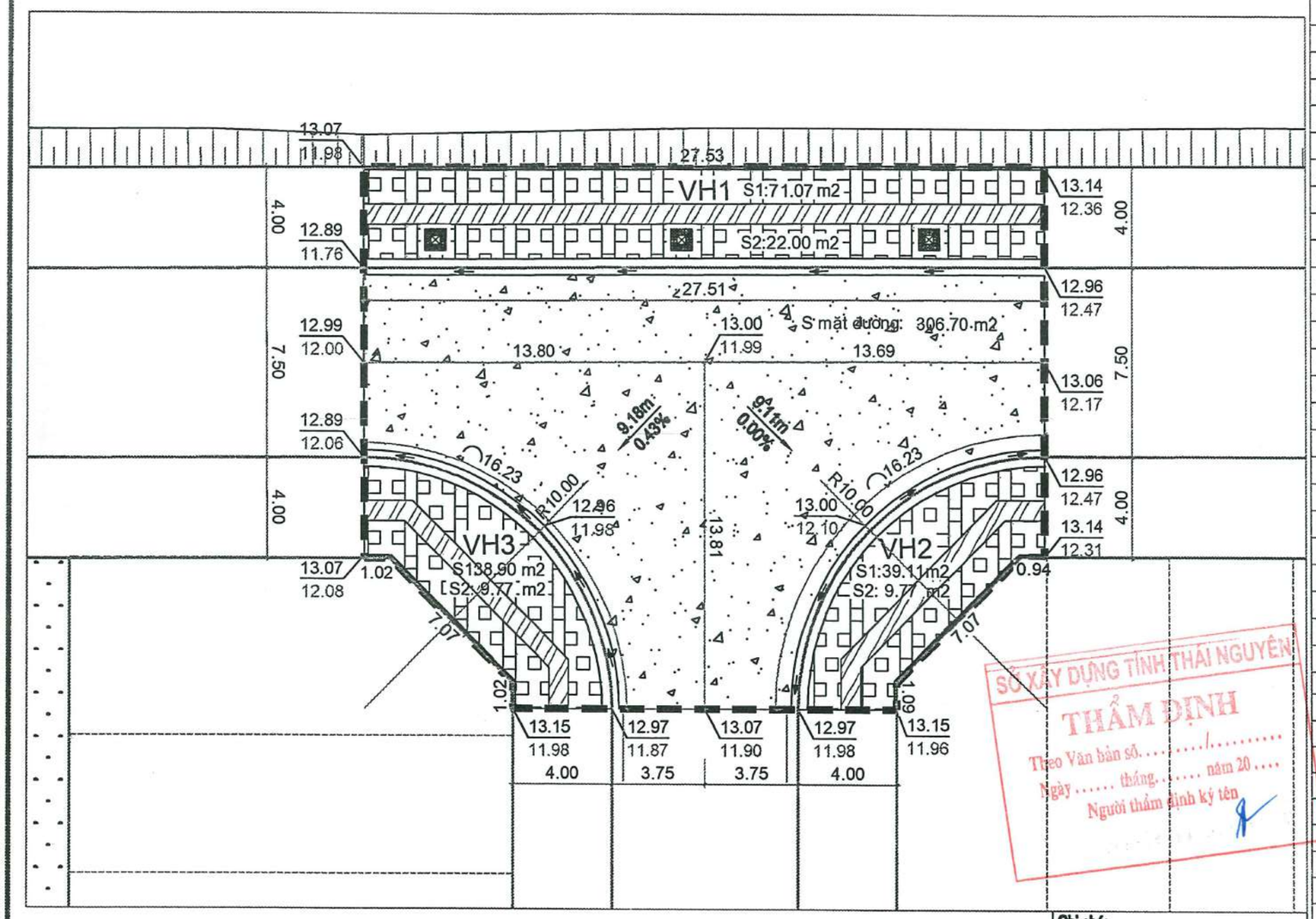
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Tuyến 1	Tuyến 2	Tuyến 3	Tuyến 4	Tuyến 5	Tuyến 6	Ghi chú
*	Ván khuôn viền bó vỉa	m^2	18,82	18,82	41,40	15,06	7,53	22,58	
*	Vữa xi măng M100# lót bó vỉa dày 2cm	m^3	0,14	0,14	0,31	0,11	0,06	0,17	
*	BTXM M150# móng dày 10cm	m^3	0,70	0,70	1,54	0,56	0,28	0,84	
*	Ván khuôn móng bó vỉa	m^2	4,00	4,00	8,80	3,20	1,60	4,80	
8.4	Gạch lát dừng bước, dẫn hướng	vị trí	10	10	22	8	4	12	
*	Lát tấm dừng bước kt(40x40x3)cm	m^2	14,40	14,40	31,68	11,52	5,76	17,28	
*	Lát tấm dẫn hướng kt(40x40x3)cm	m^2	11,76	11,76	25,87	9,41	4,70	14,11	
*	Vữa xi măng M100# gắn kết dày 2cm	m^3	0,52	0,52	1,14	0,42	0,21	0,62	
*	BTXM M150# móng dày 10cm	m^3	2,62	2,62	5,76	2,09	1,05	3,14	
*	Trừ diện tích tính cho lát vỉa hè	m^2	26,16	26,16	57,55	20,93	10,46	31,39	
IV	**PHẦN TỔ CHỨC AN TOÀN GIAO THÔNG**								
1	**Diện tích sơn (dày 2mm, sơn phản quang dẻo nhiệu)**	**m^2**	-	-	-	-	-	-	*Thống kê theo mặt bằng*
2	**Biển báo ATGT**	**s.lg**	**10**	**10**	**22**	**8**	**4**	**12**	*Thống kê theo mặt bằng*
3	**Dải phân cách di động**	**s.lg**	-	-	-	-	-	-	*Đảo di động Nút giao N11*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BẢNG KHỐI LƯỢNG KHỐI LƯỢNG TUYẾN
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-10D
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% (Độ dốc) / 7.62M (Chiều dài) - Hướng dốc thi công

27.70 Cao độ tk / 27.29 Cao độ tn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N1
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG		
1	**Diện tích nút**	m^2	**587,55**
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*545,02*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	*42,53*
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*293,78*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	**432,79**
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(314,95)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(31,44)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*272,51*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	**43,35**
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	*22,08*
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*21,27*
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	**324,69**
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	*306,70*
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*17,99*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	**306,70**
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	**306,70**
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	**48,70**
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	**81,17**
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	**162,35**
7	**Tấm đón nước**	m	**59,97**
III	PHẦN VỈA HÈ		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)**	m^2	**149,08**
	VH1	m^2	*71,07*
	VH2	m^2	*39,11*
	VH3	m^2	*38,90*
	VH4	m^2	-
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	**41,54**
	VH1	m^2	*22,00*
	VH2	m^2	*9,77*
	VH3	m^2	*9,77*
	VH4	m^2	-
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	**59,97**
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m	*27,51*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m	*32,46*
4	**Chiều dài bó gấy hè**	m	**45,74**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	*3*
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	-
IV	ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	-
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	-
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	-
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	-

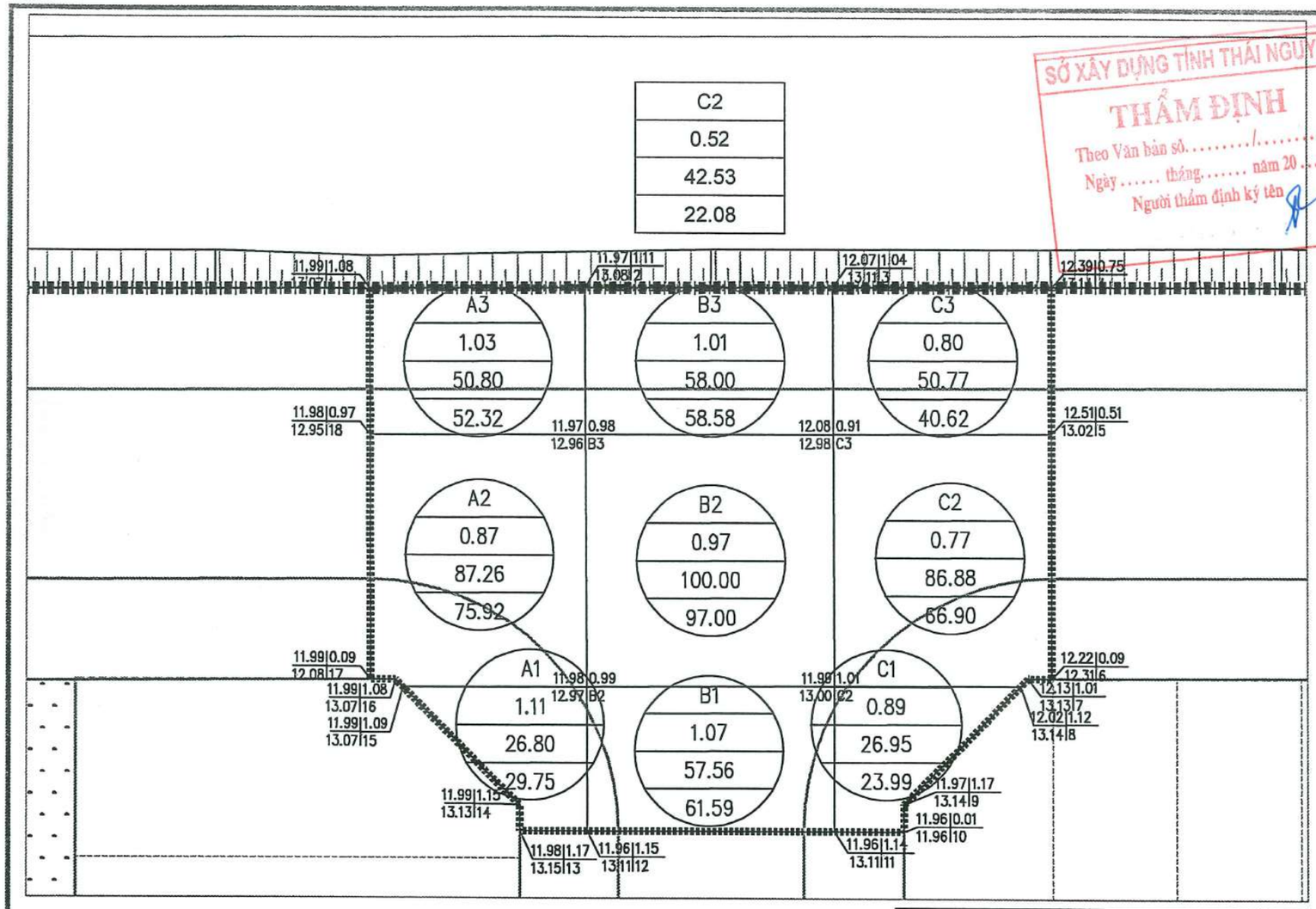
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
KIỂM TRA
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N1

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-11
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N1 – Giai đoạn 1)				
HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	159.57	151.52	0.00	0.00
Hàng 2	274.14	239.82	0.00	0.00
Hàng 1	111.31	115.33	0.00	0.00
Tổng	545.02	506.67	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N1 – Giai đoạn 1)				
CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	164.86	157.99	0.00	0.00
Cột B	215.56	217.17	0.00	0.00
Cột C	164.60	131.51	0.00	0.00
Tổng	545.02	506.67	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY

TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			0.00	0.00
C2			42.53	22.08
G3			0.00	0.00
C4			0.00	0.00
G5			0.00	0.00
C6			0.00	0.00
G7			0.00	0.00
C8			0.00	0.00
G9			0.00	0.00
C10			0.00	0.00
G11			0.00	0.00
C12			0.00	0.00
G13			0.00	0.00
C14			0.00	0.00
G15			0.00	0.00
C16			0.00	0.00
G17			0.00	0.00
C18			0.00	0.00
G19			0.00	0.00
C20			0.00	0.00
Tổng	0.00	0.00	42.53	22.08

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Ký tên

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO

CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9

DIỆN TÍCH — 3.64 / 50.00 / 182.00 — CHÊNH CAO / KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9

DIỆN TÍCH — -9.92 / 100.00 / -992.00 — CHÊNH CAO / KHỐI LƯỢNG ĐÀO

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

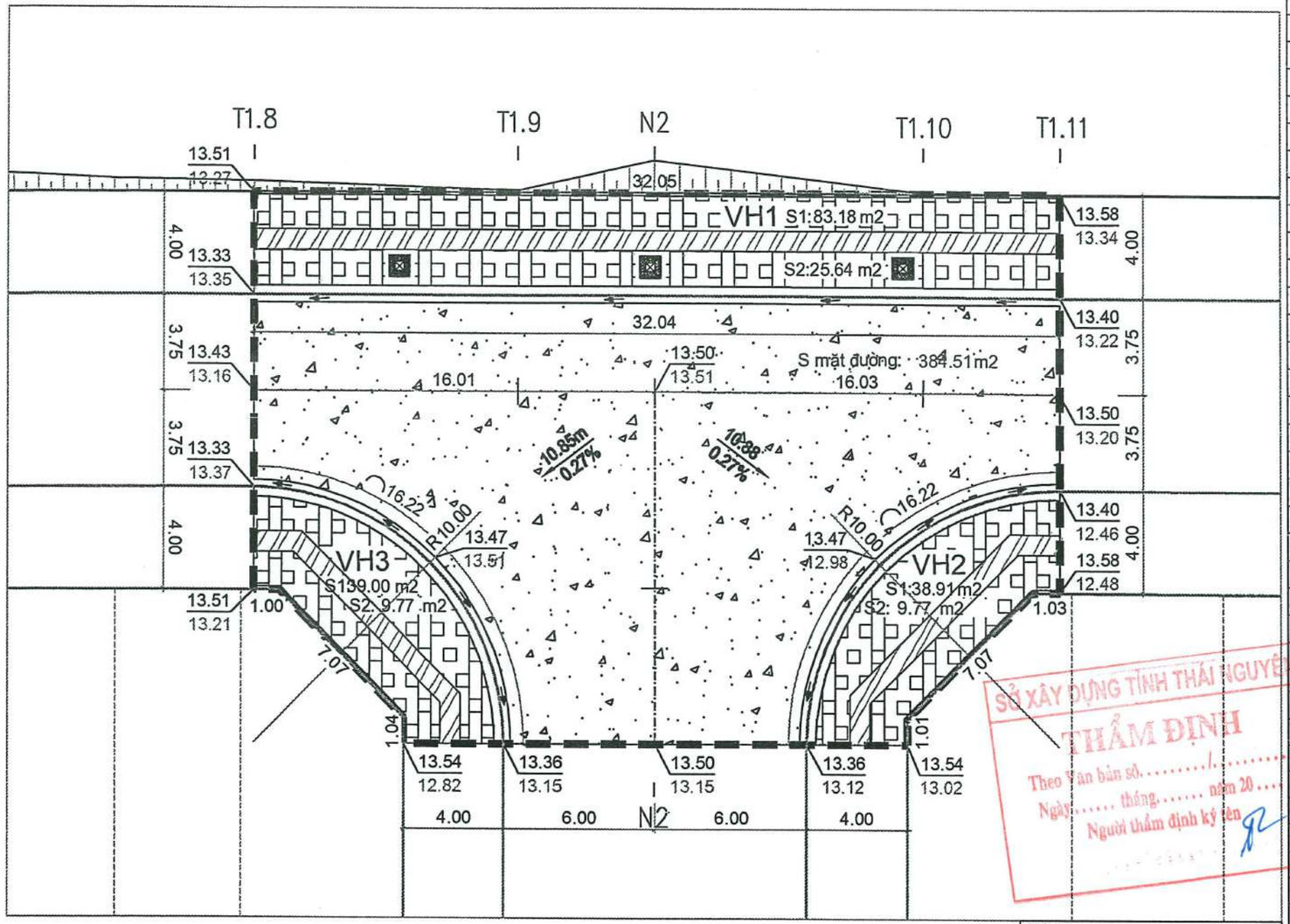
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N1

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% / 7.62M — Độ dốc / Chiều dài

- Hướng dốc thi công

27.70 / 27.29 — Cao độ tk / Cao độ tn

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG	
1	Diện tích nút	m^2
1.1	*Diện tích đào*	m^2
1.2	*Diện tích đắp*	m^2
1.3	*Diện tích taluy*	m^2
2	Khối lượng đào đất nền	
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3
3	Khối lượng đắp đất K95	m^3
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3
4	Khối lượng đắp đất K90	m^3
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG	
1	Diện tích mặt đường	m^2
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2
2	Lớp BTNC C19 dày 7cm	m^2
3	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2	m^2
4	Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm	m^3
5	Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm	m^3
6	Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm	m^3
7	Tấm đón nước	m
III	PHẦN VỈA HÈ	
1	Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)	m^2
	VH1	m^2
	VH2	m^2
	VH3	m^2
	VH4	m^2
2	Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)	m^2
	VH1	m^2
	VH2	m^2
	VH3	m^2
	VH4	m^2
3	Chiều dài bó vỉa hè	m
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m
4	Chiều dài bó gáy hè	m
5	Bồn cây xanh vỉa hè	s.lg
6	Dải phân cách di động	s.lg
IV	ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH	
1	Diện tích đấu nối	m^2
2	Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I	m^3
3	Ván khuôn đổ BTXM mặt đường	m^2
4	Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới	m^3

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

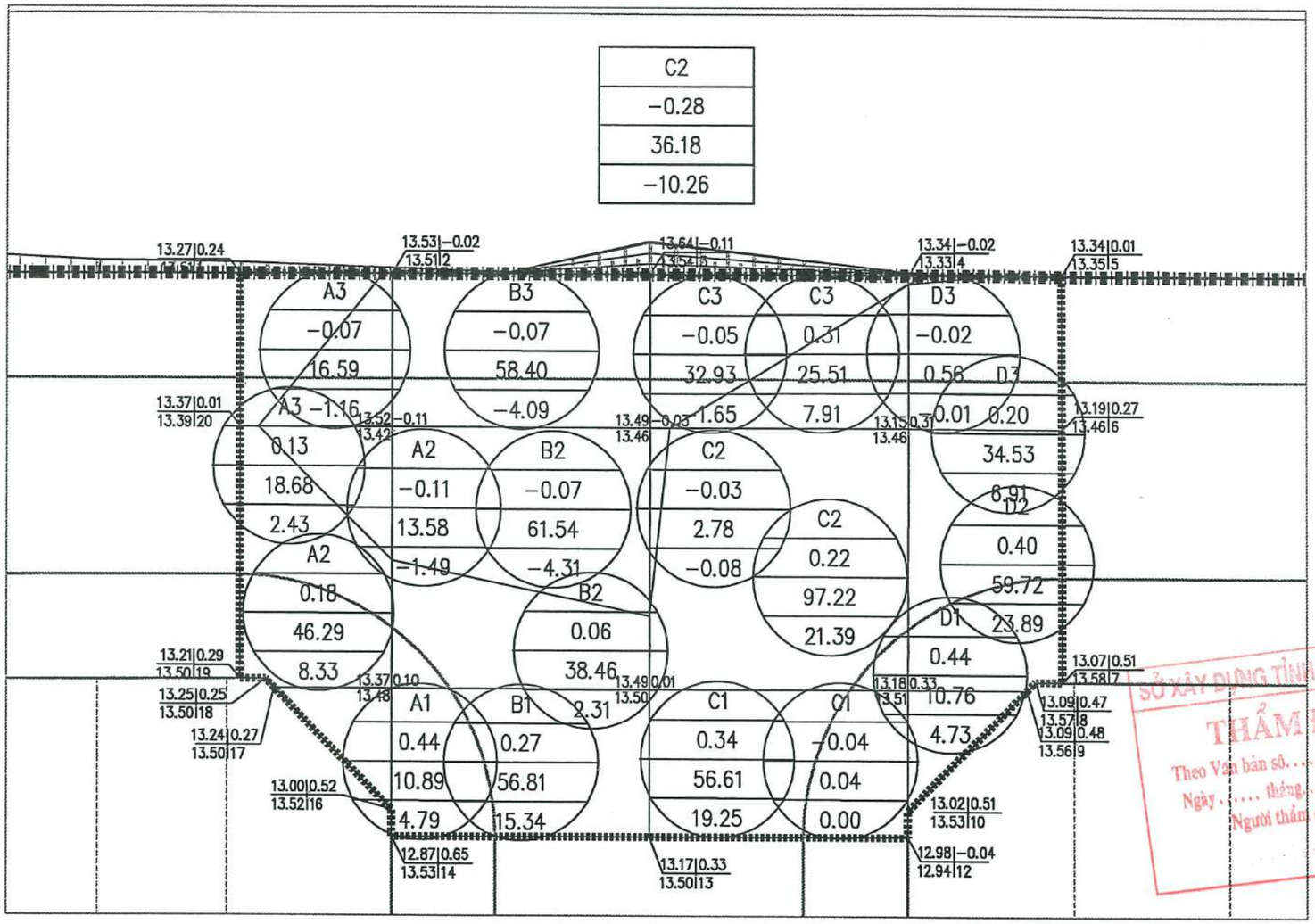
P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-13
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N2 – Giai đoạn 1)				
HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	78.72	17.25	108.48	6.91
Hàng 2	241.69	55.92	77.90	5.88
Hàng 1	135.07	44.11	0.04	0.00
Tổng	455.48	117.28	186.42	12.79

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N2 – Giai đoạn 1)				
CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	75.86	15.55	30.17	2.65
Cột B	95.27	17.65	119.94	8.40
Cột C	179.34	48.55	35.75	1.73
Cột D	105.01	35.53	0.56	0.01
Tổng	455.48	117.28	186.42	12.79

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY				
TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1	0.00	0.00		
C2	36.18	10.26		
G3	0.00	0.00		
C4	0.00	0.00		
G5	0.00	0.00		
C6	0.00	0.00		
G7	0.00	0.00		
C8	0.00	0.00		
G9	0.00	0.00		
C10	0.00	0.00		
G11	0.00	0.00		
C12	0.00	0.00		
C13	0.00	0.00		
G14	0.00	0.00		
C15	0.00	0.00		
G16	0.00	0.00		
C17	0.00	0.00		
G18	0.00	0.00		
C19	0.00	0.00		
G20	0.00	0.00		
C21	0.00	0.00		
Tổng	36.18	10.26	0.00	0.00

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

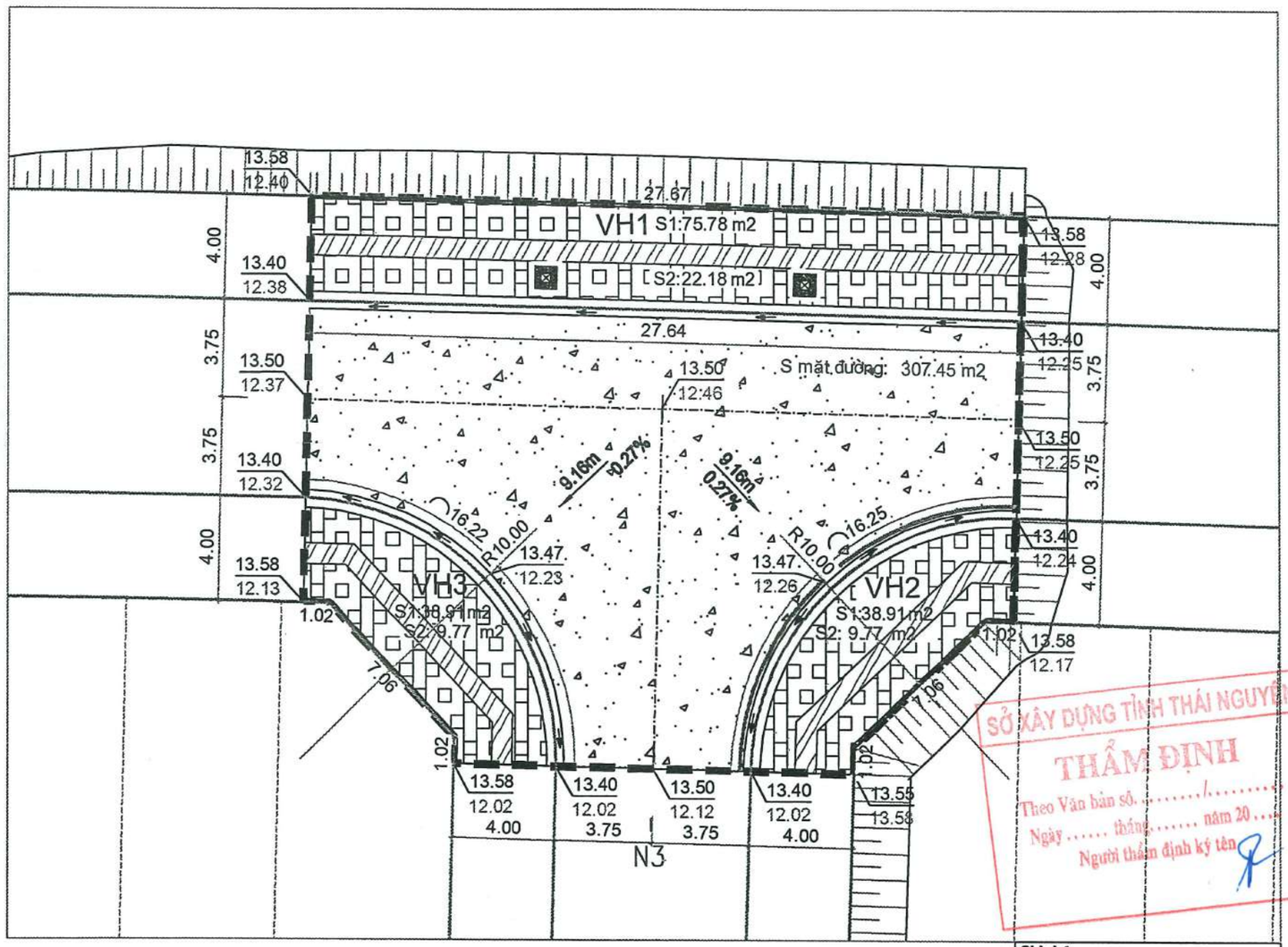
TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 3.84 — 50.00 — 182.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — -9.92 — 100.00 — -992.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

C.TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ... tháng ... năm 20....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N2
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-14
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% — Độ dốc
7.62M — Chiều dài
- Hướng dốc thi công
27.70 — Cao độ tk
27.29 — Cao độ tn

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N3
I	**PHẦN NỀN ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích nút**	m^2	**626,18**
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*545,84*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	*80,34*
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*313,09*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	**615,89**
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(315,72)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(32,28)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*272,92*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	**91,44**
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	*51,27*
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*40,17*
II	**PHẦN MẶT ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	**325,48**
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	*307,45*
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*18,03*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	**307,45**
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	**307,45**
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	**48,82**
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	**81,37**
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	**162,74**
7	**Tấm đón nước**	m	**60,11**
III	**PHẦN VỈA HÈ**		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S1)**	m^2	**153,60**
	VH1	m^2	*75,78*
	VH2	m^2	*38,91*
	VH3	m^2	*38,91*
	VH4	m^2	-
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	**41,72**
	VH1	m^2	*22,18*
	VH2	m^2	*9,77*
	VH3	m^2	*9,77*
	VH4	m^2	-
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	**60,11**
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m	*27,64*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m	*32,47*
4	**Chiều dài bó gáy hè**	m	**45,87**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	**2**
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	-
IV	**ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH**		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	-
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	-
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	-
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	-

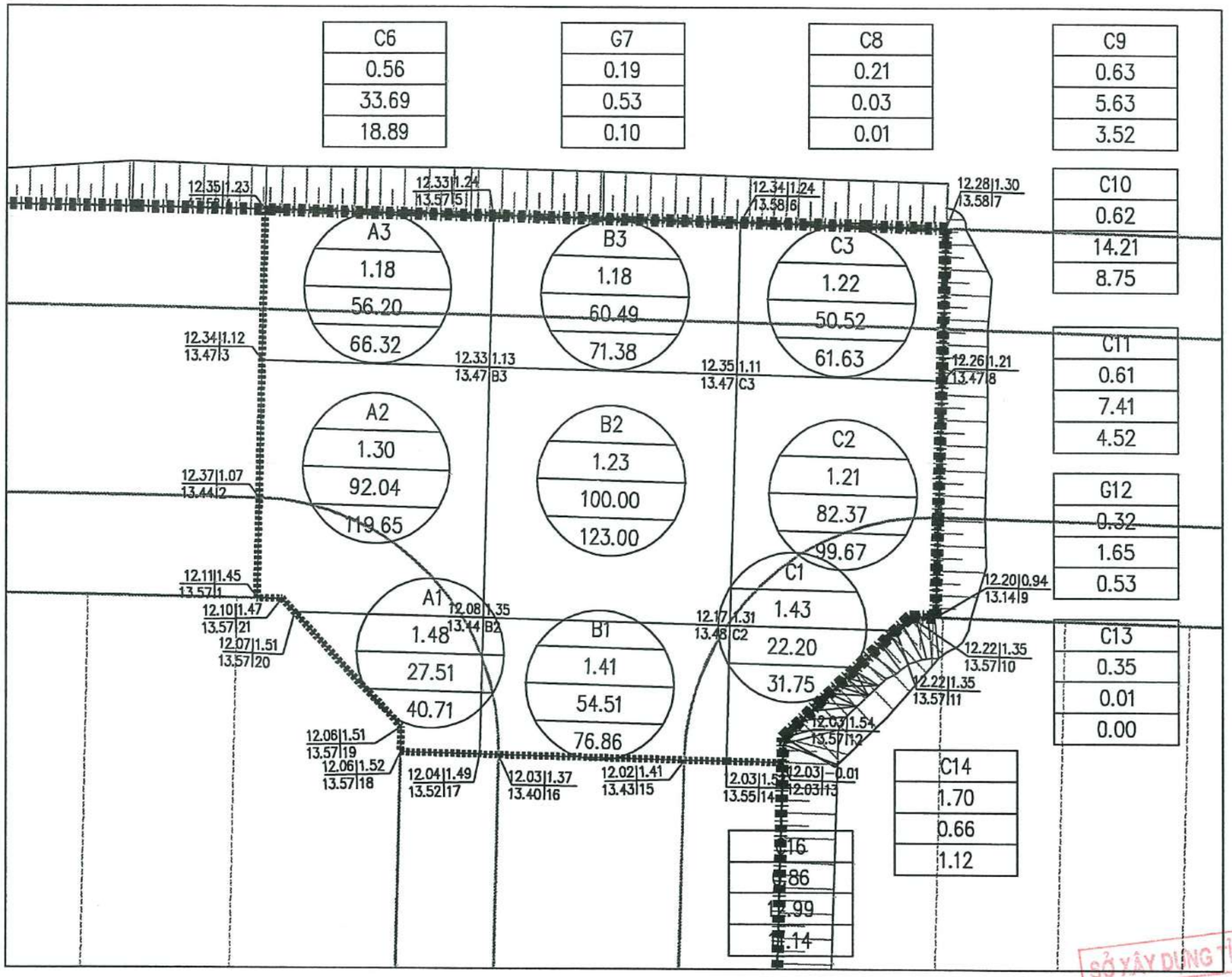
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20...
Người thẩm định ký tên

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N3

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 50.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP
3.64
182.00

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 100.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO
-9.92
-992.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY

TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			0.00	0.00
C2			0.00	0.00
C3			0.00	0.00
C4			0.00	0.00
C5			0.00	0.00
C6			33.69	18.89
G7			0.53	0.10
C8			0.03	0.01
C9			5.63	3.52
C10			14.21	8.75
C11			7.41	4.52
G12			1.65	0.53
C13			0.01	0.00
C14			0.66	1.12
G15			0.00	0.00
C16			12.99	11.14
G17			0.00	0.00
C18			0.48	0.21
C19	0.00	0.00		
G20	0.00	0.00		
C21			0.00	0.00
C22			0.00	0.00
C23			0.00	0.00
G24			0.00	0.00
C25			0.00	0.00
G26			0.00	0.00
C27			2.66	2.16
G28			0.00	0.00
C29			0.39	0.31
Tổng	0.00	0.00	80.34	51.27

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N3 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	167.21	199.33	0.00	0.00
Hàng 2	274.41	342.32	0.00	0.00
Hàng 1	104.22	149.32	0.00	0.00
Tổng	545.84	690.97	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N3 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	175.75	226.68	0.00	0.00
Cột B	215.00	271.24	0.00	0.00
Cột C	155.09	193.05	0.00	0.00
Tổng	545.84	690.97	0.00	0.00

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

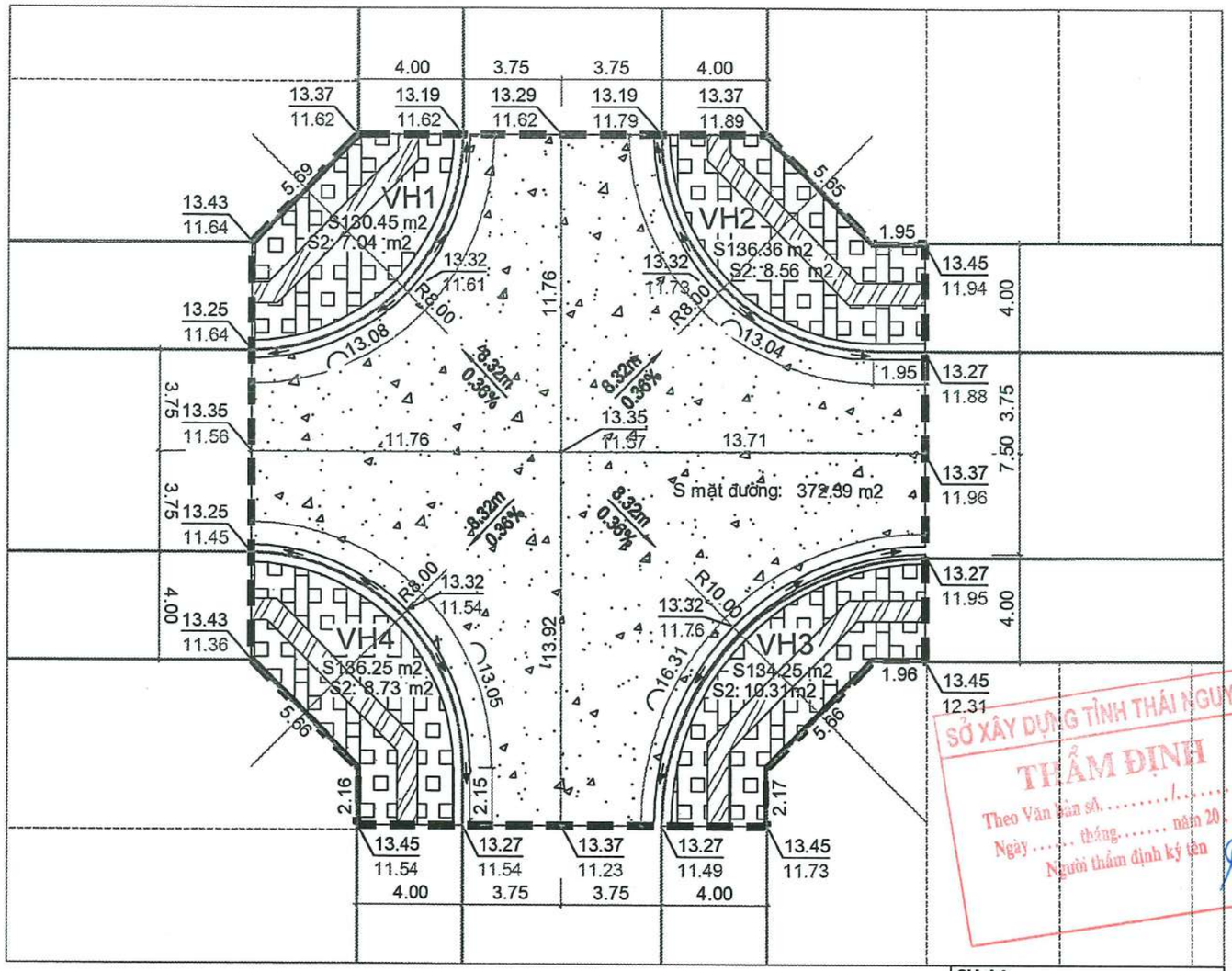
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N3

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-16
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% / 7.62M — Độ dốc / Chiều dài

- Hướng dốc thi công

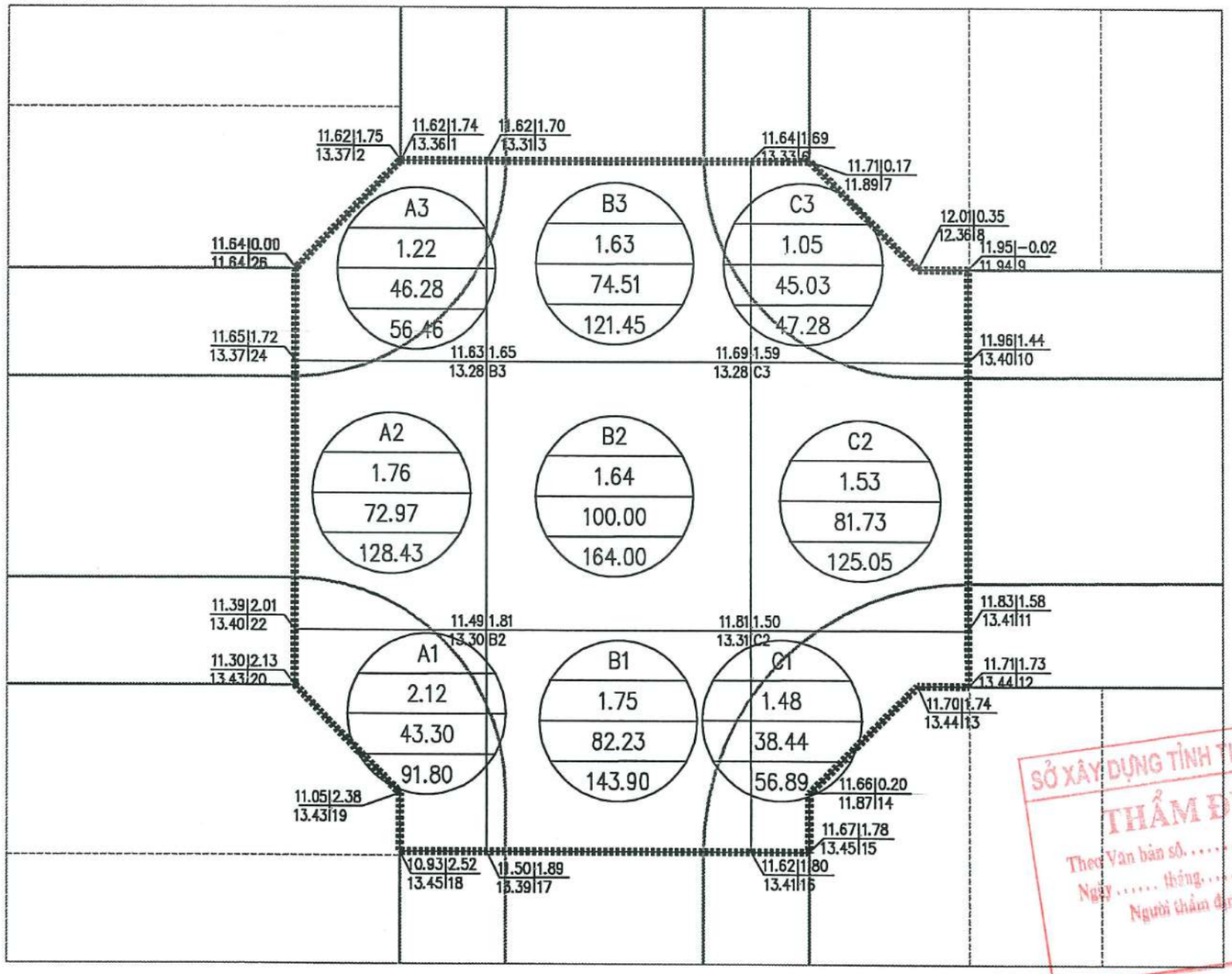
27.70 Cao độ tk / 27.29 Cao độ tn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../..... Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N4
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG		
1	**Diện tích nút**	m^2	**584,49**
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*584,49*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	-
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*292,25*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	**820,05**
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(378,56)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(28,90)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*292,25*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	-
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	-
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	-
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	**390,26**
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	372,39
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*17,87*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	**372,39**
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	**372,39**
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	**58,54**
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	**97,57**
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	**195,13**
7	**Tấm đón nước**	m	**59,58**
III	PHẦN VỈA HÈ		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)**	m^2	**137,31**
	VH1	m^2	*30,45*
	VH2	m^2	*36,36*
	VH3	m^2	*34,25*
	VH4	m^2	*36,25*
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	**34,64**
	VH1	m^2	*7,04*
	VH2	m^2	*8,56*
	VH3	m^2	*10,31*
	VH4	m^2	*8,73*
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	**56,88**
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m	*4,10*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m	*52,78*
4	**Chiều dài bó gáy hè**	m	**30,90**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	-
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	-
IV	ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	-
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	-
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	-
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	-

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG CHI TIẾT NÚT GIAO N4
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-17
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 3.64 / 50.00 / 182.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — -0.92 / 100.00 / -992.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N4 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	165.82	225.19	0.00	0.00
Hàng 2	254.70	417.48	0.00	0.00
Hàng 1	163.97	292.59	0.00	0.00
Tổng	584.49	935.26	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N4 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	162.55	276.69	0.00	0.00
Cột B	256.74	429.35	0.00	0.00
Cột C	165.20	229.22	0.00	0.00
Tổng	584.49	935.26	0.00	0.00

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

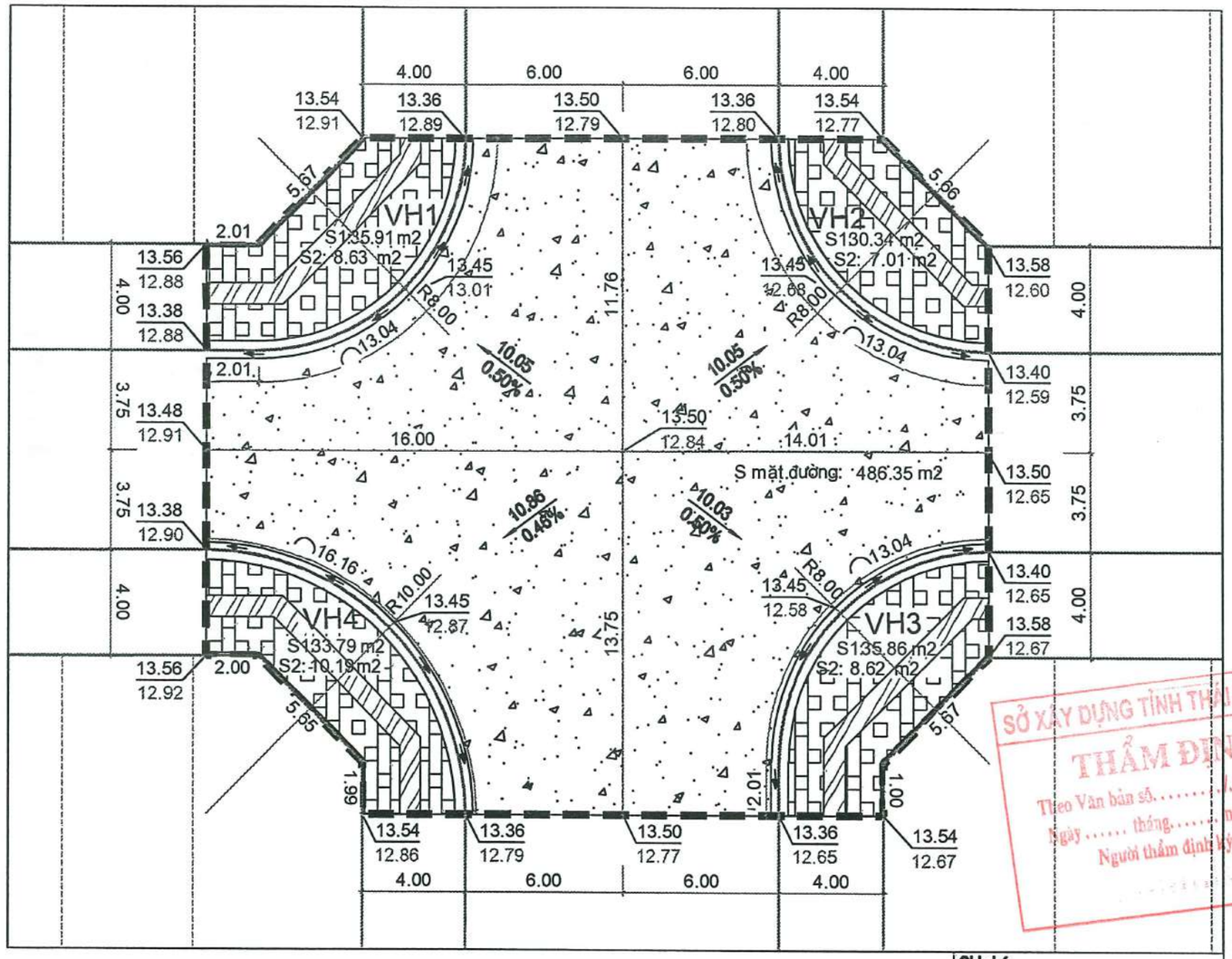
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N4

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-18
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% — Độ dốc
7.62M — Chiều dài

- Hướng dốc thi công

27.70 Cao độ tk
27.29 Cao độ tn

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N5
I	**PHẦN NỀN ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích nút**	m^2	**697,35**
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*697,35*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	-
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*348,68*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	**287,36**
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(489,02)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(28,86)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*348,68*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	-
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	-
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	-
II	**PHẦN MẶT ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	**504,14**
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	486,35
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*17,79*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	**486,35**
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	**486,35**
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	**75,62**
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	**126,04**
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	**252,07**
7	**Tấm đón nước**	m	**59,30**
III	**PHẦN VỈA HÈ**		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)**	m^2	**135,90**
	VH1	m^2	*35,91*
	VH2	m^2	*30,34*
	VH3	m^2	*35,86*
	VH4	m^2	*33,79*
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	**34,45**
	VH1	m^2	*8,63*
	VH2	m^2	*7,01*
	VH3	m^2	*8,62*
	VH4	m^2	*10,19*
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	**59,30**
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m	*4,02*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m	*55,28*
4	**Chiều dài bó gáy hè**	m	**29,65**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	-
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	-
IV	**ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH**		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	-
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	-
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	-
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	-

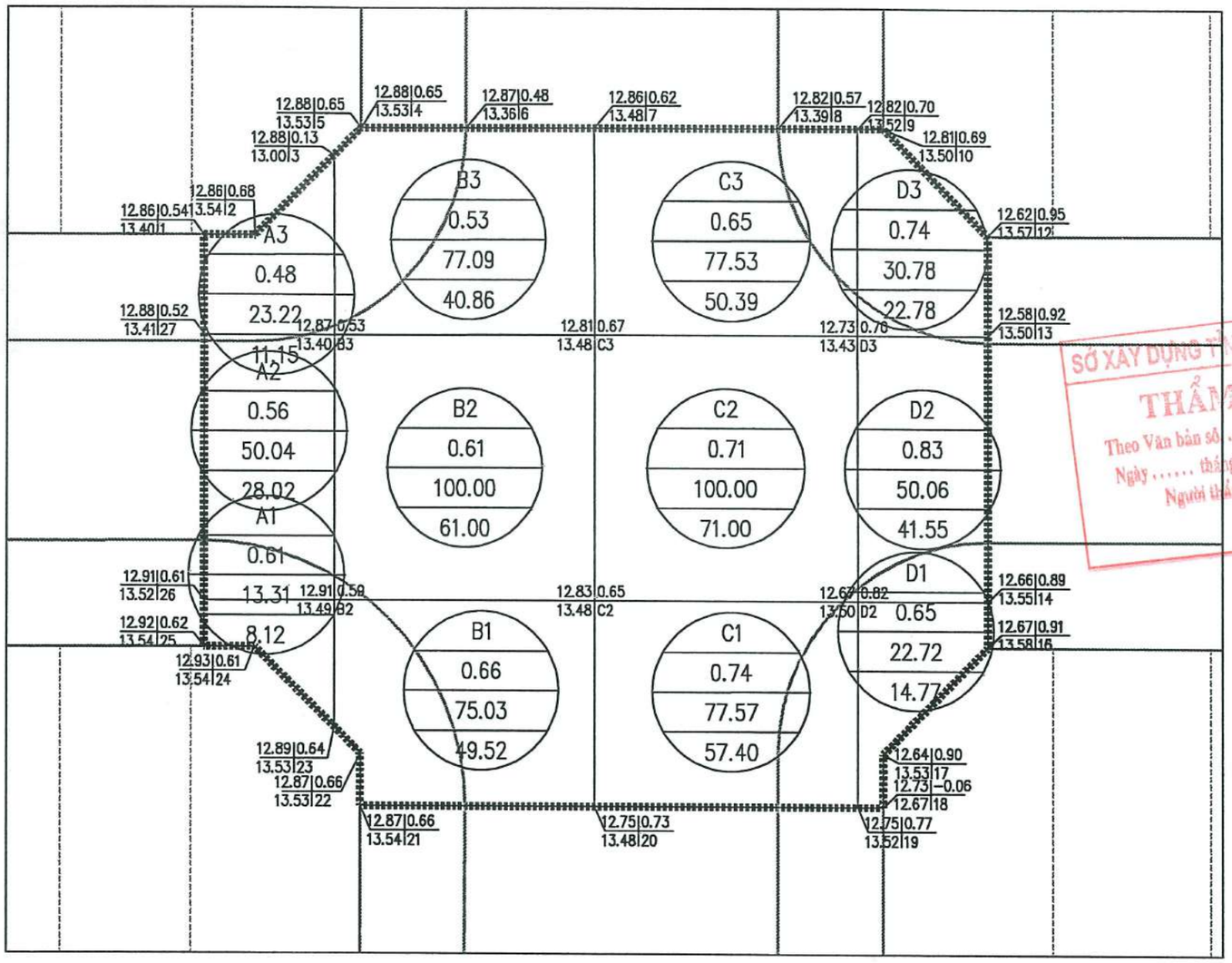
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
KIỂM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	PT.GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-19
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — 3.64 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 50.00 — 182.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — −9.92 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 100.00 — −992.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

C.T TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
KIỂM TRA
Theo Văn bản số: 66 /1.KC-05
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N5 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	208.62	125.18	0.00	0.00
Hàng 2	300.10	201.57	0.00	0.00
Hàng 1	188.63	129.81	0.00	0.00
Tổng	697.35	456.56	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N5 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	86.57	47.29	0.00	0.00
Cột B	252.12	151.38	0.00	0.00
Cột C	255.10	178.79	0.00	0.00
Cột D	103.56	79.10	0.00	0.00
Tổng	697.35	456.56	0.00	0.00

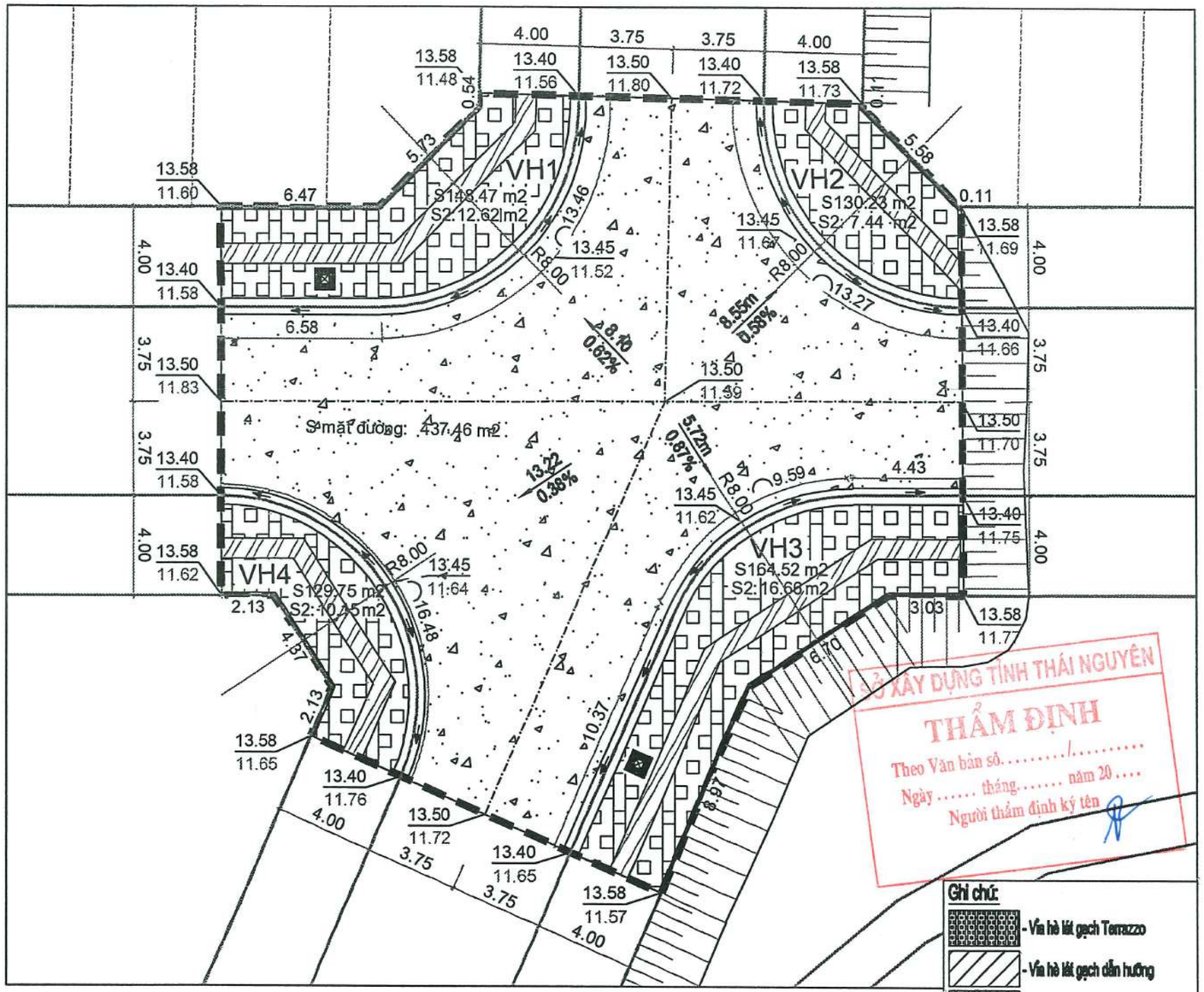
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
PT. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-20
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N6
I	**PHẦN NỀN ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích nút**	m^2	**805,97**
1.1	*Diện tích đào*	m^2	*-*
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*712,28*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	*93,69*
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	*-*
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*402,99*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	**1.116,25**
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(445,92)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(36,76)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*356,14*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	**141,83**
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	*94,98*
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*46,85*
II	**PHẦN MẶT ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	**459,71**
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	*437,46*
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*22,25*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	**437,46**
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	**437,46**
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	**68,96**
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	**114,93**
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	**229,86**
7	**Tấm đón nước**	m	**74,18**
III	**PHẦN VỈA HÈ**		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)**	m^2	**172,97**
	VH1	m^2	*48,47*
	VH2	m^2	*30,23*
	VH3	m^2	*64,52*
	VH4	m^2	*29,75*
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	**46,87**
	VH1	m^2	*12,62*
	VH2	m^2	*7,44*
	VH3	m^2	*16,66*
	VH4	m^2	*10,15*
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	**74,18**
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	*m*	*21,38*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	*m*	*52,80*
4	**Chiều dài bó gáy hè**	m	**45,87**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	**2**
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	**-**
IV	**ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH**		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	**-**
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	**-**
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	**-**
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	**-**

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.../...
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

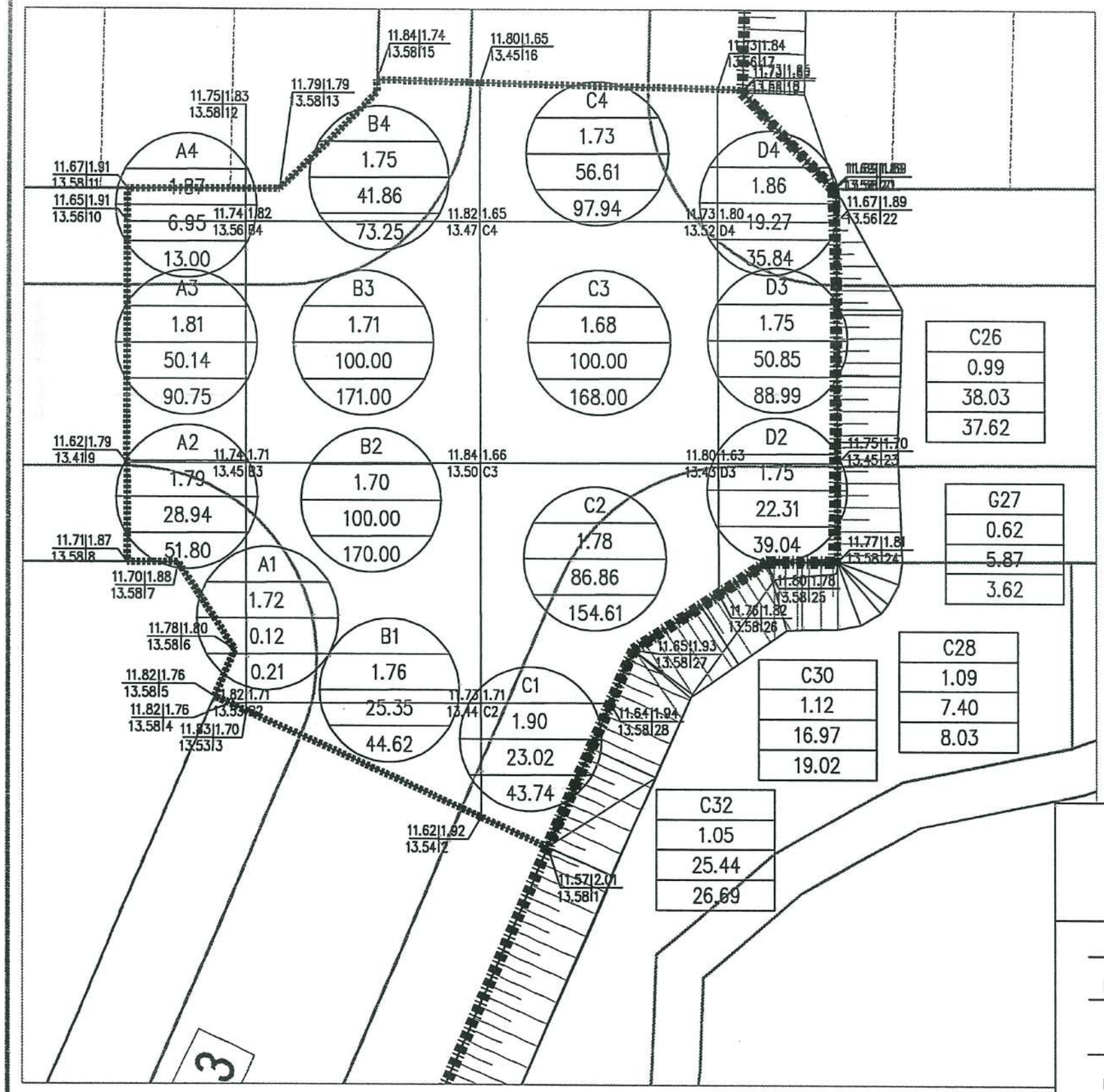
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. ĐƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N6

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-21
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N6 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 4	124.69	220.03	0.00	0.00
Hàng 3	300.99	518.74	0.00	0.00
Hàng 2	238.11	415.45	0.00	0.00
Hàng 1	48.49	88.57	0.00	0.00
Tổng	712.28	1242.79	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N6 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	86.15	155.76	0.00	0.00
Cột B	267.21	458.87	0.00	0.00
Cột C	266.49	464.29	0.00	0.00
Cột D	92.43	163.87	0.00	0.00
Tổng	712.28	1242.79	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY

TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			0.00	0.00
C2			0.00	0.00
G3			0.00	0.00
C4			0.00	0.00
G5			0.00	0.00
C6			0.00	0.00
G7			0.00	0.00
C8			0.00	0.00
G9			0.00	0.00
C10			0.00	0.00
G11			0.00	0.00
C12			0.00	0.00
G13			0.00	0.00
C14			0.00	0.00
G15			0.00	0.00
C16			0.00	0.00
G17			0.00	0.00
C18			0.00	0.00
G19			0.00	0.00
C20			0.00	0.00
G21			0.00	0.00
C22			0.00	0.00
G23			0.00	0.00
C24			0.00	0.00
G25			0.00	0.00
C26			38.03	37.62
G27			5.87	3.62
C28			7.40	8.03
G29			0.00	0.00
C30			16.97	19.02
G31			0.00	0.00
C32			25.44	26.69
Tổng	0.00	0.00	93.69	94.98

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TH

THẨM TRA

Theo Văn bản số....69..../.BC-KT...

Ngày..16..tháng..11..năm 2025...

Ký tên

KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO

CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO

DIỆN TÍCH — 3.84 / 50.00 / 192.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO

DIỆN TÍCH — -0.92 / 100.00 / -992.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

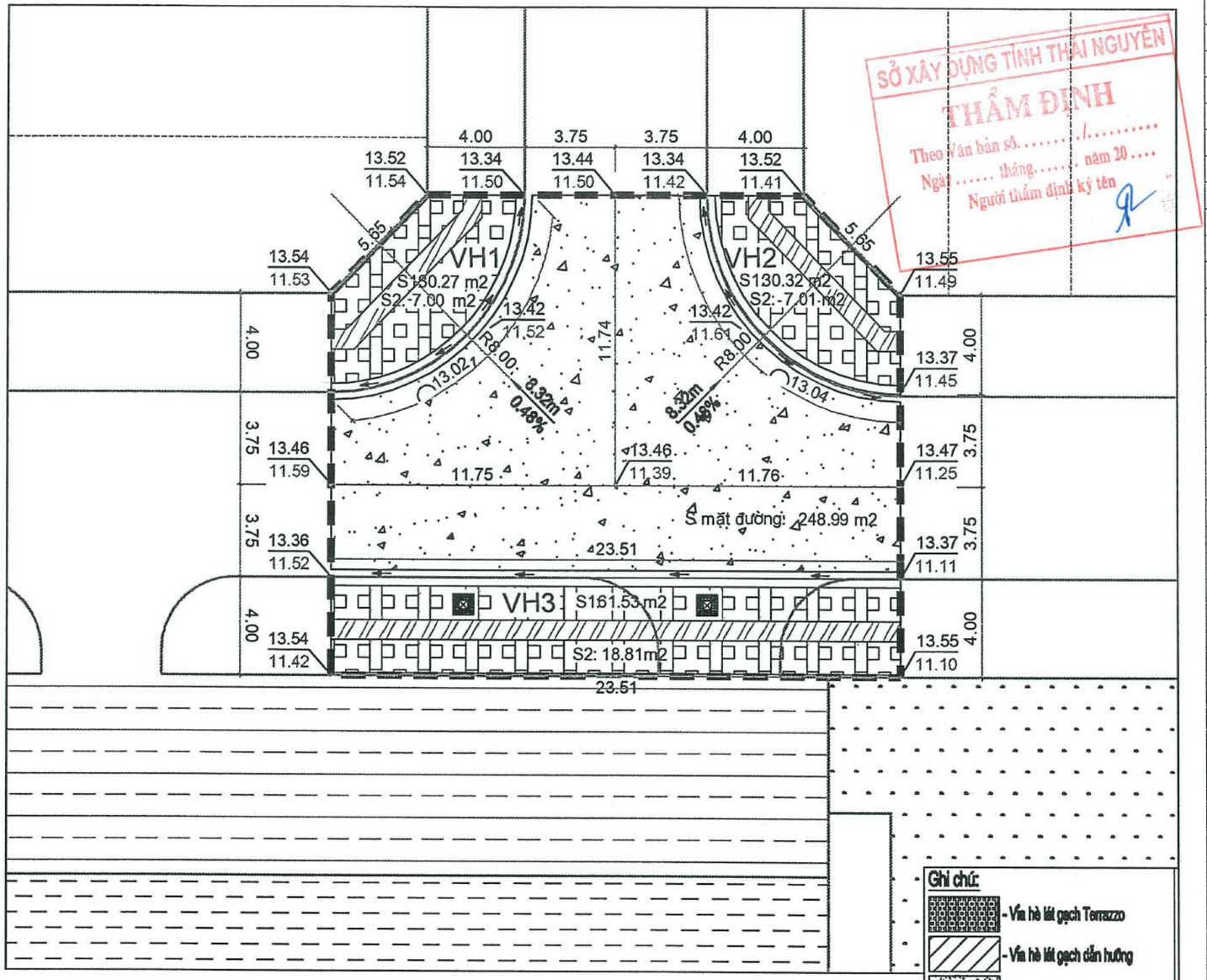
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N6

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-22
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

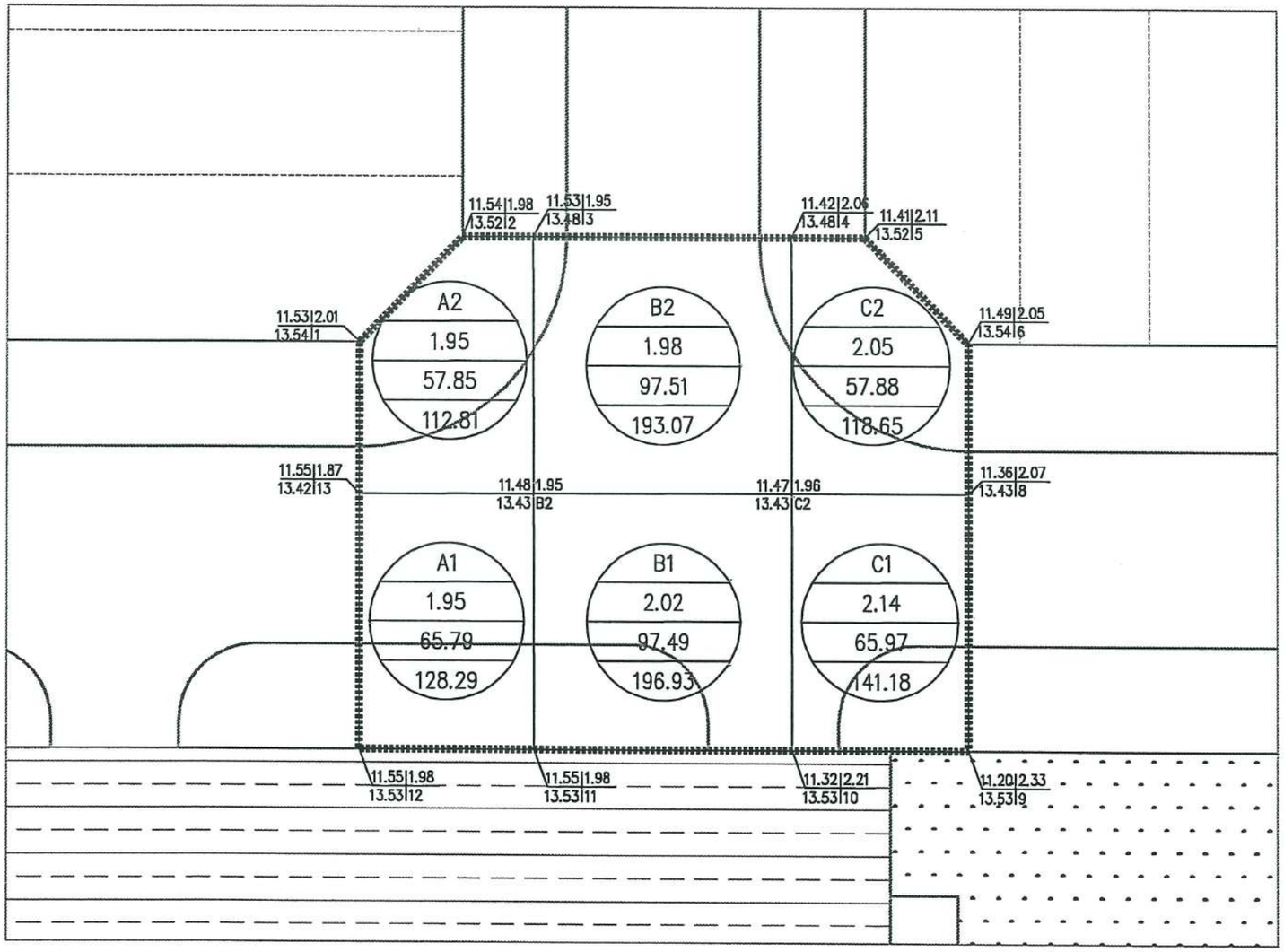


STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N7
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG		
1	Diện tích nút	m^2	442,49
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*442,49*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	-
2	Khối lượng đào đất nền		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*221,25*
3	Khối lượng đắp đất K95	m^3	830,52
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(255,95)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(25,71)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*221,25*
4	Khối lượng đắp đất K90	m^3	-
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	-
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	-
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG		
1	Diện tích mặt đường	m^2	263,86
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	248,99
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*14,87*
2	Lớp BTNC C19 dày 7cm	m^2	248,99
3	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2	m^2	248,99
4	Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm	m^3	39,58
5	Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm	m^3	65,97
6	Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm	m^3	131,93
7	Tấm đón nước	m	49,57
III	PHẦN VỈA HÈ		
1	Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)	m^2	122,02
	VH1	m^2	*30,27*
	VH2	m^2	*30,22*
	VH3	m^2	*61,53*
	VH4	m^2	-
2	Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)	m^2	32,82
	VH1	m^2	*7,00*
	VH2	m^2	*7,01*
	VH3	m^2	*18,81*
	VH4	m^2	-
3	Chiều dài bó vỉa hè	m	49,57
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	*m*	23,51
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	*m*	*26,06*
4	Chiều dài bó gấy hè	m	34,81
5	Bồn cây xanh vỉa hè	s.lg	2
6	Dải phân cách di động	s.lg	-
IV	ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH		
1	Diện tích đấu nối	m^2	-
2	Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I	m^3	-
3	Ván khuôn đổ BTXM mặt đường	m^2	-
4	Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới	m^3	-

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TÂY
THẨM TRA
Theo Văn bản số ....68...TVC...
Ngày 15 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG CHI TIẾT NÚT GIAO N7
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-23
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 3.64 / 50.00 / 182.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — -9.92 / 100.00 / -992.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

CT TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm tra ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N7 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 2	213.24	424.53	0.00	0.00
Hàng 1	229.25	466.40	0.00	0.00
Tổng	442.49	890.93	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N7 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	123.64	241.10	0.00	0.00
Cột B	195.00	390.00	0.00	0.00
Cột C	123.85	259.83	0.00	0.00
Tổng	442.49	890.93	0.00	0.00

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

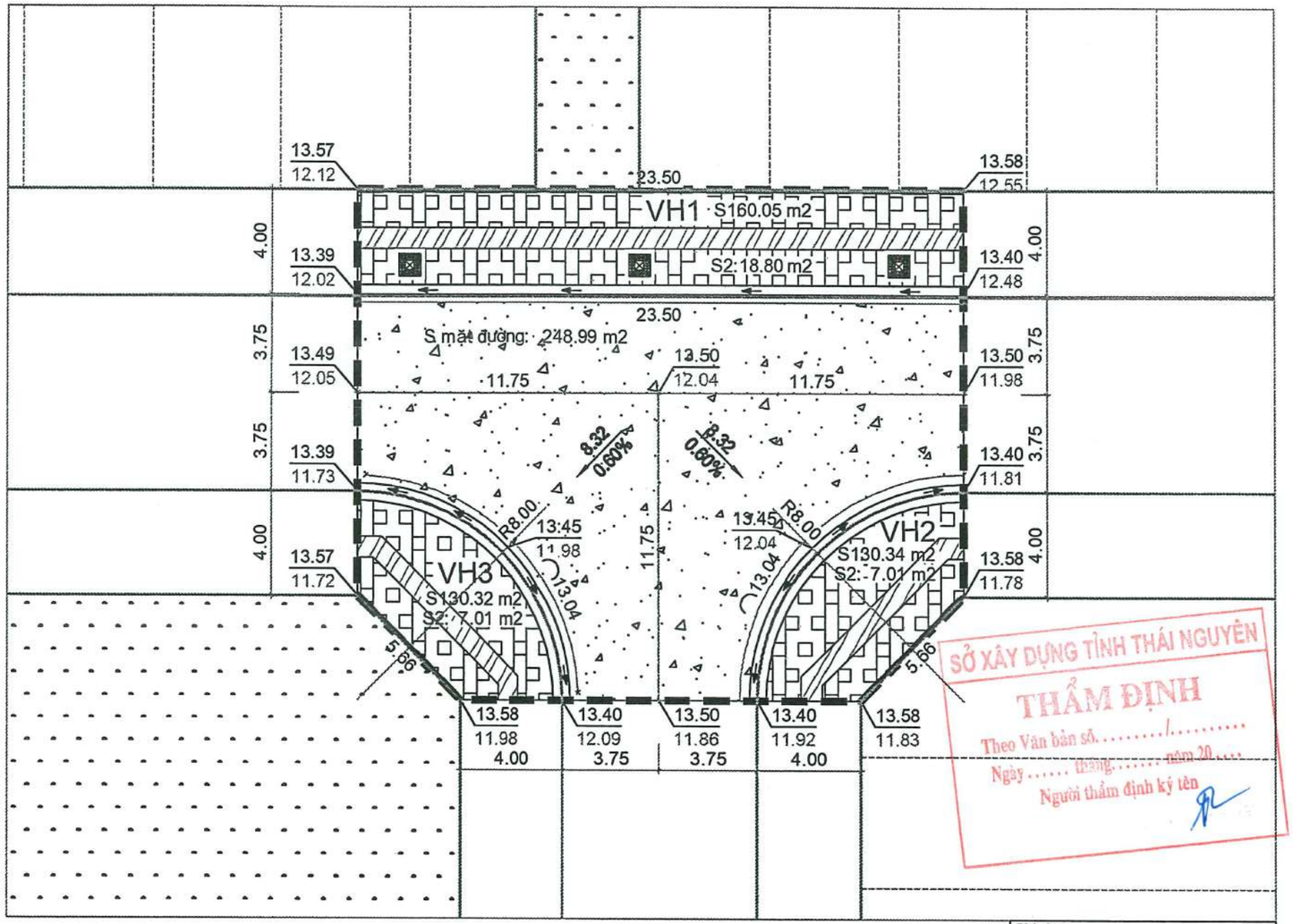
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N7

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-24
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% / 7.62M — Độ dốc / Chiều dài

- Hướng dốc thi công

27.70 / 27.29 — Cao độ tk / Cao độ tn

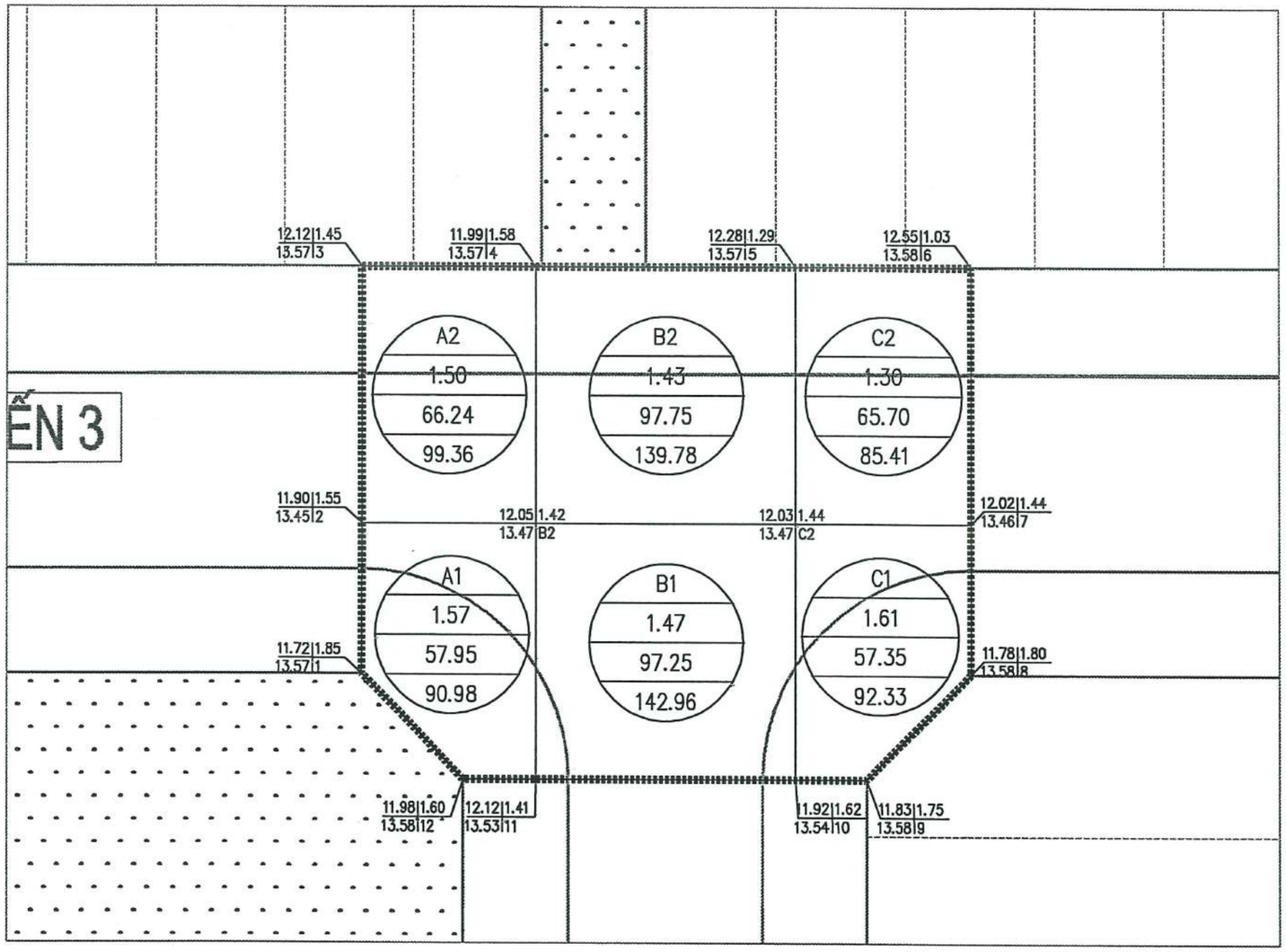
STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N8
I	**PHẦN NỀN ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích nút**	m^2	442,24
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*442,24*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	-
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*221,12*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	590,59
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(255,95)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(25,40)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*221,12*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	-
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	-
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	-
II	**PHẦN MẶT ĐƯỜNG**		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	263,86
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	248,99
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*14,87*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	248,99
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	248,99
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	39,58
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	65,97
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	131,93
7	**Tấm đón nước**	m	49,58
III	**PHẦN VỈA HÈ**		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)**	m^2	120,71
	VH1	m^2	*60,05*
	VH2	m^2	*30,34*
	VH3	m^2	*30,32*
	VH4	m^2	-
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	32,82
	VH1	m^2	*18,80*
	VH2	m^2	*7,01*
	VH3	m^2	*7,01*
	VH4	m^2	-
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	49,58
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	*m*	23,50
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	*m*	*26,08*
4	**Chiều dài bó gáy hè**	m	34,82
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	3
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	-
IV	**ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH**		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	-
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	-
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	-
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	-

THẨM TRA
Theo Văn bản số..... 68 ..... 05 .....
Ngày..... 06 ..... tháng..... 11 ..... năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N8

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-25
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 3.64 — 50.00 — 182.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — -9.82 — 100.00 — -982.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 /.BC-...
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N8 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 2	229.69	324.55	0.00	0.00
Hàng 1	212.55	326.27	0.00	0.00
Tổng	442.24	650.82	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N8 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	124.19	190.34	0.00	0.00
Cột B	195.00	282.74	0.00	0.00
Cột C	123.05	177.74	0.00	0.00
Tổng	442.24	650.82	0.00	0.00

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

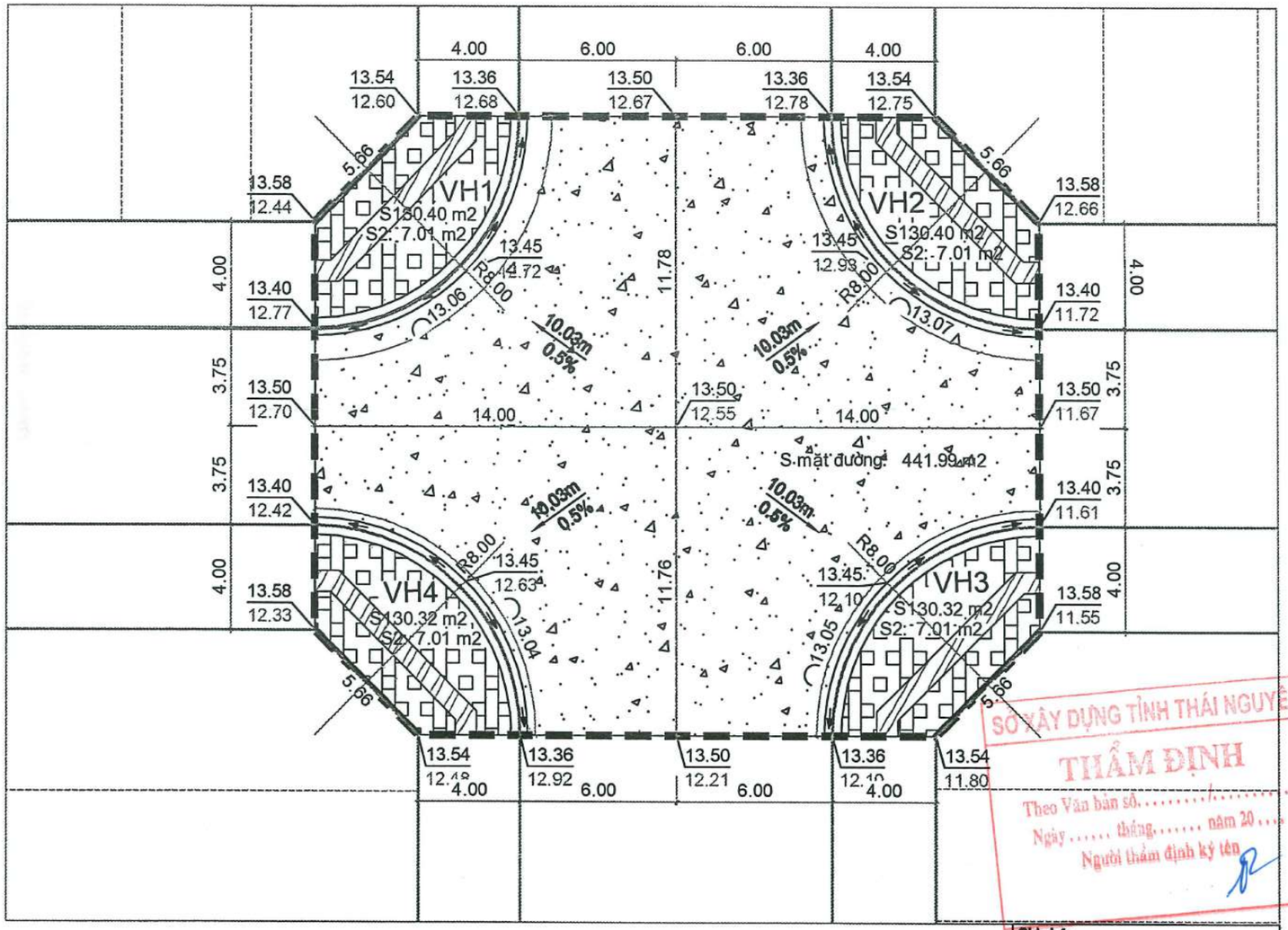
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N8

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-26
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% — Độ dốc
7.62M — Chiều dài
- Hướng dốc thi công
27.70 — Cao độ tk
27.29 — Cao độ tn

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N9
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG		
1	Diện tích nút	m^2	626,55
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*626,55*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	-
2	Khối lượng đào đất nền		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*313,28*
3	Khối lượng đắp đất K95	m^3	468,52
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(443,93)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(25,54)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*313,28*
4	Khối lượng đắp đất K90	m^3	-
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	-
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	-
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG		
1	Diện tích mặt đường	m^2	457,66
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	441,99
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*15,67*
2	Lớp BTNC C19 dày 7cm	m^2	441,99
3	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2	m^2	441,99
4	Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm	m^3	68,65
5	Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm	m^3	114,41
6	Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm	m^3	228,83
7	Tấm đón nước	m	52,22
III	PHẦN VỈA HÈ		
1	Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)	m^2	121,44
	VH1	m^2	*30,40*
	VH2	m^2	*30,40*
	VH3	m^2	*30,32*
	VH4	m^2	*30,32*
2	Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)	m^2	28,04
	VH1	m^2	*7,01*
	VH2	m^2	*7,01*
	VH3	m^2	*7,01*
	VH4	m^2	*7,01*
3	Chiều dài bó vỉa hè	m	52,22
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m	-
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m	*52,22*
4	Chiều dài bó gáy hè	m	22,64
5	Bồn cây xanh vỉa hè	s.lg	-
6	Dải phân cách di động	s.lg	-
IV	ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH		
1	Diện tích đấu nối	m^2	-
2	Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I	m^3	-
3	Ván khuôn đổ BTXM mặt đường	m^2	-
4	Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới	m^3	-

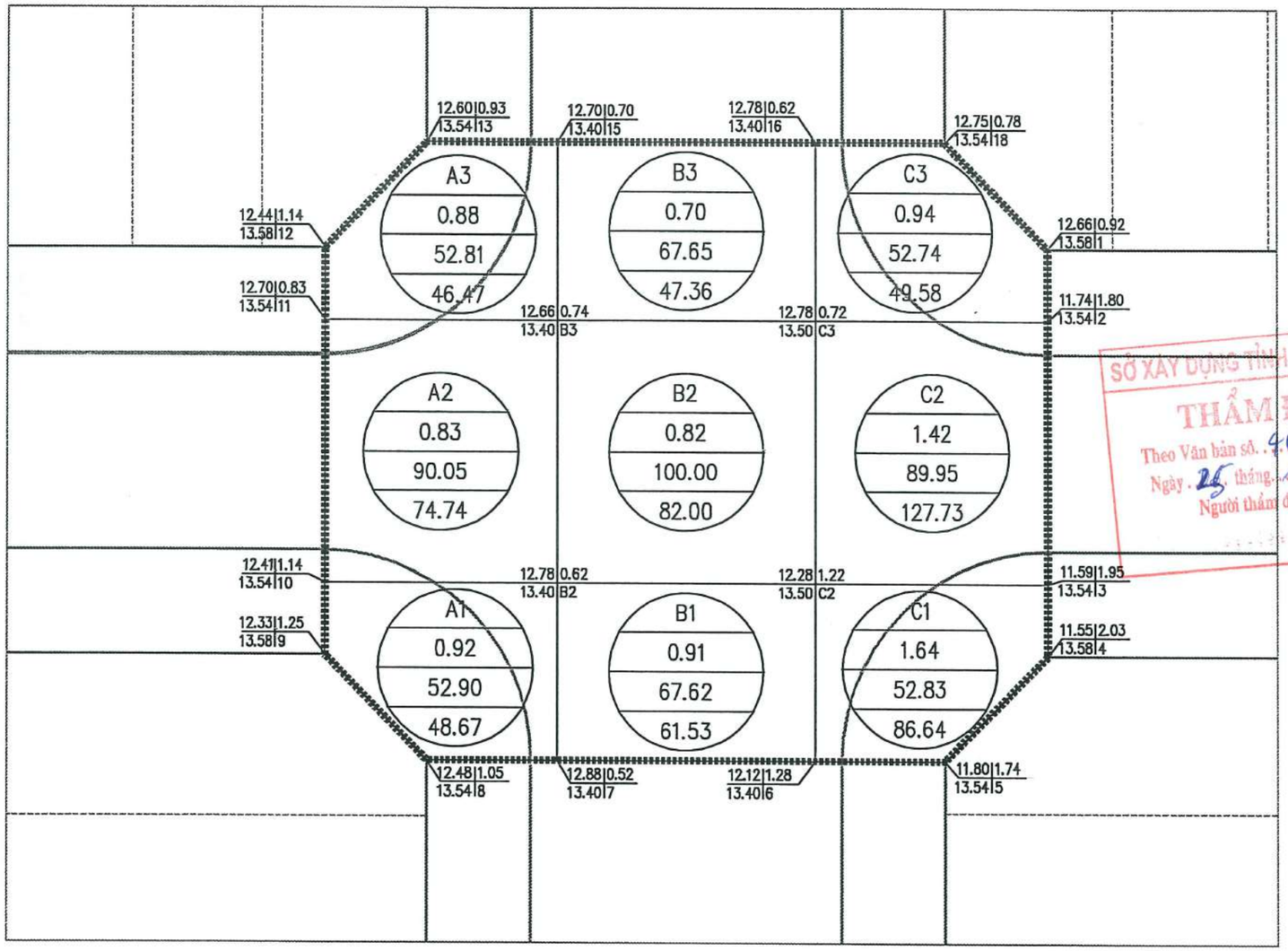
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 66 /IEC-G
Ngày 16 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N9

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-27
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 3.64 / 50.00 / 182.00 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — -9.92 / 100.00 / -992.00 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4655/SXD-QLCHXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N9 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	173.20	143.41	0.00	0.00
Hàng 2	280.00	284.47	0.00	0.00
Hàng 1	173.35	196.84	0.00	0.00
Tổng	626.55	624.72	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N9 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	195.76	169.88	0.00	0.00
Cột B	235.27	190.89	0.00	0.00
Cột C	195.52	263.95	0.00	0.00
Tổng	626.55	624.72	0.00	0.00

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/1.BC-C5
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

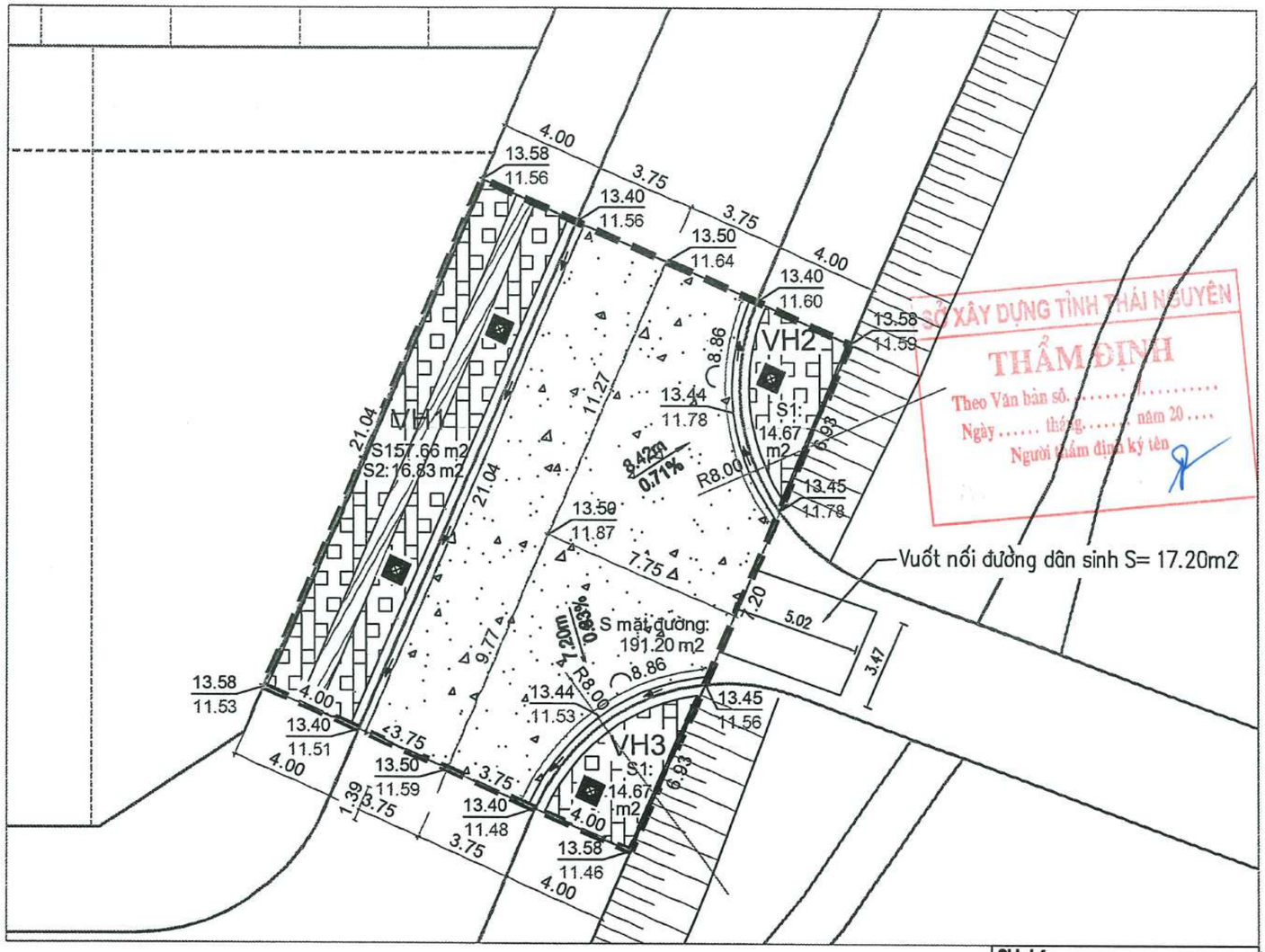
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N9

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-28
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: .....
Ngày ..... tháng ..... năm 20 ....
Người thẩm định ký tên

Ghi chú:

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo
- Vỉa hè lát gạch dẫn hướng
- Mặt đường BTN
- Ranh giới tính toán Nút giao

0.78% — Độ dốc
7.62M — Chiều dài
→ Hướng dốc thi công
27.70 — Cao độ tk
27.29 — Cao độ tn

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N10
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG		
1	**Diện tích nút**	m^2	**388,52**
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*326,17*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	*62,35*
2	**Khối lượng đào đất nền**		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*194,26*
3	**Khối lượng đắp đất K95**	m^3	**550,49**
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(196,74)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(18,84)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*163,09*
4	**Khối lượng đắp đất K90**	m^3	**91,40**
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	*60,22*
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*31,18*
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG		
1	**Diện tích mặt đường**	m^2	**202,83**
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	191,20
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*11,63*
2	**Lớp BTNC C19 dày 7cm**	m^2	**191,20**
3	**Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2**	m^2	**191,20**
4	**Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm**	m^3	**30,42**
5	**Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm**	m^3	**50,71**
6	**Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm**	m^3	**101,41**
7	**Tấm đón nước**	m	**38,76**
III	PHẦN VỈA HÈ		
1	**Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)**	m^2	**87,00**
	VH1	m^2	*57,66*
	VH2	m^2	*14,67*
	VH3	m^2	*14,67*
	VH4	m^2	-
2	**Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)**	m^2	**16,83**
	VH1	m^2	*16,83*
	VH2	m^2	-
	VH3	m^2	-
	VH4	m^2	-
3	**Chiều dài bó vỉa hè**	m	**38,76**
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	m	*21,04*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	m	*17,72*
4	**Chiều dài bó gáy hè**	m	**34,90**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	s.lg	4
6	**Dải phân cách di động**	s.lg	-
IV	ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH		
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	**17,20**
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	**14,02**
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	**2,70**
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	**3,44**

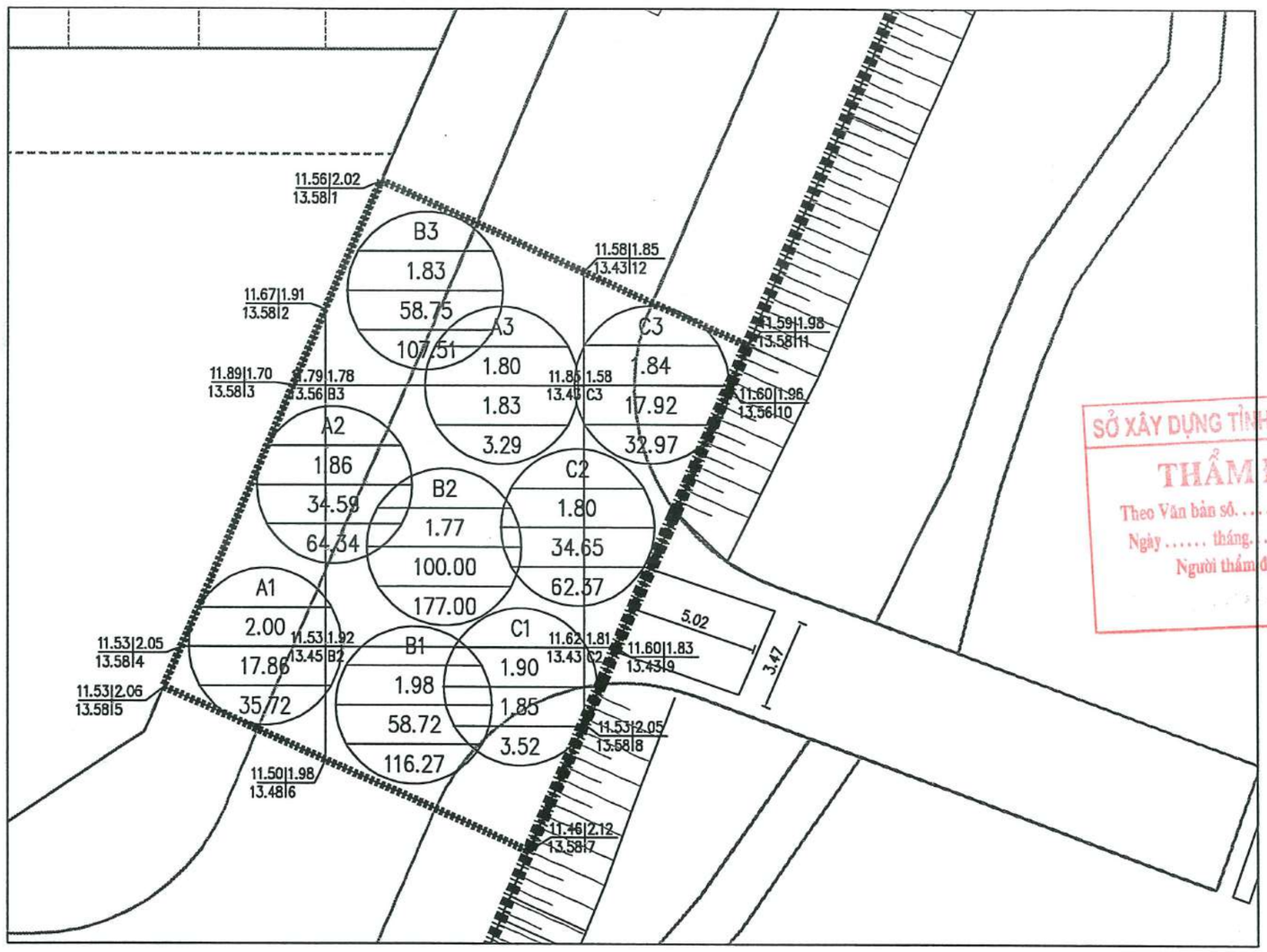
C.T.Y TNHH ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68../..BC..CT
Ngày: 06..tháng: 11..năm 2025..
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT NÚT GIAO N10

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-29
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



KÝ HIỆU

CAO ĐỘ TỰ NHIÊN | CHÊNH CAO
CAO ĐỘ THIẾT KẾ | VỊ TRÍ Ô

TÊN Ô — F9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — 3.84 — KHỐI LƯỢNG ĐẮP
50.00
182.00

TÊN Ô — A9 — CHÊNH CAO
DIỆN TÍCH — -9.92 — KHỐI LƯỢNG ĐÀO
100.00
-992.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N10 – Giai đoạn 1)

HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 3	78.50	143.77	0.00	0.00
Hàng 2	169.24	303.71	0.00	0.00
Hàng 1	78.43	155.51	0.00	0.00
Tổng	326.17	602.99	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N10 – Giai đoạn 1)

CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	54.28	103.35	0.00	0.00
Cột B	217.47	400.78	0.00	0.00
Cột C	54.42	98.86	0.00	0.00
Tổng	326.17	602.99	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY

TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			0	0
C2			0	0
G3			0	0
C4			62.35	60.22
G5			0	0
C6			0	0
G7			0	0
C8			0	0
Tổng	0	0	62.35	60.22

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHẤP THUẬN VĂN BẢN TỔNG HỢP
CHẤP THUẬN
Theo Văn bản số: 68 /BC-UBND
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

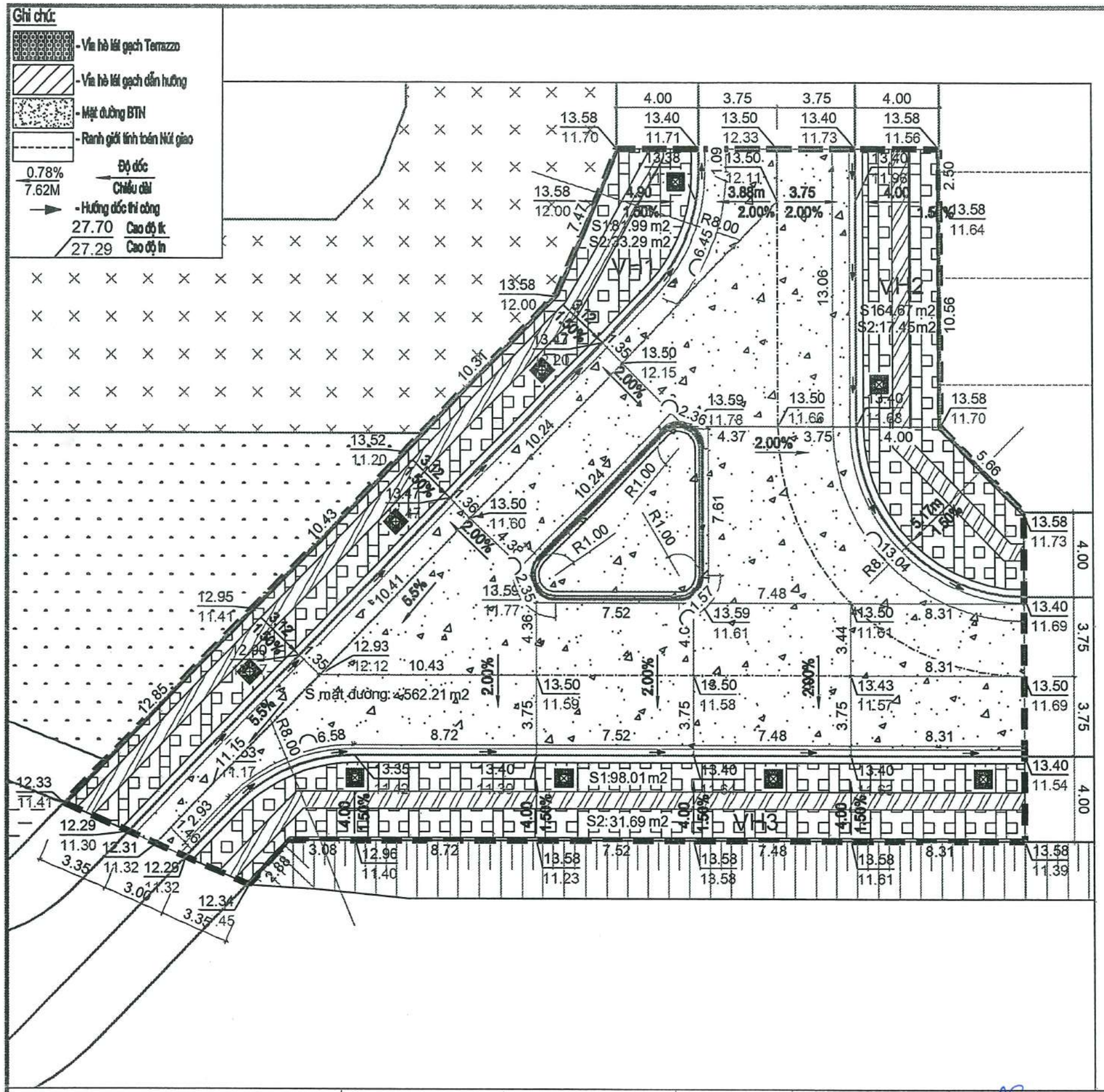
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N10

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-30
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

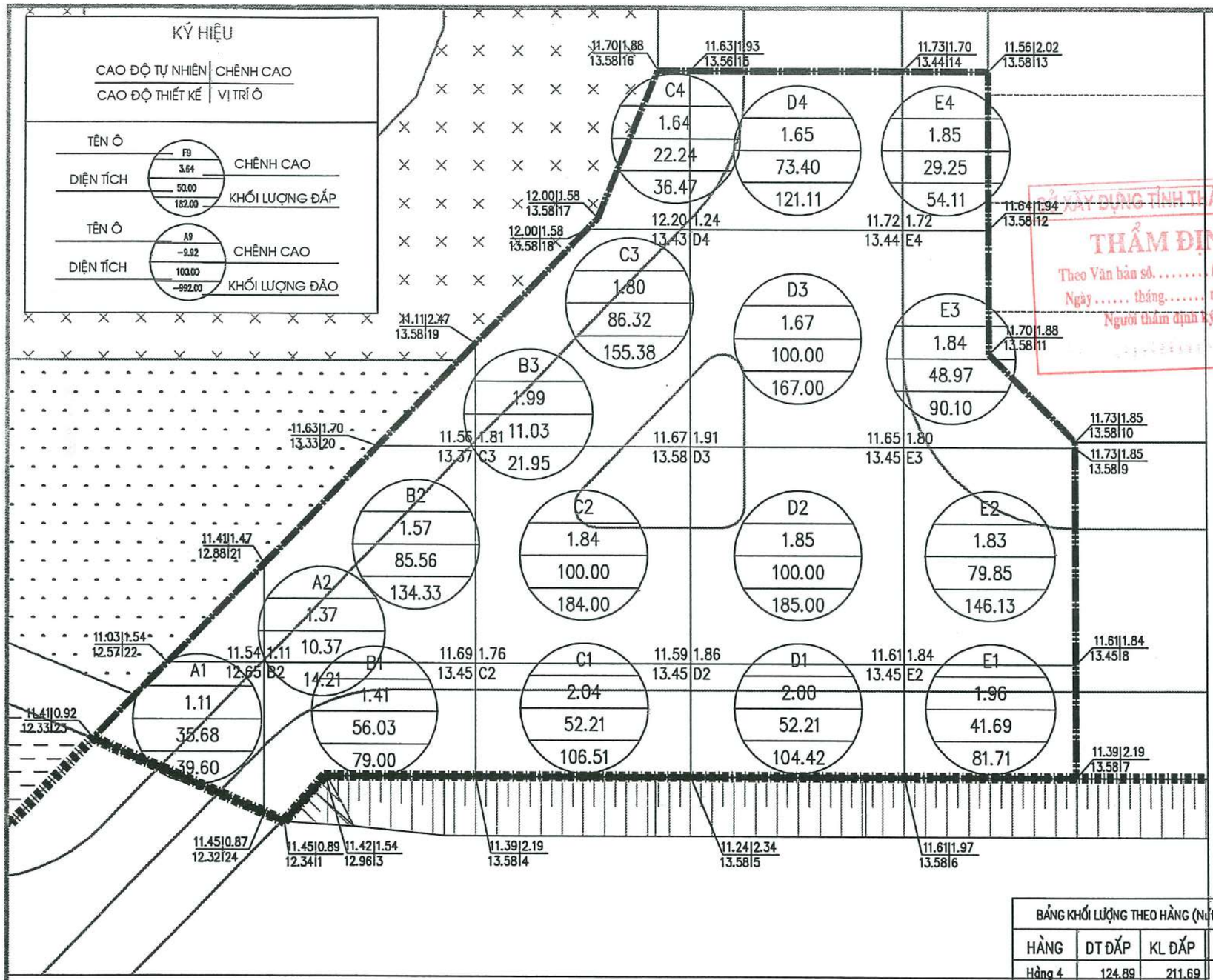


STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N11
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG		
1	Diện tích nút	m^2	1.131,10
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*984,81*
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	*146,29*
2	Khối lượng đào đất nền		
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*565,55*
3	Khối lượng đắp đất K95	m^3	1.582,45
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(577,59)*
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(53,39)*
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*492,41*
4	Khối lượng đắp đất K90	m^3	235,01
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	*161,86*
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*73,15*
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG		
1	Diện tích mặt đường	m^2	595,46
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	562,21
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*33,25*
2	Lớp BTNC C19 dày 7cm	m^2	562,21
3	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2	m^2	562,21
4	Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm	m^3	89,32
5	Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm	m^3	148,86
6	Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm	m^3	297,73
7	Tấm đón nước	m	110,82
III	PHẦN VỈA HÈ		
1	Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)	m^2	244,67
	VH1	m^2	*81,99*
	VH2	m^2	*64,67*
	VH3	m^2	*98,01*
	VH4	m^2	-
2	Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)	m^2	82,43
	VH1	m^2	*33,29*
	VH2	m^2	*17,45*
	VH3	m^2	*31,69*
	VH4	m^2	-
3	Chiều dài bó vỉa hè	m	110,82
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	*m*	*84,75*
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	*m*	*26,07*
4	Chiều dài bó gáy hè	m	97,77
5	Bồn cây xanh vỉa hè	s.lg	9
6	Dải phân cách di động	s.lg	33
*	Tôn tráng kẽm dày 1.2mm	m^2	14,85
*	Thép tấm mạ kẽm dày 3mm	kg	676,83
*	Thép ống mạ kẽm D50 dày 2mm	m	23,10
*	Thép ống mạ kẽm D30 dày 2mm	m	7,26
*	Sơn trắng phản quang 02 nước	m^2	37,62
*	Sơn bề mặt chống gỉ 02 nước	m^2	99,33
*	Giấy phản quang màu xanh làm nền xanh	m^2	5,28
*	Giấy phản quang màu trắng làm mũi tên	m^2	2,97
*	Thép góc mạ kẽm (30x30x4)mm	kg	146,85
*	Lỗ khoan D12mm	lỗ	264
*	Đường hàn 4mm	m	198
*	Bulong D12mm, l=35cm	cái	66

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...
Ngày ... tháng ... năm 20...
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số ... 66 ... TC-4
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Người thẩm tra ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG CHI TIẾT NÚT GIAO N11
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-31 LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



BẢNG KHỐI LƯỢNG TALUY				
TÊN	DT ĐÀO	KL ĐÀO	DT ĐẮP	KL ĐẮP
G1			0.00	0.00
C2			0.00	0.00
G3			0.00	0.00
C4			0.00	0.00
G5			0.00	0.00
C6			0.00	0.00
G7			0.00	0.00
C8			0.00	0.00
G9			0.00	0.00
C10			0.00	0.00
G11			0.00	0.00
C12			0.00	0.00
G13			0.00	0.00
C14			29.56	35.92
G15			7.57	5.46
C16			0.57	0.98
G17			0.00	0.00
C18			108.59	119.50
G19			0.00	0.00
C20			0.00	0.00
G21			0.00	0.00
C22			0.00	0.00
G23			0.00	0.00
C24			0.00	0.00
G25			0.00	0.00
C26			0.00	0.00
G27			0.00	0.00
C28			0.00	0.00
G29			0.00	0.00
C30			0.00	0.00
Tổng	0.00	0.00	146.29	161.86

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 2025
Ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO HÀNG (Nút N11 – Giai đoạn 1)				
HÀNG	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Hàng 4	124.89	211.69	0.00	0.00
Hàng 3	246.32	434.43	0.00	0.00
Hàng 2	375.78	663.67	0.00	0.00
Hàng 1	237.82	411.24	0.00	0.00
Tổng	984.81	1721.03	0.00	0.00

BẢNG KHỐI LƯỢNG THEO CỘT (Nút N11 – Giai đoạn 1)				
CỘT	DT ĐẮP	KL ĐẮP	DT ĐÀO	KL ĐÀO
Cột A	46.05	53.81	0.00	0.00
Cột B	152.62	235.28	0.00	0.00
Cột C	260.77	482.36	0.00	0.00
Cột D	325.61	577.53	0.00	0.00
Cột E	199.76	372.05	0.00	0.00
Tổng	984.81	1721.03	0.00	0.00

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

KIÊM GIÁM ĐỐC
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP NÚT GIAO N11

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-32
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N1	Nút giao N2	Nút giao N3	Nút giao N4	Nút giao N5	Nút giao N6	Nút giao N7	Nút giao N8	Nút giao N9	Nút giao N10	Nút giao N11	Tổng cộng
I	PHẦN NỀN ĐƯỜNG													
1	Diện tích nút	m^2	587,55	678,08	626,18	584,49	697,35	805,97	442,49	442,24	626,55	388,52	1.131,10	7.010,52
1.1	*Diện tích đào*	m^2	-	*186,42*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	*Diện tích đắp*	m^2	*545,02*	*455,48*	*545,84*	*584,49*	*697,35*	*712,28*	*442,49*	*442,24*	*626,55*	*326,17*	*984,81*	
1.3	*Diện tích taluy*	m^2	*42,53*	*36,18*	*80,34*	-	-	*93,69*	-	-	-	*62,35*	*146,29*	
2	Khối lượng đào đất nền													
2.1	*Khối lượng đào đất C3*	m^3	-	*23,05*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23,05
2.2	*Khối lượng đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*293,78*	*339,04*	*313,09*	*292,25*	*348,68*	*402,99*	*221,25*	*221,12*	*313,28*	*194,26*	*565,55*	3.505,26
3	Khối lượng đắp đất K95	m^3	432,79	12,49	615,89	820,05	287,36	1.116,25	830,52	590,59	468,52	550,49	1.582,45	7.307,42
3.1	*Trừ khối lượng khuôn đường*	m^3	*(314,95)*	*(391,74)*	*(315,72)*	*(378,56)*	*(489,02)*	*(445,92)*	*(255,95)*	*(255,95)*	*(443,93)*	*(196,74)*	*(577,59)*	
3.2	*Trừ khối lượng khuôn vỉa hè*	m^3	*(31,44)*	*(34,00)*	*(32,28)*	*(28,90)*	*(28,86)*	*(36,76)*	*(25,71)*	*(25,40)*	*(25,54)*	*(18,84)*	*(53,39)*	
3.3	*Cộng khối lượng đắp bù đào đất C2*	m^3	*272,51*	*320,95*	*272,92*	*292,25*	*348,68*	*356,14*	*221,25*	*221,12*	*313,28*	*163,09*	*492,41*	
4	Khối lượng đắp đất K90	m^3	43,35	18,09	91,44	-	-	141,83	-	-	-	91,40	235,01	621,10
4.1	*Khối lượng đắp taluy*	m^3	*22,08*	-	*51,27*	-	-	*94,98*	-	-	-	*60,22*	*161,86*	
4.2	*Khối lượng đắp bù đào đất C2 (vét bùn dày 50cm)*	m^3	*21,27*	*18,09*	*40,17*	-	-	*46,85*	-	-	-	*31,18*	*73,15*	
II	PHẦN MẶT ĐƯỜNG													
1	Diện tích mặt đường	m^2	324,69	403,85	325,48	390,26	504,14	459,71	263,86	263,86	457,66	202,83	595,46	4.191,81
1.1	*Diện tích mặt thảm*	m^2	*306,70*	*384,51*	*307,45*	372,39	486,35	437,46	248,99	248,99	441,99	191,20	562,21	
1.2	*Diện tích đan rãnh (tấm đón nước)*	m^2	*17,99*	*19,34*	*18,03*	*17,87*	*17,79*	*22,25*	*14,87*	*14,87*	*15,67*	*11,63*	*33,25*	
2	Lớp BTNC C19 dày 7cm	m^2	306,70	384,51	307,45	372,39	486,35	437,46	248,99	248,99	441,99	191,20	562,21	3.988,24
3	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2	m^2	306,70	384,51	307,45	372,39	486,35	437,46	248,99	248,99	441,99	191,20	562,21	3.988,24
4	Lớp cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) lớp trên dày 15cm	m^3	48,70	60,58	48,82	58,54	75,62	68,96	39,58	39,58	68,65	30,42	89,32	628,77
5	Lớp cấp phối đá dăm loại II (Dmax=37,5) lớp dưới dày 25cm	m^3	81,17	100,96	81,37	97,57	126,04	114,93	65,97	65,97	114,41	50,71	148,86	1.047,95
6	Lớp đất đắp đầm chặt K=0,98 dày 50cm	m^3	162,35	201,93	162,74	195,13	252,07	229,86	131,93	131,93	228,83	101,41	297,73	2.095,91
7	Tấm đón nước	m	59,97	64,48	60,11	59,58	59,30	74,18	49,57	49,58	52,22	38,76	110,82	678,57
III	PHẦN VỈA HÈ													
1	Diện tích lát gạch Terrazzo KT:40x40x3cm (S_1)	m^2	149,08	161,09	153,60	137,31	135,90	172,97	122,02	120,71	121,44	87,00	244,67	1.605,79
	VH1	m^2	*71,07*	*83,18*	*75,78*	*30,45*	*35,91*	*48,47*	*30,27*	*60,05*	*30,40*	*57,66*	*81,99*	
	VH2	m^2	*39,11*	*38,91*	*38,91*	*36,36*	*30,34*	*30,23*	*30,22*	*30,34*	*30,40*	*14,67*	*64,67*	
	VH3	m^2	*38,90*	*39,00*	*38,91*	*34,25*	*35,86*	*64,52*	*61,53*	*30,32*	*30,32*	*14,67*	*98,01*	
	VH4	m^2	-	-	-	*36,25*	*33,79*	*29,75*	-	-	*30,32*	-	-	
2	Diện tích lát gạch dẫn hướng người khuyết tật (S_2)	m^2	41,54	45,18	41,72	34,64	34,45	46,87	32,82	32,82	28,04	16,83	82,43	437,34
	VH1	m^2	*22,00*	*25,64*	*22,18*	*7,04*	*8,63*	*12,62*	*7,00*	*18,80*	*7,01*	*16,83*	*33,29*	
	VH2	m^2	*9,77*	*9,77*	*9,77*	*8,56*	*7,01*	*7,44*	*7,01*	*7,01*	*7,01*	-	*17,45*	
	VH3	m^2	*9,77*	*9,77*	*9,77*	*10,31*	*8,62*	*16,66*	*18,81*	*7,01*	*7,01*	-	*31,69*	
	VH4	m^2	-	-	-	*8,73*	*10,19*	*10,15*	-	-	*7,01*	-	-	
3	Chiều dài bó vỉa hè	m	59,97	64,48	60,11	56,88	59,30	74,18	49,57	49,58	52,22	38,76	110,82	

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 02.1.BC-CT
Ngày 06 tháng 03 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	P. GIÁM ĐỐC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: GT-33A
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	KS. TRẦN HỮU BẮC	LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

BẢNG KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Nút giao N1	Nút giao N2	Nút giao N3	Nút giao N4	Nút giao N5	Nút giao N6	Nút giao N7	Nút giao N8	Nút giao N9	Nút giao N10	Nút giao N11	Tổng cộng
	Chiều dài trong đoạn thẳng (loại I)	*m*	*27,51*	*32,04*	*27,64*	*4,10*	*4,02*	*21,38*	23,51	23,50	-	*21,04*	*84,75*	**269,49**
	Chiều dài trong đoạn cong (loại II)	*m*	*32,46*	*32,44*	*32,47*	*52,78*	*55,28*	*52,80*	*26,06*	*26,08*	*52,22*	*17,72*	*26,07*	**406,38**
4	**Chiều dài bó gáy hè**	**m**	**45,74**	**50,27**	**45,87**	**30,90**	**29,65**	**45,87**	**34,81**	**34,82**	**22,64**	**34,90**	**97,77**	**473,24**
5	**Bồn cây xanh vỉa hè**	**s.lg**	*3*	**3**	**2**	-	-	**2**	**2**	**3**	-	**4**	**9**	**28**
6	**Dải phân cách di động**	**s.lg**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**33**	**33**
*	Tôn tráng kẽm dày 1.2mm	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14,85	**14,85**
*	Thép tấm mạ kẽm dày 3mm	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	676,83	**676,83**
*	Thép ống mạ kẽm D50 dày 2mm	m	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23,10	**23,10**
*	Thép ống mạ kẽm D30 dày 2mm	m	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,26	**7,26**
*	Sơn trắng phản quang 02 nước	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	37,62	**37,62**
*	Sơn bề mặt chống gỉ 02 nước	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99,33	**99,33**
*	Giấy phản quang màu xanh làm nền xanh	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,28	**5,28**
*	Giấy phản quang màu trắng làm múi tên	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,97	**2,97**
*	Thép góc mạ kẽm (30x30x4)mm	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	146,85	**146,85**
*	Lỗ khoan D12mm	lỗ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	264	**264**
*	Đường hàn 4mm	m	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	198	**198**
*	Bulong D12mm, l=35cm	cái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66	**66**
IV	**ĐẤU NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG DÂN SINH**													
1	**Diện tích đấu nối**	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**17,20**		**17,20**
2	**Vuốt nối bằng lớp CPDD loại I**	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**14,02**	-	**14,02**
3	**Ván khuôn đổ BTXM mặt đường**	m^2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2,70**	-	**2,70**
4	**Mặt đường BTXM dày 20cm làm mới**	m^3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3,44**	-	**3,44**

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 68../..BC..CT..

Ngày..06..tháng..11..năm 2025..

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

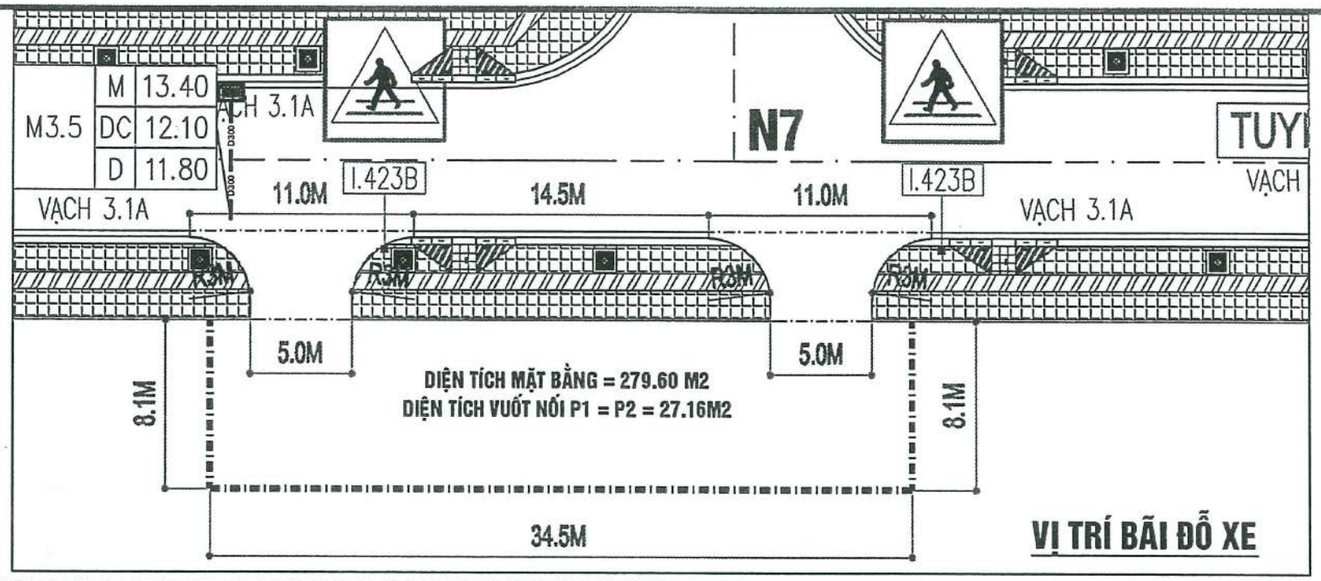
Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

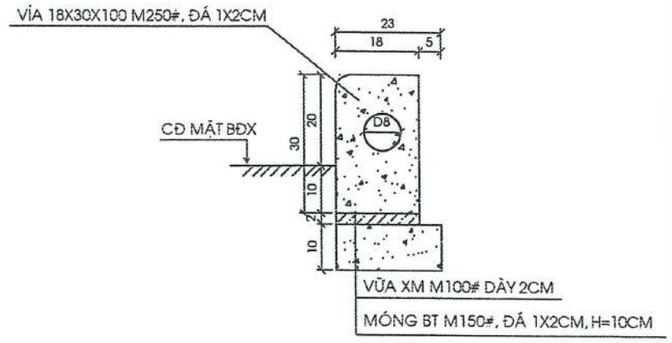
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

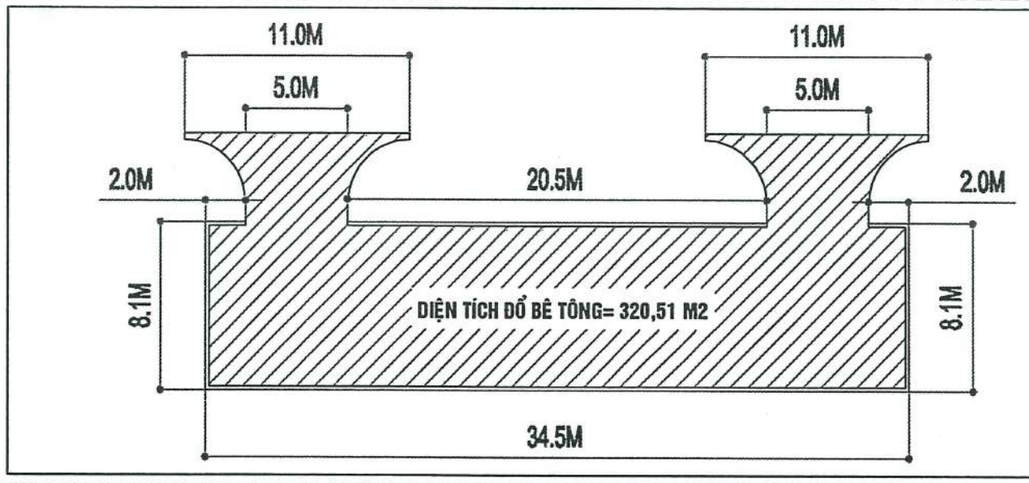
TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT-33B
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



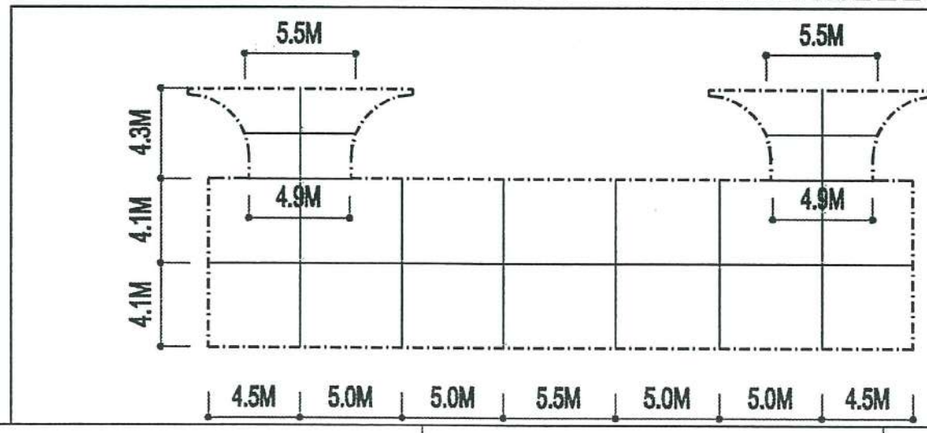
VỊ TRÍ BÃI ĐỖ XE

BÓ VỈA LOẠI VI: 18X30X100CM





MB BTXM



MB CẮT KHE

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: ...../.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20...

Người thẩm định ký tên

KẾT CẤU BÃI ĐỖ XE

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: ....68....BC-CT.

Ngày 06 tháng 11 năm 2025

Ký tên

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Tổng cộng	Ghi chú
V	**BÃI ĐỖ XE**			
1	**Sân BTXM**	m^2	320,51	*Thống kê theo mặt bằng*
1.1	BTXM M250# đá 2x4 dày 18cm	m^3	57,69	
1.2	CPĐD loại 2 dày 25cm độ chặt K9	m^3	80,13	
2	**Bó vỉa bao sân**	m	76	
2.1	Lắp đặt viên bó vỉa 18x30x100cm	s.lg	76	
2.2	BTXM Bó vỉa M250# đá 1x2cm	m^3	3,72	
2.3	Ván khuôn viên bó vỉa	m^2	72,12	
2.4	Vữa xm M100# lót bó vỉa dày 2cm	m^3	0,35	Kết dính và tạo phẳng trước khi lắp
2.5	BTXM móng M150# đá 1x2cm	m^3	1,75	Móng đệm
2.6	Ván khuôn móng bó vỉa	m^2	15,20	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

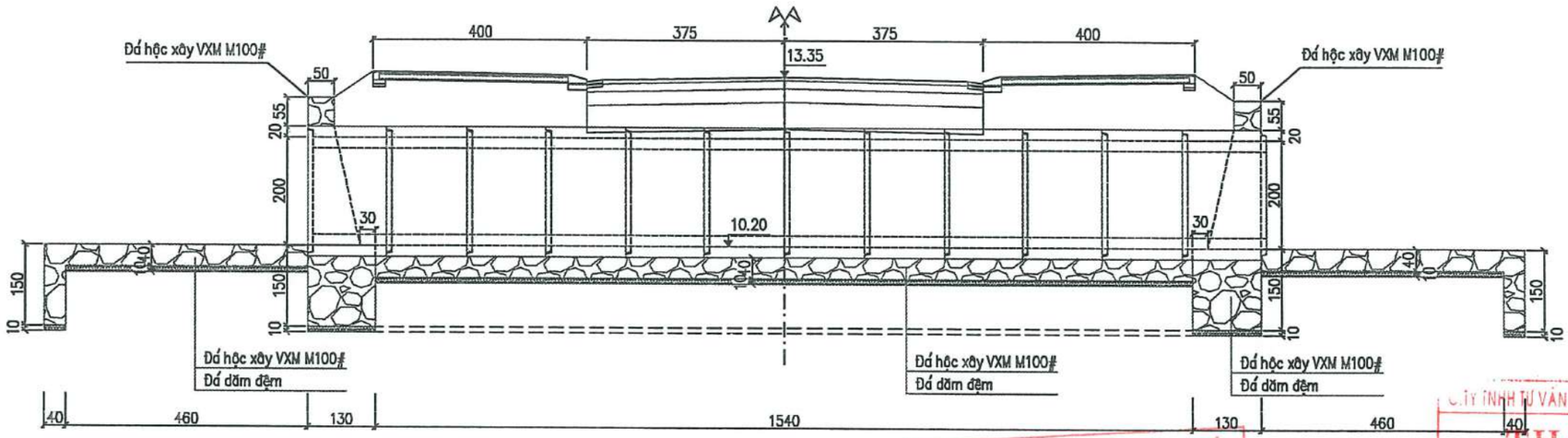
TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG

BÃI ĐỖ XE

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: GT: 34
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

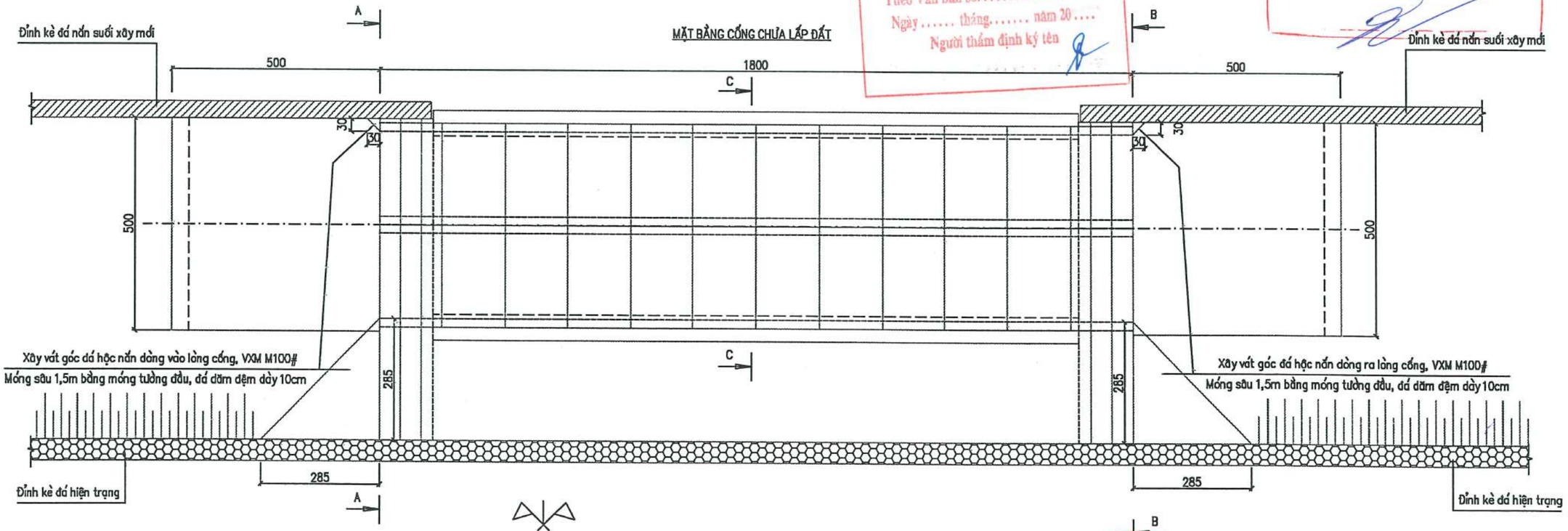
CẮT DỌC CỐNG
TUYẾN 2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....68...../.BC.-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên

MẶT BẰNG CỐNG CHƯA LẤP ĐẤT

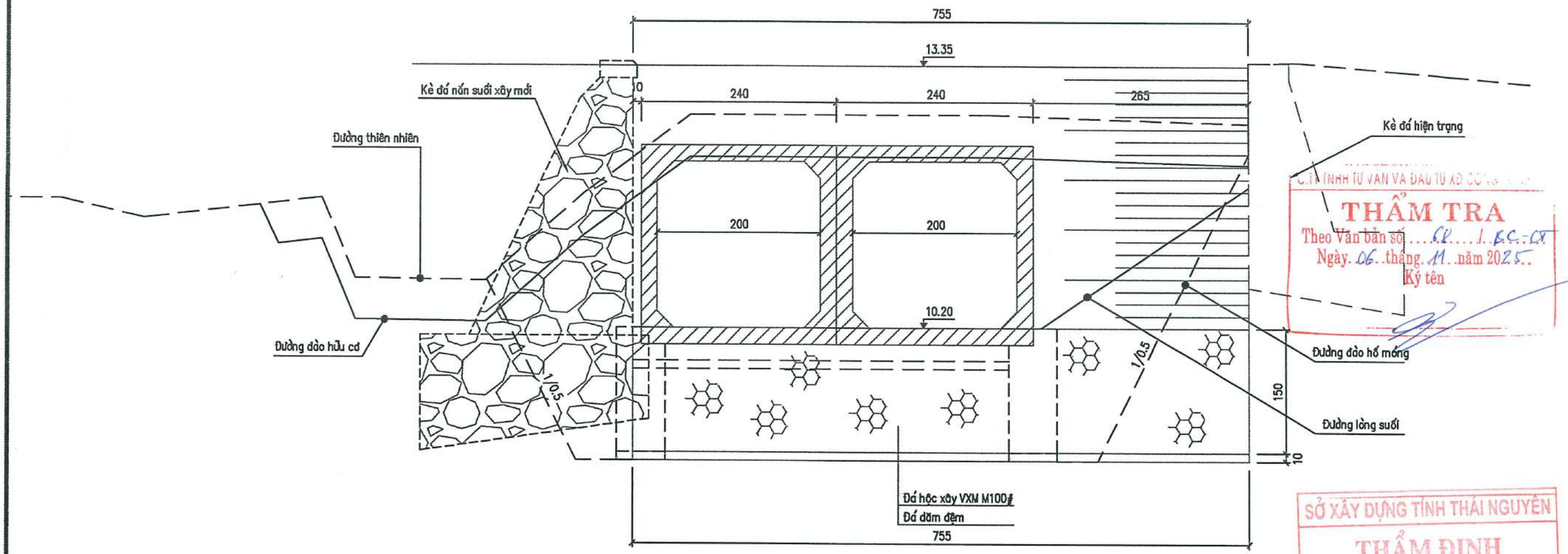


ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 KT. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 2 (01/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100	BẢN VẼ SỐ: CH_T2: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT A–A



C.T TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG ...

THẨM TRA
Theo Văn bản số ....68.... 1..BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

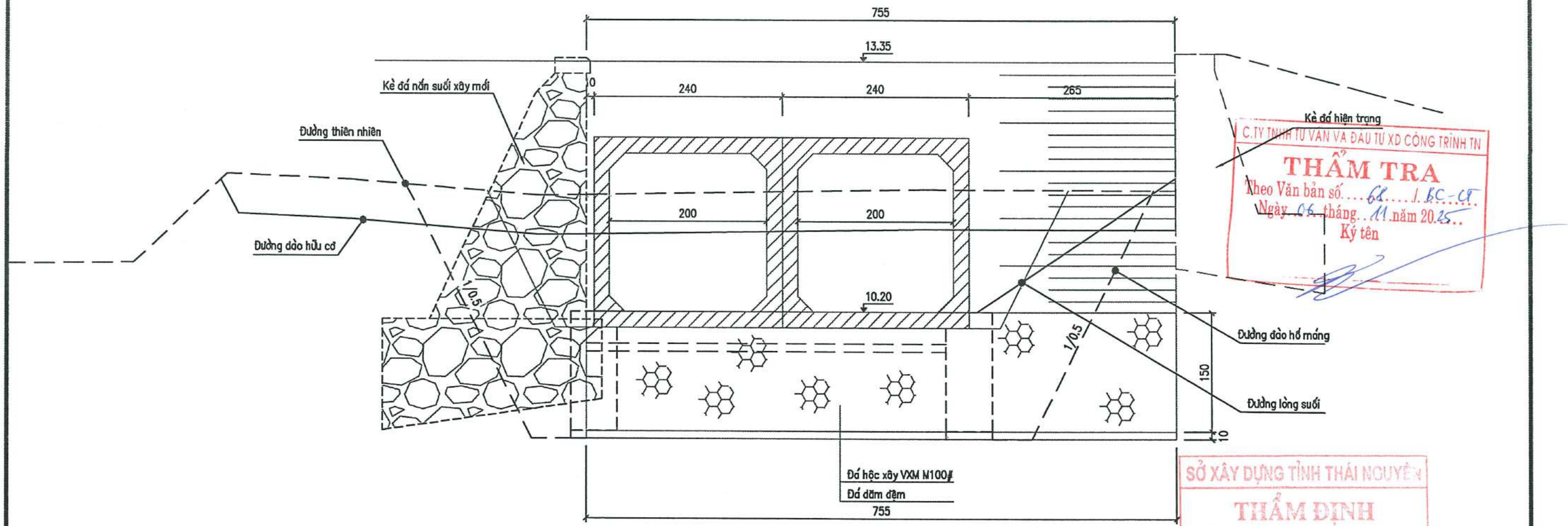
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 KẾ GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 2 (02/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CH_T2: 02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT B–B



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 /.1.BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

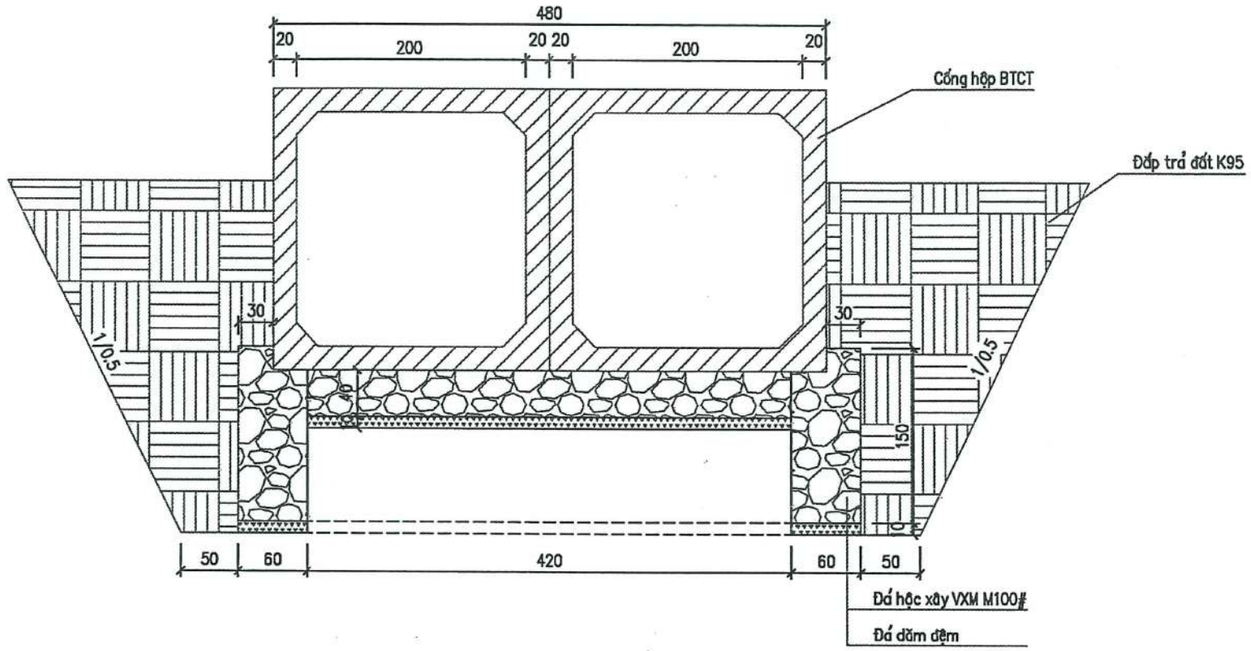
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 2 (03/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CH_T2: 03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT C–C



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số....68....1.BC-CT..

Ngày..06..tháng..11..năm 20.25..

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

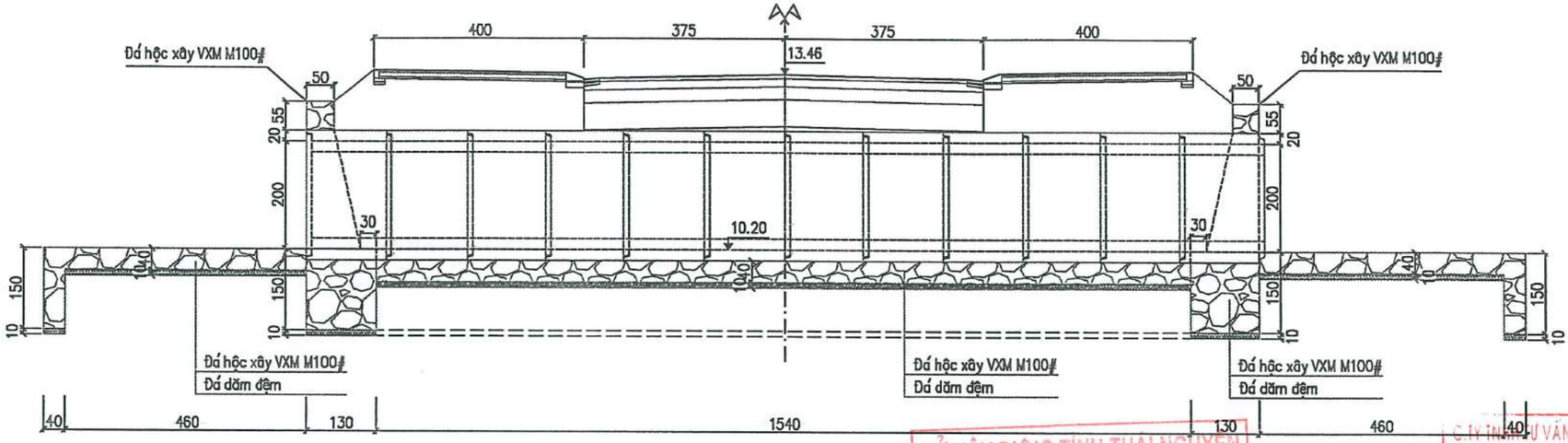
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 2 (04/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CH_T2: 04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

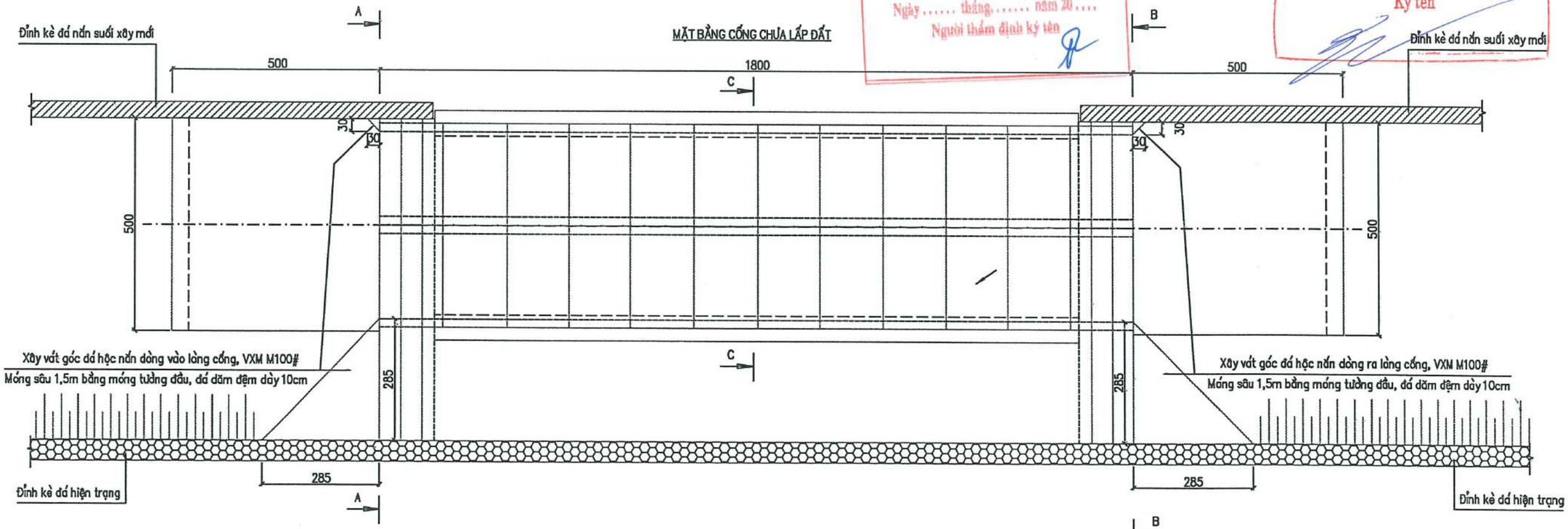
CẮT DỌC CỐNG
TUYẾN 3



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....68.../...BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 2025
Ký tên

MẶT BẰNG CỐNG CHƯA LẤP ĐẤT

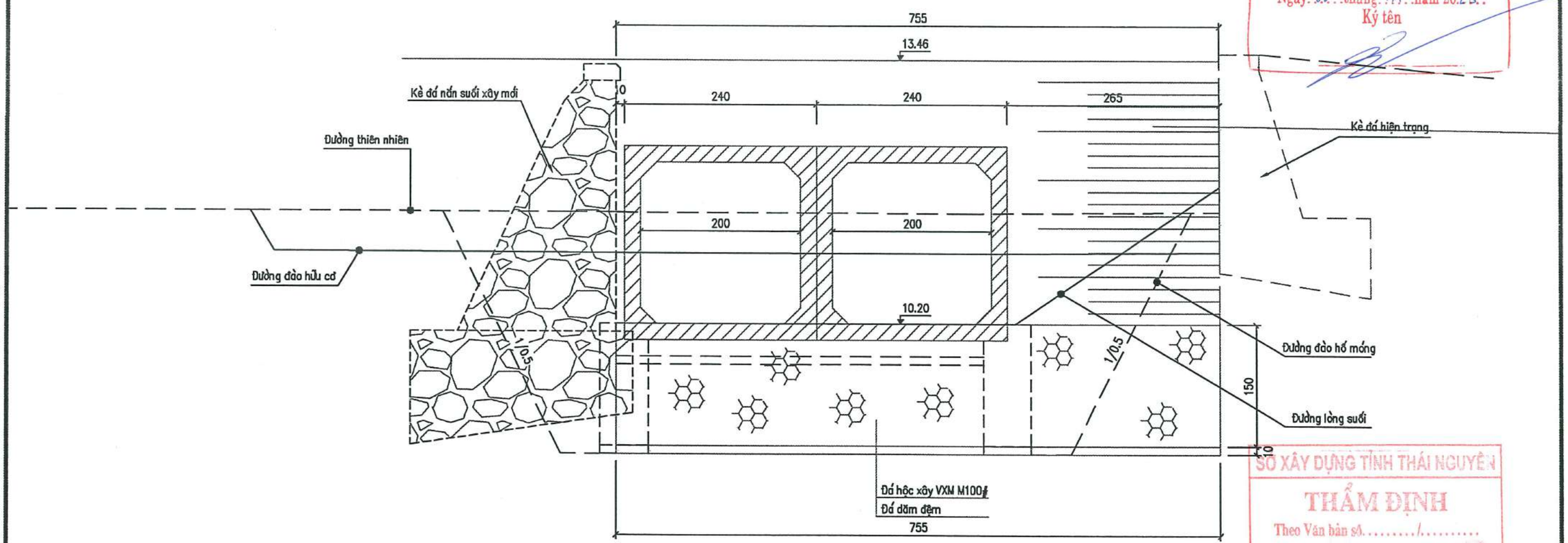


ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 3 (01/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100	BẢN VẼ SỐ: CH_T3: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT A–A



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số.....68.....I.B.C.-.C.T.

Ngày..06..tháng..11..năm 20.25.

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

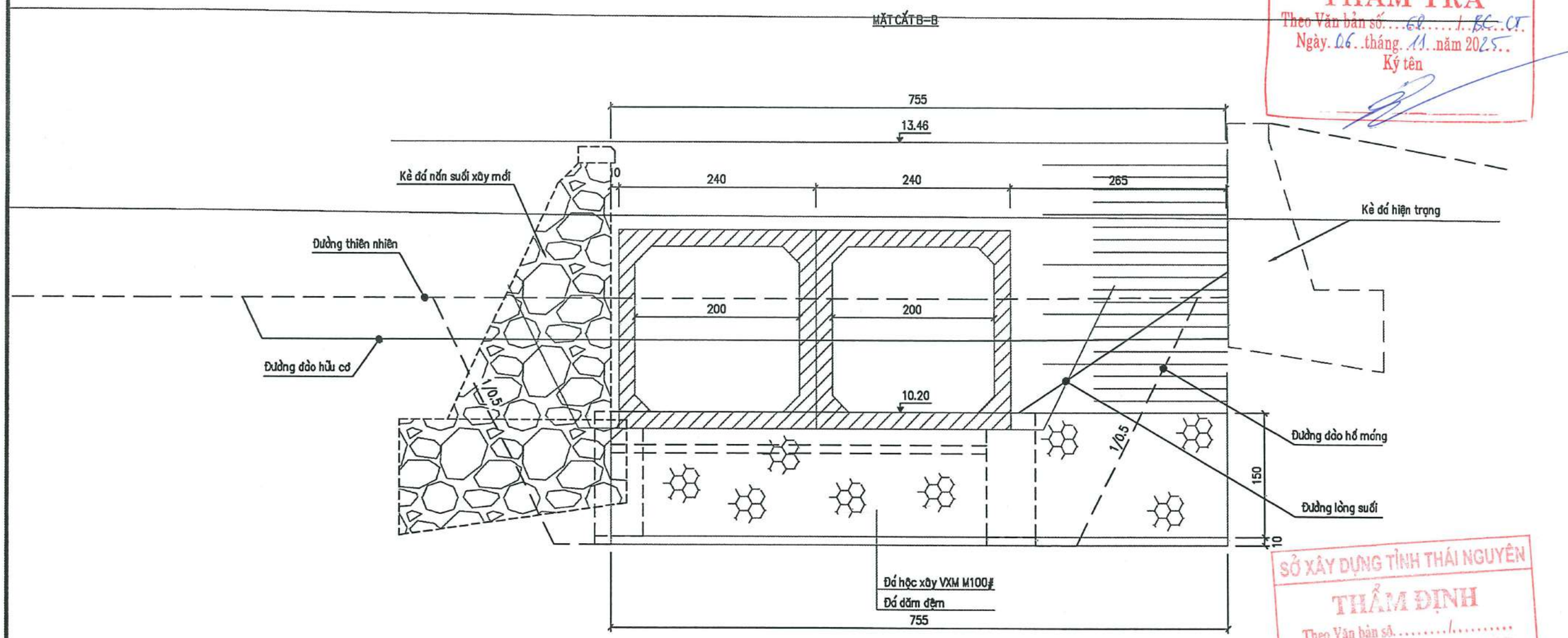
TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 3 (02/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CH_T3: 02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 ... 1 ... BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

MẶT CẮT B-B



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

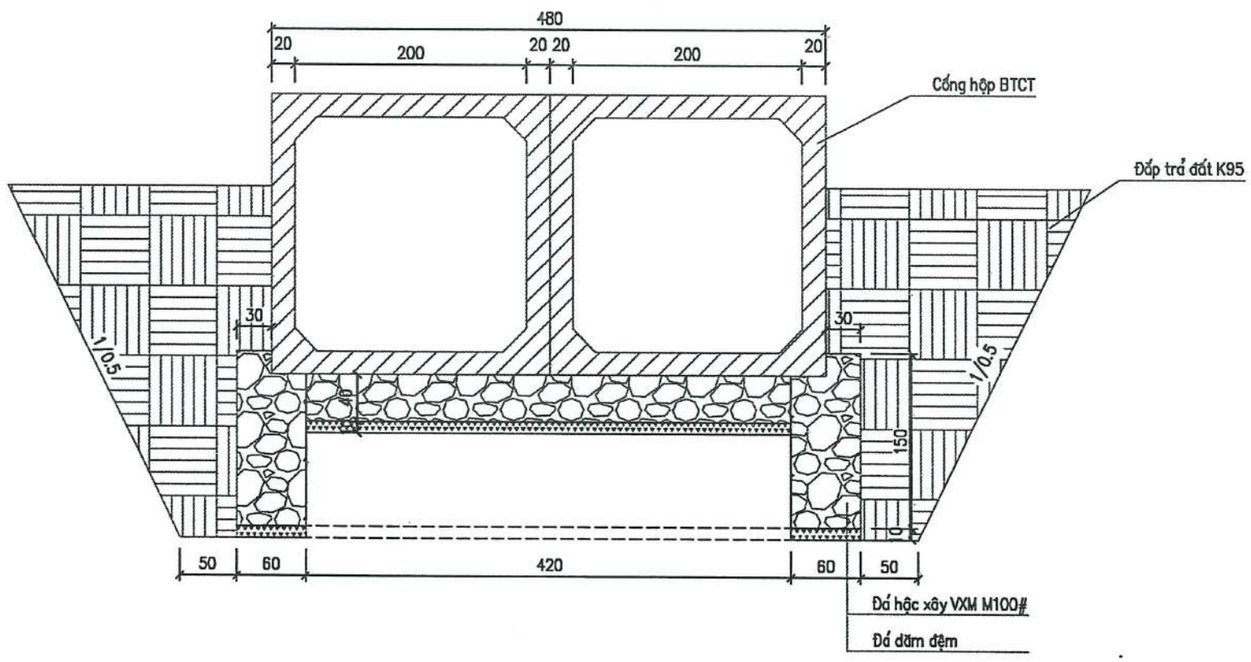
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày .... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 3 (03/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CH_T3: 03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT C–C



TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số. ... 68 .... I.B.C.-CT.

Ngày. 06. .tháng. 11. .năm 20.25

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số ...../.....

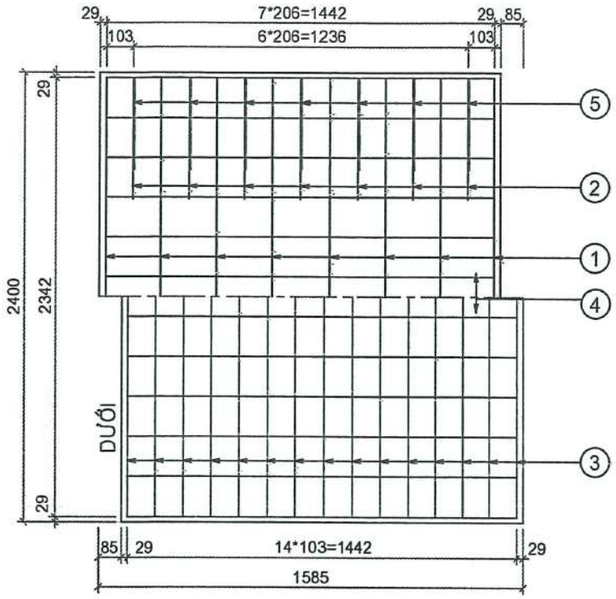
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Người thẩm định ký tên

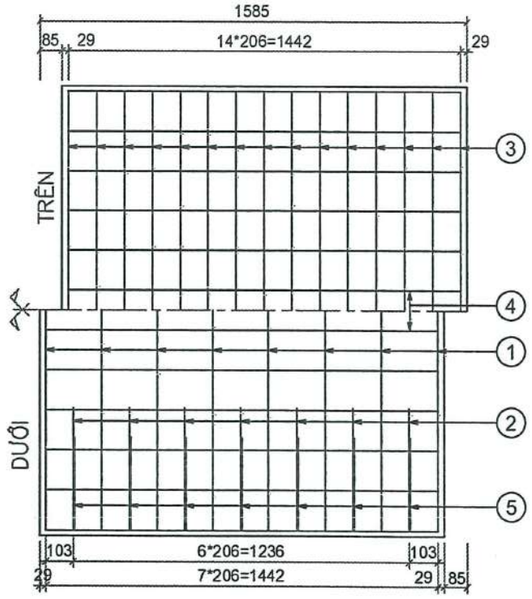
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
BỐ TRÍ CHUNG CỐNG HỘP
TUYẾN 3 (04/4)

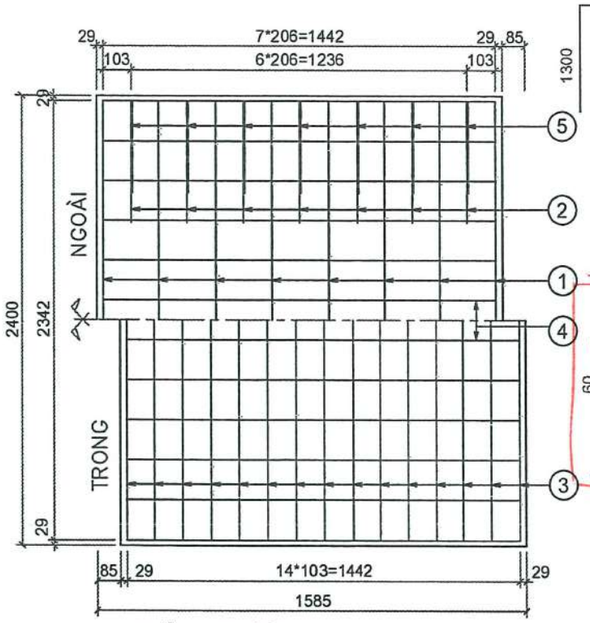
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CH_T3: 04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



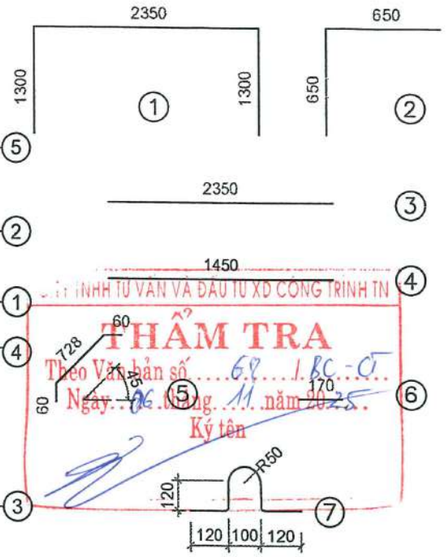
BẢN NẮP



BẢN ĐÁY



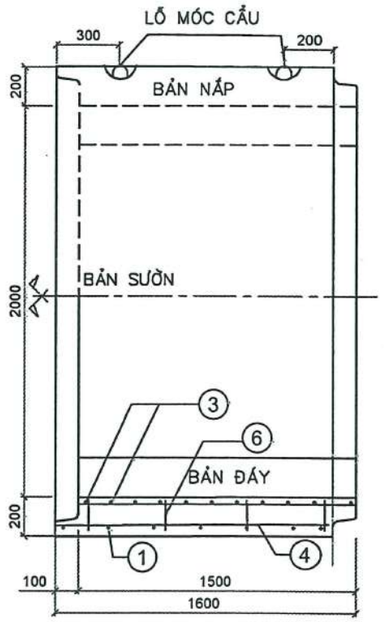
BẢN SƯỜN



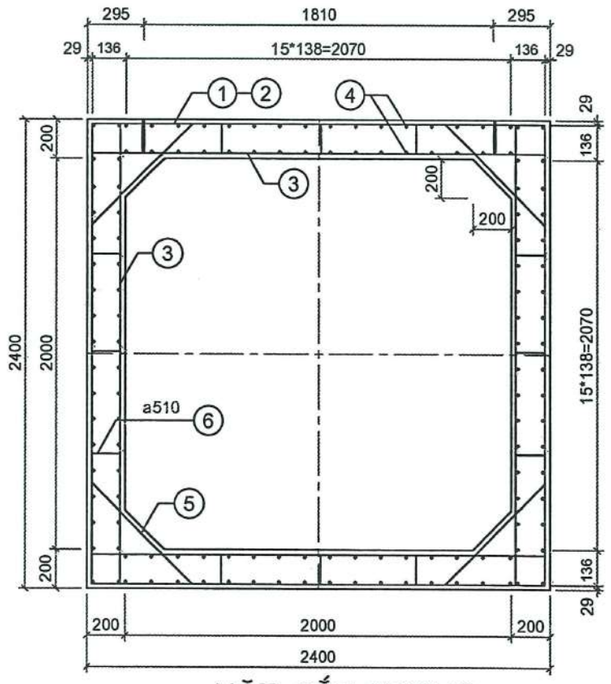
CHI TIẾT CỐT THÉP

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số ....69..../BC-CT
Ngày ..06../..11../năm 2025
Ký tên

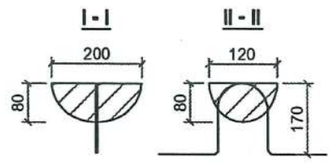
1/2 CHÍNH DIỆN

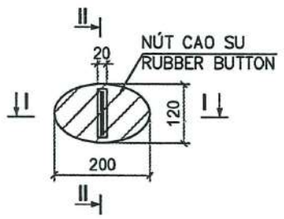


1/2 MẶT CẮT DỌC

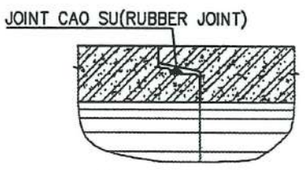


MẶT CẮT NGANG





CHI TIẾT MÓC CẨU



MỐI NỐI

THỐNG KÊ VẬT TƯ

Ký hiệu	Đường kính	Số thanh	Chiều dài 1 thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng
	(mm)	(thanh)	(mm)	(m)	(kg)
1	D9	16	4950	79.20	39.55
2	D9	28	1300	36.40	18.18
3	D9	60	2350	141.00	70.41
4	D7	136	1450	197.20	59.57
5	D7	28	688	19.26	5.82
6	D7	32	170	5.44	1.64
7	D12	4	637	2.55	2.26
Tổng					197.44
Thể tích bê tông C25 (m3)					2.760

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: .....
Ngày ..... tháng ..... năm 20 ....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

1-Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm

2 - Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng máy hàn tự động hoặc buộc

3 - Cốt thép kéo nguội có giới hạn chảy fy = 500MPa

4 - Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.6 - 3.0 m

5 - Cống đặt dưới đường ô tô (hoạt tải HL93)

6 - Cống được chế tạo bằng công nghệ rung ép

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. PHẠM NGỌC THỤ		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG
CHI TIẾT CỐNG HỘP BXH=2X2M

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_CH: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 9057/Sod.-QLCHHDXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Lộc

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

DANH MỤC BẢN VẼ HẠNG MỤC THOÁT NƯỚC MƯA

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	MB-TNM: 01
2	SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN THỦY LỰC THOÁT NƯỚC MƯA	TL-TNM: 01
3	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT1.1	TNM-01
4	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT1.2	TNM-02
5	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT2.1	TNM-03
6	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT2.2	TNM-04
7	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.1	TNM-05
8	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.2 (01/2)	TNM-06
9	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.2 (02/2)	TNM-07
10	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.3	TNM-08
11	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT4 (01/2)	TNM-09
12	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT4 (02/2)	TNM-10
13	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT5	TNM-11
14	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (01/4)	TNM-12
15	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (02/4)	TNM-13
16	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (03/4)	TNM-14
17	TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (04/4)	TNM-15
18	CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L1)	CT_TNM: 01
19	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L1)	CT_TNM: 02
20	CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L2)	CT_TNM: 03
21	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L2)	CT_TNM: 04

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
22	CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L3)	CT_TNM: 05
23	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L3)	CT_TNM: 06
24	CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L4)	CT_TNM: 07
25	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L4)	CT_TNM: 08
26	CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L5)	CT_TNM: 09
27	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L5)	CT_TNM: 10
28	CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L6)	CT_TNM: 11
29	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L6)	CT_TNM: 12
30	CHI TIẾT GA THĂM D600 (L7)	CT_TNM: 13
31	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D600 (L7)	CT_TNM: 14
32	CHI TIẾT GA THĂM D600 (L8)	CT_TNM: 15
33	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D600 (L8)	CT_TNM: 16
34	CHI TIẾT GA THĂM D800 (L9)	CT_TNM: 17
35	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D800 (L9)	CT_TNM: 18
36	CHI TIẾT GA THĂM D800 (L10)	CT_TNM: 19
37	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D800 (L10)	CT_TNM: 20
38	CHI TIẾT GA THĂM D1000 (L11)	CT_TNM: 21
39	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D1000 (L11)	CT_TNM: 22
40	CHI TIẾT GA THĂM D1000 (L12)	CT_TNM: 23
41	BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D1000 (L12)	CT_TNM: 24
42	CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH CÁC THANH CỐT THÉP HỐ GA	CT_TNM: 25

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
43	CHI TIẾT CỐNG TRÒN D1000	CT_TNM: 26
44	CHI TIẾT CỐNG TRÒN D800	CT_TNM: 27
45	CHI TIẾT CỐNG TRÒN D600	CT_TNM: 28
46	CHI TIẾT CỐNG TRÒN D300	CT_TNM: 29
47	CHI TIẾT ĐẾ CỐNG D300, D600	CT_TNM: 30
48	CHI TIẾT ĐẾ CỐNG D800, D1000	CT_TNM: 31
49	CHI TIẾT GA THU TRỰC TIẾP (01/2)	CT_TNM: 32
50	CHI TIẾT GA THU TRỰC TIẾP (02/2)	CT_TNM: 33
51	MẶT CẮT NGANG ĐÀO CỐNG, HỐ GA; BỐ TRÍ ĐẾ CỐNG ĐIỂN HÌNH	CT_TNM: 34
52	MẶT BẰNG VỊ TRÍ ĐIỂM XẢ DX1	CT_TNM: 35
53	MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT VỊ TRÍ ĐIỂM XẢ DX1	CT_TNM: 36
54	CHI TIẾT VỊ TRÍ ĐIỂM XẢ DX2	CT_TNM:37

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH H.T
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KM... TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 977/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 C.T. UBND HUYỆN PHỔ BÌNH)

GHI CHÚ:

- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M 14.40 DC 13.10 D 12.80 — Cao độ đỉnh ga / Cao độ đáy cống / Cao độ đáy ga — Tên ga

D600 – L=20 — Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 9055/Sxd-QLCHHTĐ
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Thái Phong

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 681/BC-C.T.
Ngày 26 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Lộc

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHỔ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHỔ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ: TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: MB-TNM: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

D600 – L=30.00 – I=0.30%

D600 – L=30.78 – I=0.60%

D600 – L=29.01 – I=0.60%

D600 – L=30.50 – I=0.60%

D800 – L=10.83 – I=0.30%

D800 – L=30.00 – I=0.30%

D800 – L=24.39 – I=0.30%

D800 – L=27.60 – I=0.30%

D600 – L=26.99 – I=0.30%

D600 – L=30.00 – I=0.30%

D600 – L=30.00 – I=0.30%

D600 – L=17.49 – I=0.30%

D600 – L=13.11 – I=1.11%

D600 – L=28.72 – I=0.30%

D600 – L=30.00 – I=0.30%

D600 – L=30.00 – I=0.30%

D600 – L=22.63 – I=0.30%

D600 – L=27.71 – I=0.83%

D600 – L=32.30 – I=0.30%

D600 – L=29.90 – I=0.30%

D600 – L=28.10 – I=0.30%

D600 – L=10.80 – I=0.30%

D600 – L=28.50 – I=0.30%

D600 – L=27.71 – I=0.30%

D600 – L=46.12 – I=0.30%

D1000 – L=28.00 – I=0.30%

D1000 – L=20.54 – I=0.30%

D1000 – L=18.80 – I=0.30%

D1000 – L=20.00 – I=0.30%

D1000 – L=24.18 – I=0.30%

D1000 – L=28.80 – I=0.30%

D1000 – L=28.80 – I=0.30%

D1000 – L=23.46 – I=0.30%

D1000 – L=28.80 – I=0.30%

D1000 – L=28.80 – I=0.30%

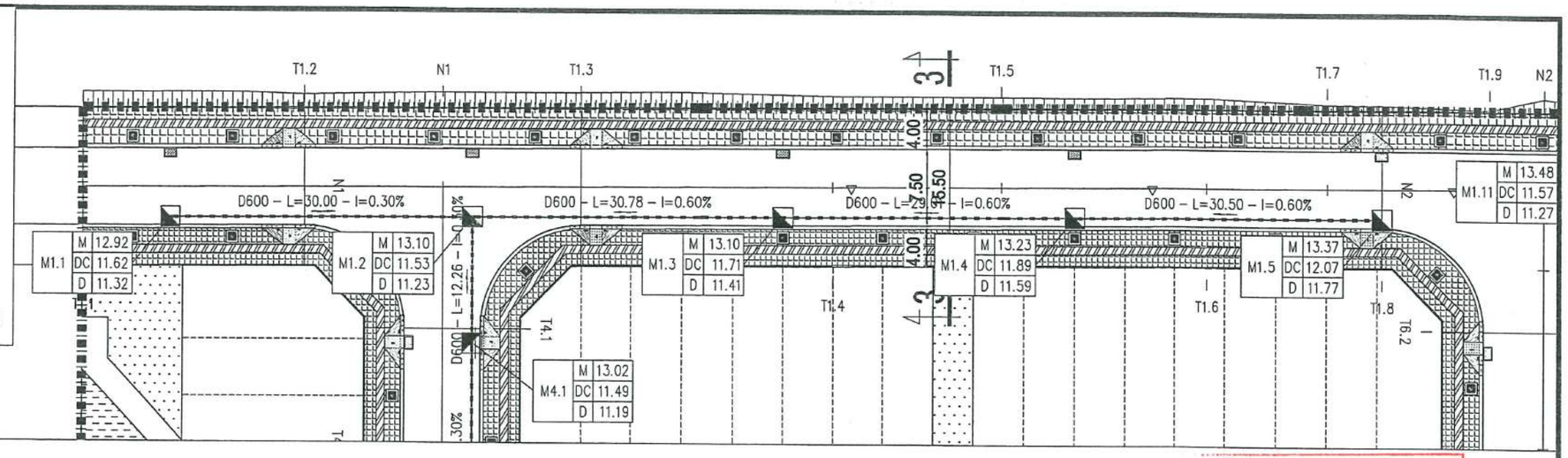
D1000 – L=28.80

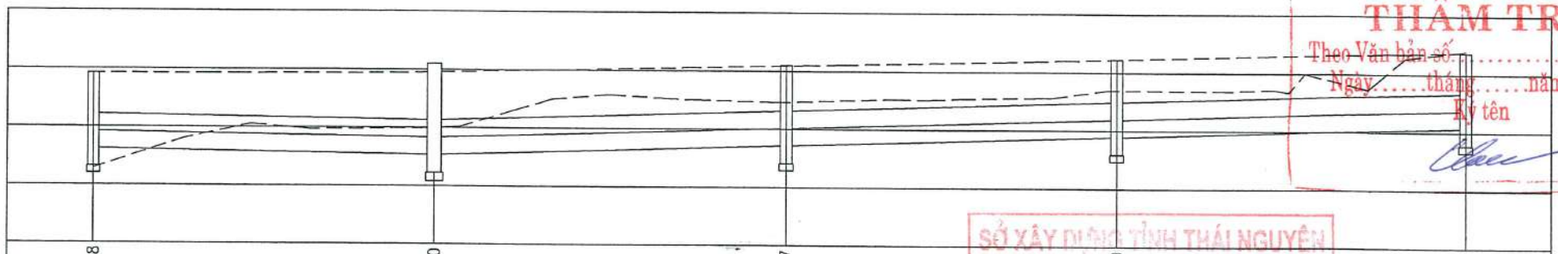
GHI CHÚ:

- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M | 14.40 — Cao độ đỉnh ga
DC | 13.10 — Cao độ đáy cống
D | 12.80 — Cao độ đáy ga
Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.28		12.00		12.47		12.69		13.40
CAO ĐỘ MẶT GA(M)	12.92		13.10		13.10		13.23		13.37
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.62		11.53		11.71		11.89		12.07
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.30		1.57		1.39		1.34		1.30
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	30.00	30.00	30.78	60.78	29.01	89.79	30.50	120.29
ĐỘ DỐC (%)		0.30		0.60		0.60		0.60	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180° 90° 90°		180°		180°		
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L1	D600	L7	D600	L2	D600	L2	D600	L1
TÊN GA	M1.1		M1.2		M1.3		M1.4		M1.5
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.32		11.23		11.41		11.59		11.77

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT1.1

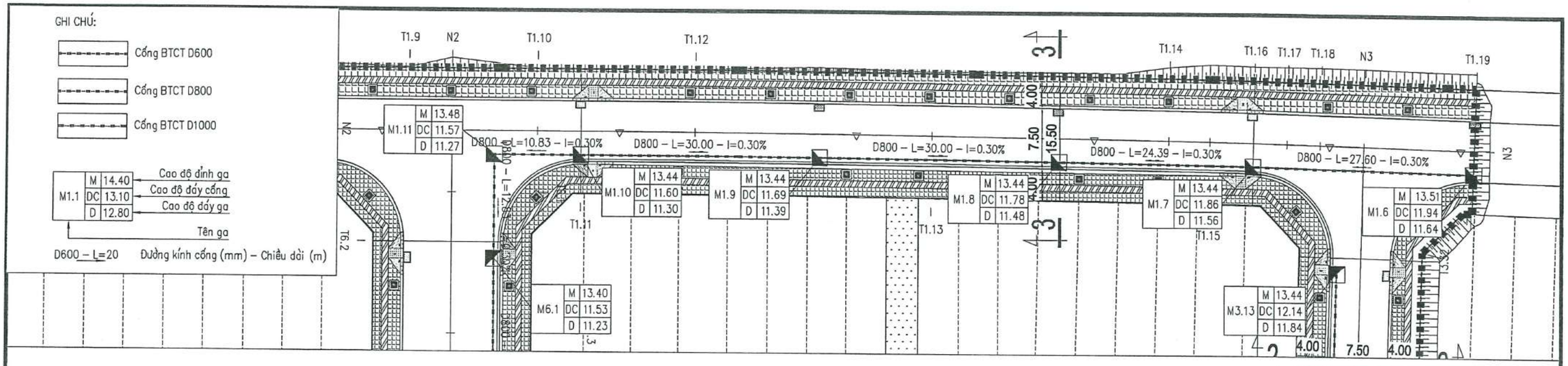
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M | 14.40 — Cao độ đỉnh ga
DC | 13.10 — Cao độ đáy cống
D | 12.80 — Cao độ đáy ga
Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.25		12.36		13.13		13.06		12.54		13.20	
CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.51		13.44		13.44		13.44		13.44		13.48	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.94		11.86		11.78		11.69		11.60		11.57	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.57		1.58		1.66		1.75		1.84		1.91	
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	27.60	27.60	24.39	52.00	30.00	82.00	30.00	112.00	10.83	122.83	
ĐỘ DỐC (%)		0.30		0.30		0.30		0.30		0.30		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180°		180°		180°		180°	90°		
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L2	D800	L2	D800	L2	D800	L2	D800	L2	D800	L9	
TÊN GA	M1.6		M1.7		M1.8		M1.9		M1.10		M1.11	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.64		11.56		11.48		11.39		11.30		11.27	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng .....: năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT1.2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

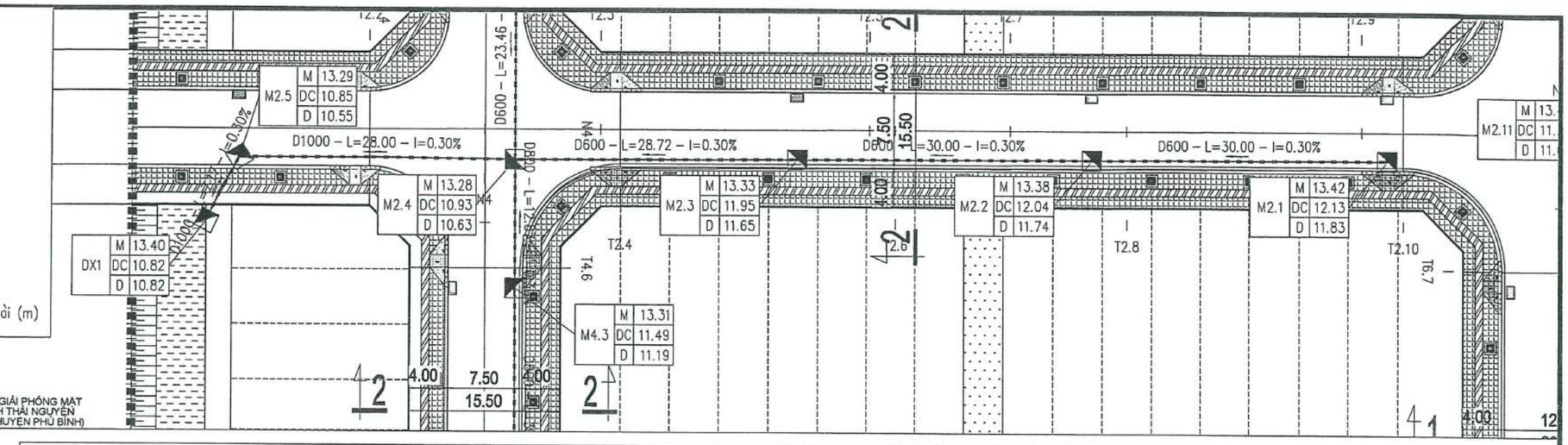
GHI CHÚ:

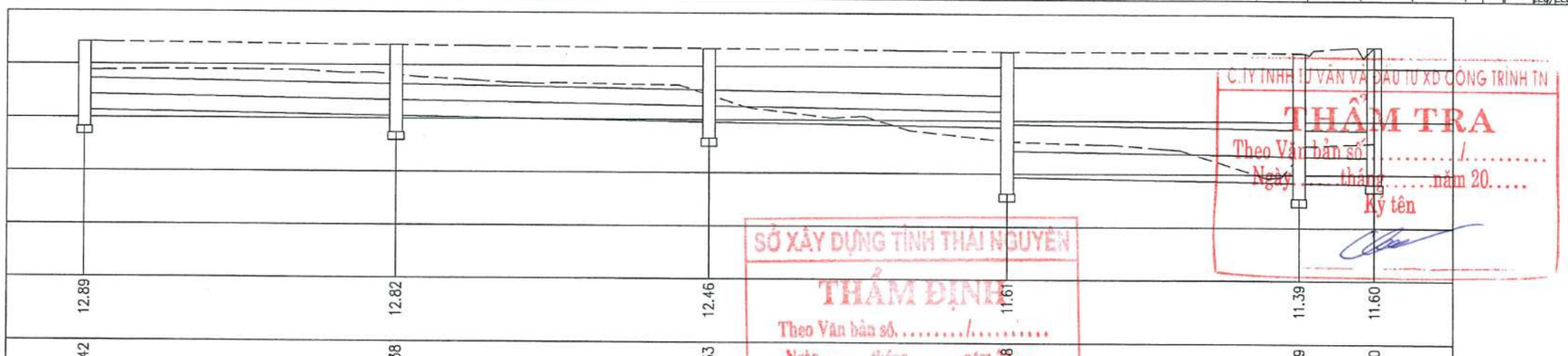
- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M | 14.40 — Cao độ đỉnh ga
DC | 13.10 — Cao độ đáy cống
D | 12.80 — Cao độ đáy ga
Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHỔ BÌNH)





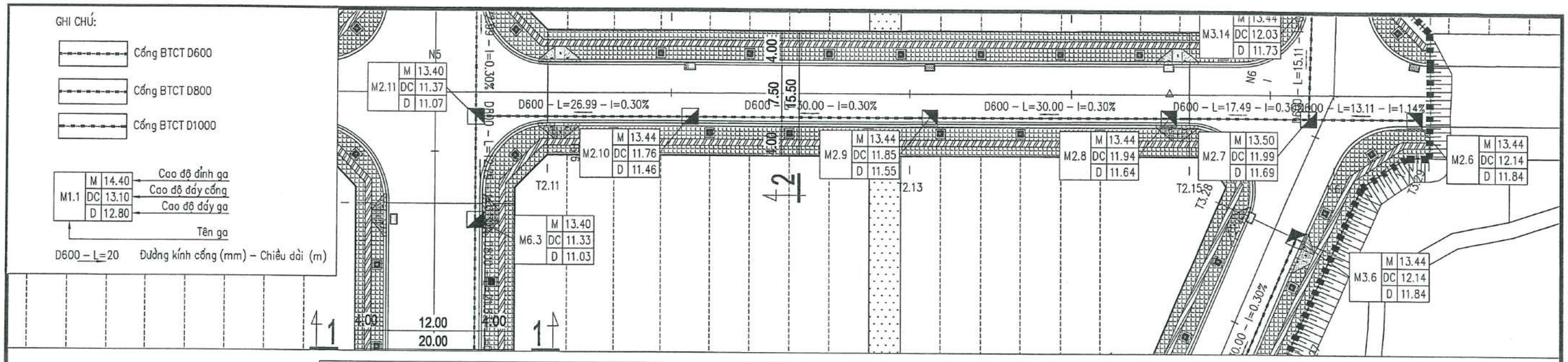
| | | |

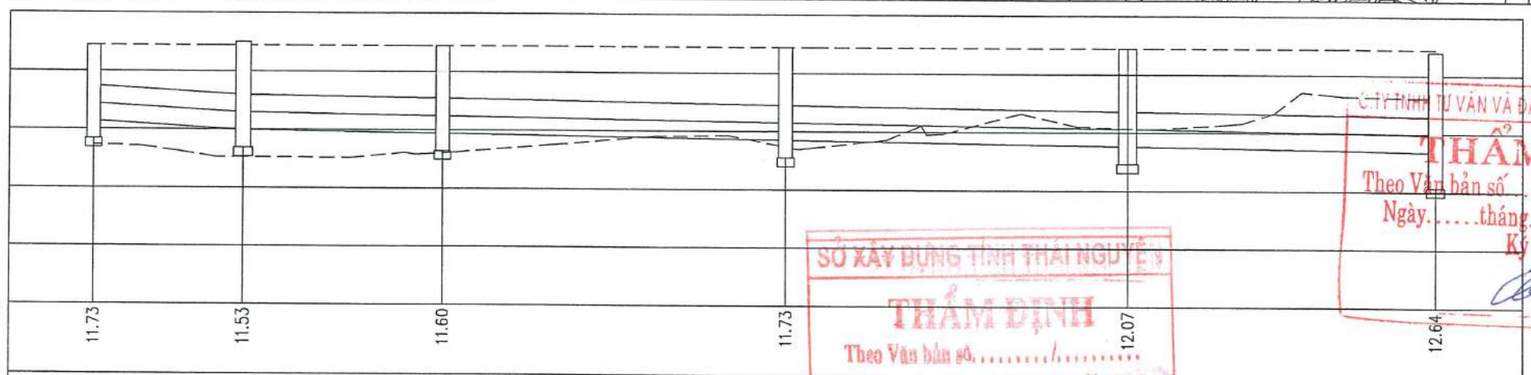
GHI CHÚ:

- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M | 14.40 (Cao độ đỉnh ga) | DC | 13.10 (Cao độ đáy cống) | D | 12.80 (Cao độ đáy ga) — Tên ga

D600 – L=20 — Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.73		11.53		11.60		11.73		12.07		12.64	
CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.44		13.50		13.44		13.44		13.44		13.40	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.14		11.99		11.94		11.85		11.76		11.68	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.30		1.51		1.50		1.59		1.68		1.72	
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	13.11	13.11	17.49	30.60	30.00	60.60	30.00	90.60	26.99	117.59	
ĐỘ DỐC (%)		1.14		0.30		0.30		0.30		0.30		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180° (88° / 92°)		180°		180°		180°		90° / 90°	
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L2	D600	L8	D600	L2	D600	L2	D600	L2	D600	L10	
TÊN GA	M2.6		M2.7		M2.8		M2.9		M2.10		M2.11	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.84		11.69		11.64		11.55		11.46		11.07	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20 .....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN TNMT2.2

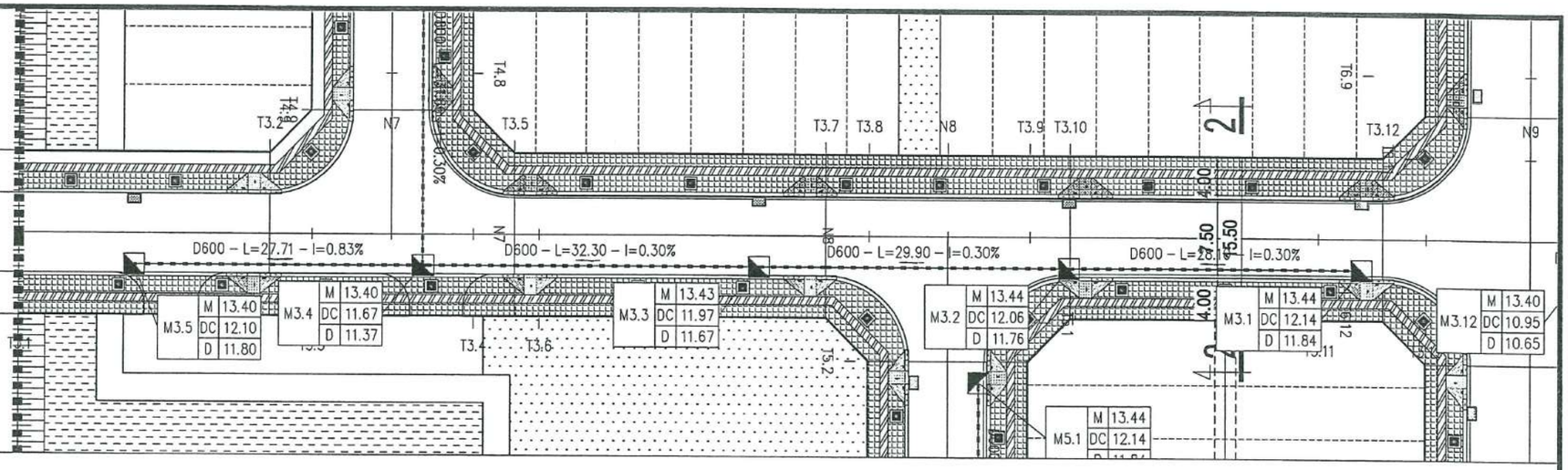
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

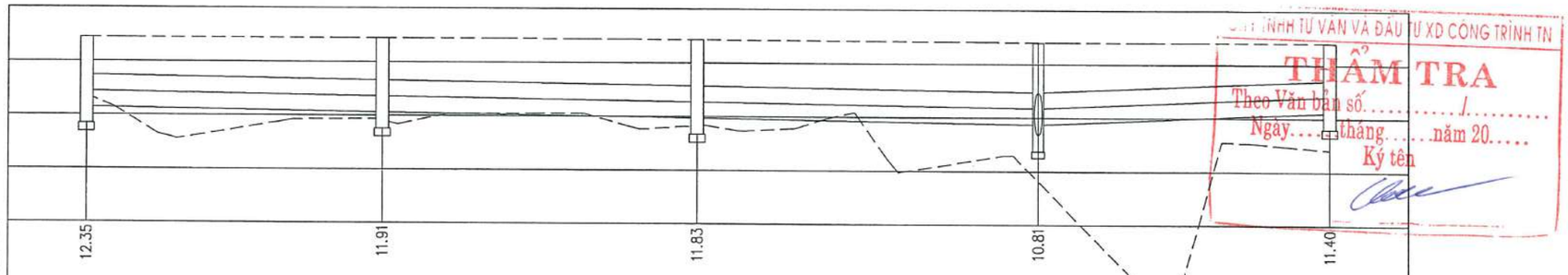
GHI CHÚ:

- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh ga) | DC 13.10 (Cao độ đáy cống) | D 12.80 (Cao độ đáy ga) ← Tên ga

D600 – L=20 : Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.35		11.91		11.83		10.81	11.40
CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.44		13.44		13.43		13.40	13.40
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.14		12.06		11.97		11.87 / 11.87	12.10
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.30		1.38		1.46		1.53 / 1.53	1.30
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	28.10	28.10	29.90	58.00	32.30	90.29	27.71 118.00
ĐỘ DỐC (%)		0.30		0.30		0.30		0.83
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180°		180°		180° (90° / 90°)	
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L1	D600	L2	D600	L2	D600	L4	D600 L1
TÊN GA	M3.1		M3.2		M3.3		M3.4	M3.5
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.84		11.76		11.67		11.37	11.80

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

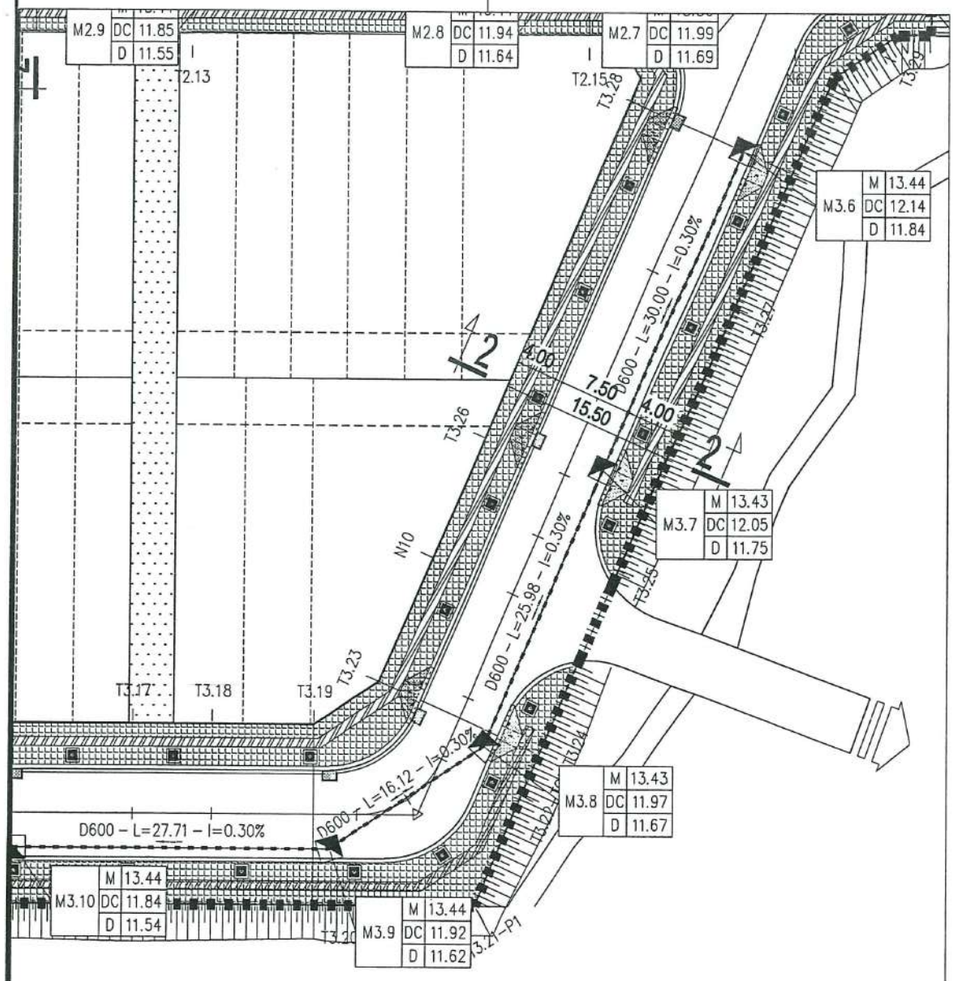
Cống BTCT D600

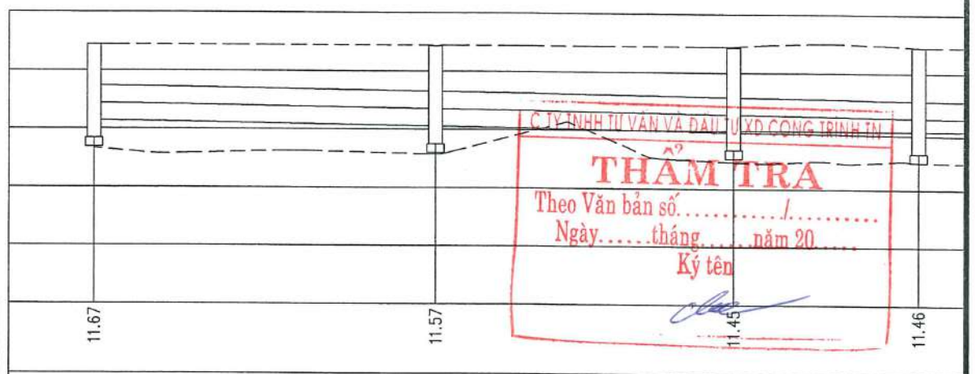
Cống BTCT D800

Cống BTCT D1000

M1.1 | M | 14.40 ← Cao độ đỉnh ga
DC | 13.10 ← Cao độ đáy cống
D | 12.80 ← Cao độ đáy ga
↑ Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





1	CAO ĐỘ TỰ NHIÊN				
2	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.44	13.43	13.43	13.44
3	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.14	12.05	11.97	11.92
4	ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.30	1.38	1.46	1.52
5	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	30.00 / 30.00	25.98 / 55.98	16.12 / 72.10
6	ĐỘ DỐC (%)		0.30	0.30	0.30
7	GÓC NGOẶT(ĐỘ)		180°	147°	147°
8	LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L1	D600 L2	D600 L2	D600 L2
9	TÊN GA	M3.6	M3.7	M3.8	M3.9
10	CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.84	11.75	11.67	11.62

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng..... năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.2 (01/2)

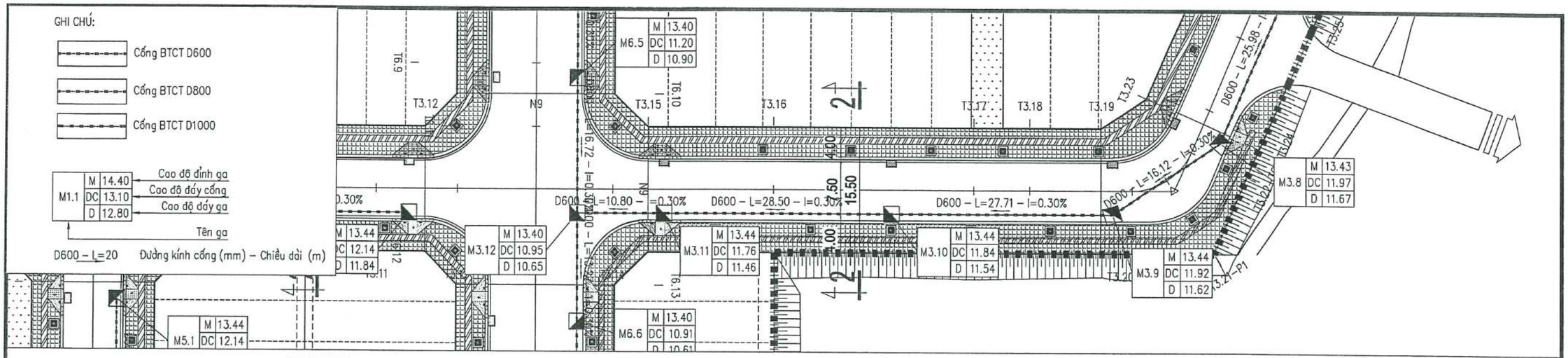
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

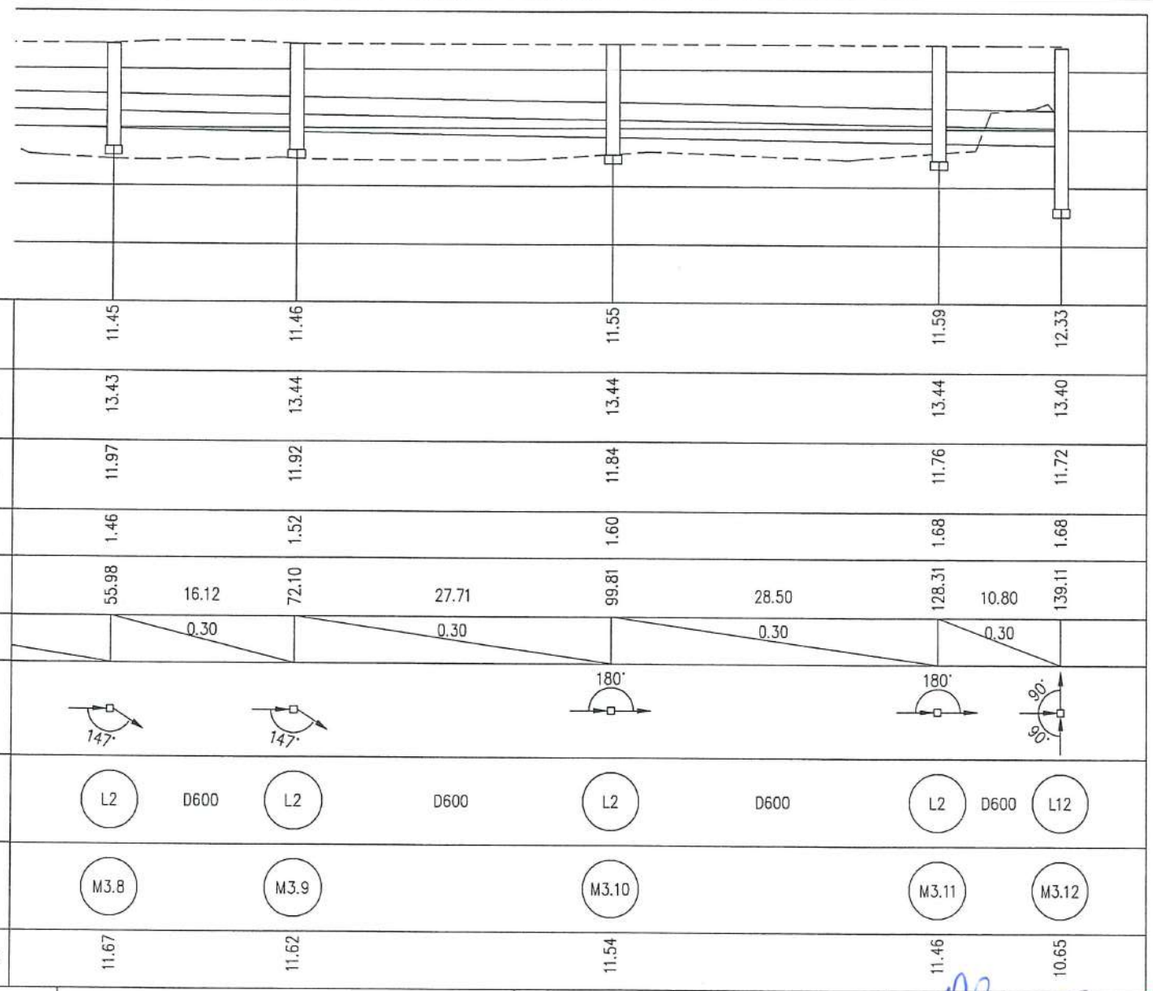
GHI CHÚ:

- Cống BTCT D600
- Cống BTCT D800
- Cống BTCT D1000

M1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh ga) | DC 13.10 (Cao độ đáy cống) | D 12.80 (Cao độ đáy ga) — Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ...1.tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	P. GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.2 (02/2)	
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

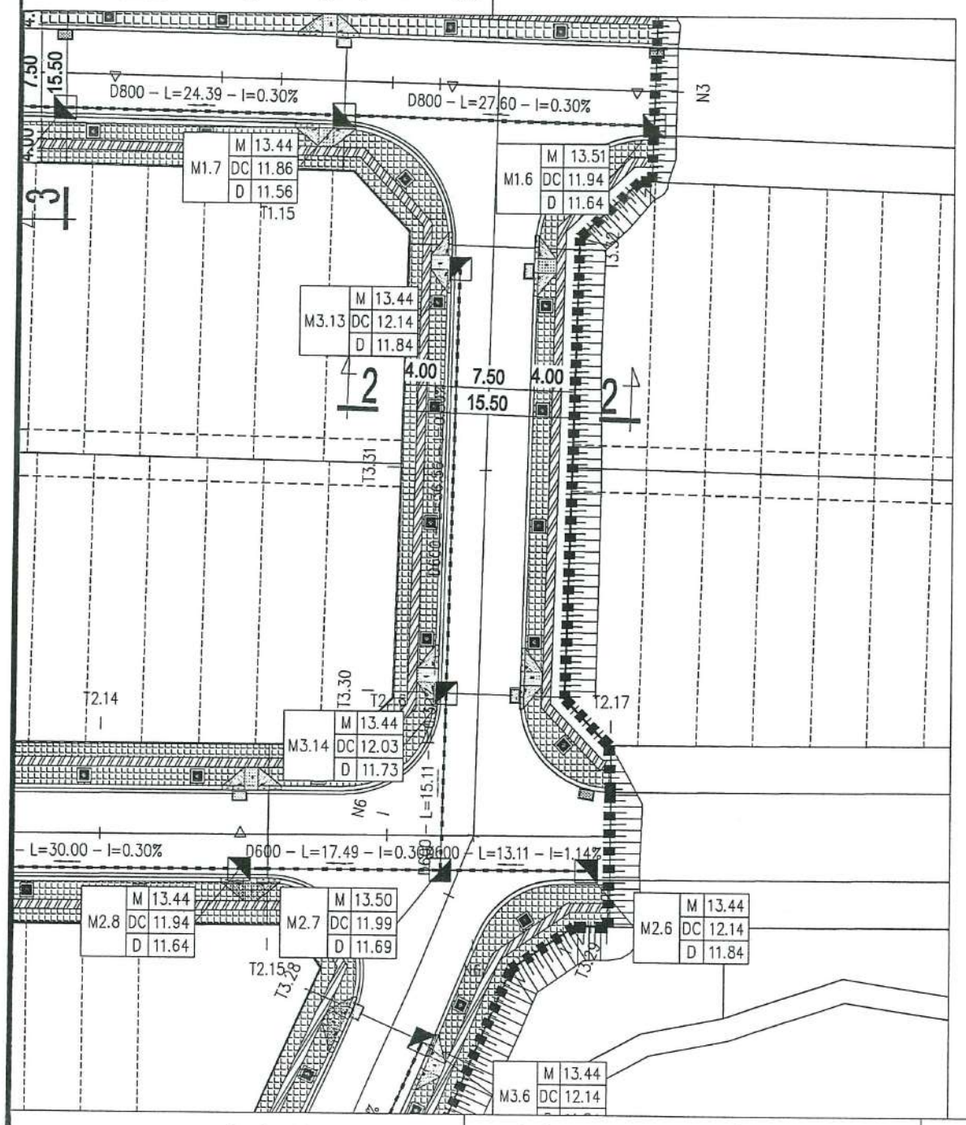
Cống BTCT D800

Cống BTCT D1000

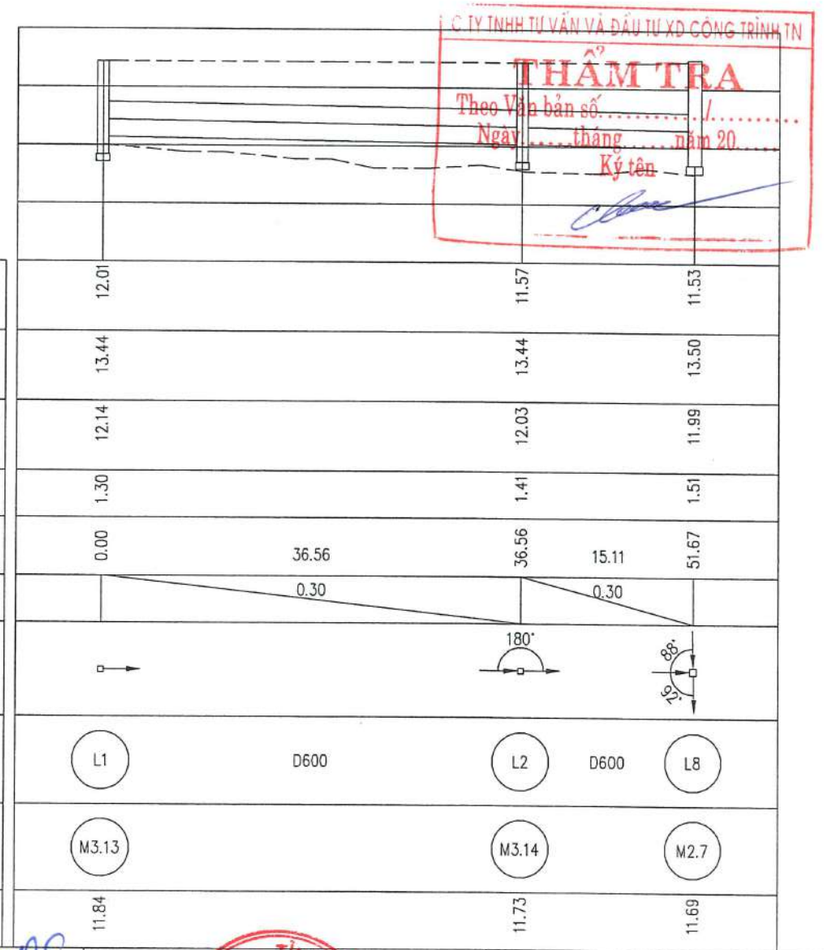
M1.1 | M 14.40 ← Cao độ đỉnh ga | DC 13.10 ← Cao độ đáy cống | D 12.80 ← Cao độ đáy ga

Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	
CAO ĐỘ MẶT GA(M)	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	
ĐỘ DỐC (%)	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	
TÊN GA	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC

TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT3.3

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-08
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

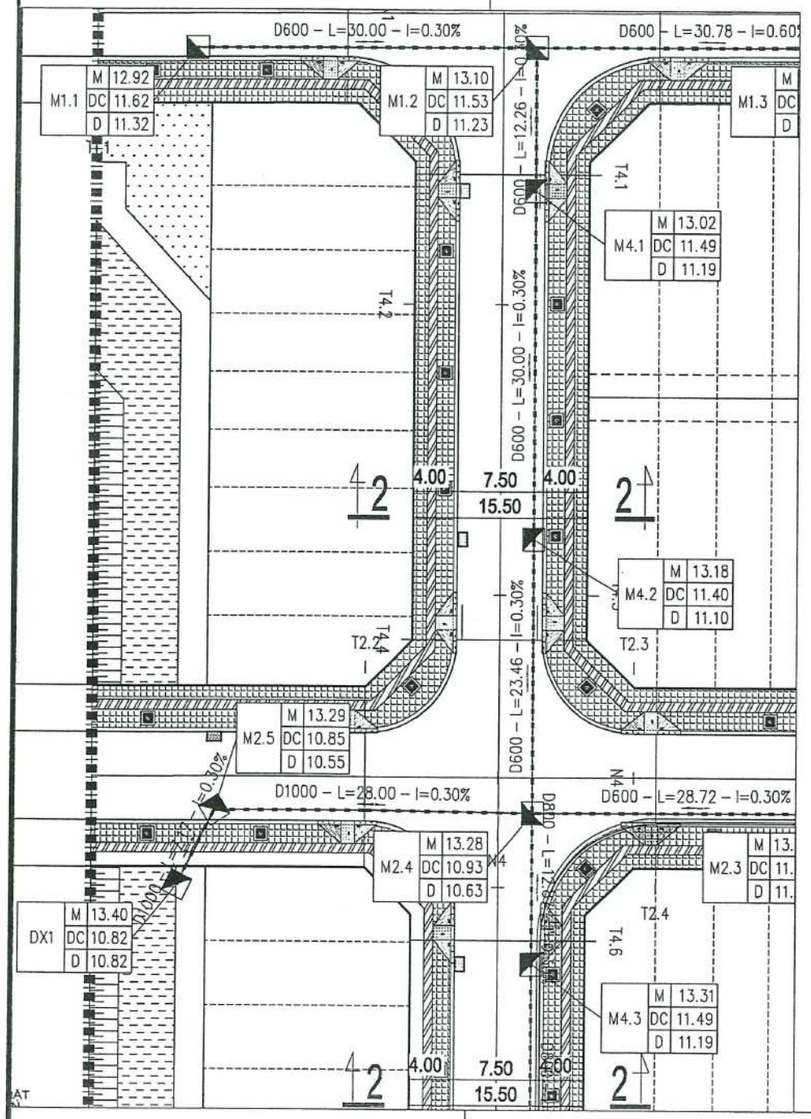
Cống BTCT D800

Cống BTCT D1000

M1.1	M	14.40	Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10	Cao độ đáy cống
	D	12.80	Cao độ đáy ga

Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)



1	CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.00	11.97	11.75	11.61	11.50				
2	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.10	13.02	13.18	13.28	13.31				
3	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.53	11.49	11.40	11.33 11.45	11.49				
4	ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.57	1.53	1.78	1.95 1.83	1.82				
5	KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	12.26	12.26	30.00	42.26	23.46	65.72	12.87	78.59
6	ĐỘ DỐC (%)		0.30		0.30		0.30		0.30	
7	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	180° 90° 90°		180°		180°		90° 90° 180°		180°
8	LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L7	D600	L2	D600	L2	D600	L11	D800	L3
9	TÊN GA	M1.2		M4.1		M4.2		M2.4		M4.3
10	CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.23		11.19		11.10		10.63		11.19

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT4 (01/2)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

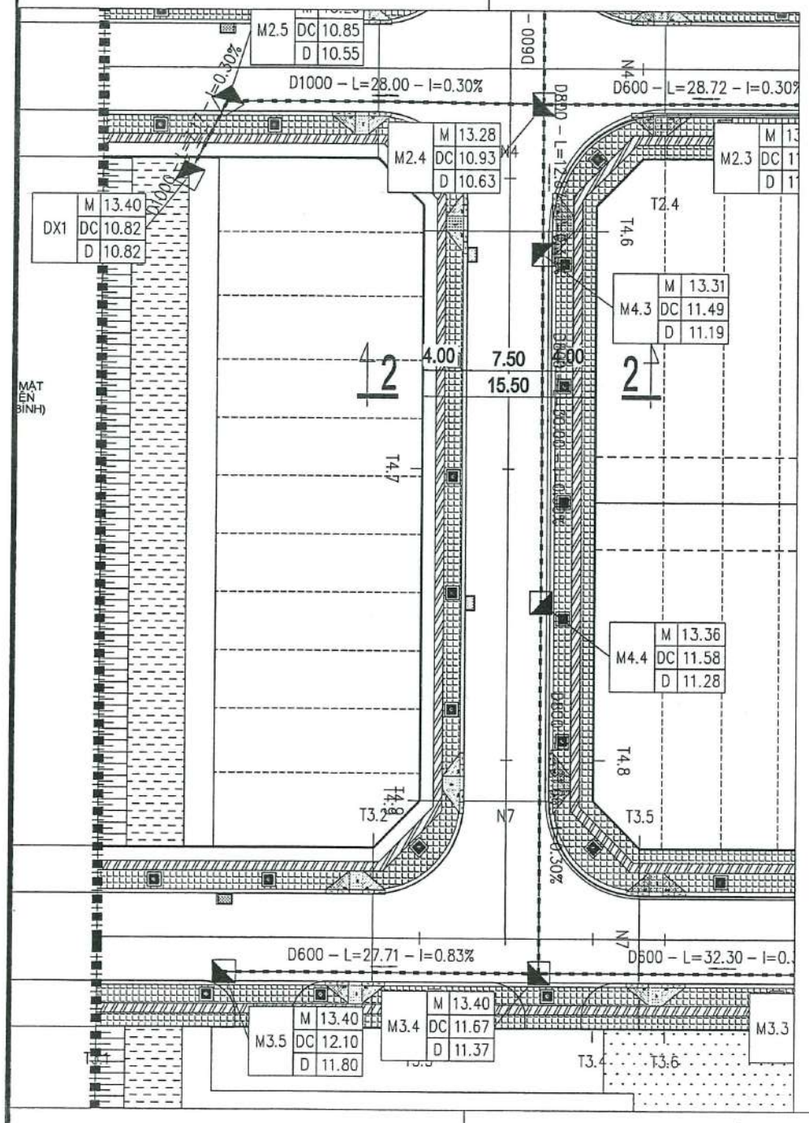
Cống BTCT D800

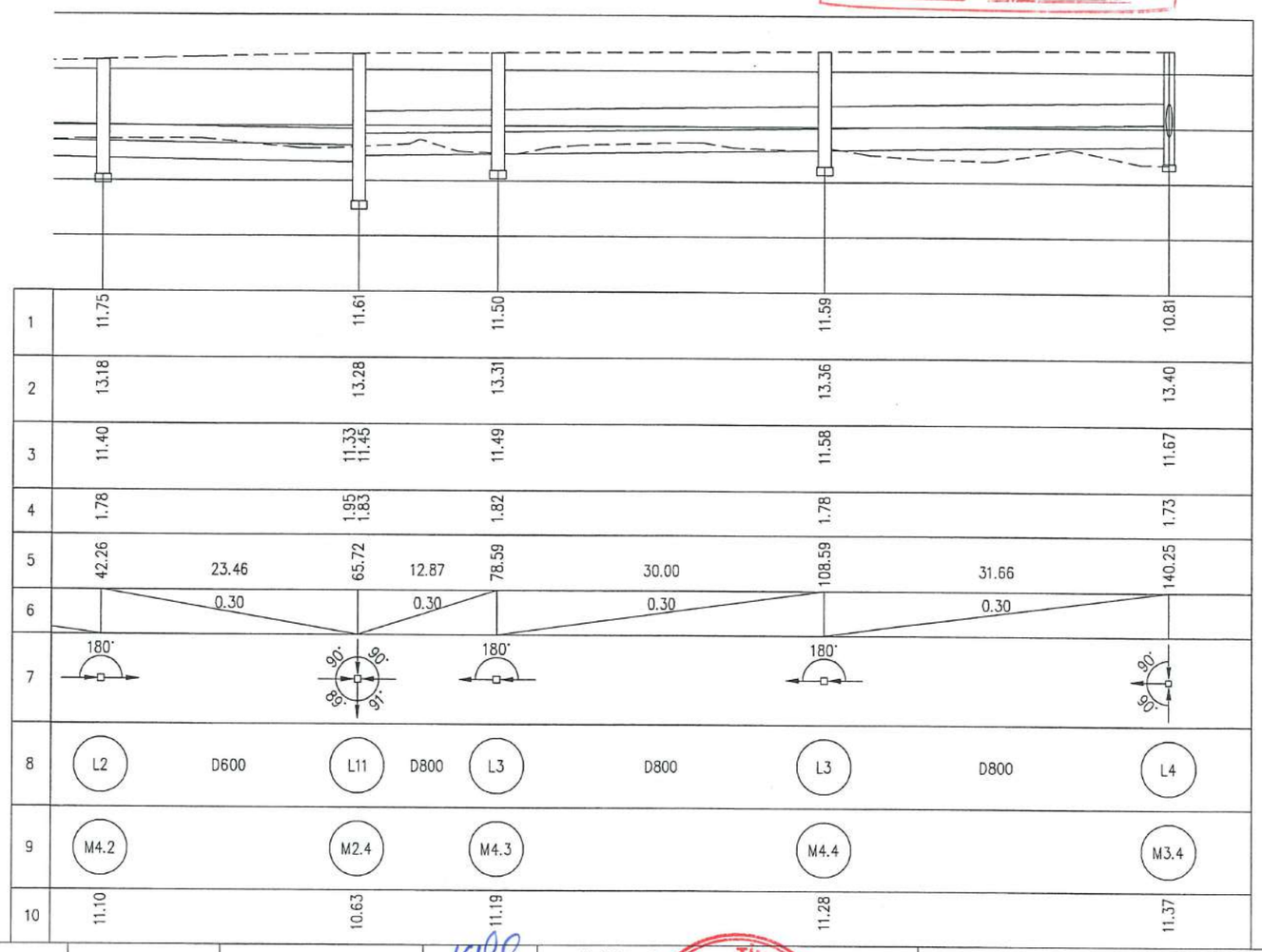
Cống BTCT D1000

M1.1	M	14.40 ← Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10 ← Cao độ đáy cống
	D	12.80 ← Cao độ đáy ga

Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng .....năm 2025 PHÓ GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN TNMT4 (02/2)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 BẢN VẼ SỐ: TNM-10
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		LẦN XUẤT BẢN: 01 DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

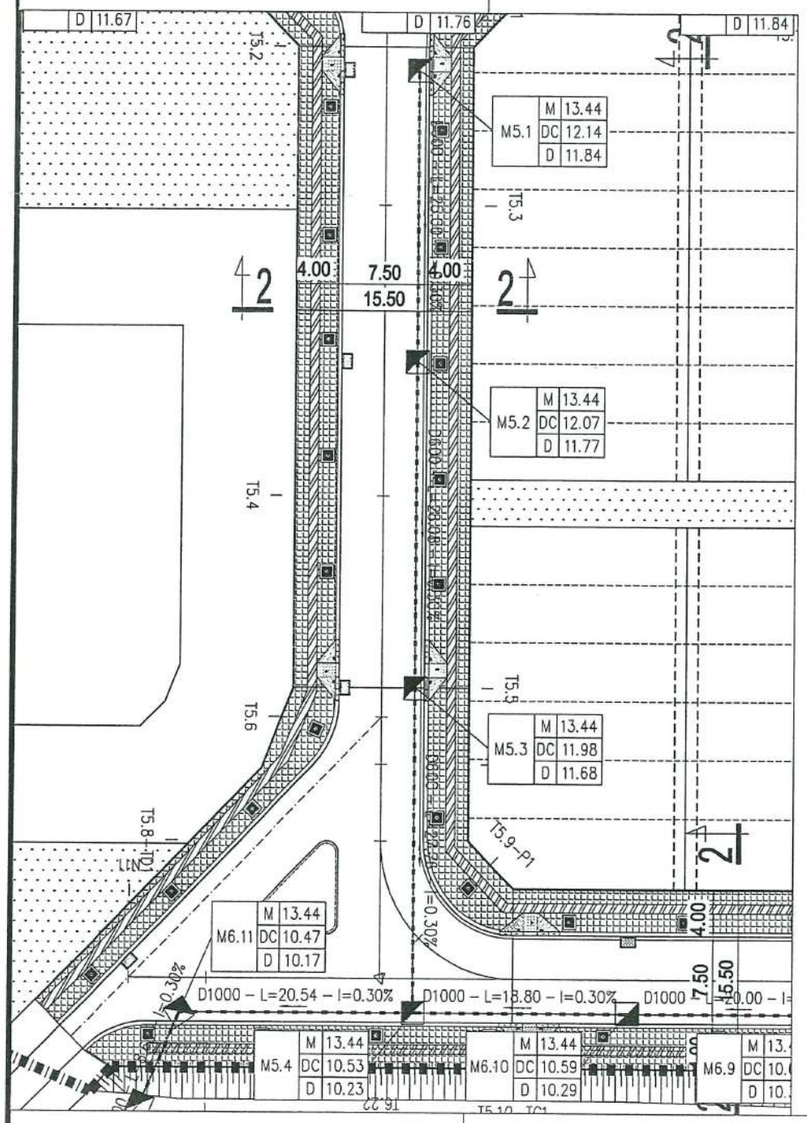
Cống BTCT D800

Cống BTCT D1000

M1.1	M	14.40	← Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10	← Cao độ đáy cống
	D	12.80	← Cao độ đáy ga

← Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.92		11.68		11.77		11.62	
CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.44		13.44		13.44		13.44	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.14		12.07		11.98		11.90	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.30		1.37		1.46		1.54	
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	25.00	25.00	28.08	53.08	27.76	80.84	
ĐỘ DỐC (%)		0.30		0.30		0.30		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180°		180°		90°	90°
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L1	D600	L2	D600	L2	D600	L6	
TÊN GA	M5.1		M5.2		M5.3		M5.4	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.84		11.77		11.68		10.23	

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT5

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-11
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

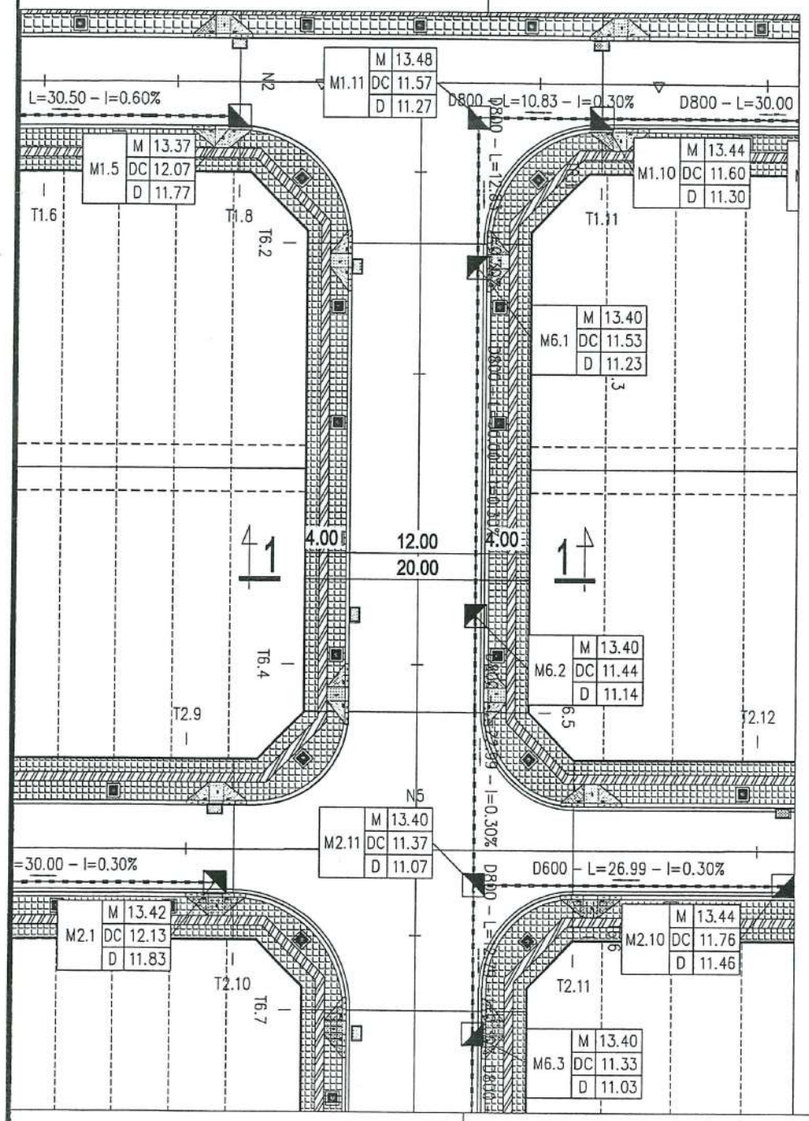
Cống BTCT D800

Cống BTCT D1000

M1.1	M	14.40	← Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10	← Cao độ đáy cống
	D	12.80	← Cao độ đáy ga

← Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)



1	CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	13.20		13.08		12.92		12.64		12.66		
2	CAO ĐỘ MẶT GA(M)	13.48		13.40		13.40		13.40		13.40		
3	CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.57		11.53		11.44		11.37	11.37	11.33		
4	ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.91		1.87		1.96		2.03	2.03	2.07		
5	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	12.83	12.83	30.00	42.82	22.99	65.81	12.79	78.60		
6	ĐỘ DỐC (%)		0.30		0.30		0.30		0.30			
7	GÓC NGOẶT(ĐỘ)	90°		180°		180°		90°	90°	180°		
8	LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH CỐNG	L9	D800	L3	D800	L3	D800	L10	D800	L3		
9	TÊN GA	M1.11		M6.1		M6.2		M2.11		M6.3		
10	CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.27		11.23		11.14		11.07		11.03		

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TH...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025

KT.GIÁM ĐỐC

TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (01/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

Cống BTCT D800

Cống BTCT D1000

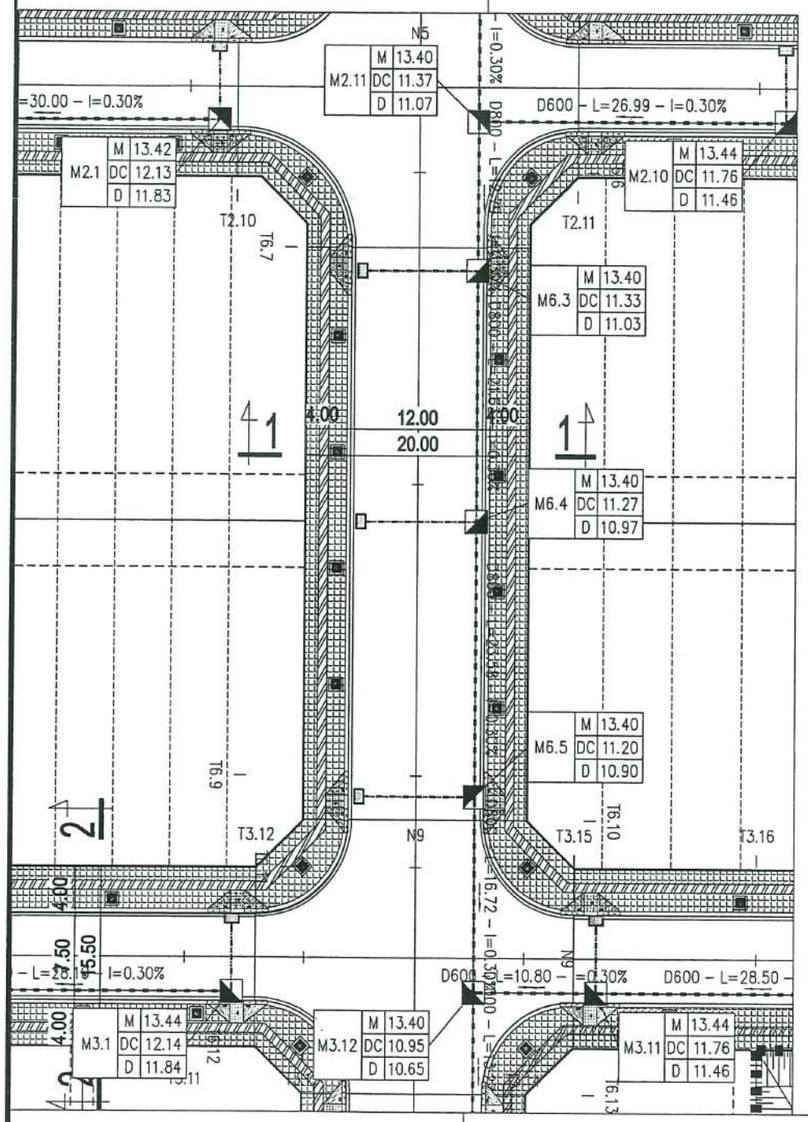
M1.1	M	14.40 ← Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10 ← Cao độ đáy cống
	D	12.80 ← Cao độ đáy ga

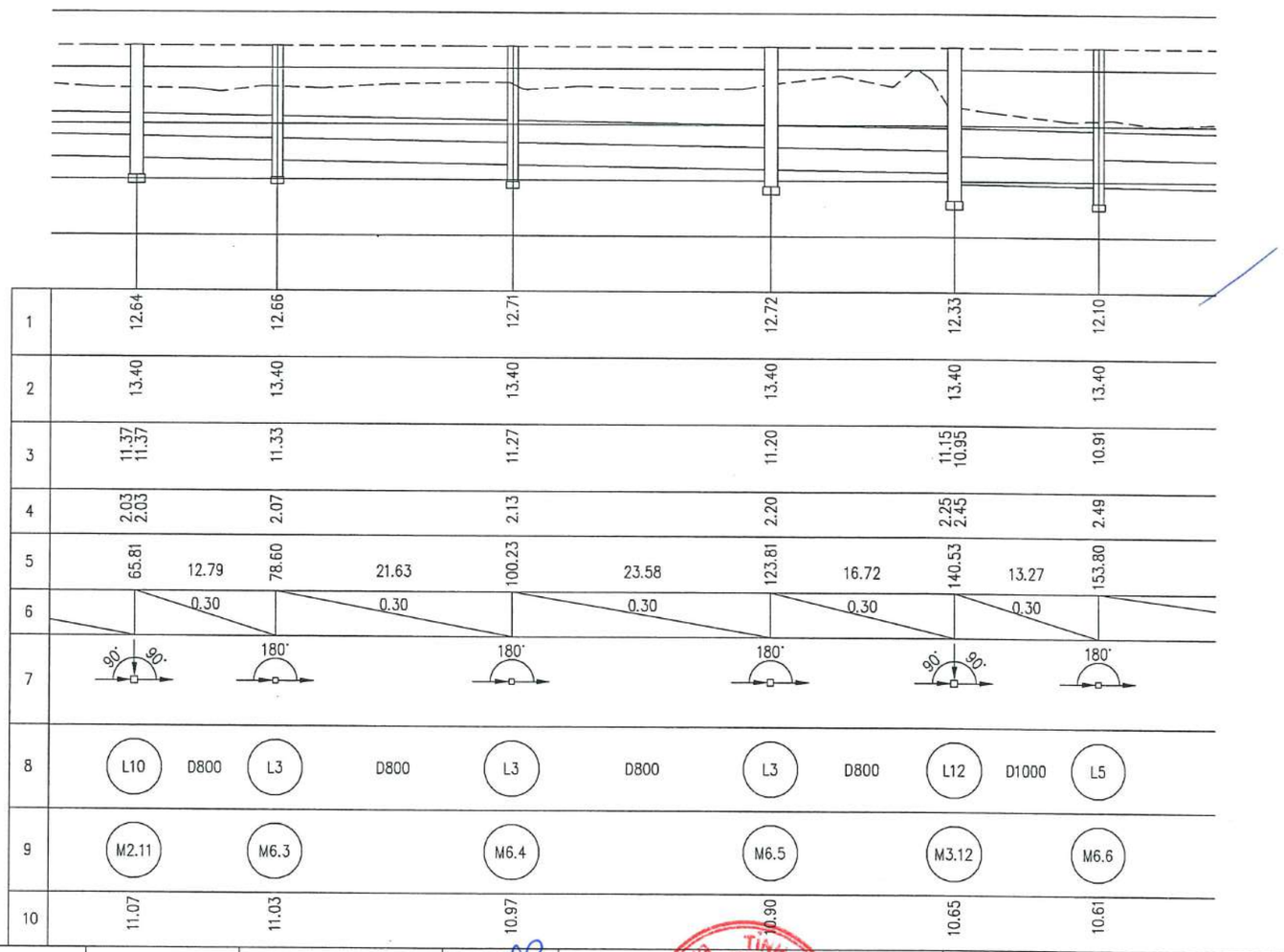
Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên





ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (02/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-13
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

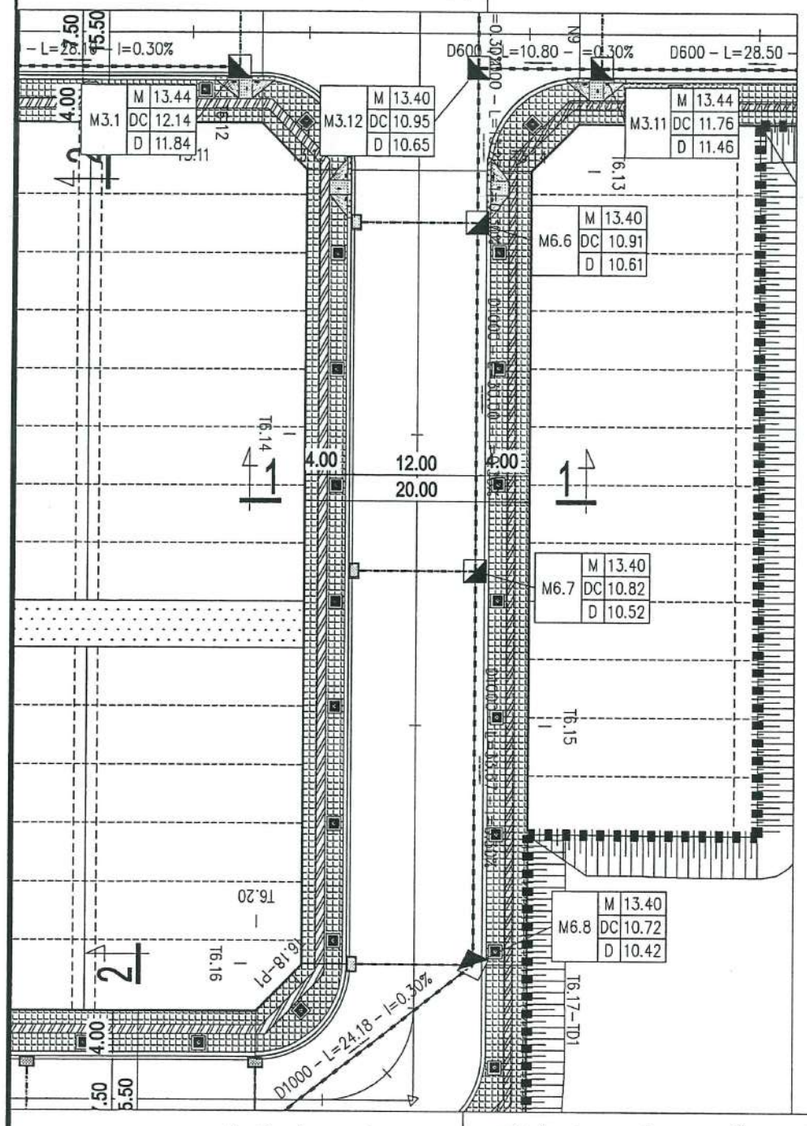
Cống BTCT D800

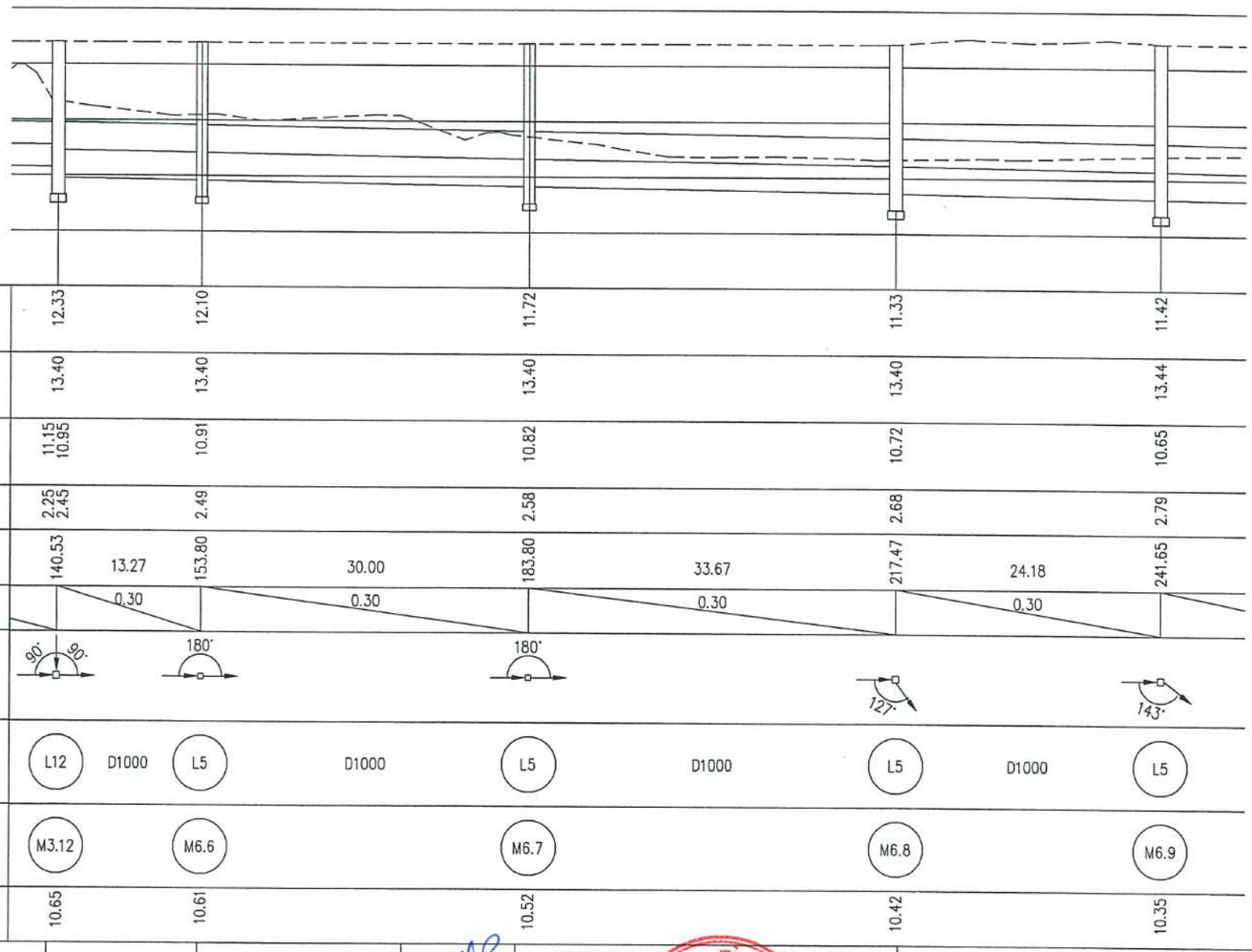
Cống BTCT D1000

M1.1	M	14.40 — Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10 — Cao độ đáy cống
	D	12.80 — Cao độ đáy ga

Tên ga

D600 – L=20 — Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (03/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-14
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

Cống BTCT D600

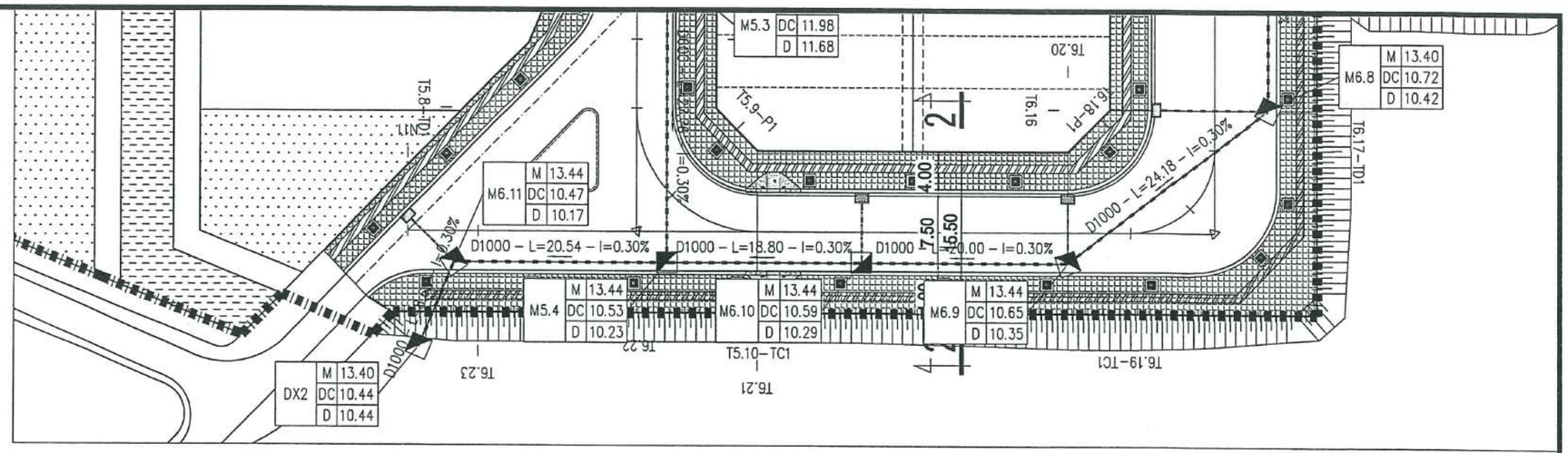
Cống BTCT D800

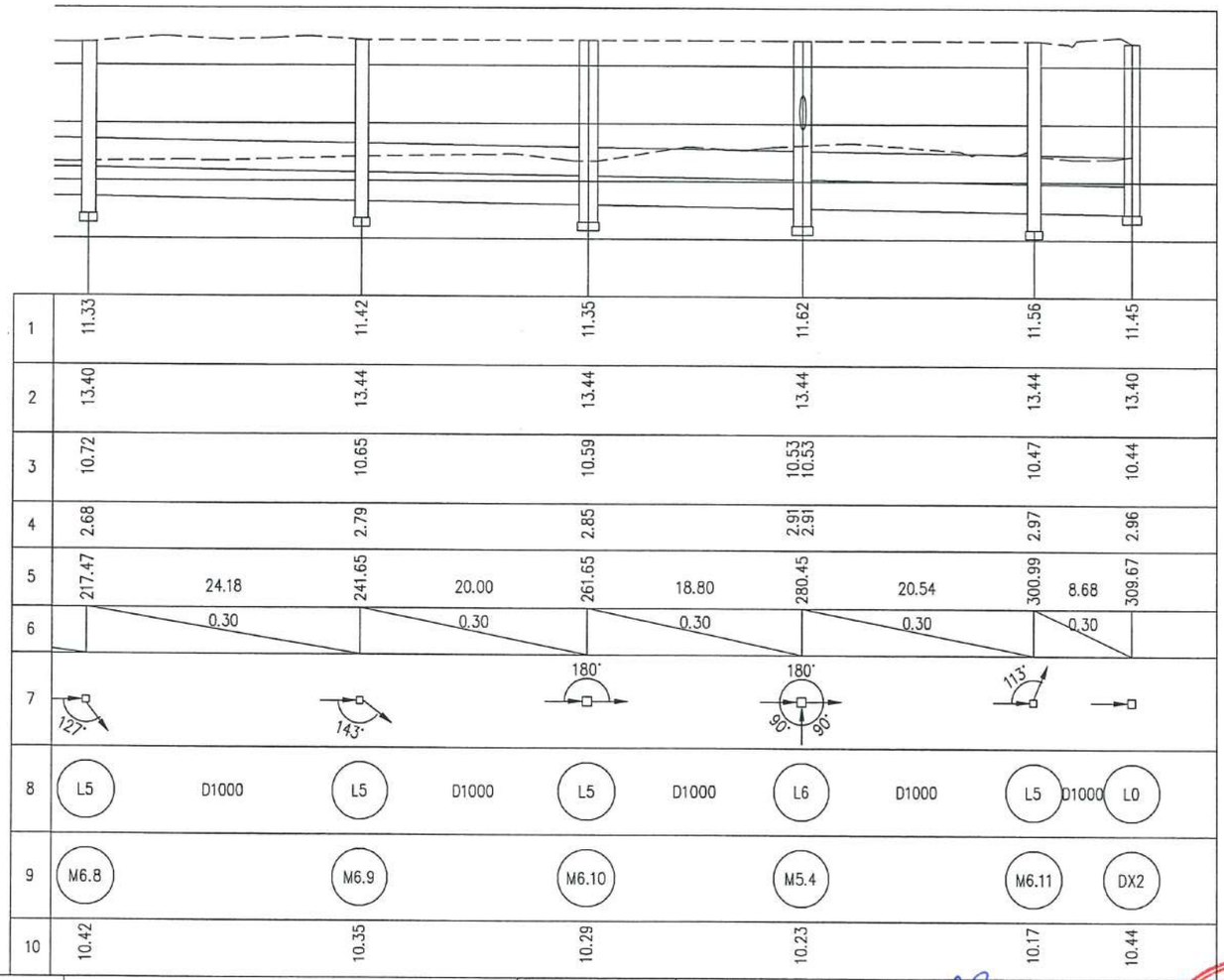
Cống BTCT D1000

M1.1	M	14.40 ← Cao độ đỉnh ga
	DC	13.10 ← Cao độ đáy cống
	D	12.80 ← Cao độ đáy ga

Tên ga

D600 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRẦN HỮU BẮC

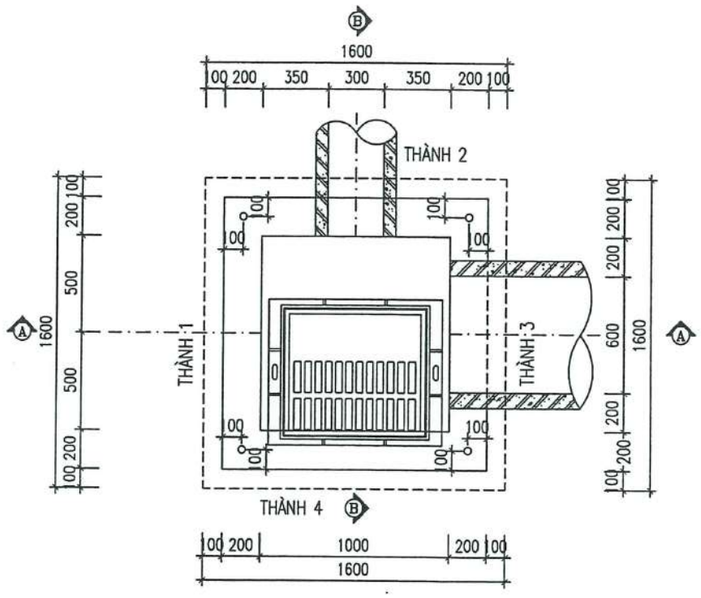
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN TNMT6 (04/4)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNM-15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(600X300)

MẶT BẰNG GA

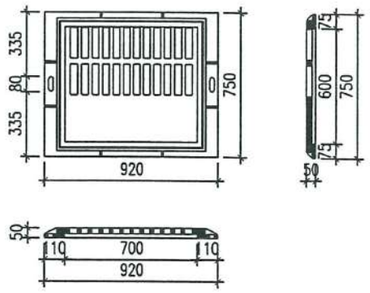


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

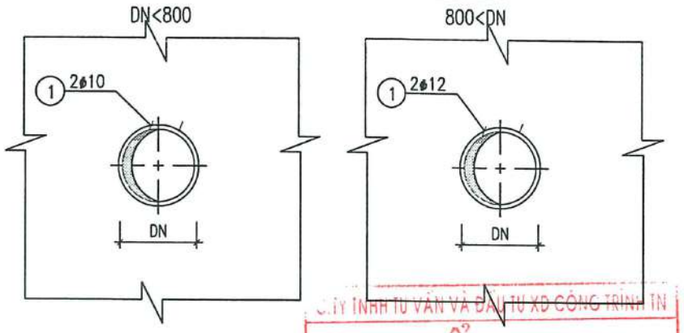
N

- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

CHI TIẾT NẮP GA THU KẾT HỢP GA THĂM

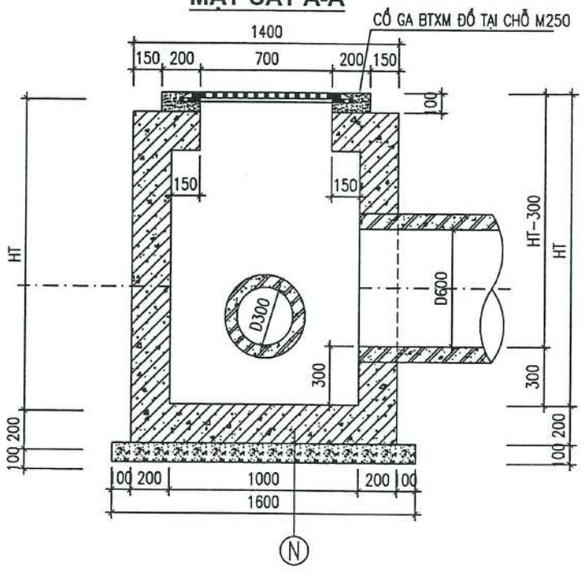


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

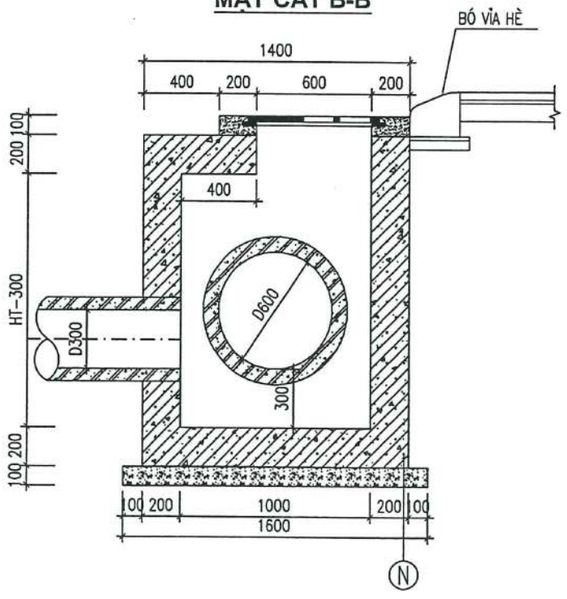


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

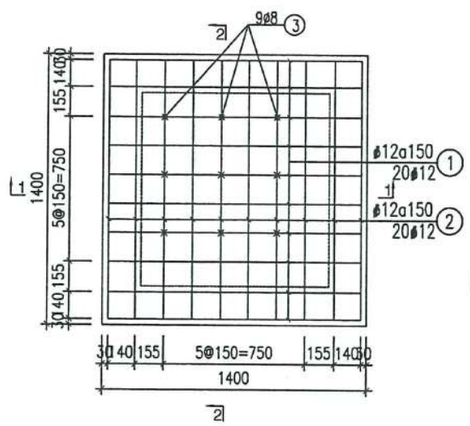
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L1)

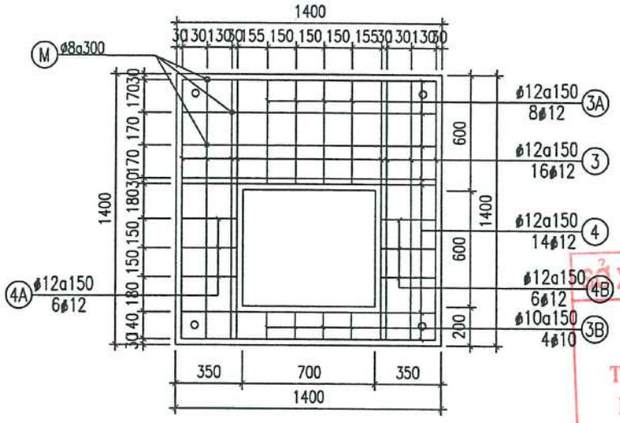
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D(600X300)

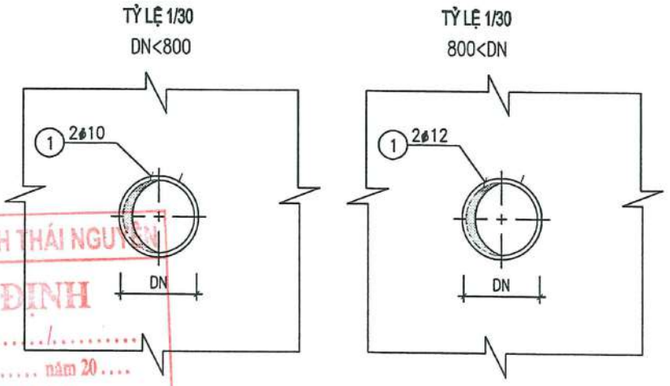
CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA



CHI TIẾT BẢN NẮP

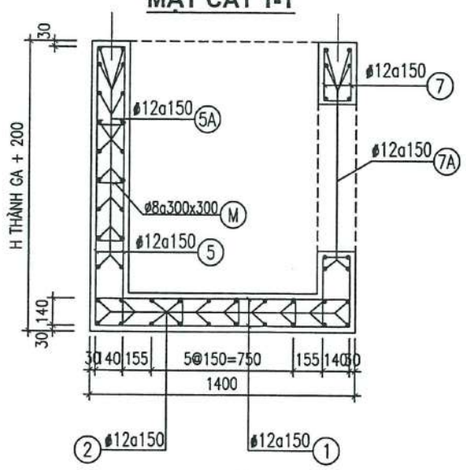


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

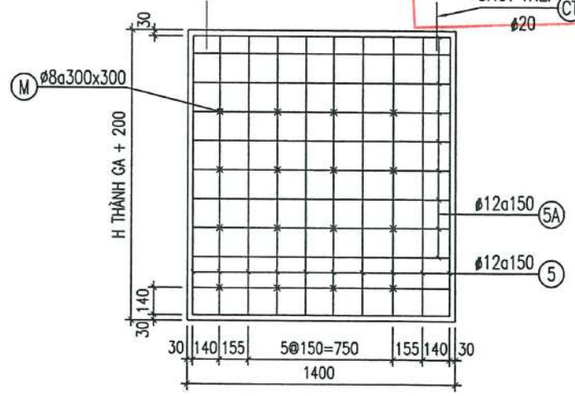


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

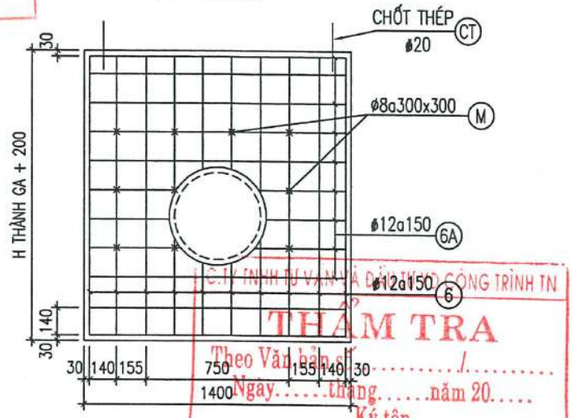
MẶT CẮT 1-1



THÀNH 1

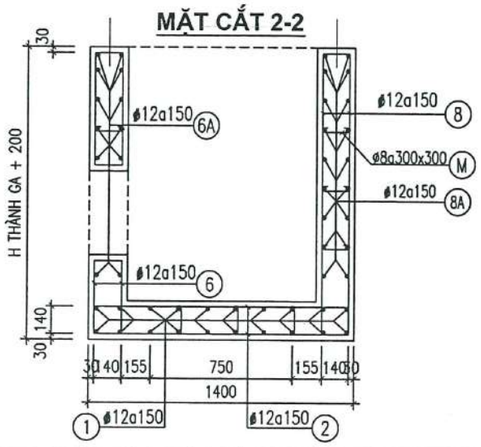


THÀNH 2

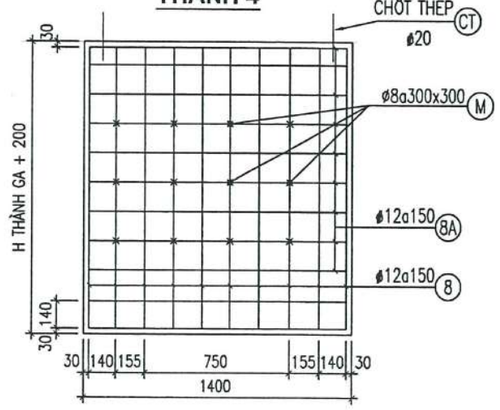


C.T. TNHH TƯ VẤN VÀ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

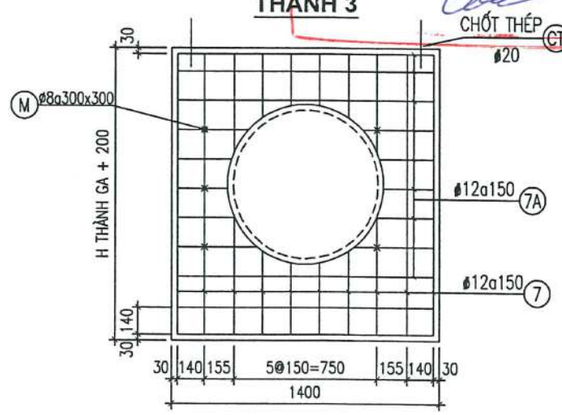
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



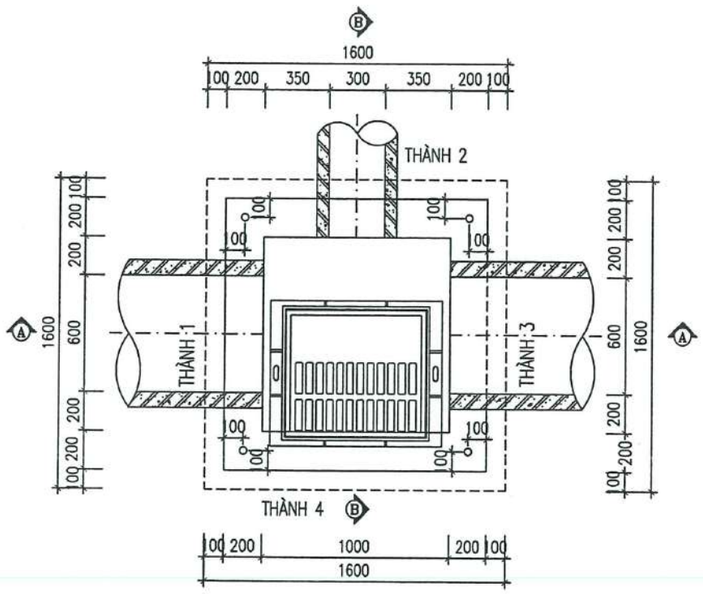
THÀNH 3



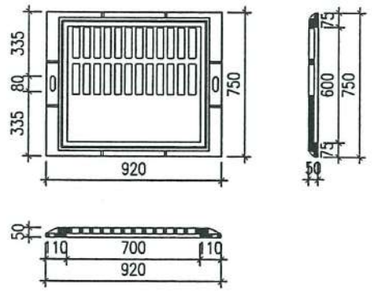
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L1)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 02
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(600X300X600)

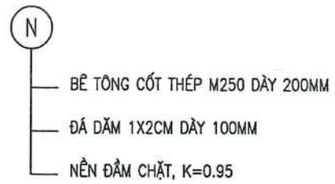
MẶT BẰNG GA



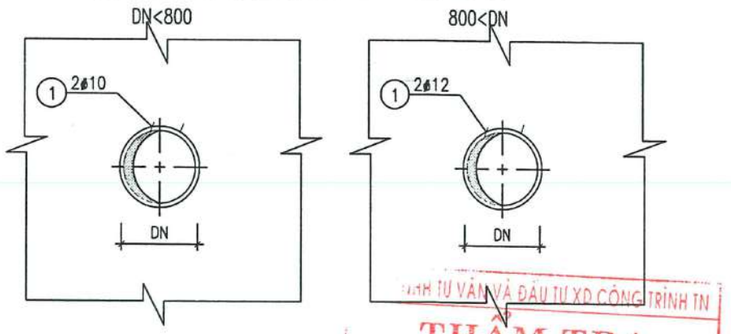
CHI TIẾT NẮP GA THU KẾT HỢP GA THĂM



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

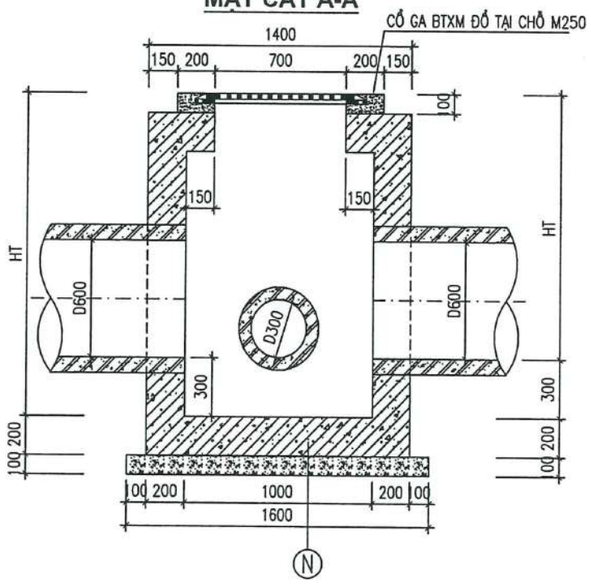


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

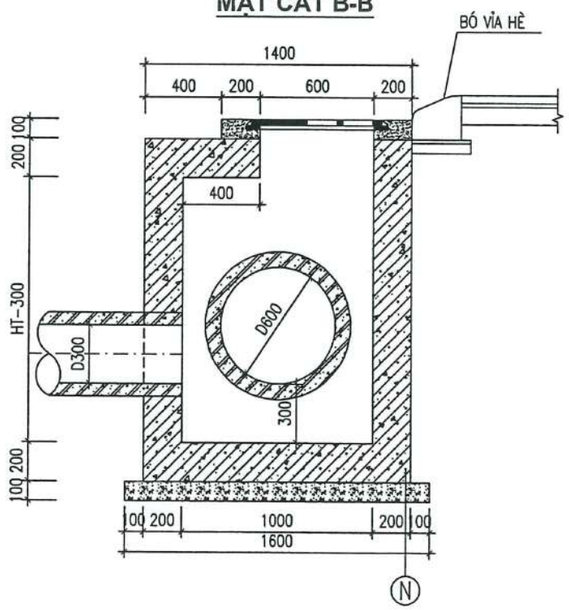


ĐƠN VỊ TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



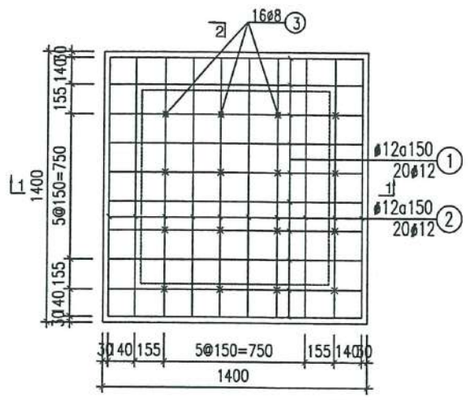
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

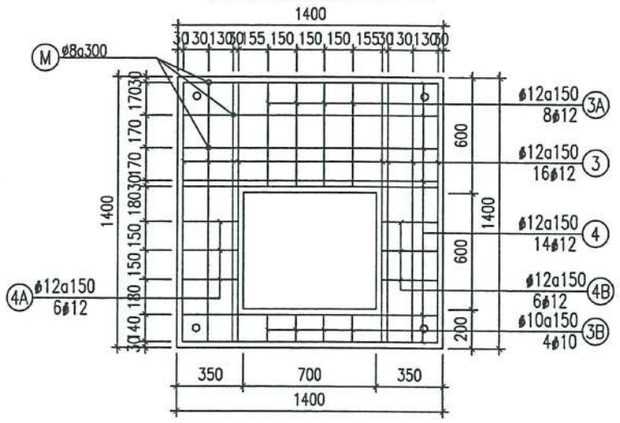
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L2)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 03
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D(600X300X600)

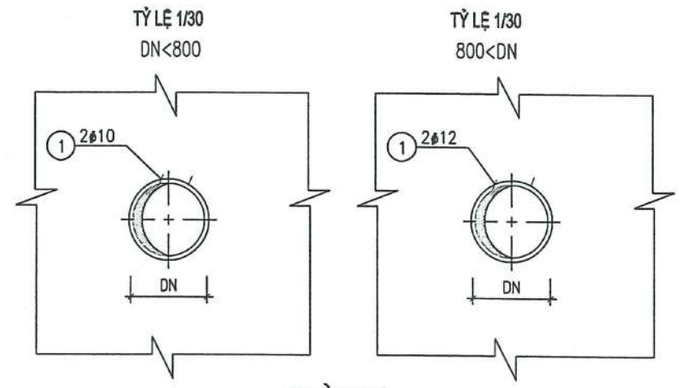
CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA



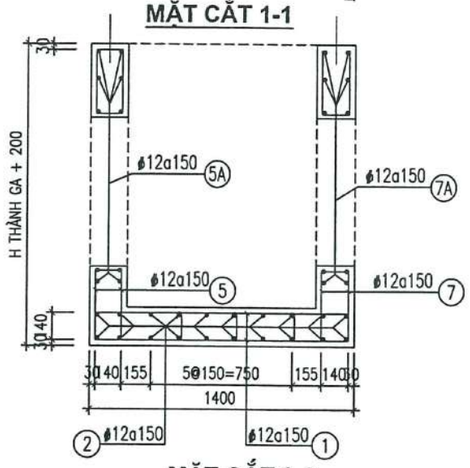
CHI TIẾT BẢN NẮP



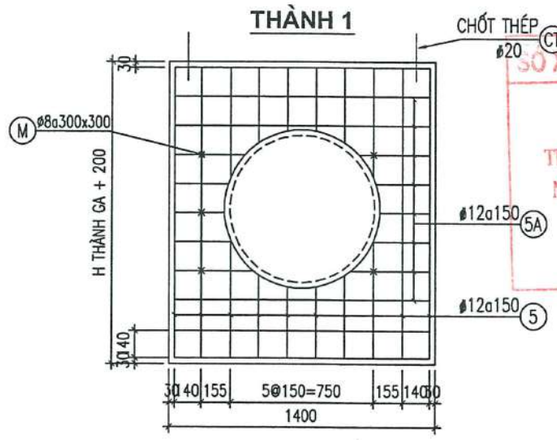
CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



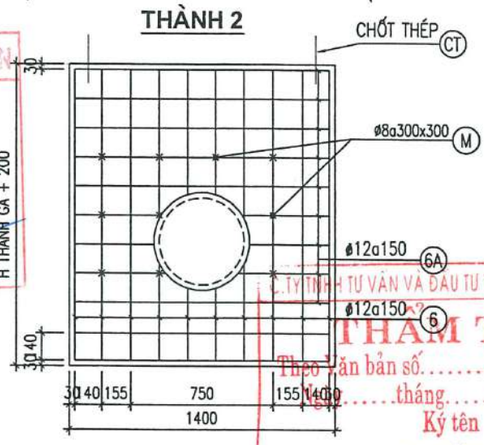
MẶT CẮT 1-1



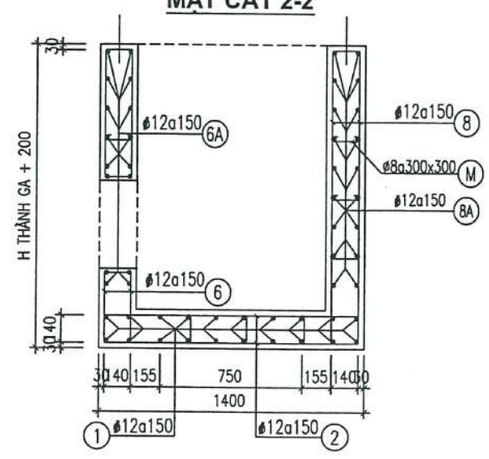
THÀNH 1



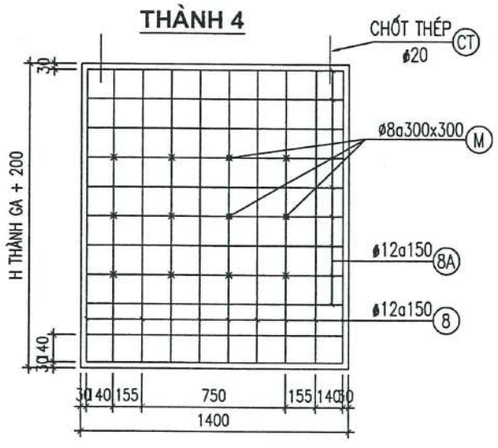
THÀNH 2



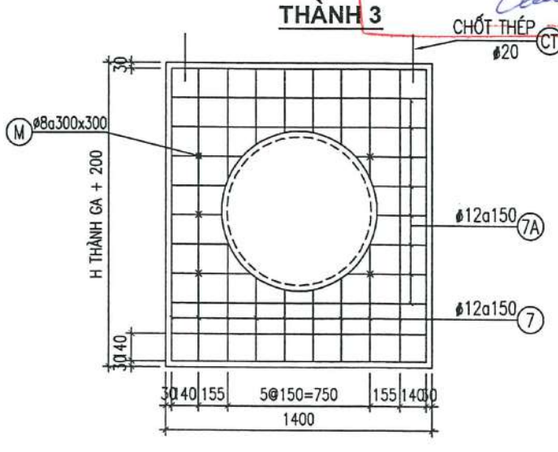
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CT TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

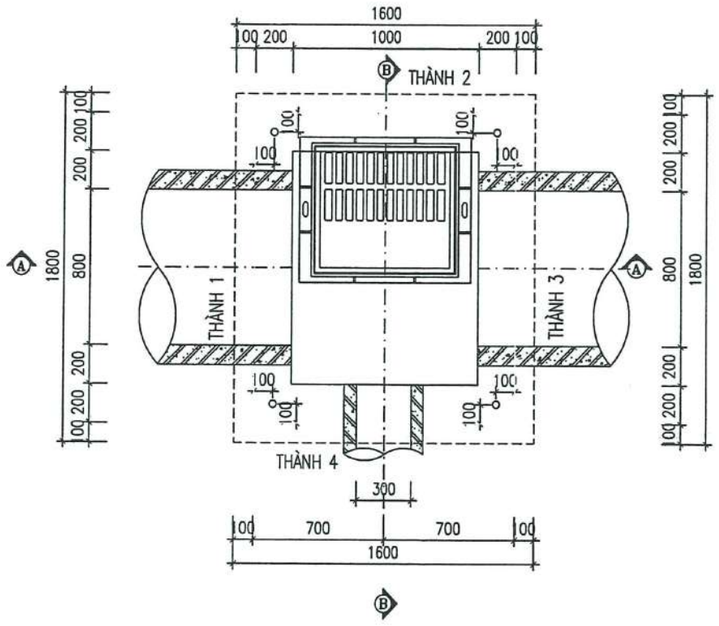
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày 03 tháng 04 năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D600 (L2)

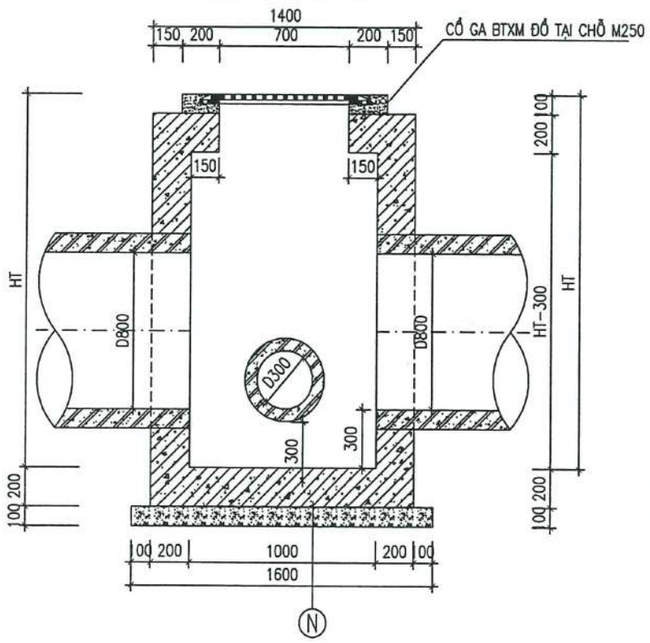
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(800X800X300)

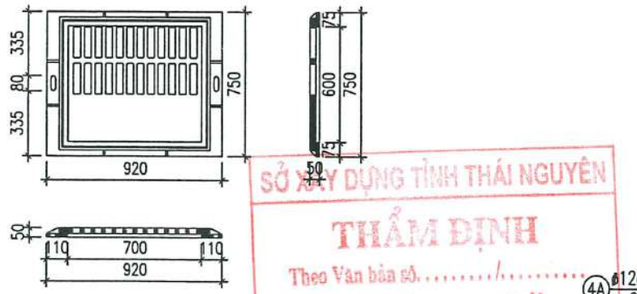
MẶT BẰNG GA



MẶT CẮT A-A



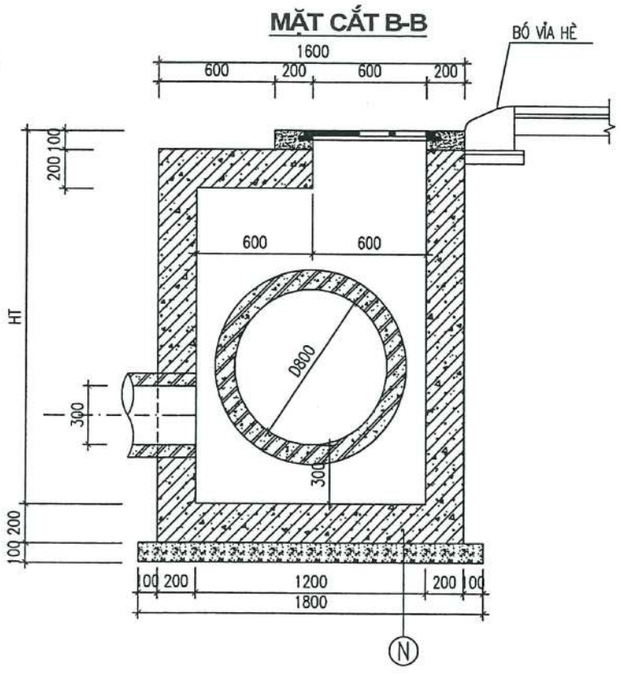
CHI TIẾT NẮP GA THU KẾT HỢP GA THĂM



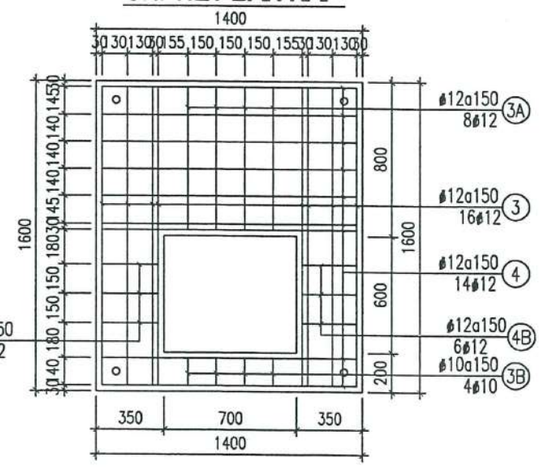
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

N
- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

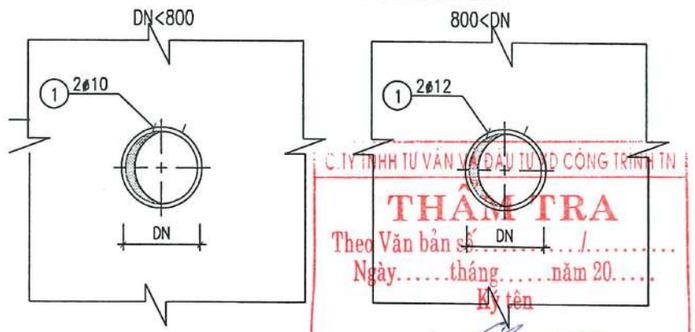
MẶT CẮT B-B



CHI TIẾT BẢN NẮP



CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



C.TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 TRƯỞNG PHÒNG KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

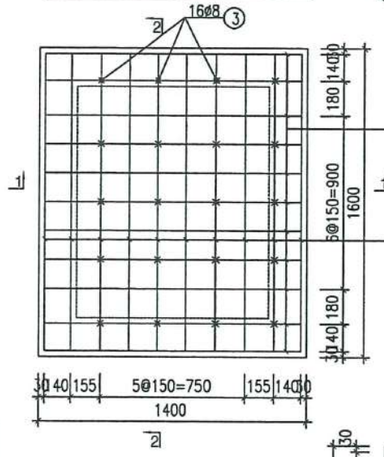
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L3)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

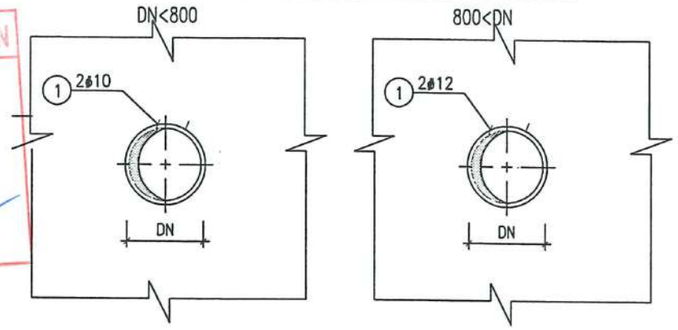
CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(800X800X300)

CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA

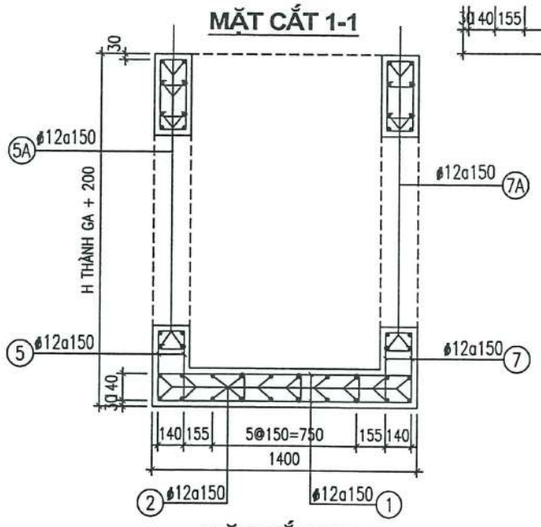


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

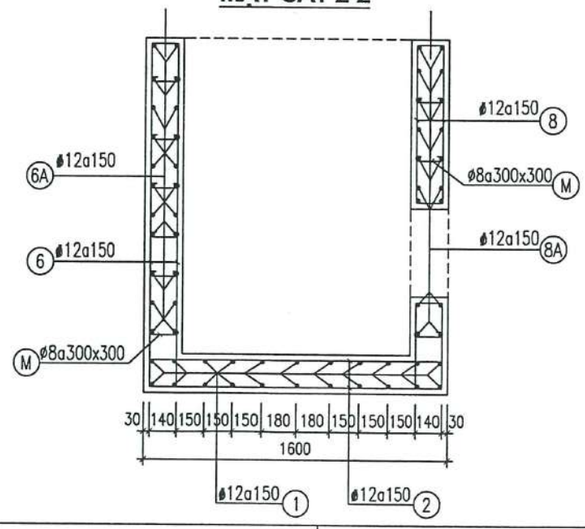
CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



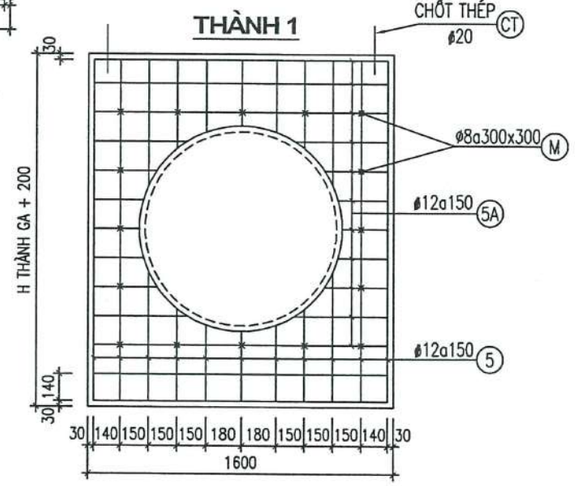
MẶT CẮT 1-1



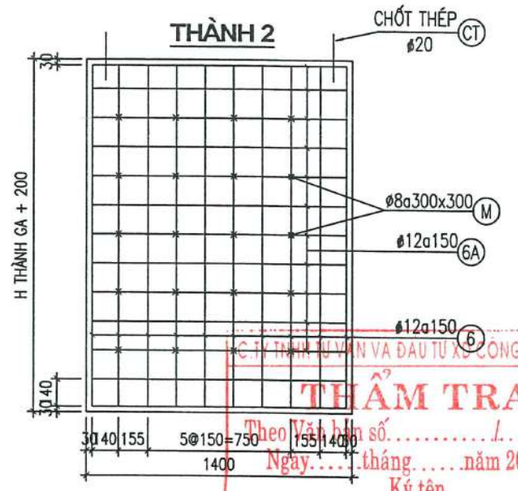
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 1

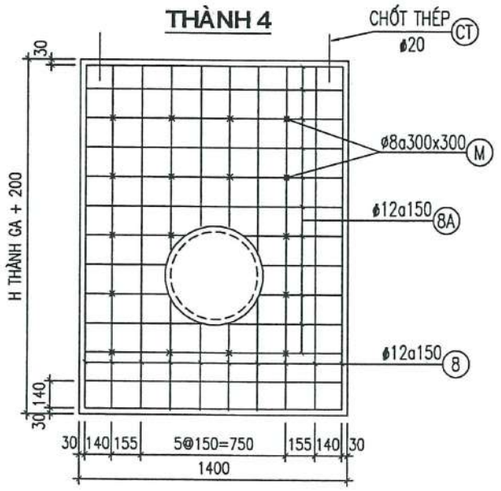


THÀNH 2

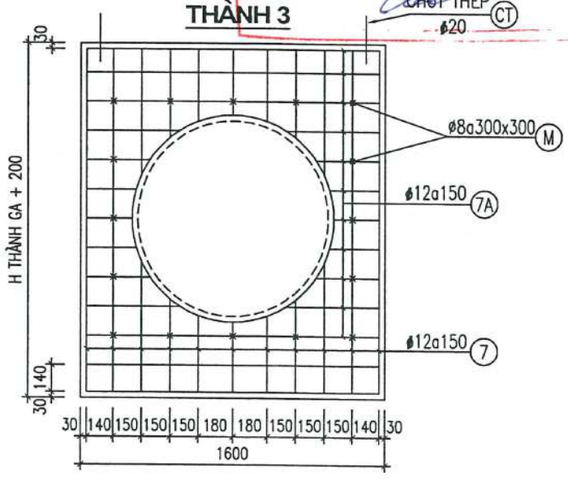


C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên

THÀNH 4



THÀNH 3



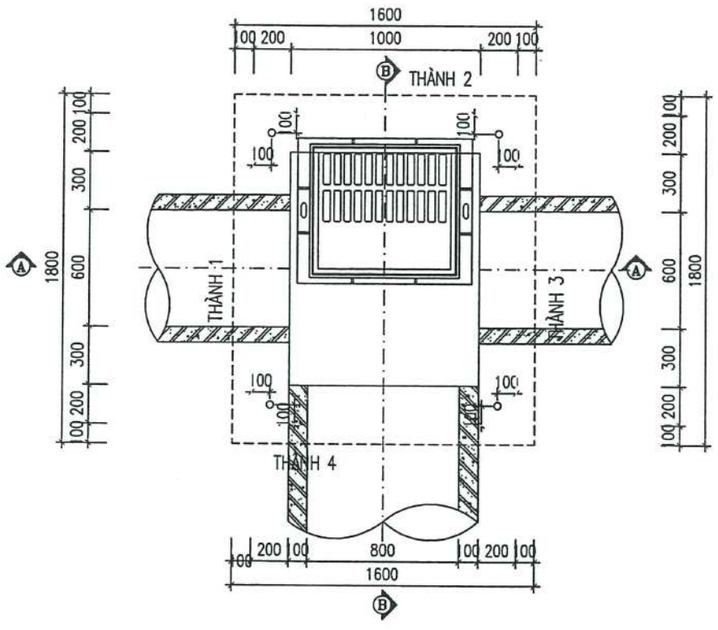
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* PP. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L3)

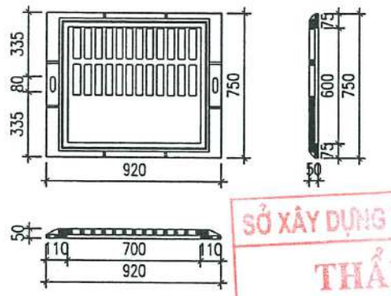
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(800X600X600)

MẶT BẰNG GA



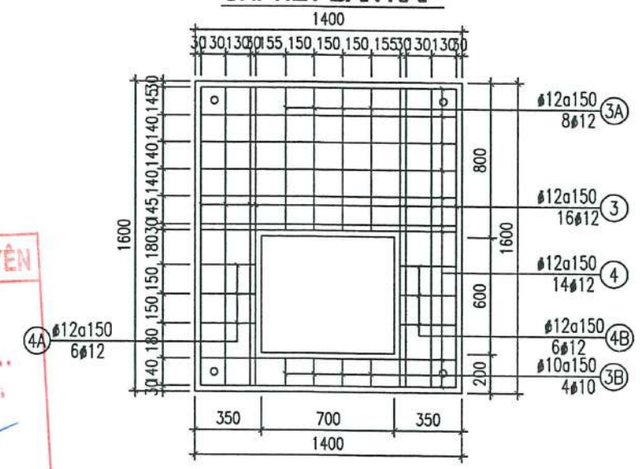
CHI TIẾT NẮP GA THU KẾT HỢP GA THĂM



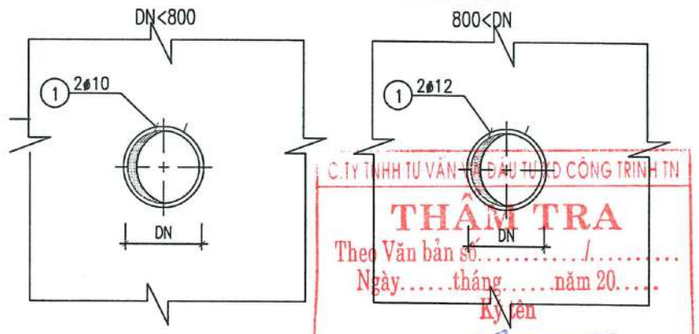
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

N
- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

CHI TIẾT BẢN NẮP

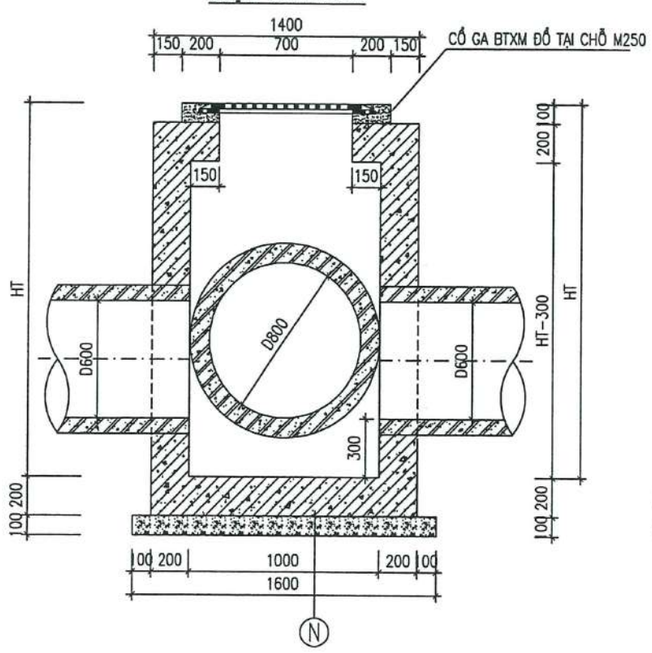


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

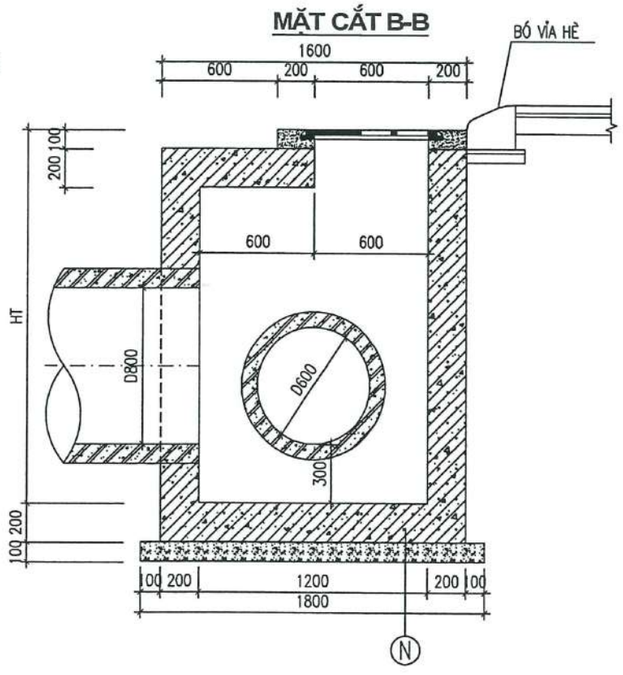


C.TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ Đ CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



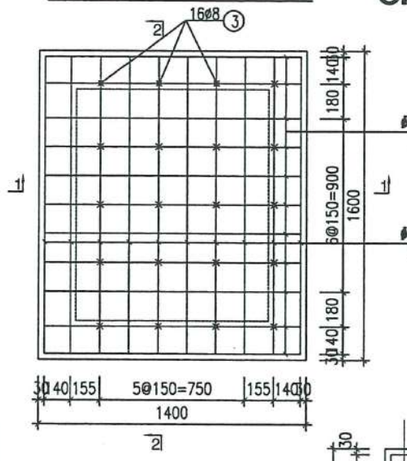
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025* Q. P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L4)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 | BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 07
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG			LẦN XUẤT BẢN: 01 | DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC			

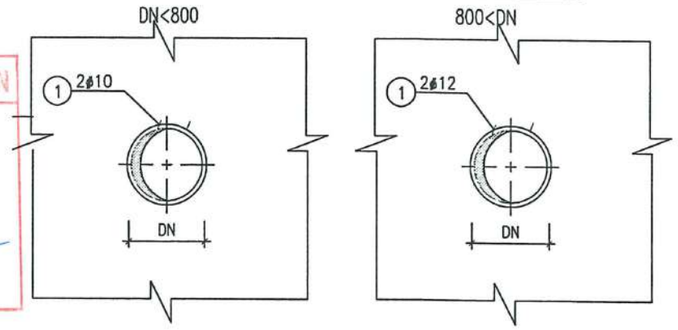
CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(800X600X600)

CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA

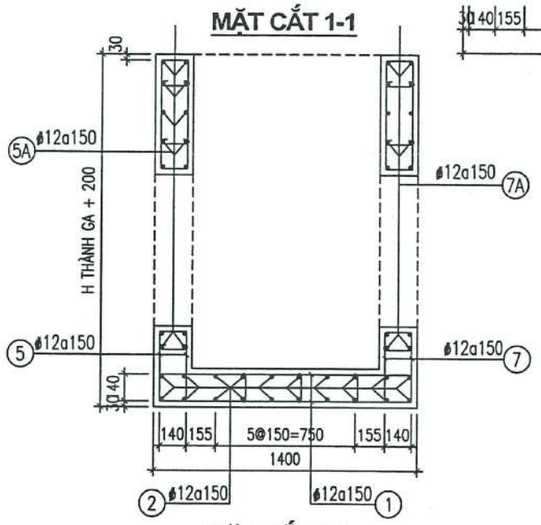


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

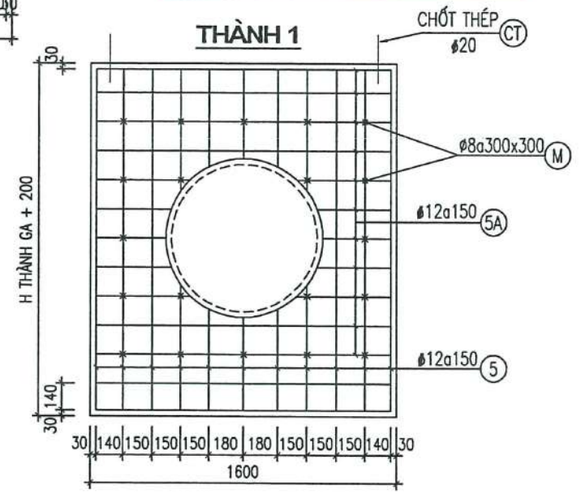
CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



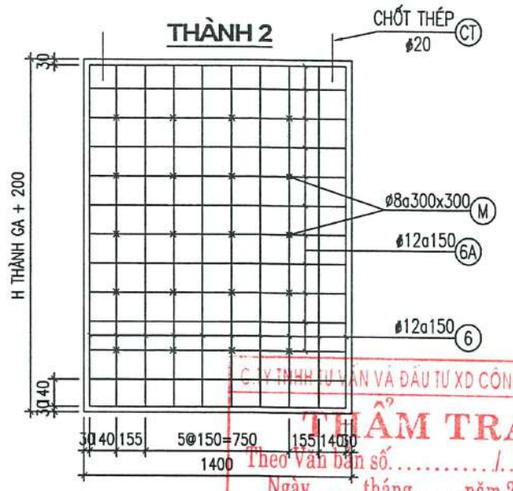
MẶT CẮT 1-1



THÀNH 1

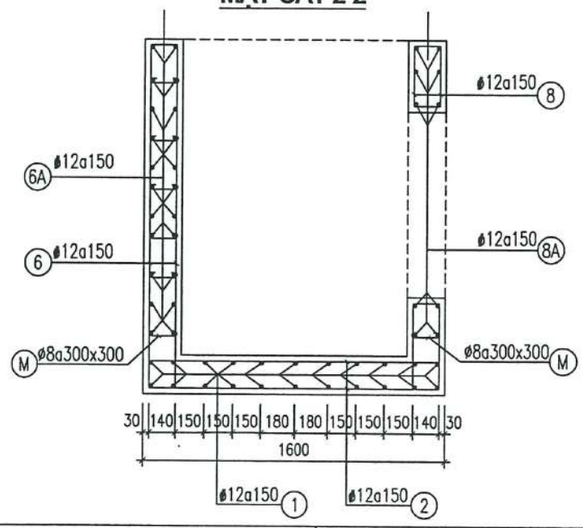


THÀNH 2

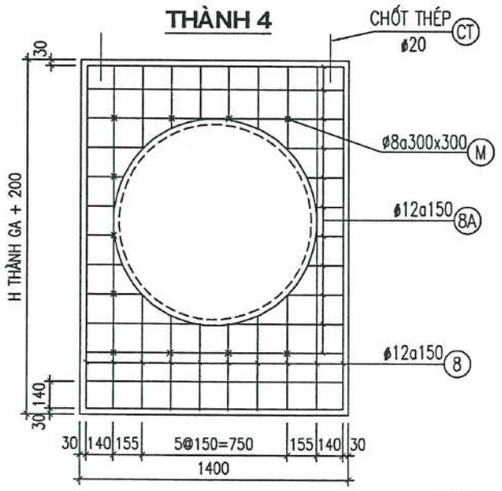


C.T.Y TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

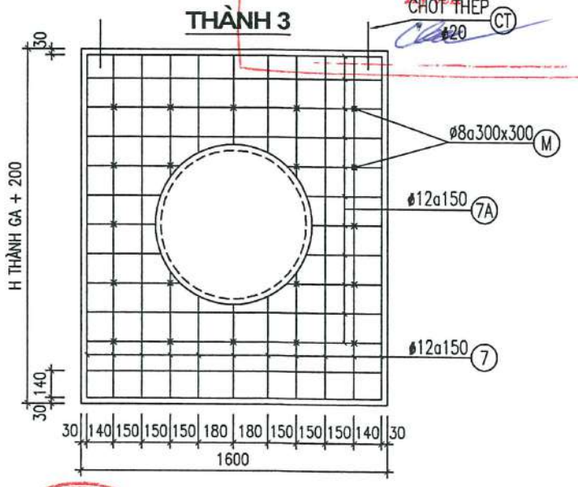
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

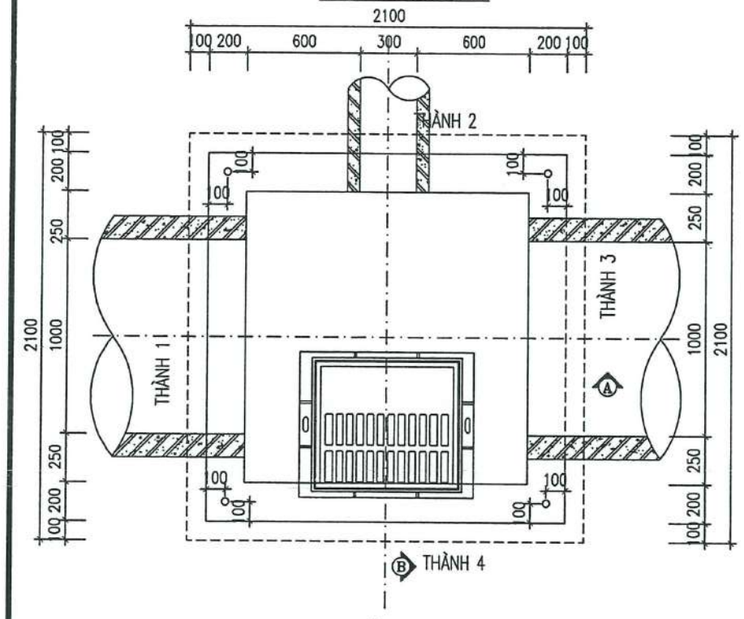
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D800 (L4)

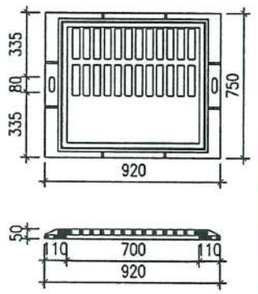
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 08
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(1000X1000X300)

MẶT BẰNG GA



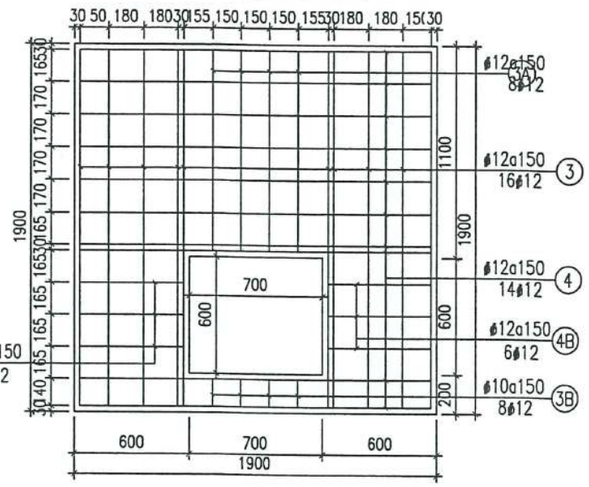
CHI TIẾT NẮP GA THU KẾT HỢP GA THĂM



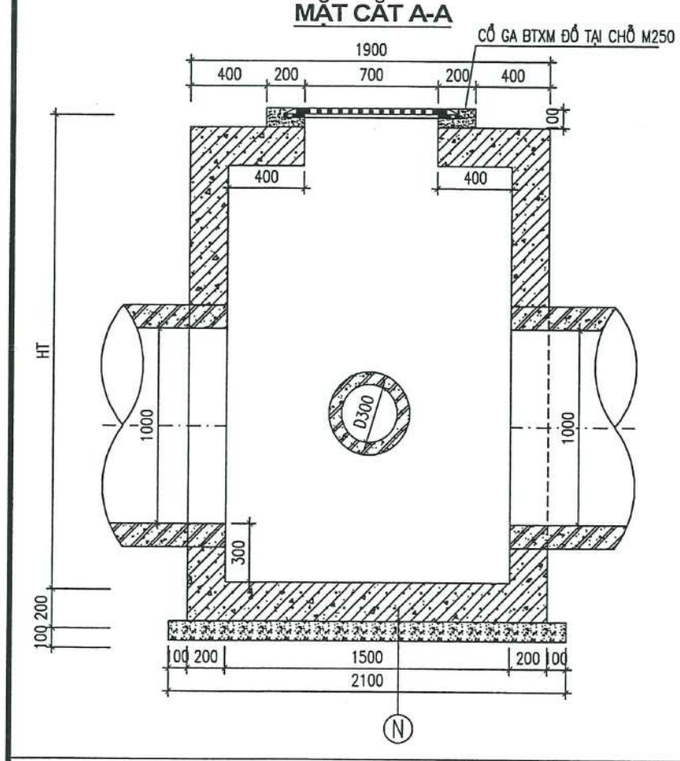
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

N
- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

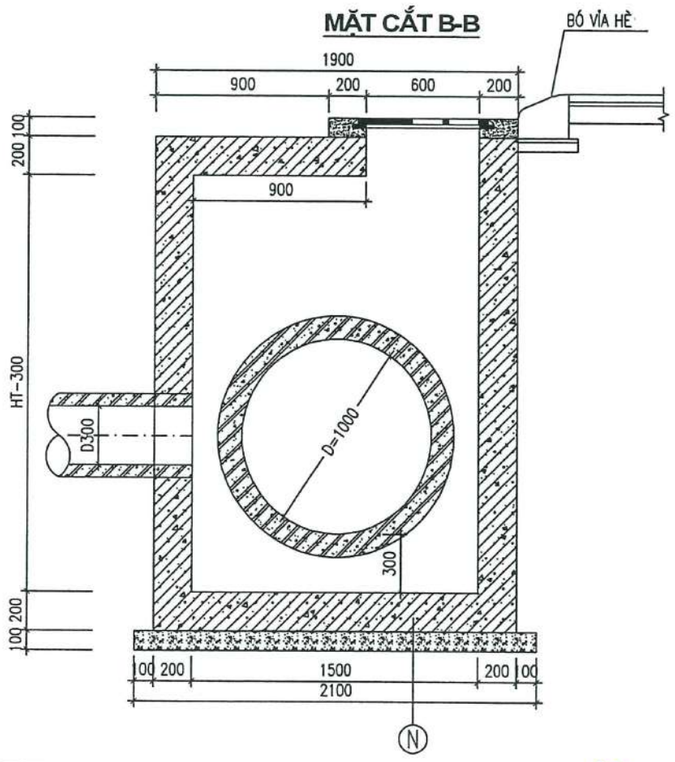
CHI TIẾT BẢN NẮP



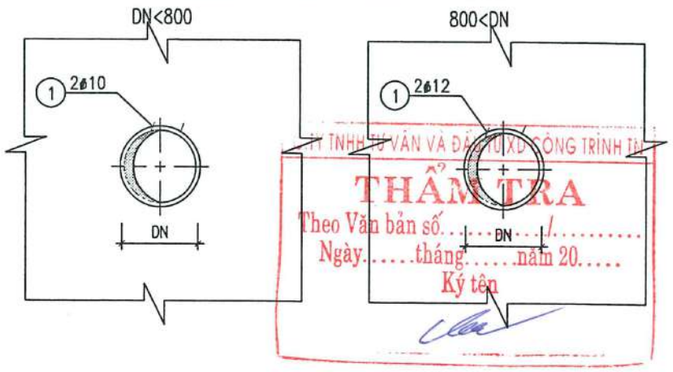
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

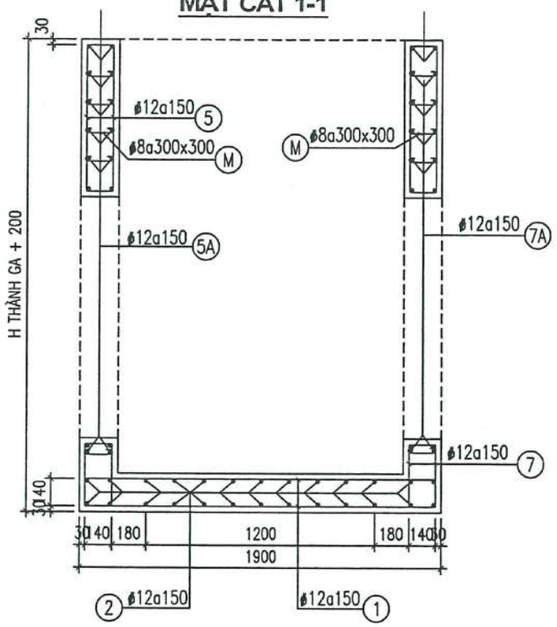
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

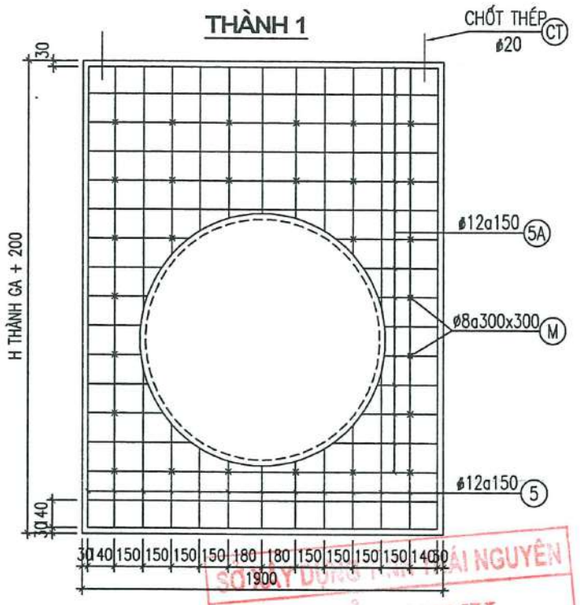
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L5)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 09
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D(1000X1000X300)

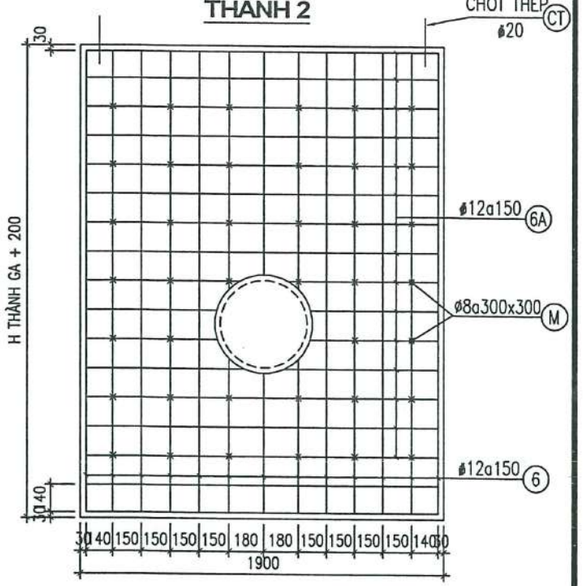
MẶT CẮT 1-1



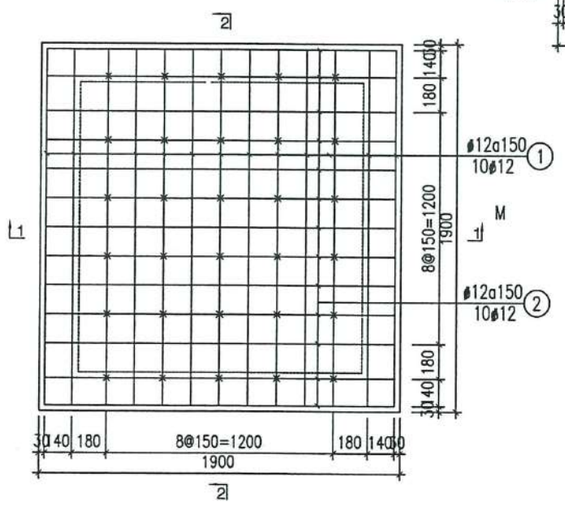
THÀNH 1



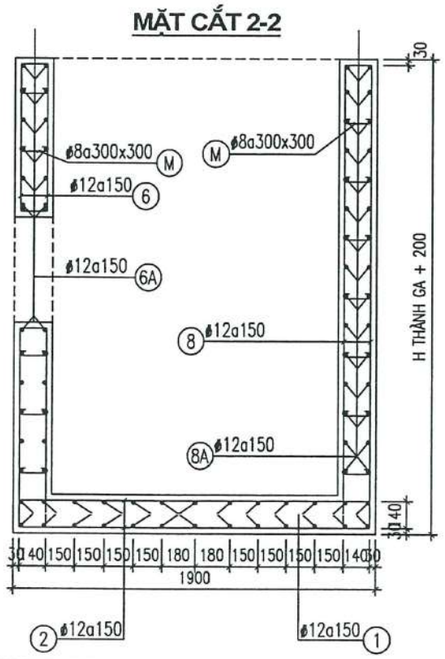
THÀNH 2



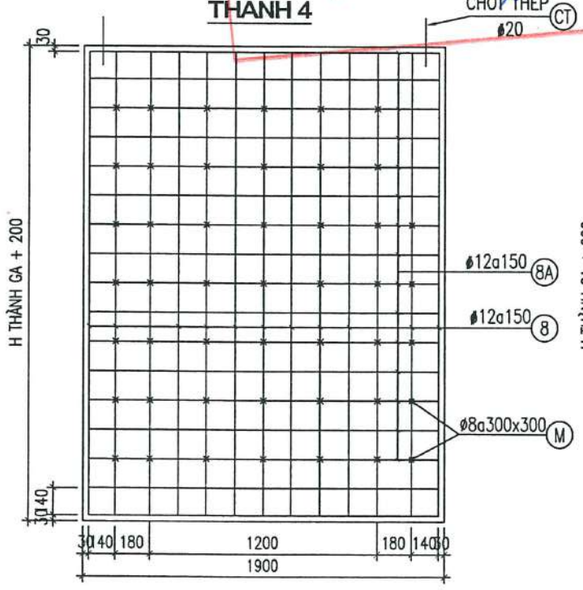
CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA



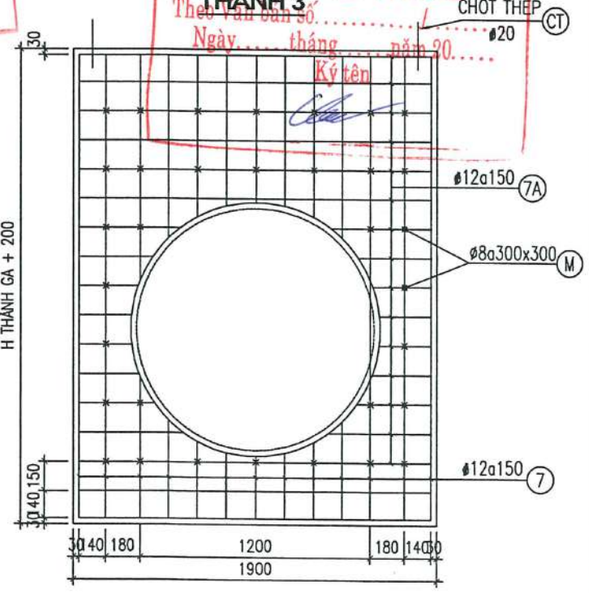
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: .....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên

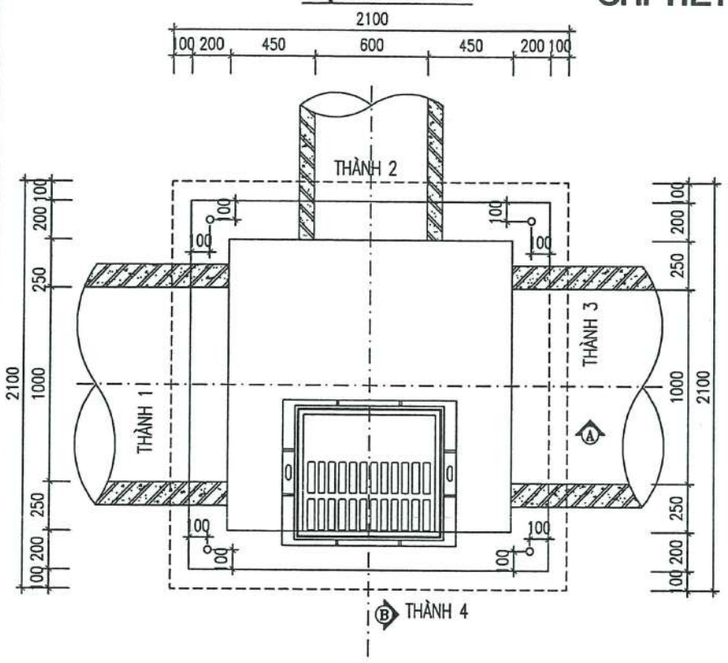
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P.TGIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L5)

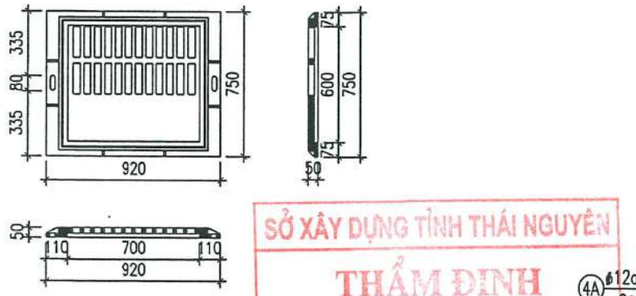
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 10
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D(1000X1000X600)

MẶT BẰNG GA

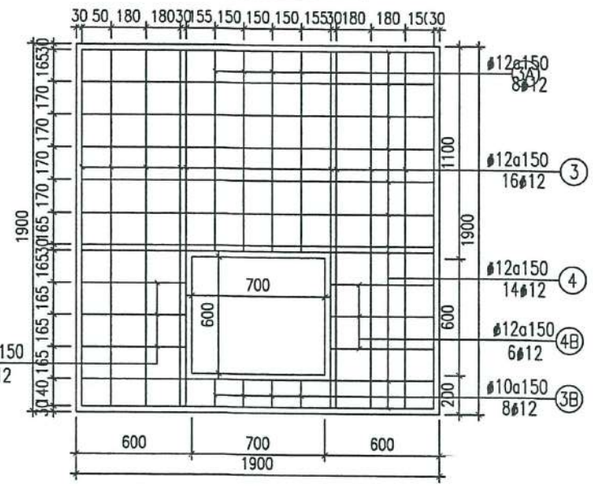


CHI TIẾT NẮP GA THU KẾT HỢP GA THĂM

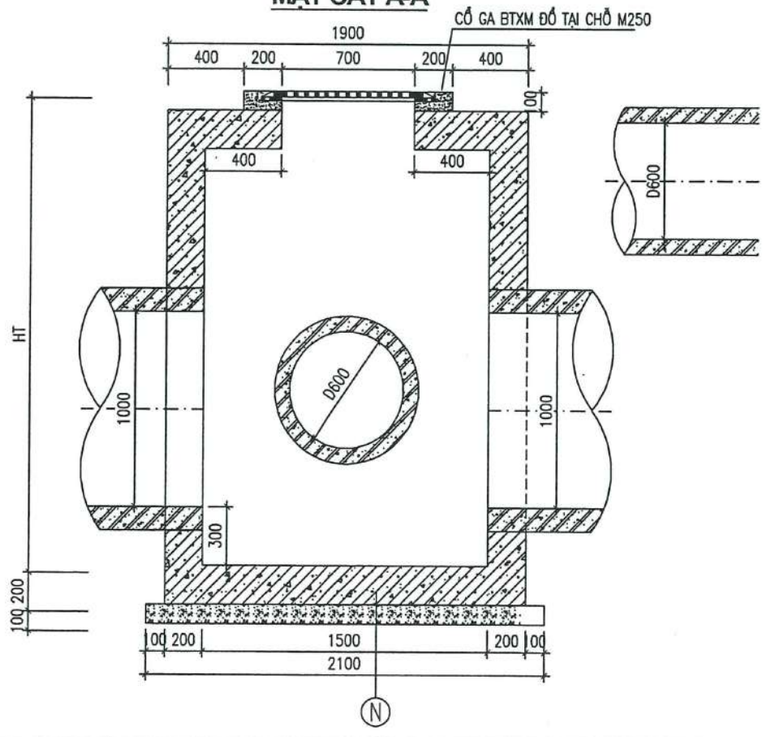


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

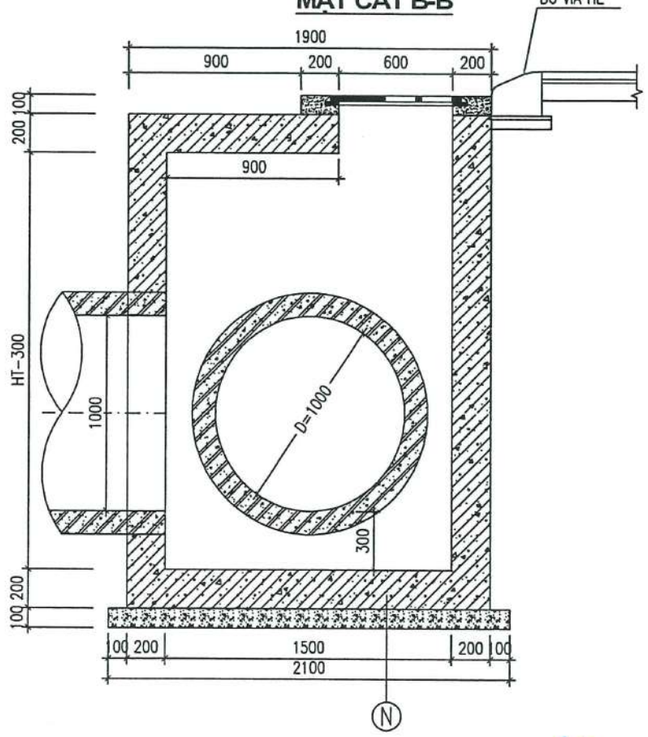
CHI TIẾT BẢN NẮP



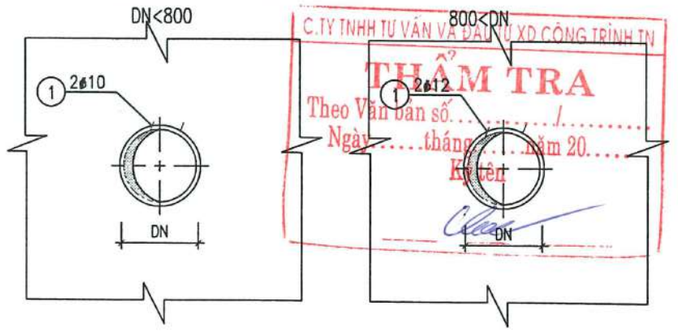
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

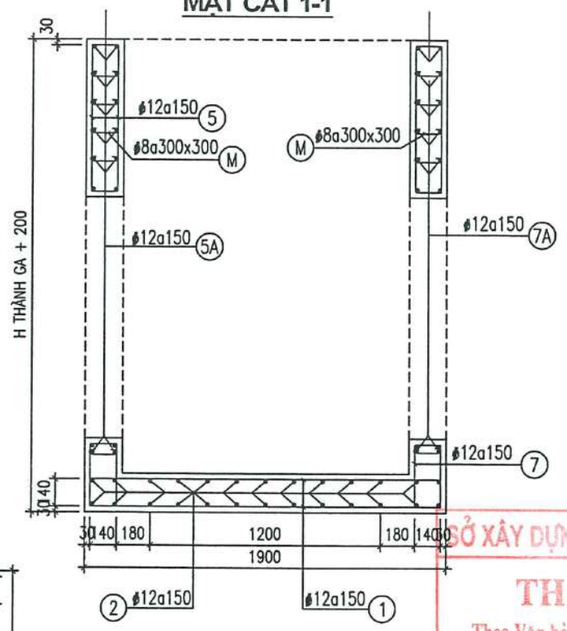
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

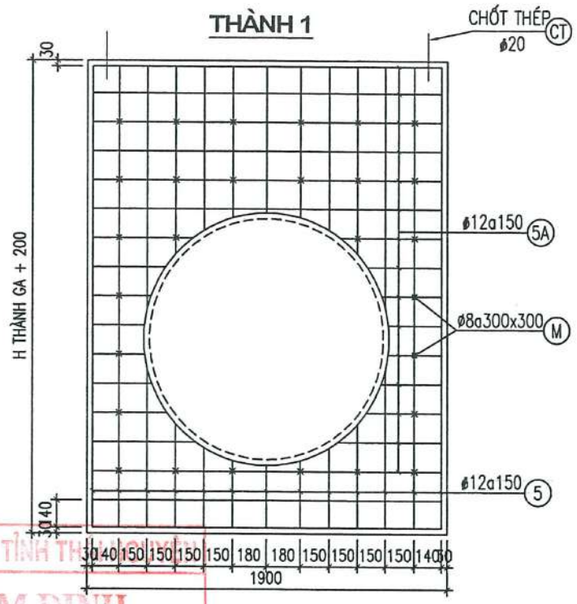
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L6)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 11
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D(1000X1000X600)

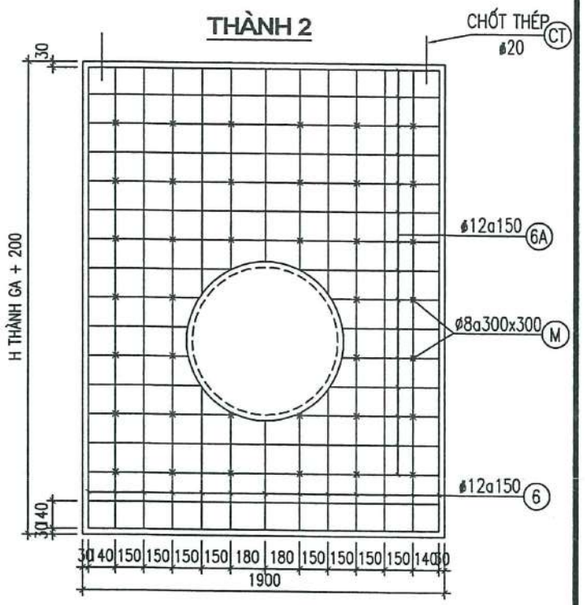
MẶT CẮT 1-1



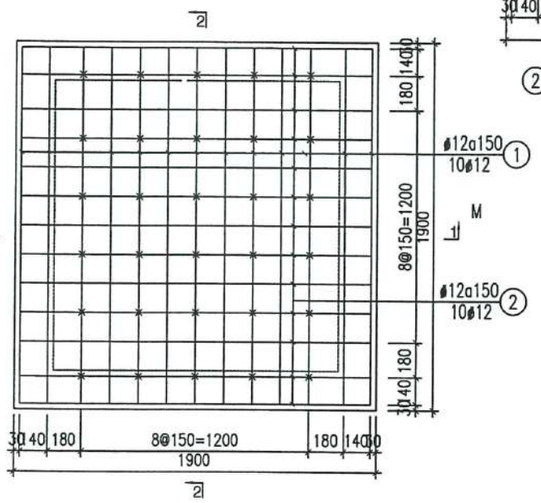
THÀNH 1



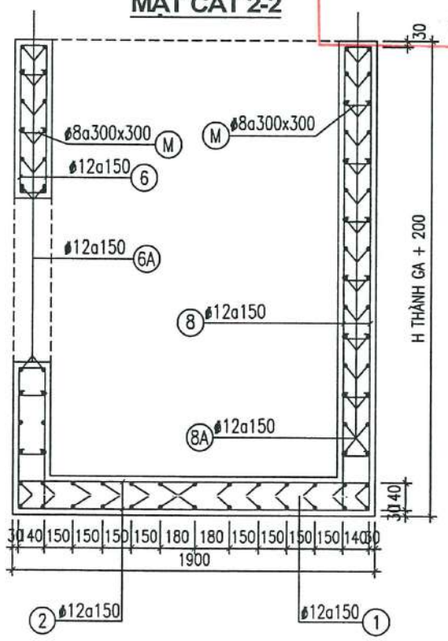
THÀNH 2



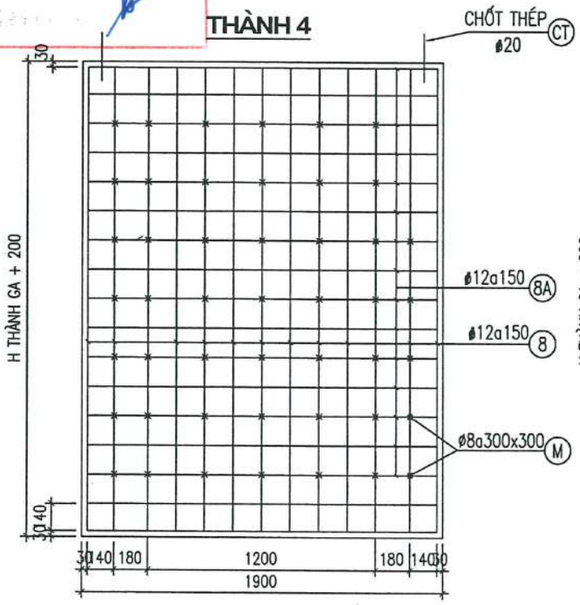
CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA



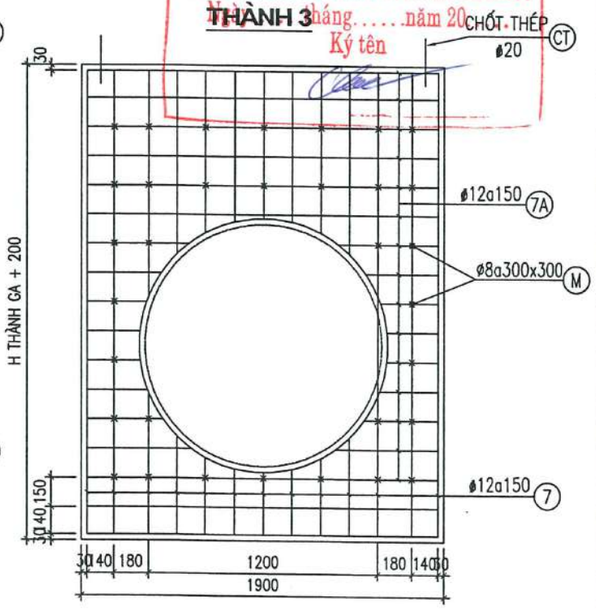
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

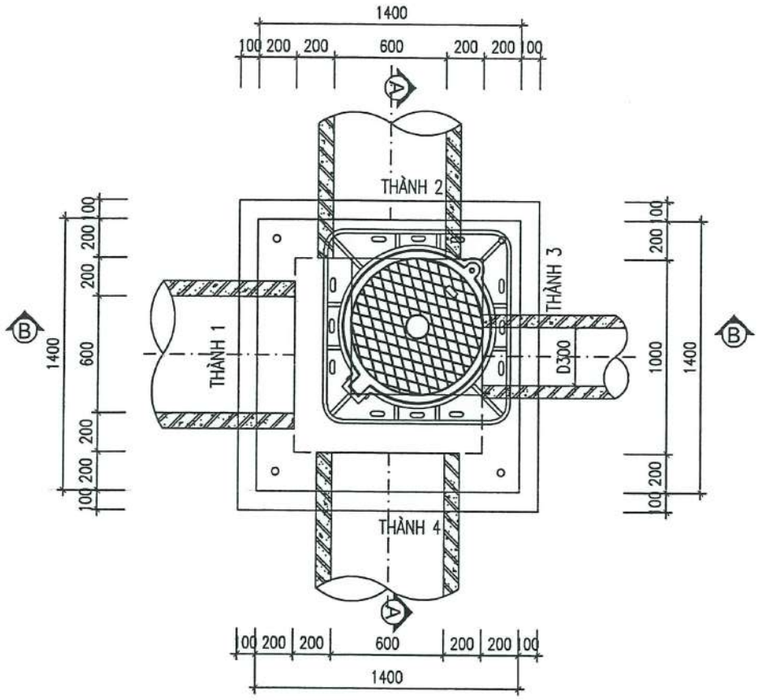
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU THĂM KẾT HỢP D1000 (L6)

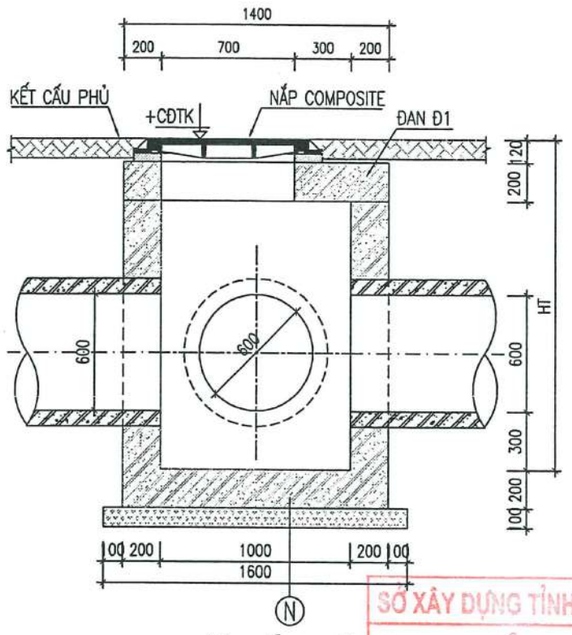
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THĂM D(600X600X600X300)

MẶT BẰNG
TỶ LỆ 1/30

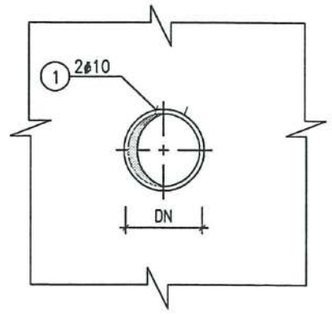


MẶT CẮT A-A
TỶ LỆ 1/30

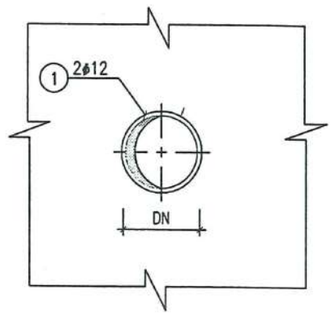


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

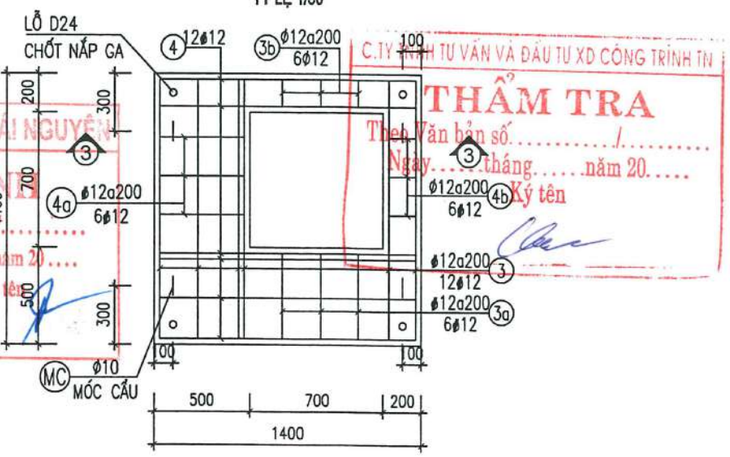
TỶ LỆ 1/30
DN<800



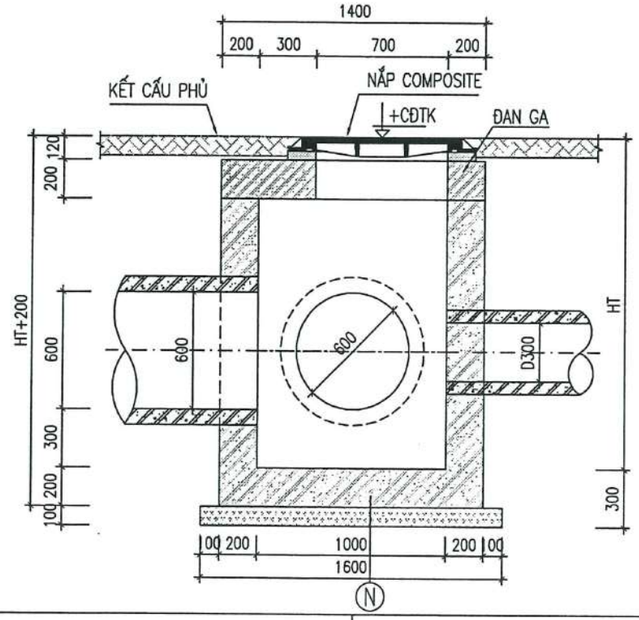
TỶ LỆ 1/30
800<DN



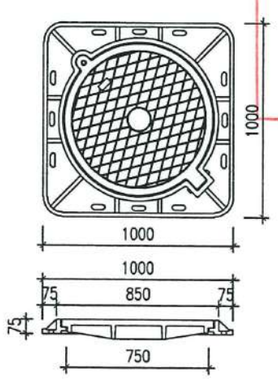
CỐT THÉP ĐAN GA
TỶ LỆ 1/30



MẶT CẮT B-B
TỶ LỆ 1/30



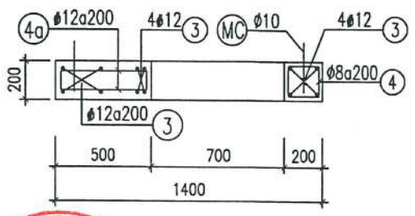
CHI TIẾT NẮP HỐ GA
TỶ LỆ 1/30



N

- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ 1/30



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

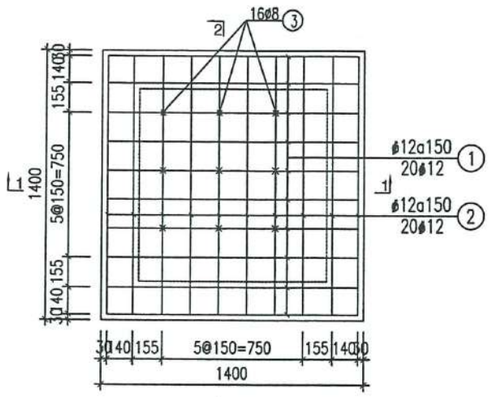
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT GA THĂM D600 (L7)

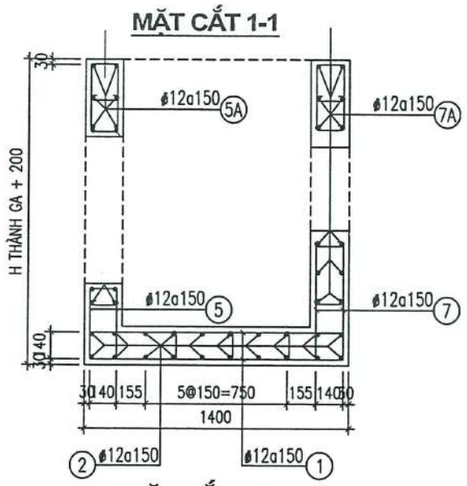
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 13
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D(600X600X600X300)

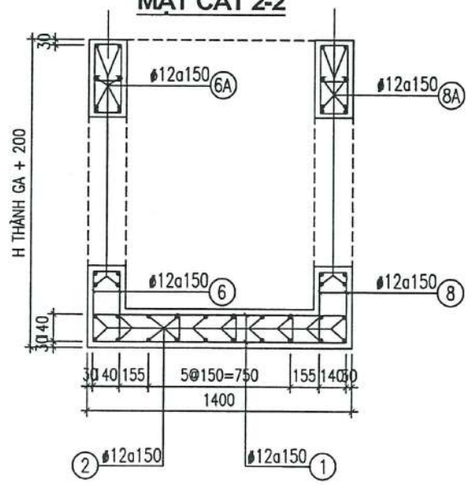
BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN ĐÁY



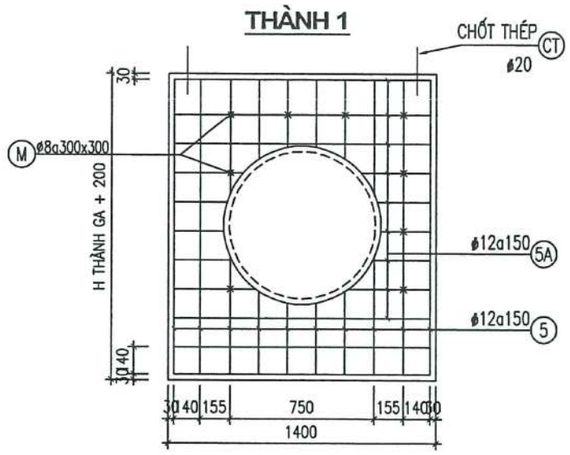
MẶT CẮT 1-1



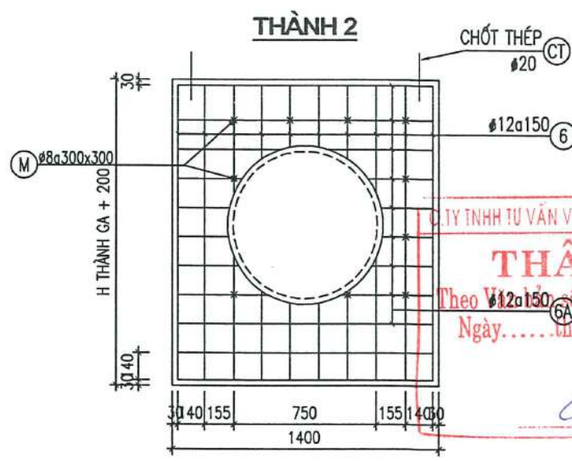
MẶT CẮT 2-2



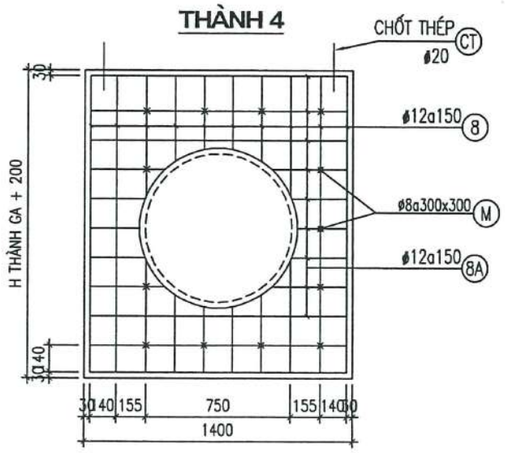
THÀNH 1



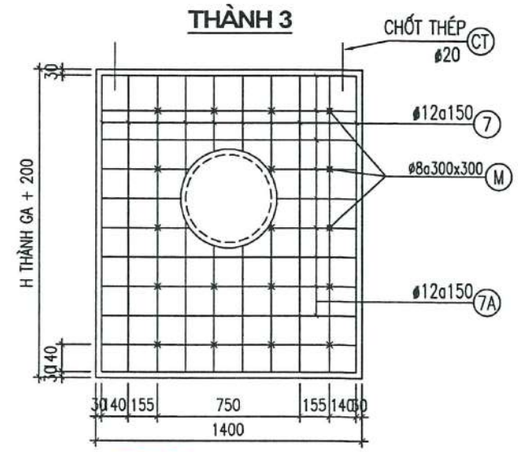
THÀNH 2



THÀNH 4



THÀNH 3



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC SẴN TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 2X4 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

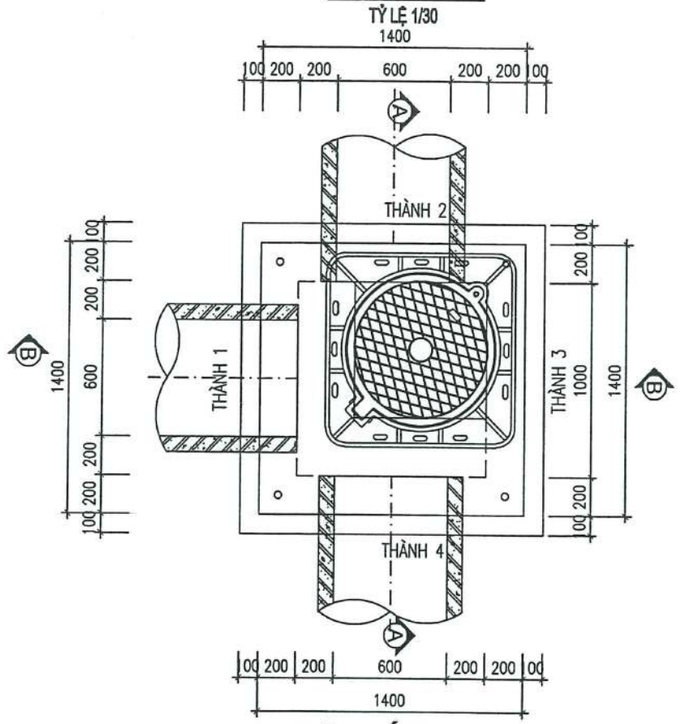
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D600 (L7)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 14
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THĂM D(600X600X600)

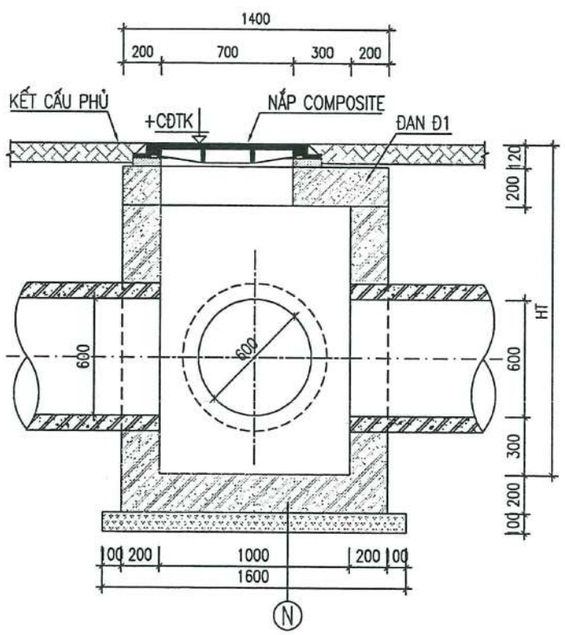
MẶT BẰNG

TỶ LỆ 1/30



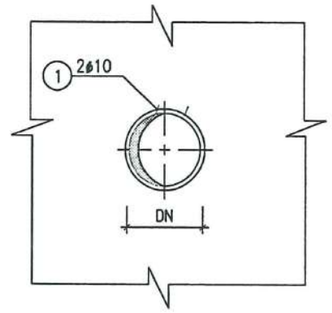
MẶT CẮT A-A

TỶ LỆ 1/30

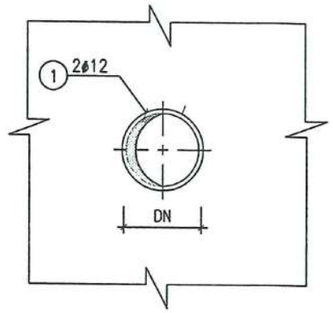


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

TỶ LỆ 1/30
DN<800

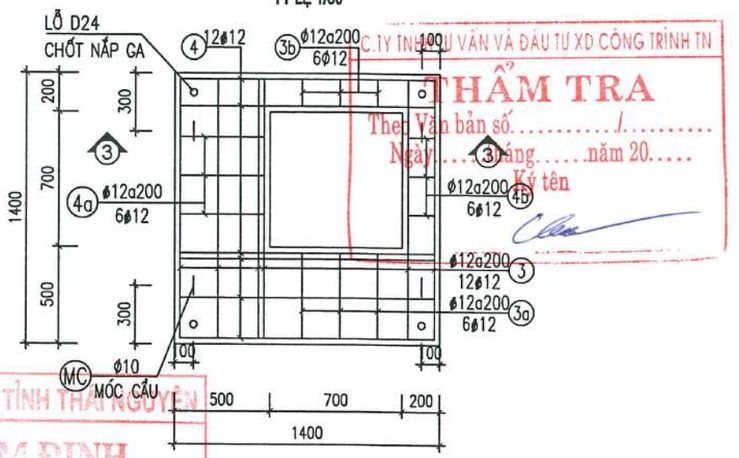


TỶ LỆ 1/30
800<DN



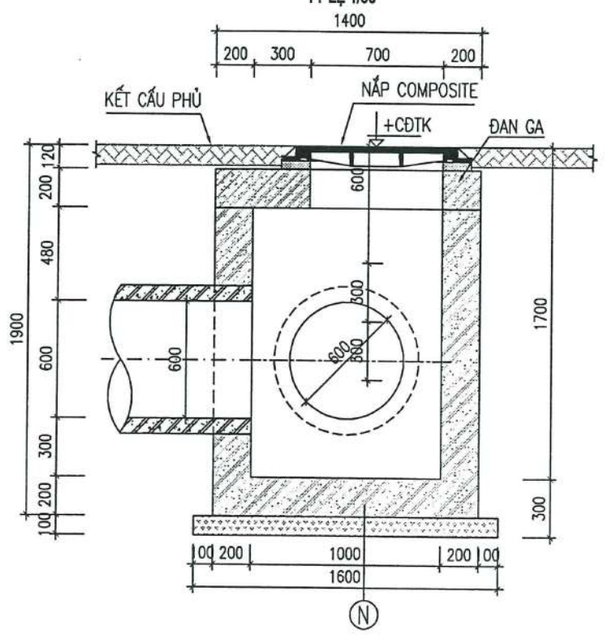
CỐT THÉP ĐAN GA

TỶ LỆ 1/30



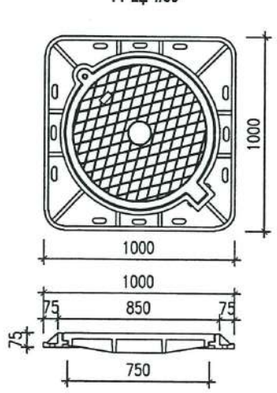
MẶT CẮT B-B

TỶ LỆ 1/30



CHI TIẾT NẮP HỐ GA

TỶ LỆ 1/30

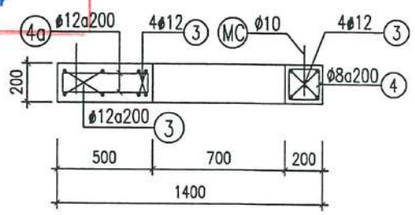


N

- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/30



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày...tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

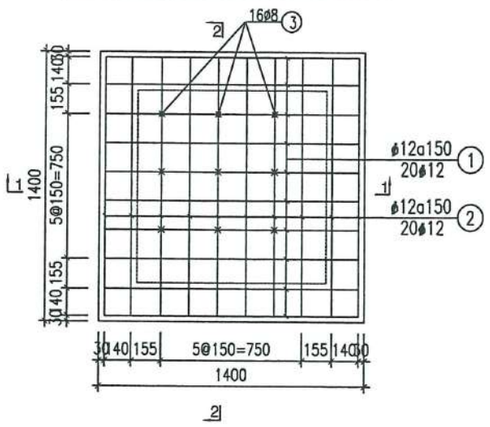
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT GA THĂM D600 (L8)

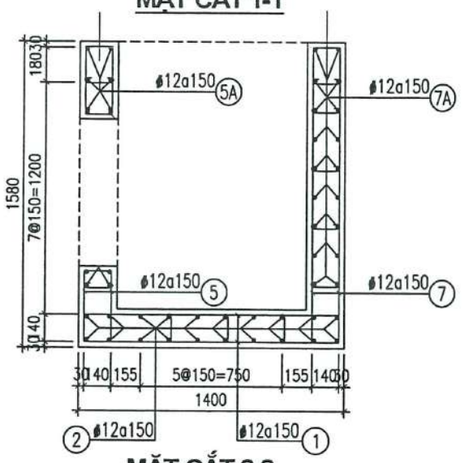
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D(600X600X600)

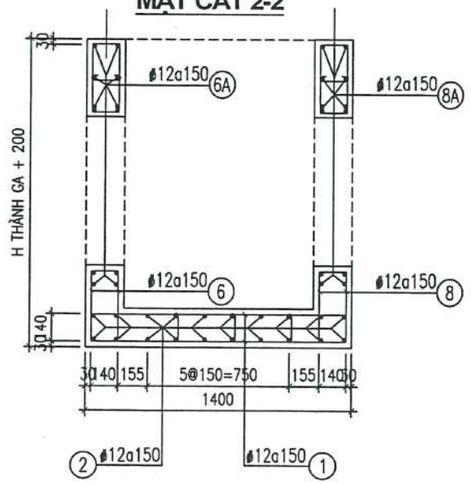
BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN ĐÁY



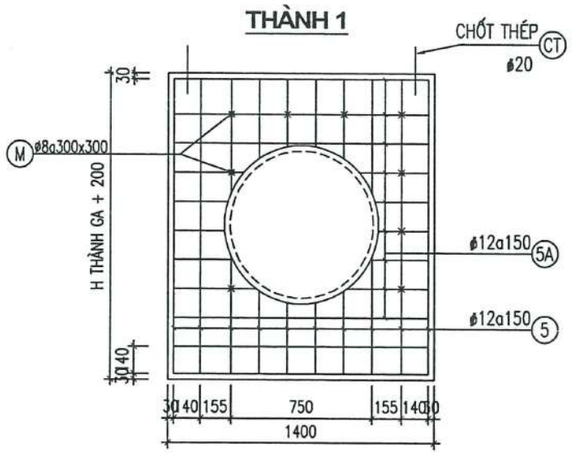
MẶT CẮT 1-1



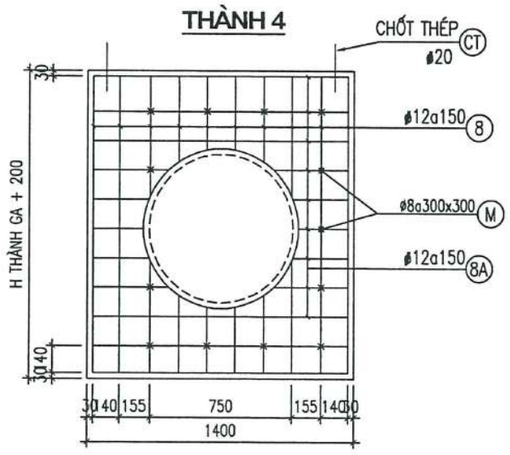
MẶT CẮT 2-2



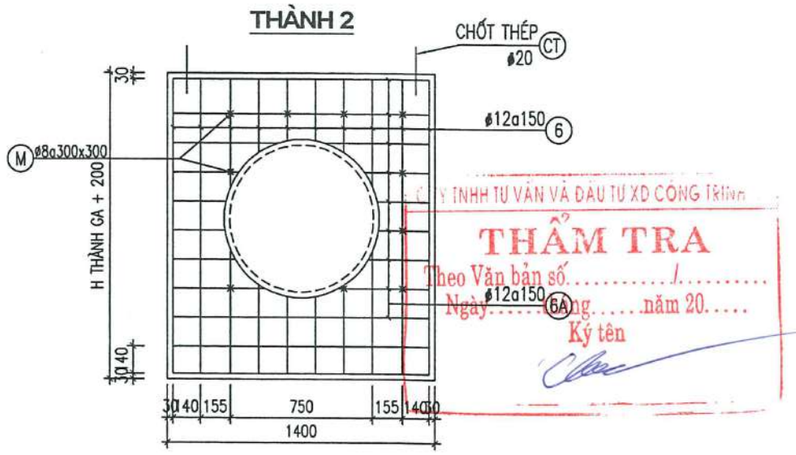
THÀNH 1



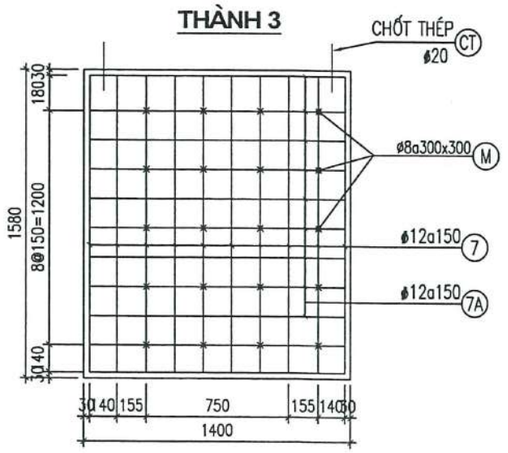
THÀNH 4



THÀNH 2



THÀNH 3



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC SẴN TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 2X4 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

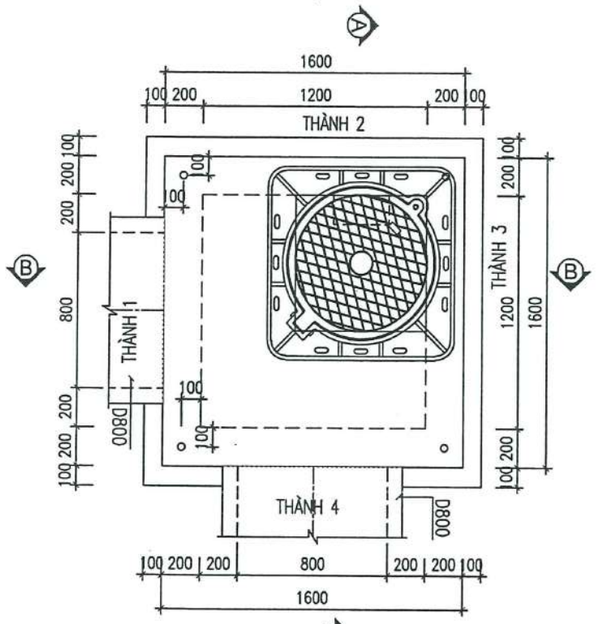
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên

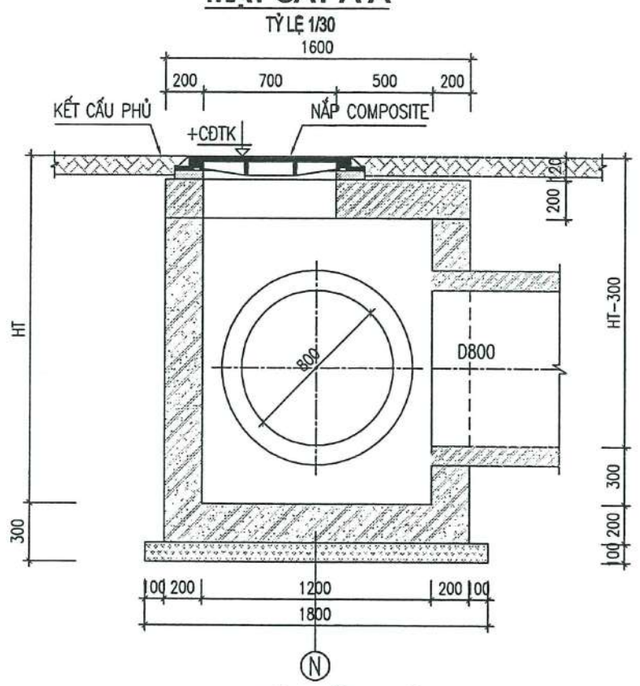
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D600 (L8)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 16
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THĂM D(800X800)

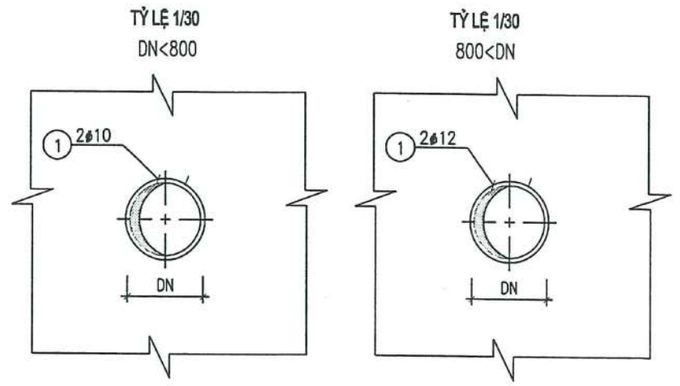
MẶT BẰNG
TỶ LỆ 1/30



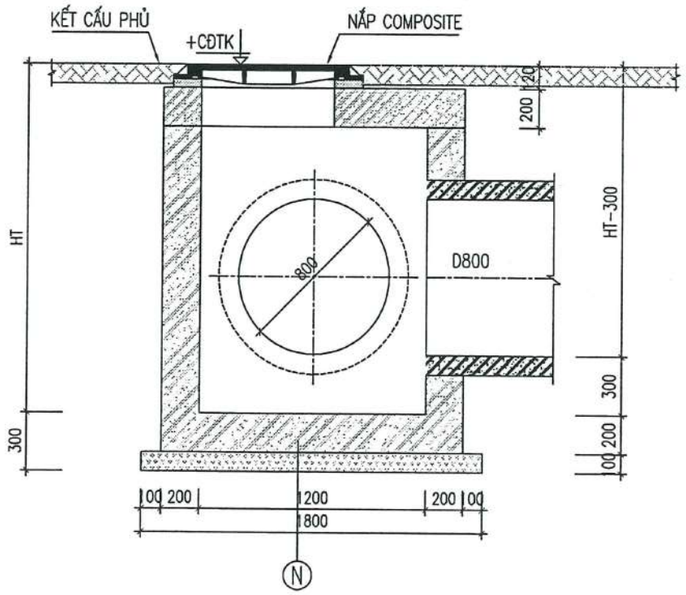
MẶT CẮT A-A
TỶ LỆ 1/30



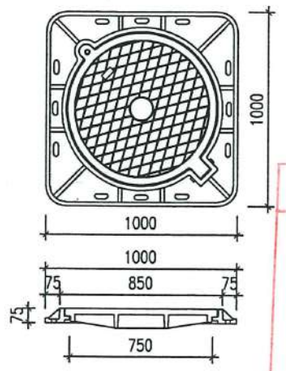
CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH



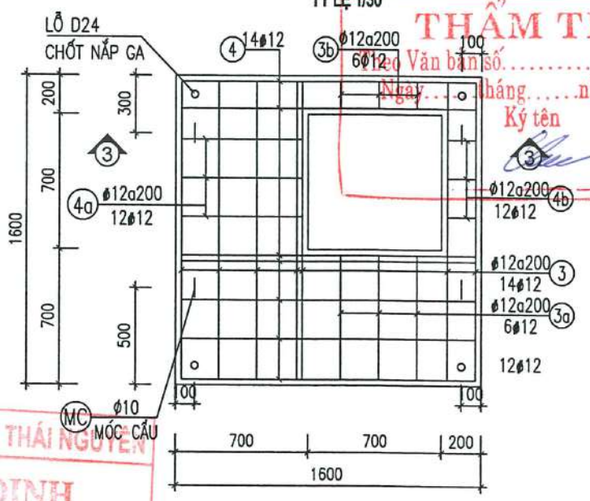
MẶT CẮT B-B
TỶ LỆ 1/30



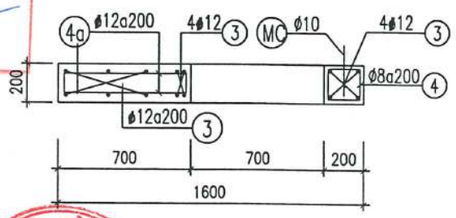
CHI TIẾT NẮP HỐ GA
TỶ LỆ 1/30



CỐT THÉP ĐAN GA
TỶ LỆ 1/30



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ 1/30



N

BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM

ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM

NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

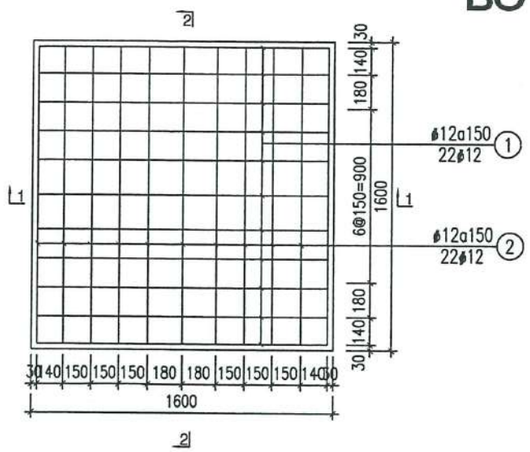
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT GA THĂM D800 (L9)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 17
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D(800X800)

BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN ĐÁY

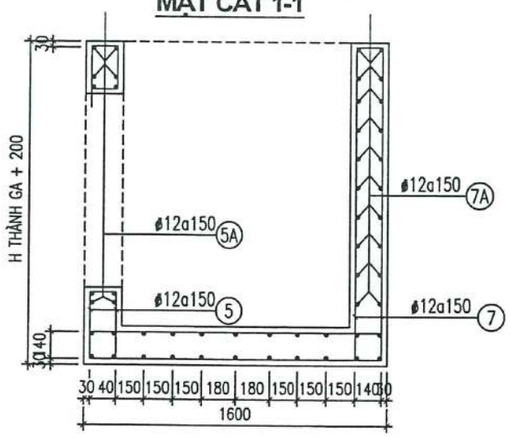


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

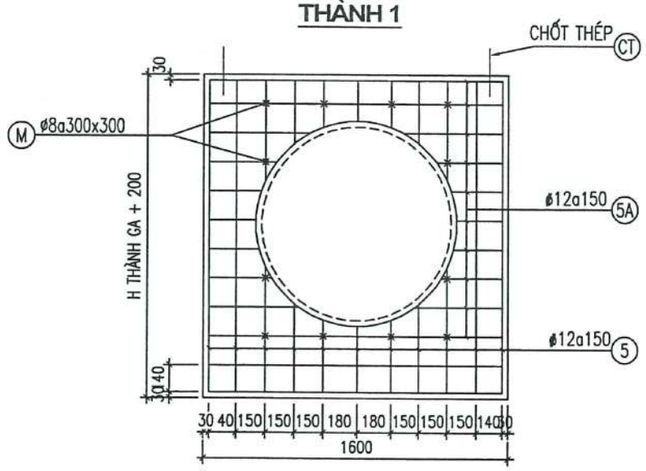
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC SẴN TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 2X4 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

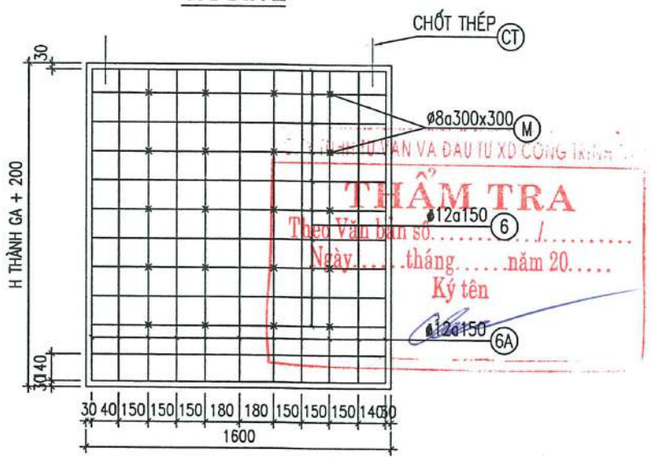
MẶT CẮT 1-1



THÀNH 1

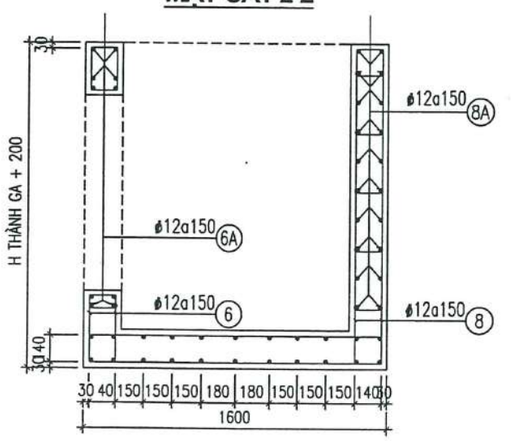


THÀNH 2

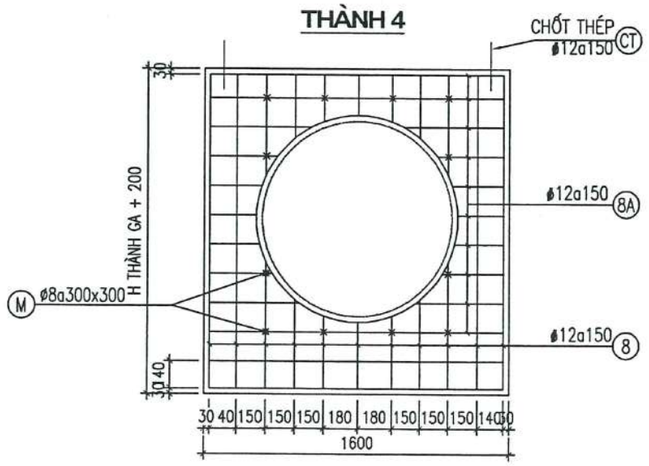


TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

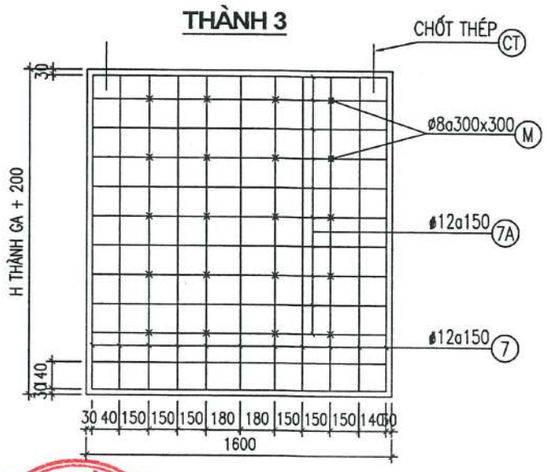
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

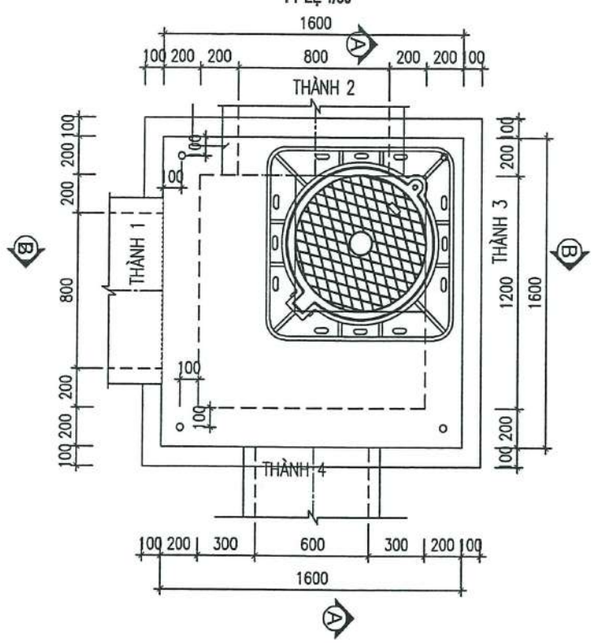
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D800 (L9)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 18
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THĂM D(800X800X600)

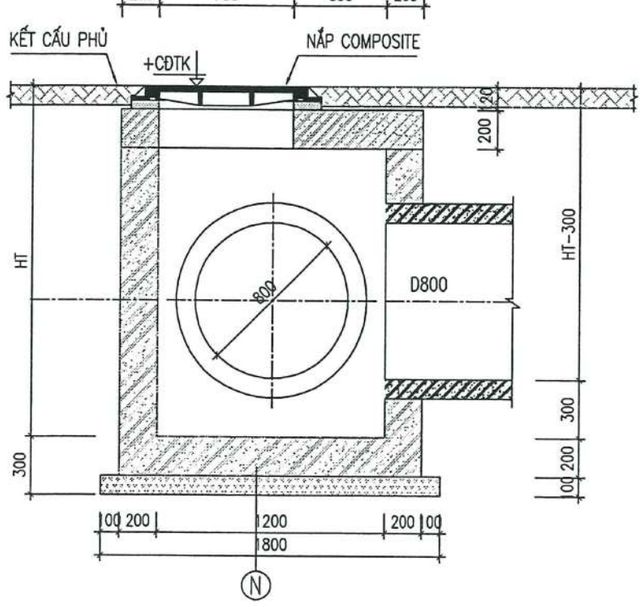
MẶT BẰNG

TỶ LỆ 1/30



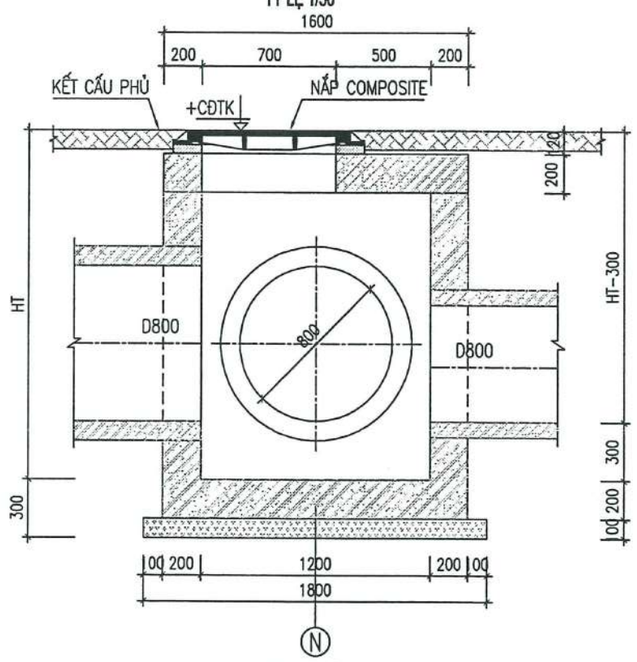
MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ 1/30



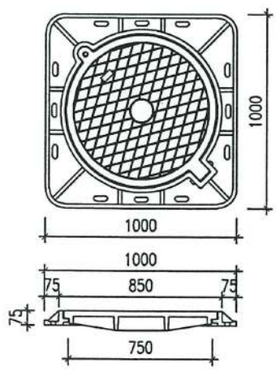
MẶT CẮT 2-2

TỶ LỆ 1/30



CHI TIẾT NẮP HỐ GA

TỶ LỆ 1/30

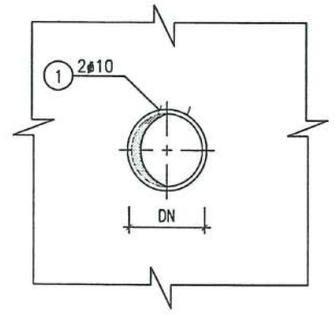


N

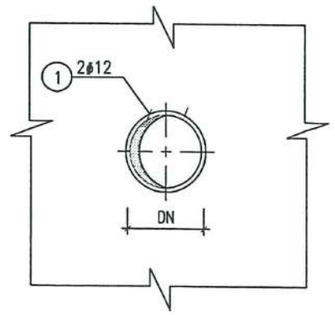
- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

TỶ LỆ 1/30
DN<800

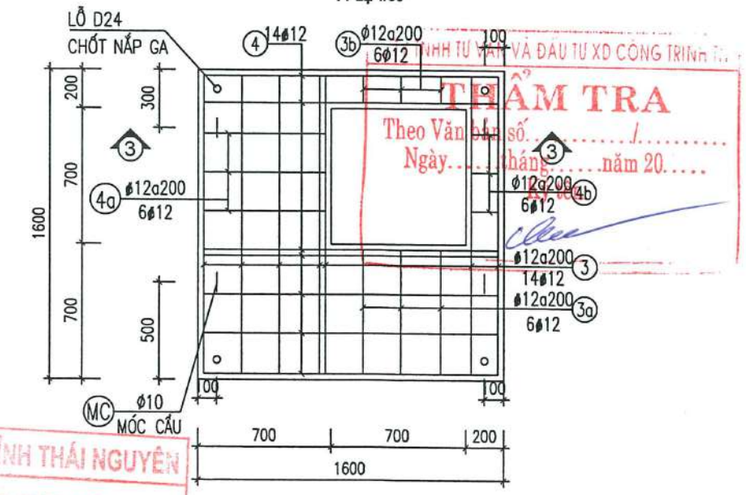


TỶ LỆ 1/30
800<DN



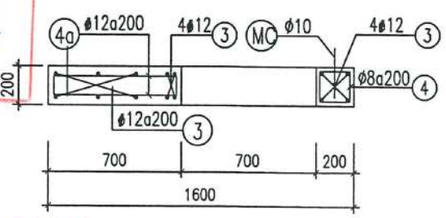
CỐT THÉP ĐAN GA

TỶ LỆ 1/30



MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/30



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

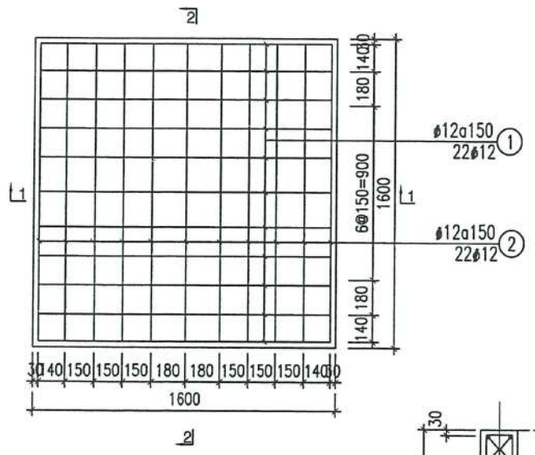
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA

CHI TIẾT GA THĂM D800 (L10)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 19
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D(800X800X600)

BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN ĐÁY

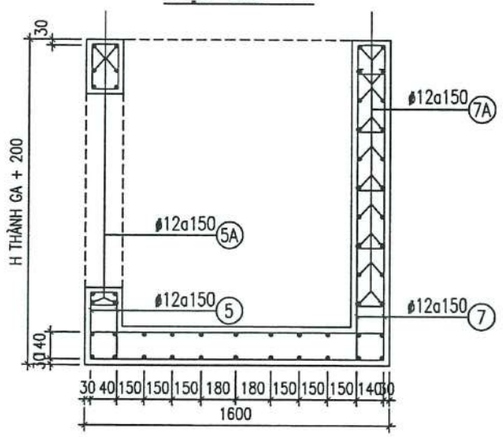


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

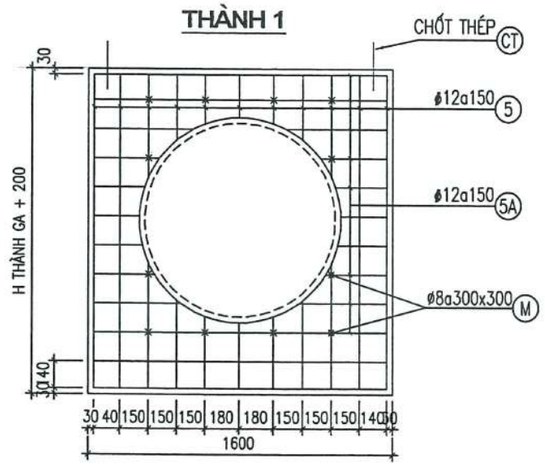
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC SẴN TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 2X4 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

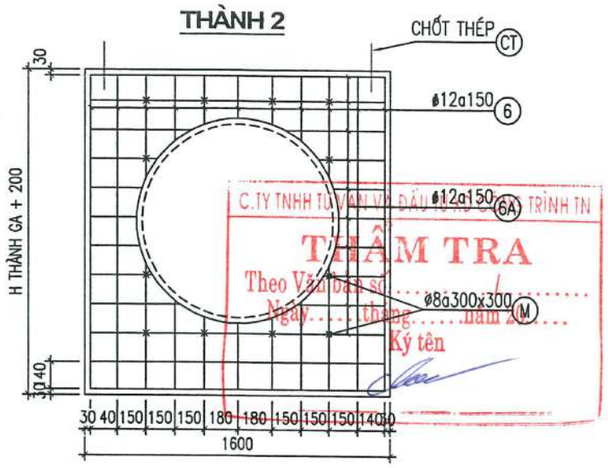
MẶT CẮT 1-1



THÀNH 1

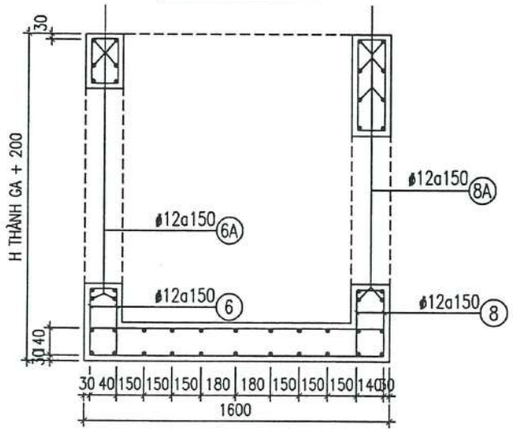


THÀNH 2

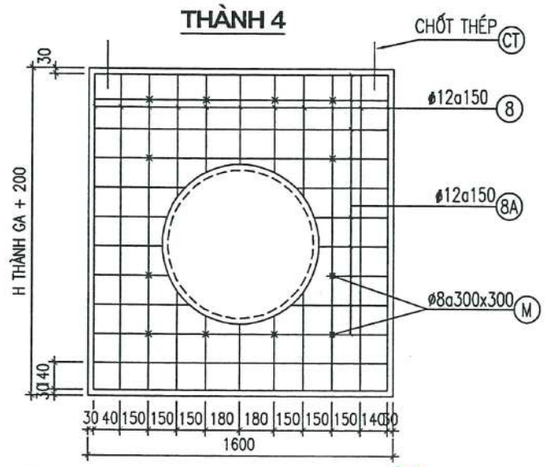


C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 2025
Ký tên

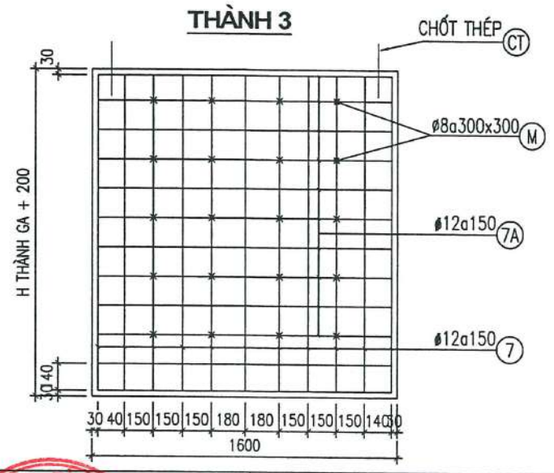
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



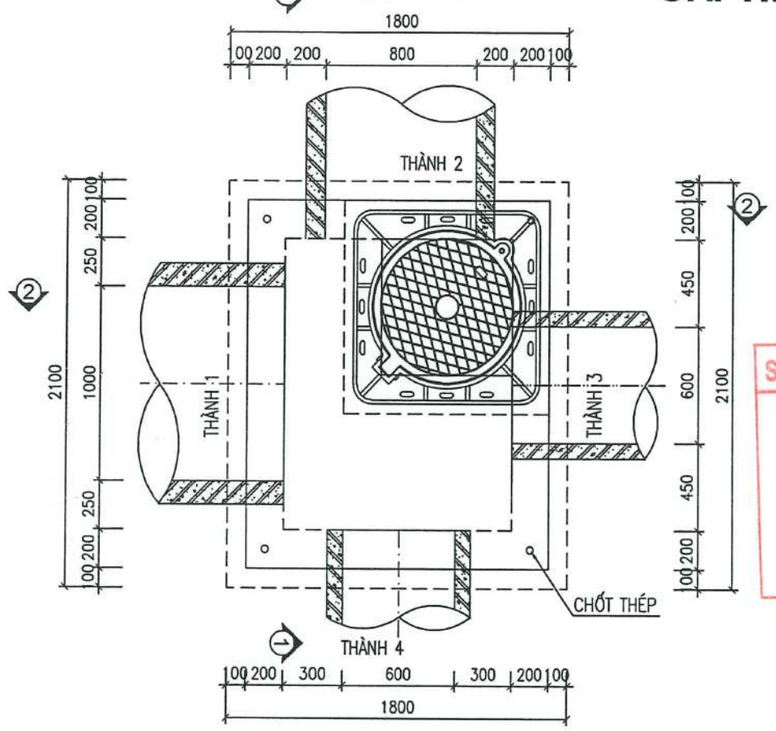
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D800 (L10)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 20
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

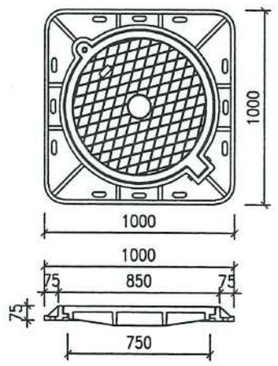
CHI TIẾT GA THĂM D(1000X800X600X600)

MẶT BẰNG



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHI TIẾT NẮP HỐ GA COMPOSITE

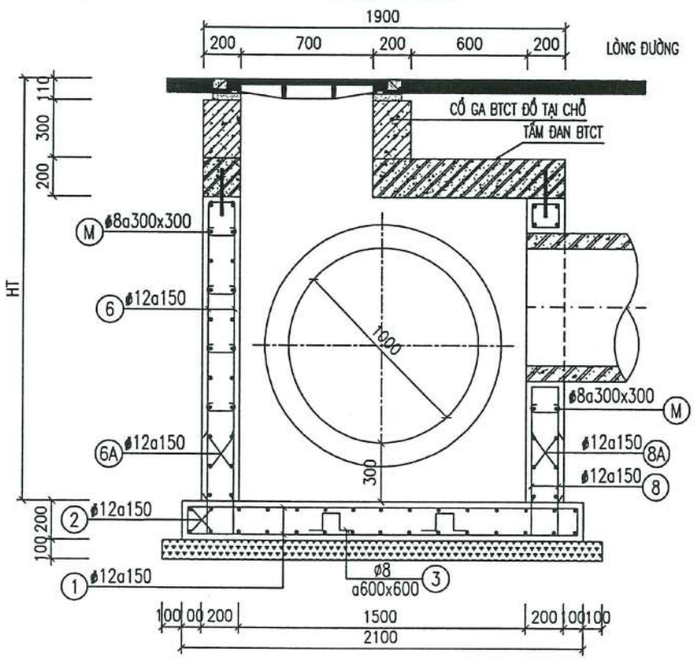


GHI CHÚ

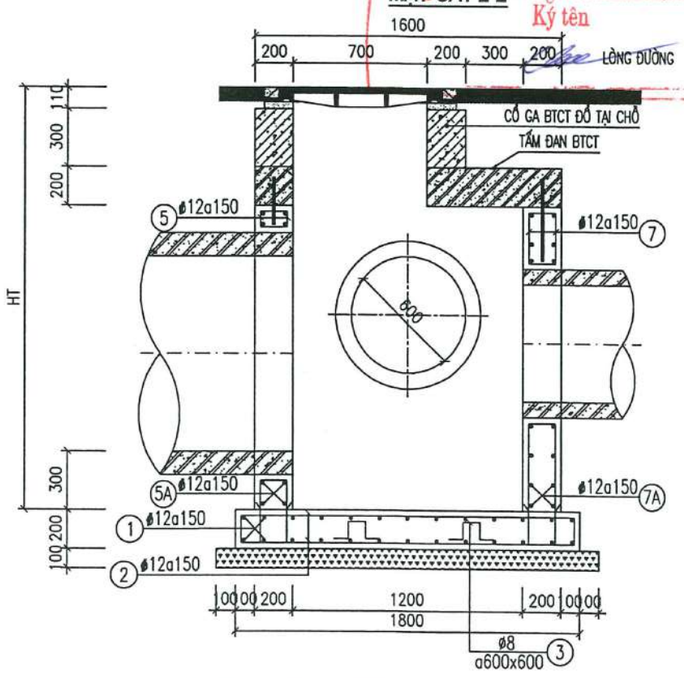
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG GA M100 ĐÁ 1X2 DÀY 100MM
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- NẮP GA BẰNG COMPOSITE TẢI TRỌNG CẤP ĐỘ BỀN C
- CỐT THÉP NHÓM CI VỚI D<10MM, CII VỚI D>=10MM
- KHỐI LƯỢNG CỐNG ĐƯỢC THỐNG KÊ TRONG MỤC RIÊNG
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
tháng.....năm 20.....
Ký tên

MẶT CẮT 1-1



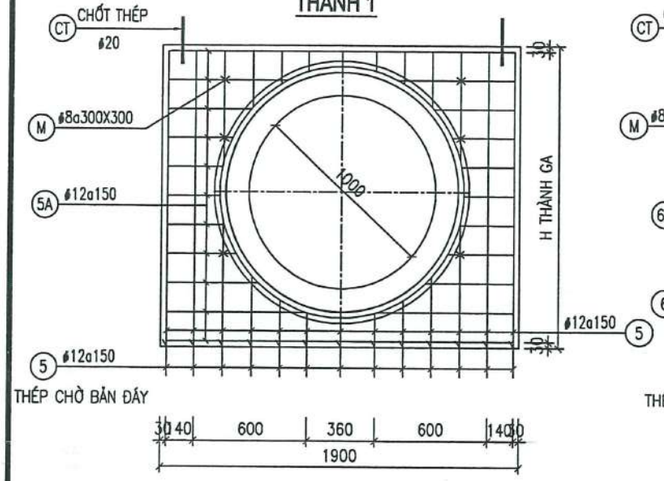
MẶT CẮT 2-2



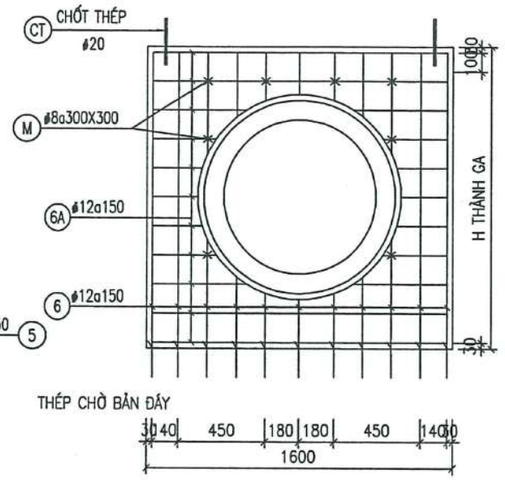
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THĂM D1000 (L11)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG			
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 — BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 21
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC			LẦN XUẤT BẢN: 01 — DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D(1000X800X600X600)

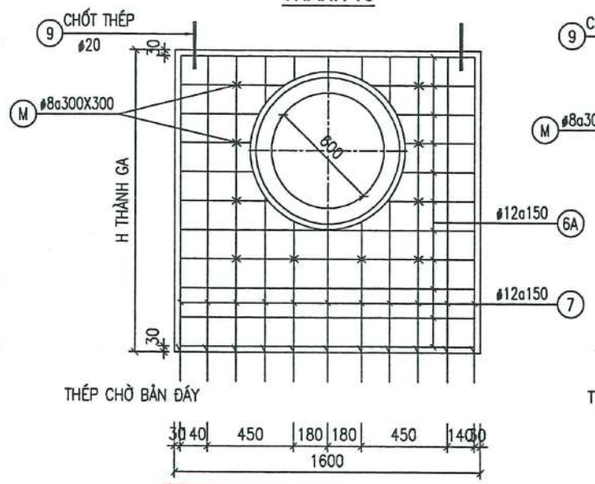
THÀNH 1



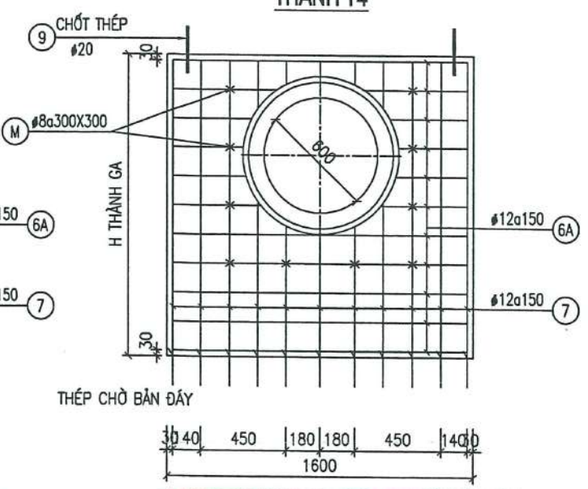
THÀNH 2



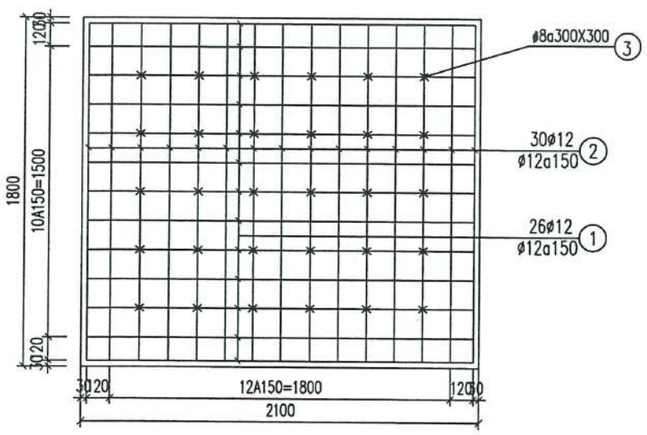
THÀNH T3



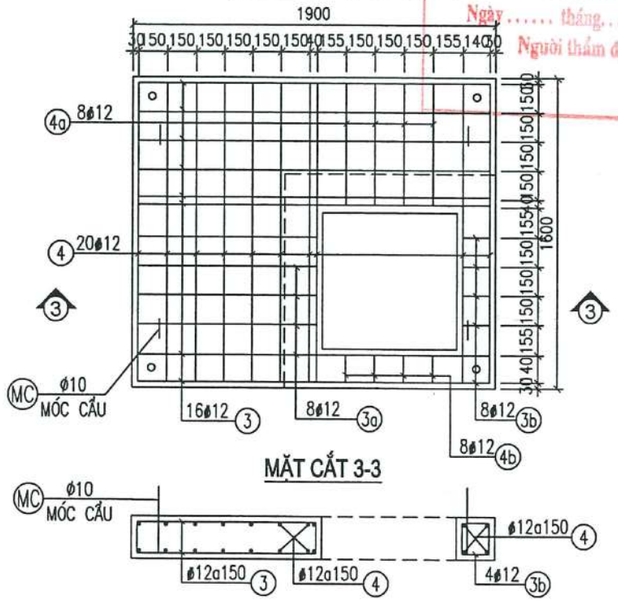
THÀNH T4



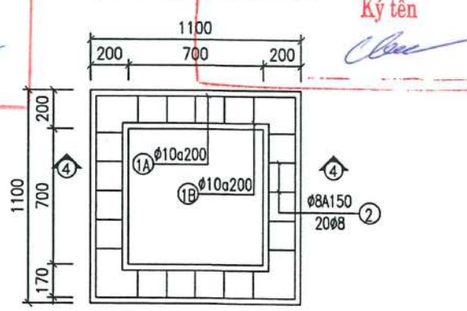
CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA



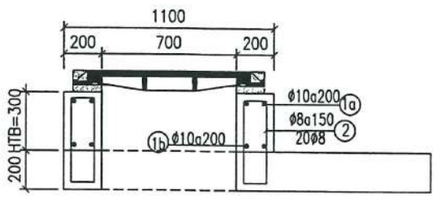
CỐT THÉP TẤM ĐAN GA



MB CỐT THÉP CỔ GA



MC 4-4



GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.
- CỐT THÉP NHÓM CI VỚI D<10MM, CII VỚI D>=10MM
- ĐỂ THU NƯỚC TRIỆT ĐỂ, KẾT HỢP VỚI ĐAN RÃNH THU NƯỚC RĂNG CƯA DỌC TUYẾN CAO ĐỘ MẶT GA BẰNG ĐÁY RÃNH RĂNG CƯA
- KHỐI LƯỢNG CỐNG ĐƯỢC THỐNG KÊ TRONG MỤC RIÊNG
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

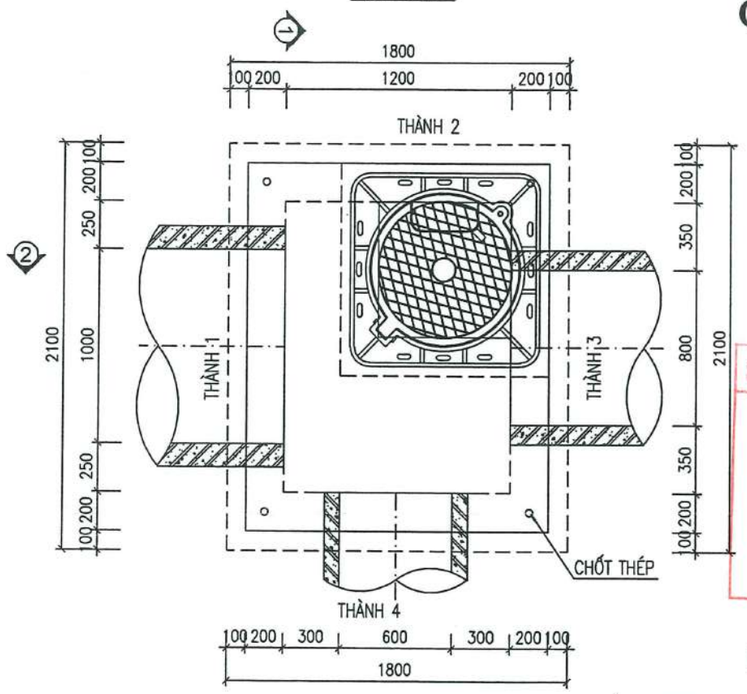
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20.....
Ký tên

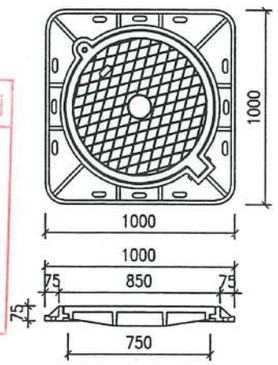
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D1000 (L11)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 22
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THĂM D(1000X800X600)

MẶT BẰNG



CHI TIẾT NẮP HỐ GA COMPOSITE



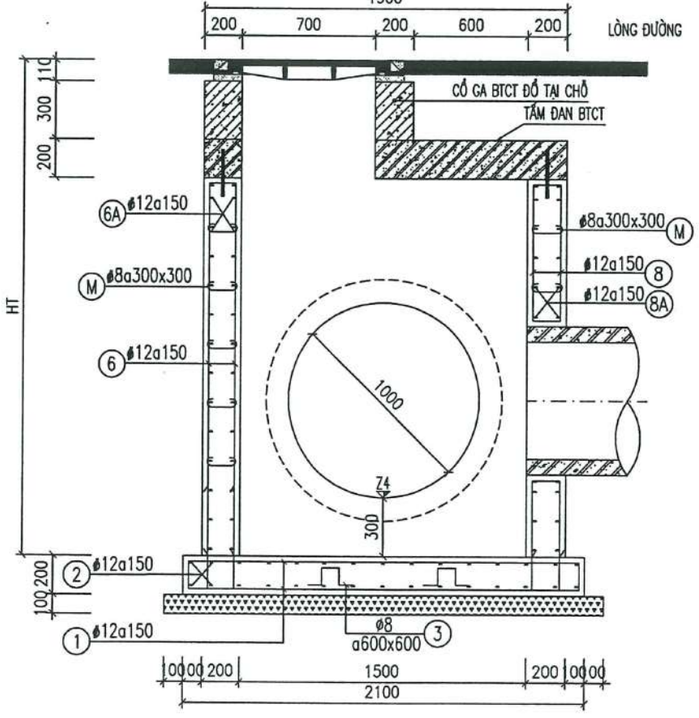
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ

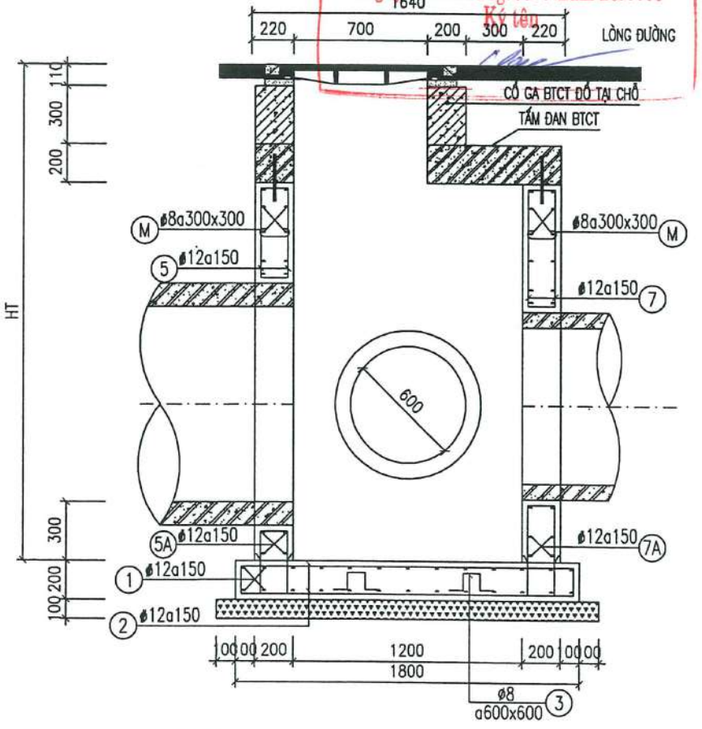
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG GA M100 ĐÁ 1X2 DÀY 100MM
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- NẮP GA BẰNG COMPOSITE TẢI TRỌNG CẤP ĐỘ BỀN C
- CỐT THÉP NHÓM CI VỚI D<10MM, CII VỚI D>=10MM
- KHỐI LƯỢNG CỐNG ĐƯỢC THỐNG KÊ TRONG MỤC RIÊNG
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày....tháng.....năm 20.....
Ký tên

MẶT CẮT 1-1



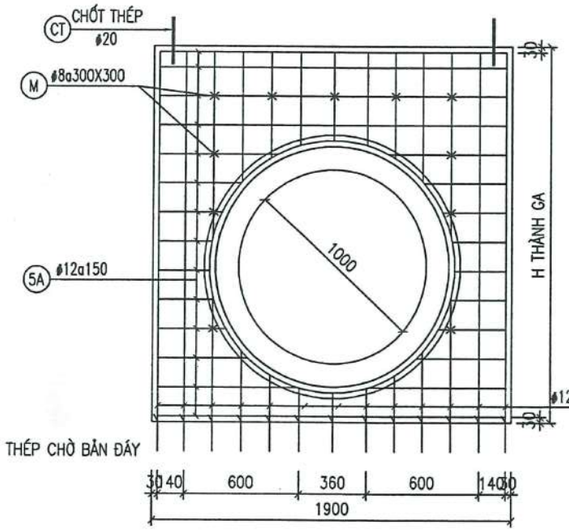
MẶT CẮT 2-2



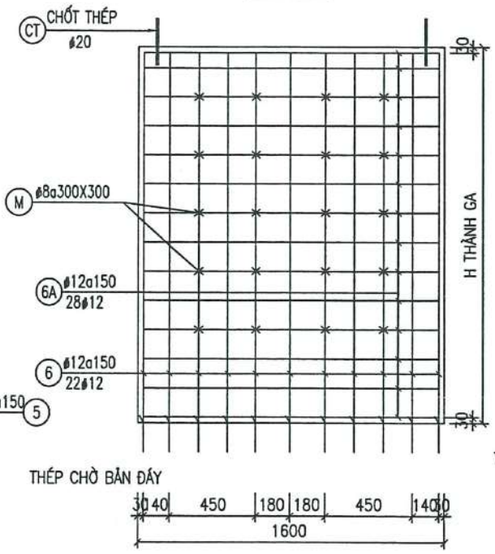
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THĂM D1000 (L12)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 23 LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D(1000X800X600)

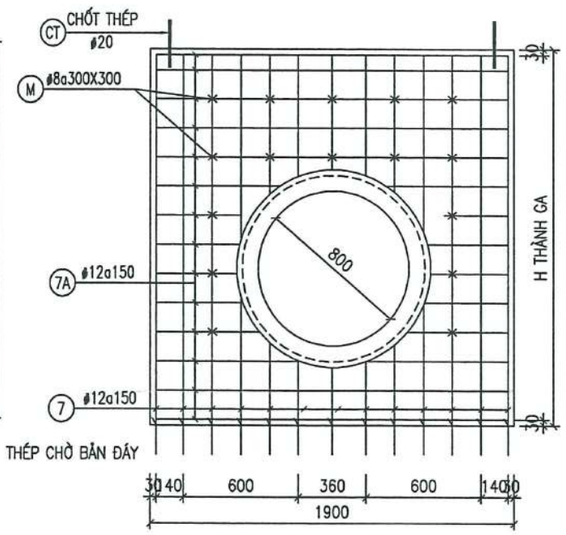
THÀNH 1



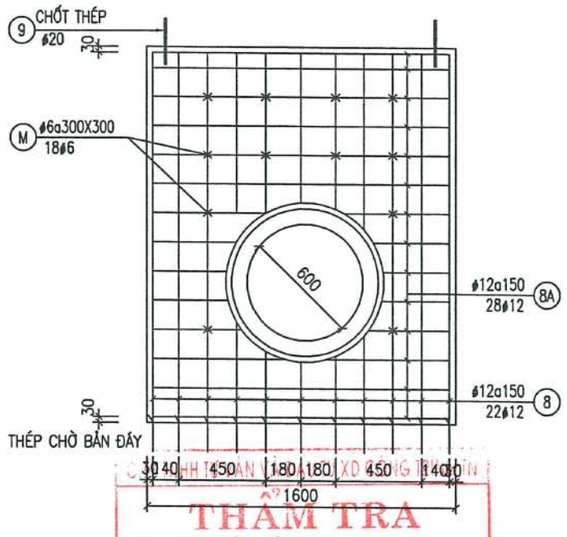
THÀNH 2



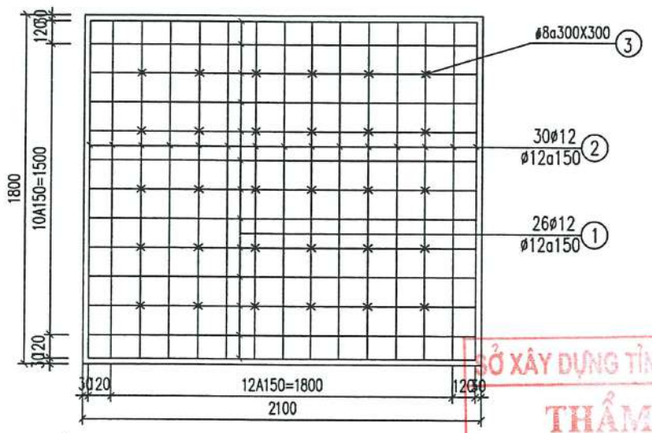
THÀNH 3



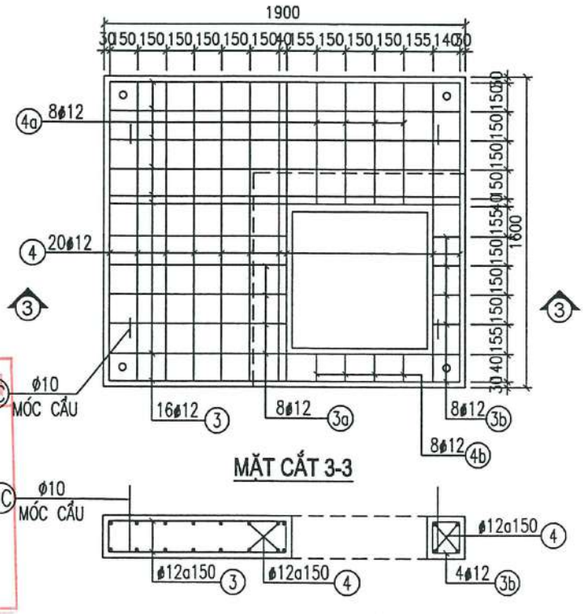
THÀNH 4



CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA

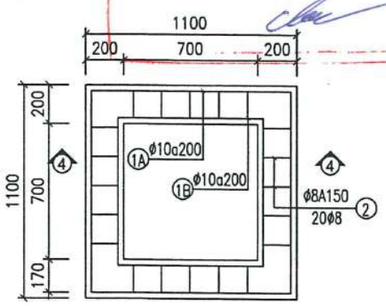


CỐT THÉP TẤM ĐAN GA

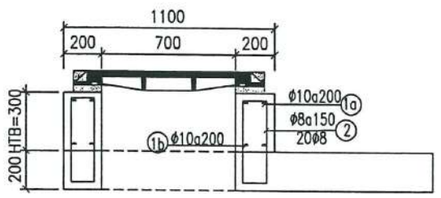


MẶT CẮT 3-3

MB CỐT THÉP CỐ GA



MC 4-4



GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.
- CỐT THÉP NHÓM CI VỚI D<10MM, CII VỚI D>=10MM
- ĐỂ THU NƯỚC TRIỆT ĐỂ, KẾT HỢP VỚI ĐAN RÃNH THU NƯỚC RĂNG CƯA DỌC TUYẾN CAO ĐỘ MẶT GA BẰNG ĐÁY RÃNH RĂNG CƯA
- KHỐI LƯỢNG CỐNG ĐƯỢC THỐNG KÊ TRONG MỤC RIÊNG
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

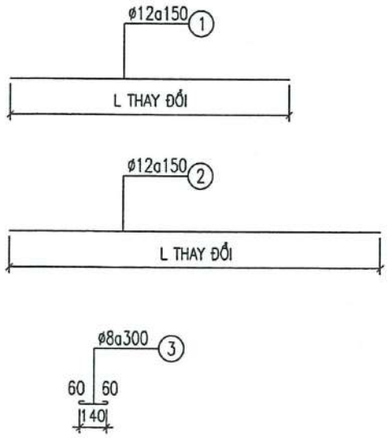
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm tra ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	KS. TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

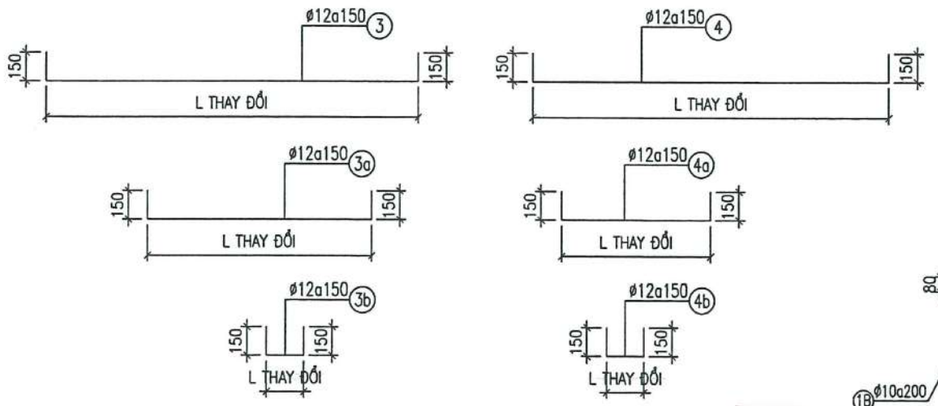
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THĂM D1000 (L12)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 24
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

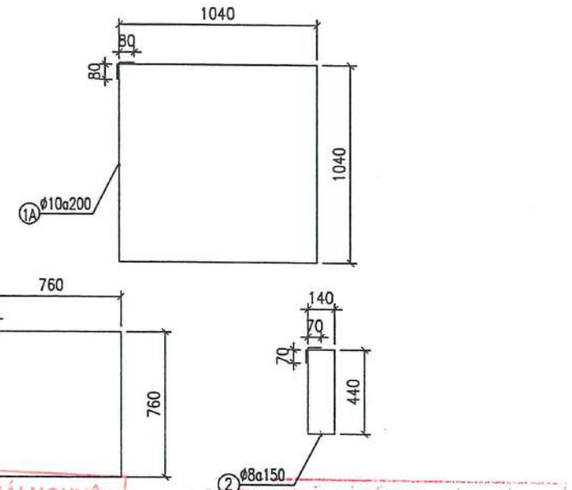
CỐT THÉP ĐÁY HỐ GA



CỐT THÉP TẤM ĐAN GA



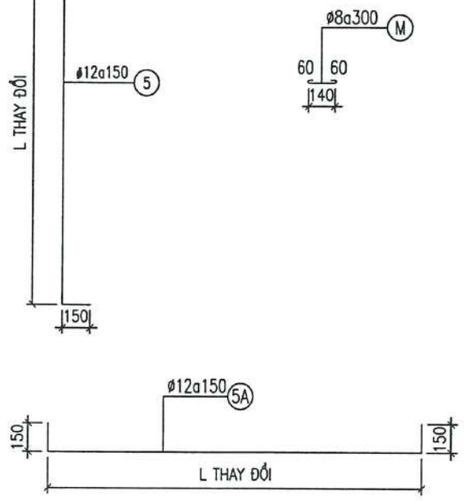
CỐT THÉP CỔ GA



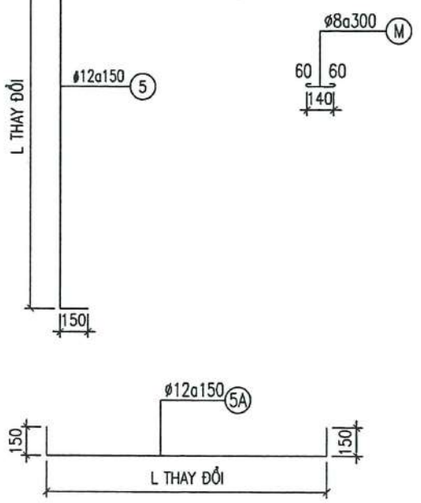
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng.....năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CỐT THÉP THÀNH 1 VÀ 3



CỐT THÉP THÀNH 2 VÀ 4

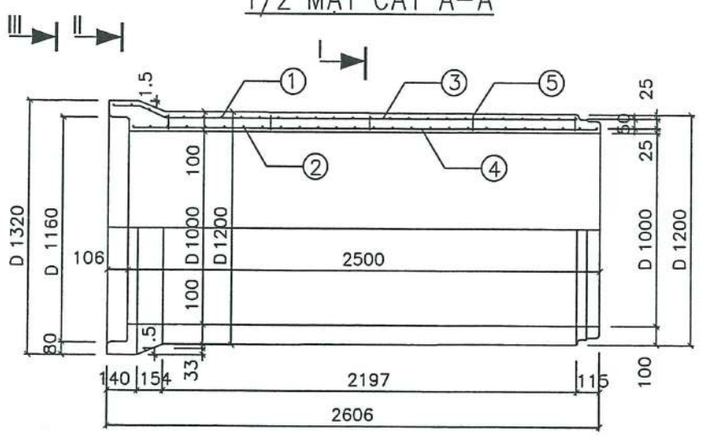


GHI CHÚ

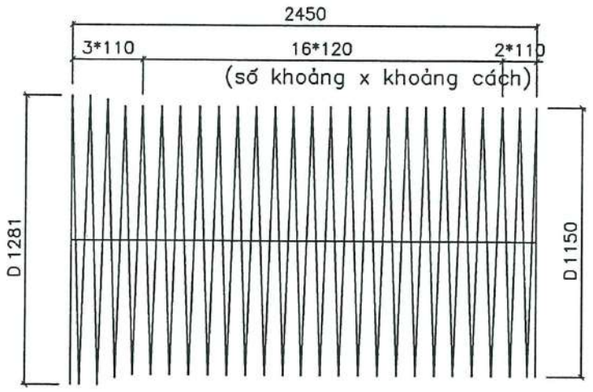
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.
- CHIỀU DÀI CÁC THANH CỐT THÉP TỪNG HỐ GA XEM BẢNG THỐNG KÊ ĐỂ CẮT CHO PHÙ HỢP TẠI HIỆN TRƯỜNG
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH CÁC THANH CỐT THÉP HỐ GA
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 25
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

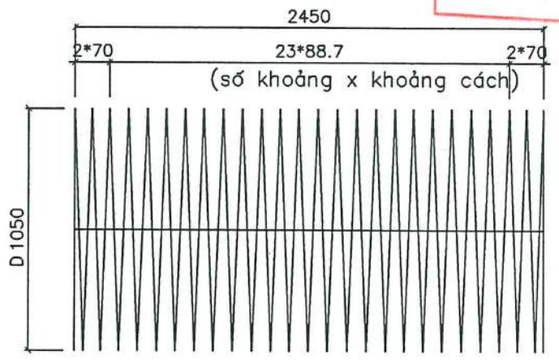
1/2 MẶT CẮT A–A



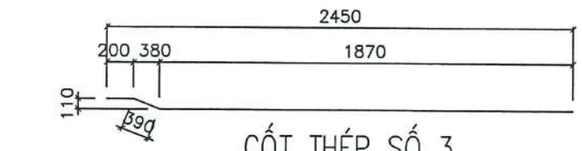
1/2 CHÍNH DIỆN



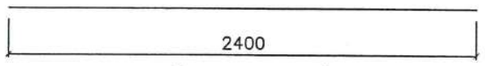
CỐT THÉP SỐ 1



CỐT THÉP SỐ 2



CỐT THÉP SỐ 3

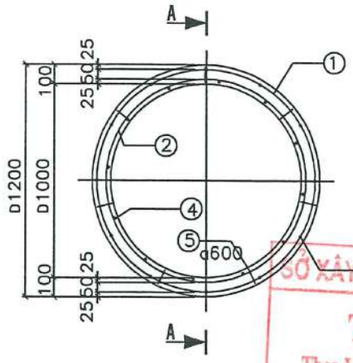


CỐT THÉP SỐ 4

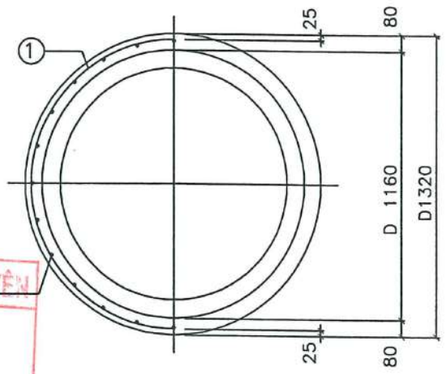


CỐT THÉP SỐ 5

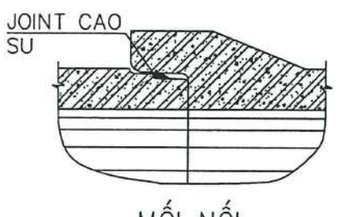
MẶT CẮT I–I



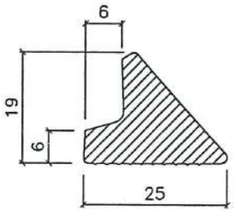
1/2 II–II



1/2 III–III



MỐI NỐI



JOINT CAO SU

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm tra ký tên

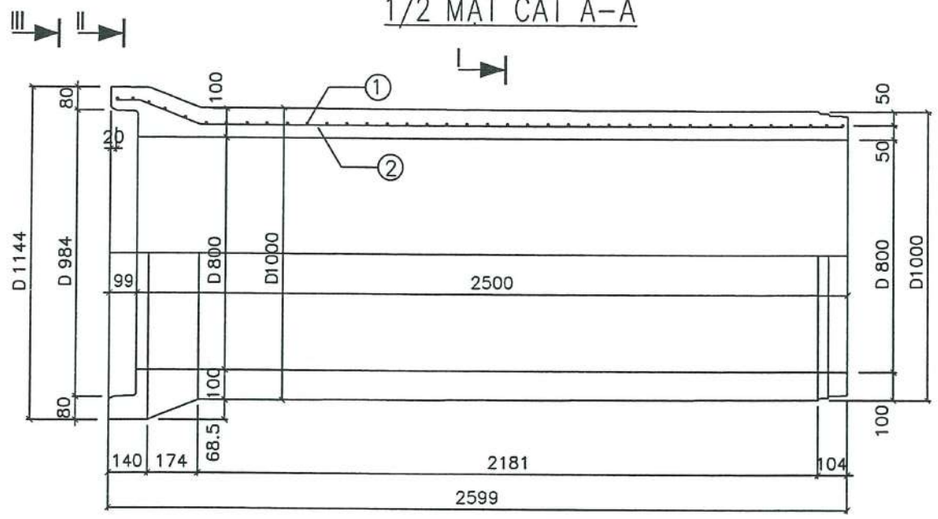
THỐNG KÊ VẬT TƯ

Ký hiệu	Qui cách vật tư	Số thanh	Chiều dài 1 thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng	Ghi chú
	(mm)	(th)	(mm)	(m)	(Kg)	
①	D 5	01	80667	80.667	12.423	
②	D 5	01	92316	92316	14.22	
③	D 5	12	2466	29.59	4.56	
④	D 5	12	2460	29.52	4.55	
⑤	D 6	35	50	1.75	0.39	
	CỘNG				36.15	
BÊTÔNG M.300,ĐÁ 5x15mm				0.907 m³ / 1 ỐNG CỐNG		

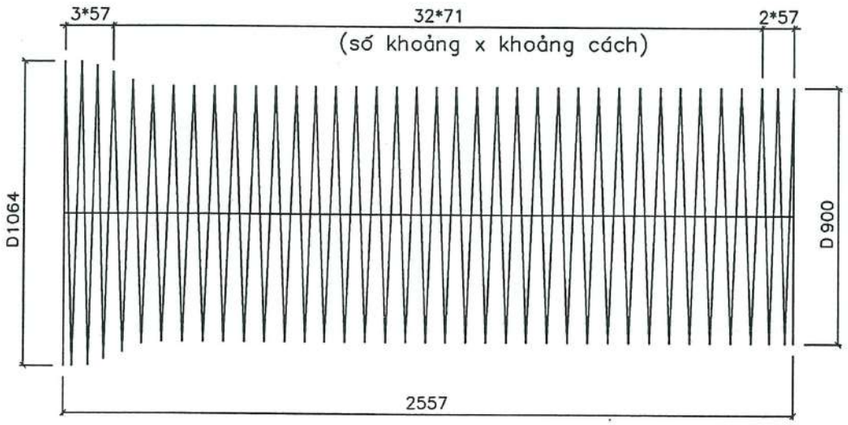
GHI CHÚ:
1– Kích thước bản vẽ ghi bằng mm.
2– Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng hàn máy tự động hay buộc.
3– Hai lớp cốt thép dọc phải được đặt so le với nhau.
(không đặt trên cùng một tia đường kính).
4– Cốt thép các bon thấp kéo nguội có fy=500Mpa.
5– Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.5m đến 4.0m.
6– Yêu cầu đối với đất nền xác định theo hướng dẫn trong thuyết minh chung.
7– Cống chịu Cấp tải HL–93.
8– Cống được chế tạo bằng công nghệ RUNG–ÉP.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT CỐNG TRÒN D1000
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 — BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 26
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 — DỰ ÁN: KHU TDC_HS

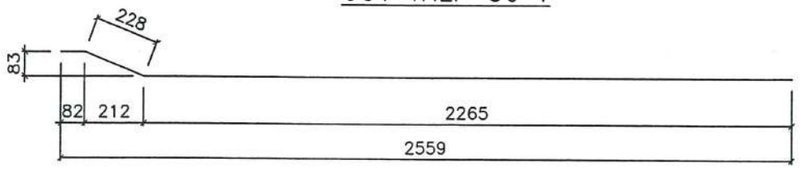
1/2 MẶT CẮT A–A



1/2 CHÍNH DIỆN

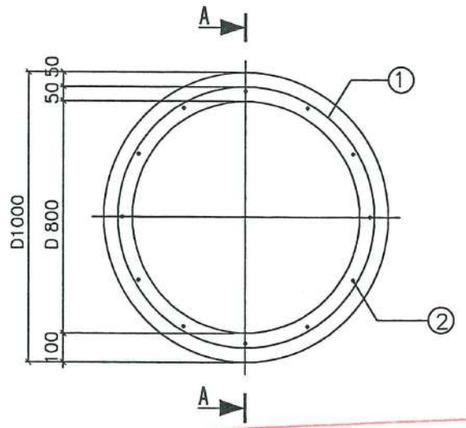


CỐT THÉP SỐ 1



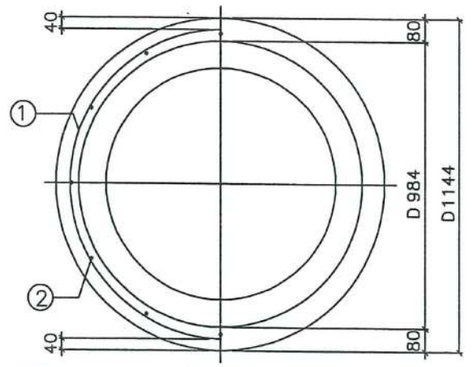
CỐT THÉP SỐ 2

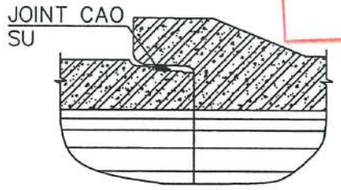
MẶT CẮT I–I



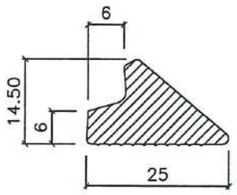
1/2 II–II

1/2 III–III





MỐI NỐI



JOINT CAO SU

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

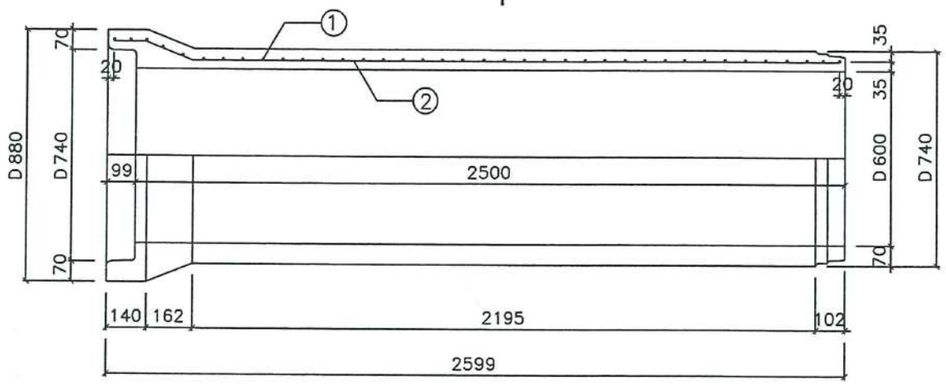
THỐNG KÊ VẬT TƯ

Ký hiệu	Qui cách vật tư	Số thanh	Chiều dài 1 thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng	Ghi chú
	(mm)	(th)	(mm)	(m)	(Kg)	
①	D 5	01	108197	108.197	16.663	
②	D 5	12	2575	30.90	4.73	
	CỘNG				21.393	
BÊTÔNG M.300,ĐÁ 5x15mm				0.763	/ 1 ỐNG CỐNG	

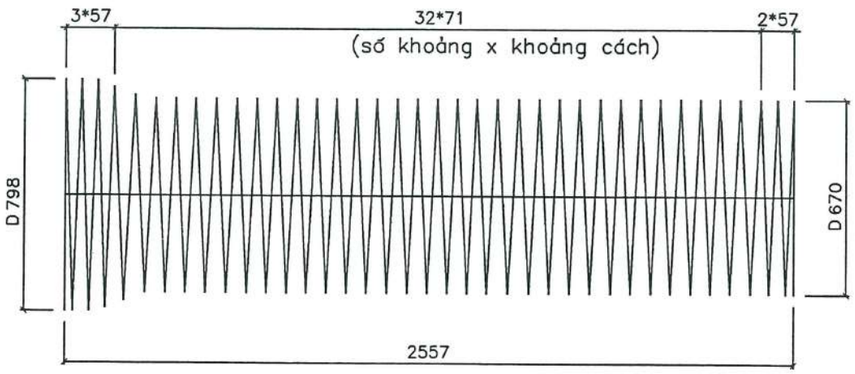
GHI CHÚ:
1– Kích thước bản vẽ ghi bằng mm.
2– Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng hàn máy tự động hay buộc.
3– Cốt thép các bon thấp kéo nguội có fy=500Mpa.
4– Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.5m đến 4.0m.
5– Yêu cầu đối với đất nền xác định theo hướng dẫn trong thuyết minh chung.
6– Cống chịu Cấp tải HL–93.
7– Cống được chế tạo bằng công nghệ RUNG–ÉP.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT CỐNG TRÒN D800
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 27
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

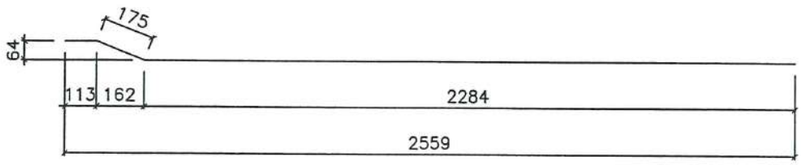
1/2 MẶT CẮT A–A



1/2 CHÍNH DIỆN

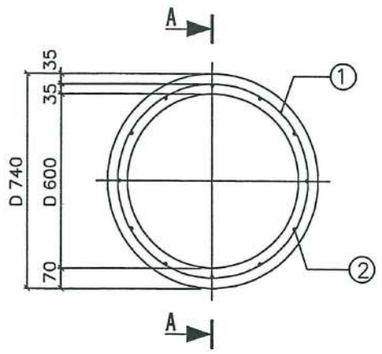


CỐT THÉP SỐ 1

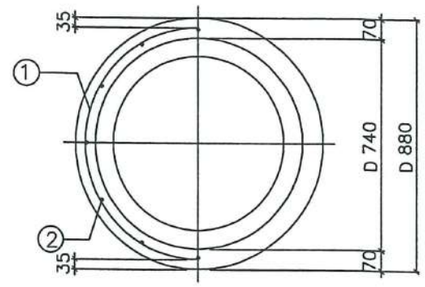


CỐT THÉP SỐ 2

MẶT CẮT I–I

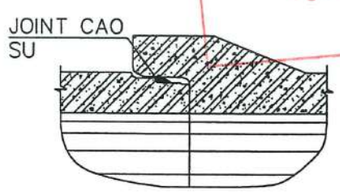


1/2 II–II 1/2 III–III

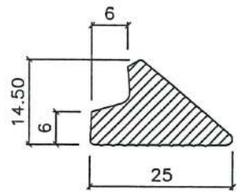


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TH...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên



MỐI NỐI



JOINT CAO SU

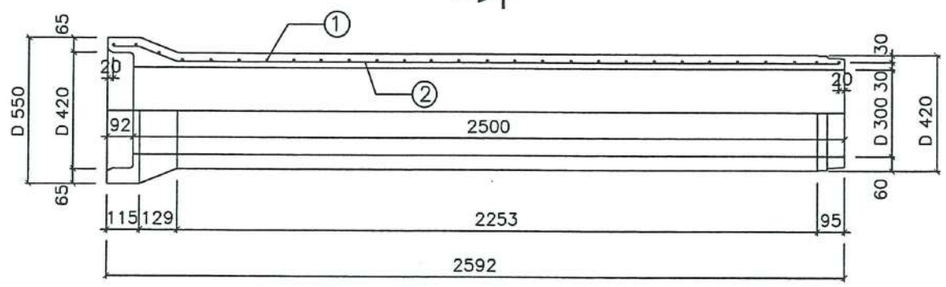
THỐNG KÊ VẬT TƯ

Ký hiệu	Qui cách vật tư	Số thanh	Chiều dài 1 thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng	Ghi chú
	(mm)	(th)	(mm)	(m)	(Kg)	
①	D 5	01	80030	80.03	12.32	
②	D 5	12	2572	30.86	4.73	
	CỘNG				17.05	
BÊTÔNG M.300,ĐÁ 5x15mm				0.402	/ 1 ỐNG CỐNG	

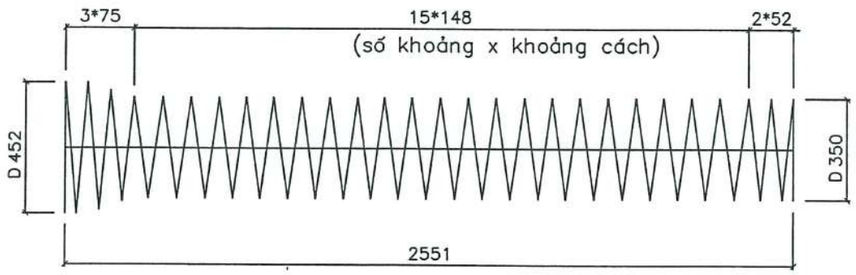
GHI CHÚ:
1– Kích thước bản vẽ ghi bằng mm.
2– Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng hàn máy tự động hay buộc.
3– Cốt thép các bon thấp kéo nguội có fy=500Mpa.
4– Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.5m đến 4.0m.
5– Yêu cầu đối với đất nền xác định theo hướng dẫn trong thuyết minh chung.
6– Cống chịu Cấp tải HL–93.
7– Cống được chế tạo bằng công nghệ RUNG–ÉP.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..., tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT CỐNG TRÒN D600
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/20 — BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 28
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		LẦN XUẤT BẢN: 01 — DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

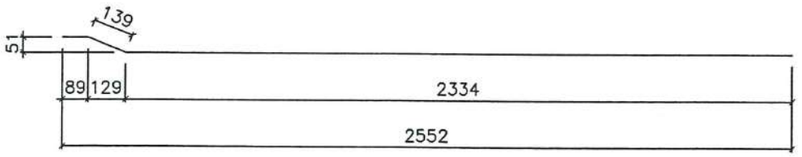
1/2 MẶT CẮT A–A



1/2 CHÍNH DIỆN

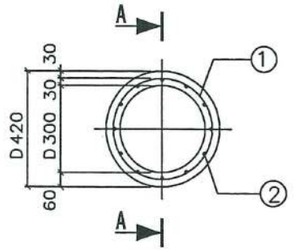


CỐT THÉP SỐ 1



CỐT THÉP SỐ 2

MẶT CẮT I–I



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

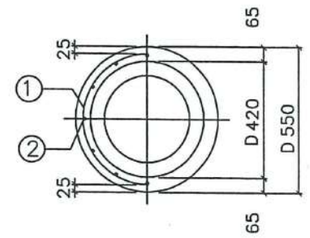
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

1/2 II–II 1/2 III–III



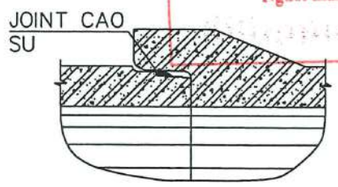
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

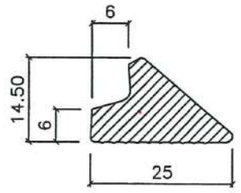
Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên



MỐI NỐI



JOINT CAO SU

THỐNG KÊ VẬT TƯ

Ký hiệu	Qui cách vật tư	Số thanh	Chiều dài 1 thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng	Ghi chú
	(mm)	(th)	(mm)	(m)	(Kg)	
①	D 4	01	30910	30.91	3.06	
②	D 5	12	2562	30.74	4.73	
	CỘNG				7.79	
BÊTÔNG M.300,ĐÁ 5x15mm				0.178	/ 1 ỐNG CỐNG	

GHI CHÚ:

1– Kích thước bản vẽ ghi bằng mm.
2– Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng hàn máy tự động hay buộc.
3– Cốt thép các bon thấp kéo nguội có fy=500Mpa.
4– Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.5m đến 4.0m.
5– Yêu cầu đối với đất nền xác định theo hướng dẫn trong thuyết minh chung.
6– Cống chịu Cấp tải HL–93.
7– Cống được chế tạo bằng công nghệ RUNG–ÉP.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT CỐNG TRÒN D300
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/20 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 29
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

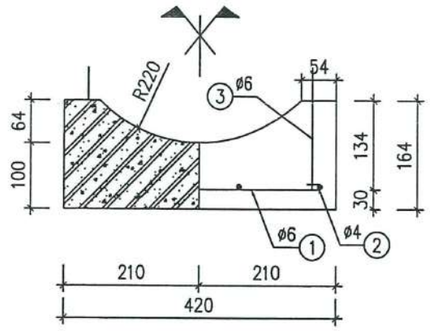
Theo Văn bản số...../.....

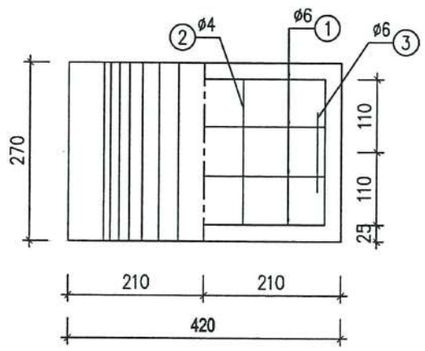
Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

ĐẾ CỐNG D300

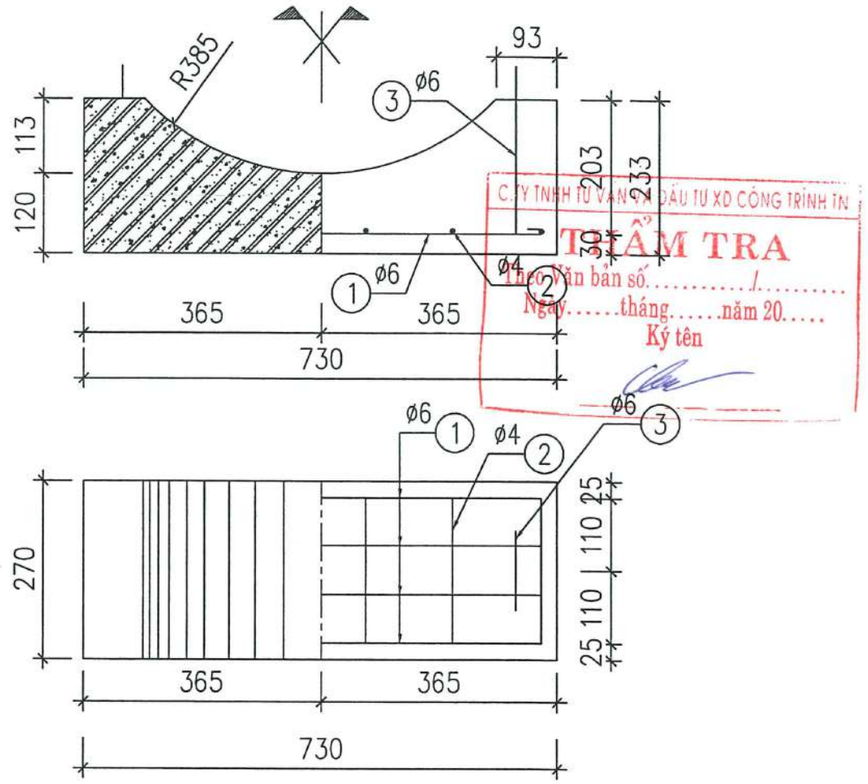
TỈ LỆ : 1:10





ĐẾ CỐNG D600

TỈ LỆ : 1:15



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

KIỂM TRA

Theo Văn bản số...../.....

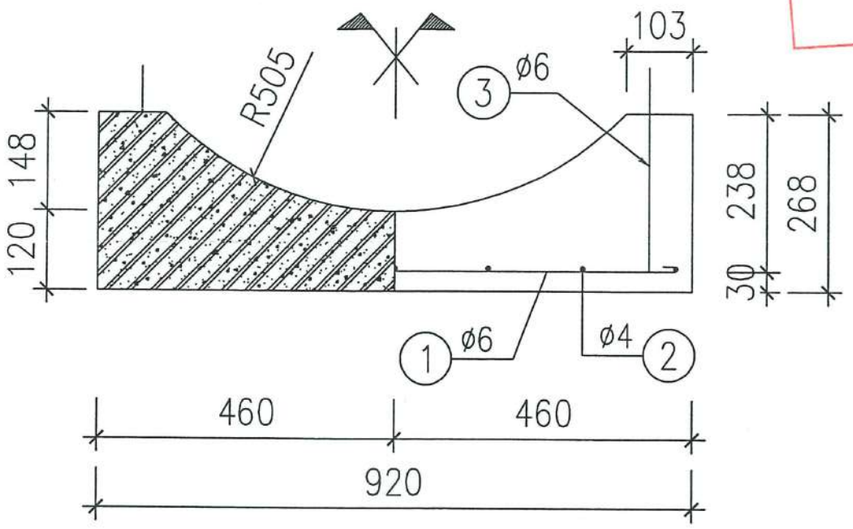
Ngày.....tháng.....năm 20.....

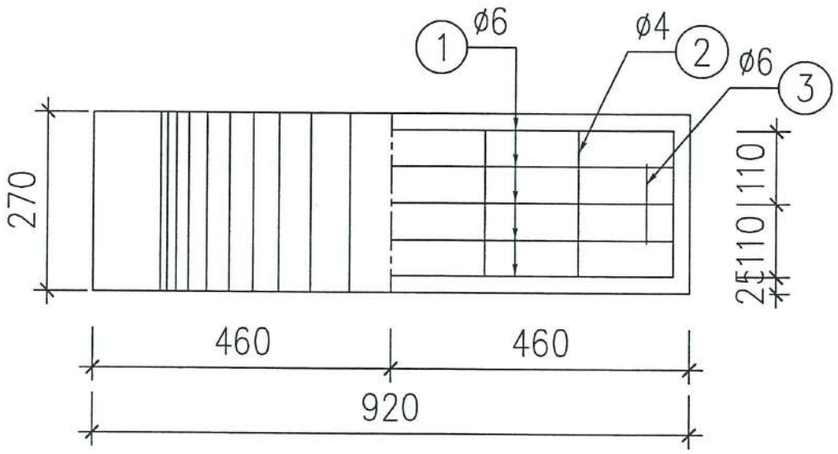
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT ĐẾ CỐNG D300, D600	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG				
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG			TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 30
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC			LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

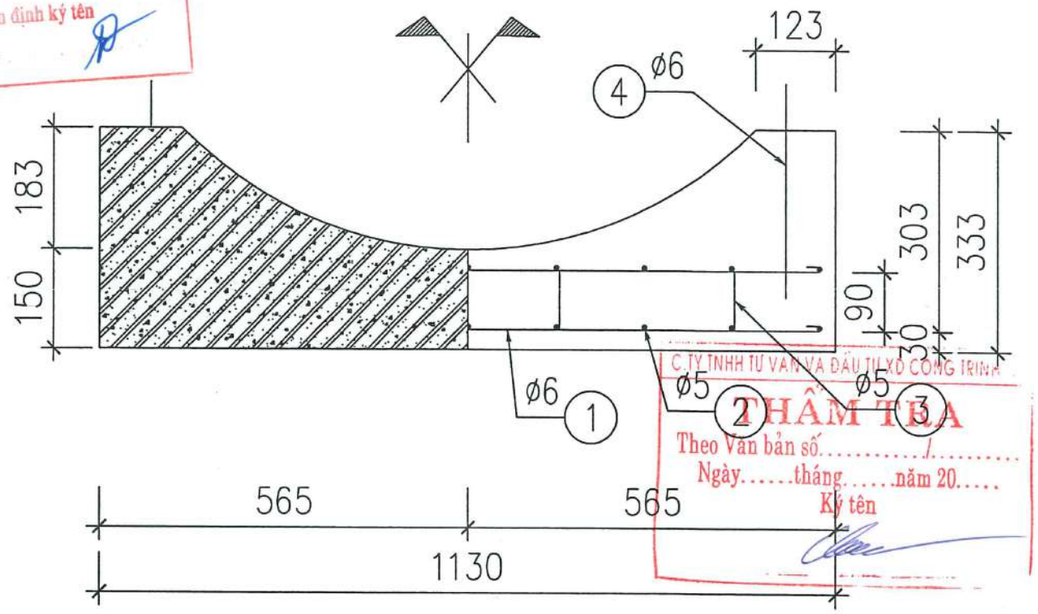
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐẾ CỐNG D800
TỈ LỆ : 1:20

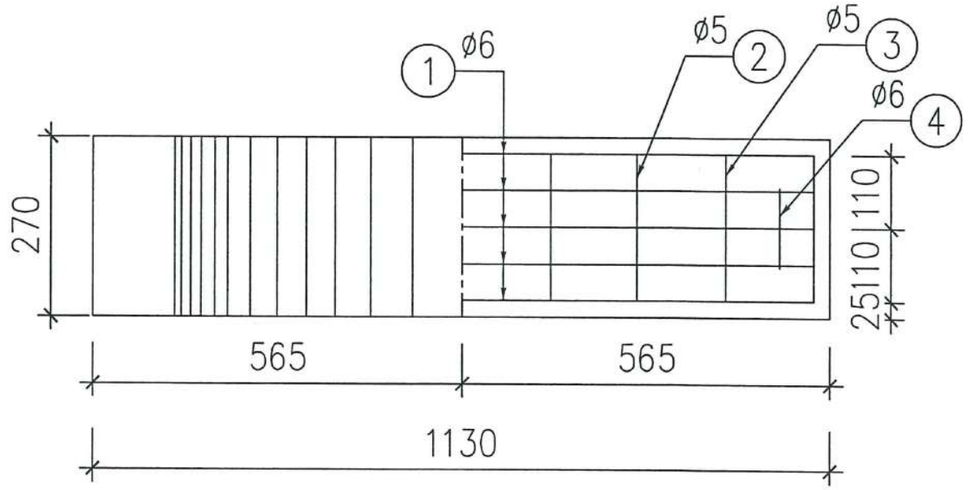




ĐẾ CỐNG D1000
TỈ LỆ : 1:20



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

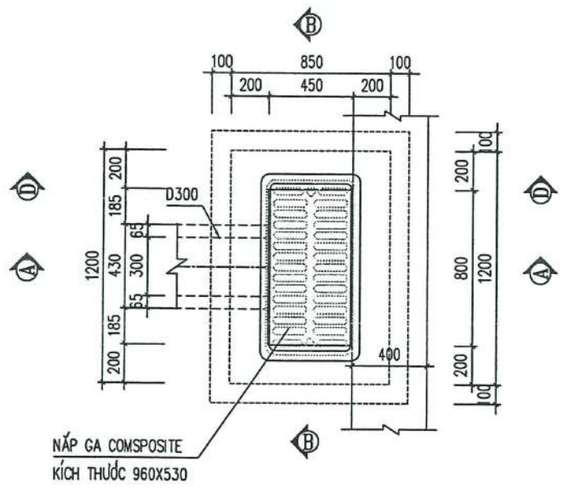
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT ĐẾ CỐNG D800, D1000

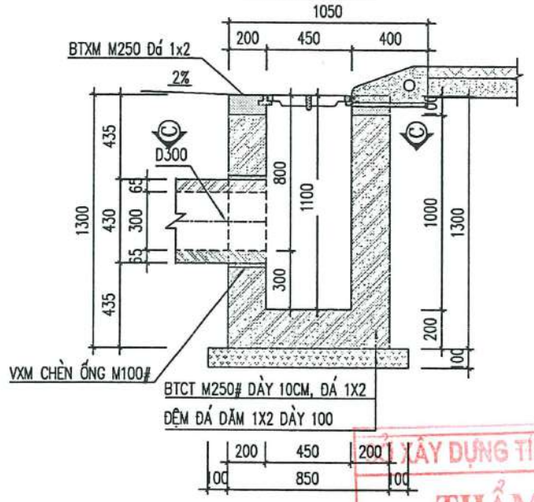
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 31
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA THU TRỰC TIẾP

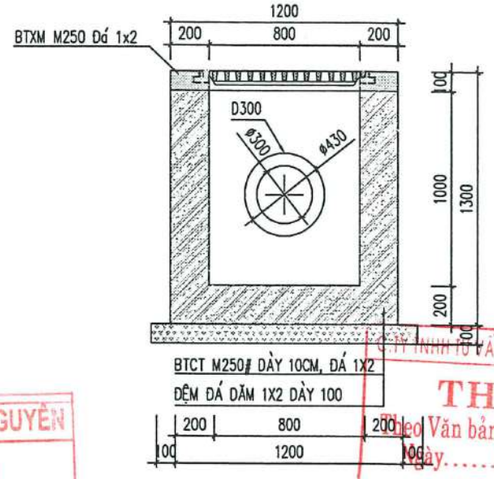
MẶT BẰNG HỐ THU



MẶT CẮT A - A



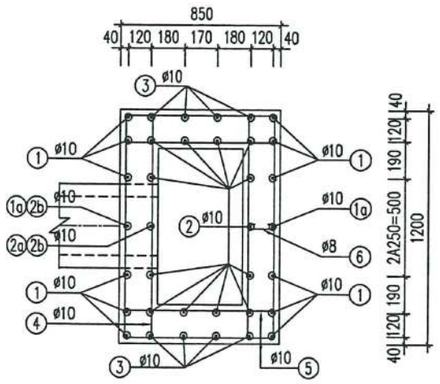
MẶT CẮT B - B



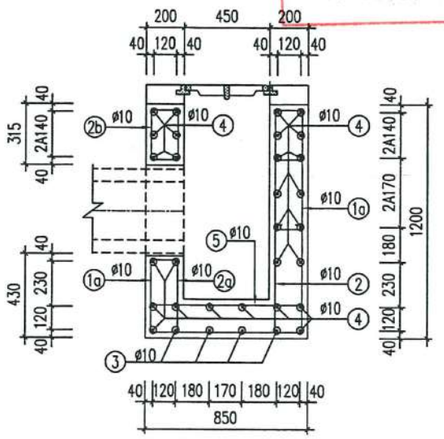
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

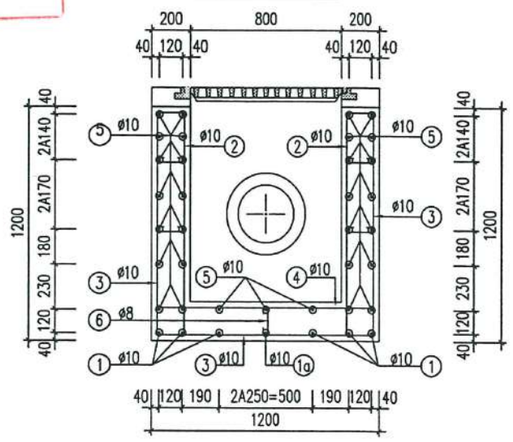
CỐT THÉP C - C



CỐT THÉP A - A



CỐT THÉP B - B



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

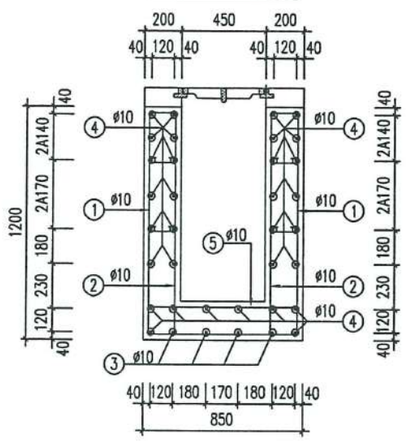
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA
CHI TIẾT GA THU TRỰC TIẾP (01/2)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 32
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

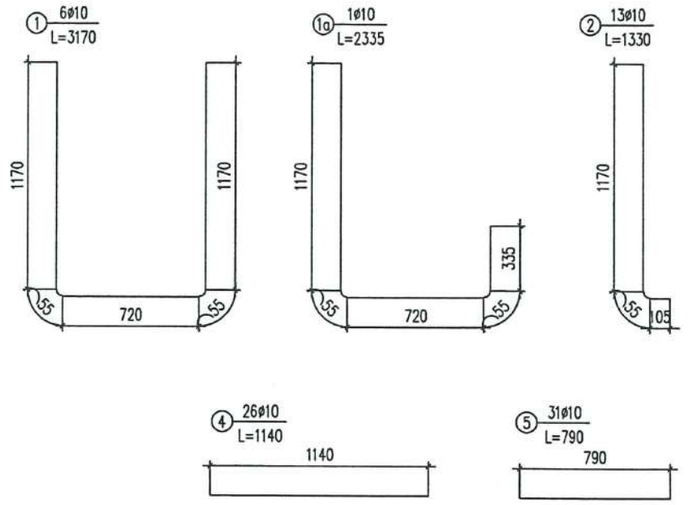
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA THU NƯỚC TRỰC TIẾP

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CỐT THÉP D - D

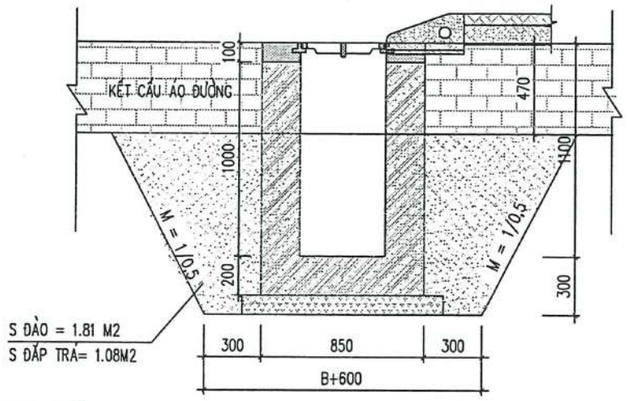


CHI TIẾT CỐT THÉP



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH ĐÀO ĐẮP GA THU TRỰC TIẾP



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHO 01 HỐ GA

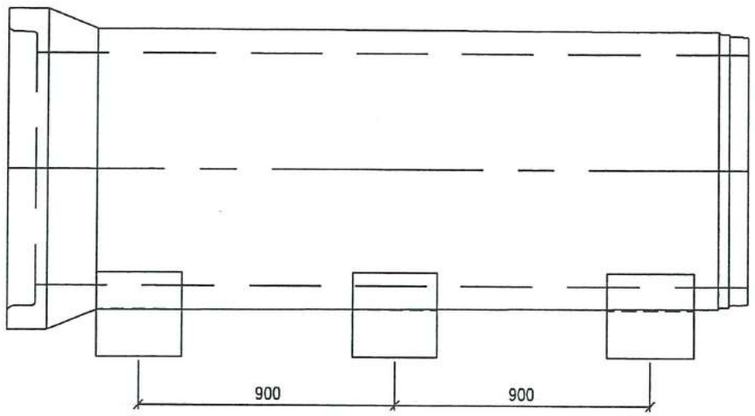
KÝ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG (THANH)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KLĐV (KG)	KHỐI LƯỢNG (KG)
1	D10	3170	6	19.02	0.617	11.74
1A	D10	2335	1	2.33	0.617	1.44
2	D10	1330	13	17.29	0.617	10.67
2A	D10	495	1	0.50	0.617	0.31
2B	D10	750	1	0.75	0.617	0.46
3	D10	3520	4	14.08	0.617	8.69
4	D10	1140	26	29.64	0.617	18.29
5	D10	790	31	24.49	0.617	15.11
6	D8	310	12	3.72	0.395	1.47
1. CỐT THÉP			2. BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC M250:		0.93	m3
	D8:	1.47 KG	3. VÁN KHUÔN:		8.37	m2
	D10:	66.71 KG	4. ĐÁ DĂM ĐỆM 1x2:		0.15	m3
TỔNG CỘNG:		68.18 KG	5. VXM CHÈN ỐNG CỐNG:		0.005	m2

GHI CHÚ:

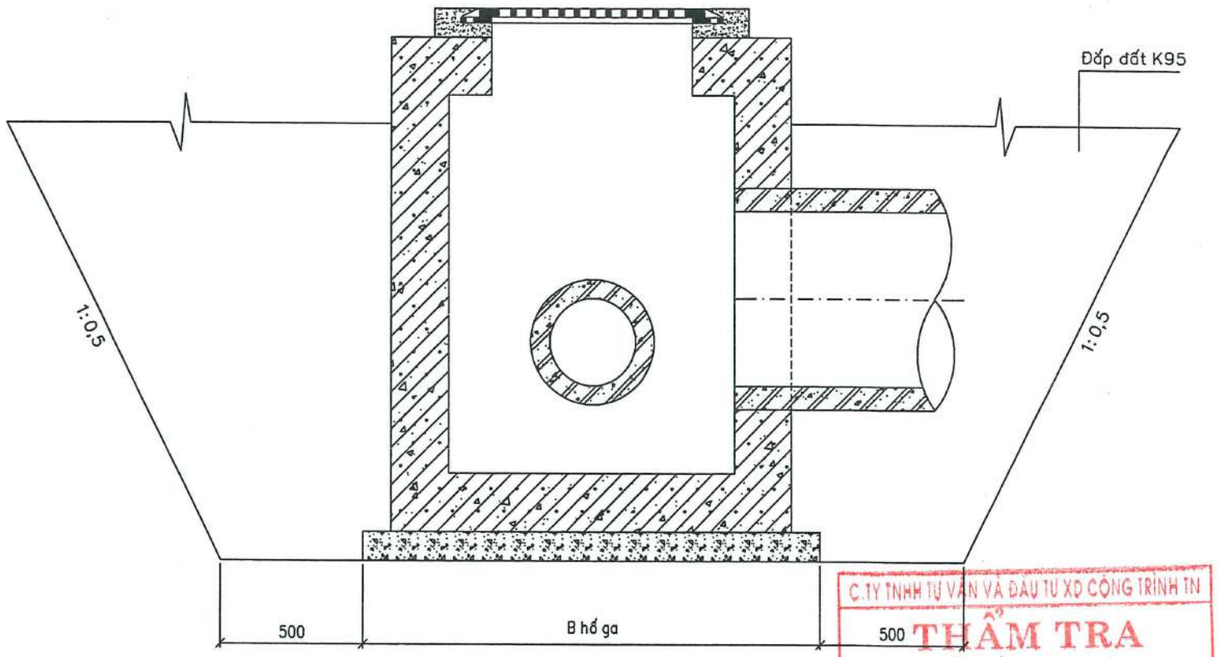
- KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ LÀ MM
- BÊ TÔNG THÀNH GA, ĐÁY GA MÁC 250 ĐÁ 1X2, ĐÚC SẴN VÀ LẮP GHÉP
- CỐT THÉP ø<10 DÙNG THÉP CB240-T THEO TCVN 1651:2008
- CỐT THÉP ø>=10 DÙNG THÉP CB300-V THEO TCVN 1651:2008
- KHI LẮP ĐẶT CỐNG NGANG CHÚ Ý CHÈN VXM MÁC 100 TẠI VỊ TRÍ TIẾP GIÁP GIỮA HỐ GA VÀ CỐNG
- NẮP GA COMPOSITE, KÍCH THƯỚC 960X530MM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA CHI TIẾT GA THU TRỰC TIẾP (02/2)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30 / BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 33
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

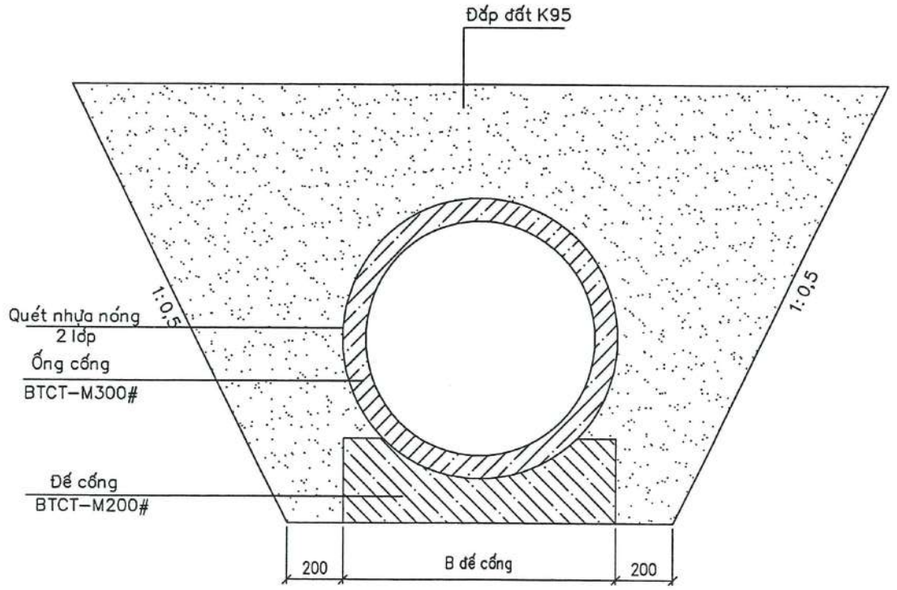
BỐ TRÍ ĐẾ CỐNG ĐIỂN HÌNH



MẶT CẮT ĐÀO HỐ GA ĐIỂN HÌNH



MẶT CẮT ĐÀO CỐNG ĐIỂN HÌNH



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

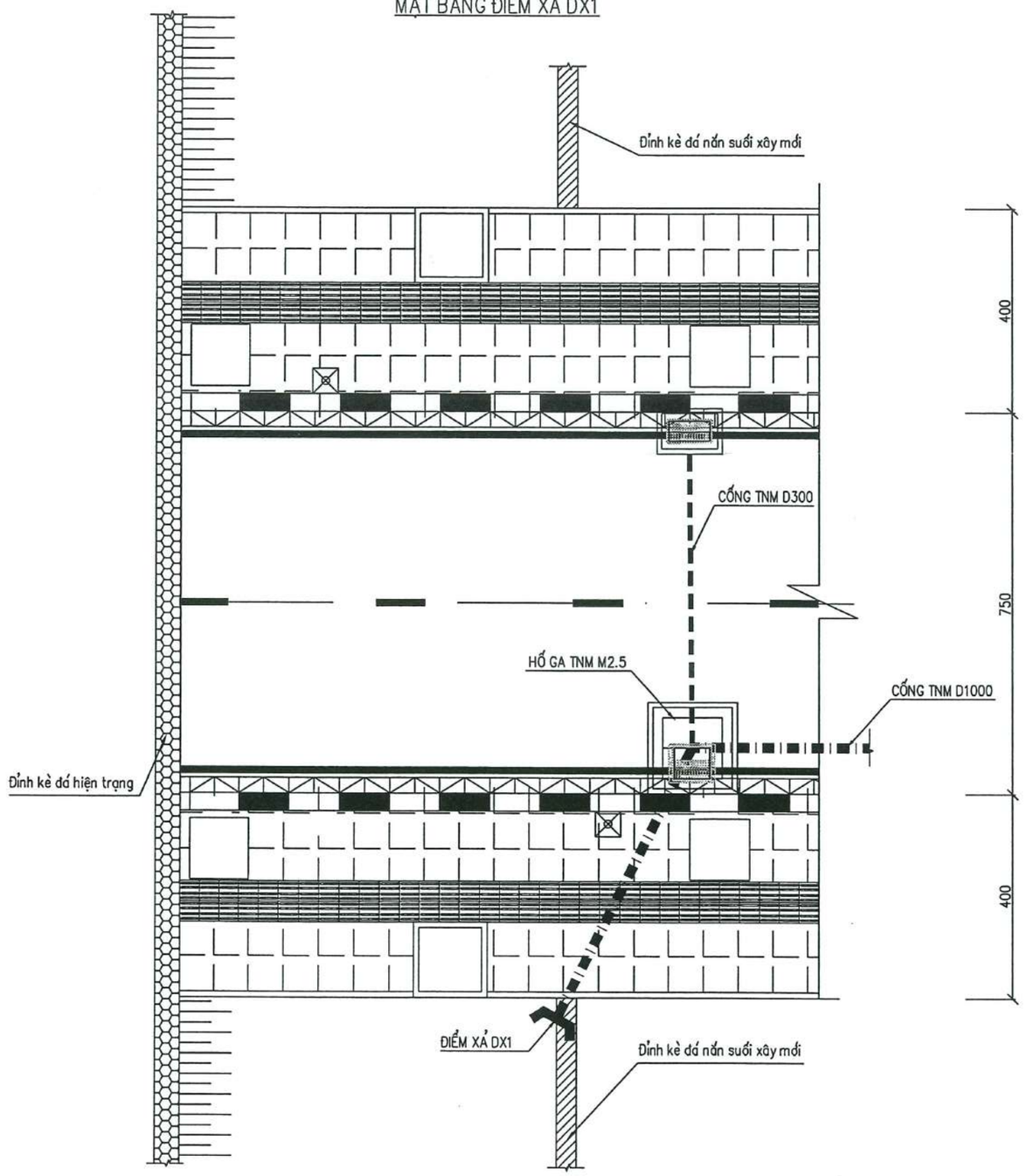
Ghi chú:
- Kích thước trong bản vẽ là mm

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 PP. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT ĐÀO CỐNG, HỐ GA; BỐ TRÍ ĐẾ CỐNG ĐIỂN HÌNH

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/20	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 34
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT BẰNG ĐIỂM XẢ DX1



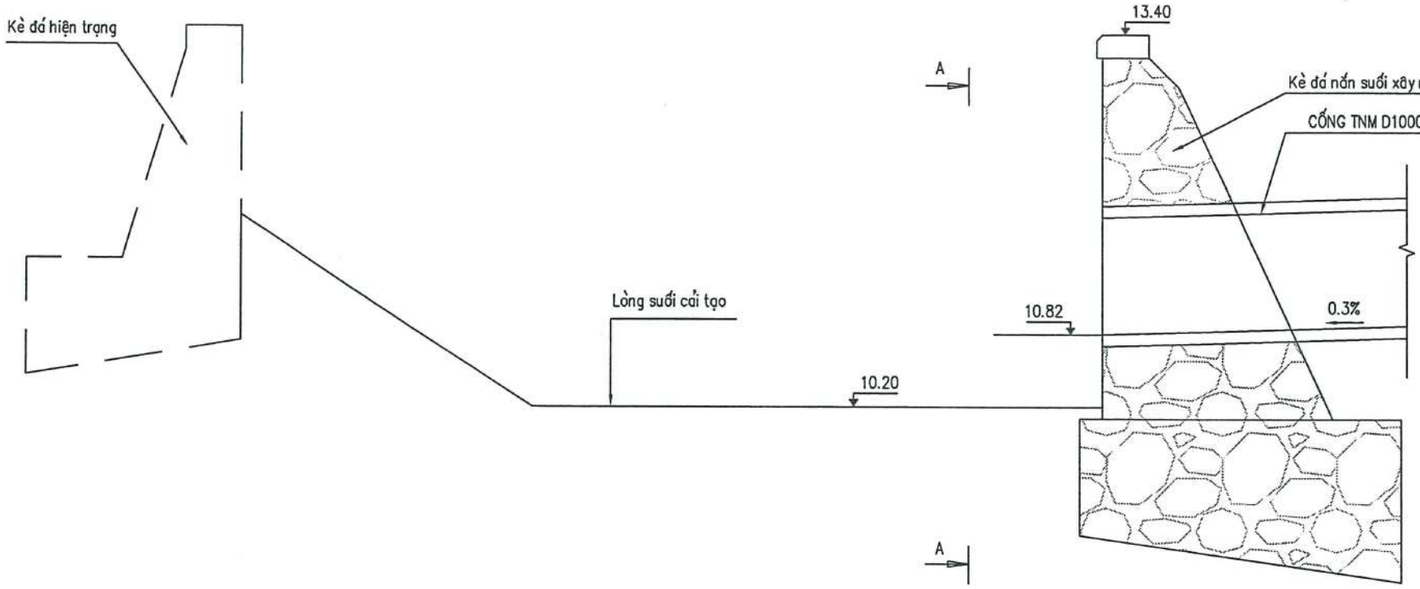
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

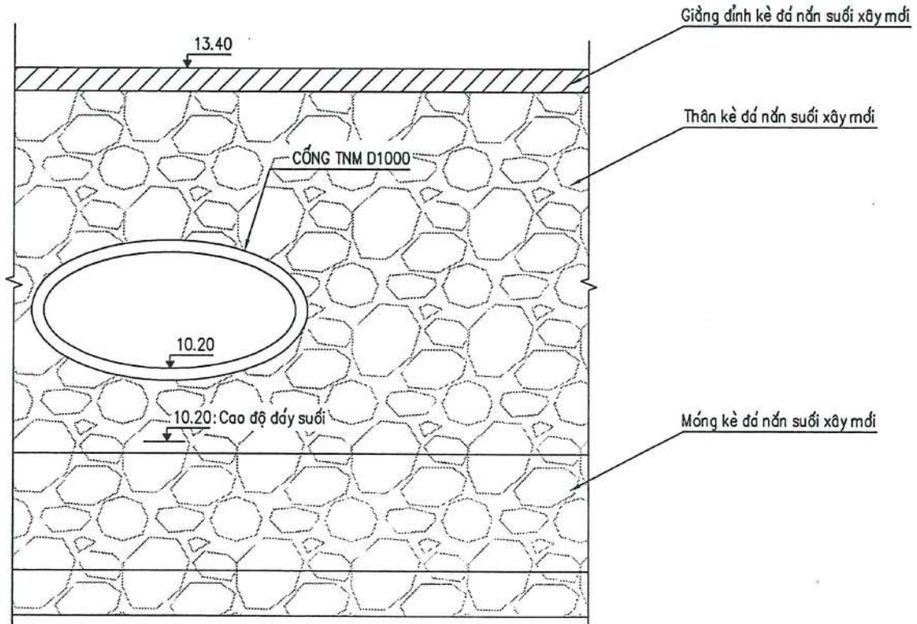
Ghi chú:
– Kích thước trong bản vẽ là cm, cao độ tính bằng m

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 PHÓ GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG VỊ TRÍ ĐIỂM XẢ DX1
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/100 | BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 35
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 | DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT ĐỨNG ĐIỂM XẢ DX1



MẶT CẮT A–A



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

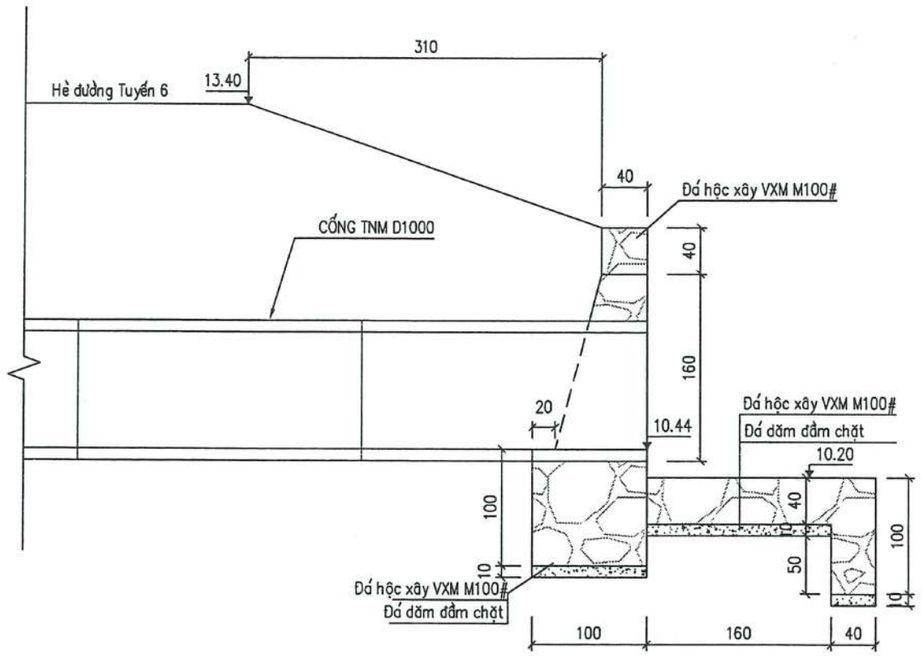
Ghi chú:
– Kích thước trong bản vẽ là cm, cao độ tính bằng m

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 TP. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

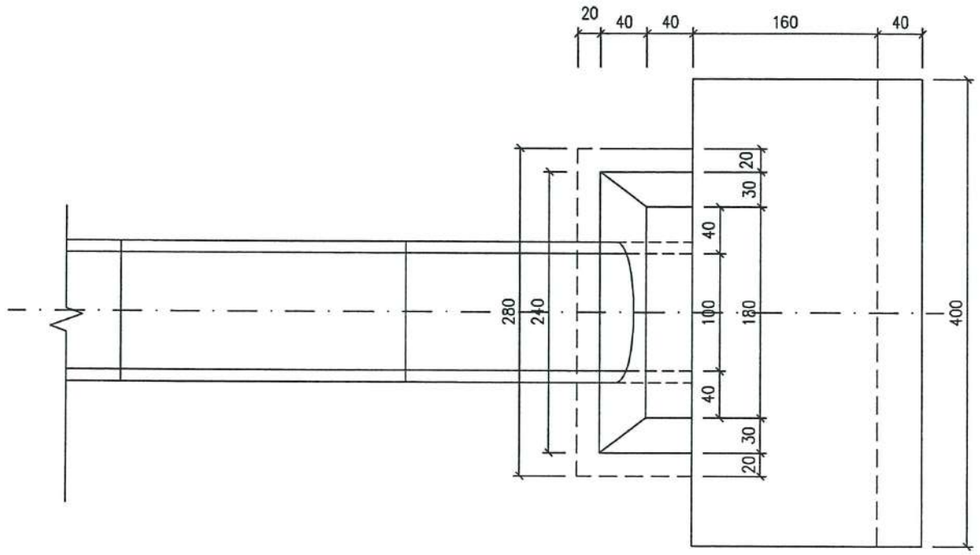
TÊN BẢN VẼ:
MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT VỊ TRÍ ĐIỂM XẢ DX1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 36
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CẮT DỌC ĐIỂM XẢ DX2



MẶT BẰNG ĐIỂM XẢ DX2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

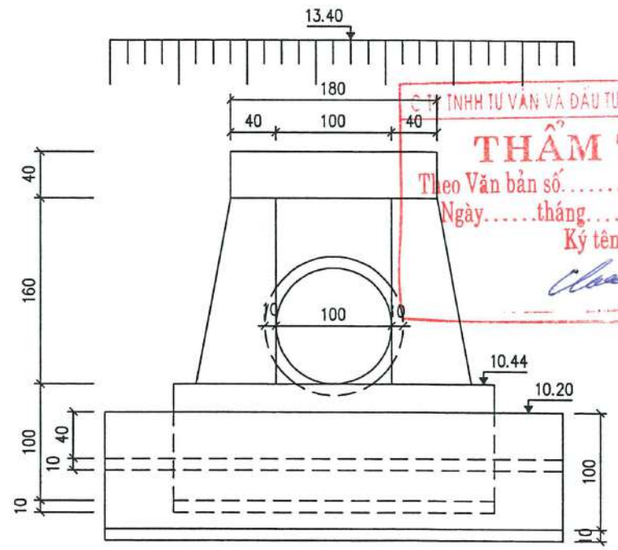
Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

MẶT ĐỨNG ĐIỂM XẢ DX2



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

Ghi chú:

– Kích thước trong bản vẽ là cm, cao độ tính bằng m

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT VỊ TRÍ ĐIỂM XẢ DX2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: CT_TNM: 37
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 10551/Sxd-QLCHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/1.BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Lộc

DANH MỤC BẢN VẼ PHẦN HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	MẶT BẰNG MẠNG LƯỚI THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI	TNT-1A, 1B
2	MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP CỐNG - CHI TIẾT TẤM ĐAN, MIỆNG GA	TNT-02
3	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1A	TNT-03
4	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1B	TNT-04
5	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1C	TNT-05
6	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1D	TNT-06
7	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2A	TNT-07
8	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2B	TNT-08
9	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2C	TNT-09
10	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2D	TNT-10
11	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2E	TNT-11
12	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2F	TNT-12
13	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2G	TNT-13
14	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2H	TNT-14
15	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3A	TNT-15
16	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3B	TNT-16

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
17	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3C	TNT-17
18	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3D	TNT-18
19	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3E	TNT-19
20	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3F	TNT-20
21	CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3G	TNT-21
22	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 1	TNT-TD1:01
23	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 2	TNT-TD2:01,02
24	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 3	TNT-TD3:01
25	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 4	TNT-TD4:01
26	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 5	TNT-TD5:01,02
27	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 6	TNT-TD6:01
28	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 7	TNT-TD7:01
29	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 8	TNT-TD8:01
30	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 9	TNT-TD9:01
31	TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 10	TNT-TD10:01
32	TRẮC DỌC TUYẾN CX1-CX2-CX3	TNT-TDCX:01

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TUYẾN 1

TUYẾN 2

TUYẾN 3

TUYẾN 4

TUYẾN 5

TUYẾN 6

TUYẾN 7

TUYẾN 8

TUYẾN 9

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 977/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UỶ BAN HUYỆN PHÚ BÌNH)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q=200M3/NGĐ NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ ĐẠT COT A

Cống HDPE D300

Cao độ đỉnh ga
Cao độ đáy cống
Cao độ đáy ga
Tên ga
L=20 — i=0.5% Chiều dài (m) – Độ dốc đáy cống (%)

A = 113°40'10.96" R = 8
D = 1.19 P = 1.56
K = 0.26 T = 5.23

A = 90°00'11.18" R = 1
D = 3.04 P = 4
K = 89.46 T

A = 90°00'' R = 8
D = 3.43 P = 3.51
K = 12.57 T = 8

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH THUỘC UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Người thẩm định, ký tên

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Phần cống**			
1	Đào hữu cơ móng cống (TB 50cm)	m3	264,16	*Tận dụng đủ vào phạm vi cây xanh - Thừa đổ thải*
2	Đào móng cống đất C3	m3	153,53	*Tận dụng đủ đắp hoàn trả*
3	Đệm móng cống	m3		*Đắp bằng cát độ chặt K95*
*	Đệm cát đỉnh cống	m3	513,61	
*	Đắp đất	m3	194,82	
4	Ống cống D300-HDPE-SN4 Vỉa hè	c.k	186	*Chiều dài tim đoạn ống*
5	Ống cống D300-HDPE-SN8 Qua đường	c.k	38	*Chiều dài tim đoạn ống*
6	Mối nối cống D300-HDPE-SN4 Vỉa hè	mối	161	
7	Mối nối cống D300-HDPE-SN8 Qua đường	mối	32	
8	Ống thép qua đường D350	m	224	*Lồng ngoài ống HDPE*
9	Trừ chiếm chỗ nền đường	m3	1075,08	
II	**Phần hố ga**	**vlg**	**61**	
1	Đào hữu cơ móng ga (TB 50cm)	m3	23,77	*Tận dụng đủ vào phạm vi cây xanh - Thừa đổ thải*
2	Đào móng ga đất C3	m3	31,77	*Tận dụng đủ đắp hoàn trả*
3	Đệm đáy móng đá dăm 1x2 dày 10cm	m3	13,18	*= 61*1,47*1,47*0,1*
4	Ván khuôn đổ bê tông đáy ga	m2	53,80	*=61*(1,47*4*0,15)*
5	Bê tông đáy ga M250# đá 1x2 dày 15cm	m3	19,77	*= 61*1,47*1,47*0,15*
6	Xây tường gạch không nung vxm M75#	m3	78,24	*Bảng tính*
7	Trát tường trong ga vxm M75# dày 1,5cm	m2	286,16	*Bảng tính*
8	Tấm đan			
*	Gia cống lắp dựng cốt thép tấm đan	kg	2562,61	
	Φ8	*kg*	*293,41*	*Thép II, Fy=300Mpa; E=2100000Mpa*
	Φ10	*kg*	*462,38*	*Thép AI, Fy=240Mpa; E=2100000Mpa*
	Móc cẩu tấm đan Φ10	*kg*	*114,07*	*Thép AI, Fy=240Mpa; E=2100000Mpa*
	Thép góc L50x50x5	*kg*	*1692,73*	
*	Ván khuôn tấm đan	m2	22,45	
*	Bê tông tấm đan M250#, đá 1x2cm	m3	4,58	
*	Lắp đặt tấm đan	c.k	122,00	
7	Nối mũ (miệng ga)			
*	Gia cống lắp dựng cốt thép mũ mố	kg	1179,13	
	Φ8	kg	38,43	*Thép II, Fy=300Mpa; E=2100000Mpa*
	Thép góc L50x50x5	kg	1140,70	
*	Ván khuôn mũ mố	m2	154,31	
*	Bê tông mũ mố M250#, đá 1x2cm	m3	9,82	
8	Giếng tường kt: 100x220cm			
*	Gia cống lắp dựng cốt thép	kg	34,92	
	Φ10	kg	24,68	*Bảng tính*
	Φ8a200	kg	10,24	*Bảng tính*
*	Ván khuôn giếng tường	m2	4,00	*Bảng tính*
*	Bê tông giếng tường M250#, đá 1x2cm	m3	0,44	*Bảng tính*
9	Thép thang lên xuống			
	Φ16	kg	31,56	
10	Hệ thống ống UPVC D160 đấu nối vào ga			Tính theo mặt bằng
*	Ống UPVC D160	m	613	
*	Cút góc D160	c.k	151	
*	Tê D160	c.k	135	
*	Nút bịt	c.k	224	
11	Trừ ga chiếm chỗ nền đường	m3	68,03	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG
	ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
MẶT BẰNG MẠNG LƯỚI THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 | BẢN VẼ SỐ: TNT-1A
LẦN XUẤT BẢN: 01 | DỰ ÁN: KHU TDC_HS

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 977/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHÚ BÌNH)

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

TUYẾN 1

TUYẾN 2

TUYẾN 3

TUYẾN 4

TUYẾN 5

TUYẾN 6

TUYẾN 7

TUYẾN 8

TUYẾN 9

D160-L30.5M D160-L14.3M D160-L10M D160-L7.1M D160-L15M D160-L15M D160-L10.5M

D160-L11.6M D160-L9.5M D160-L14.5M D160-L10M D160-L8.1M D160-L15M D160-L15M D160-L10.5M

D160-L11.6M D160-L29M D160-L20M D160-L14.1M D160-L10M D160-L20M

D160-L1.6M D160-L10M D160-L20M D160-L12.1M D160-L2.1M D160-L21M D160-L6.6M

D160-L27.7M D160-L31.5M D160-L14M D160-L19M D160-L28M D160-L8M D160-L20.5M D160-L40M D160-L11.8M D160-L9.8M D160-L9.8M D160-L20M

D300 - L=45.31 - I=0.33% D300 - L=30.00 - I=0.33% D300 - L=29.80 - I=0.33% D300 - L=29.01 - I=0.33% D300 - L=26.01 - I=0.33% D300 - L=27.06 - I=0.33%

D300 - L=32.30 - I=0.33% D300 - L=29.00 - I=0.33% D300 - L=20.00 - I=0.33% D300 - L=30.80 - I=0.33% D300 - L=28.99 - I=0.33% D300 - L=25.50 - I=0.33% D300 - L=25.35 - I=0.33%

D300 - L=44.00 - I=0.33% D300 - L=30.80 - I=0.33% D300 - L=26.00 - I=0.33% D300 - L=23.73 - I=0.33%

D300 - L=25.91 - I=0.33% D300 - L=21.90 - I=0.33% D300 - L=20.20 - I=0.33% D300 - L=27.40 - I=0.33% D300 - L=30.11 - I=0.33% D300 - L=18.53 - I=0.33%

D300 - L=24.70 - I=0.33% D300 - L=24.24 - I=0.33% D300 - L=22.29 - I=0.33% D300 - L=24.44 - I=0.33% D300 - L=30.00 - I=0.33%

D300 - L=31.50 - I=0.33% D300 - L=28.00 - I=0.33% D300 - L=20.50 - I=0.33% D300 - L=22.82 - I=0.33% D300 - L=21.27 - I=0.33% D300 - L=22.89 - I=0.33%

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q=200M3/NGĐ NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ ĐẠT CỘT A

Ruộng lúa

Đường Hồ Chí Minh

Đường tỉnh 262

Đường tỉnh 262 Cũ

Đường Hà Nội

Đường Hà Nội Cũ

Suối

Cao độ đỉnh ga
Cao độ đáy ga
Tên ga
Cống BTCT D300
D300 – L=20 Đường kính cống (mm) – Chiều dài (m)
Ống chờ UPVC

M 14.40 / G1.1 / D 13.10

A = 11°34'10.96" R = 8
D = 1,19 P = 1,56
K = 0,26 T = 5,23

A = 90°0'11.18" R = 4
D = 5,04 P = 6,28
K = 88,46 T = 4

A = 90°0'0" R = 8
D = 3,43 P = 3,51
K = 12,57 T = 8

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH ĐẶT ỐNG CHỜ D160

ĐẦU CHỜ VÀO HỘ DÂN

ĐẦU CHỜ VÀO HỘ DÂN

0.8-1(M)

0.8-1(M)

D160-i%

0.7(M)

0.7(M)

D300 BTCT

D300 BTCT

HỐ GA

CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐẶT ỐNG CHỜ D160

+0.20

NÚT BÍT

CÚT

-0.70

TÊ

HỐ GA

D160-i%

D160-L0.5M

D160-L0.7-0.8(M)

D160-L0.7-0.8(M)

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

TT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**Phần cống**			
1	Đào hữu cơ móng cống (TB 50cm)	m3	264,16	*Tận dụng đổ vào phạm vi cây xanh - Thảo đổ thải*
2	Đào móng cống đất C3	m3	153,53	*Tận dụng để đắp hoàn trả*
3	Đệp mang cống	m3		*Đắp bằng cát độ chặt K95*
*	Đệp cát đinh cống	m3	513,61	
*	Đệp đất	m3	194,82	
4	Ống cống D300-HDPE-SN4 Vỉa hè	c.k	186	*Chiều dài 6m đoạn ống*
5	Ống cống D300-HDPE-SN8 Qua đường	c.k	38	*Chiều dài 6m đoạn ống*
6	Mối nối cống D300-HDPE-SN4 Vỉa hè	mối	161	
7	Mối nối cống D300-HDPE-SN8 Qua đường	mối	32	
8	Ống thép qua đường D350	m	224	*Lồng ngoài ống HDPE*
9	Trừ chiếm chỗ nền đường	m3	1075,08	
II	**Phần hố ga**	**nhg**	**61**	
1	Đào hữu cơ móng ga (TB 50cm)	m3	23,77	*Tận dụng đổ vào phạm vi cây xanh - Thảo đổ thải*
2	Đào móng ga đất C3	m3	31,77	*Tận dụng để đắp hoàn trả*
3	Đệm dày móng đá dăm 1x2 dày 10cm	m3	13,18	*= 61*1,47*1,47*0,1*
4	Vân khuôn đổ bê tông đáy ga	m2	53,80	*= 61*(1,47*4+0,15)*
5	Bê tông dày ga M250# đá 1x2 dày 15cm	m3	19,77	*= 61*1,47*1,47*0,15*
6	Xây tường gạch không nung vxm M75#	m3	78,24	*Bảng tính*
7	Trát tường trong ga vxm M75# dày 1,5cm	m2	286,16	*Bảng tính*
8	Tấm đan			
*	Gia công lắp dựng cốt thép tấm đan	kg	2562,61	
	Φ8	kg	*293,41*	*Thép II. Fy=300Mpa; E=210000Mpa*
	Φ10	kg	*462,89*	*Thép II. Fy=300Mpa; E=210000Mpa*
	Móc cẩu tấm đan Φ10	kg	*114,07*	*Thép AI. Fy=240Mpa; E=210000Mpa*
	Thép góc L50x50x5	kg	*1692,25*	
*	Vân khuôn tấm đan	m2	22,45	
*	Bê tông tấm đan M250#, đá 1x2cm	m3	4,58	
*	Lắp đặt tấm đan	c.k	22,00	
7	Mũ mỏ (miệng ga)			
*	Gia công lắp dựng cốt thép mũ mỏ	kg	1179,13	
	Φ8	kg	38,43	*Thép II. Fy=300Mpa; E=210000Mpa*
	Thép góc L50x50x5	kg	1140,70	
*	Vân khuôn mũ mỏ	m2	154,31	
*	Bê tông mũ mỏ M250#, đá 1x2cm	m3	9,82	
8	Giếng tường kt: 100x220cm			
*	Gia công lắp dựng cốt thép	kg	34,92	
	Φ10	kg	24,68	*Bảng tính*
	Φ8a200	kg	10,24	*Bảng tính*
*	Vân khuôn giếng tường	m2	4,00	*Bảng tính*
*	Bê tông giếng tường M250#, đá 1x2cm	m3	0,44	*Bảng tính*
9	Thép thang lên xuống			
	Φ16	kg	31,56	
10	Hệ thống ống UPVC D160 đấu nối vào ga			Tính theo mặt bằng
*	Ống UPVC D160	m	613	
*	Cút góc D160	c.k	151	
*	Tê D160	c.k	135	
*	Nút bịt	c.k	224	
11	Trừ ga chiếm chỗ nền đường	m3	68,03	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số……/……

Ngày……tháng……năm 20……

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số……/……

Ngày……tháng……năm 20……

Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày …… tháng …… năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

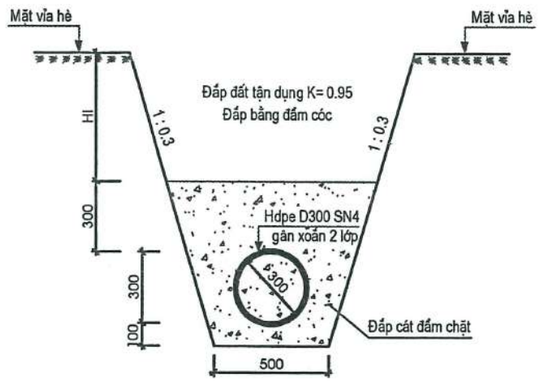
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỐNG ĐẤU NỐI VÀO GA

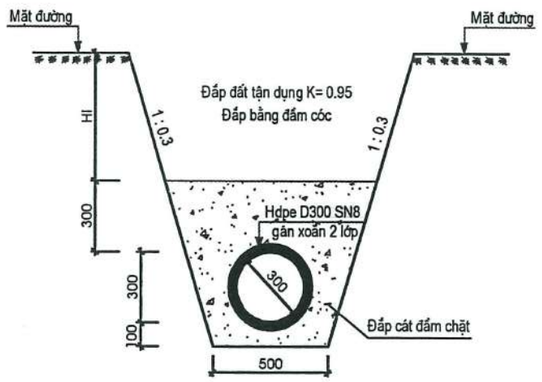
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TNT-1B
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP CỐNG - CHI TIẾT TẤM ĐAN - MIỆNG GA

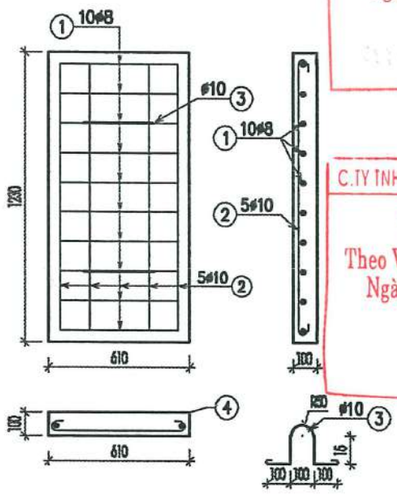
MẶT CẮT NGANG ỐNG VỊ TRÍ TRÊN VỈA HÈ



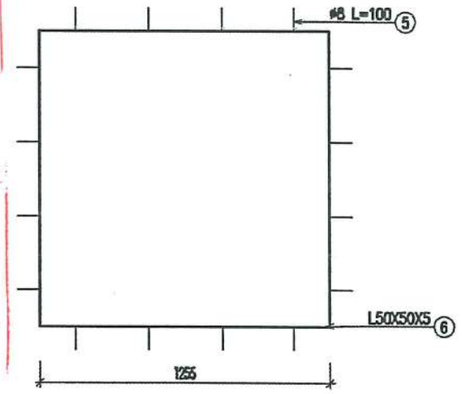
MẶT CẮT NGANG ỐNG VỊ TRÍ DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG



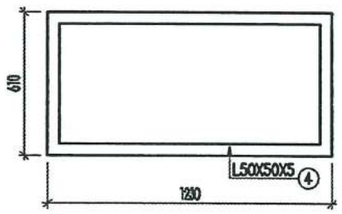
TẤM ĐAN D6



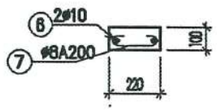
KHUNG THÉP GÓC MIỆNG GA



CT THÉP L TẤM ĐAN



GIẰNG TƯỜNG



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TI...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

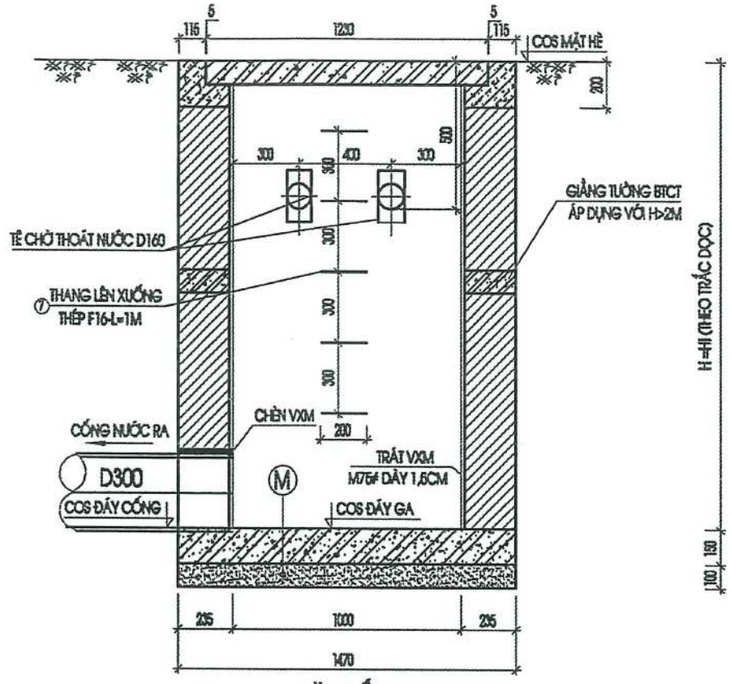
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Thép tấm đan Số lượng: 2	1	50 510 50	8	610	10	20	12.2	4.81
	2	50 1130 50	10	1230	5	10	12.3	7.58
	3	50 150 50 100 150 50 100	10	757	2	4	3.028	1.87
	4	LDC 50x5 Thép góc		3680	1	2	7.36	27.75
Thép miệng ga Số lượng: 1	5	100	8	100	16	16	1.6	0.63
	6	LDC 50x5 Thép góc		4960	1	1	4.96	18.70
Thép thang Số lượng: 1	7	350 350 300	16	1000	5	5	5	7.89
Thép giằng tường Số lượng: 1	8	5000	10	5000	2	2	10	6.17
	9	50 160 50	8	260	25	25	6.5	2.56

- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 8 kg; Chiều dài = 20.3 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 15.62 kg; Chiều dài = 25.33 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 7.89 kg; Chiều dài = 5 mét
- Trọng lượng Thép góc: LDC 50x5 = 46.45 kg; Chiều dài = 12.32 mét

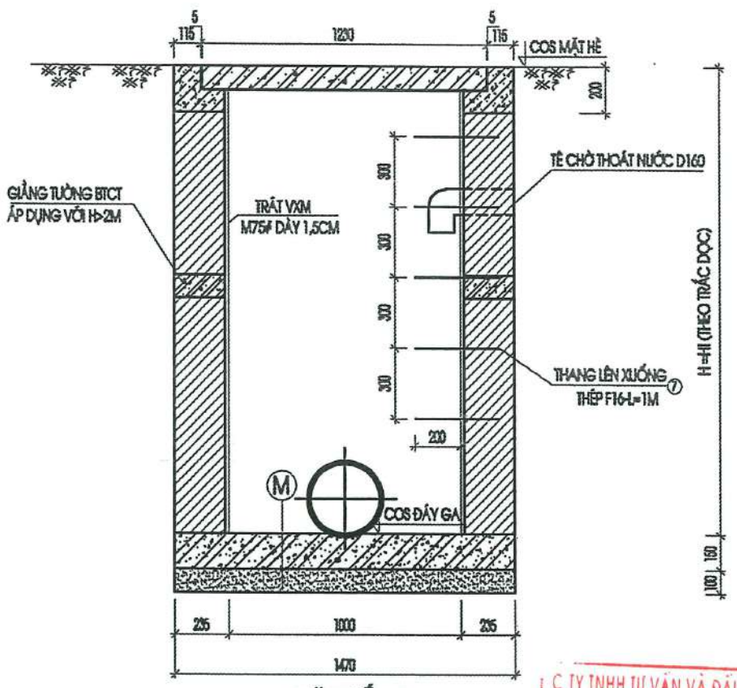
Ghi chú: - Kích thước trên bản vẽ là mm

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày 11 tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI MẶT CẮT ĐÀO ĐẮP CỐNG - CT TẤM ĐAN - MIỆNG GA
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-02
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

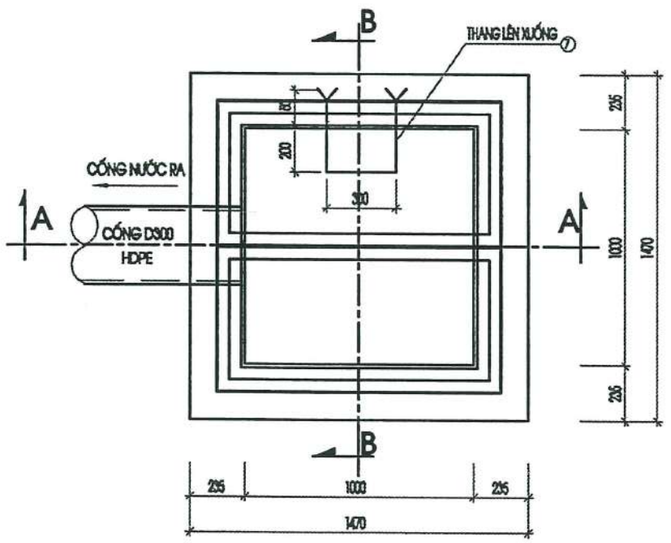
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1A



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

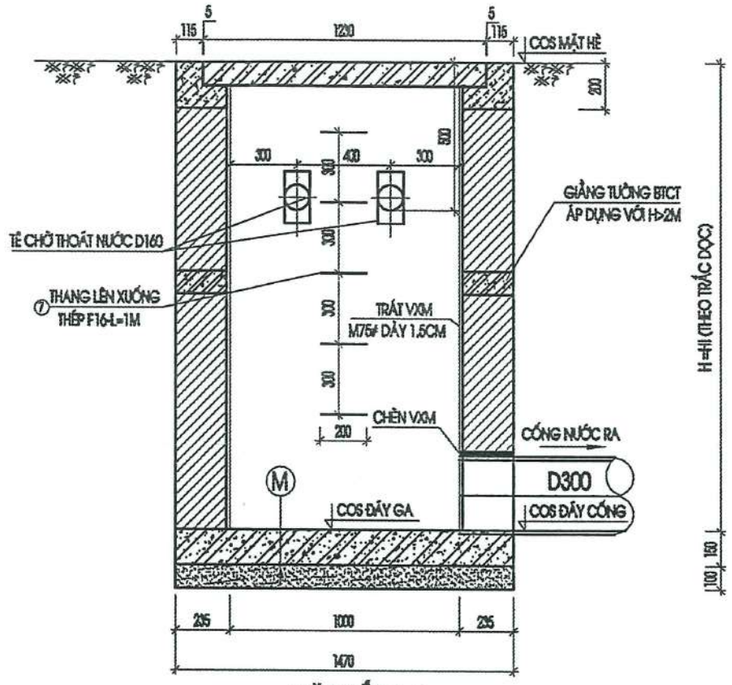
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

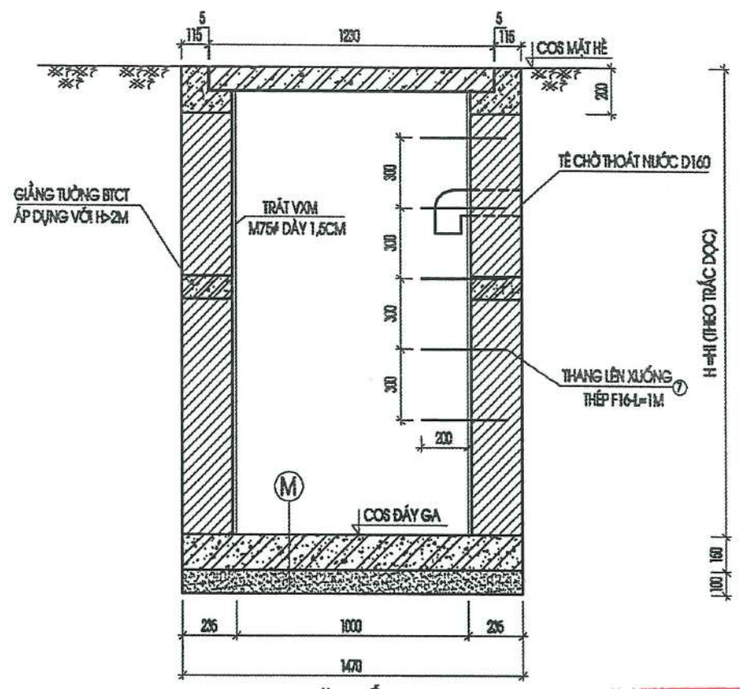
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1A
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-03
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

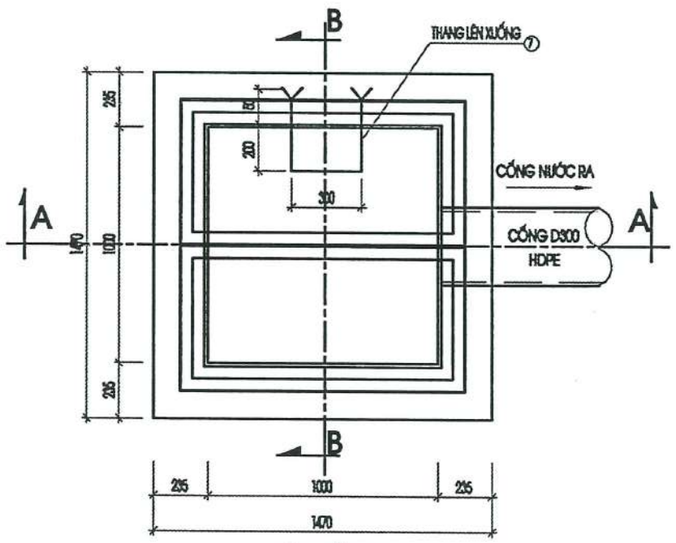
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

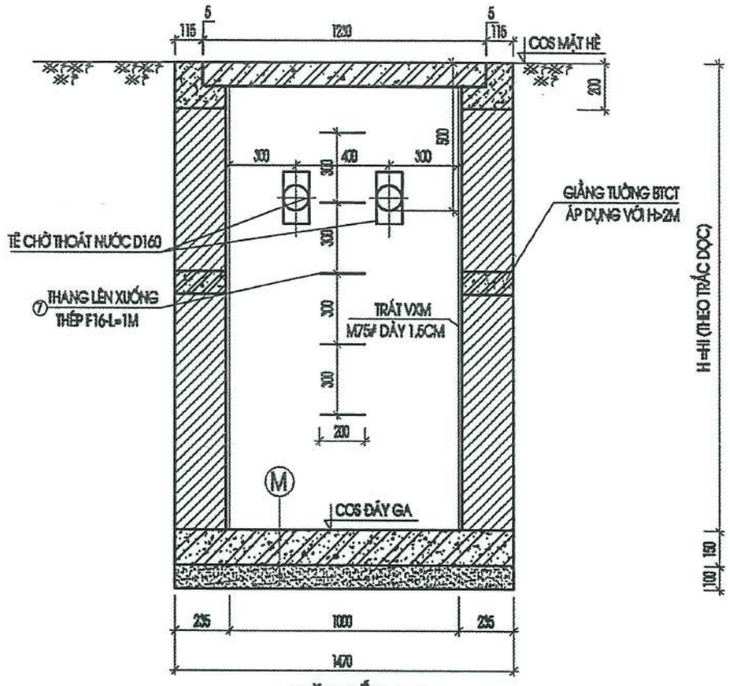
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

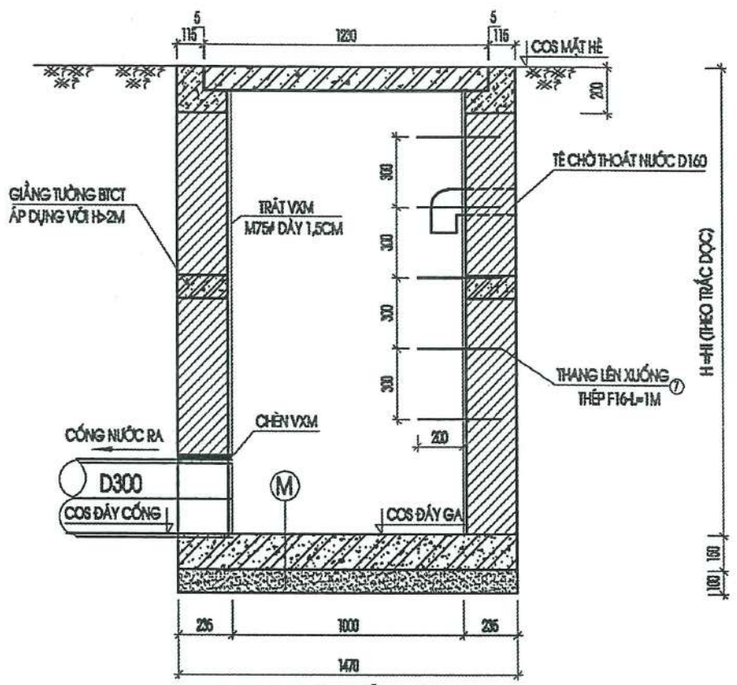
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đầu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1B
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-04
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1C

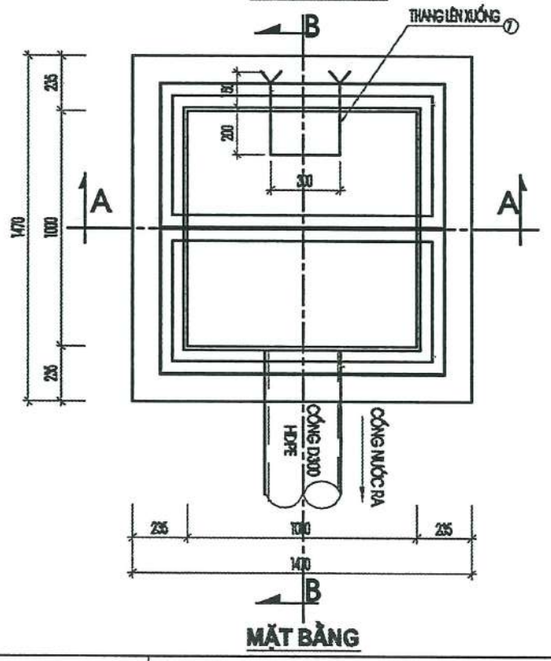


MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM



MẶT BẰNG

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

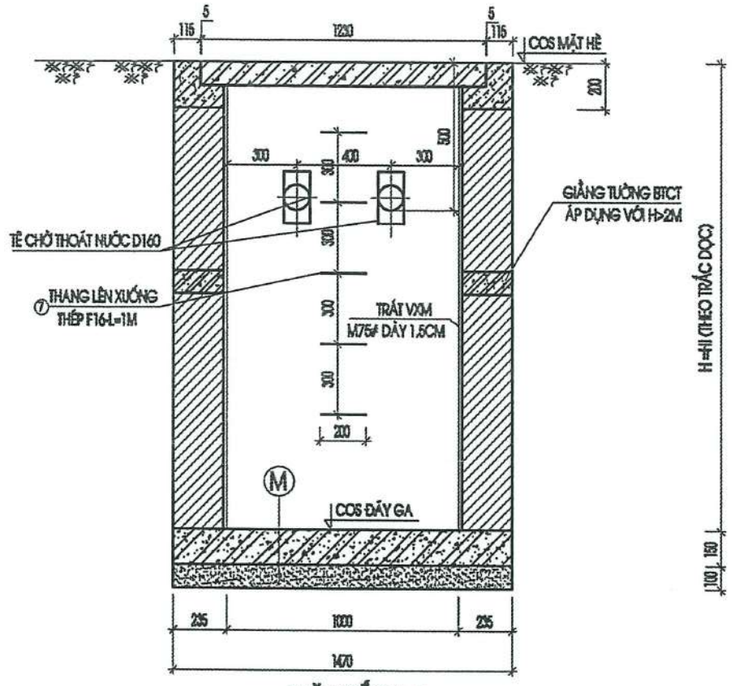
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

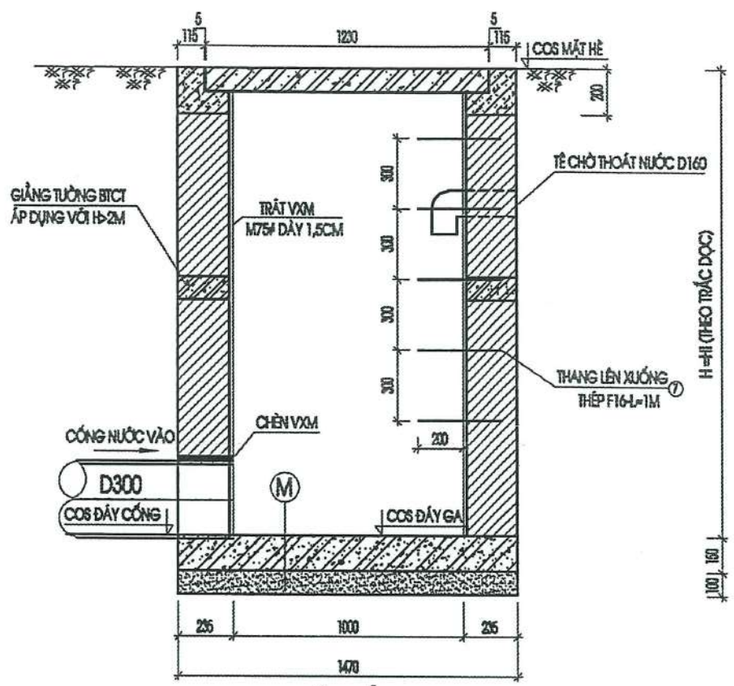
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1C
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-05
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

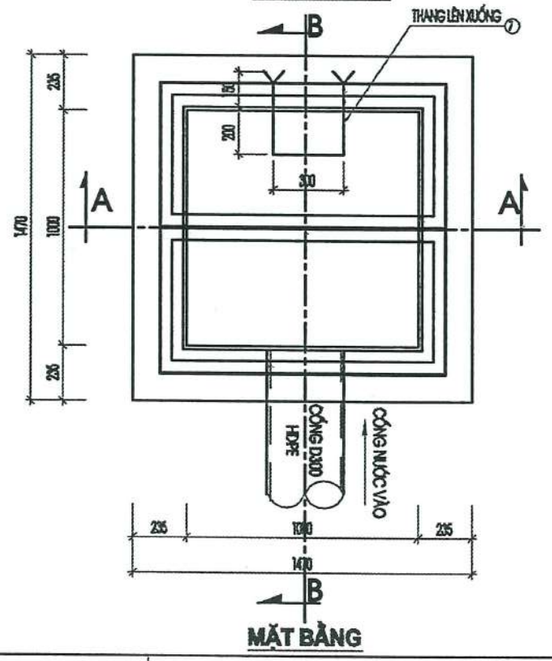
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1D



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

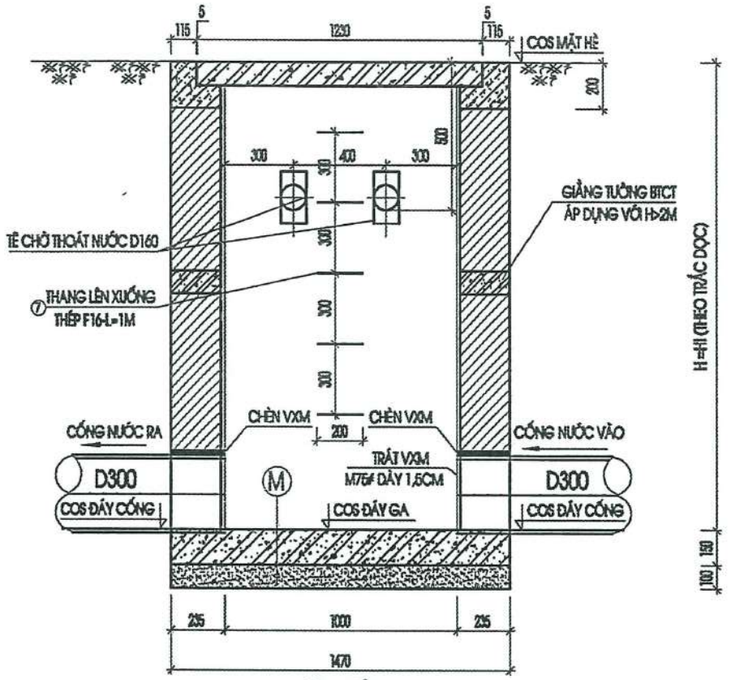
GHI CHÚ:

+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

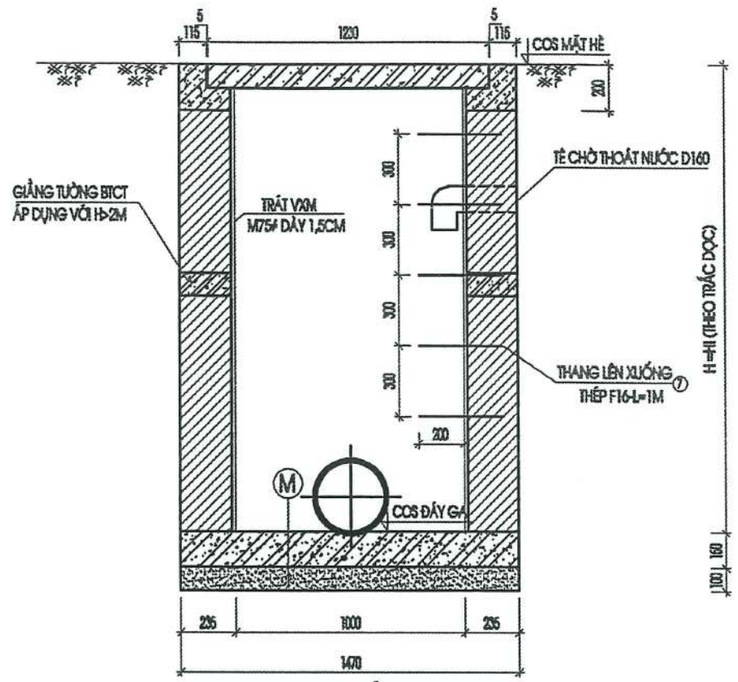
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 1D	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

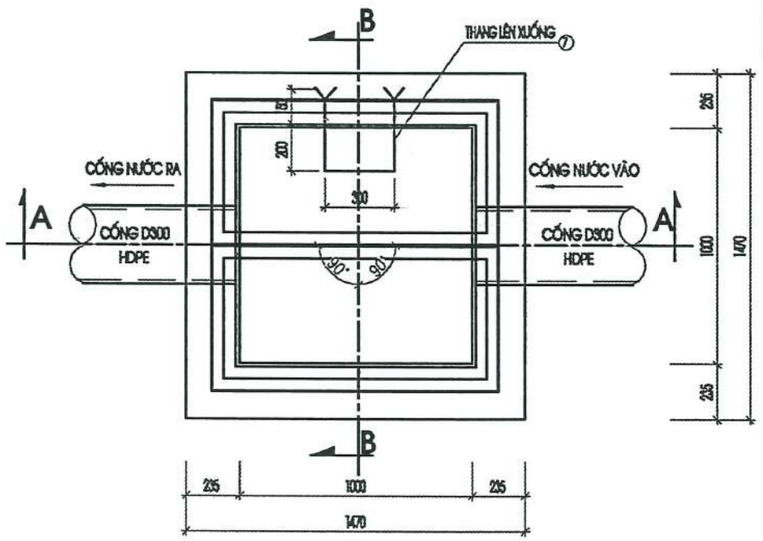
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2A



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTĐM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

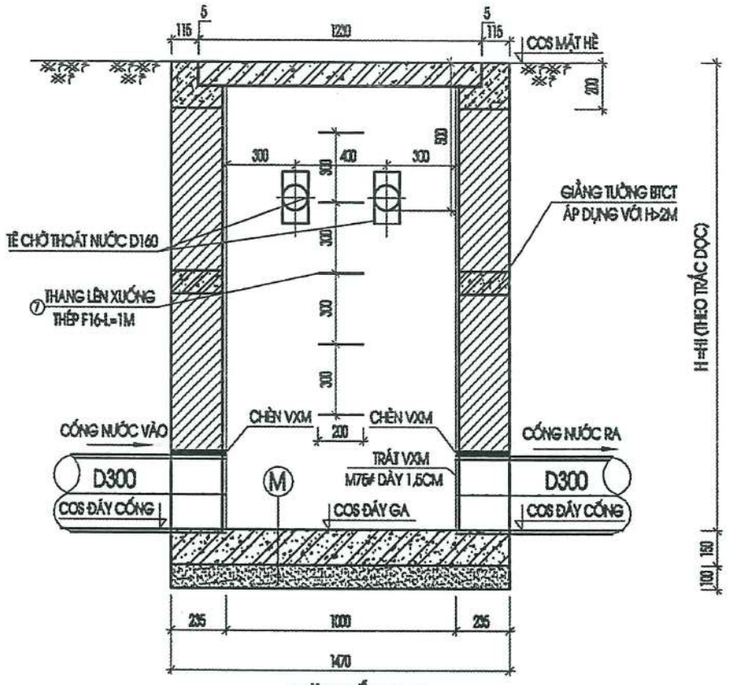
GHI CHÚ:

+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

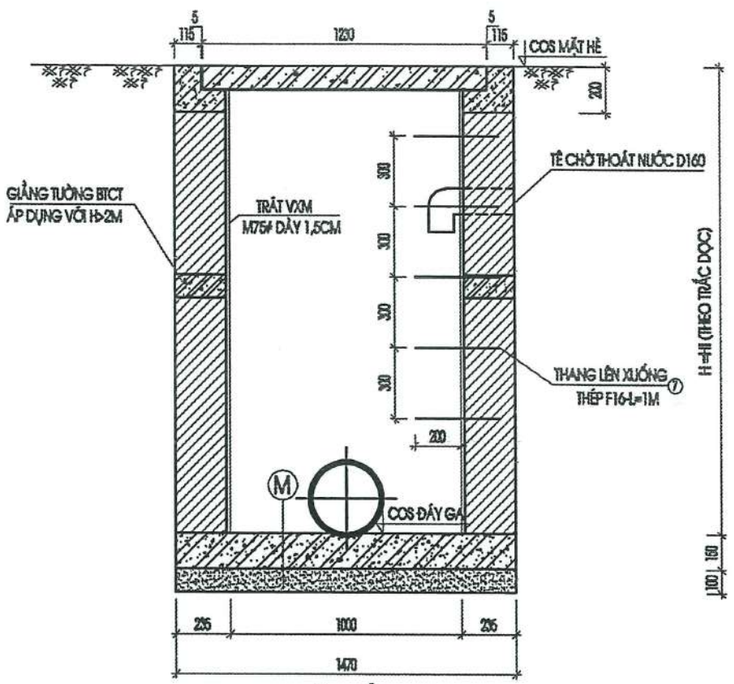
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 01 tháng 7 năm 2025 KT. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2A	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

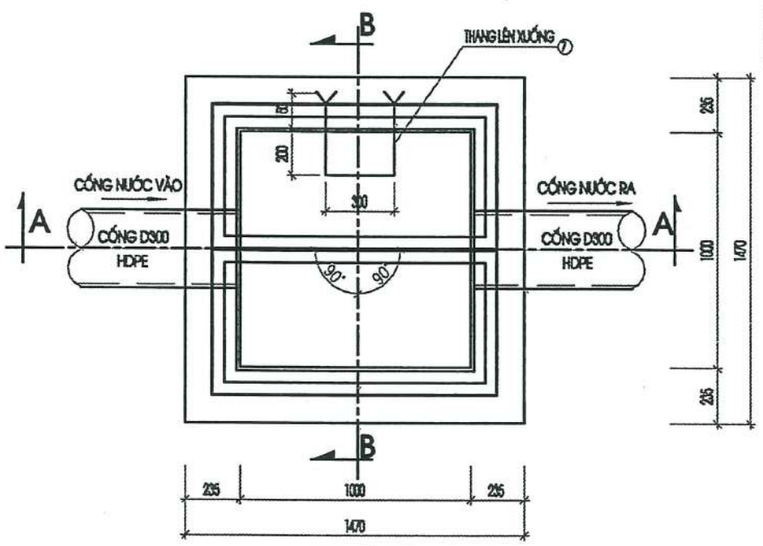
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTĐM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

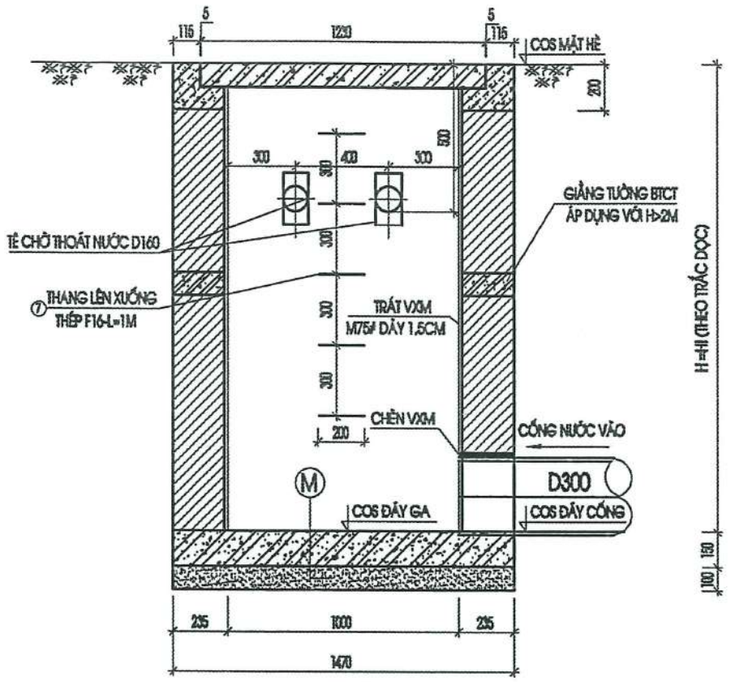
GHI CHÚ:

+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

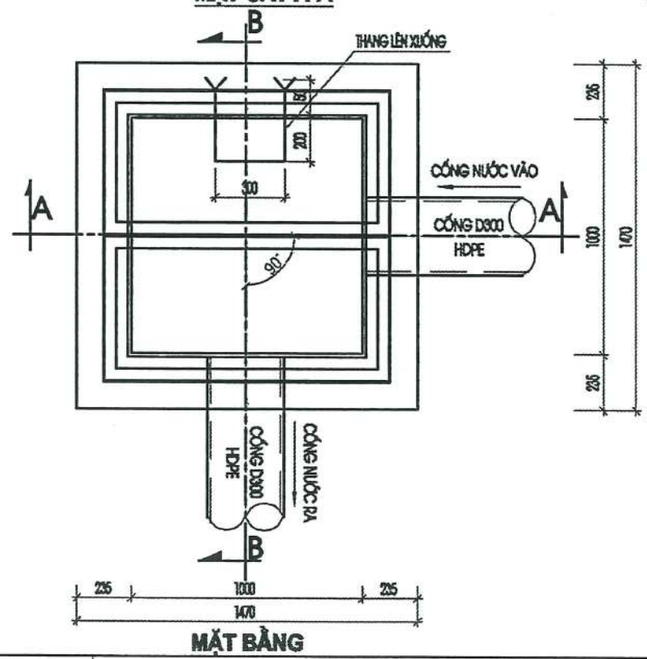
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2B	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-08
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2C



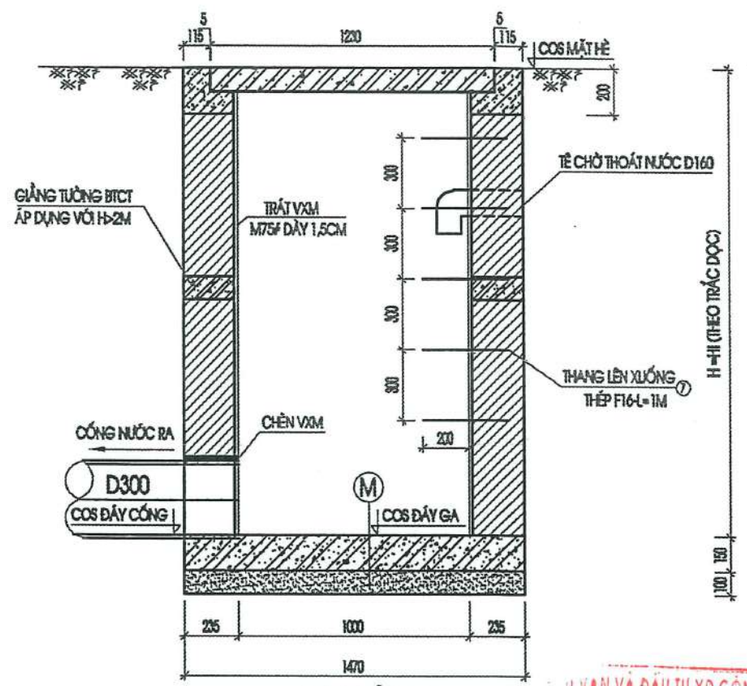
MẶT CẮT A-A



MẶT BẰNG

Ⓜ - ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#

- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM



MẶT CẮT B-B

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

GHI CHÚ:

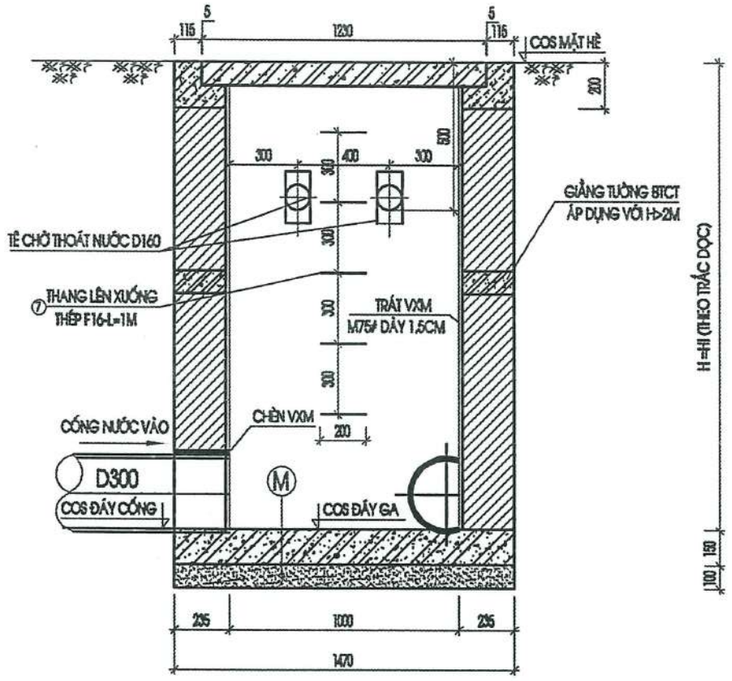
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

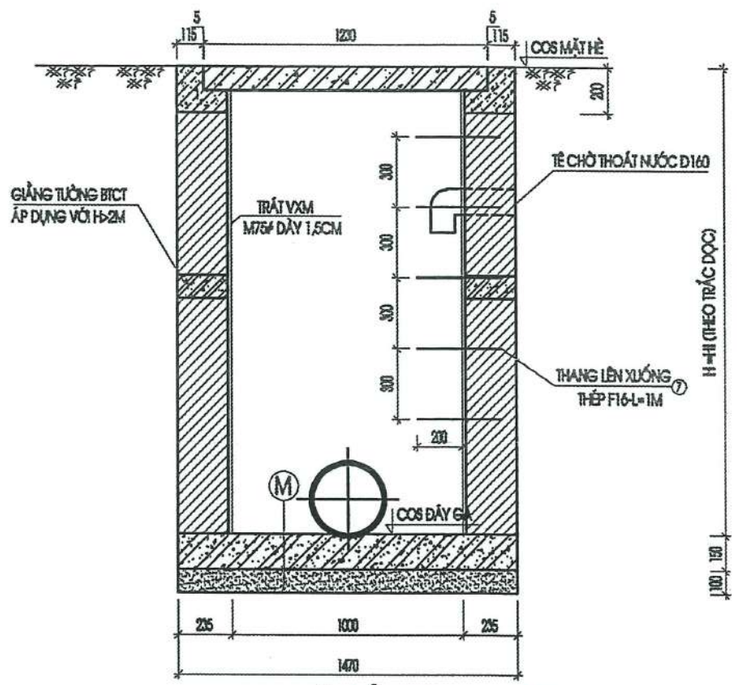
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2C

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

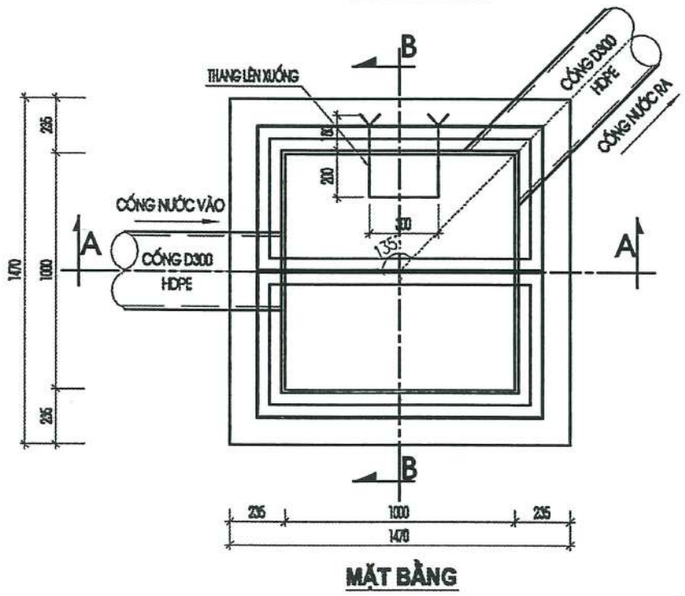
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2D



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

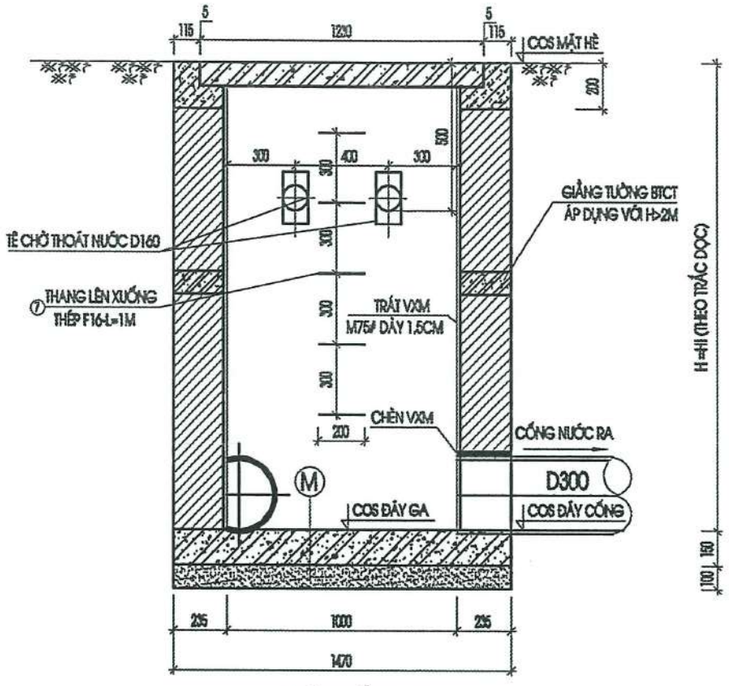
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

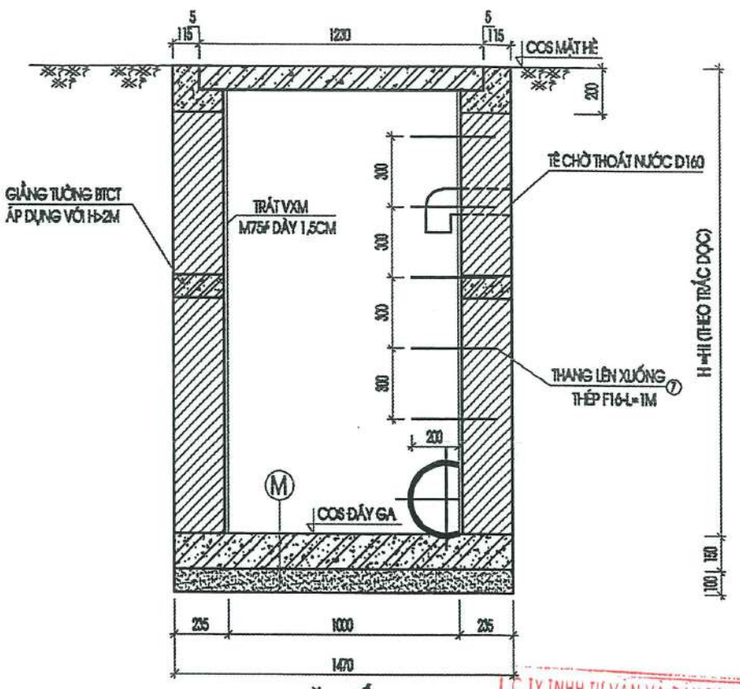
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2D

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-10
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

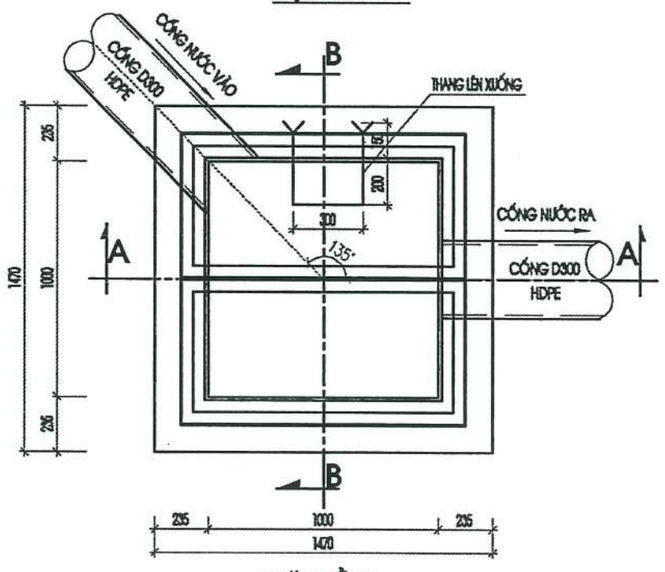
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2E



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH H.
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

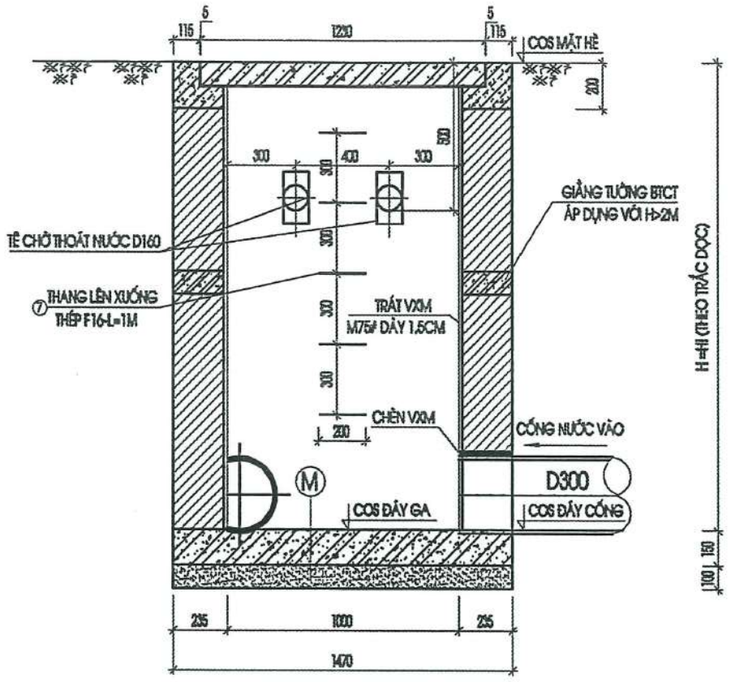
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đầu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

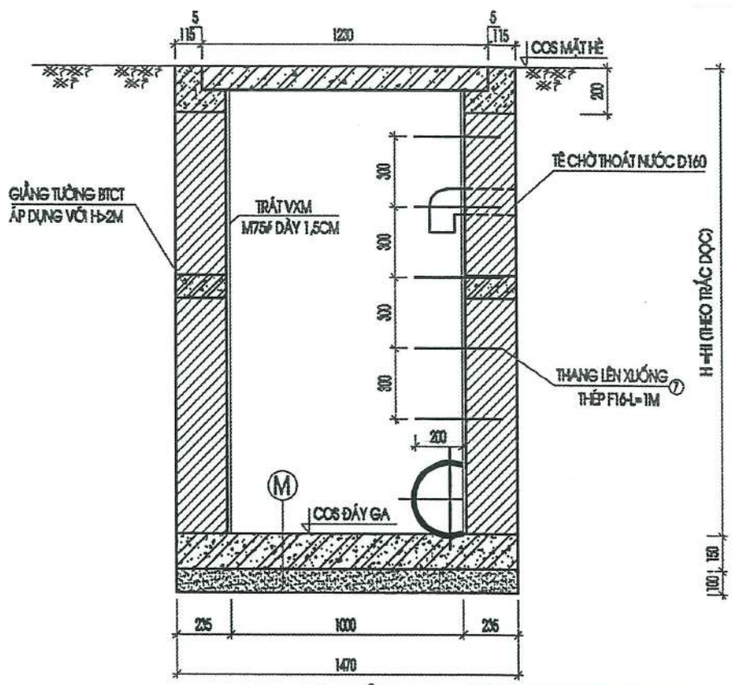
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2D

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-11
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

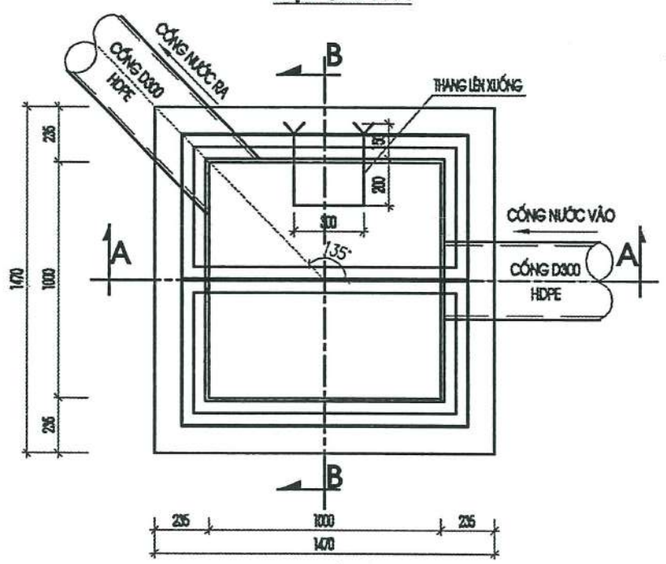
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2F



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

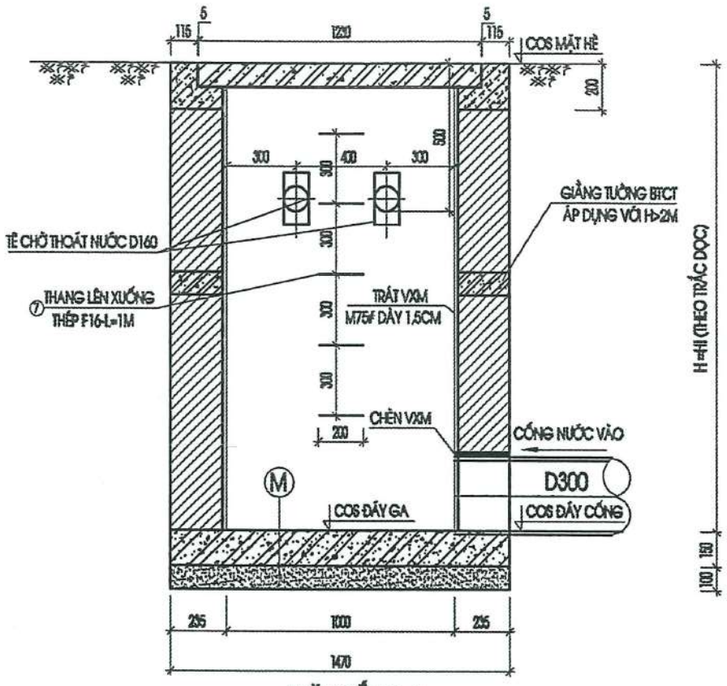
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

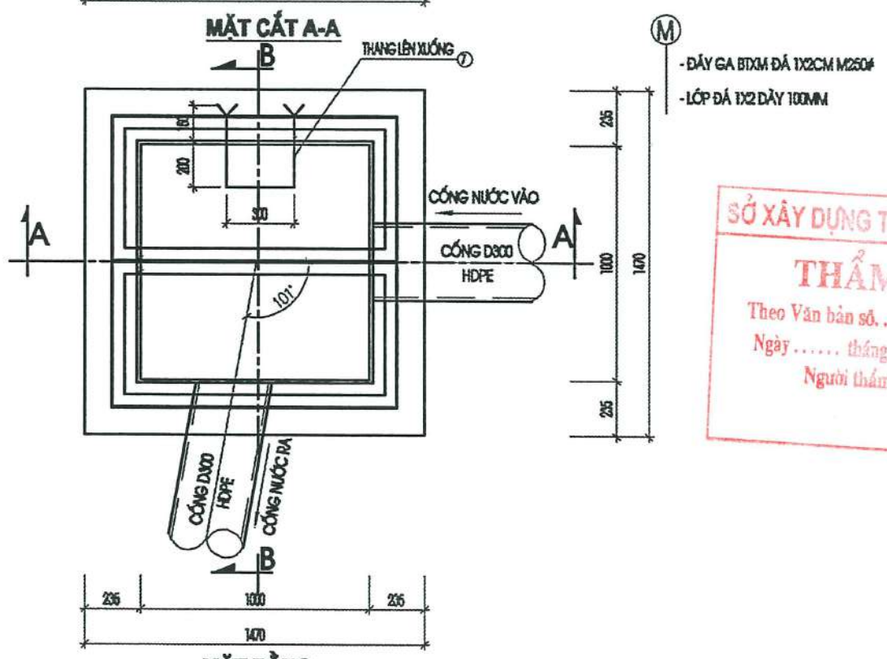
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2F

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

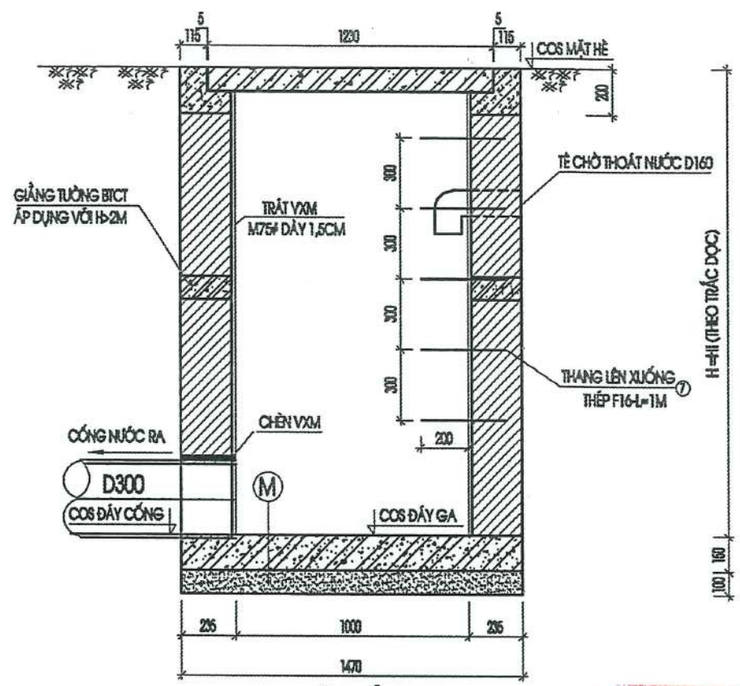
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2G



MẶT CẮT A-A



MẶT BẰNG



MẶT CẮT B-B

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

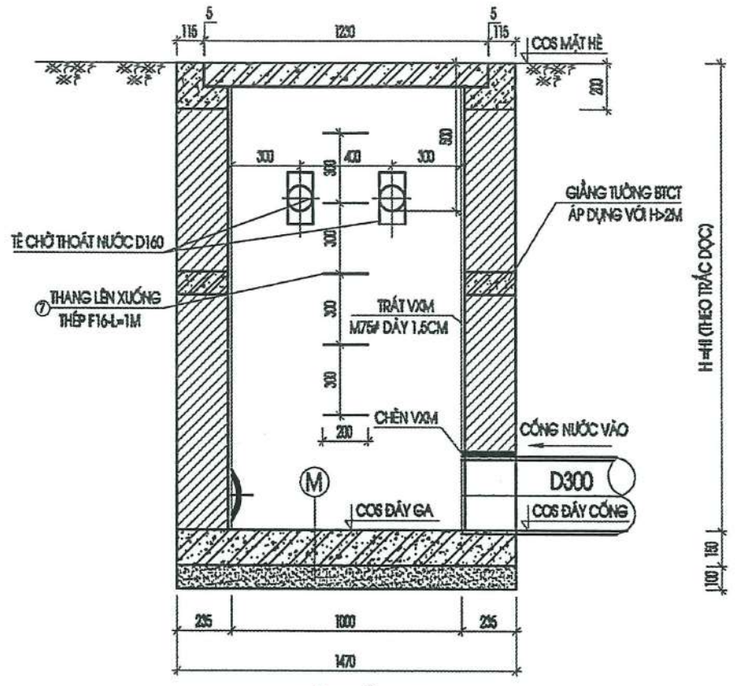
GHI CHÚ:

+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

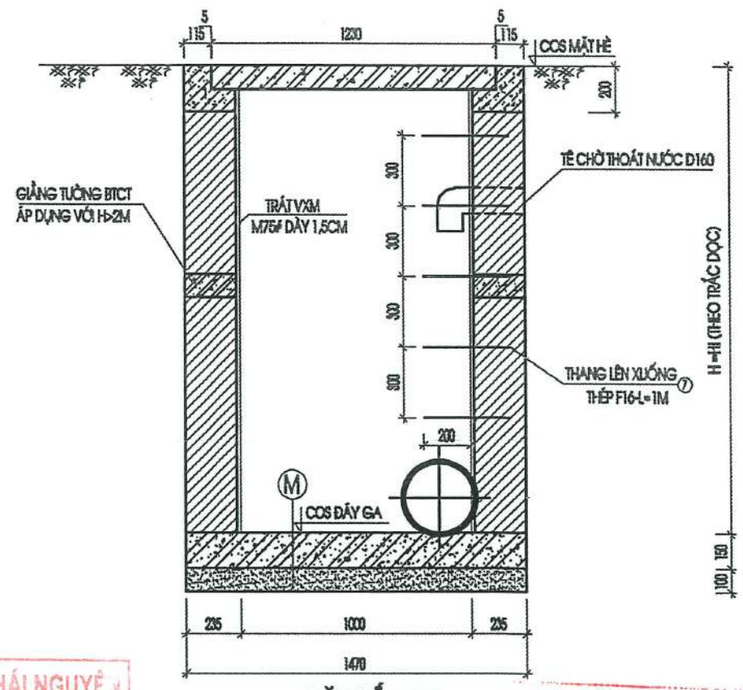
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2025 KT. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2G	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-13
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

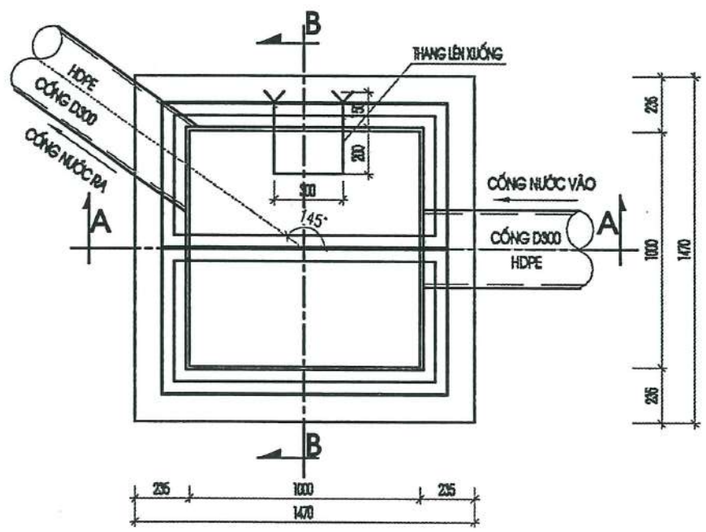
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2H



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

GHI CHÚ:

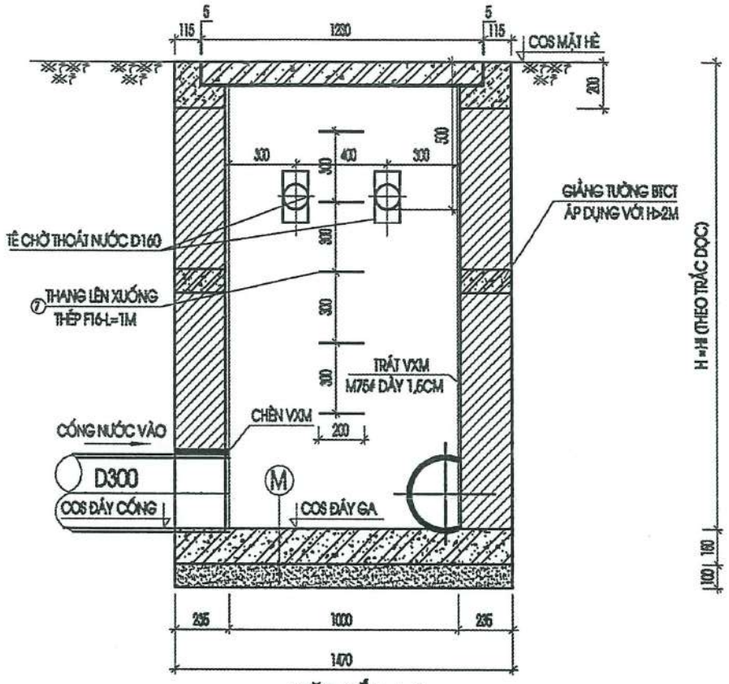
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..., năm 2025
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		KS. TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

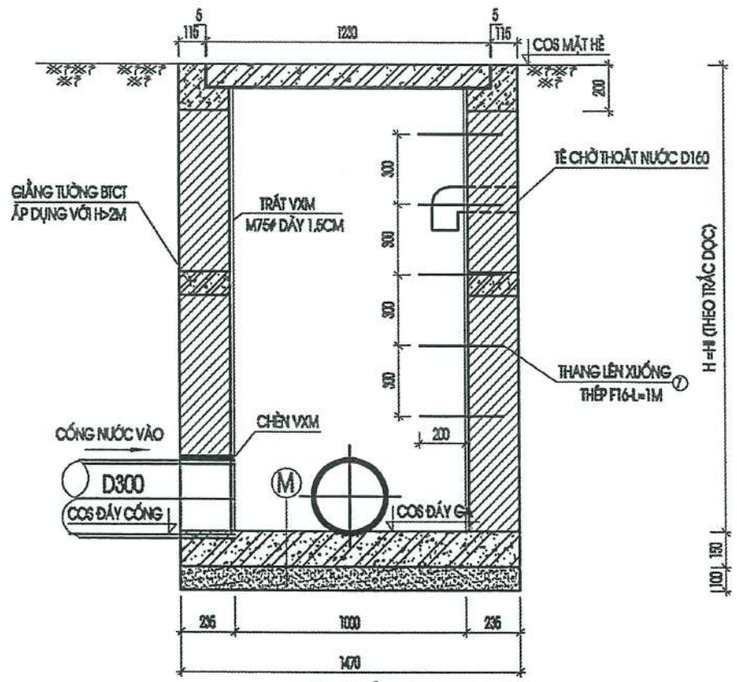
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 2H

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-14
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

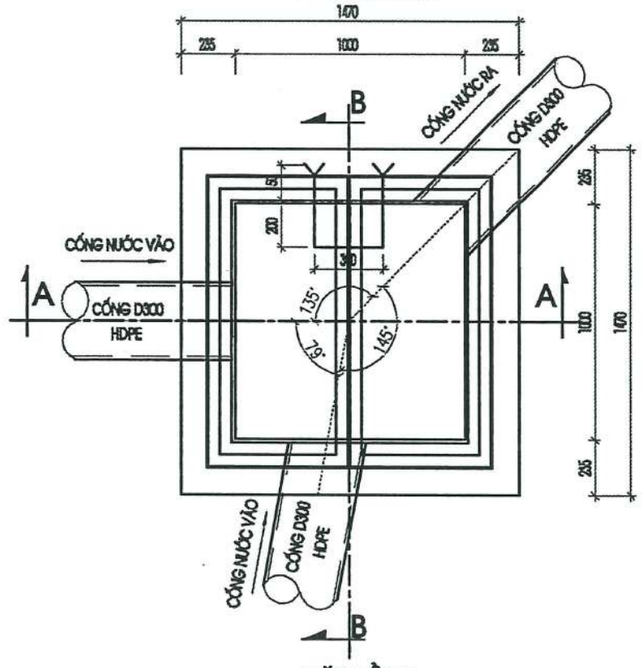
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3A



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ:

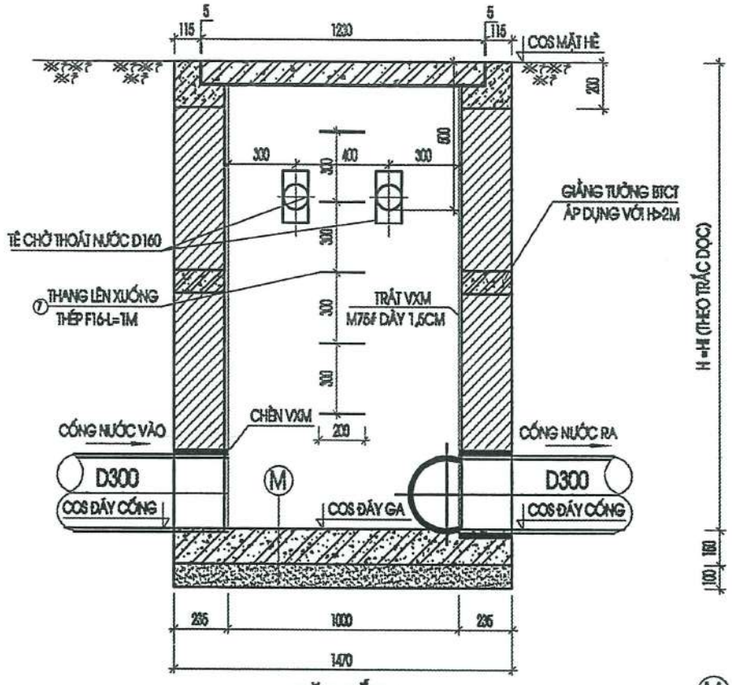
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đầu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

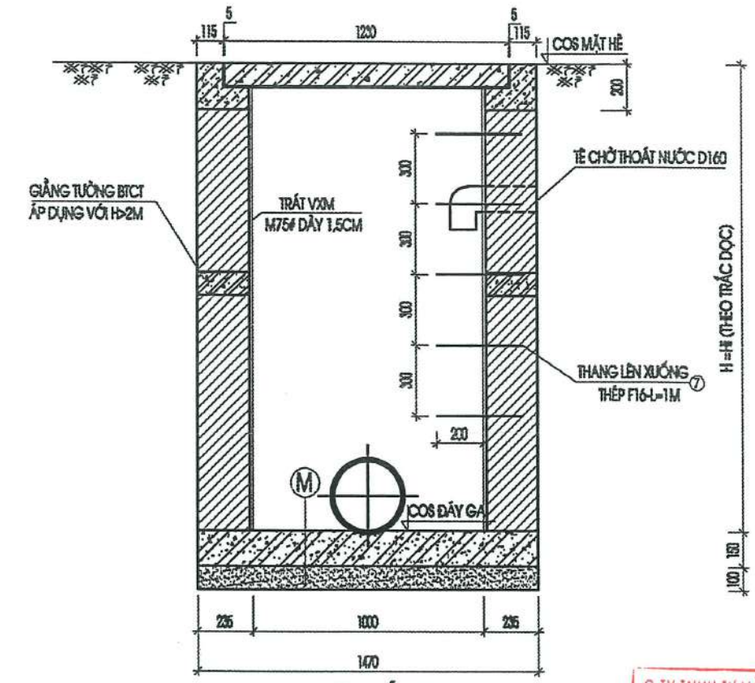
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3A

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

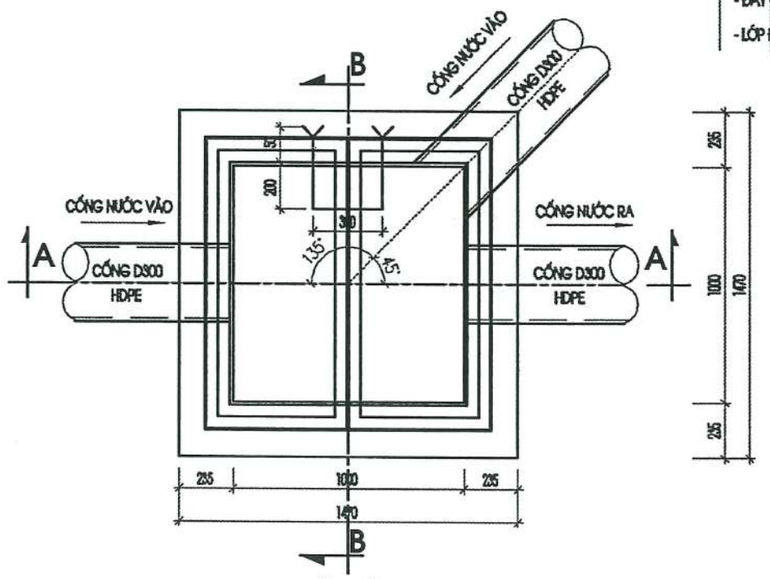
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2 M200#
- LÓT ĐÁ DĂM 1X2 DÀY 100MM

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

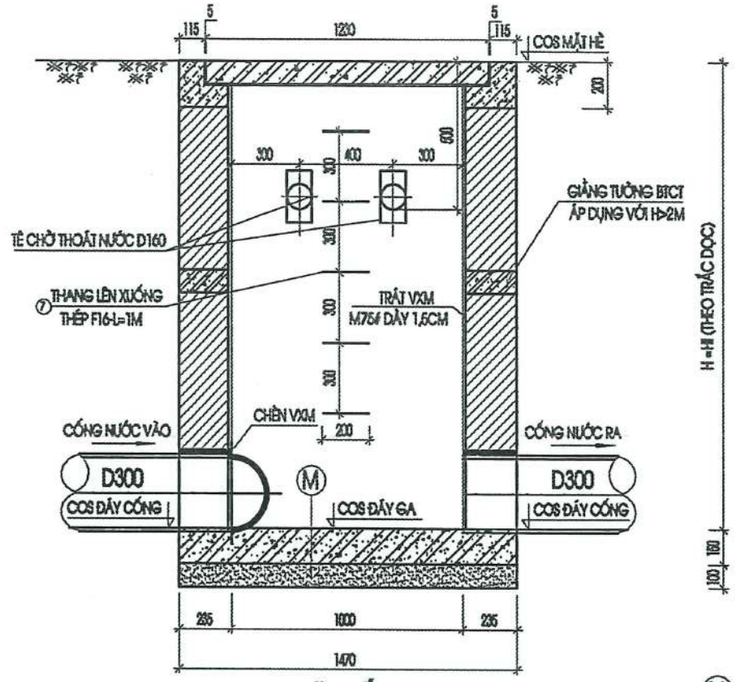
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

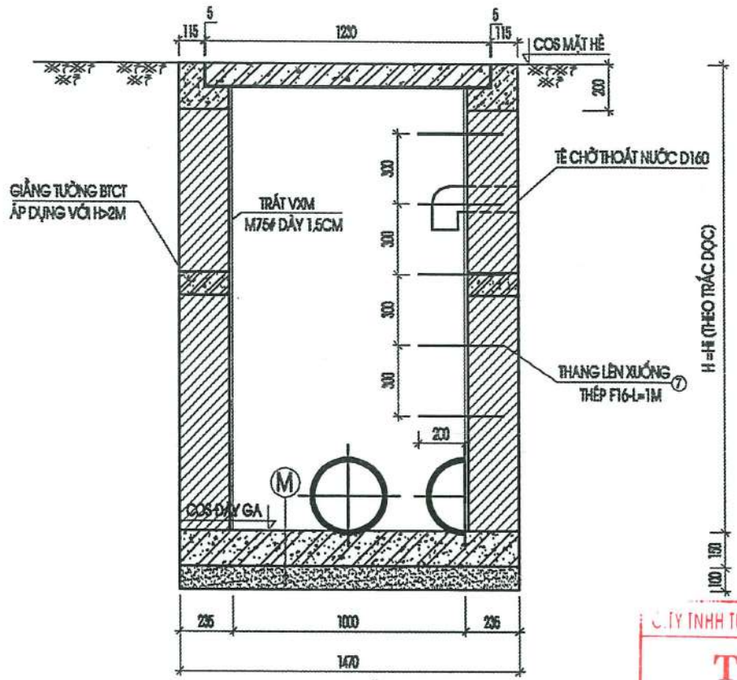
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3B
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-16
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3C

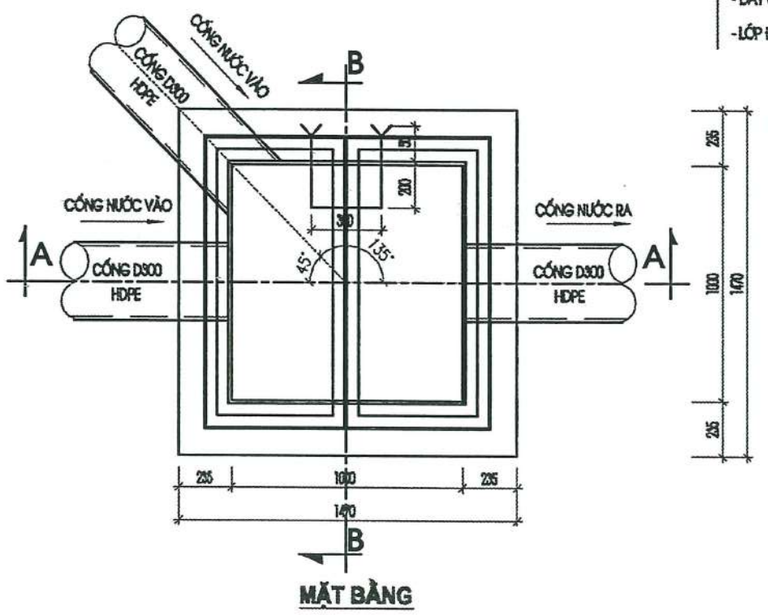


MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

M - ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
-LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM



MẶT BẰNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

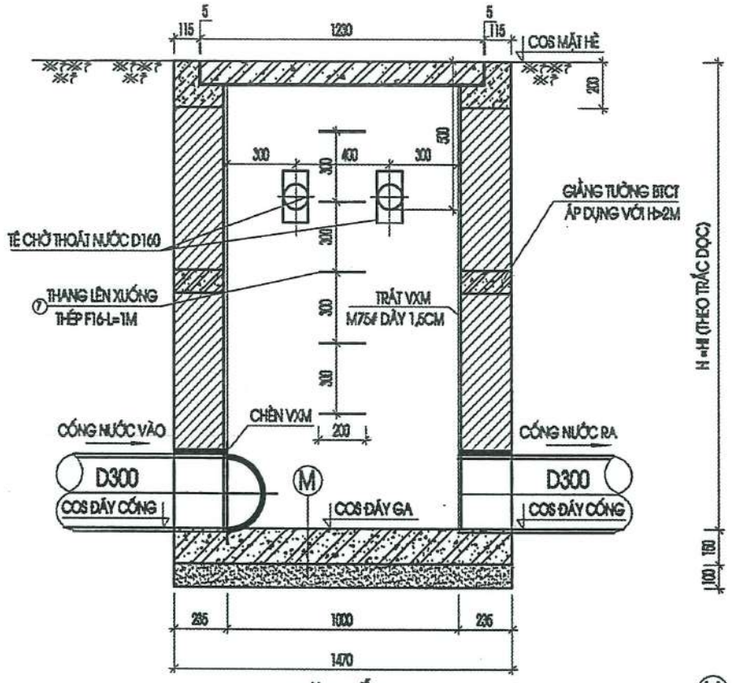
GHI CHÚ:

+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

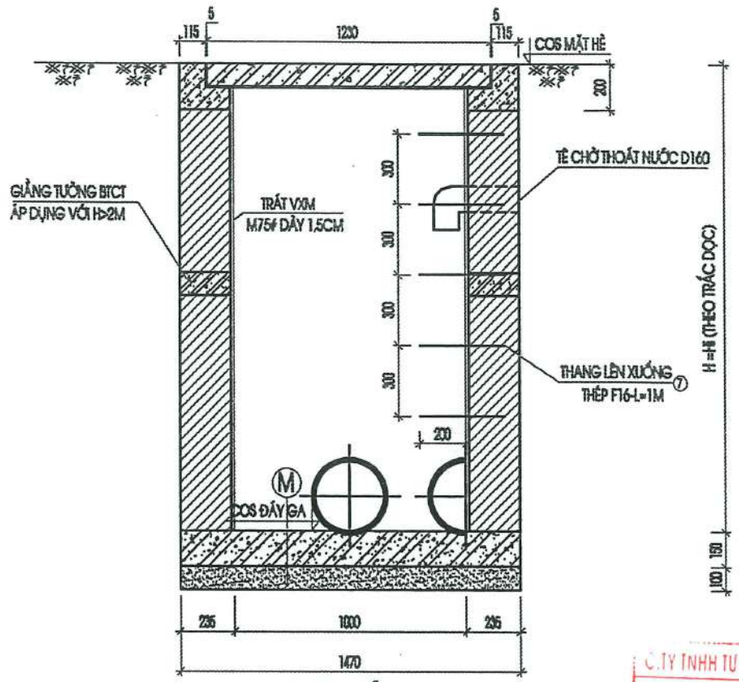
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3C	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-17
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

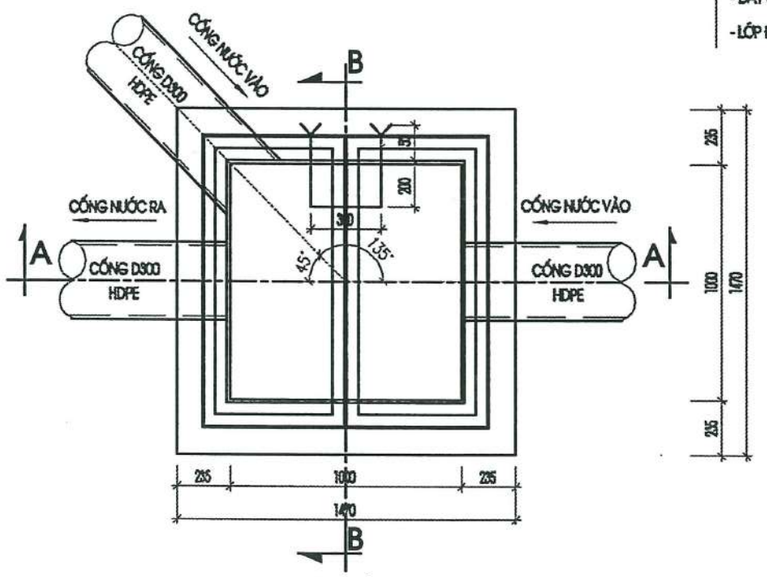
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3D



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ - ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

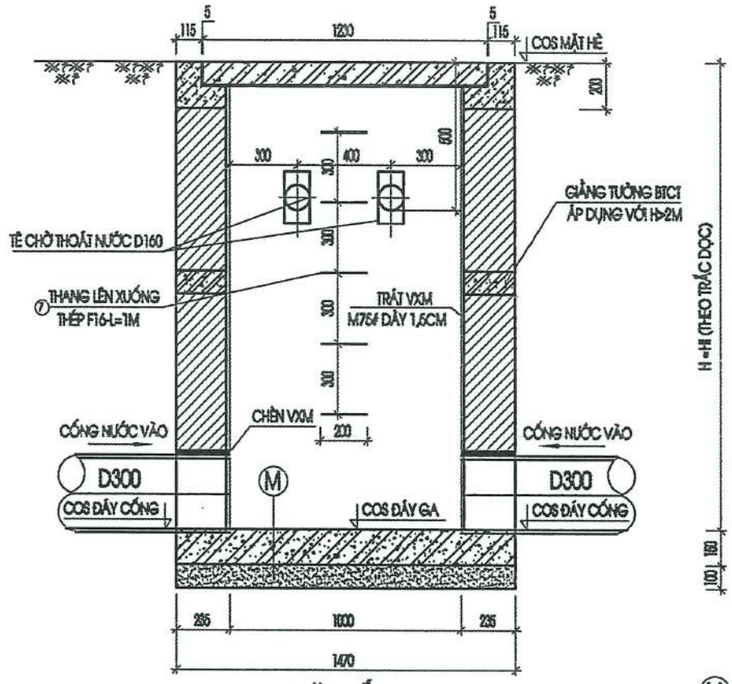
CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68.1BC - CT
Ngày..06..tháng..12..năm 20..25
Ký tên

GHI CHÚ:

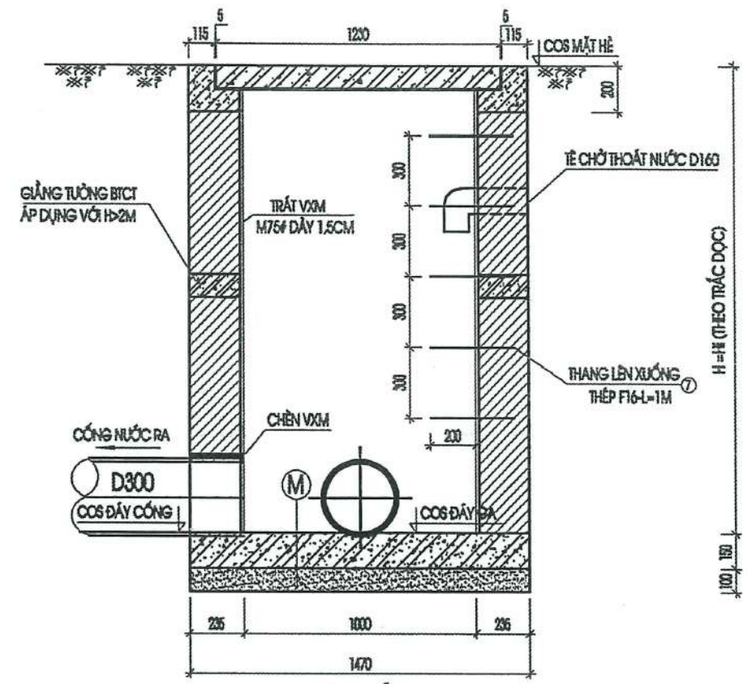
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3D
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-18
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

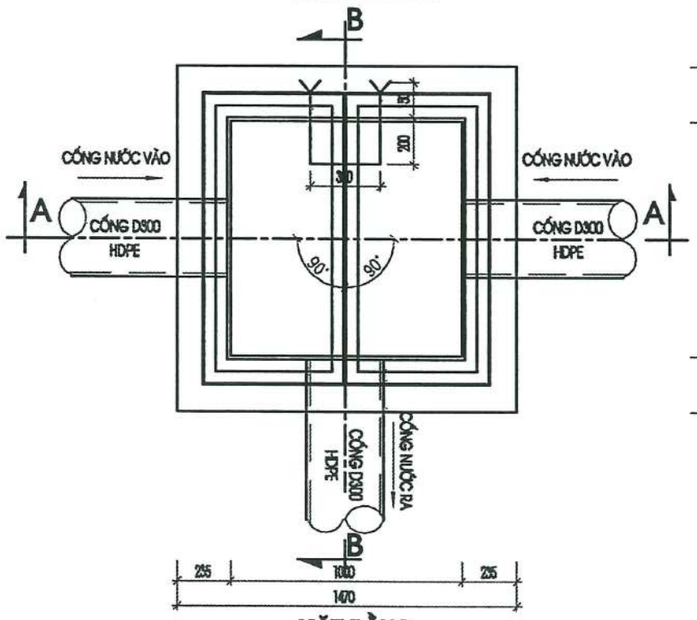
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3E



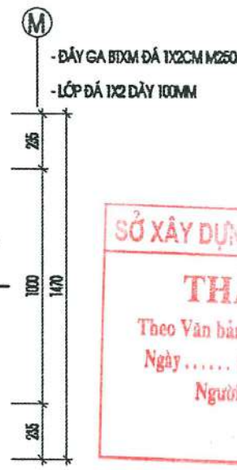
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH T...
THẨM TRA
Theo Văn bản số..681/BC-CT..
Ngày..06.tháng..11.năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

GHI CHÚ:

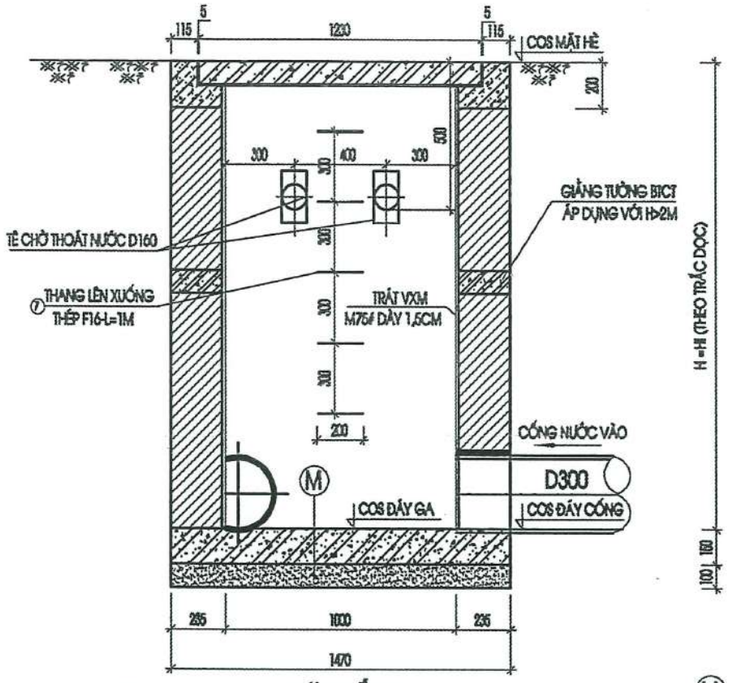
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

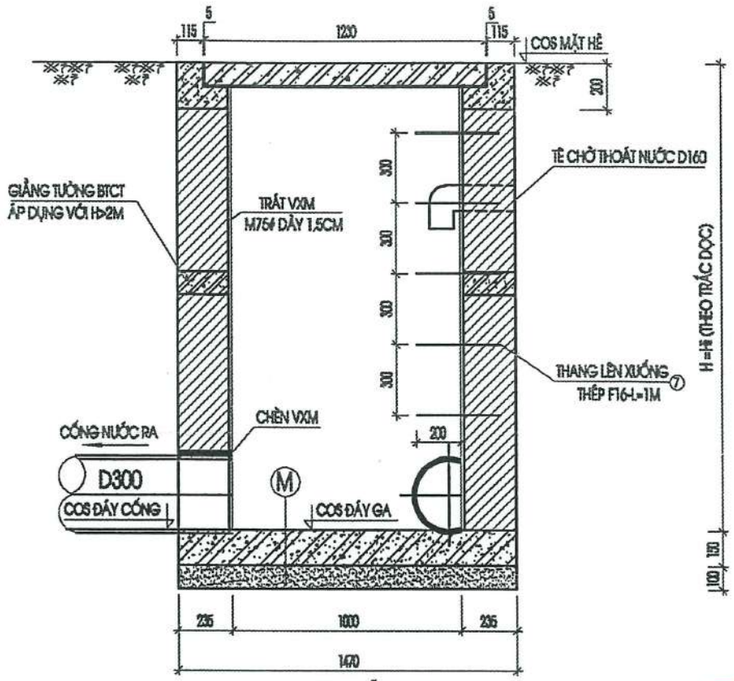
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3E	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-19
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

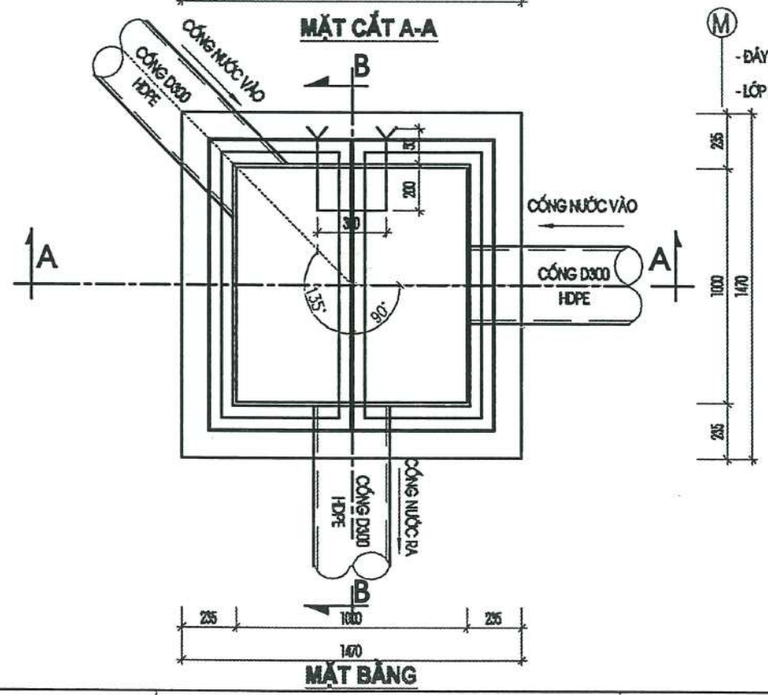
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3F



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 681/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

GHI CHÚ:

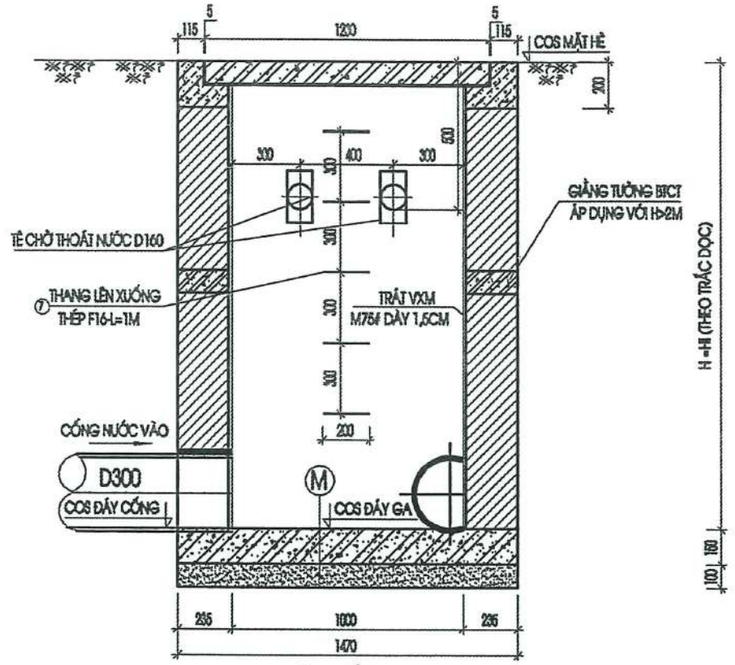
+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

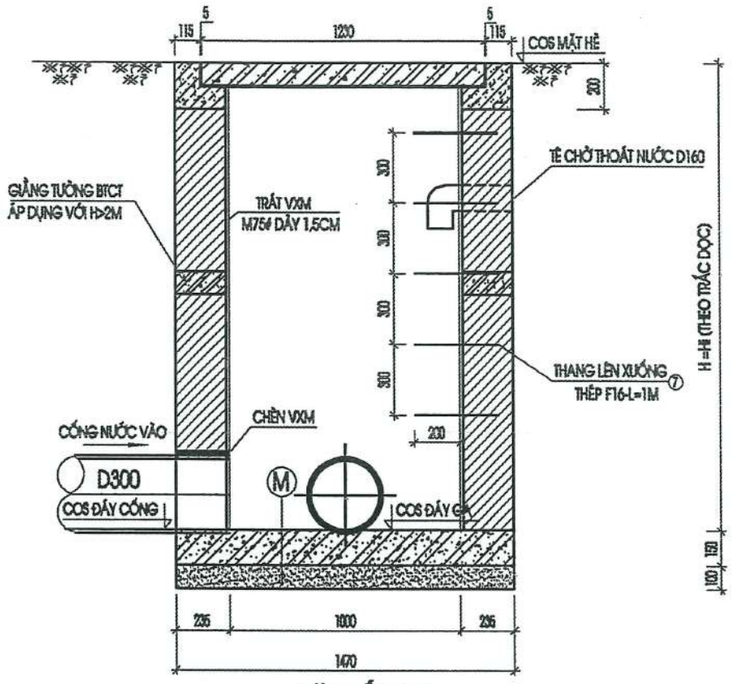
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3F

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-20
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

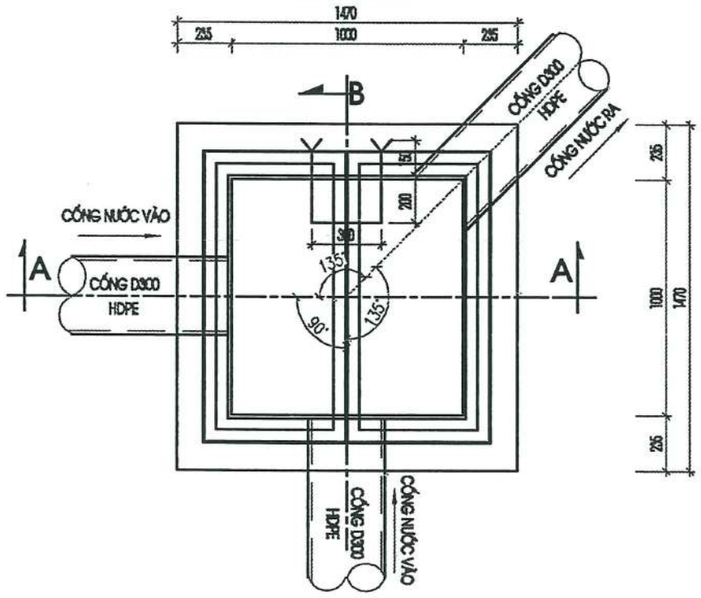
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3G



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

Ⓜ
- ĐÁY GA BTXM ĐÁ 1X2CM M250#
- LỚP ĐÁ 1X2 DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...61.1B/C-...05
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

GHI CHÚ:

+ Chiều cao từng hố ga xem bản vẽ trắc dọc
+ Lót đáy ga sử dụng đá dăm 1x2cm
+ Giằng cổ, tấm đan, đáy ga sử dụng bê tông M250#, đá 1x2cm
+ Tường xây gạch đặc không nung vxm M75#, trát trong vxm M75# dày 15mm
+ Cốt thép đường kính D>=10, thép aii, fY=300mPA, e=210000mPA
+ Cốt thép đường kính D<10, thép ai, fY=240mPA, e=210000mPA
+ Nối thép bằng phương pháp nối buộc hoặc hàn
+ Khi thi công chú ý xem kết hợp với các bản vẽ hạ tầng kĩ thuật khác
+ Kích thước bản vẽ ghi đơn vị mm
+ Hố ga thu nước loại 1: áp dụng với các hố đấu tuyến cống Hdpe D300 và điểm xả
+ Hố ga thu nước loại 2: áp dụng với các hố đấu nối 2 cống Hdpe D300
+ Hố ga thu nước loại 3: áp dụng với các hố đấu nối 3 cống Hdpe D300

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025* GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
CẤU TẠO HỐ GA ĐIỂN HÌNH LOẠI 3G

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-21
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ...

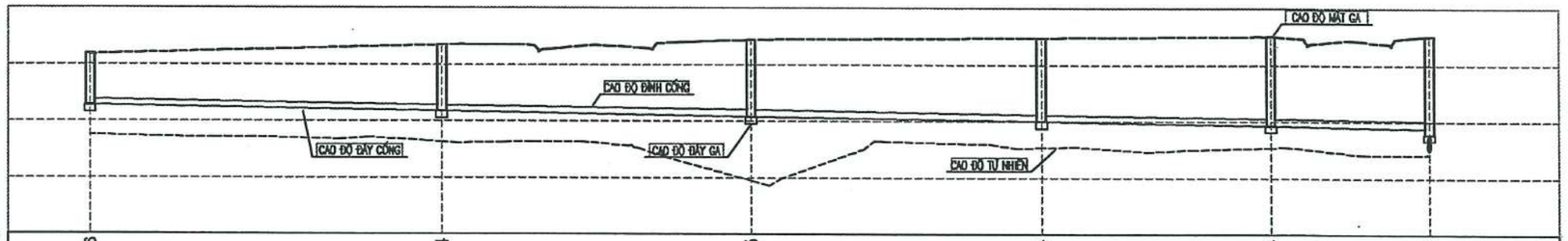
THẨM TRA

Theo Văn bản số...68.1BC-CT

Ngày..06 tháng..11 năm 20..25

Ký tên

Nguyễn Văn Bắc



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.76		11.64		10.95		11.54		11.54		11.42	
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)	13.18		13.35		13.44		13.48		13.51		13.51	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.28		12.18		12.08		12.00		11.93		11.88	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)	12.28		12.18		12.08		12.00		11.93		11.78	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	0.90		1.17		1.36		1.48		1.58		1.63	
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	31.50	31.50	27.82	59.32	26.00	85.32	20.50	105.82	14.27	120.09	
ĐỘ DỐC		0.33		0.33		0.33		0.33		0.33		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180°		180°		180°		101°	79° 135° 145°		
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	L1A	HDPE – D300 – DN4	L2A	HDPE – D300 – DN8	L2A	HDPE – D300 – DN4	L2A	HDPE – D300 – DN4	L2G	L3A	HDPE – D300 – DN8	
TÊN CỌC	G1.1	446757.12 / 2372912.87	G1.2	446757.12 / 2372881.37	G1.3	446757.12 / 2372853.56	G1.4	446757.12 / 2372827.56	G1.5	446757.12 / 2372807.06	G2.9	446771.15 / 2372804.45

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

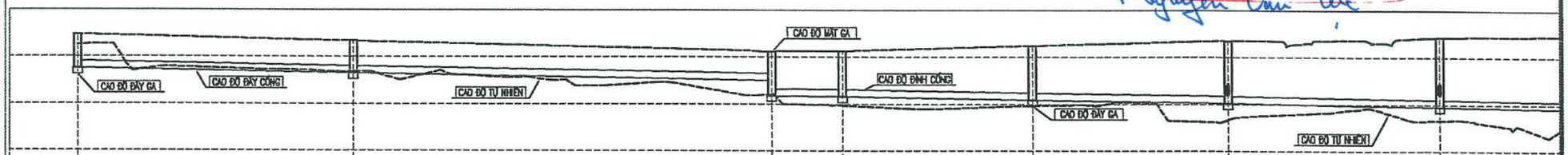
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI

TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 1

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-TD1:01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

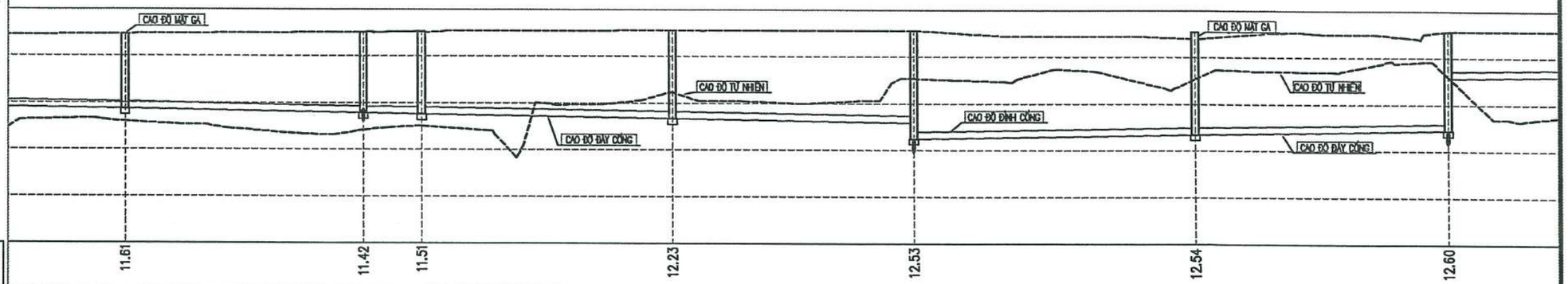
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68.1BC-CT
Ngày..05..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lực



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68.1BC-CT..
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Việt



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.61		11.42	11.51		12.23		12.53		12.54		12.60	
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)	13.47		13.51	13.52		13.56		13.56		13.55		13.56	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.87		11.78	11.76		11.67		11.58 11.25		11.35		11.44 12.56	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)	11.87		11.78	11.76		11.67		11.25		11.35		11.44	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.60		1.73	1.76		1.89		1.98 2.31		2.20		2.12 1.00	
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	83	173.47	25.91	199.38	6.27	205.64	27.30	232.95	26.20	259.14	30.60	289.74	27.40	317.14	
ĐỘ DỐC	33		0.33		0.33		0.33		0.33		0.33		0.33		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)		180°		135° 90° 145°		135°		180°		90° 90°		180°		45° 135° 180°	
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	300 – SN4	L2B	HDPE – D300 – SN4	L3A	L2E HDPE – D300 – SN4		HDPE – D300 – SN4	L2B	HDPE – D300 – SN4	L3E	HDPE – D300 – SN4	L2A	HDPE – D300 – SN8	L3D	HDPE –
TÊN CỌC		G2.8	446771.15 2372830.37	446771.15 2372804.45	G2.9	G2.10	446775.58 2372800.02	G2.11	446802.88 2372800.02	G2.12	446829.08 2372800.02	G2.13	446859.68 2372800.01	G2.14	446887.08 2372800.02

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-TD2:02/03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

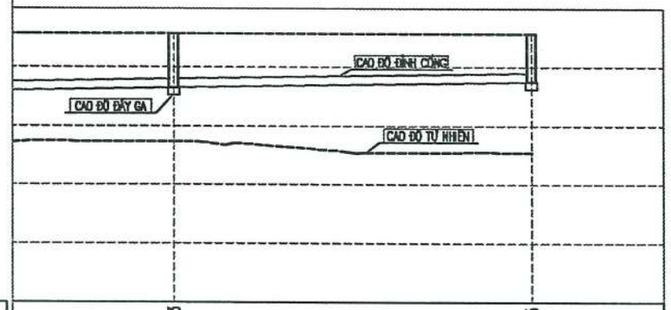
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 681BC-CT

Ngày. 06.tháng. 11 năm 20. 25

Ký tên

Nguyễn Văn Lực



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN		11.73		11.55	
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)		13.57		13.57	
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)		12.65		12.75	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)		12.65		12.75	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)		0.92		0.82	
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	5.80	342.95	31.00	373.95	
ĐỘ DỐC	.33		0.33		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)		180°			
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	D300 – SN4	L2A	HDPE – D300 – SN4		L1A
TÊN CỌC		G2.15 446912.88 / 2372800.02		G2.16 446943.88 / 2372800.02	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI

TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-TD2:03/03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

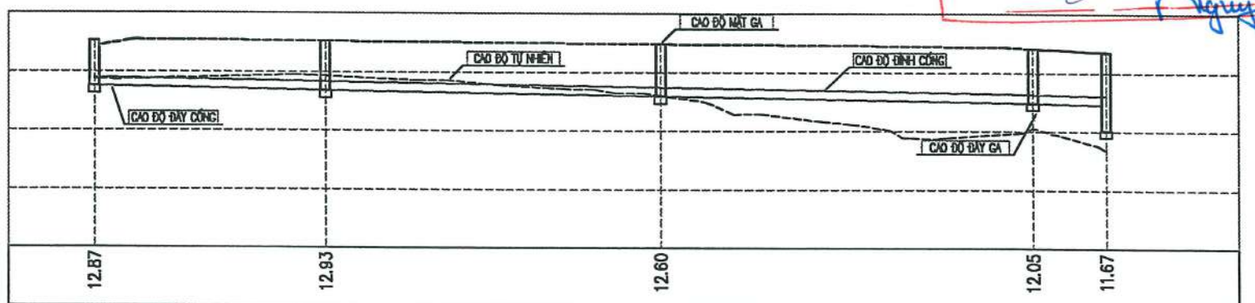
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 68 BC-CT

Ngày. 06 tháng. 11 năm 2025

Ký tên

Nguyễn Văn Lợi



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

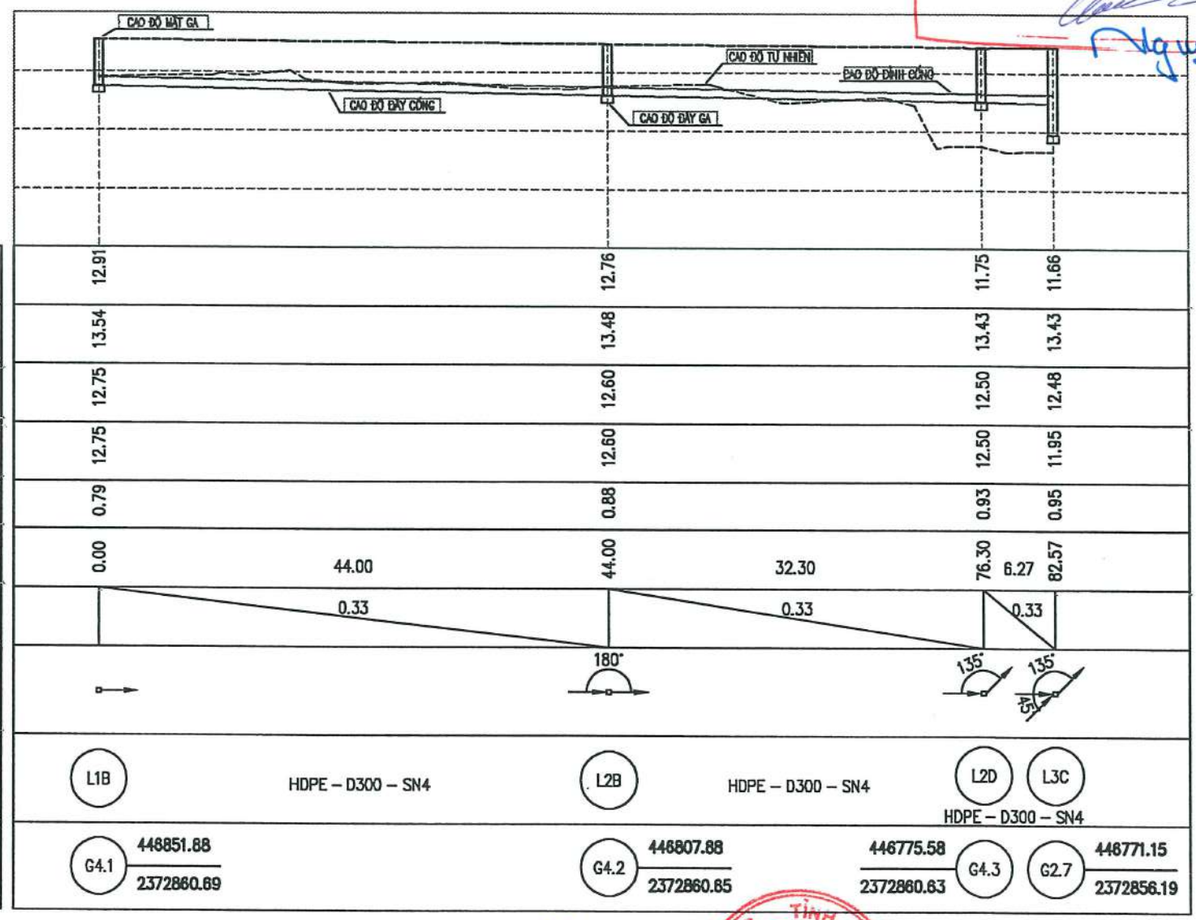
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 6818C/-CT

Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25

Ký tên

Nguyễn Văn Lực



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

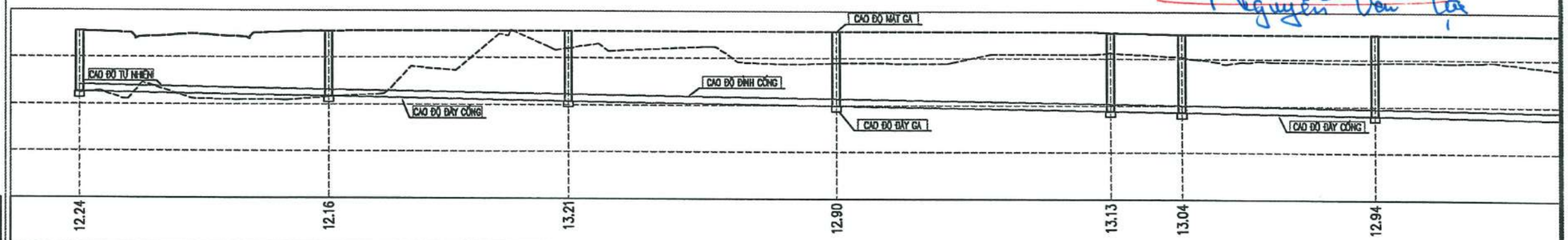
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 68/BC-CT

Ngày. 06 .tháng. 11 năm 20.25

Ký tên

Nguyễn Văn Lợi



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

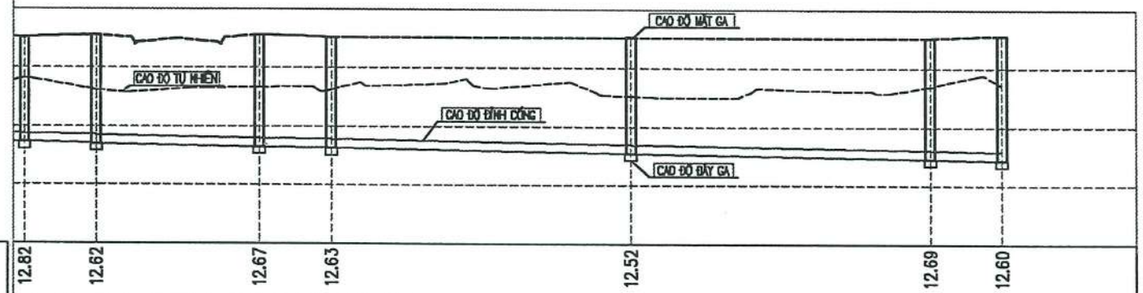
THẨM TRA

Theo Văn bản số...681BC-CT.....

Ngày..06..tháng..11..năm 20..25...

Ký tên

Nguyễn Văn Lộc



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TÂN TI...

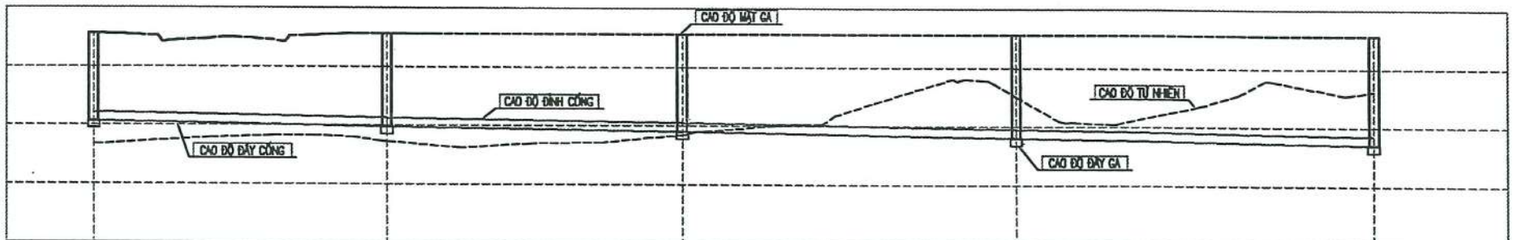
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 68 [BC – CT

Ngày. 06 .tháng 11 .năm 20.25

Ký tên

Nguyễn Văn Lực



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.67		11.73		11.85		12.51		12.62
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)	13.57		13.57		13.57		13.57		13.56
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.07		11.98		11.90		11.80		11.70
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)	12.07		11.98		11.90		11.80		11.70
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	1.50		1.59		1.67		1.77		1.86
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	25.35	25.35	25.50	50.85	28.99	79.84	30.80	110.64
ĐỘ DỐC		0.33		0.33		0.33		0.33	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180°		180°		180°		90° 135° 135°
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	L1A	HDPE – D300 –SN8	L2A	HDPE – D300 – SN4	L2A	HDPE – D300 – SN4	L2A	HDPE – D300 – SN4	L3F
TÊN CỌC	G6.1 446997.72 / 2372874.91		G6.2 446972.37 / 2372874.85		G6.3 446946.87 / 2372874.82		G6.4 446917.88 / 2372874.78		G5.9 446887.08 / 2372874.75

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 6	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-TD6:01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

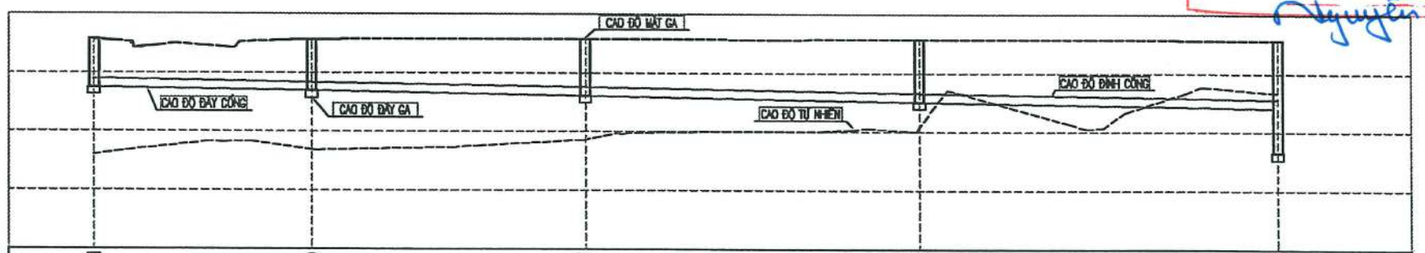
THẨM TRA

Theo Văn bản số..681BC-CT

Ngày..06.tháng..11.năm 2025

Ký tên

Nguyễn Văn Lợi



| | | |

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...

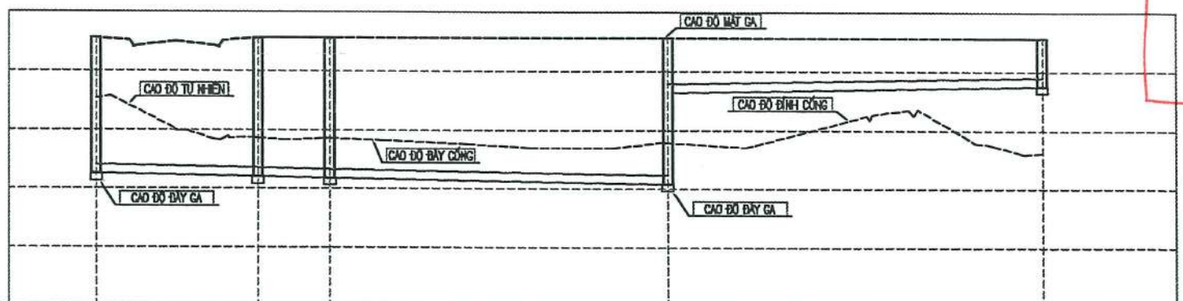
THẨM TRA

Theo Văn bản số..68./B.C – C.T.

Ngày..06..tháng..11..năm 20.25.

Ký tên

Nguyễn Văn Lợi



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.53	11.86	11.86	11.78	11.62		
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)	13.56	13.56	13.56	13.57	13.57		
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.25	11.20	11.18	11.08 12.64	12.75		
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)	11.25	11.20	11.18	11.08	12.75		
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	2.31	2.36	2.38	2.49 0.93	0.82		
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	14.03	14.03	6.27	20.30	29.20	49.49	32.24	81.74
ĐỘ DỐC		0.36		0.32		0.34		0.34	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)		90° 90°	90° 135°	135° 135°			180° 90° 90°		
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	L3E	HDPE – D300 – SN4 L3G	L2E	HDPE – D300 – SN4		L3E	HDPE – D300 –SN8		L1A
	HDPE – D300 –SN8								
TÊN CỌC	G2.12 446829.08 2372800.02	G8.1 446829.08 2372785.99	G8.2 446824.65 2372781.56			G8.3 446824.65 2372752.37			G8.4 446824.65 2372720.12

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025* PHÓ GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI
TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 8

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-TD8:01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

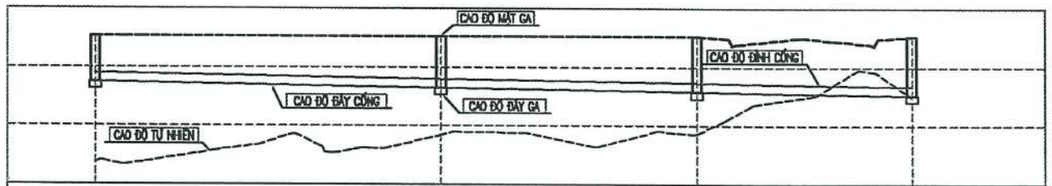
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 681BC/- CT

Ngày. 06 .tháng. 11 năm 20. 25

Ký tên

Nguyễn Văn Lực



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.38		11.84		11.86		12.49			
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)	13.52		13.53		13.52		13.52			
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	12.75		12.65		12.58		12.52			
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)	12.75		12.65		12.58		12.52			
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	0.77		0.88		0.94		1.00			
KHOẢNG CÁCH LỄ/CỘNG DỒN(M)	0.00	30.00	30.00	22.29	52.29	18.53	70.82			
ĐỘ DỐC		0.33		0.33		0.33				
GÓC NGOẶT(ĐỘ)			180°		90°		90°	135°	135°	
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	L1A	HDPE – D300 – SN4	L2A	HDPE – D300 – SN4	L2C	HDPE – D300 –SN8	L3G			
TÊN CỌC	G9.1	446882.65 / 2372729.28	G9.2	446882.65 / 2372759.28	G9.3	446882.65 / 2372781.56	G9.4	446864.12 / 2372781.56		

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	KIỂM ĐỊNH VIÊN - GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI

TRẮC DỌC TUYẾN SỐ 9

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TNT-TD9:01/01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

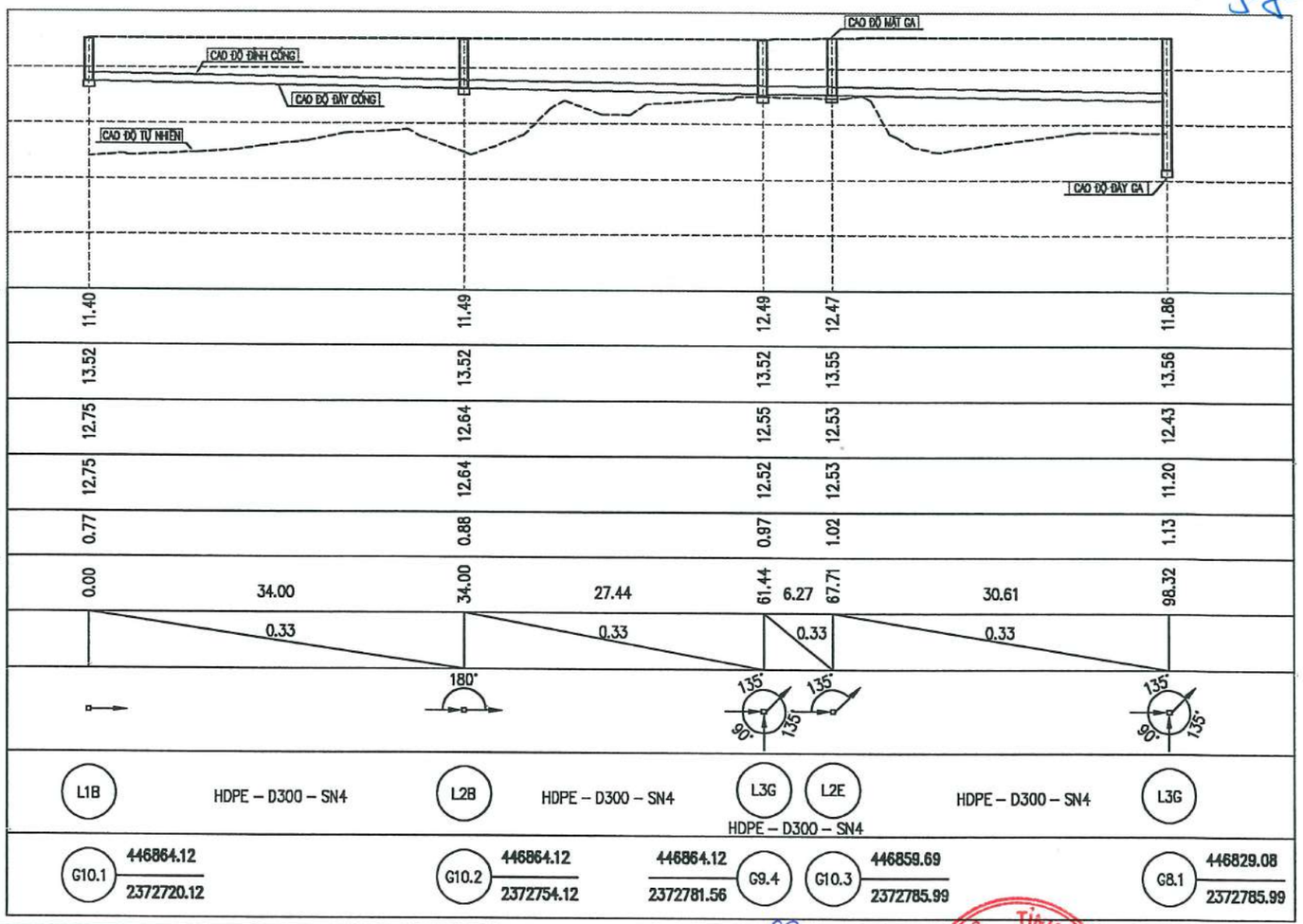
THẨM TRA

Theo Văn bản số...681/BC-CT...

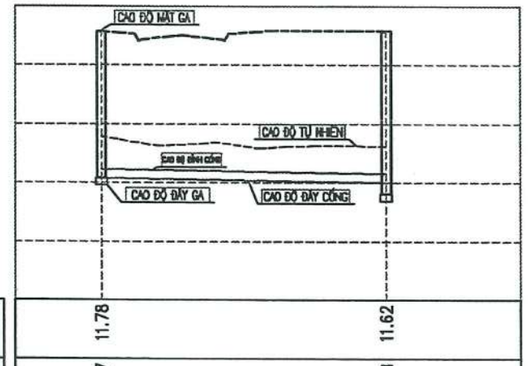
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25

Ký tên

Nguyễn Văn Lộc



| | | |



CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.78	11.62
CAO ĐỘ MẶT HỐ GA (M)	13.57	13.58
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG(M)	11.08	11.00
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (m)	11.08	10.81
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY CỐNG(M)	2.49	2.58
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	24.70
ĐỘ DỐC	0.33	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	180° 90° 90°	
LOẠI HỐ GA/ĐƯỜNG KÍNH ỐNG	L3E	HDPE – D300 –SN8
TÊN CỌC	GB.3 446824.65 2372752.37	CX1 446799.88 2372752.37

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.18Q - CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Lộc

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI TRẮC DỌC TUYẾN CX1
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	P. GIÁM ĐỐC	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: TNT-TDCX:01/01
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4055/SXD-QLCLHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

DANH MỤC BẢN VẼ PHẦN TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

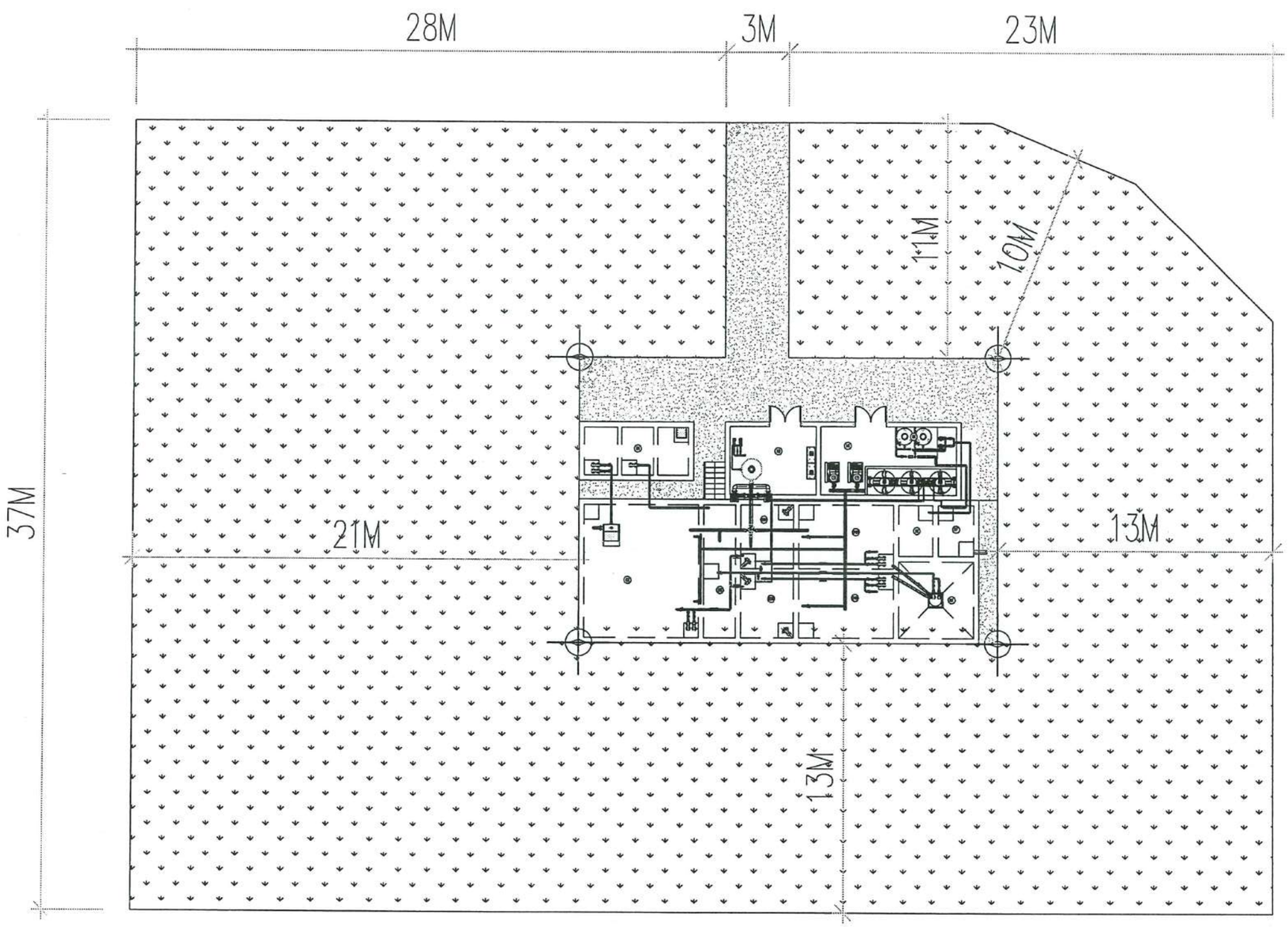
STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	XLNT-01
2	MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC THẢI RA VÀO TRẠM XỬ LÝ	XLNT-02
3	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	XLNT-03
4	MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ	XLNT-04
5	MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC	XLNT-05
6	MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ VÀ HÓA CHẤT	XLNT-06
7	MẶT BẰNG ĐƯỜNG THU GOM XỬ LÝ MÙI	XLNT-07
8	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DƯỚI BỂ	XLNT-08
9	MẶT CẮT 1-1;2-2	XLNT-09
10	MẶT CẮT A-A;B-B	XLNT-10
11	MẶT CẮT C-C;D-D	XLNT-11
12	MẶT CẮT E-E	XLNT-12
13	CHI TIẾT LẮP ĐẶT 01	XLNT-13
14	CHI TIẾT LẮP ĐẶT 02	XLNT-14
15	CHI TIẾT LẮP ĐẶT 03	XLNT-15
16	SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN	XLNT-16
17	BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 01	XLNT-17
18	BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 02	XLNT-18

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
19	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NGUỒN VÀO TRẠM XỬ LÝ	MB_CD - 01
20	MẶT CẮT HÀO KỸ THUẬT TRÊN VỈA HÈ VÀ HÀO SAU CÔNG TƠ	CT_CD - 01
21	SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN DB1 - 1/3	Đ_TXL - 01
22	SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN DB1 - 1/3	Đ_TXL - 01
23	SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN DB1 - 2/3	Đ_TXL - 02
24	SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN DB1 - 3/3	Đ_TXL - 03
25	CHI TIẾT TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN - 1/2	Đ_TXL - 04
26	CHI TIẾT TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN - 2/2	Đ_TXL - 05
27	MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN 380VAC	Đ_TXL - 06
28	MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 1/5	Đ_TXL - 07
29	MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 2/5	Đ_TXL - 08
30	MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 3/5	Đ_TXL - 09
31	MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 4/5	Đ_TXL - 10
32	MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 5/5	Đ_TXL - 11
33	MẠCH CẤP NGUỒN 220VAC	Đ_TXL - 12
34	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 1/14	Đ_TXL - 13
35	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 2/14	Đ_TXL - 14
36	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 3/14	Đ_TXL - 15

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
37	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 4/14	Đ_TXL - 16
38	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 5/14	Đ_TXL - 17
39	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 6/14	Đ_TXL - 18
40	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 7/14	Đ_TXL - 19
41	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 8/14	Đ_TXL - 20
42	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 9/14	Đ_TXL - 21
43	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 10/14	Đ_TXL - 22
44	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 11/14	Đ_TXL - 23
45	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 12/14	Đ_TXL - 24
46	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 13/14	Đ_TXL - 25
47	MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 14/14	Đ_TXL - 26

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 /BC-TT
Ngày: 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Tuệ



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày ..... tháng.....năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

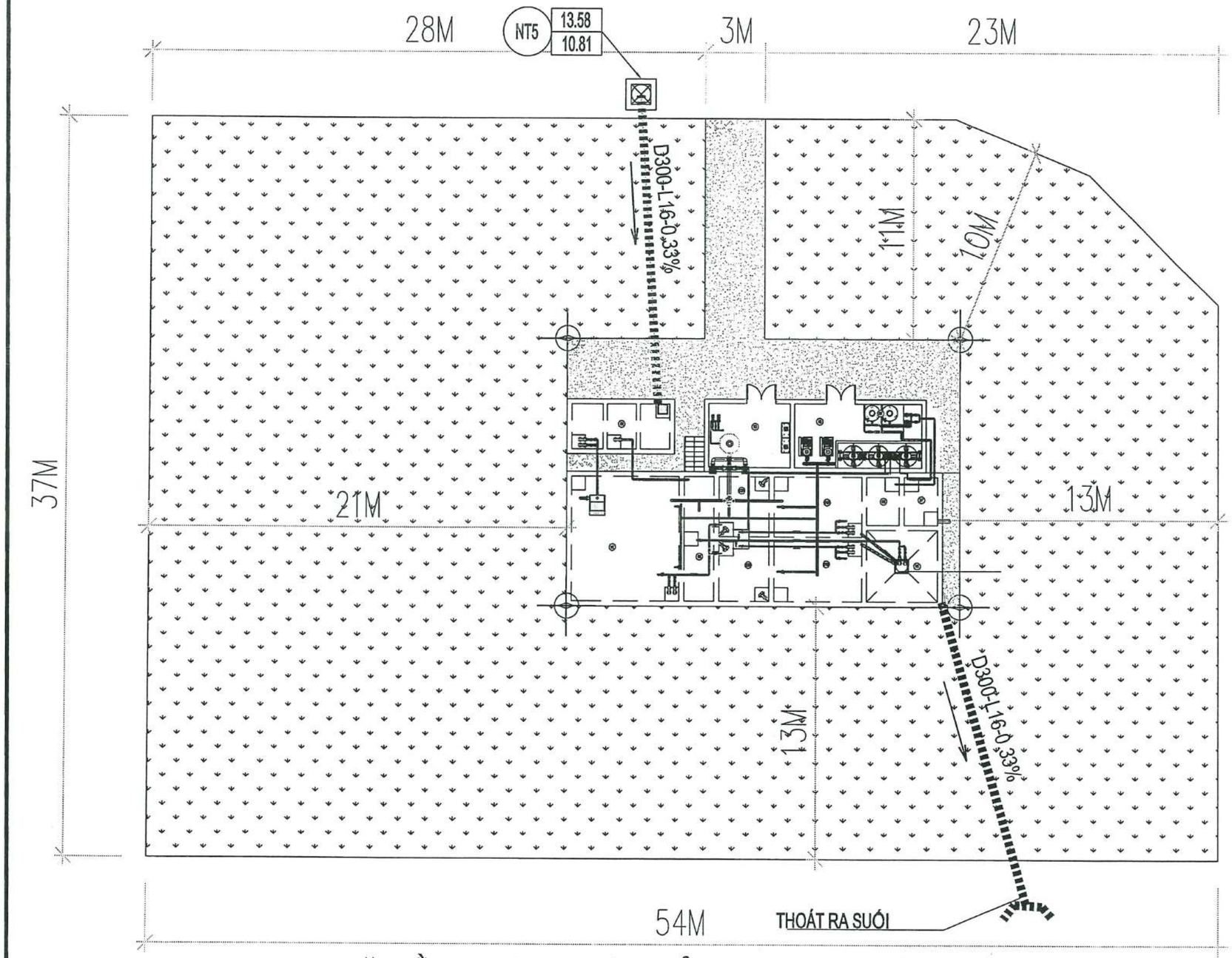
CHÚ THÍCH

(01)	BỂ GOM/LẮNG CÁT	(06)	BỂ TRUNG GIAN
(02)	BỂ ĐIỀU HÒA	(07)	BỂ KHỬ TRÙNG
(03A) (03B)	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	(08)	BỂ CHỨA BÙN
(04A) (04B)	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	(09)	BỒN LỌC ÁP LỰC
(05A) (05B)	BỂ LẮNG SINH HỌC	(10)	NHÀ ĐIỀU HÀNH

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ:XLNT-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

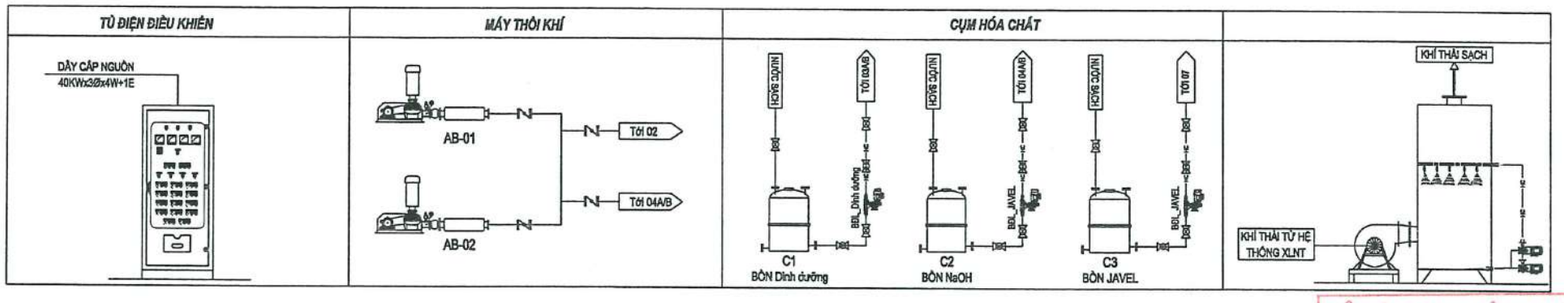
MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC THẢI RA VÀO TRẠM XỬ LÝ

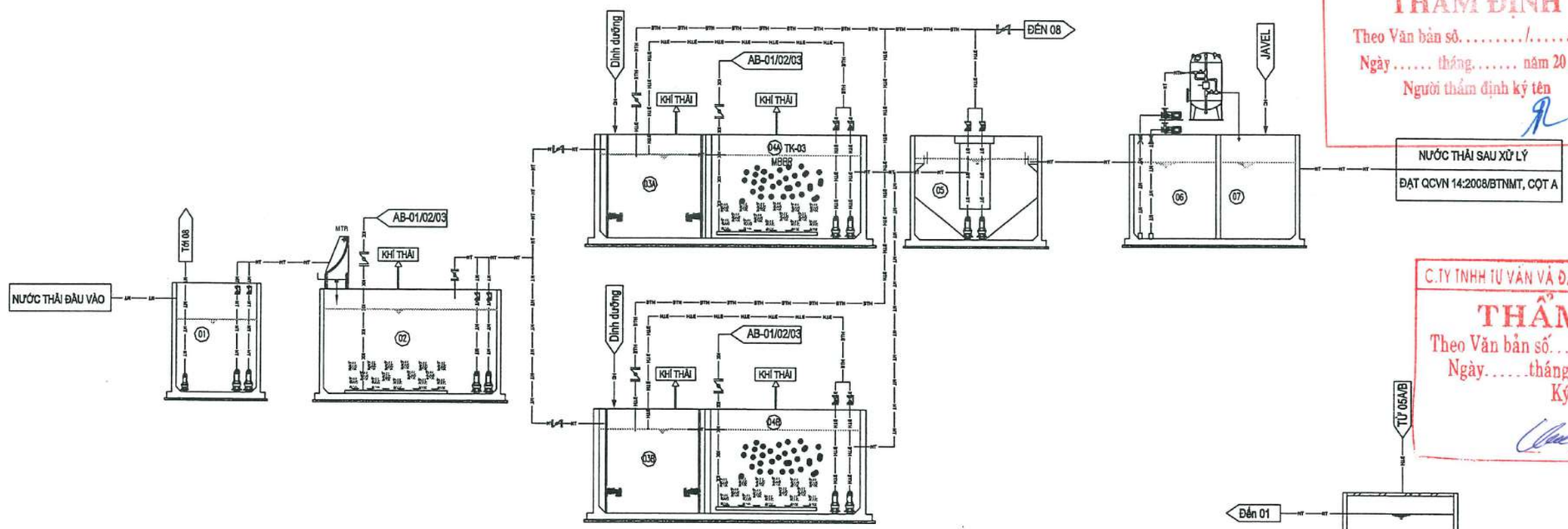
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		KS. TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

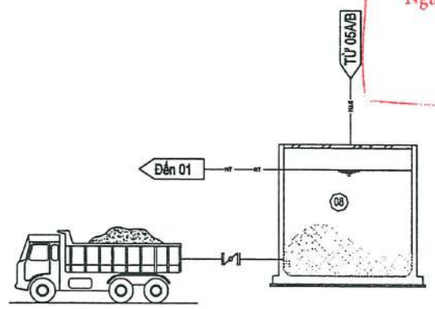
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC THẢI RA VÀO TRẠM XỬ LÝ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ 200M3/NGÀY ĐÊM, CHIA 2 MODULE







HÚT BÙN ĐỊNH KỲ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

GHI CHÚ

- ——NT——NT——NT—— : ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- ——NTH——NTH——NTH——► : ĐƯỜNG NƯỚC TUẦN HOÀN
- ——BTH——BTH——BTH—— : ĐƯỜNG BÙN TUẦN HOÀN
- ——B——B——B——► : ĐƯỜNG BÙN
- ——BT——BT——BT—— : ĐƯỜNG BÙN THẢI
- ——KK——KK——KK—— : ĐƯỜNG KHÍ
- ——HC——HC——HC——► : ĐƯỜNG HÓA CHẤT

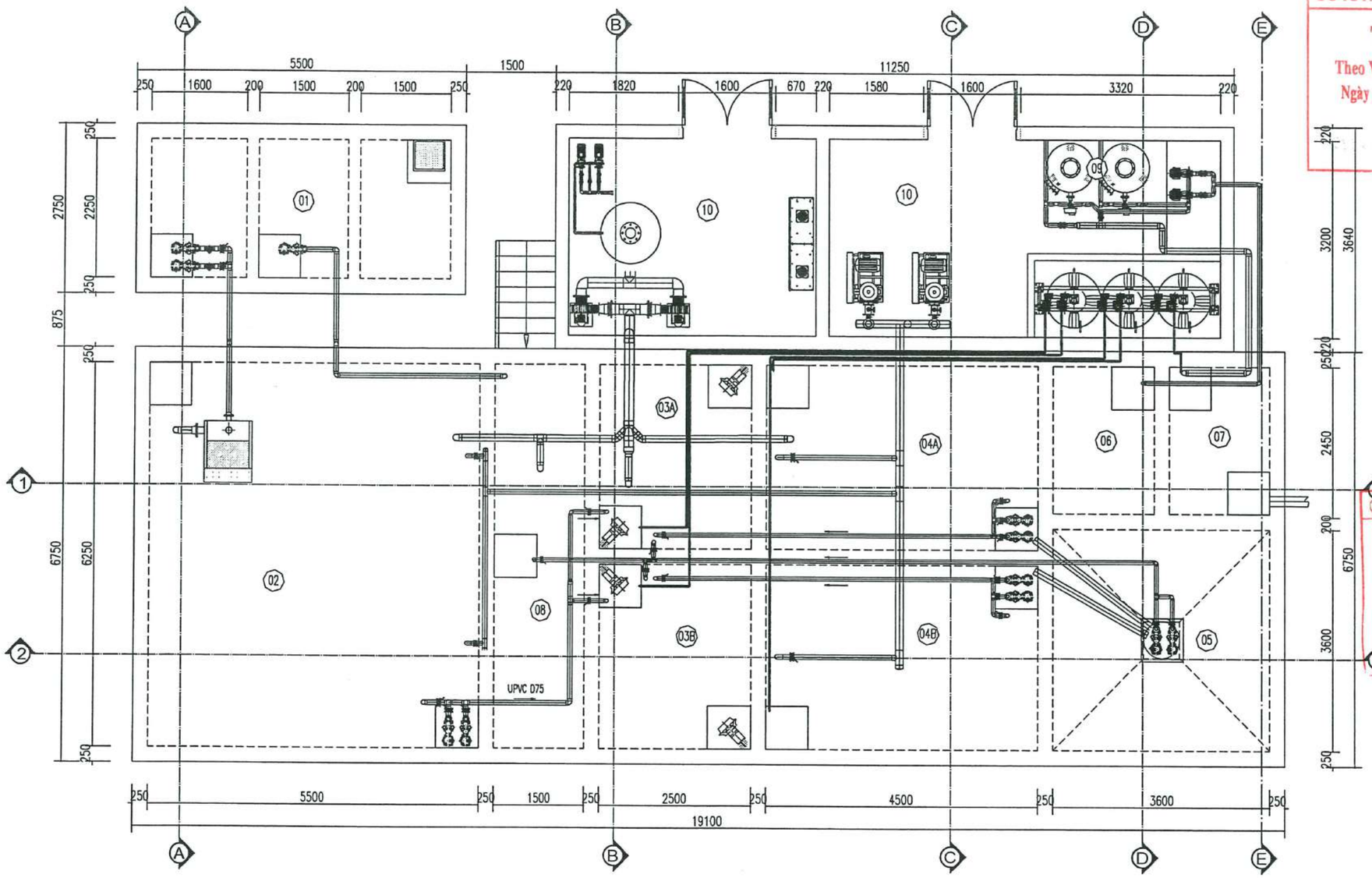
KÍ HIỆU	TÊN GỌI	KÍ HIỆU	TÊN GỌI
01	BỂ GOM, LẮNG CÁT	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ TRUNG GIAN
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ KHỬ TRÙNG
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ	08	BỂ CHỨA BÙN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		KS. TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

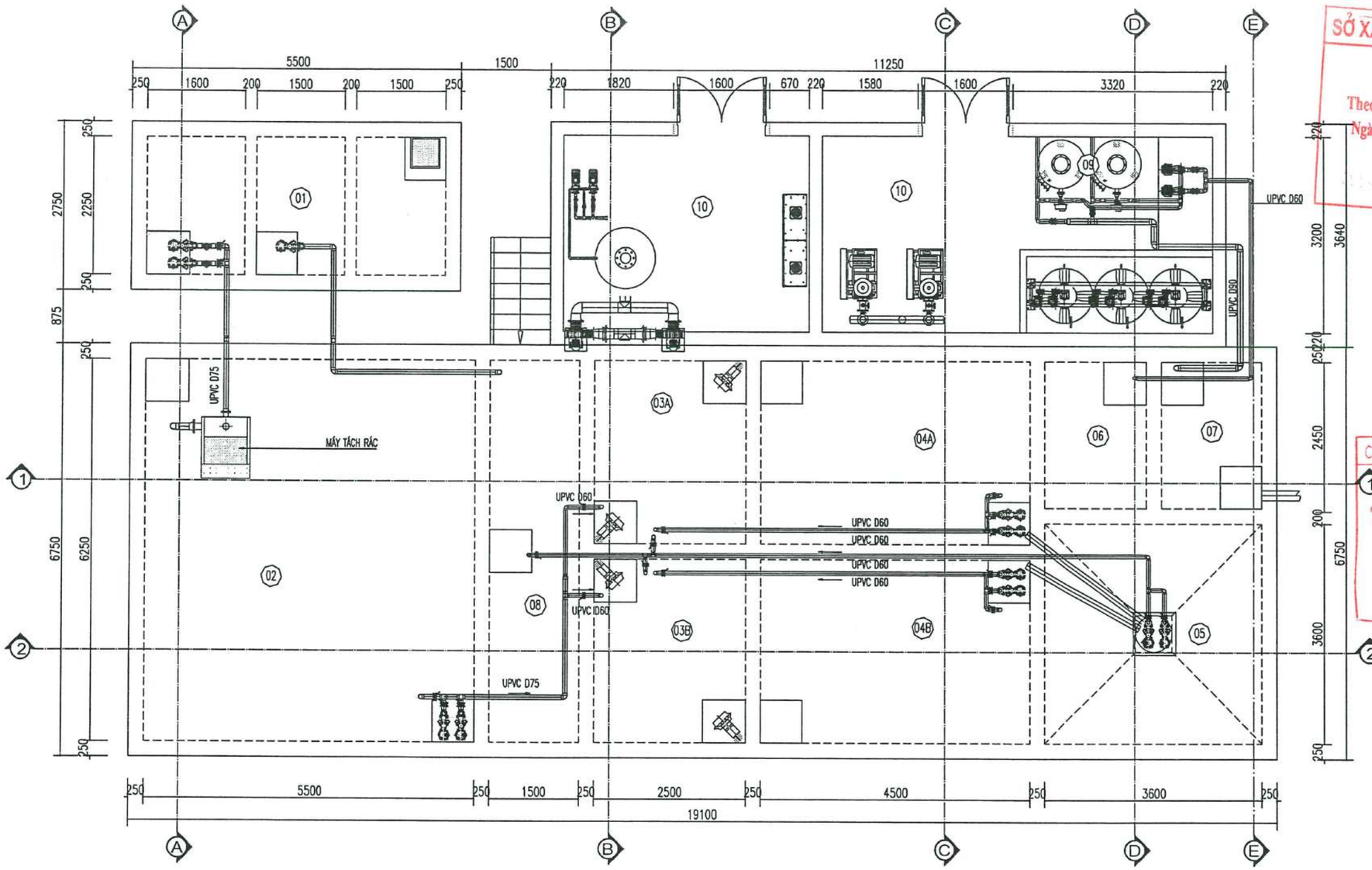
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

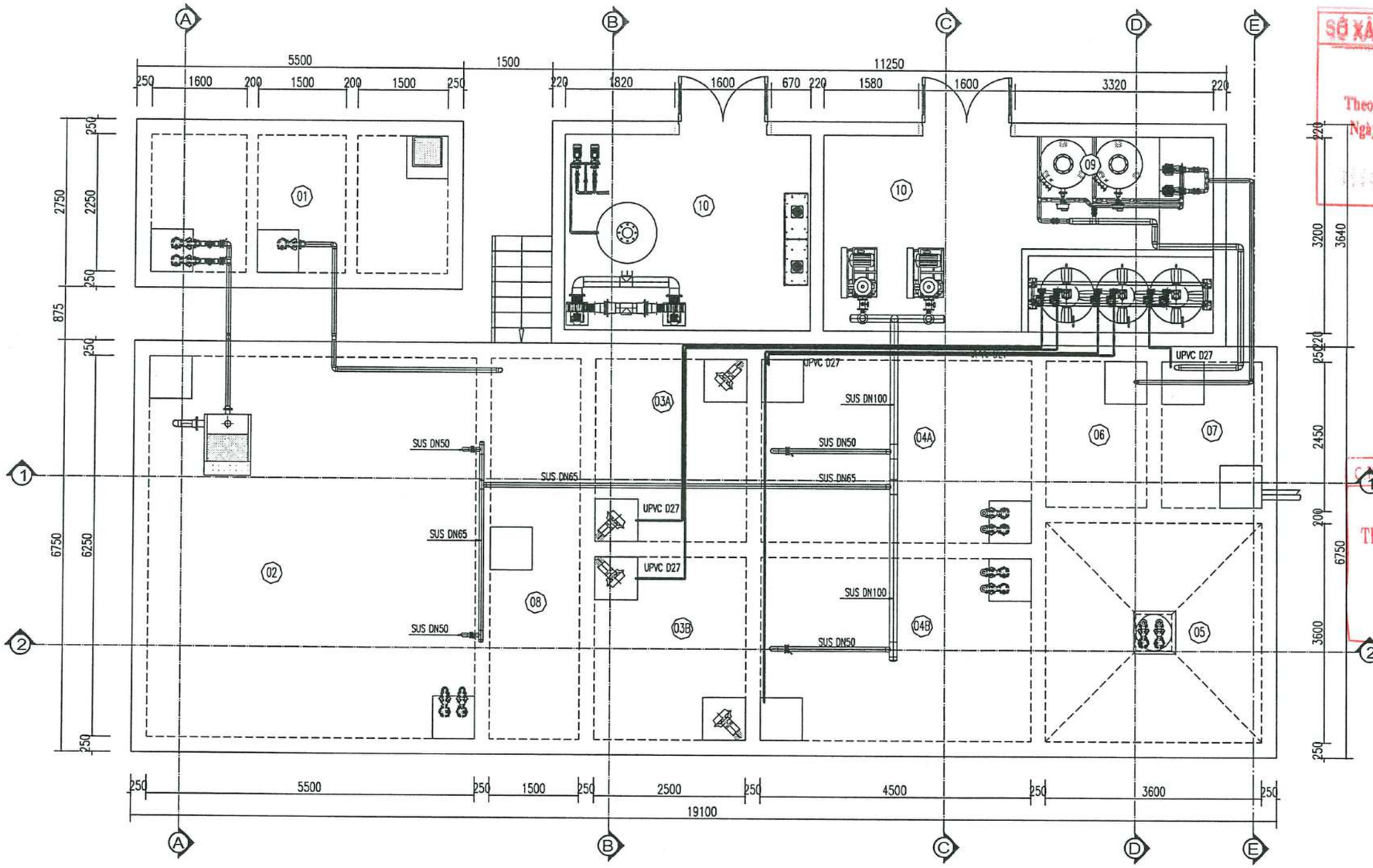
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..tháng.. năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ VÀ HÓA CHẤT



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

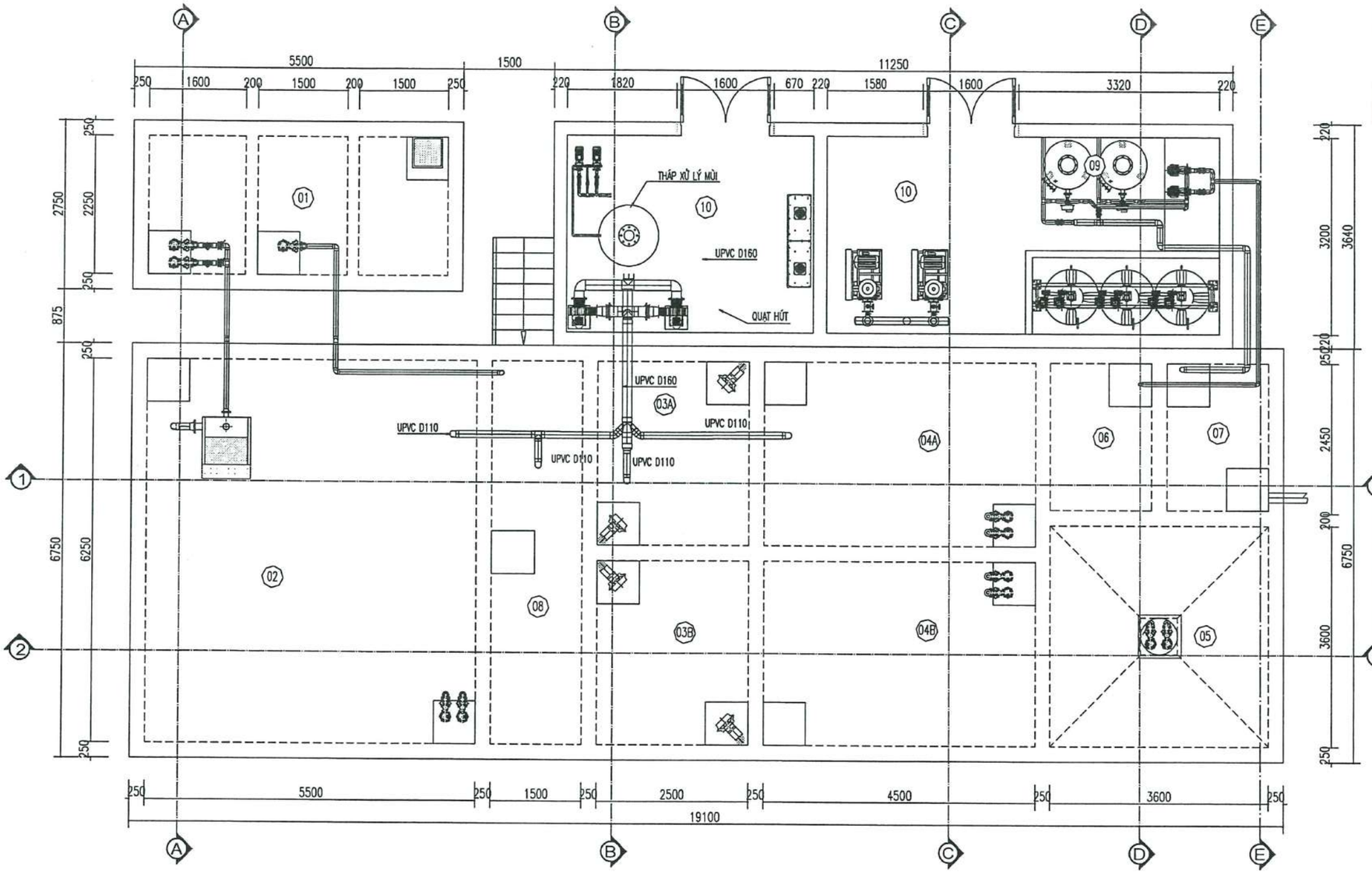
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ VÀ HÓA CHẤT

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM XỬ LÝ MÙI



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

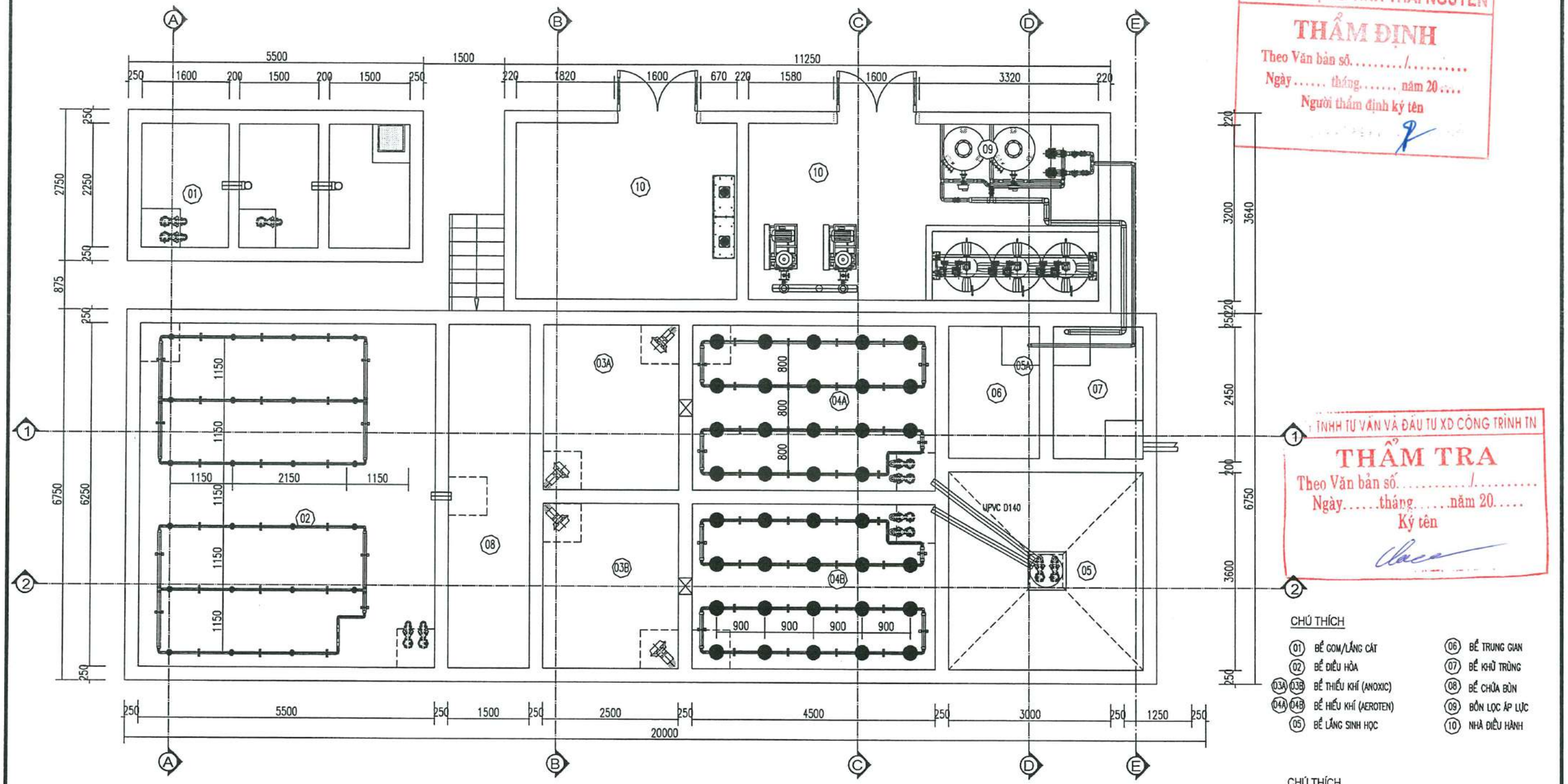
CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM XỬ LÝ MÙI
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN			TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: XLNT-07
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

CHÚ THÍCH

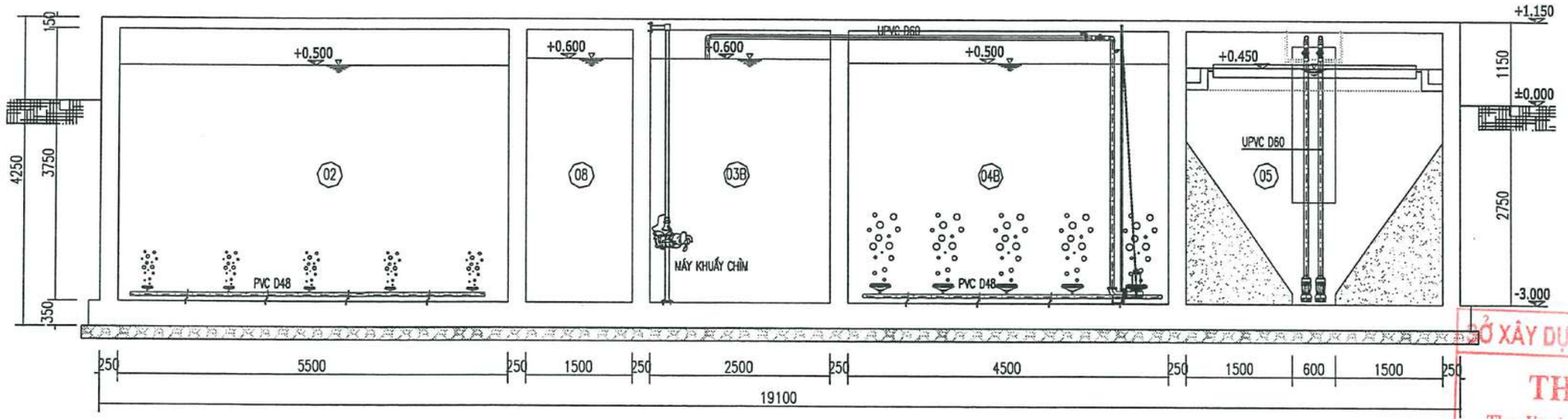
01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG DƯỚI BỂ

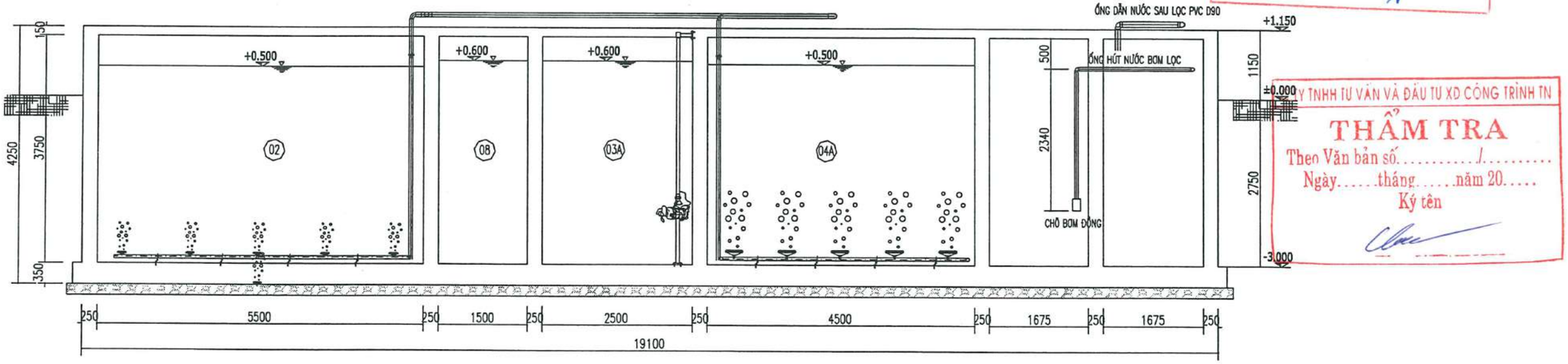
CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ...tháng... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DƯỚI BỂ
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: BẢN VẼ SỐ: XLNT-08
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		LẦN XUẤT BẢN: 01 DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 1-1

CHÚ THÍCH

(01)	BỂ GOM/LẮNG CÁT
(02)	BỂ ĐIỀU HÒA
(03A) (03B)	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)
(04A) (04B)	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)
(05A) (05B)	BỂ LẮNG SINH HỌC
(06)	BỂ TRUNG GIAN
(07)	BỂ KHỬ TRÙNG
(08)	BỂ CHỨA BÙN
(09)	BỒN LỌC ÁP LỰC
(10)	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

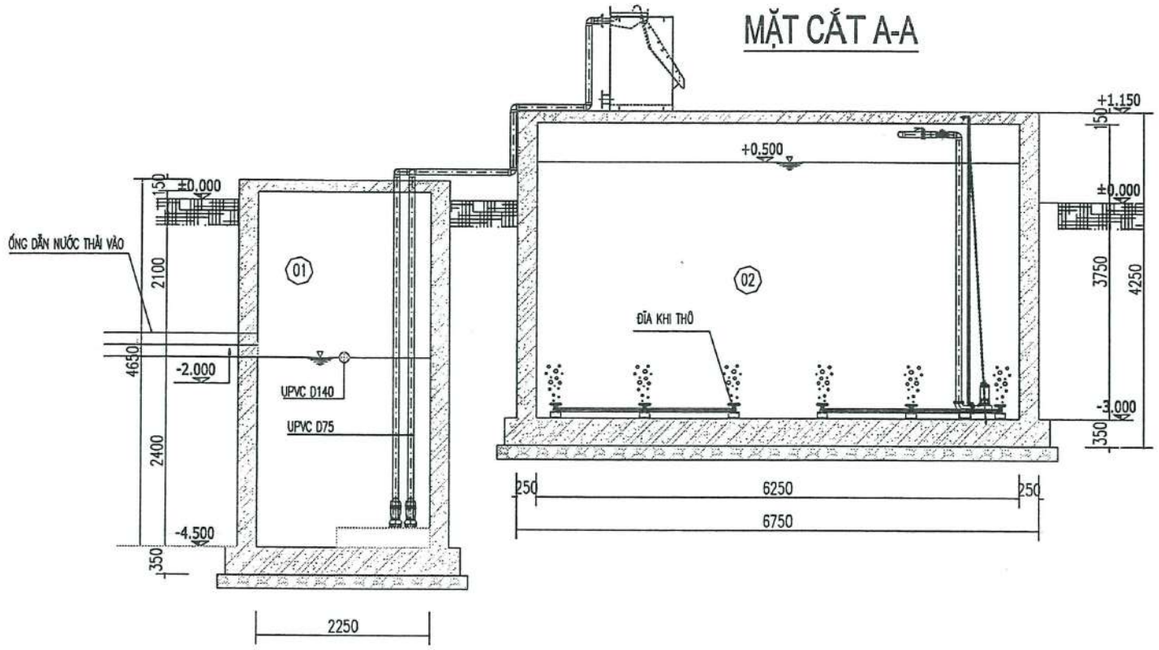
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

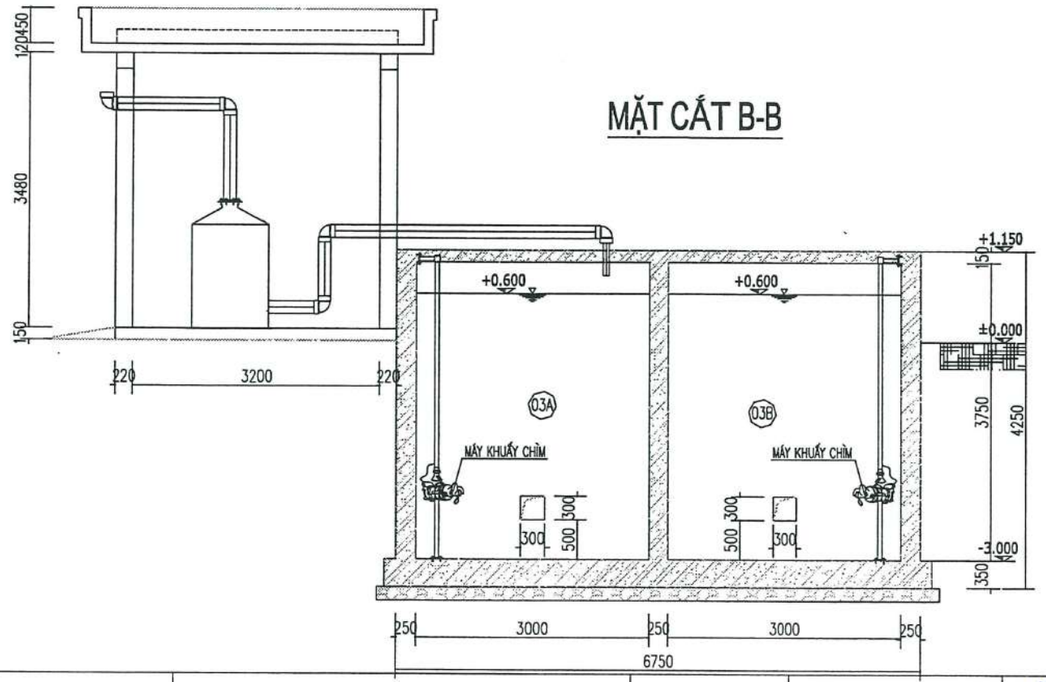
TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT 1-1, 2-2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05A 05B	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CHÚ THÍCH

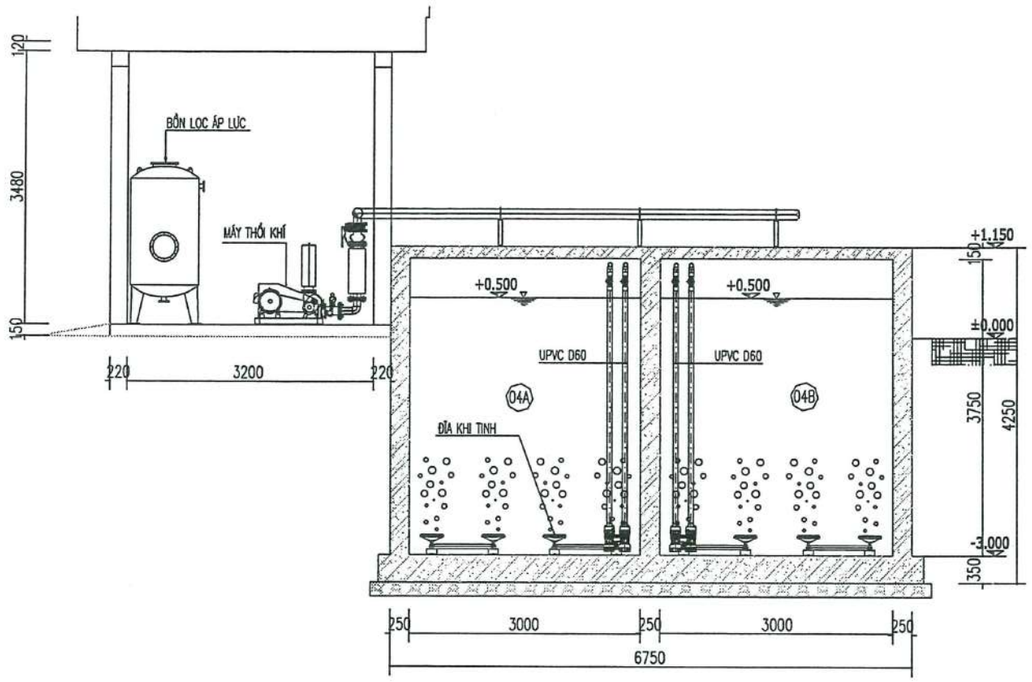
- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = -1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		KS. TRẦN HỮU BẮC

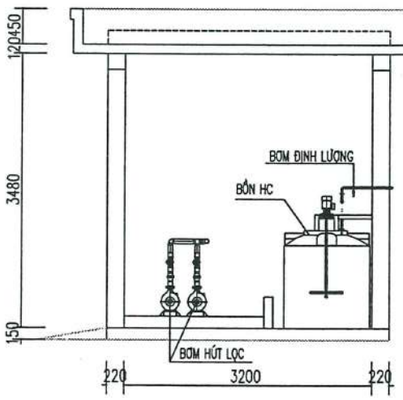
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

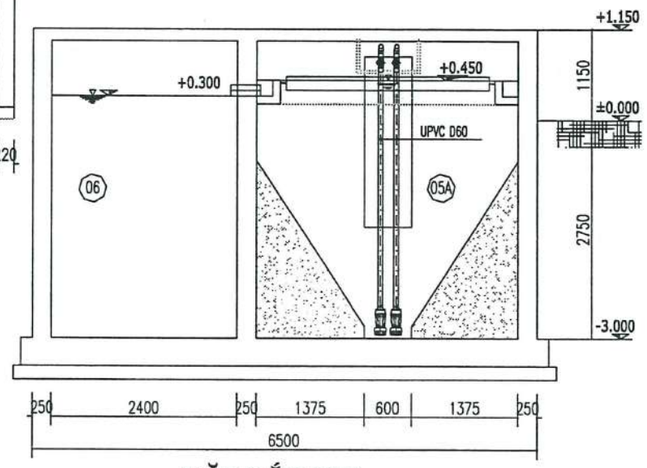
TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT A-A, B-B

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-10
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT CẮT C-C





MẶT CẮT D-D

CHÚ THÍCH

(01) BỂ GOM/LẮNG CÁT	(06) BỂ TRUNG GIAN
(02) BỂ ĐIỀU HÒA	(07) BỂ KHỬ TRÙNG
(03A)(03B) BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	(08) BỂ CHỨA BÙN
(04A)(04B) BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	(09) BỒN LỌC ÁP LỰC
(05A)(05B) BỂ LẮNG SINH HỌC	(10) NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = −1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

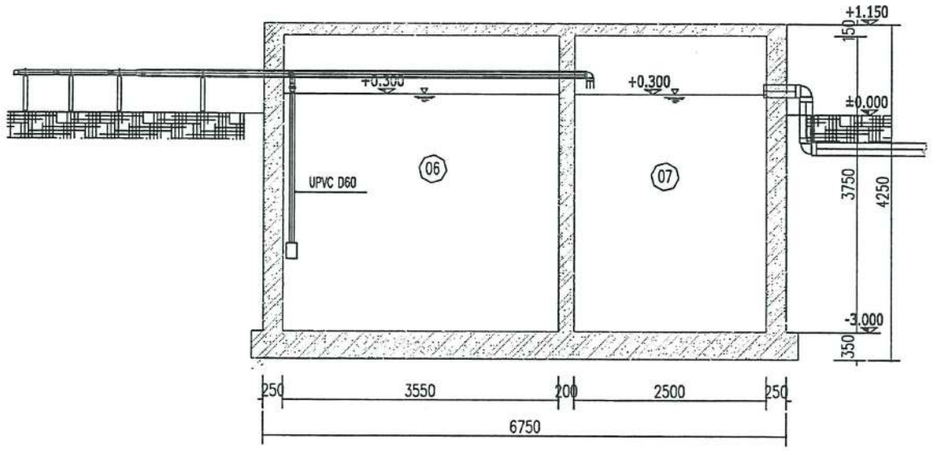
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		PHÓ GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT C-C, D-D

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-11
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT CẮT E-E

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHÚ THÍCH

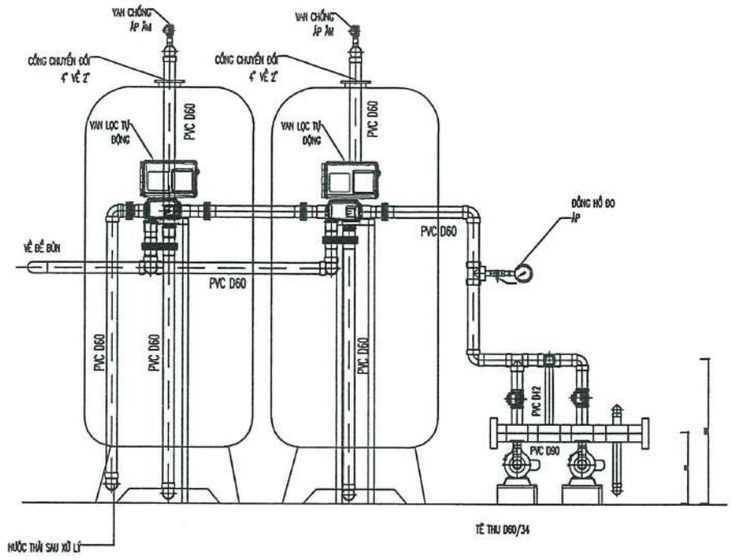
01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05A 05B	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CHÚ THÍCH

- COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS +16.30 (COS SAN NỀN HOÀN THIỆN)
- COS ĐÁY CỐNG THU NƯỚC THẢI D200 = -1.50 TƯƠNG ỨNG COS =+14.80
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ MM
- TẤT CẢ CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ SỬ DỤNG ĐƠN VỊ LÀ MÉT
- NẮP THĂM BỂ XỬ LÝ SỬ DỤNG NẮP THĂM COMPOSITE HOẶC INOX CHẾ TẠO SẴN
- KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY CỦA NẮP THĂM BXL=700X700MM

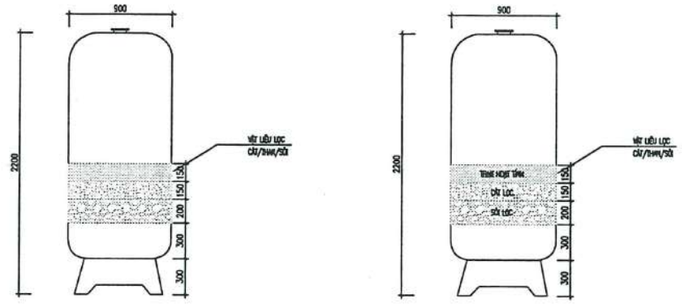
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ....T.tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT E-E
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN			TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: XLNT-12
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHI TIẾT BỒN LỌC ÁP LỰC

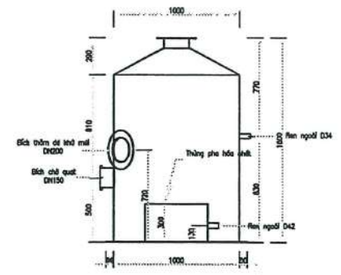


MẶT ĐỨNG

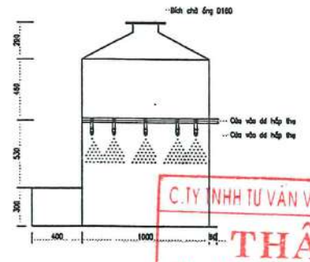
BỐ TRÍ SÀN ĐỠ VẬT LIỆU

GHI CHÚ:
- VẬT LIỆU CHẾ TẠO: THÉP CT3, DÀY 6MM
- HOÀN THIỆN SƠN EPOXY CHỐNG RỈ

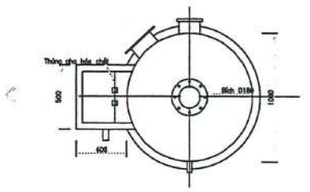
CHI TIẾT THÁP XỬ LÝ MÙI



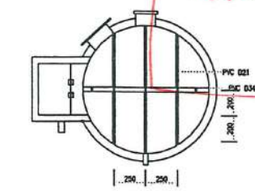
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG



MẶT CẮT C-C

GHI CHÚ:
- Vật liệu chế tạo: Thép CT3 hoặcComposite
- Dung dịch hấp thụ: NaOH

MẶT CẮT BẰNG THÁP XỬ LÝ

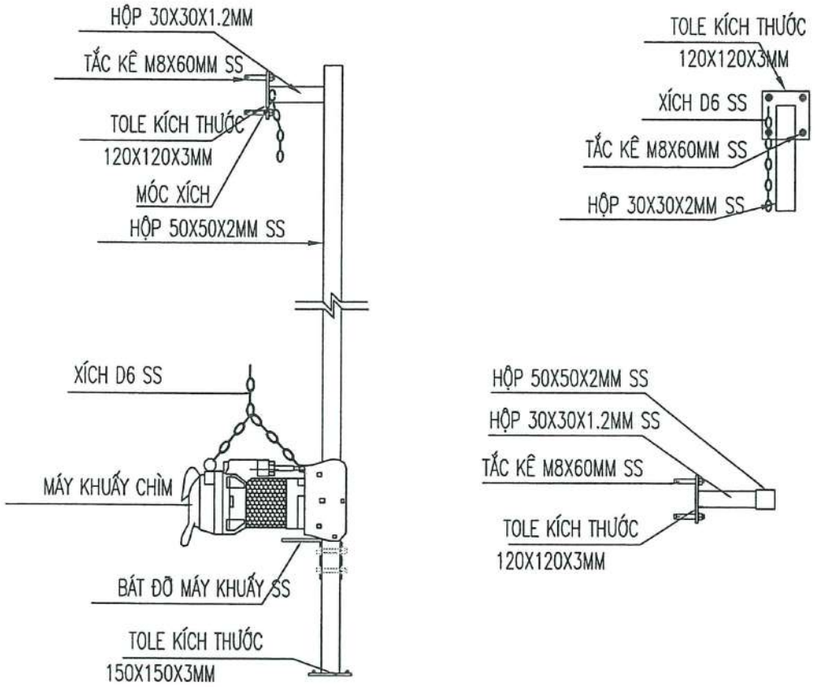
MẶT CẮT ĐỨNG THÁP XỬ LÝ

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

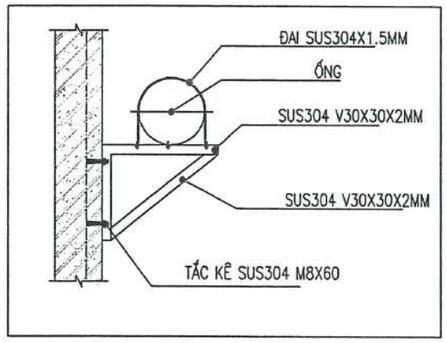
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

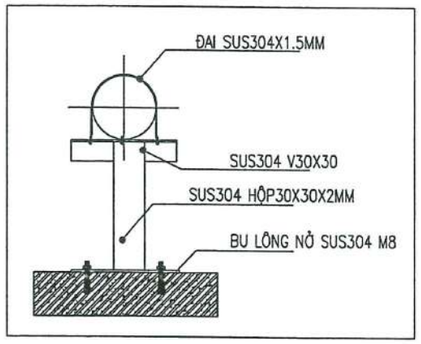
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT 01	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-13
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

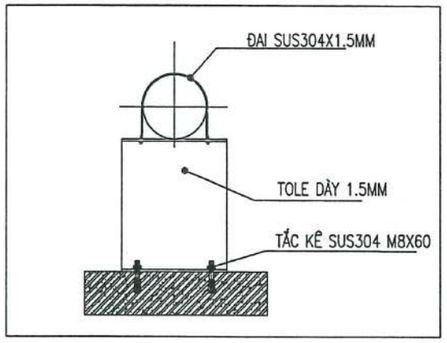
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM



CHI TIẾT GIÁ ĐỠ ĐƯỜNG ỐNG





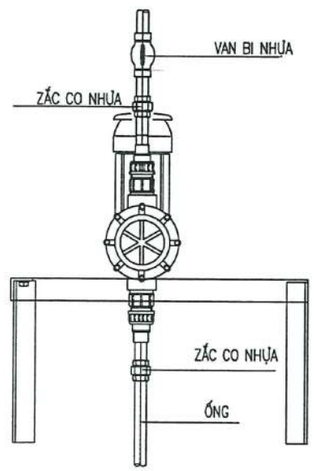


*** BÁT ĐỠ ỐNG**

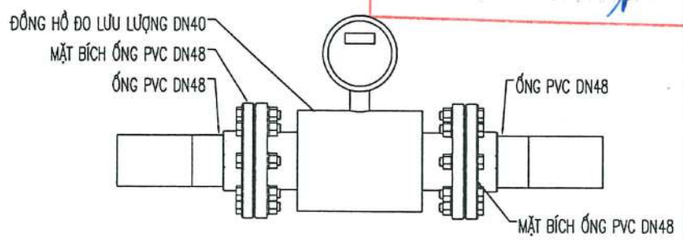
- Những đoạn ống được chôn ngầm trong đất không sử dụng bát đỡ ống.
- Những đoạn ống cần có bát đỡ mà không thể hiện chi tiết thì bát đỡ sẽ được thi công theo thực tế tại công trường, vật liệu bát đỡ là SUS304, với khoảng cách giữa các bát đỡ như sau:

VẬT LIỆU ỐNG	KÍCH THƯỚC ỐNG	KHOẢNG CÁCH BÁT ĐỠ
uPVC	=< DN40	1.8 - 2.2 m
	DN40 - DN80	1.6 - 1.8 m
	DN100 - DN200	1.5 - 1.6 m
	DN250 - DN300	1.4 - 1.5 m
SUS304	< DN100	2.5 - 3.0 m
	DN100 - DN200	2.2 - 2.5 m
	=> DN250	2.0 - 2.2 m

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM ĐỊNH LƯỢNG

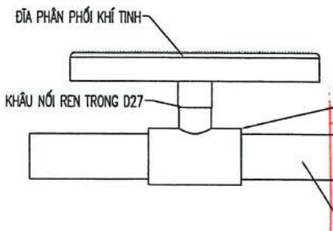


CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG



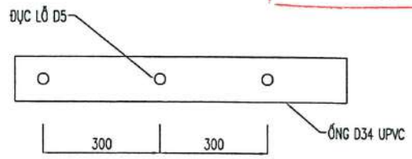
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐIA PHÂN PHỐI KHÍ TINH



CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

CHI TIẾT ỐNG ĐỤC LỖ BỂ ĐIỀU HÒA



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

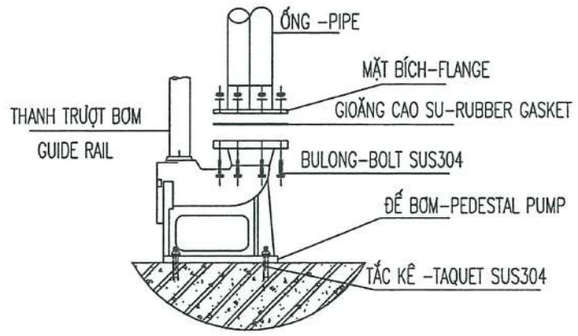
KS. TRẦN HỮU BẮC

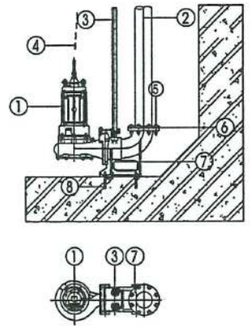
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT LẮP ĐẶT 02

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-14
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

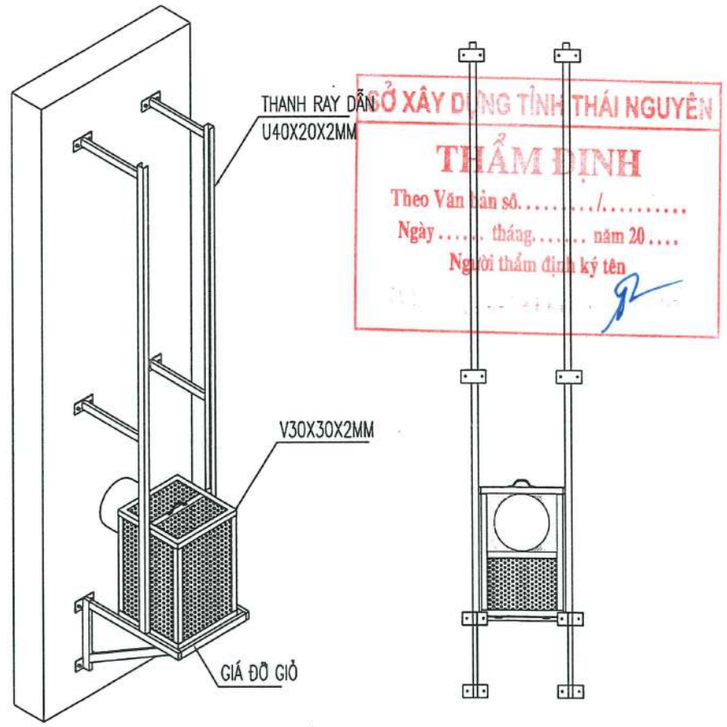
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM





① BƠM NƯỚC THẢI–WASTE WATER PUMP
② ỐNG UPVC–UPVC PIPE
③ THANH TRƯỢT BƠM–GUIDE RAIL
④ XÍCH KÉO BƠM–CHAIN
⑤ BULONG–BOLT SUS304
⑥ GIĂNG CAO SU–RUBBER GASKET
⑦ ĐẾ BƠM–PEDESTAL
⑧ TẮC KÊ SUS304–TAQUET

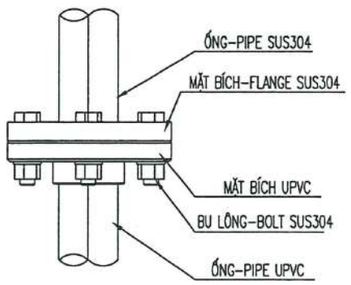
CHI TIẾT GIỎ THU RÁC



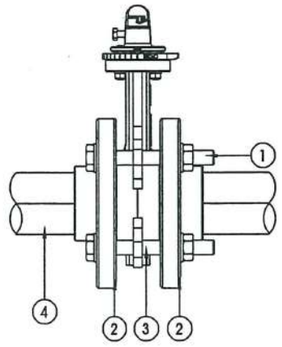
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GIỎ THU RÁC THÔ KÍCH THƯỚC HXAXB=800X600X600MM MẮT LƯỚI 10MM

CHI TIẾT KẾT NỐI ỐNG

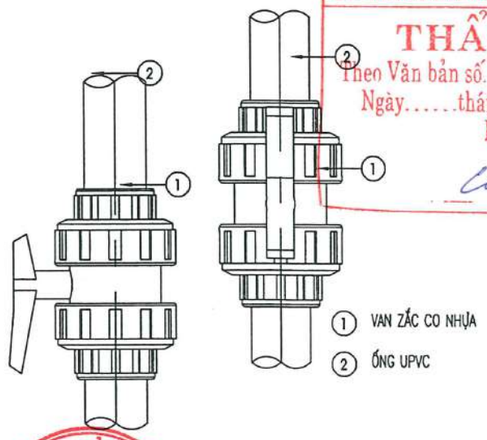


CHI TIẾT LẮP ĐẶT VAN BƯỚM



① BULONG–BOLT
② MẶT BÍCH–FLANGE
③ VAN HAI CHIỀU
④ ỐNG–PIPE

CHI TIẾT LẮP ĐẶT VAN ZẮC CO NHỰA



① VAN ZẮC CO NHỰA
② ỐNG UPVC

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

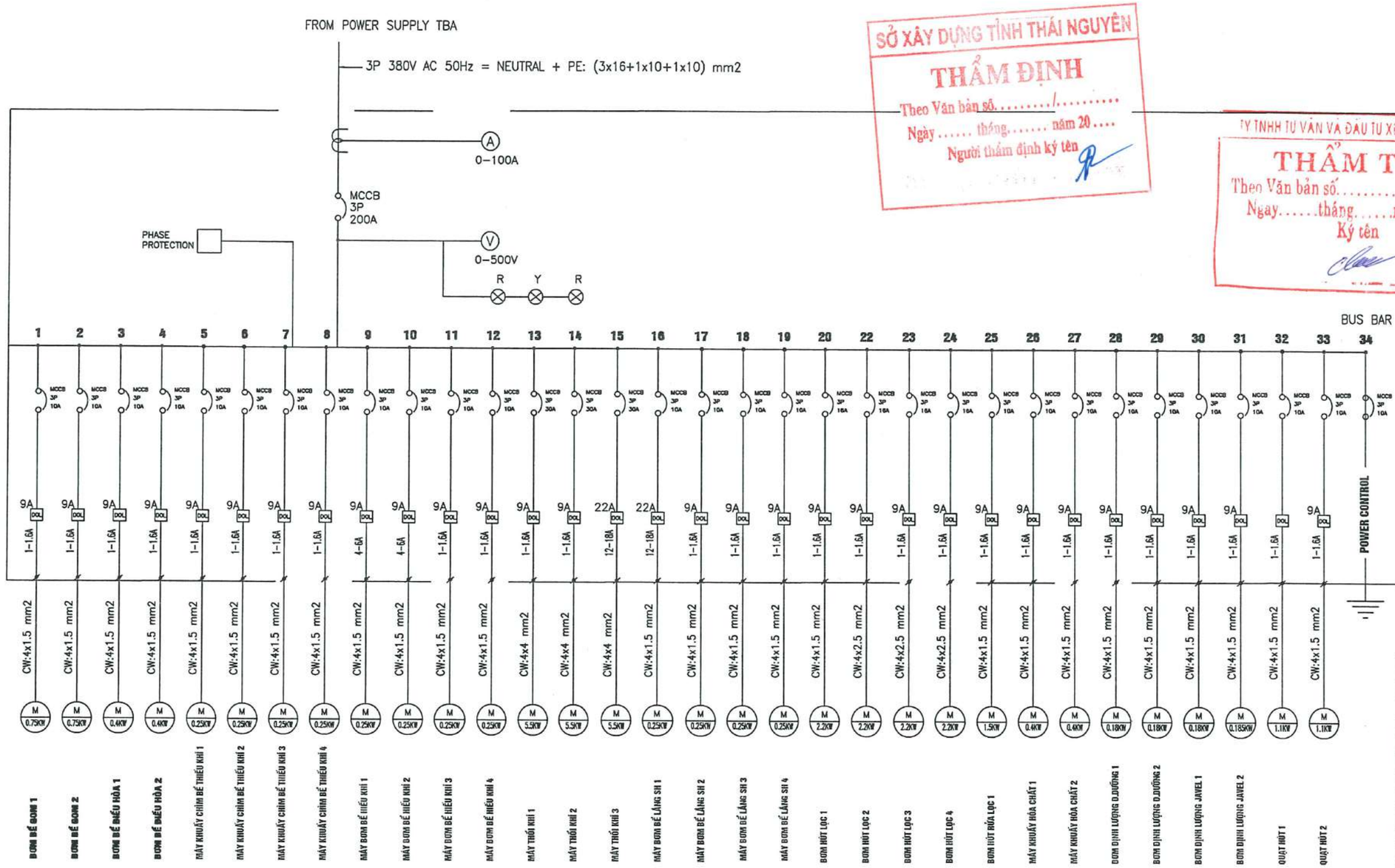
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LẮP ĐẶT 03

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ VÀ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG ĐIỆN



KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
	CẦU CHÌ
	BẢO VỆ PHA
A	AMPE KẾ
V	VÔN KẾ
	CB TỔNG
	CB ĐỘNG LỰC
	MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN
	KHỞI ĐỘNG TỪ (TRỰC TIẾP)
	ĐỘNG CƠ
	NÚT BẤT

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 10 tháng ..... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-16
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ

STT	Tên vật tư, vật liệu	Nội dung	ĐVT
I	**Hố thu gom nước thải**		
1	Rọ chắn rác	Rọ chắn rác: - Mắt lưới 5mm - Vật liệu: SS304 - Kèm giá đỡ rọ	Cái
2	Bơm thu gom	Bơm chìm nước thải: - Guồng bơm, cánh và thân bơm làm từ vật liệu chống ăn mòn. - Lưu lượng: 12 m3/h; H=8 m - Độ bảo vệ: IP 68 - Điện áp: 380V, 0,75 kW	Cái
3	Khớp nối nhanh + giá đỡ	Khớp nối tự động theo bơm Phụ kiện: Gồm Trọn bộ lắp đặt Coupling, thanh trượt inox304, xích kéo…	
	Phao điều kiển	Điều khiển hoạt động của bơm	
		Bơm chìm hút cặn: - Guồng bơm, cánh và thân bơm làm từ vật liệu chống ăn mòn. - Lưu lượng: 5 m3/h; H=6 m - Độ bảo vệ: IP 68 - Điện áp: 380V, 0,25 kW	Cái
II	**Bể điều hòa**		
1	Bơm bể điều hòa	Bơm chìm nước thải: - Guồng bơm, cánh và thân bơm làm từ vật liệu chống ăn mòn. - Lưu lượng: 9 m3/h; H=6 m - Độ bảo vệ: IP 68 - Điện áp: 380V, 0,4 kW	Cái
3	Khớp nối nhanh + giá đỡ	Khớp nối tự động theo bơm Phụ kiện: Gồm Trọn bộ lắp đặt Coupling, thanh trượt inox304, xích kéo…	
	Phao điều kiển	Điều khiển hoạt động của bơm	
4	Đĩa khí	Chất liệu: EDPM Kích thước: D105	Hệ thống

III	**Bể thiếu khí**				
1	Máy khuấy chìm bể Anoxic	Công xuất: 0.75kw Điện áp: 3P/380V/50Hz Phụ kiện kèm theo Tay cầm, xích kéo Ống thanh trượt, bộ lắp đặt, Kèm các vật tư khác	Cái	EU/G7	4
3	Khớp nối nhanh + giá đỡ	Khớp nối tự động theo bơm Phụ kiện: Gồm Trọn bộ lắp đặt Coupling, thanh trượt inox304, xích kéo…		Việt Nam	2
IV	**Bể MBBR - hiếu khí**			EU/G7	
1	Đĩa khí	Chất liệu: EDPM Kích thước: D270 (Dạng bọt mịn)	Hệ thống	EU/G7	1
2	Bơm tuần hoàn	Bơm chìm nước thải: - Guồng bơm, cánh và thân bơm làm từ vật liệu chống ăn mòn. - Lưu lượng: 9 m3/h; H=6 m - Độ bảo vệ: IP 68 - Điện áp: 380V, 0,4 kW	Cái	EU/G7	02
3	Khớp nối nhanh + giá đỡ	Khớp nối tự động theo bơm Phụ kiện: Gồm Trọn bộ lắp đặt Coupling, thanh trượt inox304, xích kéo…		Việt Nam	2
4	Đệm vi sinh	Chủng loại: Dạng vật liệu tiếp xúc D25x10 Diện tích bề mặt: 500M2/M3 Chất liệu: PP, PE, PVC	m3	Châu Á	7
V	**Bể lắng**				
1	Bơm bùn	Bơm chìm nước thải: Guồng bơm, cánh và thân bơm làm từ vật liệu chống ăn mòn Lưu lượng: 9 m3/h; H=6 m Độ bảo vệ: IP 68 Điện áp: 380V, 0,4 kW	Cái	EU/G7	2
2	Khớp nối nhanh + giá đỡ	Khớp nối tự động theo bơm Phụ kiện: Gồm Trọn bộ lắp đặt Coupling, thanh trượt inox304, xích kéo…		Việt Nam	2
3	Ống lắng trung tâm	Chất liệu: Inox Kích thước: D600 x H1600 Gia công chế tạo trong nước Kèm theo khu, giá đỡ	Bộ	Việt Nam	1
4	Máng thu nước răng cưa bể lắng	Chất liệu: Inox Gia công chế tạo trong nước	Bộ	Việt Nam	1
5	Thiết bị hút váng nổi bề mặt	Vật liệu: SS304 Bơm đi kèm: Eu/G7 Xuất xứ: Việt Nam	Cái	Châu Á	1

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..... Bộ ..... Việt Nam
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	

TÊN BẢN VẼ:
BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 01

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-17
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ

VI	**Thiết bị nhà điều hành**				
1	Máy thổi khí đặt cạn	Lưu lượng: 4,26m3/phút Cột áp: 4 mét H2O Công suất: 5,5 Kw Điện áp: 3P/380V/50Hz Phụ kiện kèm theo Ống giảm thanh Khớp nối mềm Đế chống rung, Kèm các vật tư khác	Cái	EU/G7	2
2	Bơm định lượng hóa chất	Điện áp: 380V/50 Hz Lưu lượng: 50 lít/h. Họng hút xả: 3/8 inch Xuất xứ: Eu/G7	Cái	EU/G7	6
3	Động cơ khuấy hóa chất	Kiểu động cơ giảm tốc Tốc độ: 60 - 75 vòng/phút Công suất: 0,4kw Điện áp: 3P/380V/50Hz Kèm theo Trục cánh khuấy: inox 304 Kèm phụ kiện, hệ giá đỡ động cơ…	Hệ thống	Châu Á	3
4	Bồn chứa hóa chất	Chất liệu: PVC Dung tích: 500 lít Kèm vật tư phụ kiện ống, van xả…	Cái	Việt Nam	3
5	Bơm lọc áp lực	Bơm cạn: - Guồng bơm, cánh và thân bơm làm từ vật liệu chống ăn mòn. - Lưu lượng: 15-20 m3/h; H=25-29 m - Điện áp: 380V, 2,2 kW	Cái	EU/G7	2
6	Cột lọc áp lực	Kích thước: DxH = 900X2215mm Vật liệu lọc bao gồm: Cát, sỏi thạch anh, than hoạt tính Kèm vật tư phụ kiện ống, van xả, bích kết nối…	Bộ	Châu Á	2
7	Van lọc tự động	Van lọc, rửa tự động Công suất vận hành: 16,4 m3/h	Cái	Châu Á	2
8	Tủ điện điều khiển	Dây Cáp điện dẫn tới các thiết bị Máng cáp đi dây dẫn Tủ điện điều khiển Các thiết bị đóng ngắt bảo vệ thiết bị Dây cáp điện cadivi hoặc tương đương Linh kiện chính tủ điện, linh kiện phụ	Cái	Việt Nam	1

VII	**Thiết bị xử lý mùi**				
1	Thiết bị xử lý khí thải	Tháp xử lý khí Chất liệu: Compossite/PP Gia công chế tạo trong nước Kèm hệ vật tư Van, T, Cút … cung cấp trong hệ	Bộ	Việt Nam	1
2	Quạt hút mùi	Lưu lượng: 1500-2100 m3/h Áp suất: 700-500 Pa Công suất: 1,1kW/380V/50Hz	Cái	Việt Nam	1
VIII	**HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ, LẮP ĐẶT VÀ VẬN HÀNH CHẠY THỬ**				
1	Hệ đường ống công nghệ	Đường ống dẫn nước Đường ống dẫn khí Đường ống dẫn hóa chất Phụ kiện, van, cút, tê, …. Đồng bộ Chất liệu: Inox 304, PVC, thép mạ kẽm	Hệ thống	Châu Á	1
2	Hệ giá đỡ	Giá đỡ đường ống Gía đỡ bơm định lượng Chất liệu: SS400, Inox 304 Gia công chế tạo trong nước	Hệ thống	Việt Nam	1
3	Men vi sinh khởi động hệ thống, hóa chất vật hành chạy thử	Bùn (hoặc men) vi sinh khởi động hệ thống Hóa chất: NaOH, dinh dưỡng, Javen vận hành chạy thử 1 tháng	Tháng	Việt Nam	1

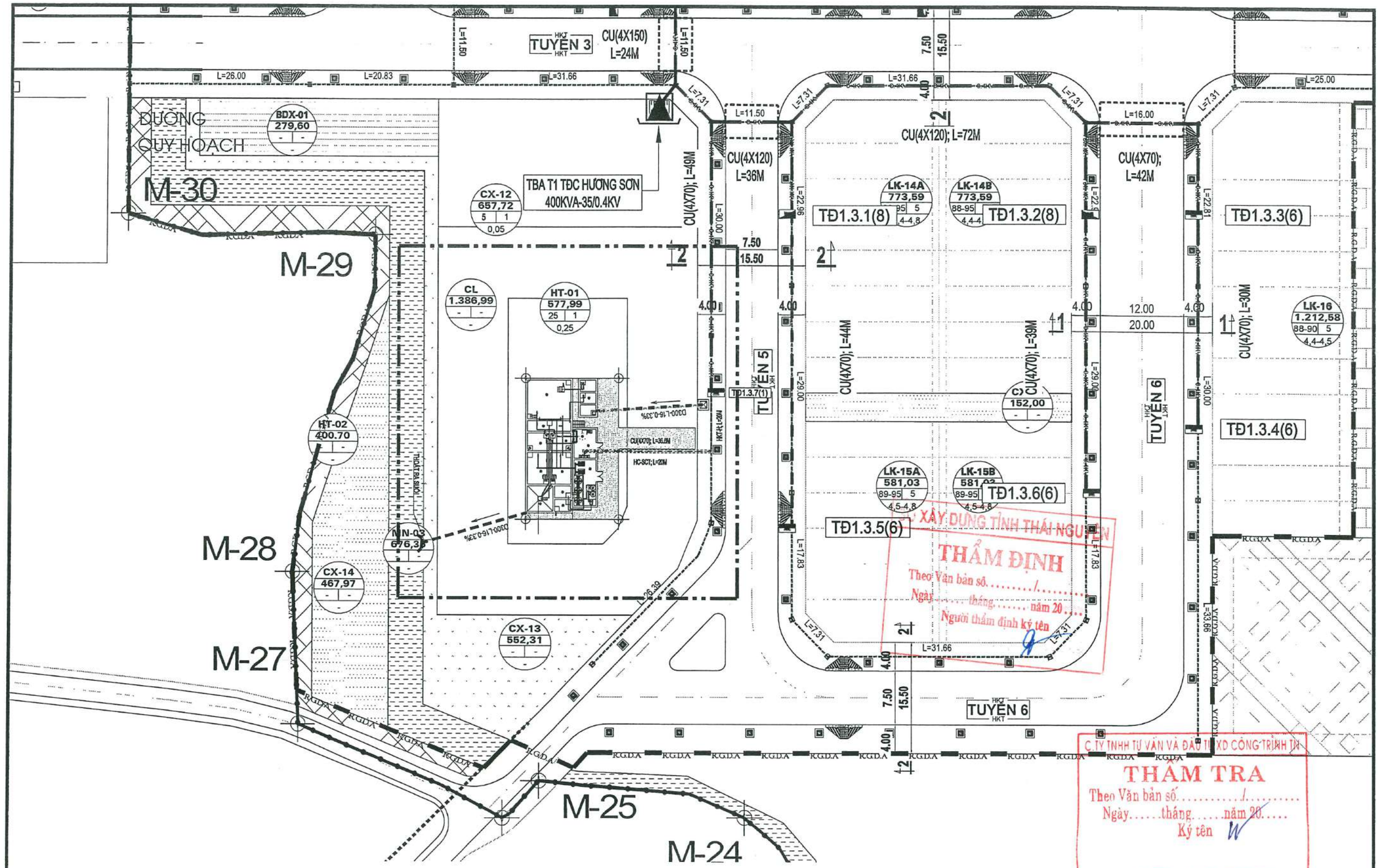
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG THỊ VÂN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG	

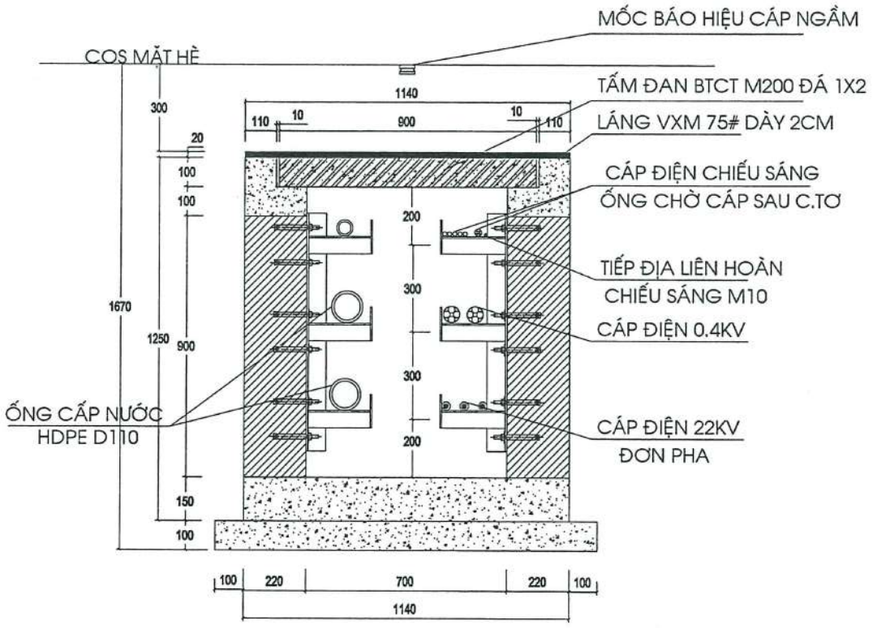
TÊN BẢN VẼ:
BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 02

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: XLNT-18
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

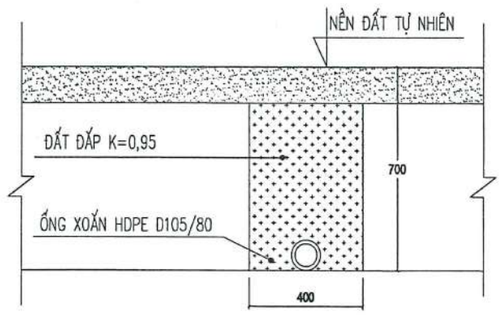


ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* TRƯỞNG PHÒNG KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NGUỒN VÀO TRẠM XỬ LÝ
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 — BẢN VẼ SỐ: MB_CD - 01
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		LẦN XUẤT BẢN: 01 — DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT NGANG HÀO KỸ THUẬT TRÊN VỈA HÈ THUỘC PHẦN HẠ TẦNG KỸ THUẬT



MẶT CẮT NGANG HÀO CÁP SAU CÔNG TƠ (HC-SCT)



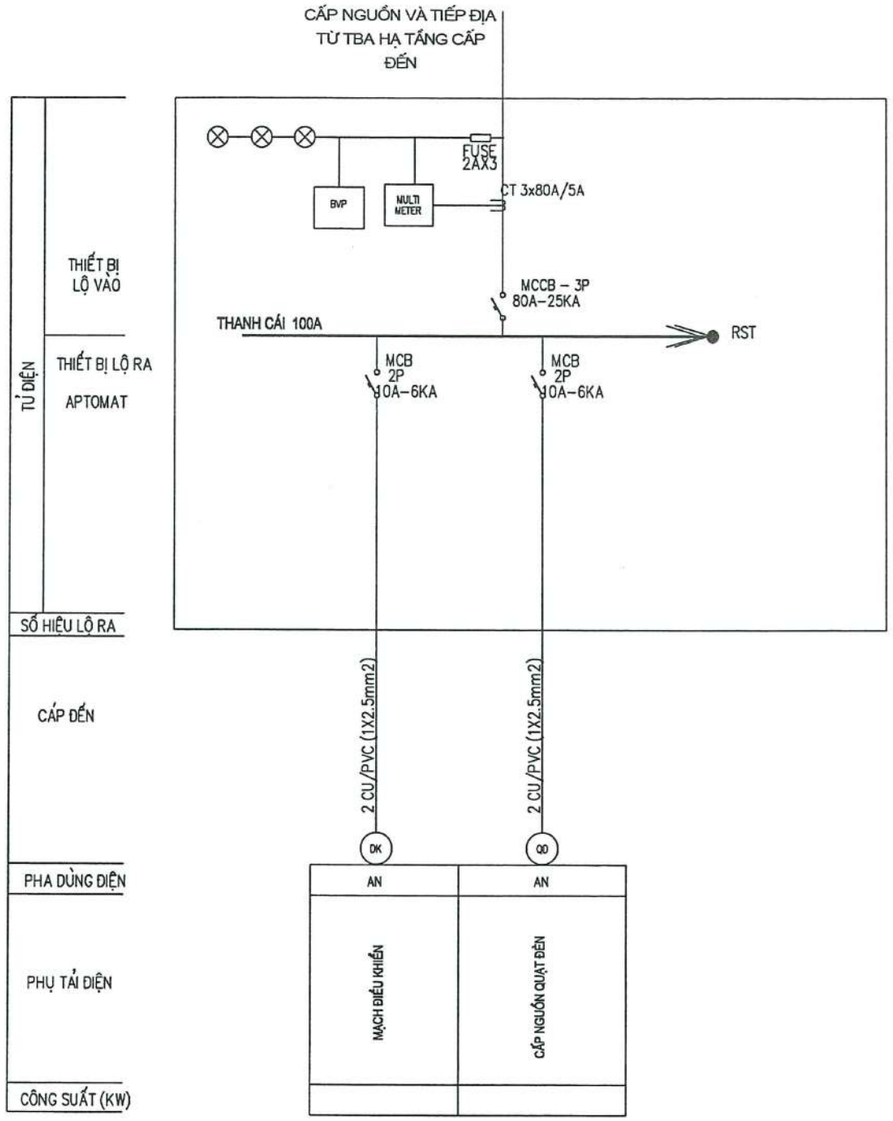
MẶT CẮT HÀO CÁP SAU CÔNG TƠ (HC-SCT)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT HÀO KỸ THUẬT TRÊN VỈA HÈ VÀ HÀO SAU CÔNG TƠ
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25 | BẢN VẼ SỐ: CT_CD - 01
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		LẦN XUẤT BẢN: 01 | DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỀU KHIỂN DB1 - 1/3



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

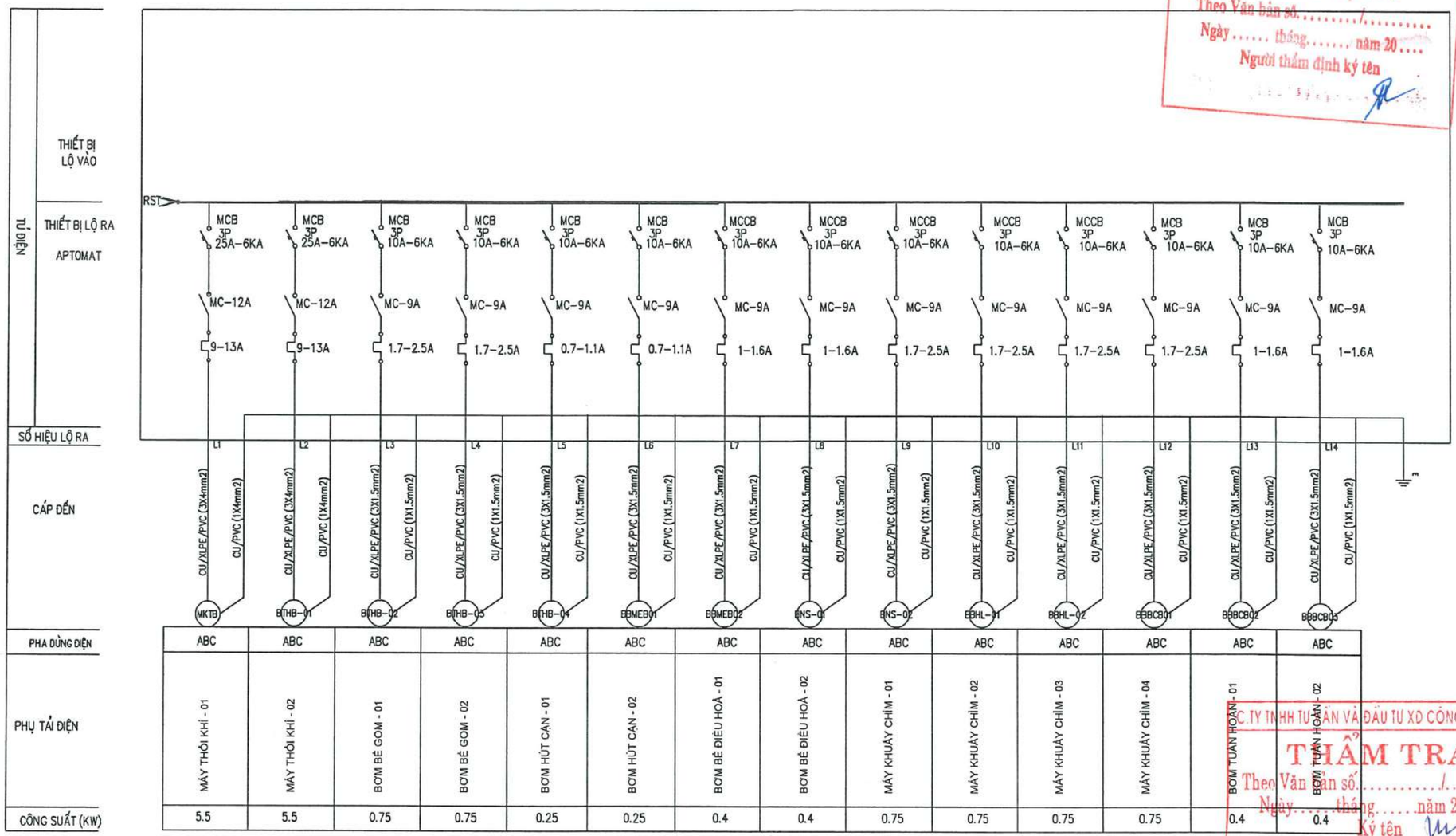
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 1 tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỀU KHIỂN DB1 - 1/3

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỀU KHIỂN DB1 - 2/3

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

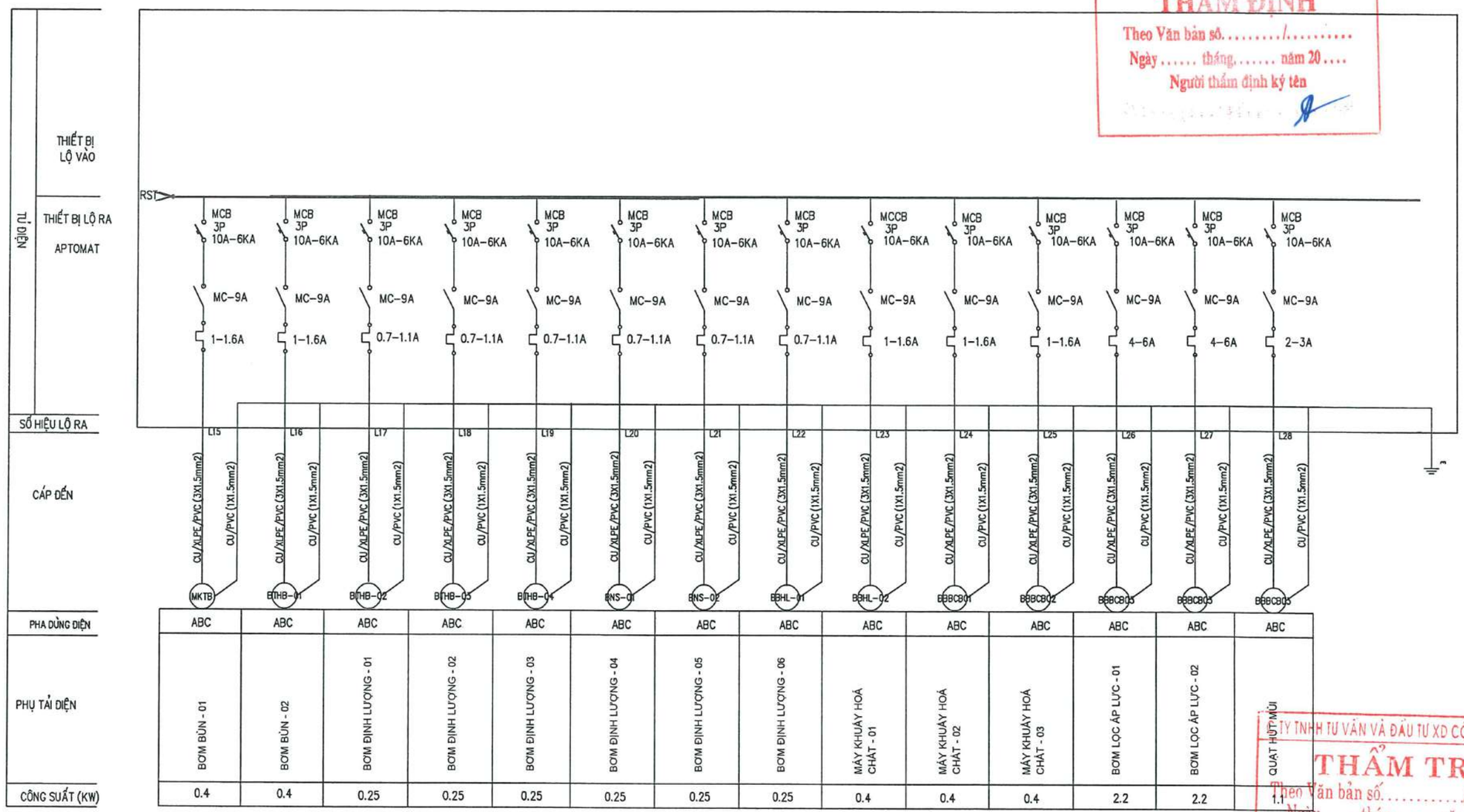


C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỀU KHIỂN DB1 - 2/3
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 02
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

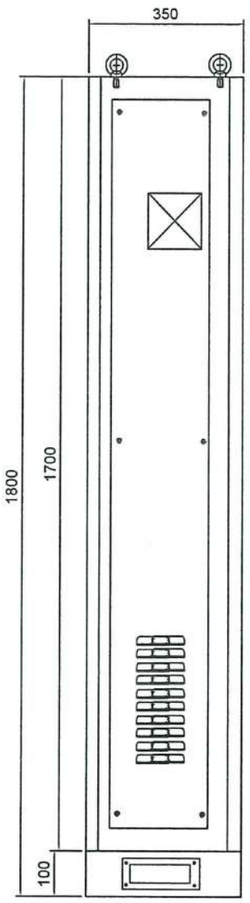
SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỀU KHIỂN DB1 - 3/3

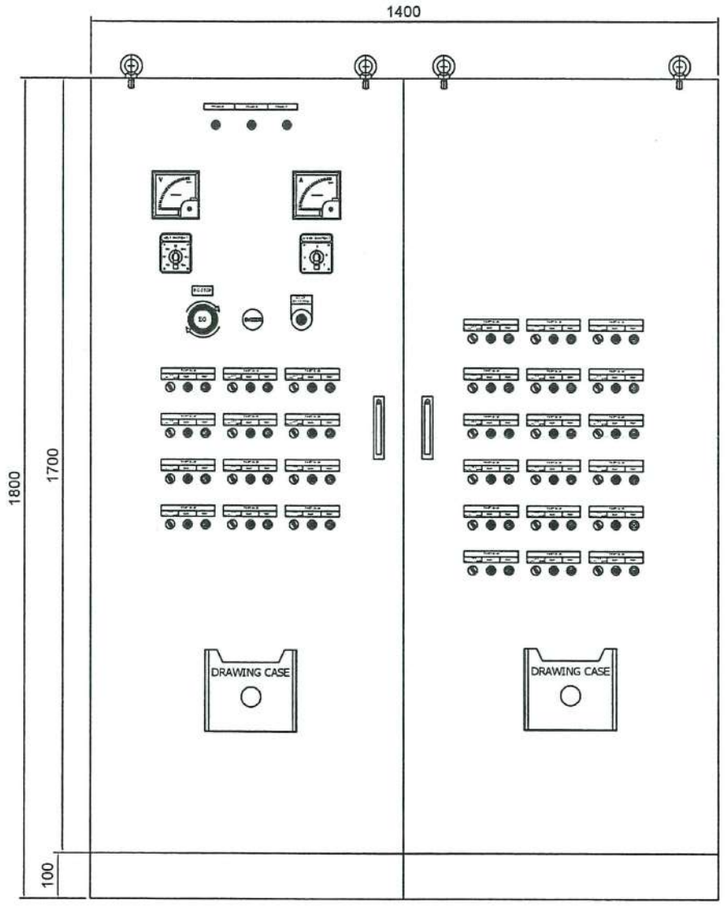
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

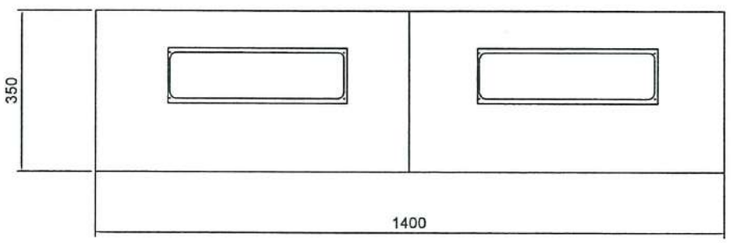


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày 1 tháng ... năm 2025* GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ ĐIỀU KHIỂN DB1 - 3/3
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 03
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS







SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT TỦ ĐIỀU KHIỂN - 1/2

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

KÝ HIỆU

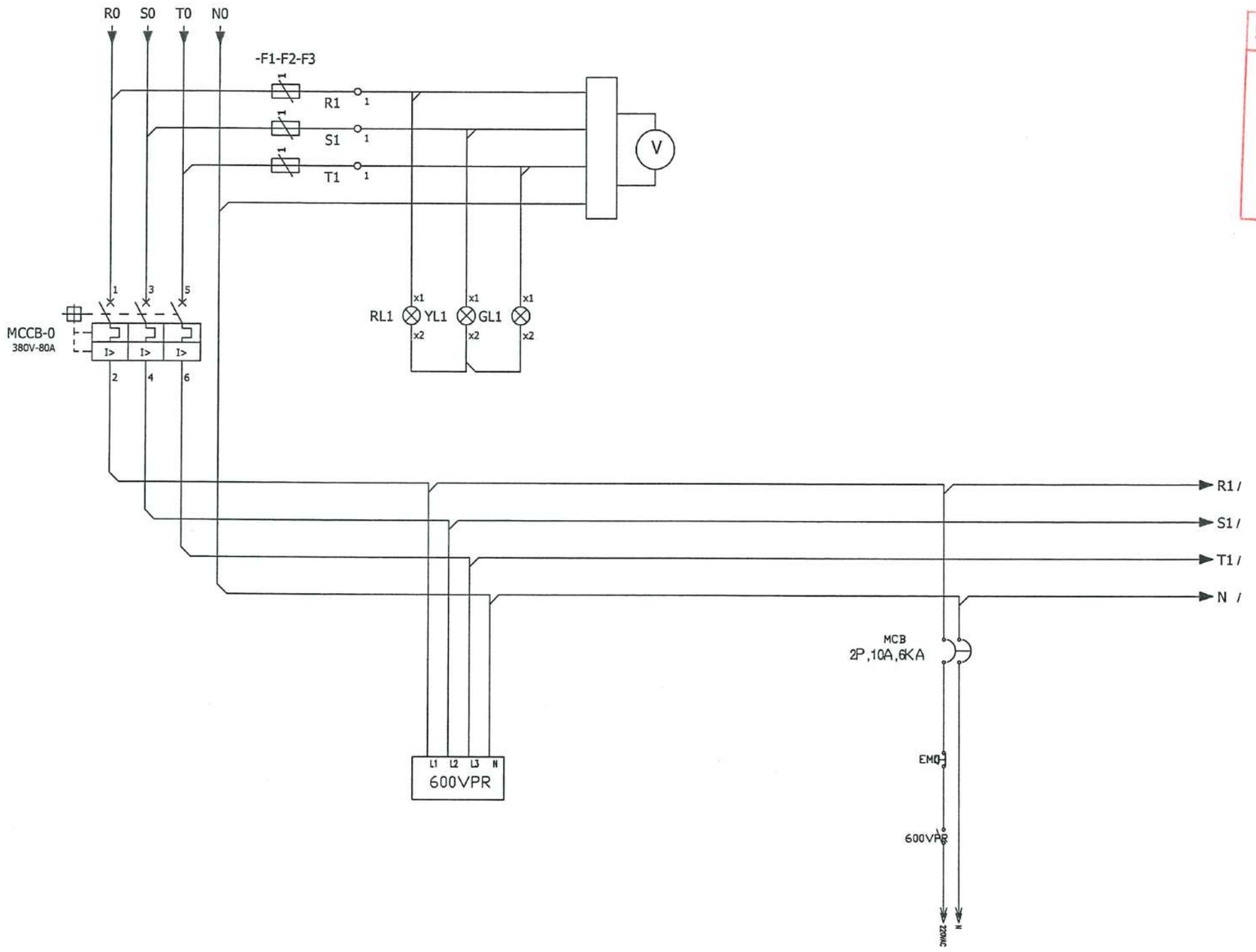
	FUSE / CẦU CHÌ SỨ
	CURRENT TRANSFORMER / BIẾN DÒNG
	ARRESTER PROTECTION / CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN ĐƯỜNG NGUỒN
	UNIT POWER SYSTEM / BỘ LƯU ĐIỆN
	VOLTAGE TRANSFORMER / BIẾN ÁP 220VAC/24VDC
	VOLTAGE TRANSFORMER / BIẾN ÁP 380VAC/220VAC
	CURCUIRT BREAKER / ÁP TÔ MÁT
	INVERTER / BIẾN TẦN
	CONTACTOR / CÔNG TẮC TƠ
	THERMAL RELAY / RƠ LE NHIỆT
	POWER METER / ĐỒNG HỒ ĐO NGUỒN ĐIỆN
	3 PHASE MOTOR / MOTOR 3 PHA
	3 POSIITION SWITCH / CÔNG TẮC 3 VỊ TRÍ
	COIL FOR RELAY, CONTACTOR / CUỘN DÂY CHO RƠ LE, CÔNG TẮC TƠ
	START PUSH BOTTON / NÚT NHẤN START
	STOP PUSH BOTTON / NÚT NHẤN STOP
	THERMAL RELAY CONTACT / TIẾP ĐIỂM RƠ LE NHIỆT
	NOMAL OPEN CONTACT / TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ
	NOMAL CLOSE CONTACT / TIẾP ĐIỂM THƯỜNG ĐÓNG
	EMRGENCY STOP PUSHUTTONS/ NÚT DỪNG KHẨN CẤP
	PILOT LIGHT / ĐÈN BÁO

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT TỦ ĐIỀU KHIỂN - 2/2
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH			
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH			TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 05
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN 380VAC



NGUỒN ĐIỀU KHIỂN
220VAC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

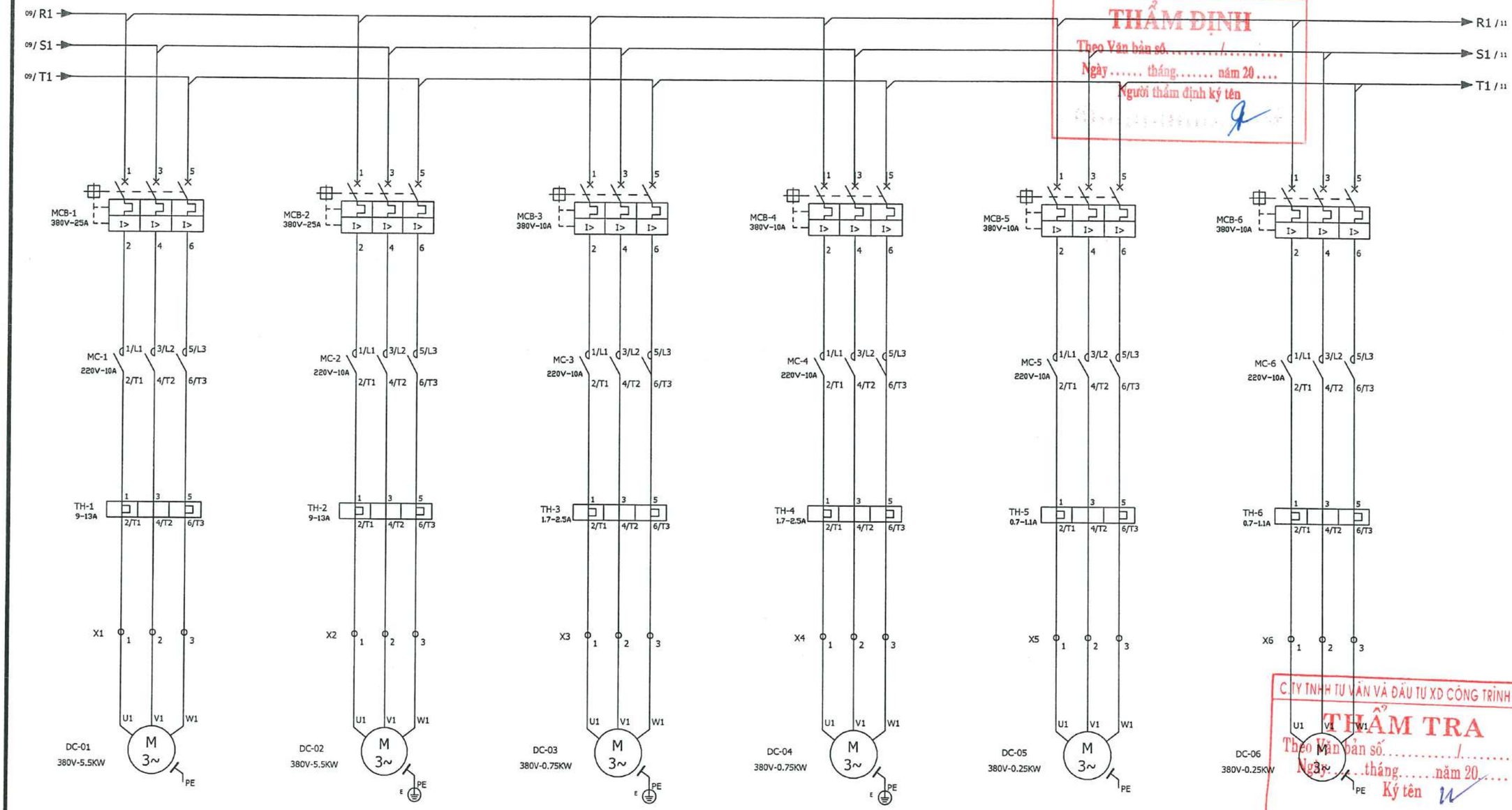
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 14 tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN 380VAC

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 01



MÁY THỔI KHÍ - 01 | MÁY THỔI KHÍ - 02 | BƠM BỂ GOM - 01 | BƠM BỂ GOM - 02 | BƠM HÚT CẶN - 01 | BƠM HÚT CẶN - 02

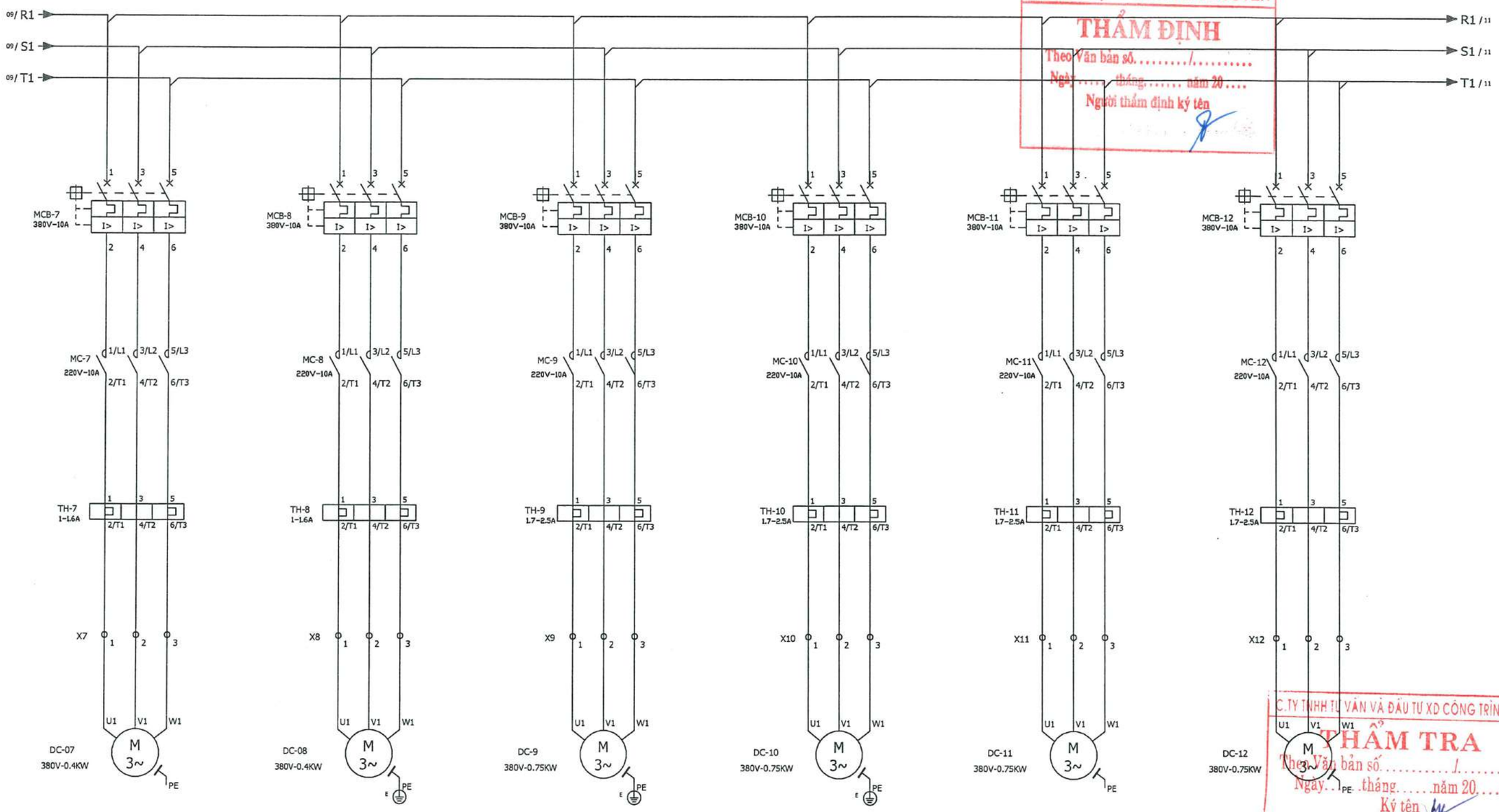
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 1/5
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 07
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên



BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ - 01 | BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ - 02 | MÁY KHUẤY CHÌM - 01 | MÁY KHUẤY CHÌM - 02 | MÁY KHUẤY CHÌM - 03 | MÁY KHUẤY CHÌM - 04

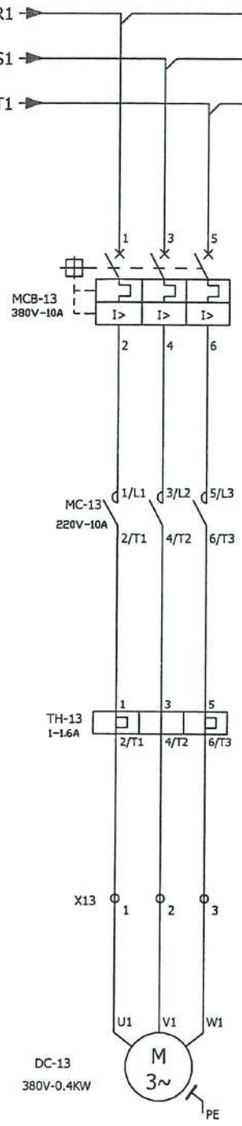
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 2/5
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 08
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

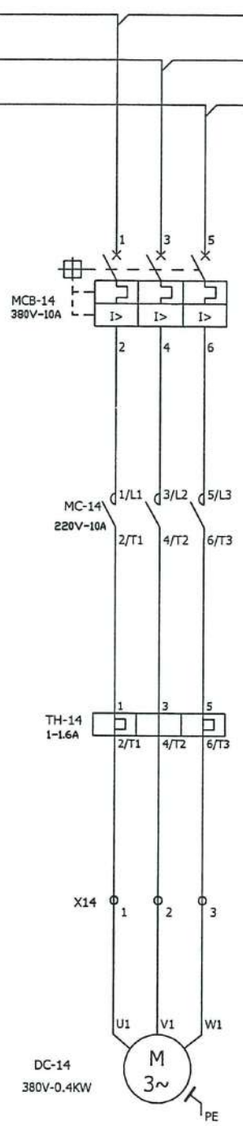
MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 03

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

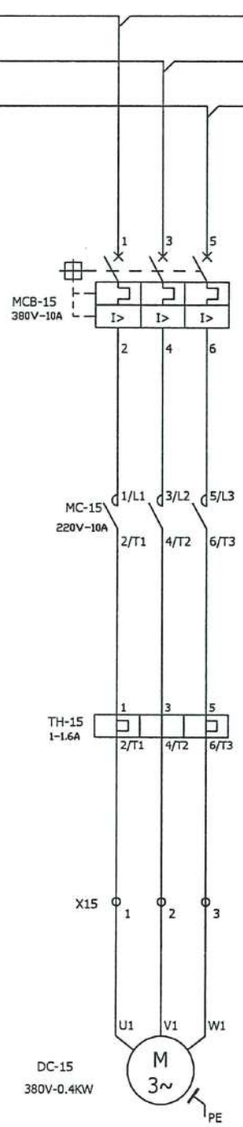
09/ R1 → R1 / 11
09/ S1 → S1 / 11
09/ T1 → T1 / 11



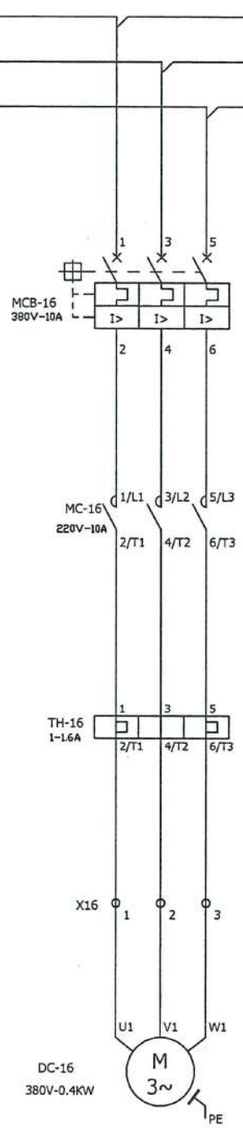
BƠM TUẦN HOÀN - 01



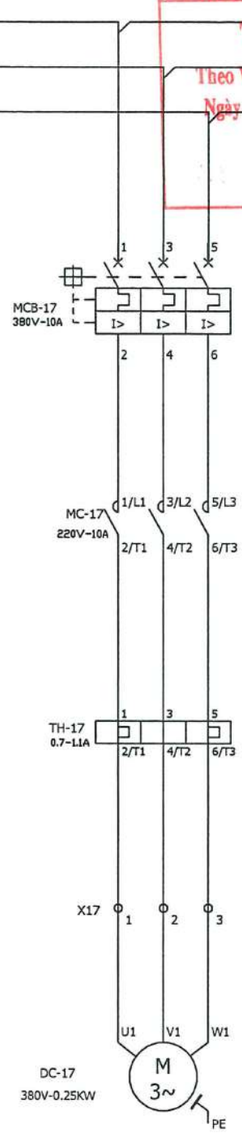
BƠM TUẦN HOÀN - 02



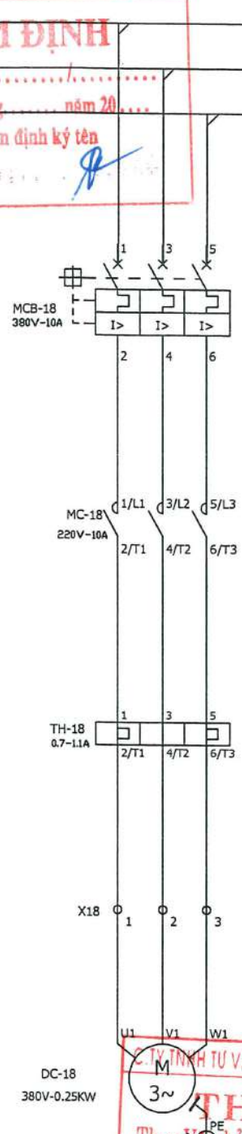
BƠM BÙN - 01



BƠM BÙN - 02



BƠM ĐỊNH LƯỢNG - 01



BƠM ĐỊNH LƯỢNG - 02

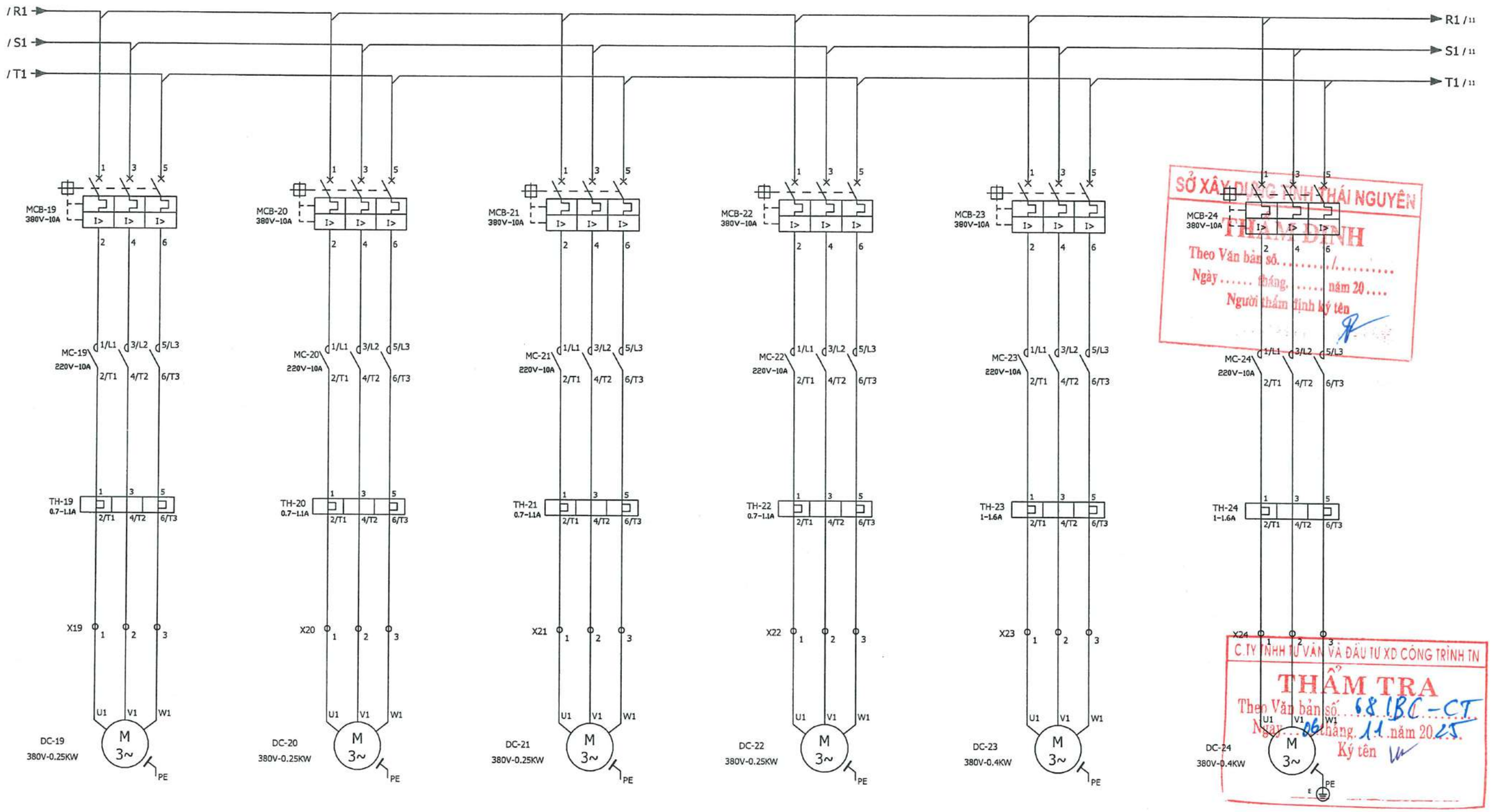
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..681/BC-CT.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 3/5

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 04



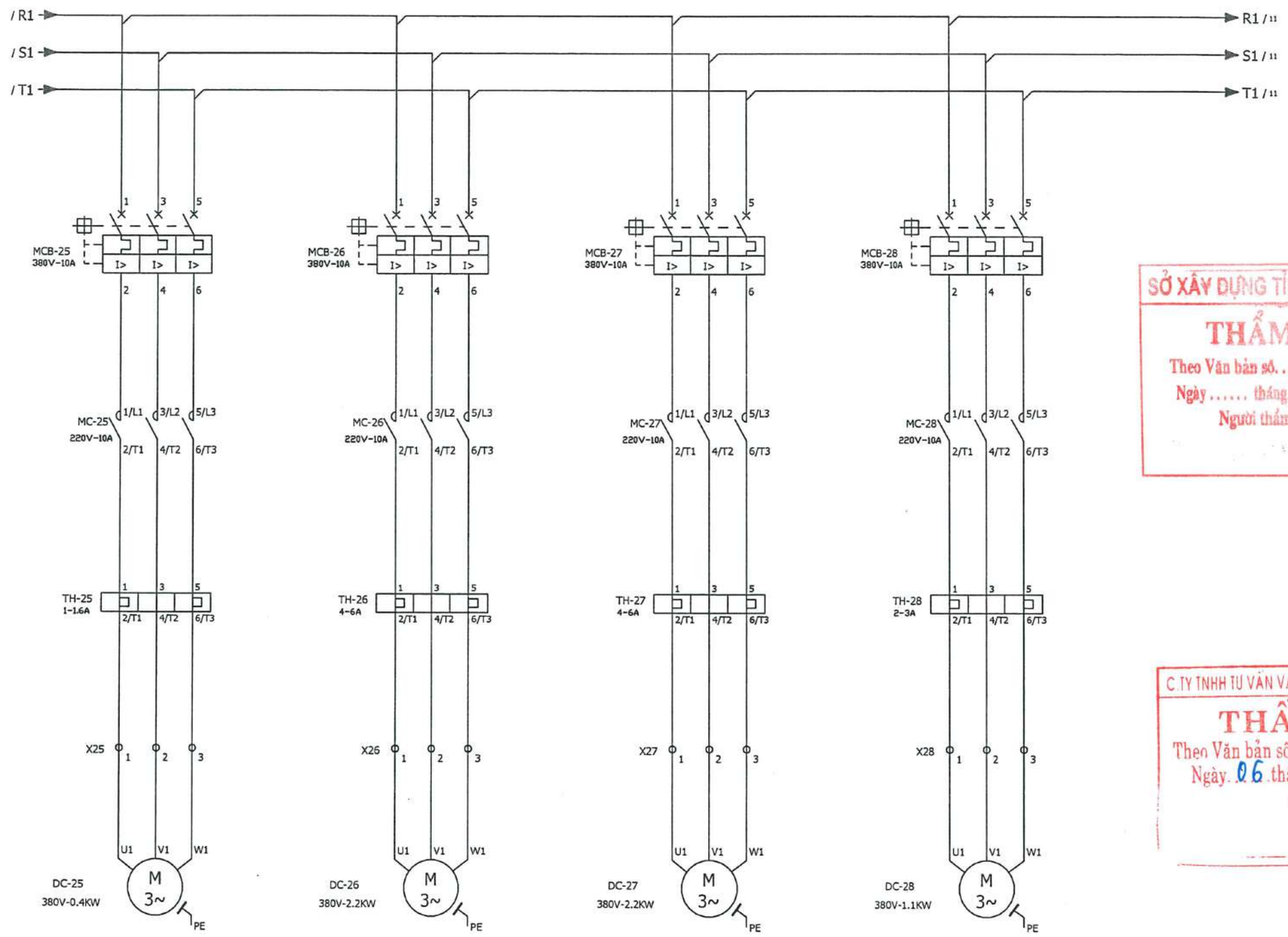
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 68.IBC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

BƠM ĐỊNH LƯỢNG - 03 | BƠM ĐỊNH LƯỢNG - 04 | BƠM ĐỊNH LƯỢNG - 05 | BƠM ĐỊNH LƯỢNG - 06 | ĐỘNG CƠ KHUẤY HC - 01 | ĐỘNG CƠ KHUẤY HC - 02

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* PHÊ DUYỆT KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 4/5
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 10
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 05



ĐỘNG CƠ KHUẤY HC - 03

BƠM LỌC ÁP LỰC - 01

BƠM LỌC ÁP LỰC - 02

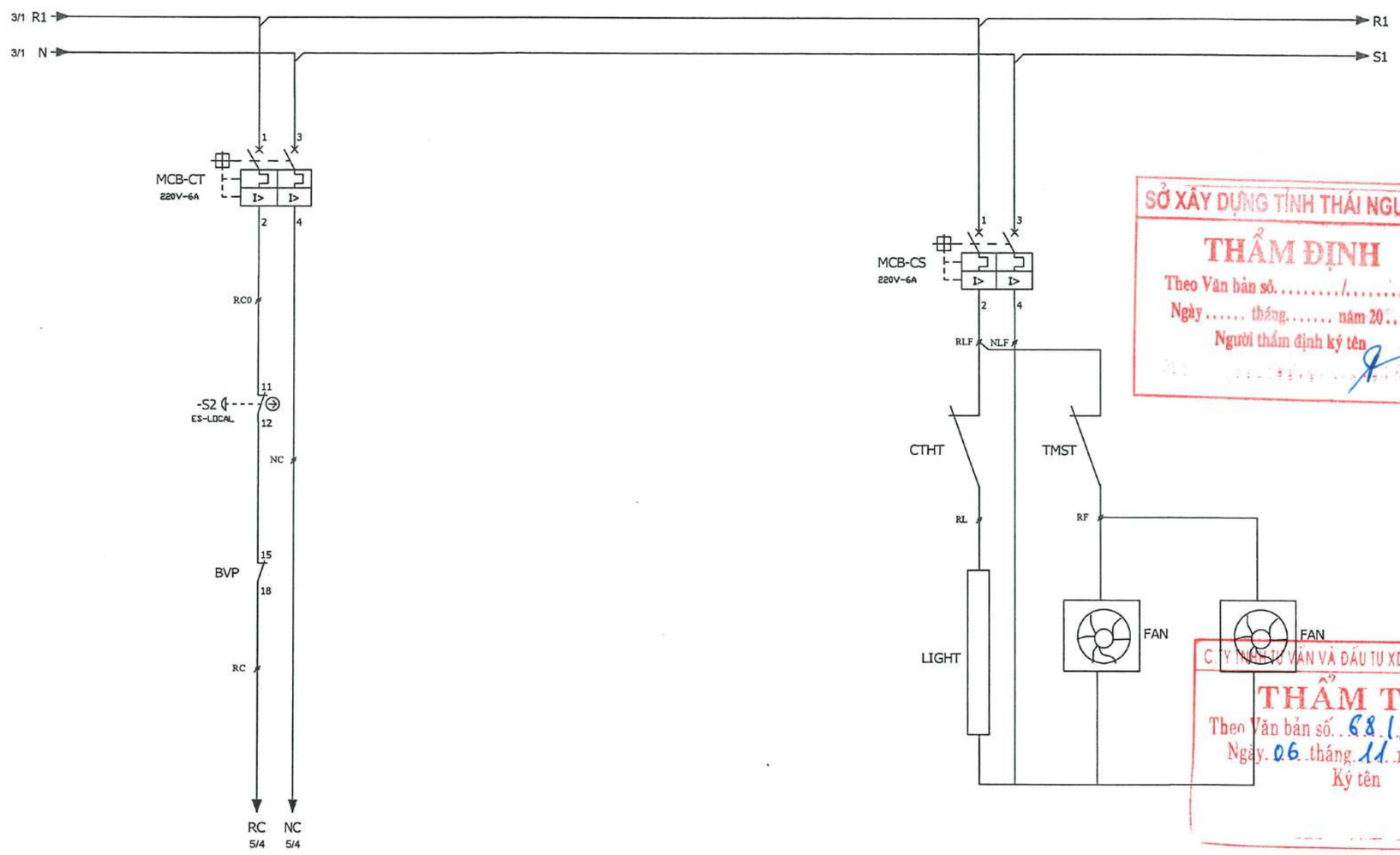
QUẠT HÚT MÙI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681.BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025* GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐỘNG LỰC CẤP NGUỒN ĐẾN THIẾT BỊ - 5/5
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 11
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

MẠCH CẤP NGUỒN 220VAC



CONTROL CIRCUTT

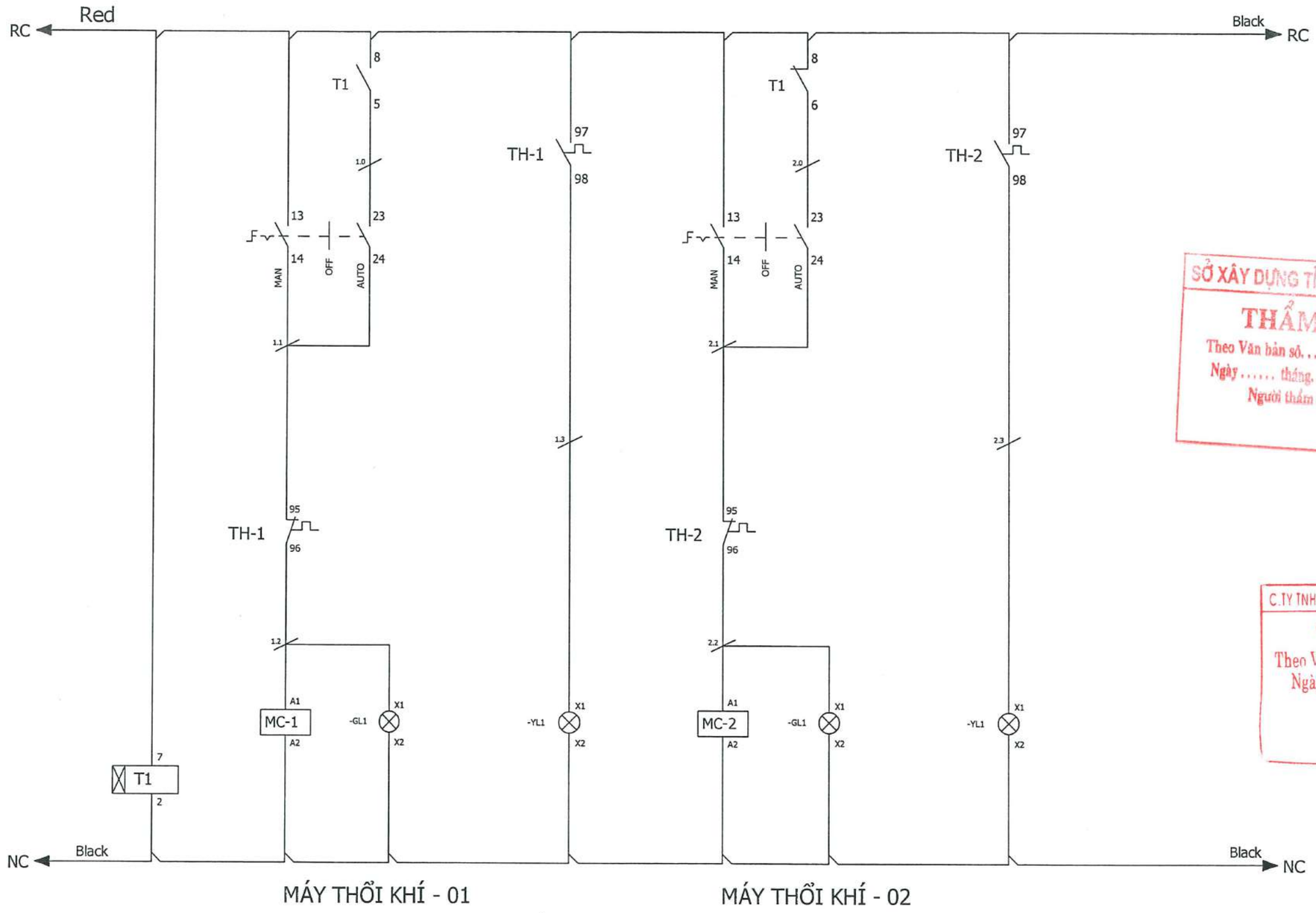
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.IBC - CT.
Ngày. 06. tháng. 11. năm 20. 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH CẤP NGUỒN 220VAC	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 12
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 01



MÁY THỔI KHÍ - 01

MÁY THỔI KHÍ - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

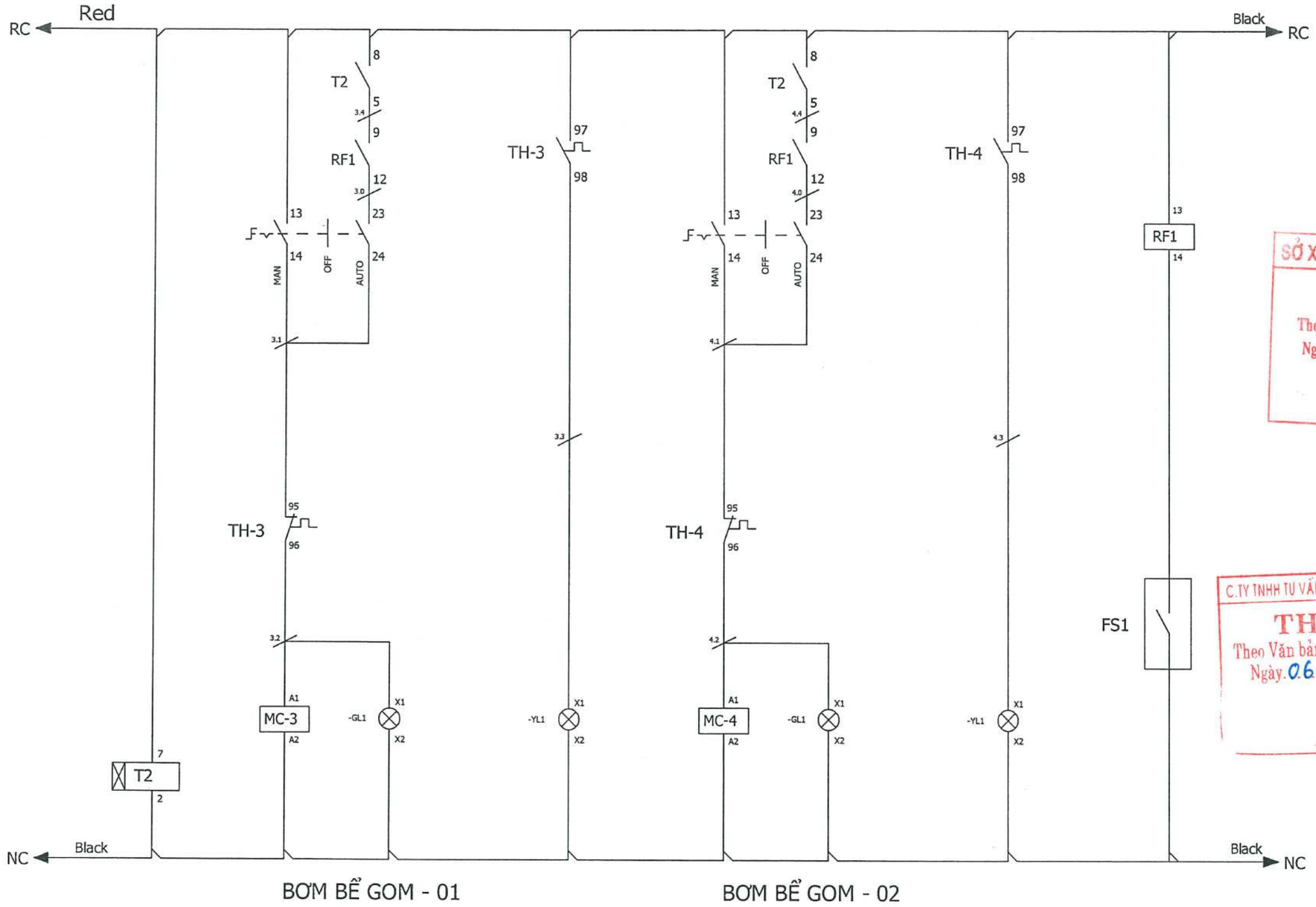
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68.IBC – CT
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ:
MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 1/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 13
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 02



BƠM BỂ GOM - 01

BƠM BỂ GOM - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

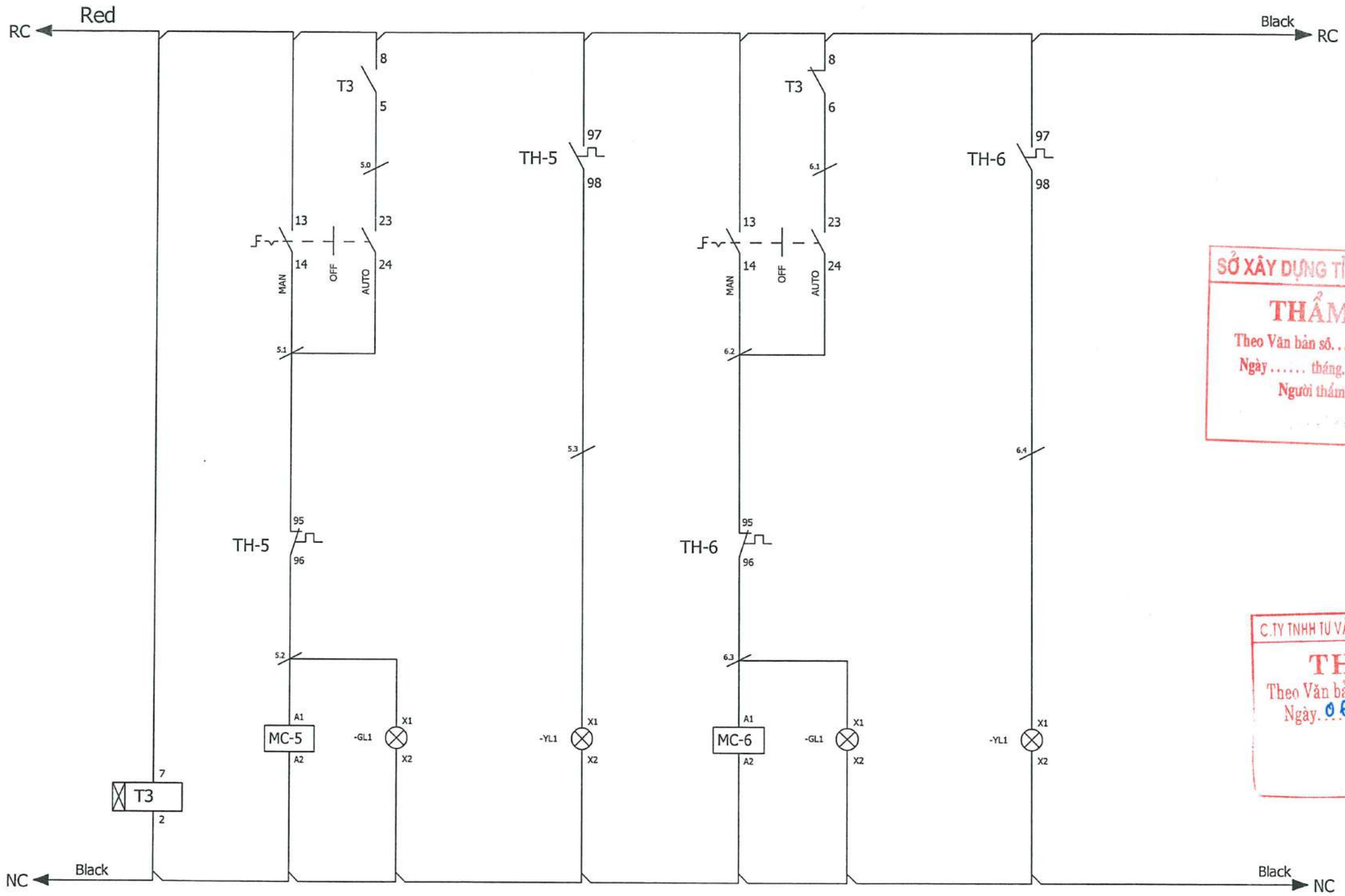
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..681BC-CT...
Ngày.06.tháng..11.năm 20..25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 6 tháng 11 năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 2/14	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 14
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 03



BƠM HÚT CẶN - 01

BƠM HÚT CẶN - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

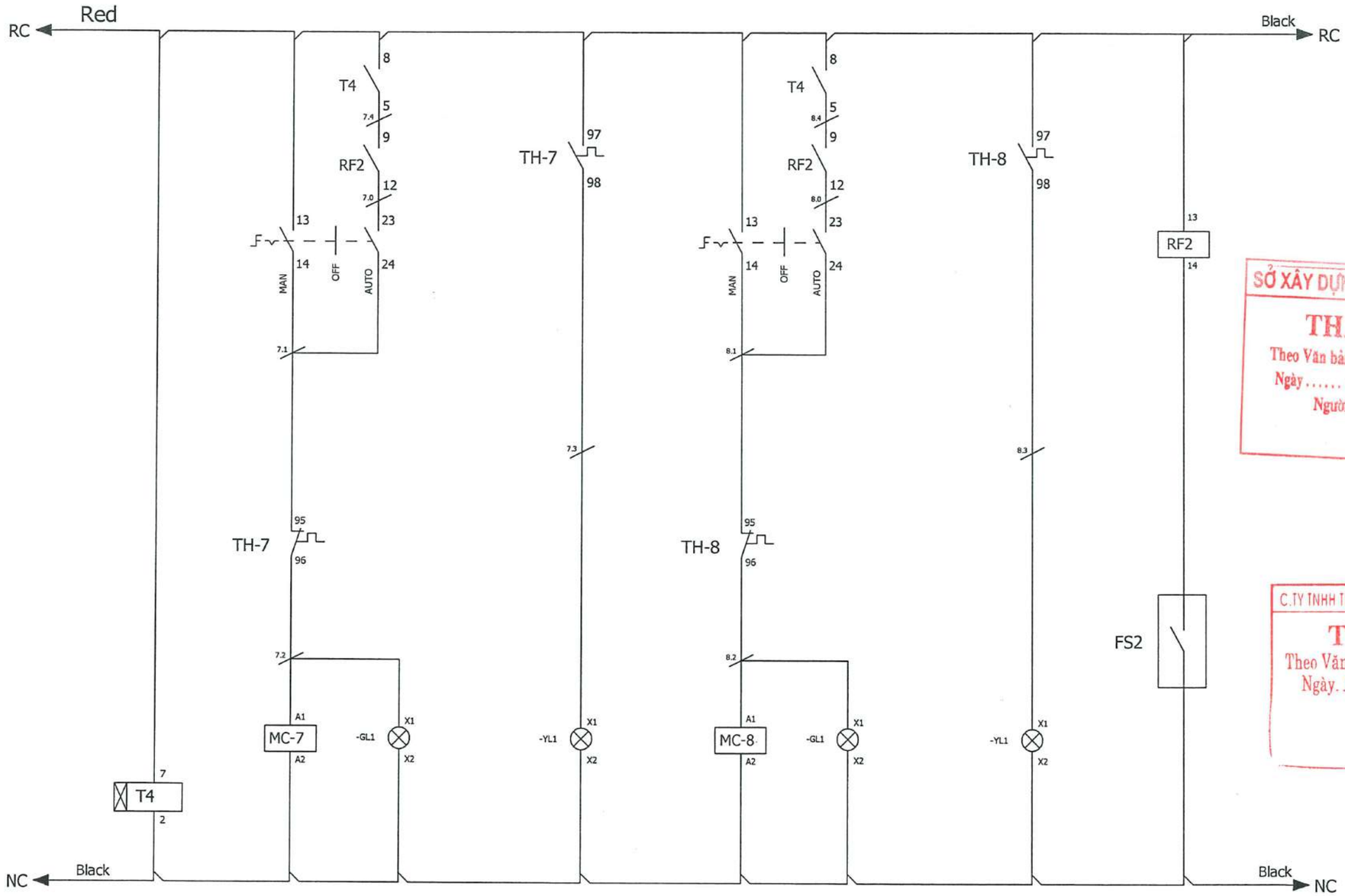
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 20 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 3/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 04

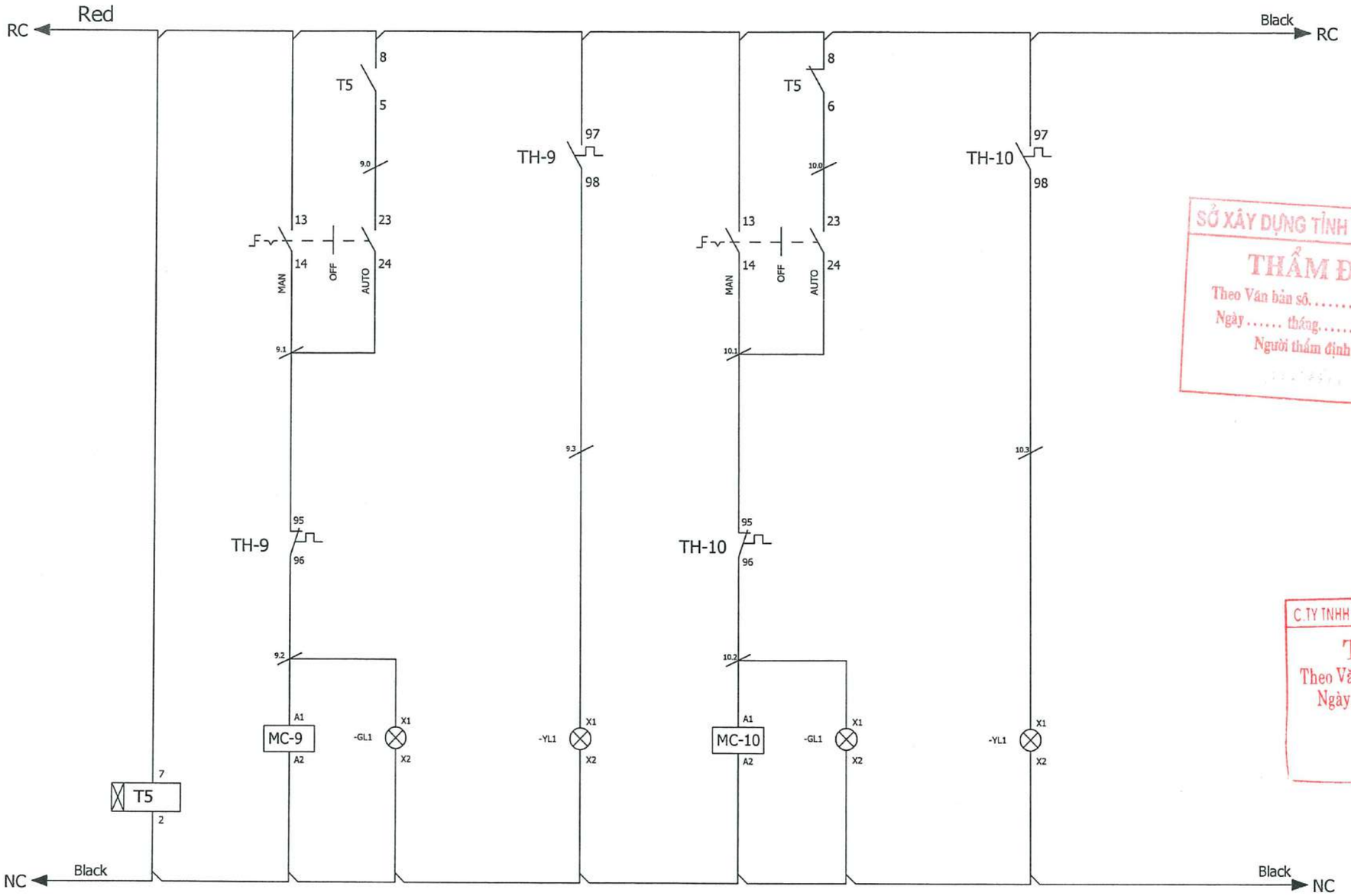


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...681BC-CT
Ngày..06 tháng..11 năm 20..25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 4/14
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 16
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 05



MÁY KHUẤY CHÌM - 01

MÁY KHUẤY CHÌM - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

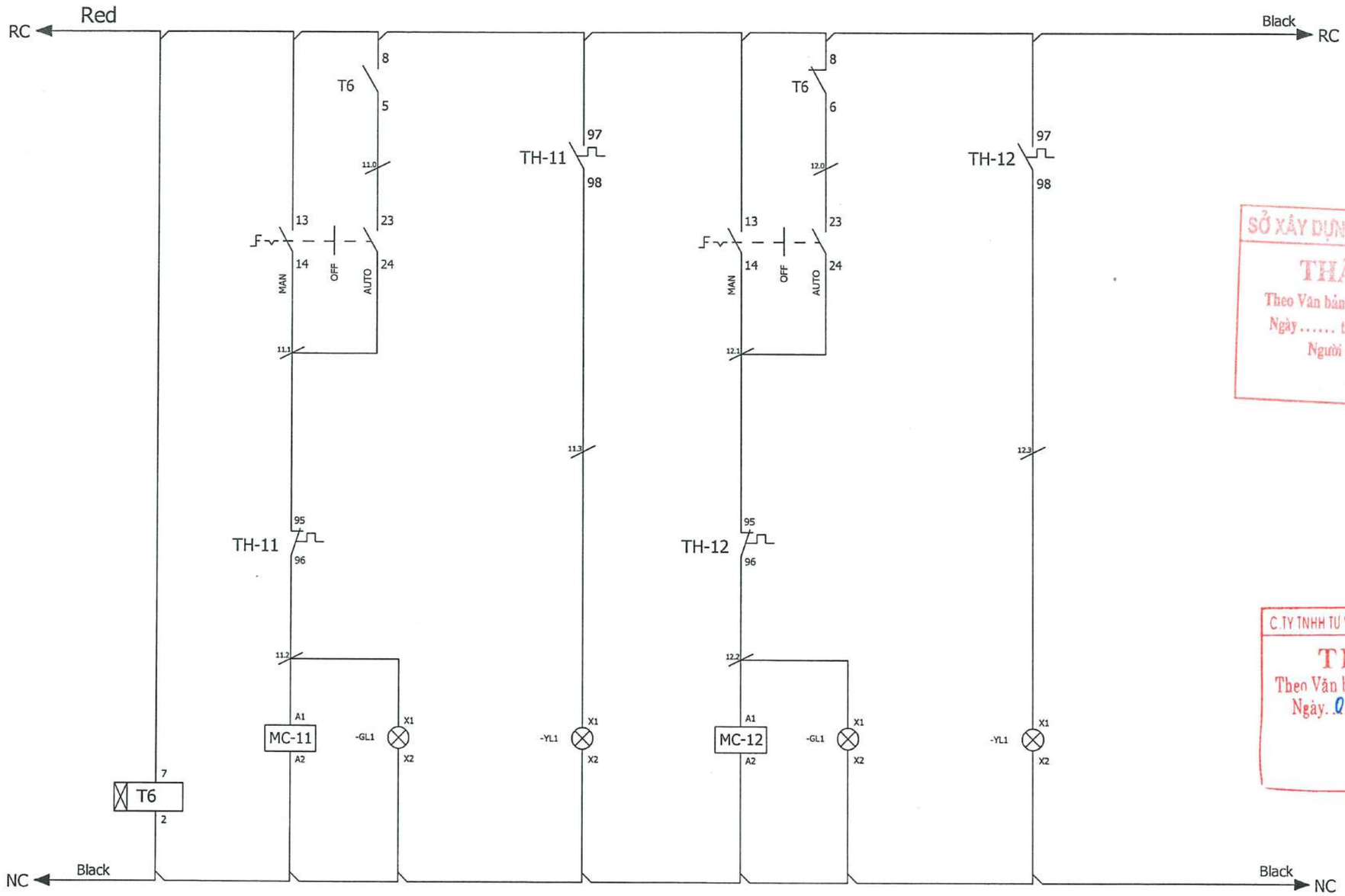
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 6.8.1.B.C...-.C.T
Ngày. 0.6. tháng. 1.1. năm 20..2.5
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 5/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 17
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 06



MÁY KHUẤY CHÌM - 03

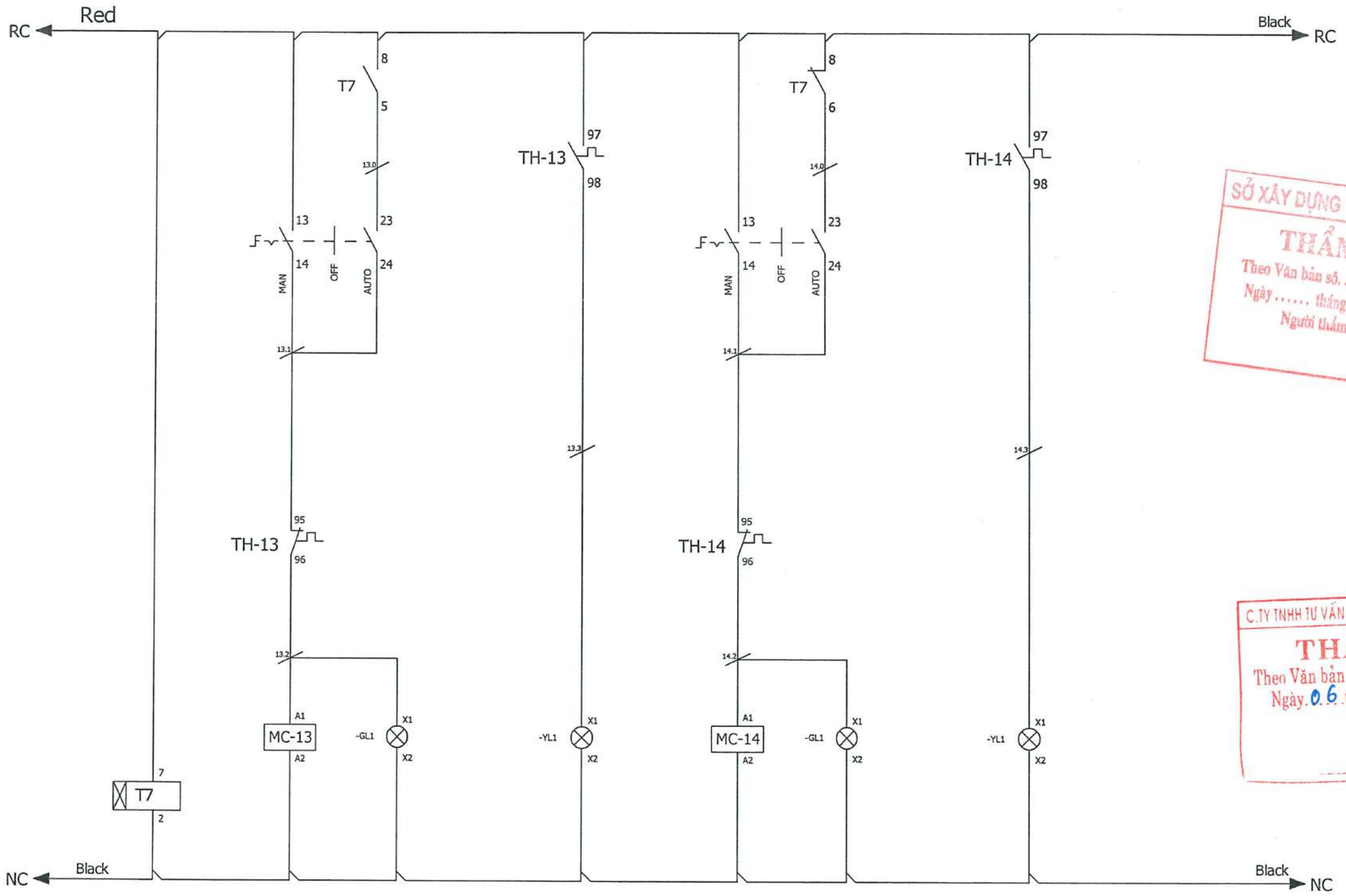
MÁY KHUẤY CHÌM - 04

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 681 BC - CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 PHÊ DUYỆT GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 6/14 TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 18 LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 07



BƠM TUẦN HOÀN - 01

BƠM TUẦN HOÀN - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

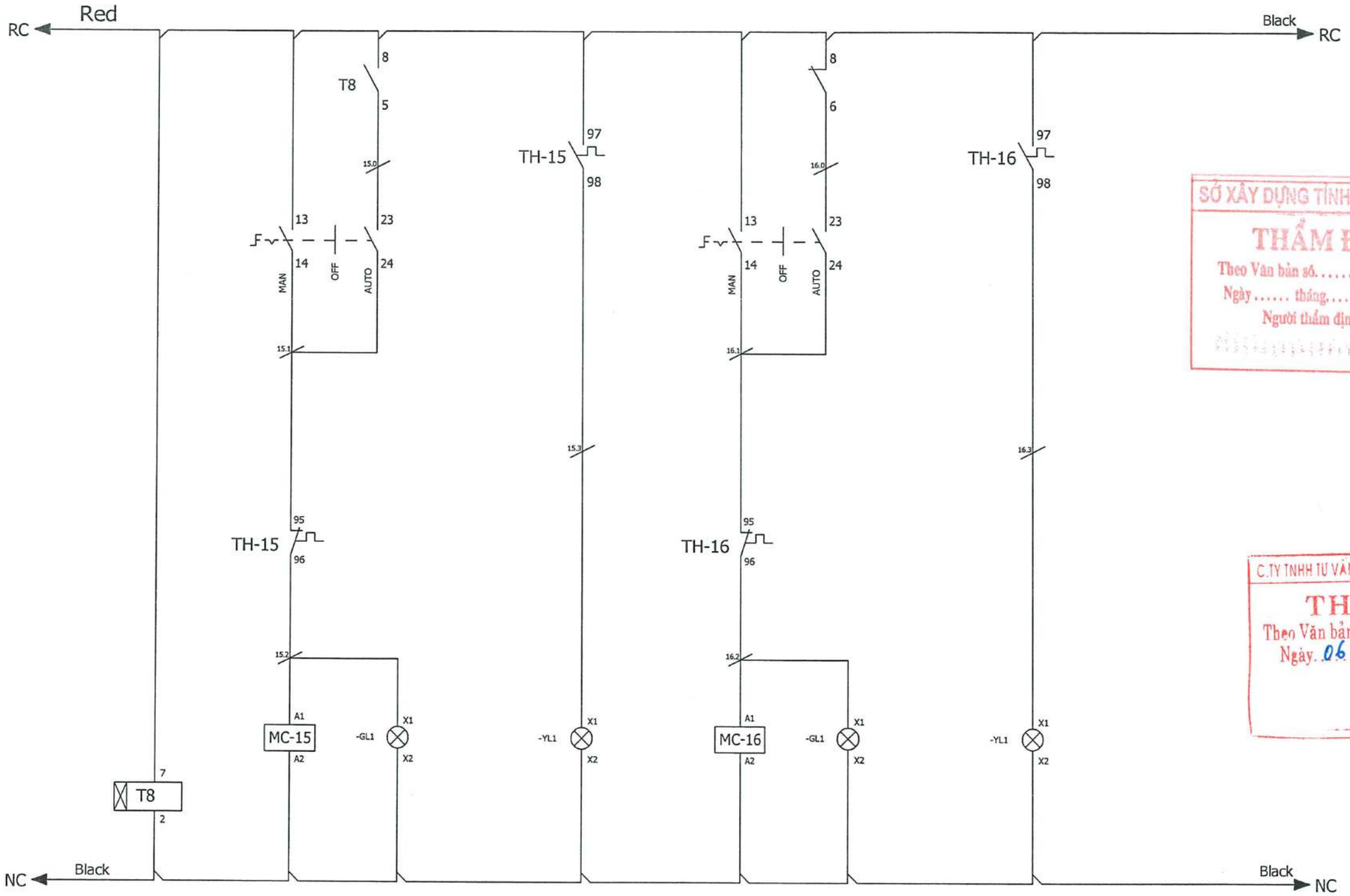
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681/B.C+...CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ:
MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 7/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 19
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 08



BƠM BÙN - 01

BƠM BÙN - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68 / BC - CT.
Ngày. 06 .tháng. 11 .năm 20.25.
Ký tên

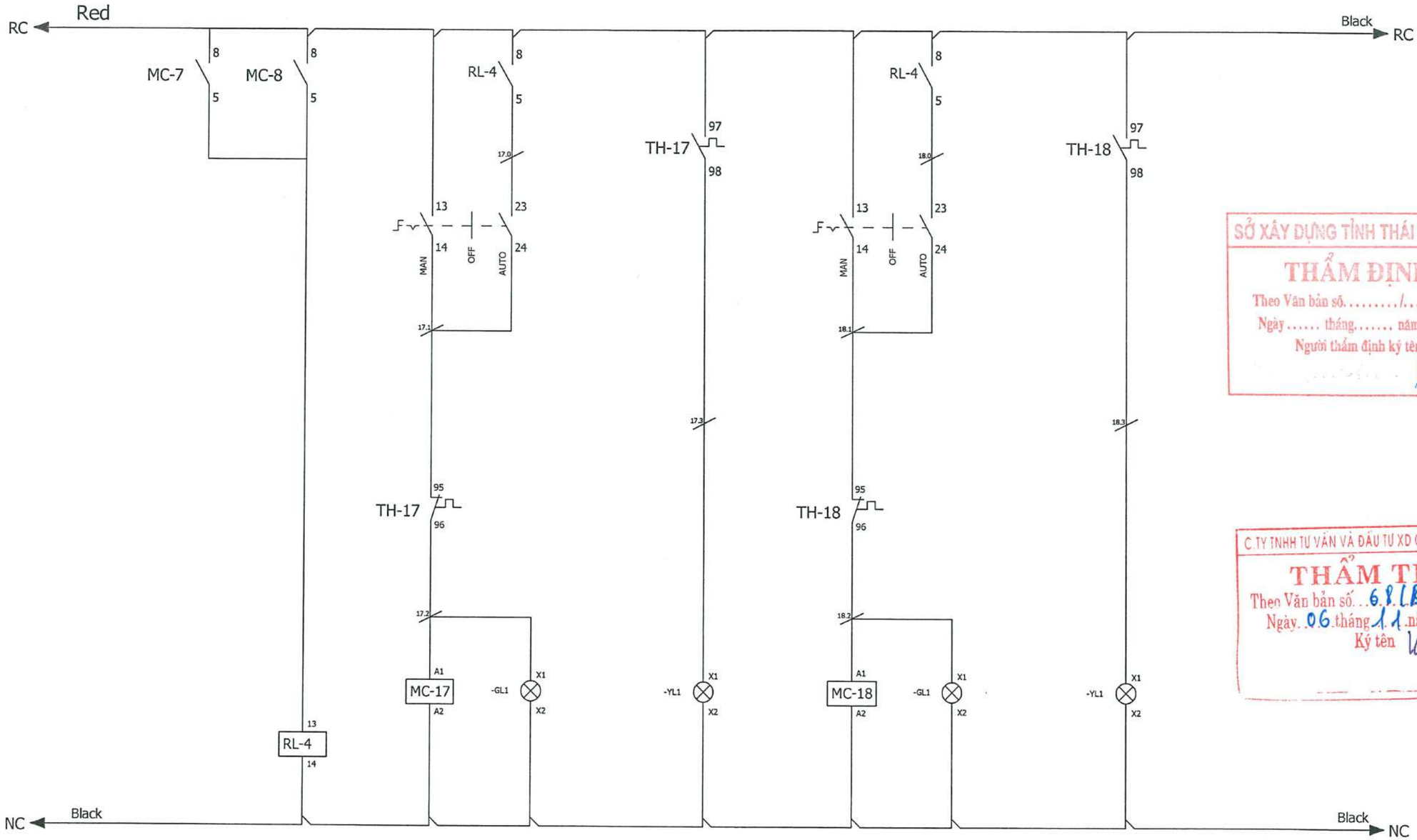
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 8/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 20
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 09



BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC - 01

BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC - 02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

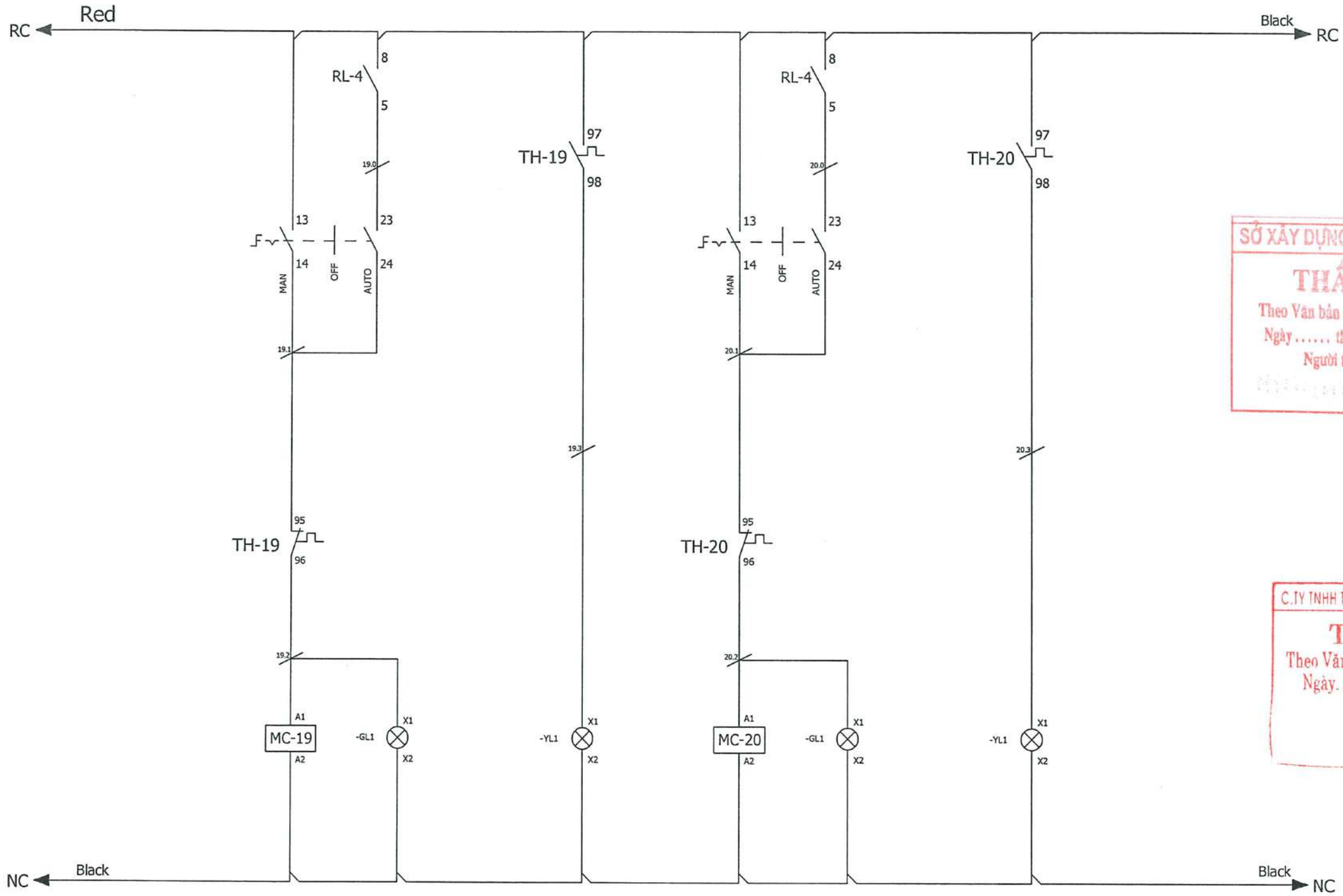
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC-CT
Ngày. 06 tháng 11 năm 20. 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 9/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 21
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 10



BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC - 03

BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC - 04

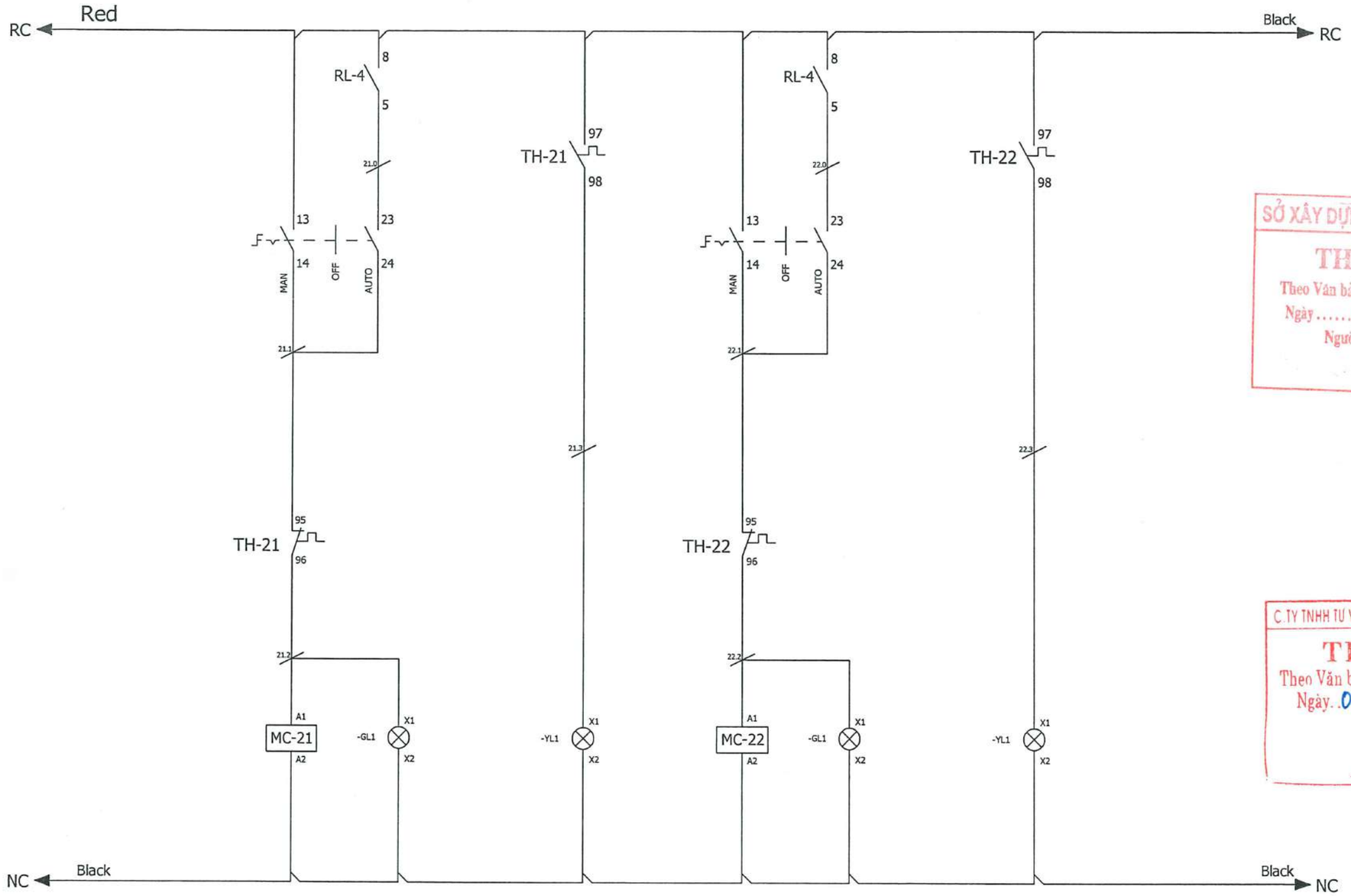
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...681/RC-CT...
Ngày.06.tháng.11.năm 20..25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 10/14	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 22
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 11



BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC - 05

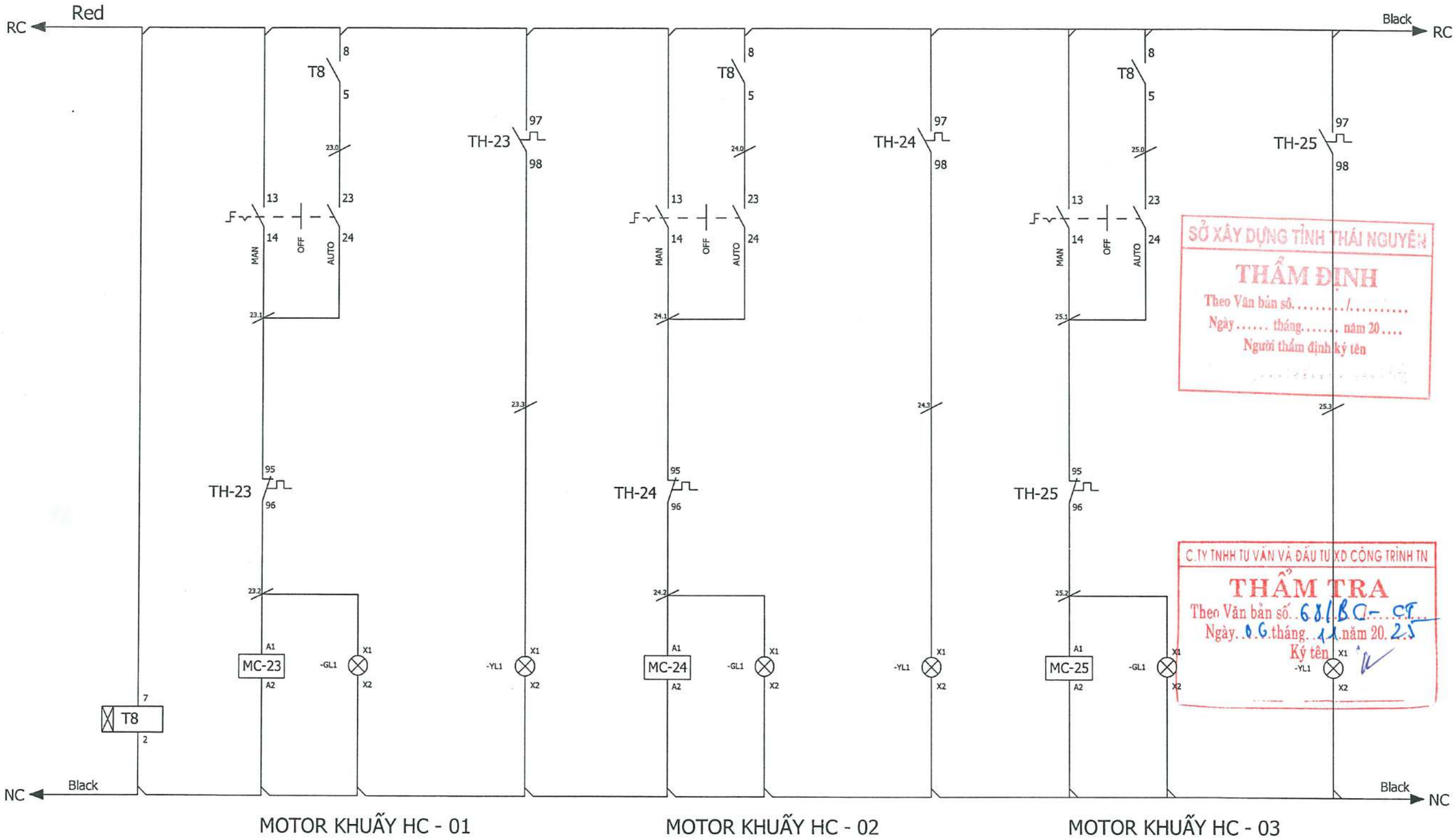
BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC - 06

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68.1.BC...-CT
Ngày..06.tháng..11.năm 20..25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2025* GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 11/14
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH			TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 23
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH			
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 12

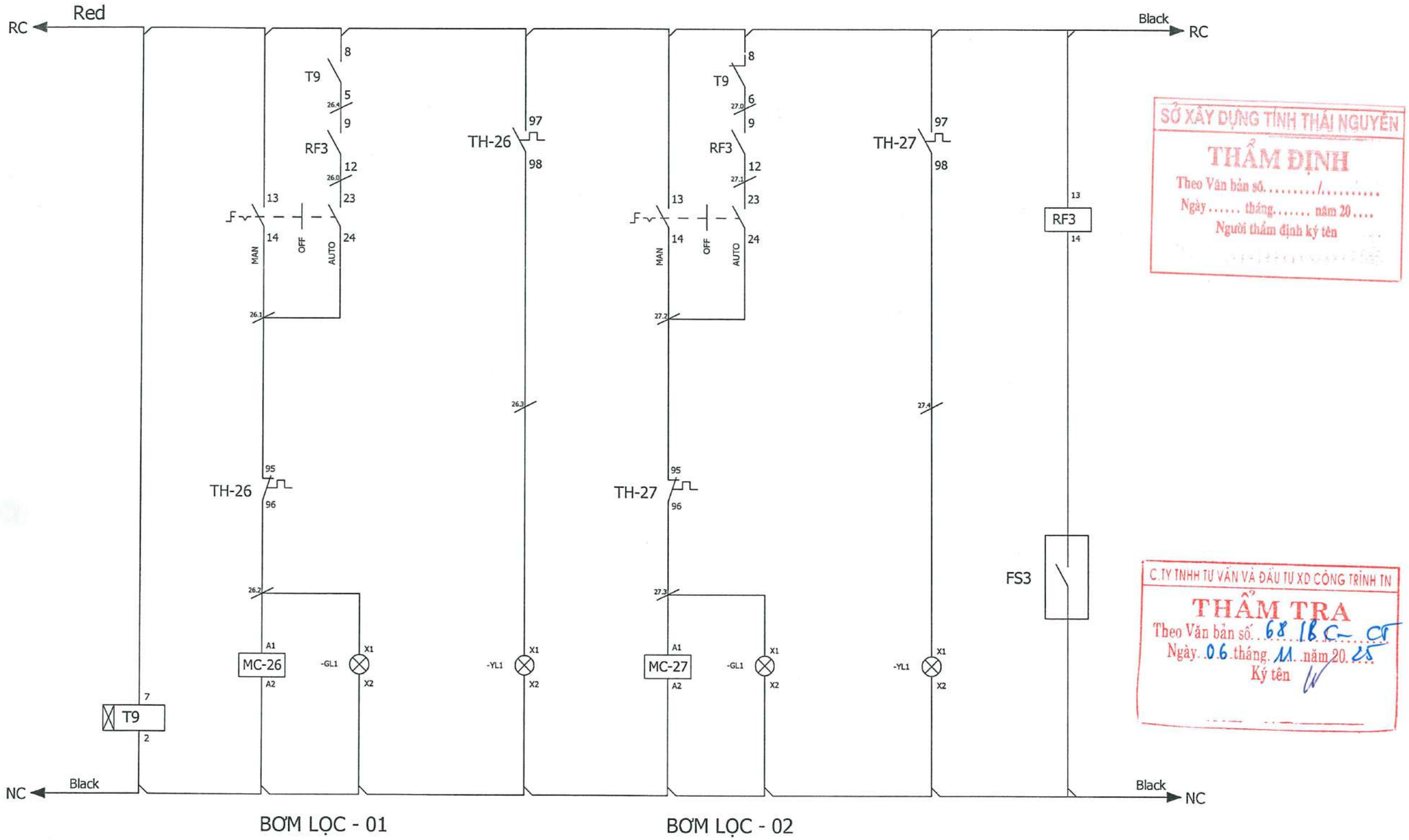


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681/BC-CT
Ngày. 06 tháng. 12 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 12/14
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH			TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 24
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH			LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 13

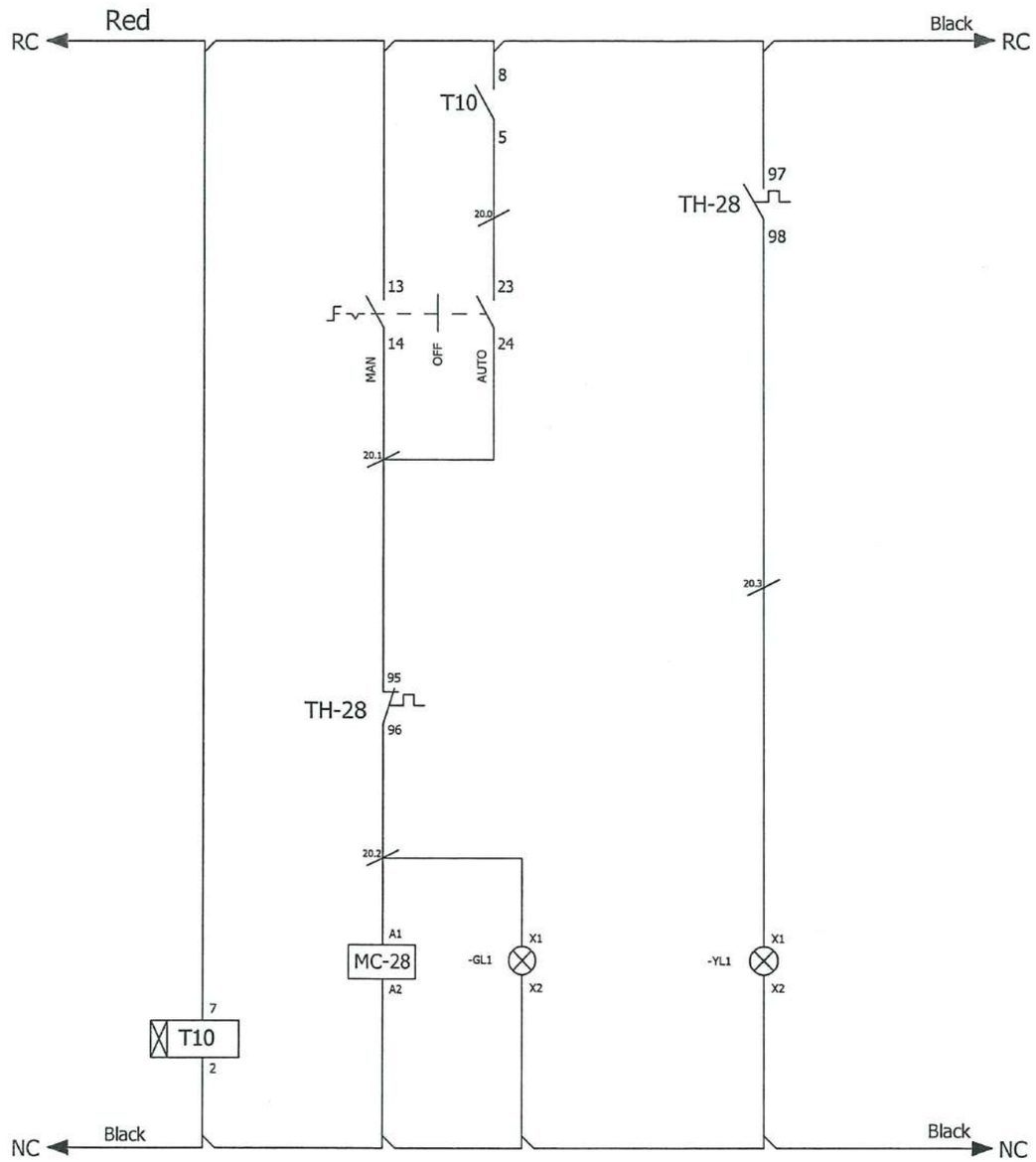


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68 18 C- CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 13/14
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH			TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 25
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH			
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG			LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 14



QUẠT HÚT MÙI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.1.BC1-CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
		THIẾT KẾ	KS. KHUẤT DUY THÀNH		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. VŨ MẠNH CƯỜNG		

TÊN BẢN VẼ:
MẠCH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ - 14/14

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: Đ_TXL - 26
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

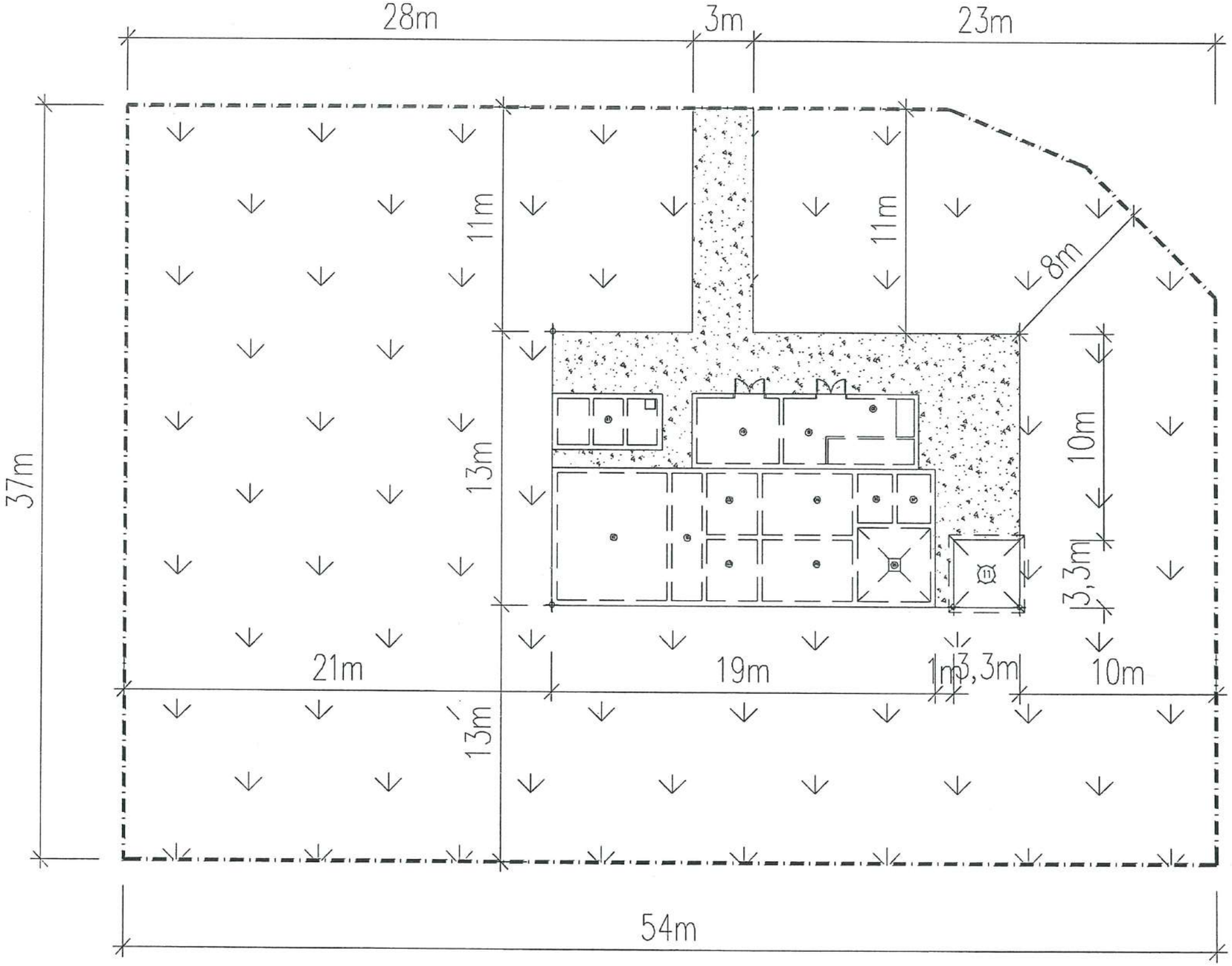
DANH MỤC BẢN VẼ PHẦN TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	TMBB-01
2	MẶT BẰNG SÂN BÊ TÔNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	TMBB-02
3	KIẾN TRÚC NHÀ ĐIỀU HÀNH (01/02)	KTN-01
4	KIẾN TRÚC NHÀ ĐIỀU HÀNH (02/02)	KTN-02
5	CHI TIẾT CỌC NHÀ ĐIỀU HÀNH	KCN-01
6	KẾT CẤU NHÀ ĐIỀU HÀNH	KCN-02
7	BỐ TRÍ MÓNG NHÀ ĐIỀU HÀNH	KCN-03
8	CHI TIẾT CỘT NHÀ ĐIỀU HÀNH	KCN-04
9	BỐ TRÍ THÉP MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH	KCN-05
10	CHI TIẾT LANH TÔ, GIẰNG TƯỜNG	KCN-06
11	THỐNG KÊ THÉP NHÀ ĐIỀU HÀNH	KCN-07
12	KIẾN TRÚC NHÀ ĐỂ RÁC (01/02)	KTR-01
13	KIẾN TRÚC NHÀ ĐỂ RÁC (02/02)	KTR-02
14	KẾT CẤU NHÀ ĐỂ RÁC	KCR-01
15	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY BỂ	KCB-01
16	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP NẮP BỂ	KCB-02
17	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ	KCB-03
18	MẶT CẮT BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ (01/03)	KCB-04
19	MẶT CẮT BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ (02/03)	KCB-05
20	THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ (01/02)	KCB-06
21	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY, NẮP BỂ GOM, LẮNG CÁT	KCB-07
22	MẶT CẮT BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ GOM, LẮNG CÁT (03/03)	KCB-08
23	THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ GOM, LẮNG CÁT (02/02)	KCB-09

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4055/Sxd-QLC HĐXH
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số. 68 /BC-CT

Ngày. 06 tháng 11 năm 20. 25

Ký tên

Nguyễn Hoàng Sơn

CHÚ THÍCH

(01)	BỂ CON/LẮNG CÁT	(06)	BỂ TRUNG GIAN
(02)	BỂ ĐIỀU HÒA	(07)	BỂ KHỬ TRÙNG
(03A) (03B)	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	(08)	BỂ CHỨA BÙN
(04A) (04B)	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	(09)	BỒN LỌC ÁP LỰC
(05A) (05B)	BỂ LẮNG SINH HỌC	(10)	NHÀ ĐIỀU HÀNH

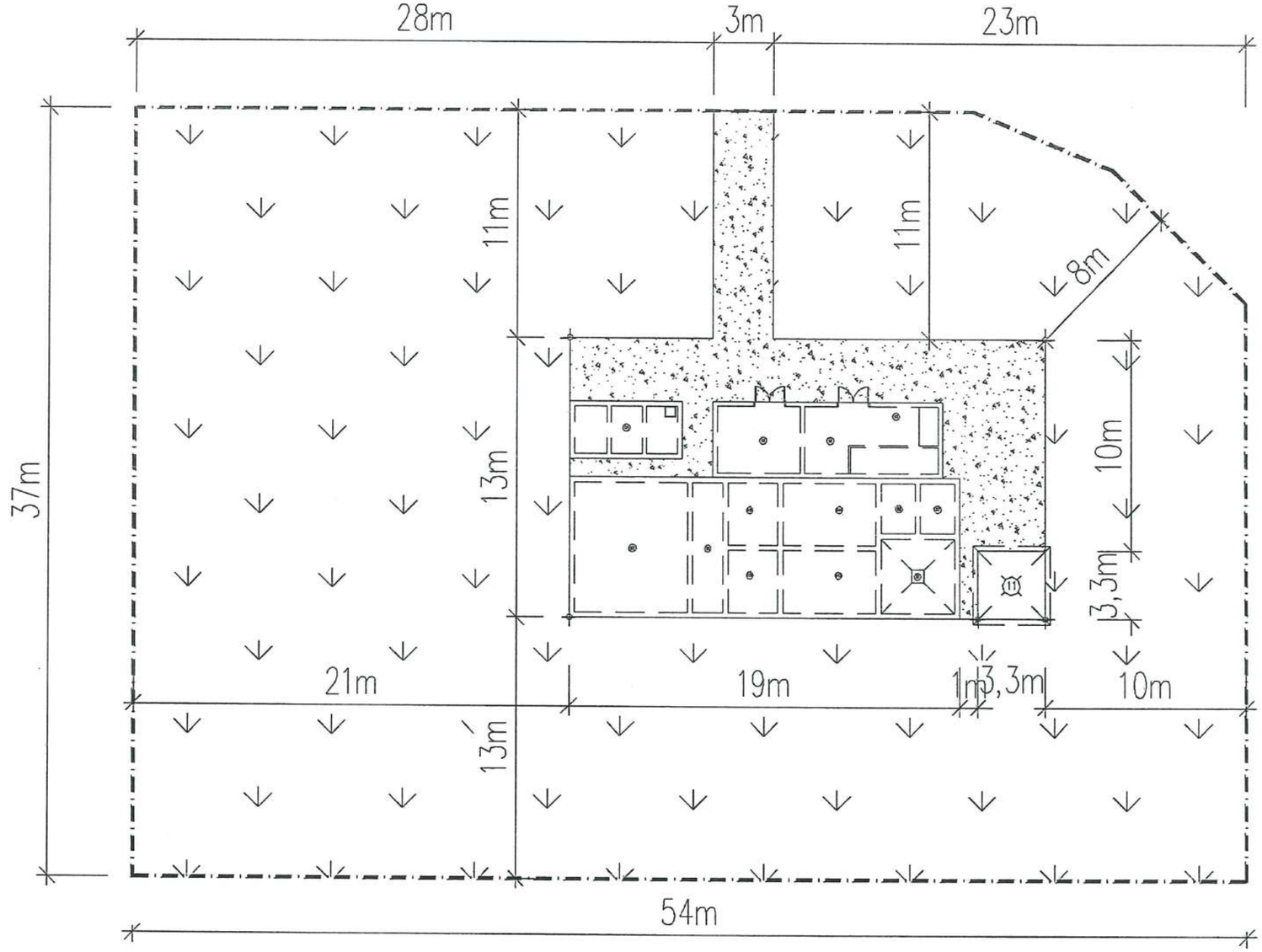
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		P.GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TMBB-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



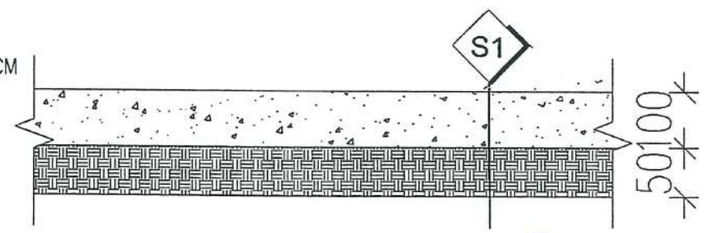
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68/BC-CT.....
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

MẶT BẰNG SÂN BÊ TÔNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHÚ THÍCH

01	BỂ GOM/LẮNG CÁT	06	BỂ TRUNG GIAN
02	BỂ ĐIỀU HÒA	07	BỂ KHỬ TRÙNG
03A 03B	BỂ THIẾU KHÍ (ANOXIC)	08	BỂ CHỨA BÙN
04A 04B	BỂ HIẾU KHÍ (AEROTEN)	09	BỒN LỌC ÁP LỰC
05A 05B	BỂ LẮNG SINH HỌC	10	NHÀ ĐIỀU HÀNH
		11	NHÀ ĐỂ RÁC THẢI
		12	SÂN BT MÁC #250, DÀY 10CM S=149M2

S1
- BÊ TÔNG M250# ĐÁ 2X4 DÀY 10CM
- GIẤY DẦU CÁCH LY
- LỚP ĐỆM CÁT DÀY 5CM



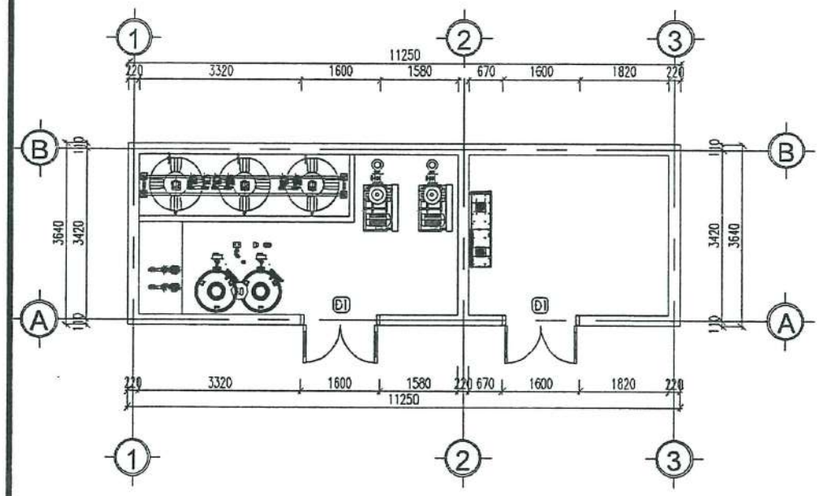
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

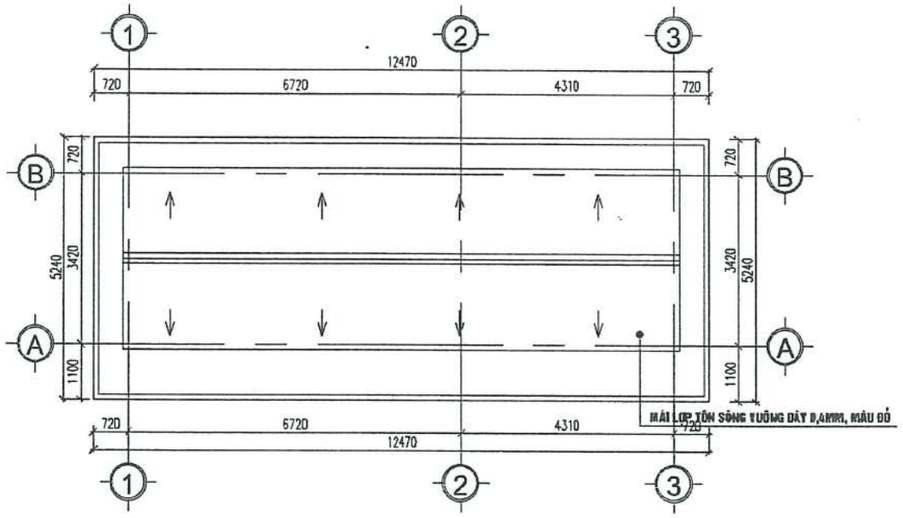
Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG SÂN BÊ TÔNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

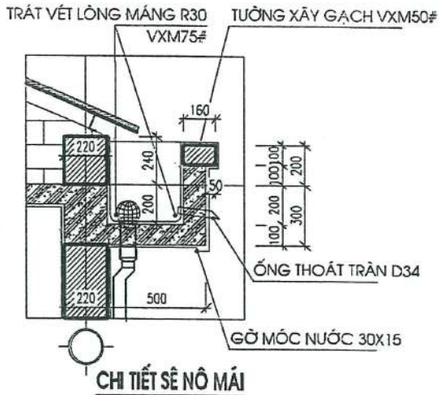
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TMBB-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH



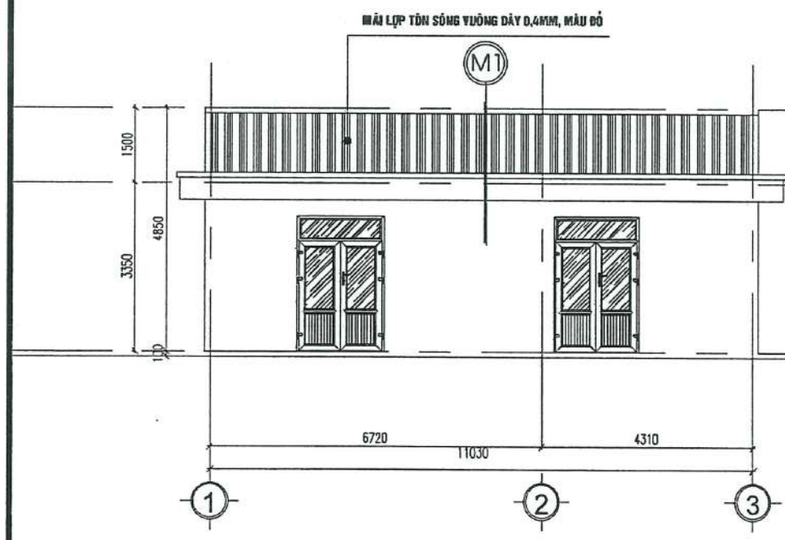
MẶT BẰNG MÁI



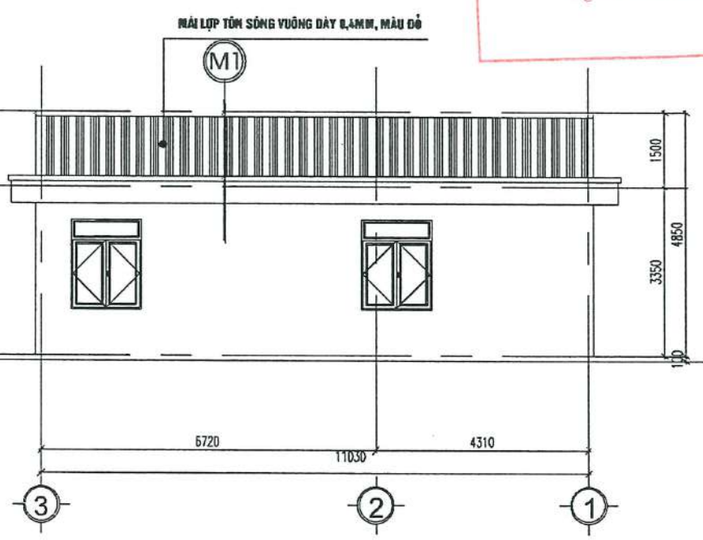
CHI TIẾT SÊ NÔ MÁI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

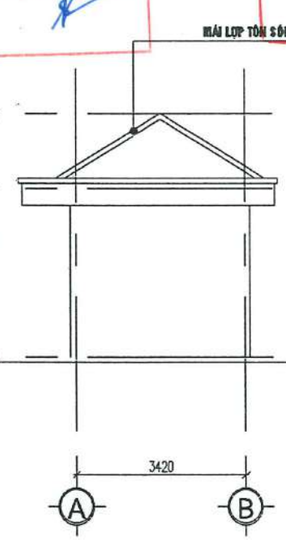
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68/BC-CT
Ngày. 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hồng Sơn



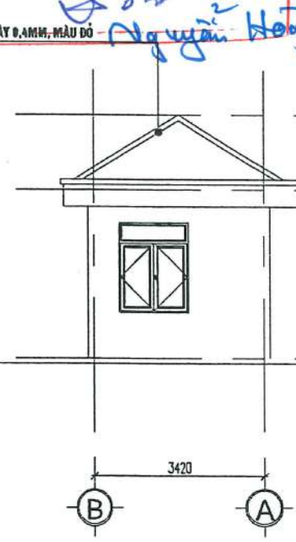
MẶT ĐỨNG TRỤC 1-3



MẶT ĐỨNG TRỤC 3-1



MẶT ĐỨNG TRỤC A-B



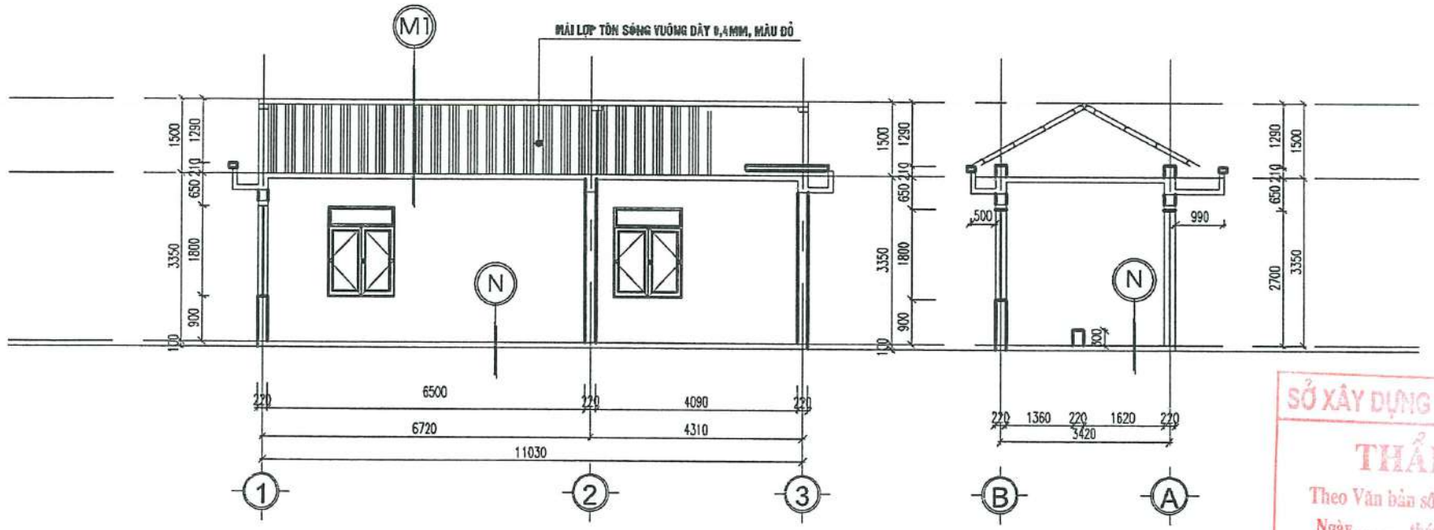
MẶT ĐỨNG TRỤC B-A

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 11 tháng ..... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
KIẾN TRÚC NHÀ ĐIỀU HÀNH (01/02)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KTN-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT B-B

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 69/BC-CT
Ngày. 06. tháng. 11. năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

GHI CHÚ:

- XÂY TƯỜNG VỮA XM50#, TRÁT TƯỜNG VỮA XM75#, DÀY 2CM
- TƯỜNG TRONG VÀ NGOÀI NHÀ LĂN SƠN NƯỚC 1 LỚP LÓT, 2 LỚP MÀU
- NỀN NHÀ, SÂN NHÀ, HÀNH LANG LÁT GẠCH CERAMIC LOẠI 600X600
- CỬA M, CỬA SỔ SỬ DỤNG HỆ CỬA NHÔM HỆ, PANÔ KÍNH AN TOÀN DÀY 6,38 MM
- CỬA SỔ CÓ HOA SẮT ĐẶC 14X14, SƠN MÀU GHI SÁNG
- CDS 0.900 CAO HƠN CỐT SÂN HOÀN THIỆN

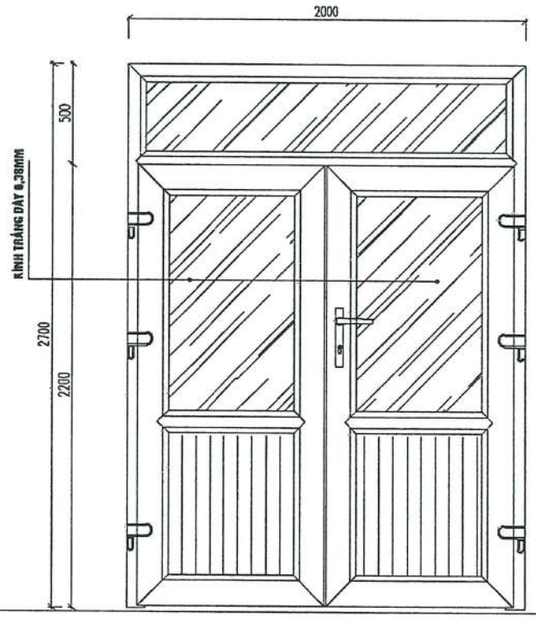
CHÚ GIẢI

(M1)

- MÁI LỢP TÔN SÓNG VUÔNG DÀY 0,4MM, MÀU ĐỎ
- XÀ GỒ THÉP U80X40X1,4
- TƯỜNG 110 XÂY THU HỒI BỔ TRỤ 220, GIẰNG BTCT
- SÀN BTCT
- TRÁT TRẦN VỮA XM75#, DÀY 15
- LĂN SƠN MÀU TRẮNG

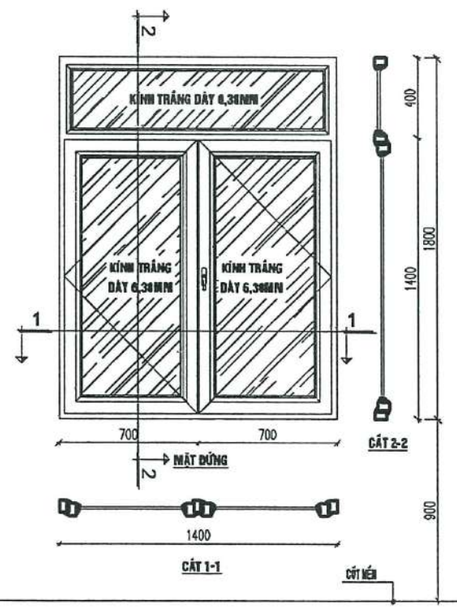
(N)

- SÀN LÁT GẠCH CERAMIC KT 600X600 SÁNG MÀU
- LÓT VỮA XM #75, DÀY 15MM
- BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 VXM100#; DÀY 100
- CÁT TÔN NỀN TƯỚI NƯỚC ĐẦM CHẶT K98
- ĐẤT TỰ NHIÊN DỌN SẠCH



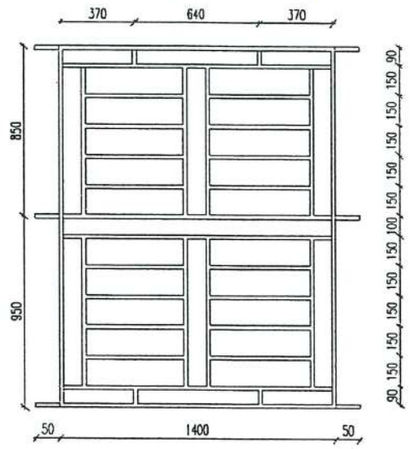
CỬA ĐI Đ1

(CỬA NHÔM HỆ MÀU GHI: SL 02 BỘ)



CỬA S1

(CỬA NHÔM HỆ MÀU GHI: SL 02 BỘ)



HOA SẮT CỬA SỔ S1

(SẮT VUÔNG ĐẶC KT 14X14 SƠN TRẮNG)
(SL 02 BỘ)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

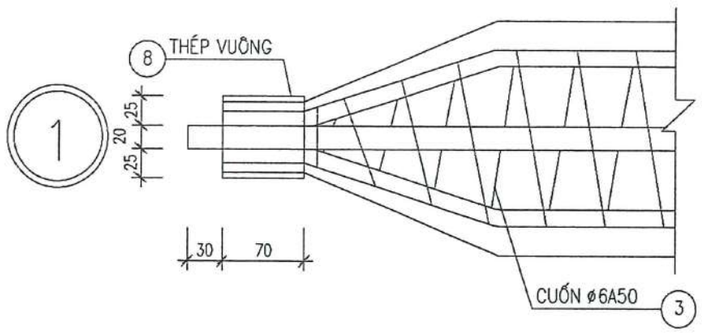
TRẦN HỮU BẮC

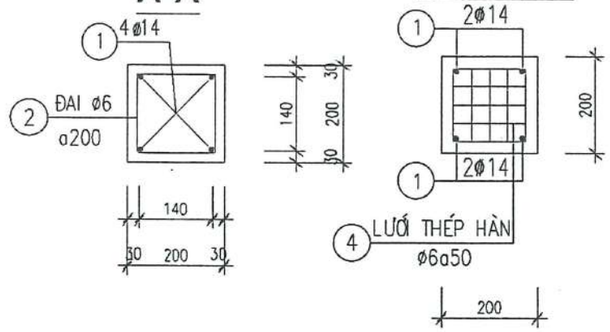
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:

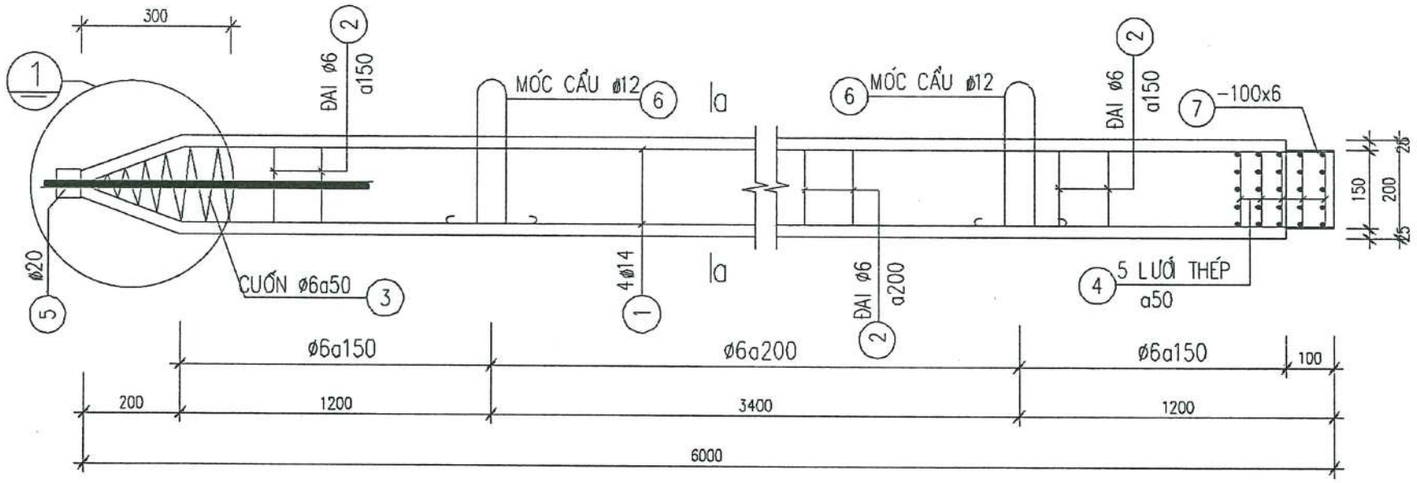
KIẾN TRÚC NHÀ ĐIỀU HÀNH (02/02)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KTN-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

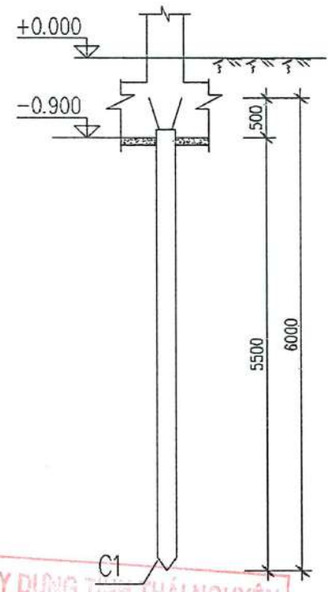




CHỦ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
KIỂM TRA
Văn bản số: 68.IBQ-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

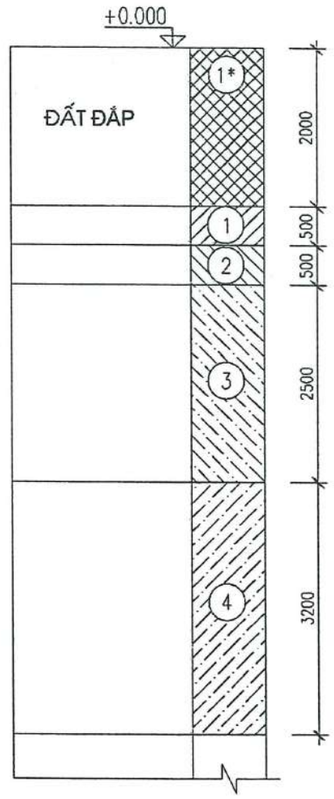


SƠ ĐỒ CỌC ĐẠI TRÀ



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

SƠ ĐỒ HỐ KHOAN



ĐOẠN CỌC C1

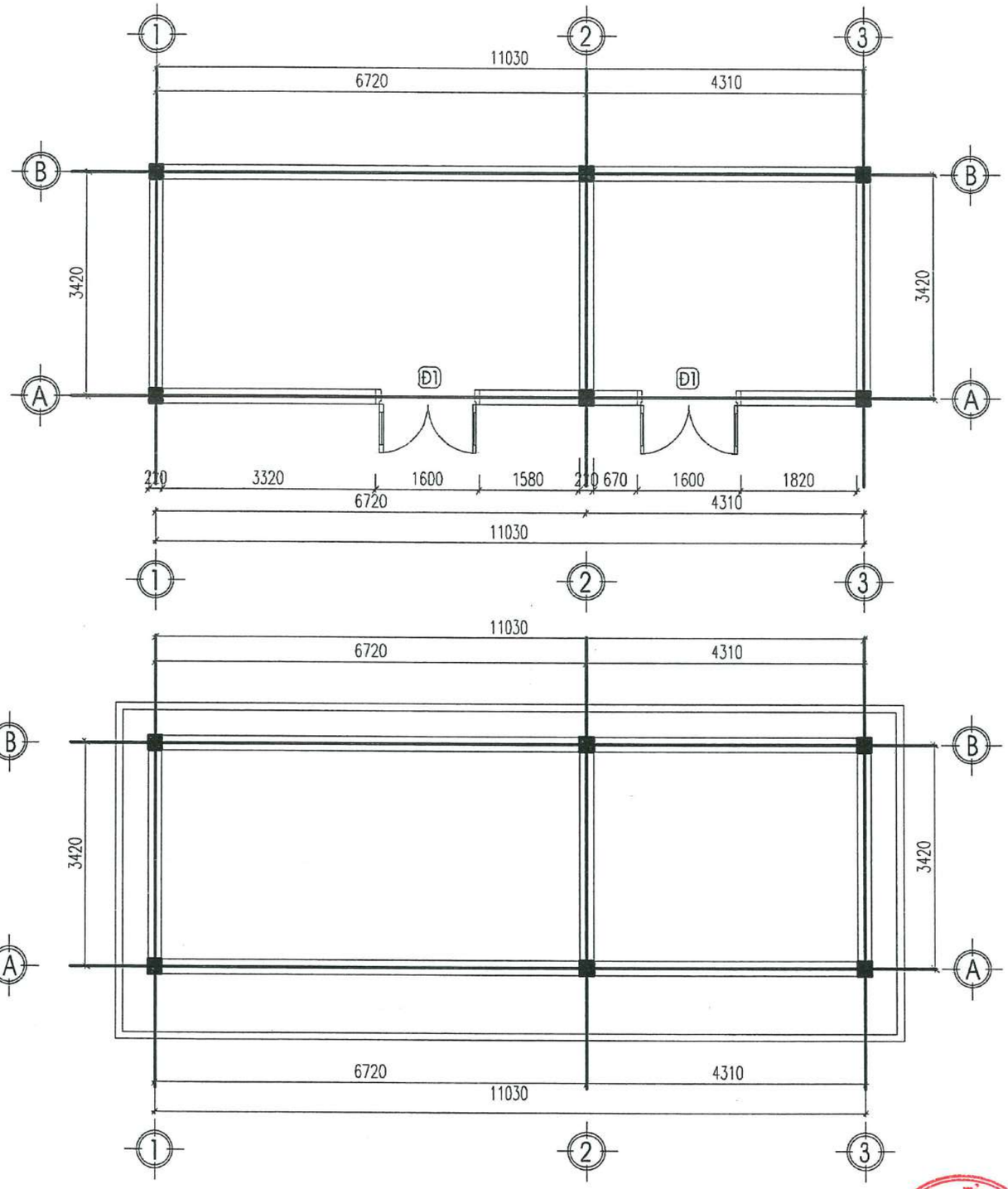
GHI CHÚ CỌC :

- CỌC SỬ DỤNG LÀ CỌC BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÚC SẴN, TIẾT DIỆN CỌC 200X200MM
- BÊ TÔNG CỌC MÁC #250, ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP ĐAI SỬ DỤNG THÉP CB240-T CÓ RS=210MPA, THÉP MỐC CẨU D12, THÉP CHỦ D14 SỬ DỤNG THÉP CB300-V CÓ RS=260MPA
- SỨC CHỊU TẢI DỰ KIẾN: (P)=20 TẤN.
- LỰC ÉP LỚN NHẤT LÊN ĐẦU CỌC PMAX= 50 TẤN, LỰC ÉP NHỎ NHẤT LÊN ĐẦU CỌC PMIN= 40 TẤN
- NEO CỌC VÀO ĐÀI BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẬP ĐẦU CỌC
- QUE HÈN NỐI CÁC ĐOẠN CỌC DÙNG LOẠI E42, TIẾN HÀNH CÁC MỐI HÀN ĐẢM BẢO BỀ MẶT KỸ THUẬT TRƯỚC KHI ÉP ĐOẠN CỌC TIẾP THEO.
- PHÂN VÙNG CỌC ĐẠI TRÀ ĐỂ ĐỊNH HƯỚNG, SAU KHI TIẾN HÀNH ÉP THỬ CỌC NGOÀI HIỆN TRƯỜNG, XÁC ĐỊNH LẠI SỨC CHỊU TẢI CỦA CỌC VÀ PHẢI ĐƯỢC ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ XEM XÉT THỐNG NHẤT MỚI ĐƯỢC ÉP ĐẠI TRÀ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỌC NHÀ ĐIỀU HÀNH

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCN-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



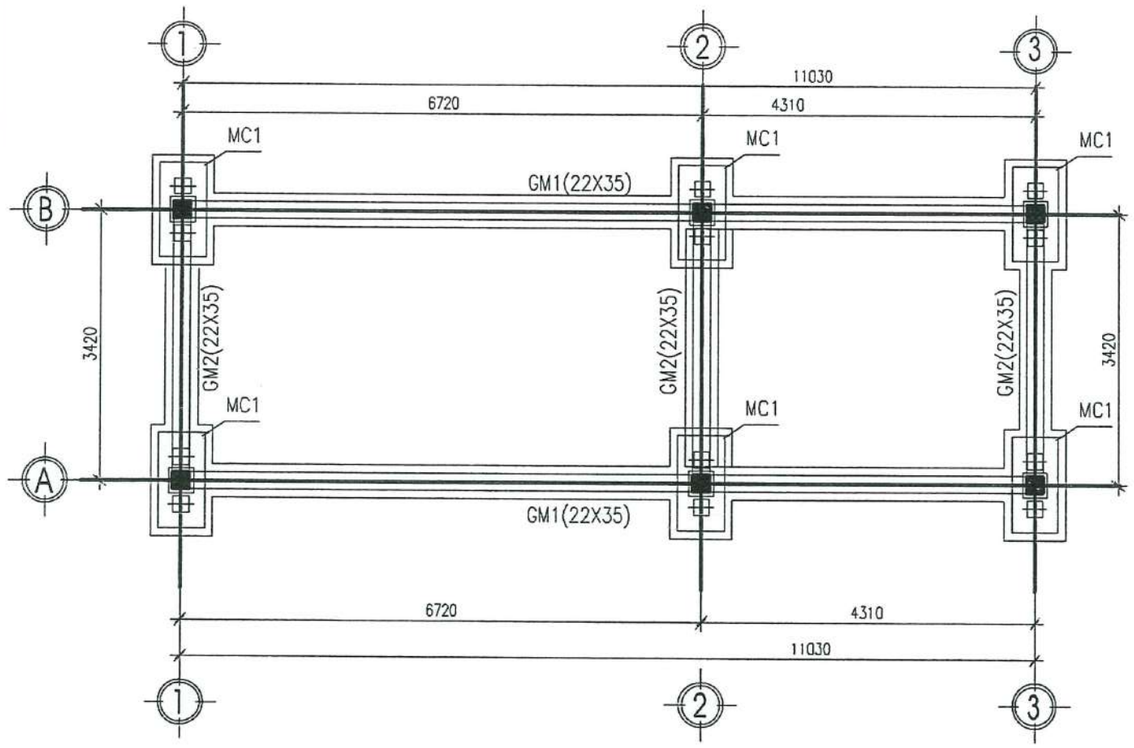
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68 /BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

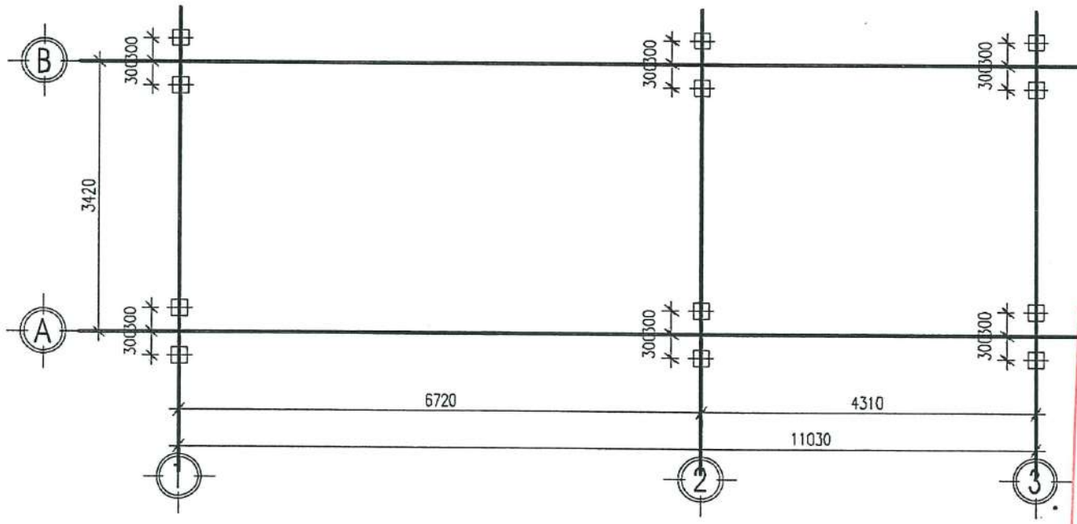
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 10 tháng 11 năm 2025 GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
KẾT CẤU NHÀ ĐIỀU HÀNH

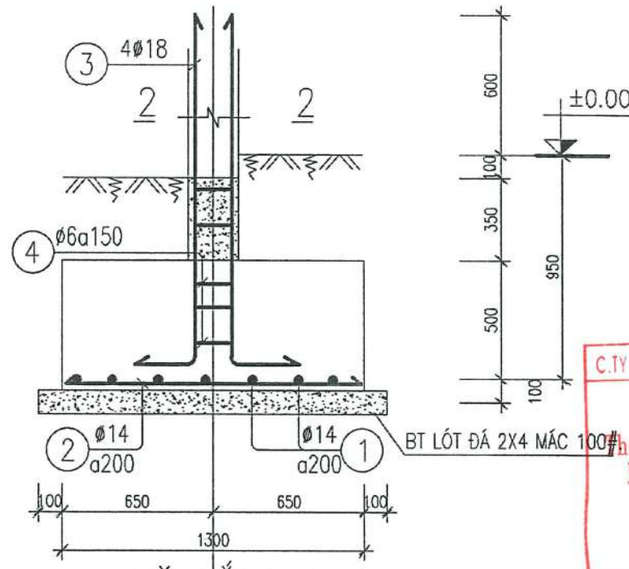
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCN-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



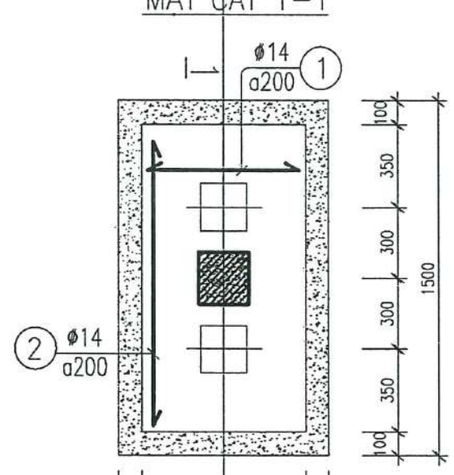
MẶT BẰNG MÓNG



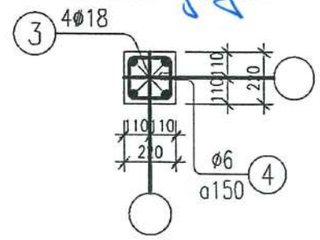
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỌC



MẶT CẮT 1-1

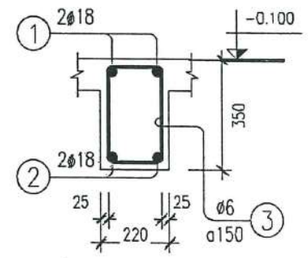






MẶT CẮT 2-2

MÓNG MC1 (SL=6)



DẦM GM1,GM2

(L=11.25M, SL:02)

(L=3.64M, SL:03)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68.1BC-CT
Ngày..06.tháng..11.năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

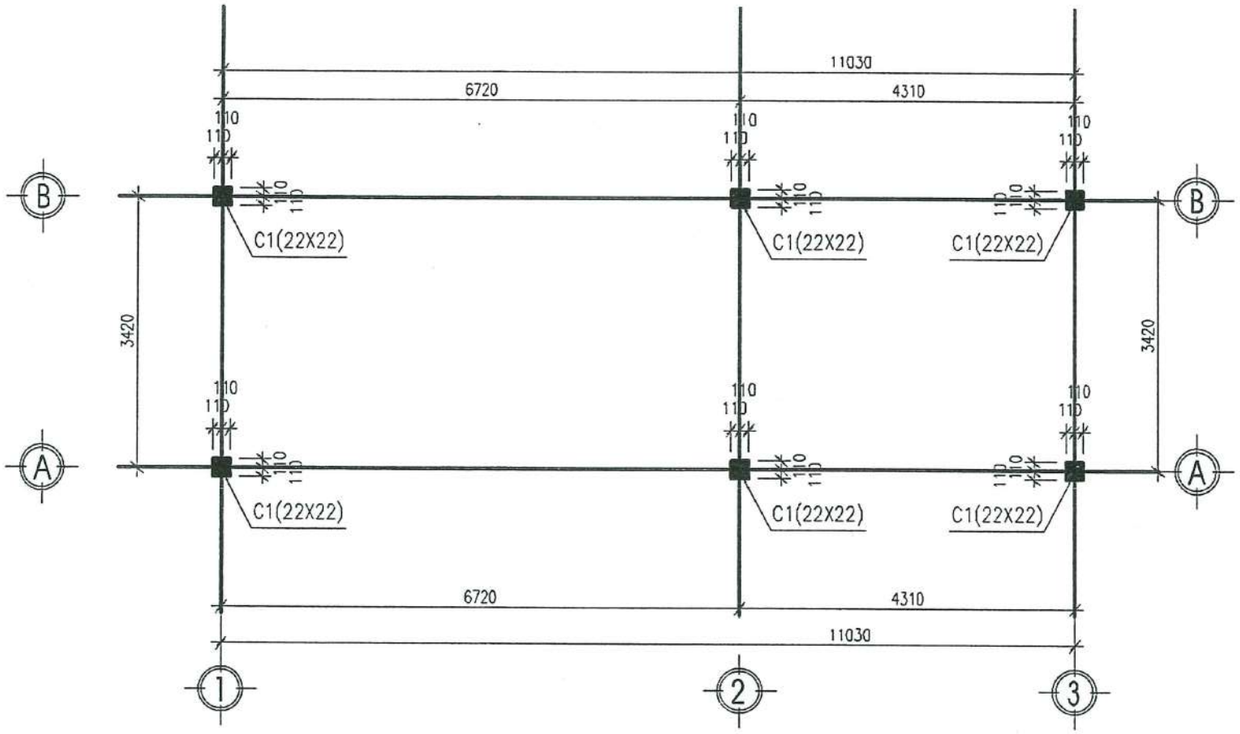
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

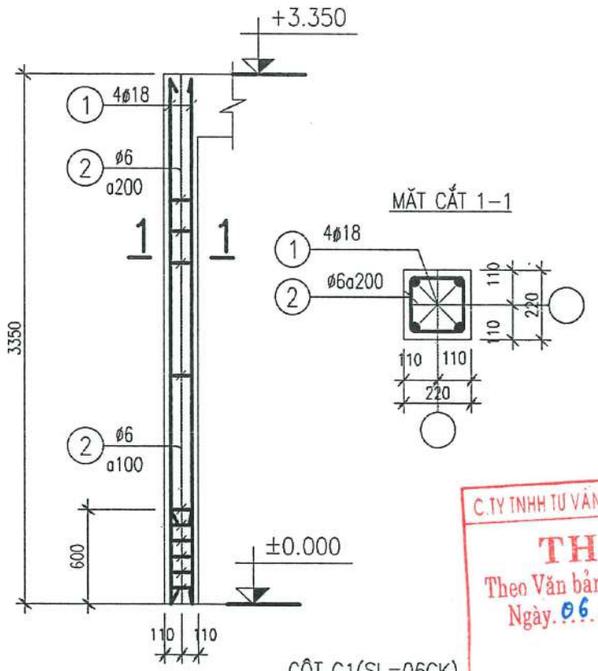
Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ: BỐ TRÍ MÓNG NHÀ ĐIỀU HÀNH

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCN-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT



CỘT C1(SL=06CK)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.1BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

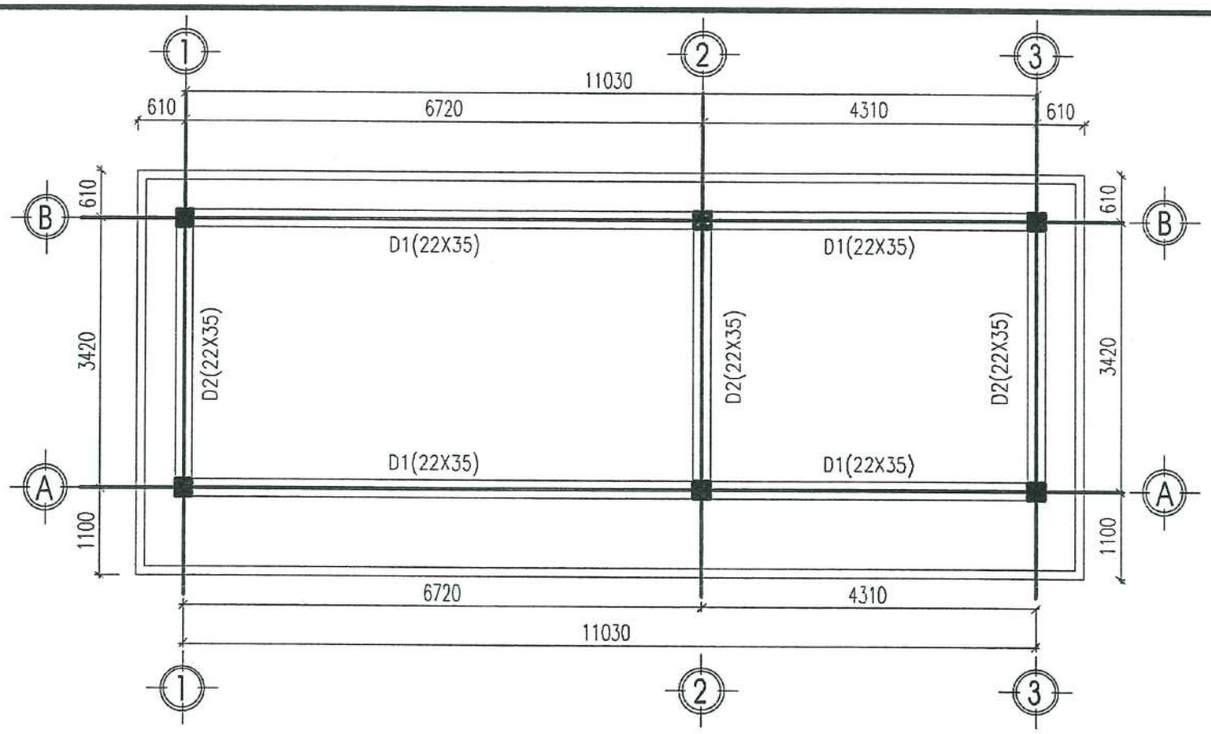
* BÊ TÔNG CÓ CẤP BỀN B20(250#), ĐÁ 1X2
* CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<10 DÙNG CB240-T CÓ RS=2100KG/CM2
* CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>=10 DÙNG CB300-V CÓ RS=2600KG/CM2
* NỐI THÉP THEO ĐÚNG QUY PHẠM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

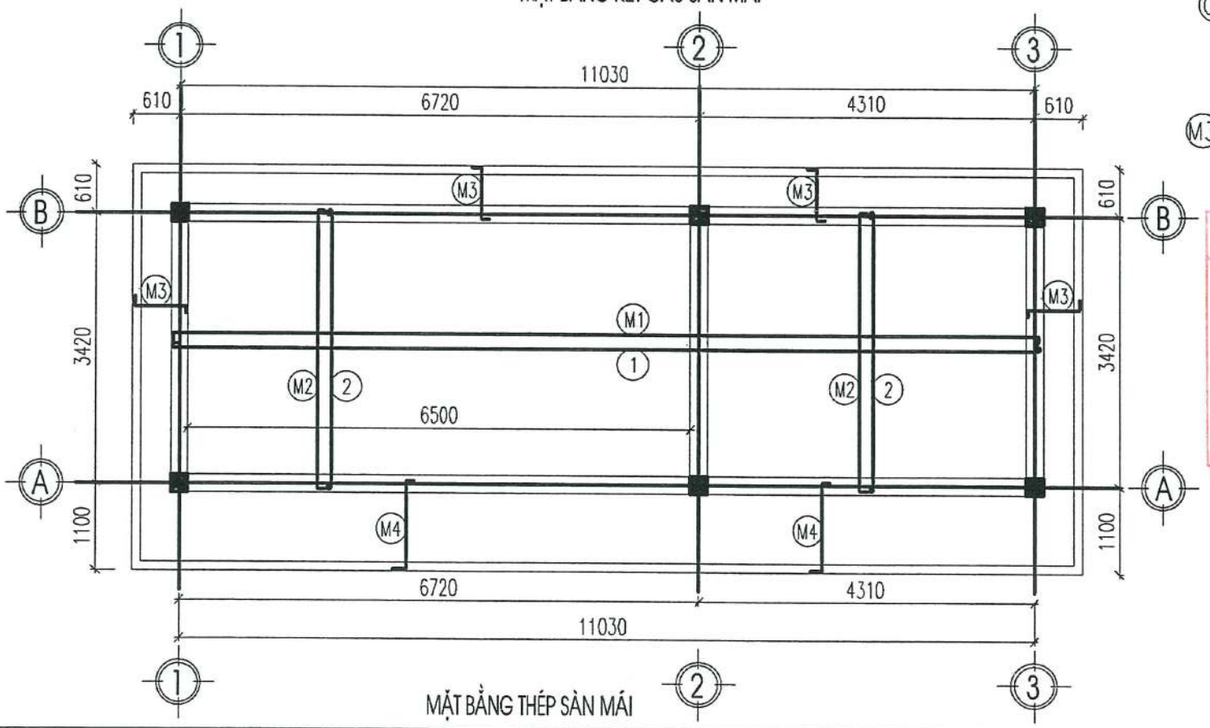
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỘT NHÀ ĐIỀU HÀNH

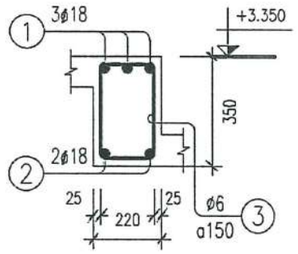
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCN-04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



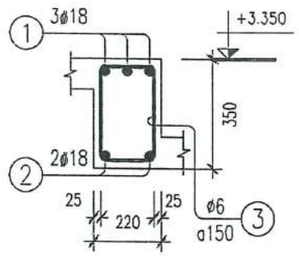
MẶT BẰNG KẾT CẤU SÀN MÁI



MẶT BẰNG THÉP SÀN MÁI

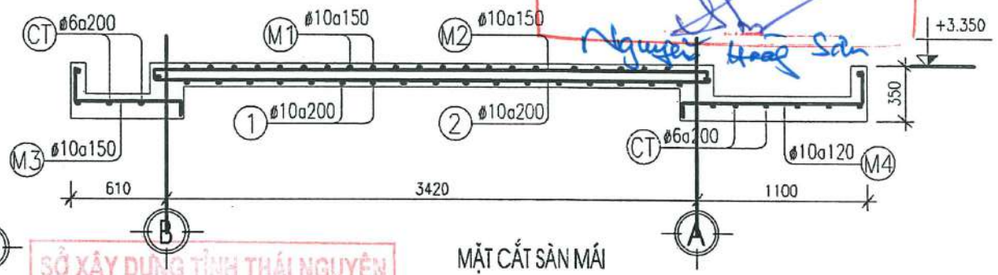


DẦM D1
(L=11250, SL:02)



DẦM D2
(L=3640, SL:03)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68/BC-CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn



MẶT CẮT SÀN MÁI

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ

THÉP LỚP DƯỚI

THÉP LỚP TRÊN

STT	CHỈ DẪN	STT	CHỈ DẪN
1	(1) ø10a200	5	(M3) ø10a150
2	(2) ø10a200	6	(M4) ø10a120
3	(M1) ø10a150	7	(CT) ø6a200
4	(M2) ø10a150	8	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
	THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

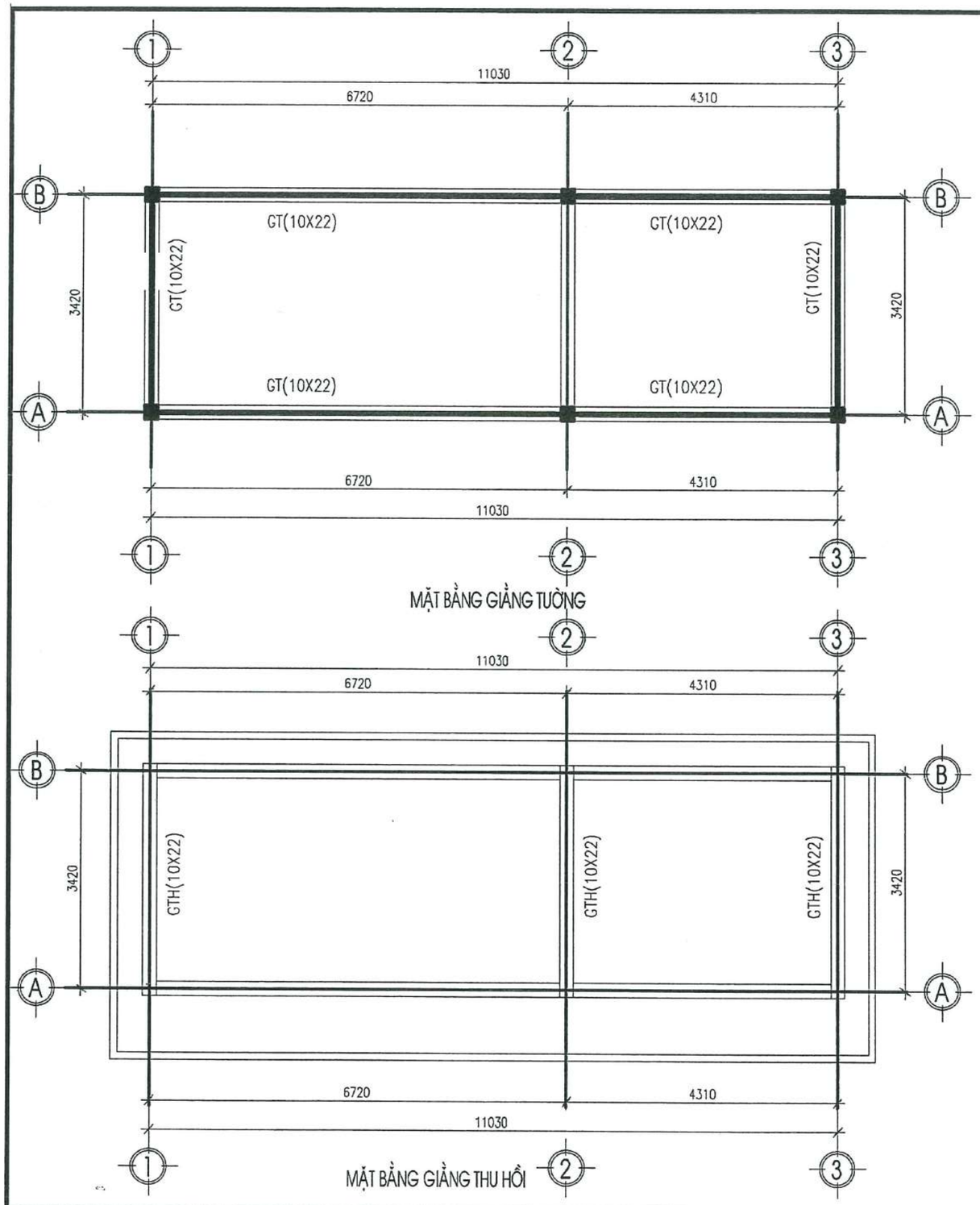
P.GIÁM ĐỐC

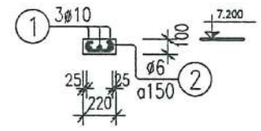
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:

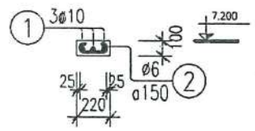
BỐ TRÍ THÉP MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCN-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS





GIẰNG TƯỜNG GT
(L=28,9M, SL:01)



GIẰNG THU HỒI
(L=5.25M, SL:03)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
GIẰNG TƯỜNG (SL: 1)	1	28900	10	29700	3	3	89.1	54.93
	2	60 170 60	6	290	194	194	56.26	12.49
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 67.4 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
GIẰNG TH (SL: 3)	1	5250	10	5250	3	9	47.25	29.13
	2	60 170 60	6	290	36	108	31.32	6.95
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 36.1 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LANH TÔ, GIẰNG TƯỜNG

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCN-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
MC1 (SL: 6)	1	650	14	650	8	48	31.2	37.70
	2	1250	14	1250	5	30	37.5	45.32
	3	300 | 1500	18	1800	4	24	43.2	86.30
	4	170 | 170 | 50	6	780	7	42	32.76	7.27
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 7.3 Ø ≤ 18 : 169.3 Ø > 18 : 0							
GM1 (SL: 2)	1	300 | 11200 | 300	18	12520	2	4	50.08	100.04
	2	11200	18	11200	2	4	44.8	89.49
	3	170 | 300 | 60	6	1060	76	228	241.68	53.64
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 53.6 Ø ≤ 18 : 189.5 Ø > 18 : 0							
GM2 (SL: 3)	1	300 | 3590 | 300	18	4190	2	6	25.14	50.22
	2	3590	18	3590	2	6	21.54	43.03
	3	170 | 300 | 60	6	1060	26	78	82.68	18.35
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 18.4 Ø ≤ 18 : 93.2 Ø > 18 : 0							
C1 (SL: 6)	1	300 | 3350	18	3650	4	24	87.6	174.99
	2	170 | 170 | 60	6	800	22	132	105.6	23.44
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 23.4 Ø ≤ 18 : 175 Ø > 18 : 0							
MAI (SL: 1)	M1	70 | 11200 | 70	10	11340	35	35	396.9	244.70
	1	50 | 112200 | 50	10	115900	17	17	1970.3	1214.76
	M2	70 | 3590 | 70	10	3730	72	72	268.56	165.58
	2	50 | 3590 | 50	10	3690	54	54	199.26	122.85
	M3	600 | 200 (250)	10	1050	152	152	159.6	98.40
	M4	1200 | 200 (250)	10	1650	104	104	171.6	105.80
	CT	32760	6	32760	6	6	196.56	43.63
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 1995.7 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
D1 (SL: 2)	1	300 | 11200 | 300	18	12520	3	6	75.12	150.06
	2	60 | 11200 | 60	18	11320	2	4	45.28	90.45
	3	170 | 350 | 60	6	1160	76	152	176.32	39.13
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 39.1 Ø ≤ 18 : 240.5 Ø > 18 : 0							
D2 (SL: 3)	1	300 | 3590 | 300	18	4190	3	9	37.71	75.33
	2	60 | 3590 | 60	18	3710	2	6	22.26	44.47
	3	170 | 350 | 60	6	1160	25	75	87	19.31
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 19.3 Ø ≤ 18 : 119.8 Ø > 18 : 0							

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 62/BC-CC
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 11 năm 2025

KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	
THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

P. GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

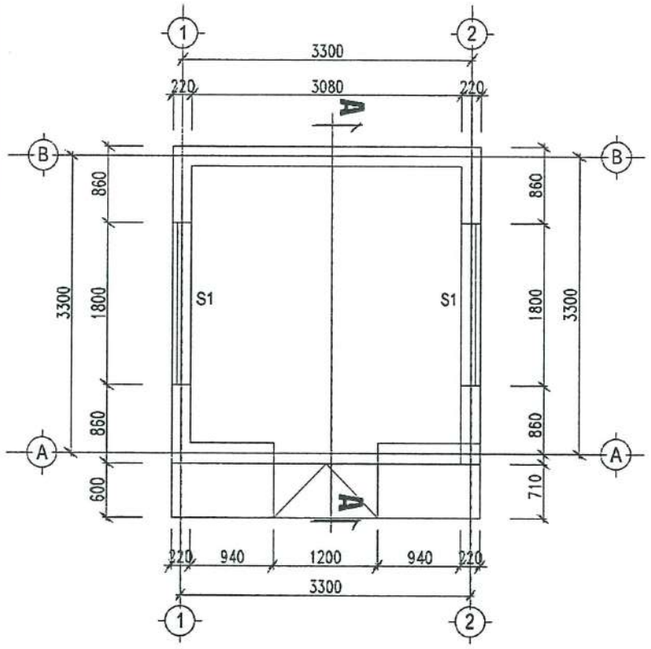
TÊN BẢN VẼ:
THỐNG KÊ THÉP NHÀ ĐIỀU HÀNH

TỶ LỆ BẢN VẼ:

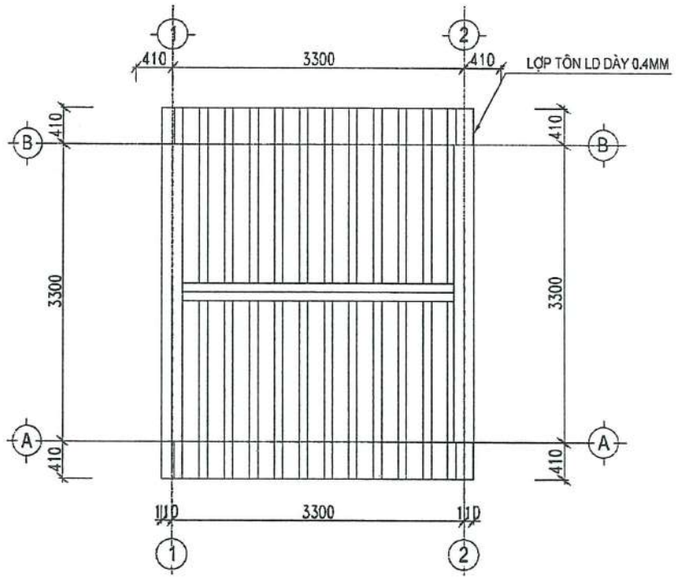
BẢN VẼ SỐ: KCN-07

LẦN XUẤT BẢN: 01

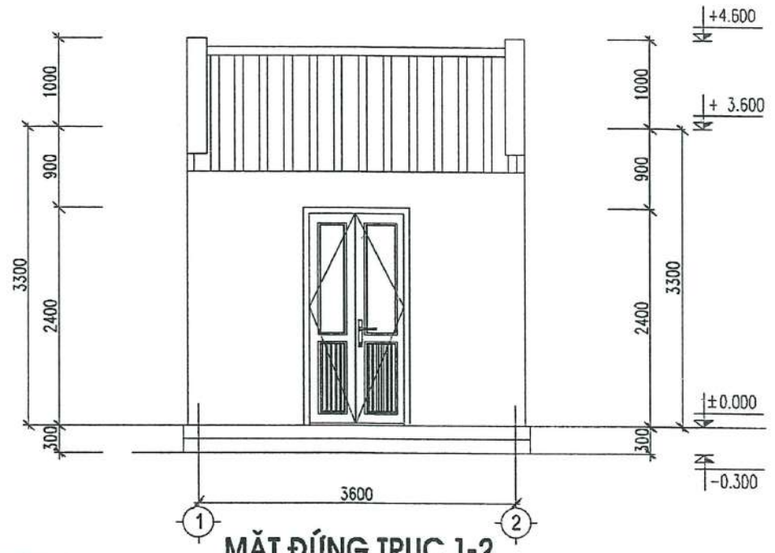
DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG



MẶT BẰNG MÁI



MẶT ĐỨNG TRỤC 1-2

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

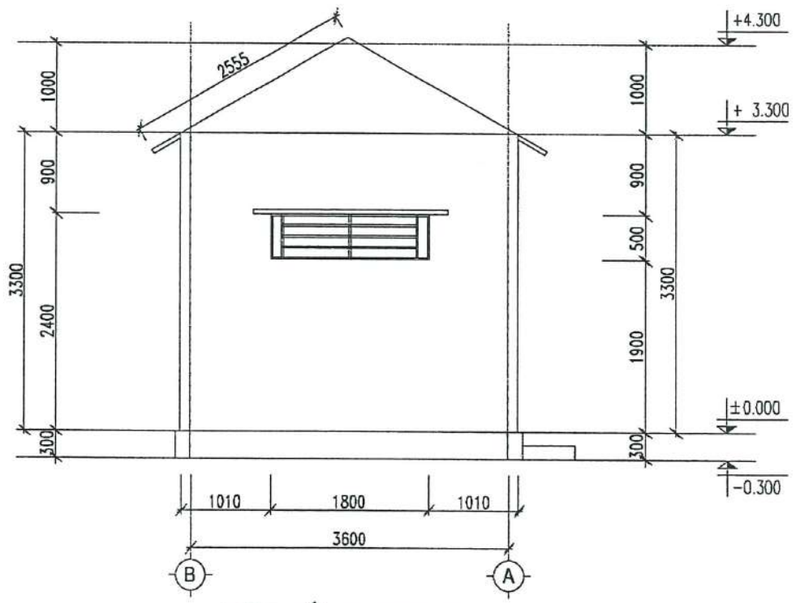
THẨM TRA

Theo Văn bản số. 681BC-CT

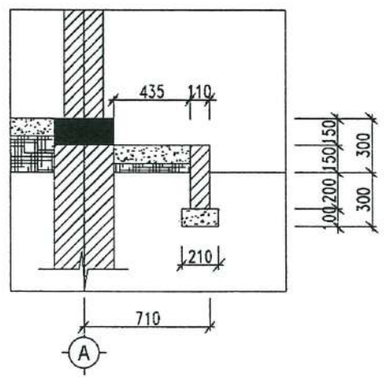
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25

Ký tên

Nguyễn Hồng Sơn



MẶT ĐỨNG TRỤC B-A



CẮT B-B (CHI TIẾT BẬC)

GHI CHÚ

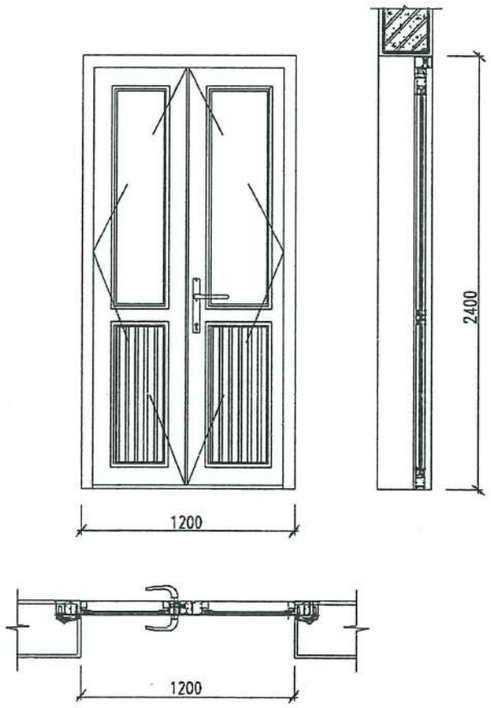
- NHÀ XÂY GẠCH KHÔNG NUNG 60X110X220
- VỮA XÂY TRÁT VỮA XM MÁC 75 DÀY 15MM.
- CỬA ĐI NHÔM HỆ KÍNH 6,38MM.
- HOA SẮT INOX HỘP 304.
- XÀ GỒ THÉP HỘP TRÁNG KẼM.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		P.GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		TRẦN HỮU BẮC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

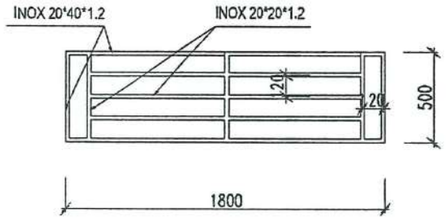
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: KIẾN TRÚC NHÀ ĐỂ RÁC (01/02)

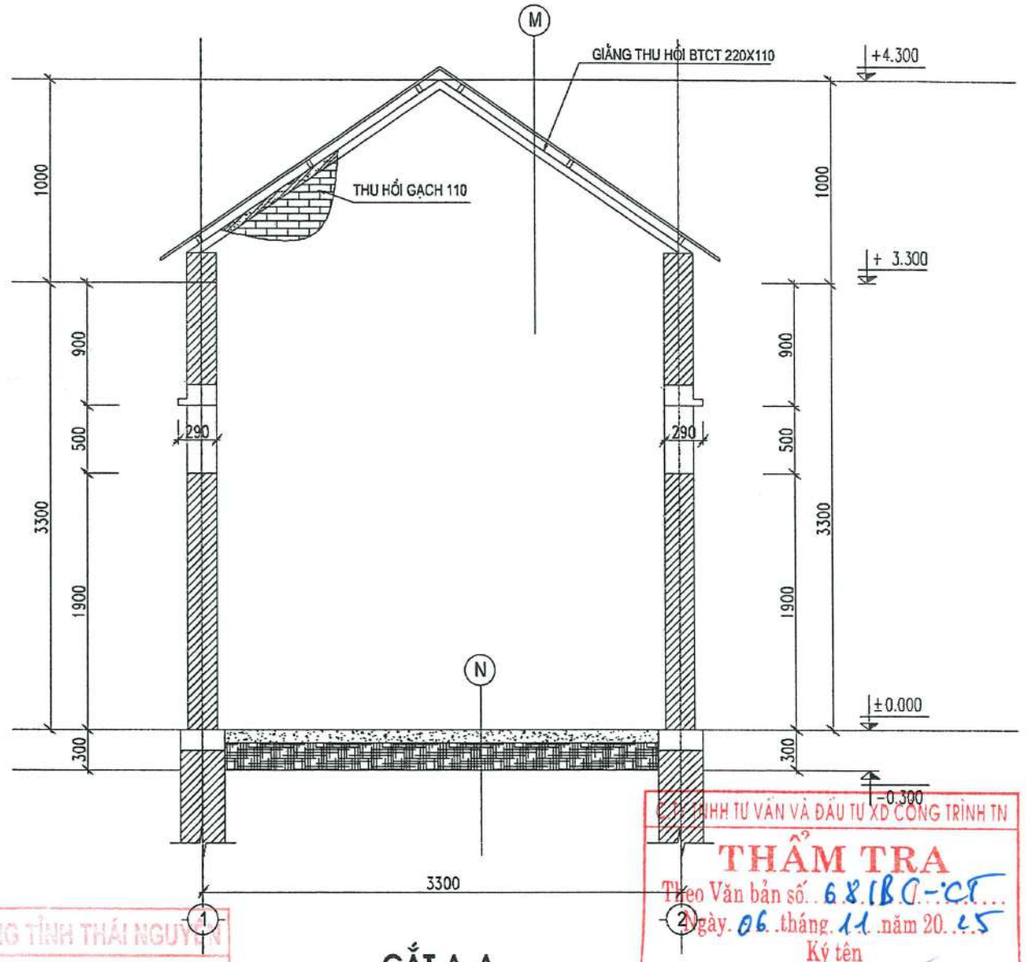
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KTR-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



CỬA ĐI Đ1 - 1CK



HOA SẮT S1 - 2CK



CẮT A-A

(M) MÁI CÔNG TRÌNH	(N) NỀN CÔNG TRÌNH
- MÁI LỢP TÔN LD - XÀ GỒ THÉP HỘP 60*30*2 - TƯỜNG THU HỒI XÂY GẠCH - LỚP VỮA TRÁT MÁC 75# - TRẦN LĂN SƠN TRẮNG 3 LỚP	- LÁT GẠCH CERAMIC 600*600 - LỚP BT ĐÁ 1X2 MÁC 100# DÀY 100 - ĐẤT SAN NỀN ĐẦM CHẶT K90 - ĐẤT TỰ NHIÊN

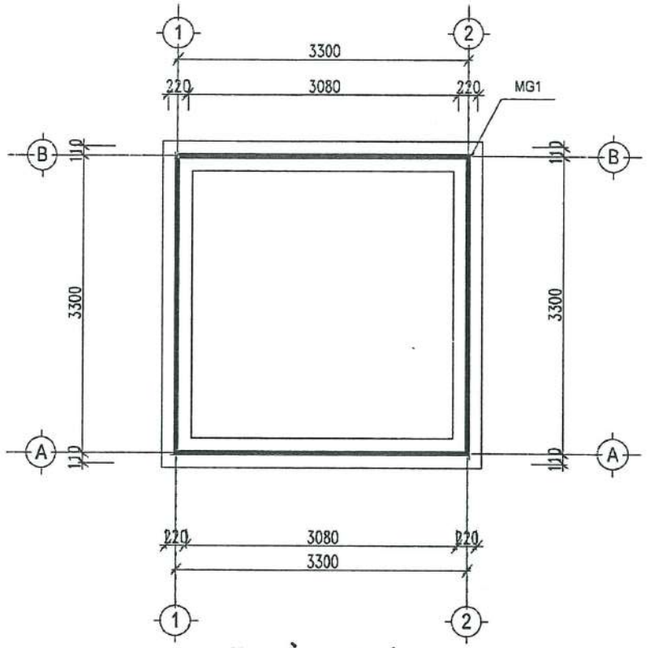
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.IBC-CT...
Ngày. 06. tháng. 11. năm 20. 25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

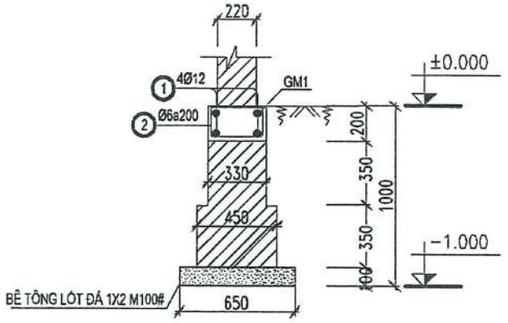
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày..... tháng..... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: KIẾN TRÚC NHÀ ĐỂ RÁC (02/02)

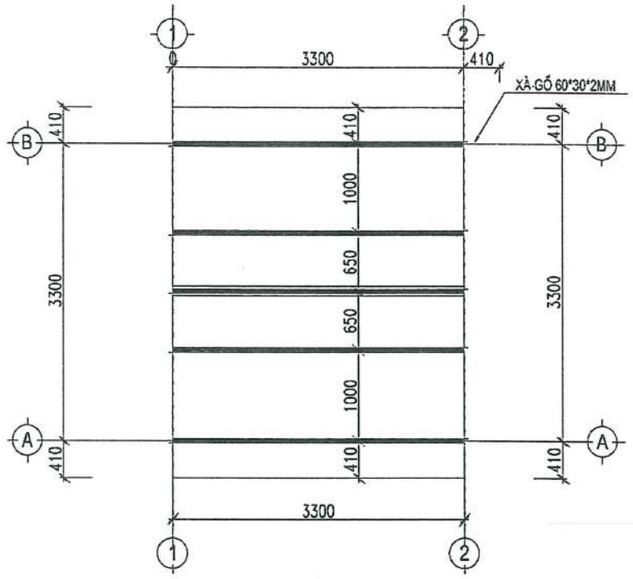
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KTR-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



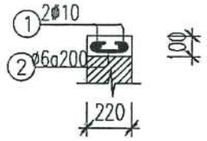
MẶT BẰNG MÓNG



MÓNG MG1
SL: 01; L=13.2M



MẶT BẰNG MÁI



GIẰNG THU HỒI GTH
(L=2.555M, SL:04)
LANH TÔ LT1
(L=12.76M, SL:01)

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
GM1 (SL: 1)	1	13200	12	13680	4	4	54.72	48.58
	2	150 270 60	6	960	67	67	64.32	14.28
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 14.3 Ø ≤ 18 : 48.6 Ø > 18 : 0							
GTH (SL: 4)	1	2555	10	2555	2	8	20.44	12.60
	2	60 170 60	6	290	14	56	16.24	3.60
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 16.2 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT1 (SL: 1)	1	12760	10	13160	2	8	105.28	64.91
	2	60 170 60	6	290	87	348	100.92	22.40
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 87.3 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
XA GO (SL: 1)	1	Hộp-30x60x2	4120	5	5	20.6	-	55.2
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (kG): 55.2							
XA GO (SL: 1)	1	Hộp-20x40x1.2	4600	1	1	4.6	-	5.0
	2	Hộp-20x20x1.2	23520	1	1	23.52	-	16.5
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (kG): 21.5							

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68 /BC-CT
Ngày. 06 tháng 11 năm 20. 25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH

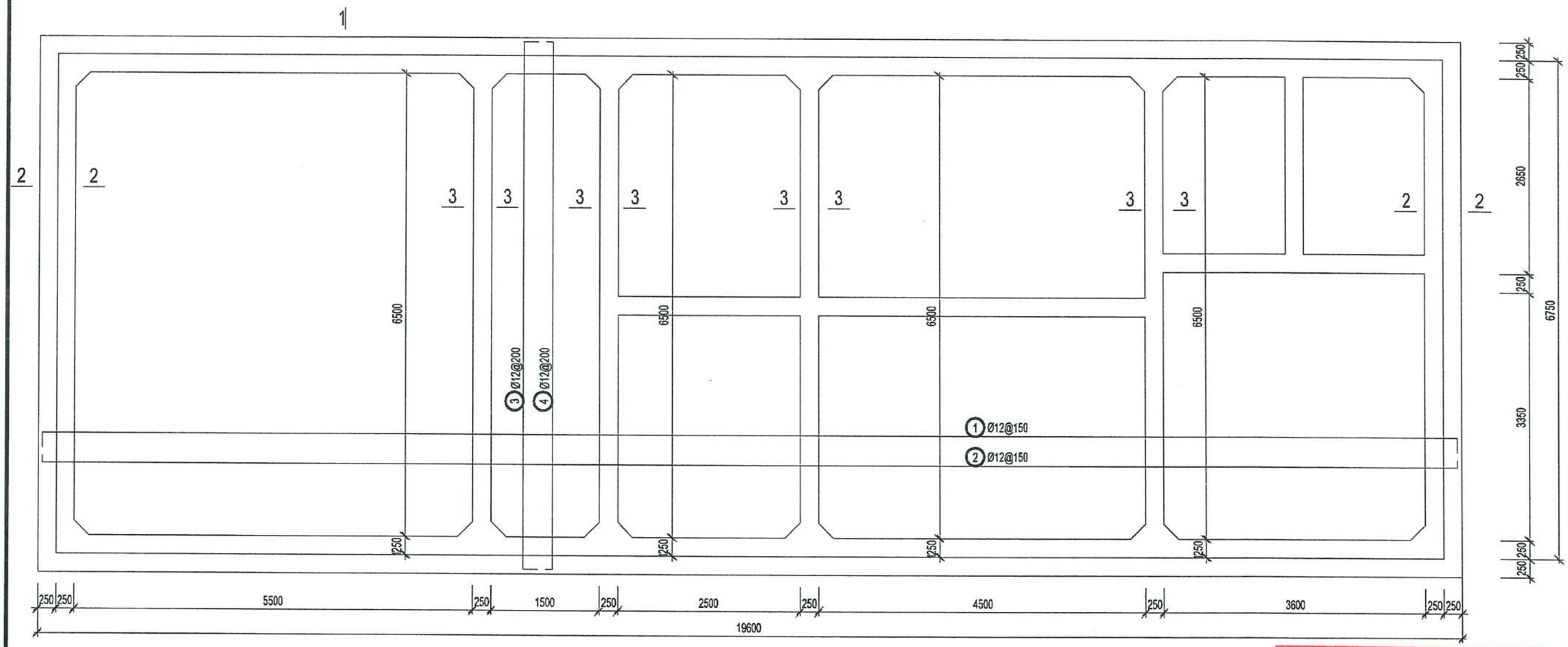
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ....tháng ..... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
KẾT CẤU NHÀ ĐỂ RÁC

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCR-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



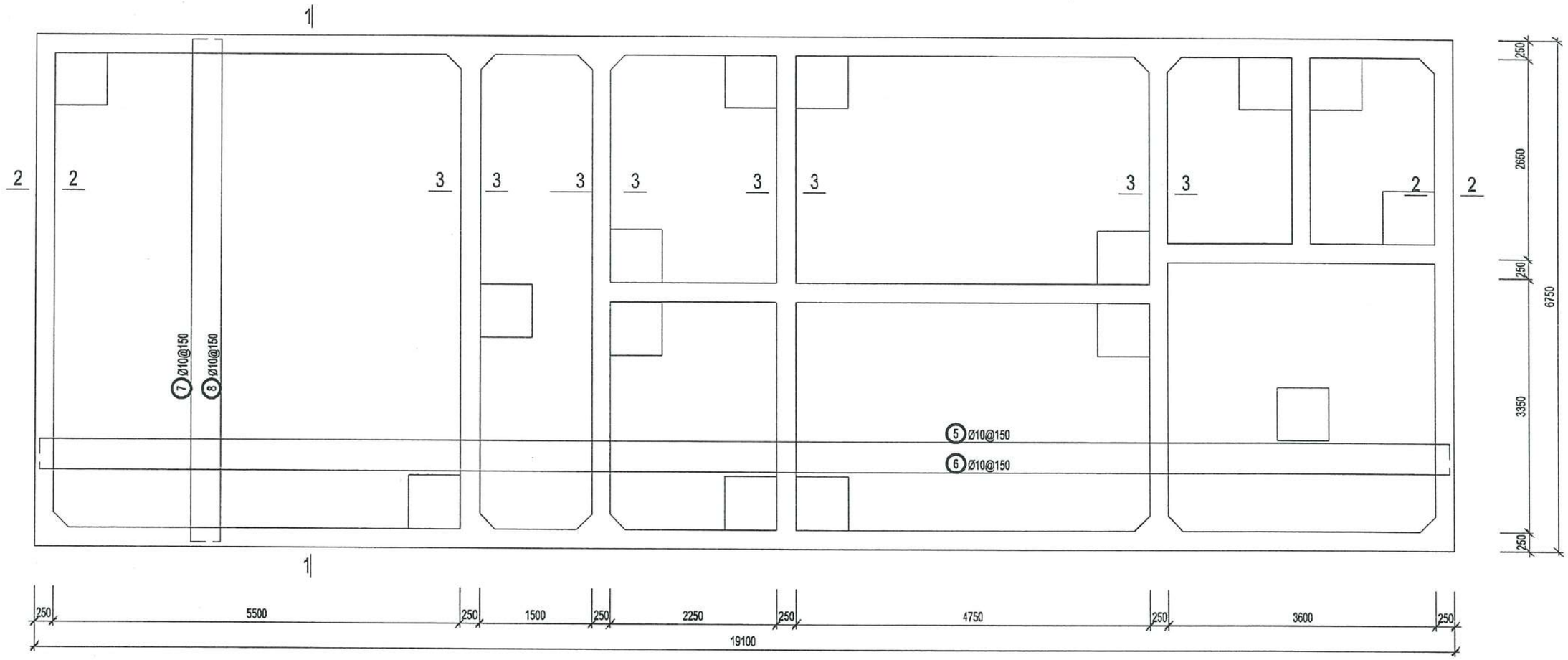
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY BỂ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC/-CT...
Ngày..06..tháng..11..năm 20.25.
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..TRUNG TÂM.. năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY BỂ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



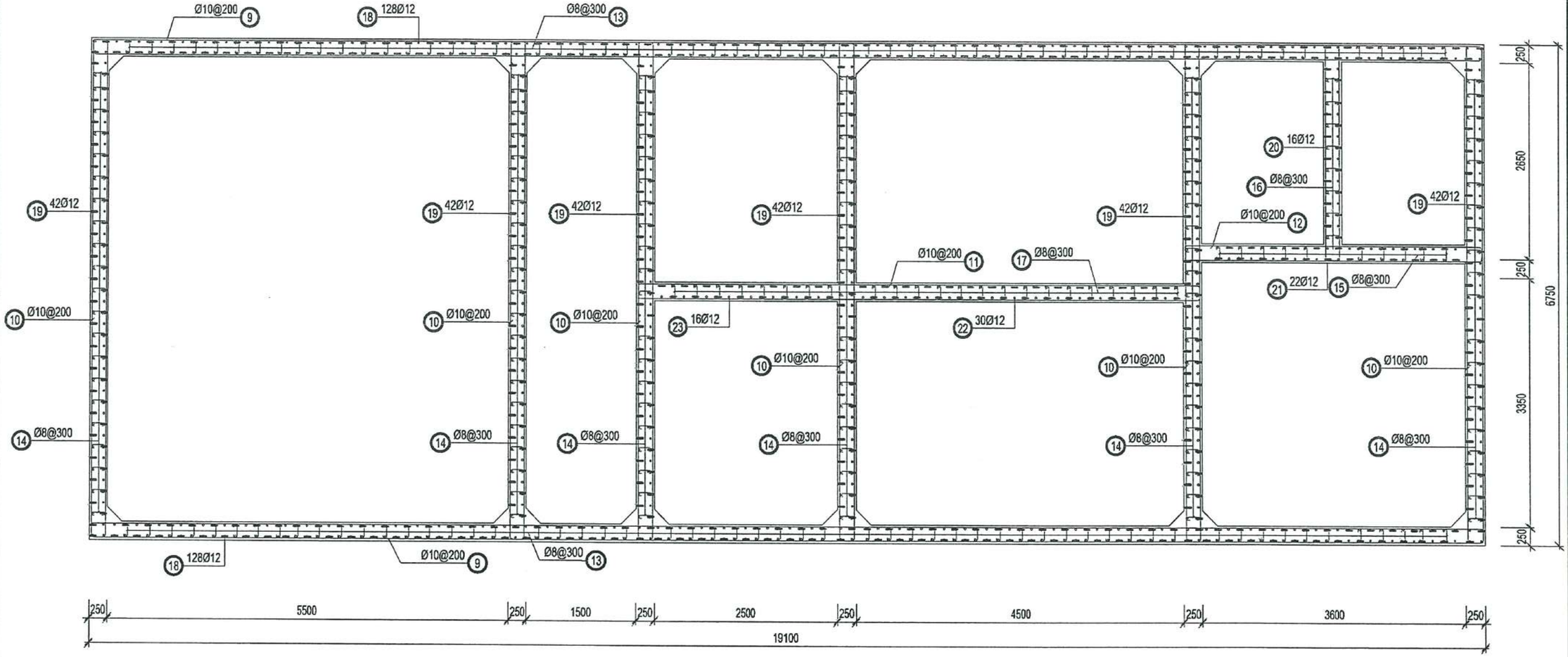
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP NẮP BỂ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...08/BC-CT.....
Ngày...06.tháng...11.năm 20...25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng ....năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP NẮP BỂ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



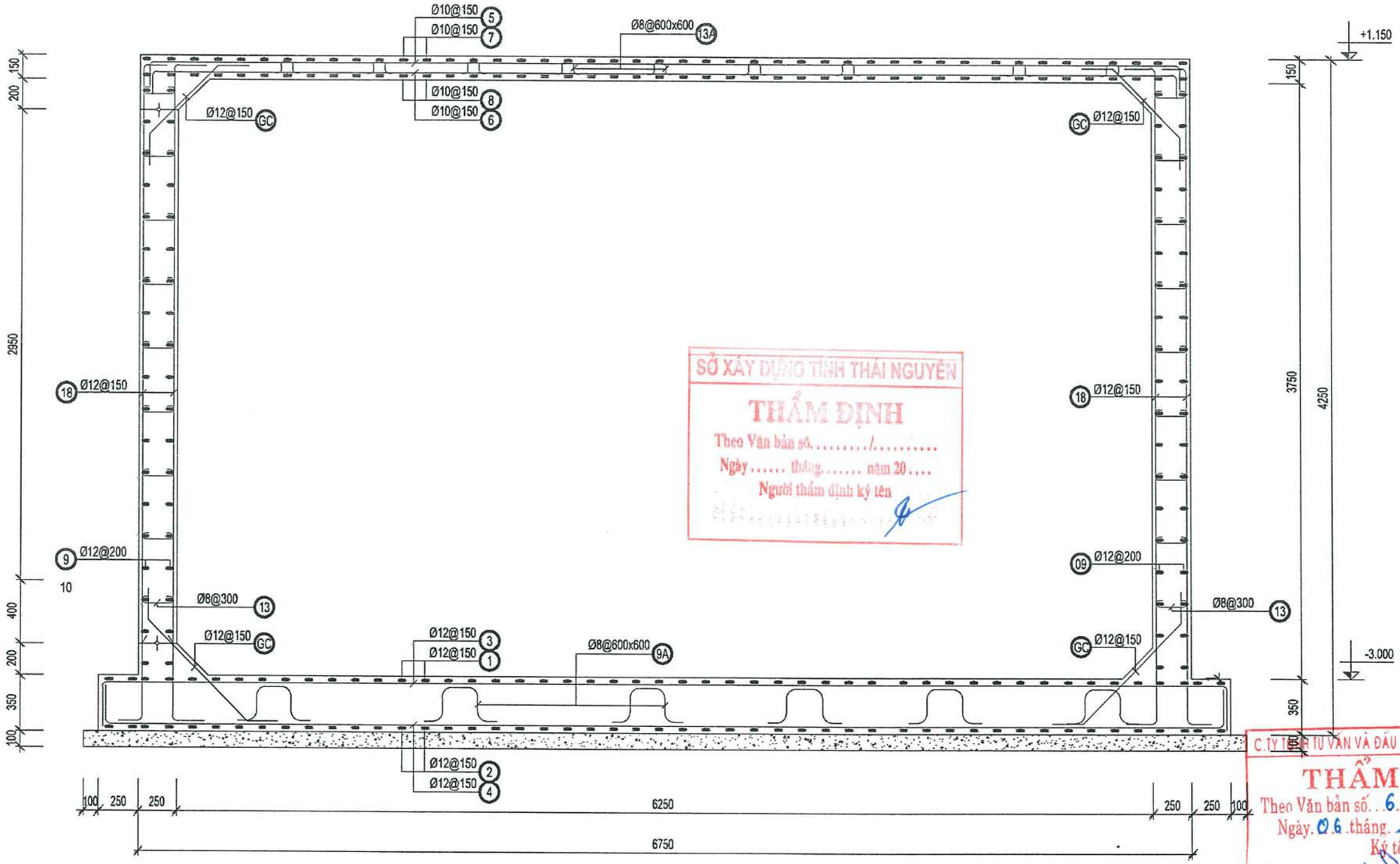
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.IBC - CT
Ngày 06 tháng 11 năm 20 25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

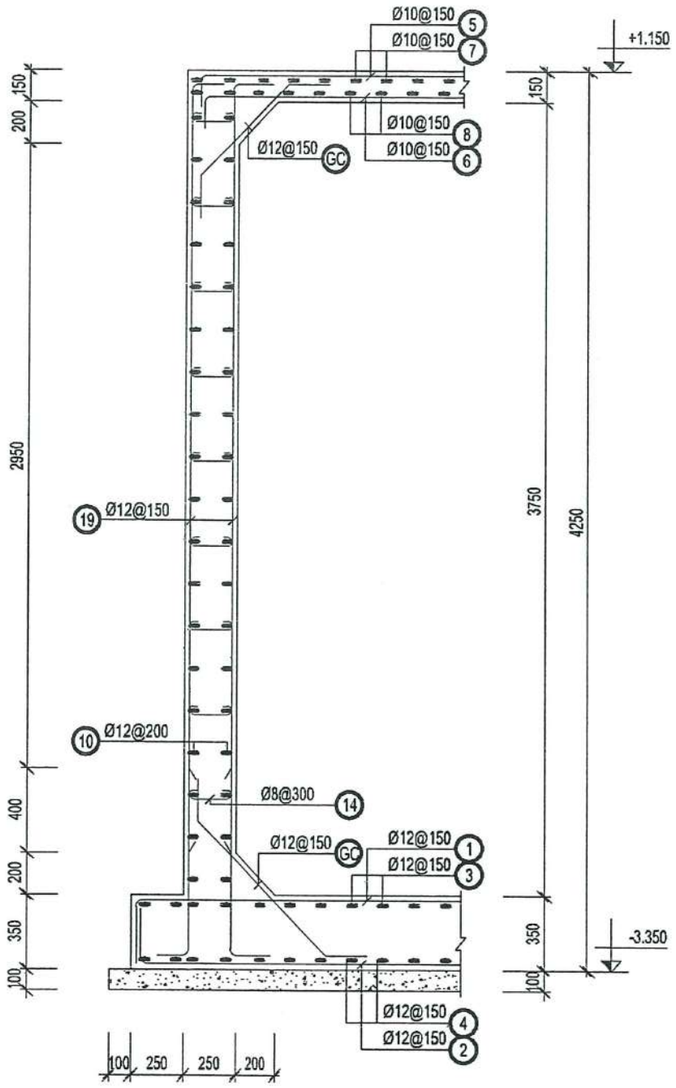


MẶT CẮT 1-1

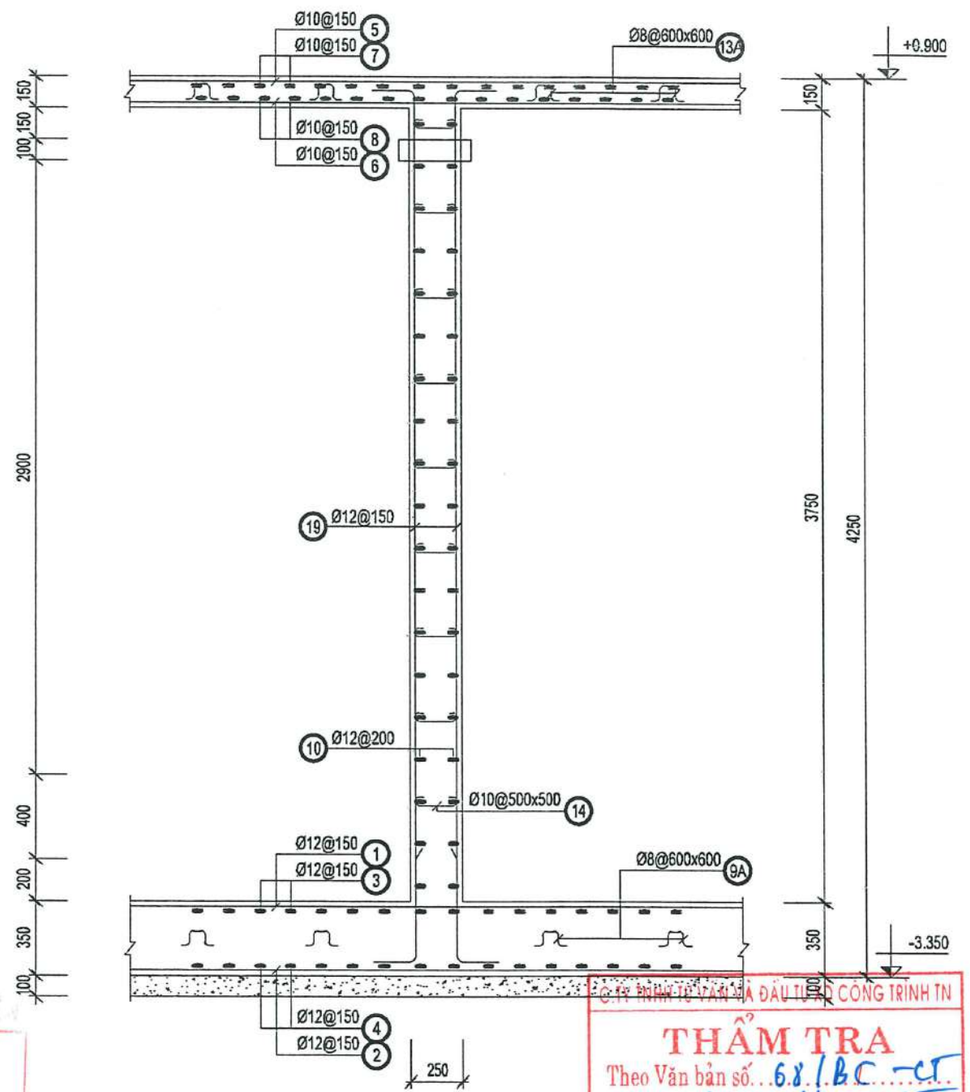
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.1BC-CT.
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ (01/03)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: KCB-04
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 17 tháng 11 năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ (02/03)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN. XÃ PHÚ BÌNH
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ (01/02)

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

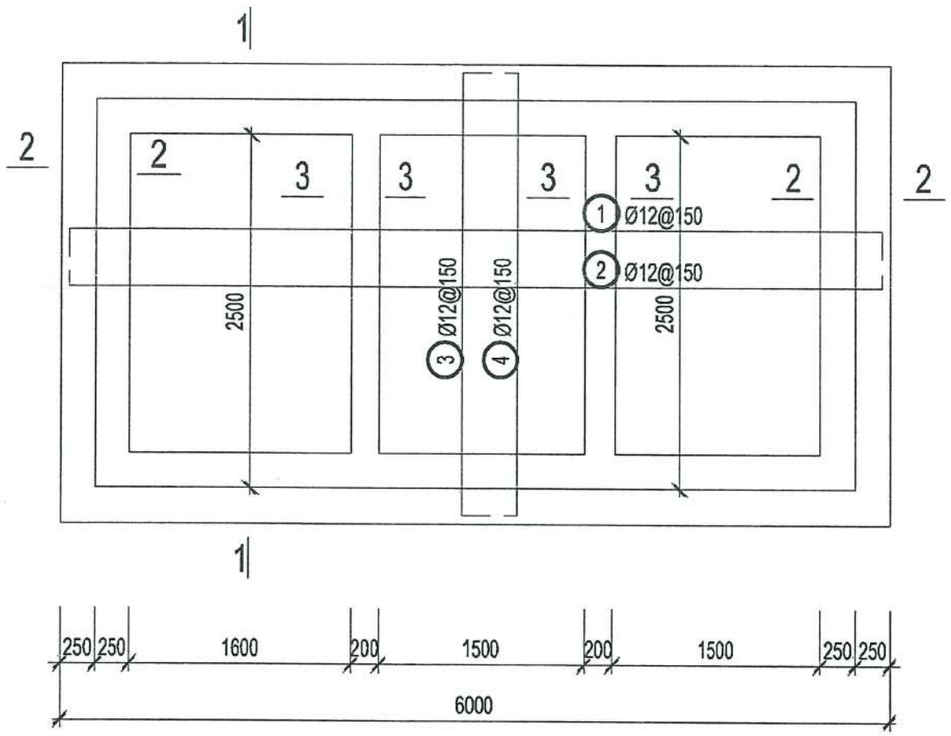
Thép Bể BTCT
(SL: 1)

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
	1	270 | 19550 | 270	12	20570	49	49	1007.93	894.85
	2	19550	12	20030	49	49	981.47	871.36
	3	270 | 7200 | 270	12	7740	131	131	1013.94	900.19
	4	7200	12	7200	131	131	943.2	837.39
	5	400 | 19050 | 400	10	20250	45	45	911.25	561.82
	6	19050	10	19450	45	45	875.25	539.62
	7	400 | 6700 | 400	10	7500	128	128	960	591.88
	8	6700	10	6700	128	128	857.6	528.74
	9A	75, 70, 70, 40, 40	8	295	323	323	95.28	37.60
	9	200 | 19050 | 100	10	39900	38	38	1516.2	934.79
	10	200 | 6200 | 100	10	13400	114	114	1527.6	941.82
	11	200 | 7700 | 100	10	16400	19	19	311.6	192.11
	12	200 | 3800 | 100	10	8200	19	19	155.8	96.06
	13	80, 200, 80	8	360	840	840	302.4	119.32
	13A	75, 70, 70, 40, 40	8	295	340	340	100.3	39.58
	14	80, 200, 80	8	360	1368	1368	492.48	194.32
	15	80, 200, 80	8	360	108	108	38.88	15.34
	16	80, 200, 80	8	360	84	84	30.24	11.93
	17	80, 200, 80	8	360	276	276	99.36	39.21
	18	200 | 4200 | 200	12	4600	256	256	1177.6	1045.49
	19	200 | 4200 | 200	12	4600	252	252	1159.2	1029.15
	20	200 | 4200 | 200	12	4600	16	16	73.6	65.34
	21	200 | 4200 | 200	12	4600	22	22	101.2	89.85
	22	200 | 4200 | 200	12	4600	30	30	138	122.52
	23	200 | 4200 | 200	12	4600	16	16	73.6	65.34
	GC	200 | 1011 | 200	12	1411	331	331	467.04	414.65
	GC	200 | 728 | 200	12	1128	331	331	373.37	331.48
	GC	200 | 1011 | 200	12	1411	331	331	467.04	414.65

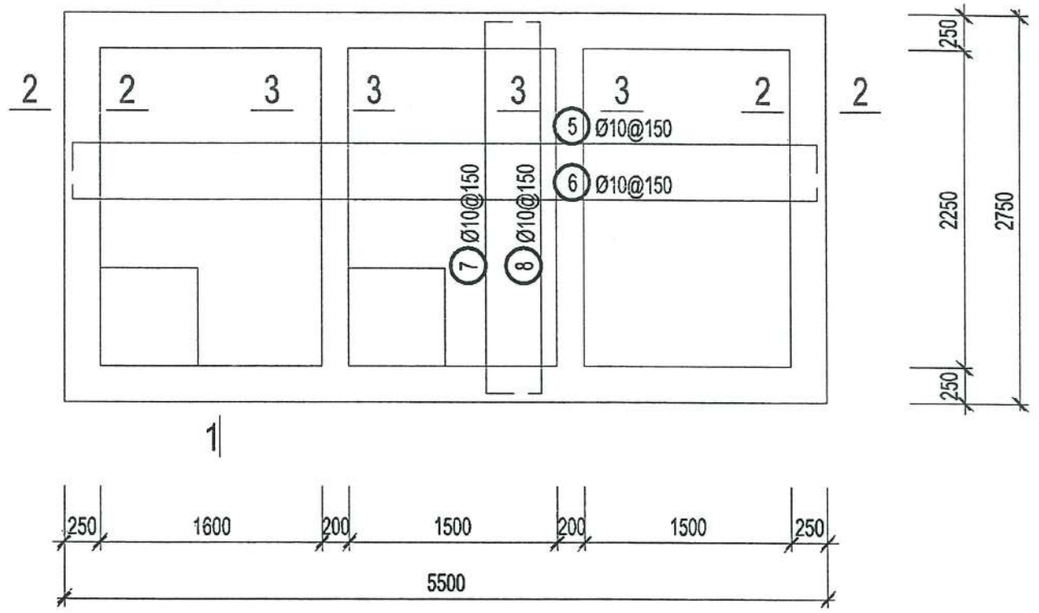
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4844.1 Ø ≤ 18 : 7082.3 Ø > 18 : 0

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ... /...
Ngày ... tháng ... năm 20...
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/TBC-...
Ngày 06 tháng 11 năm 20 25
Ký tên



MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY BỂ



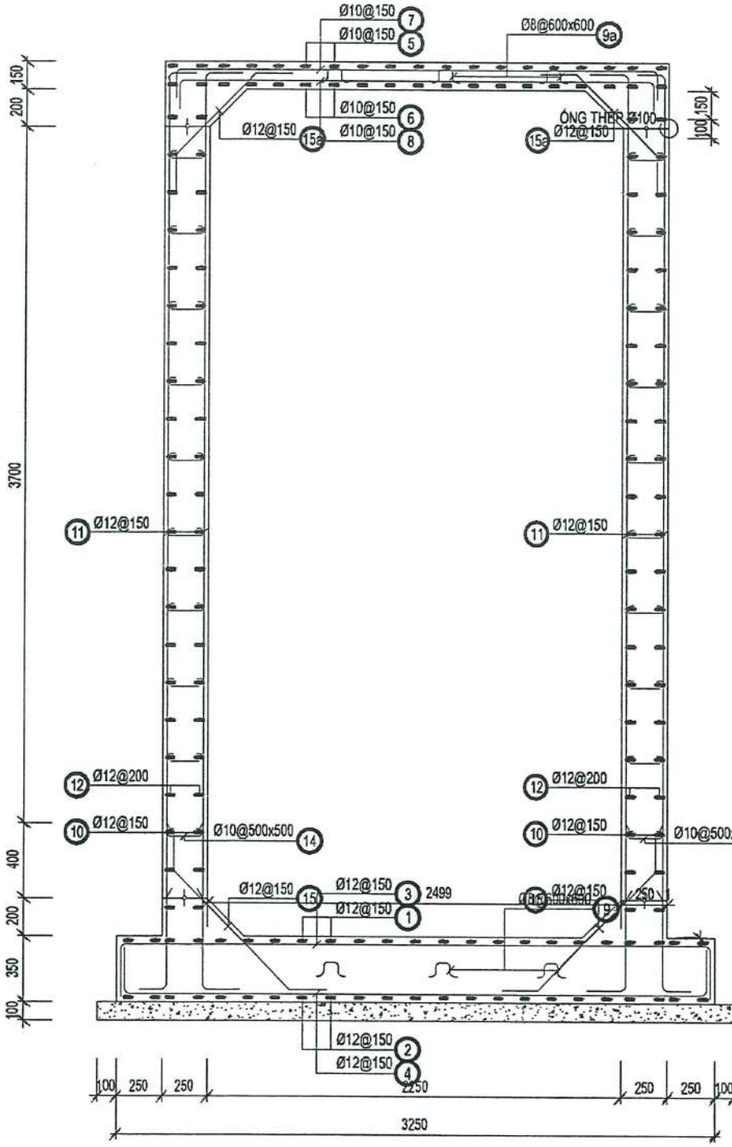
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP NẮP BỂ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

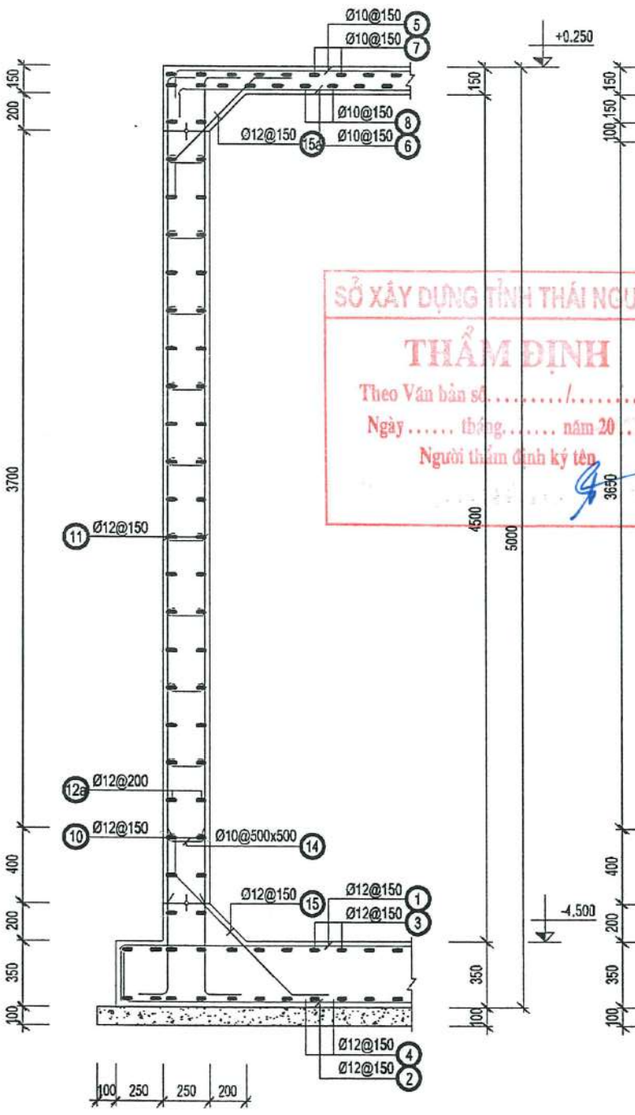
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68/BC-CT...
Ngày..06..tháng..11..năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P.GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

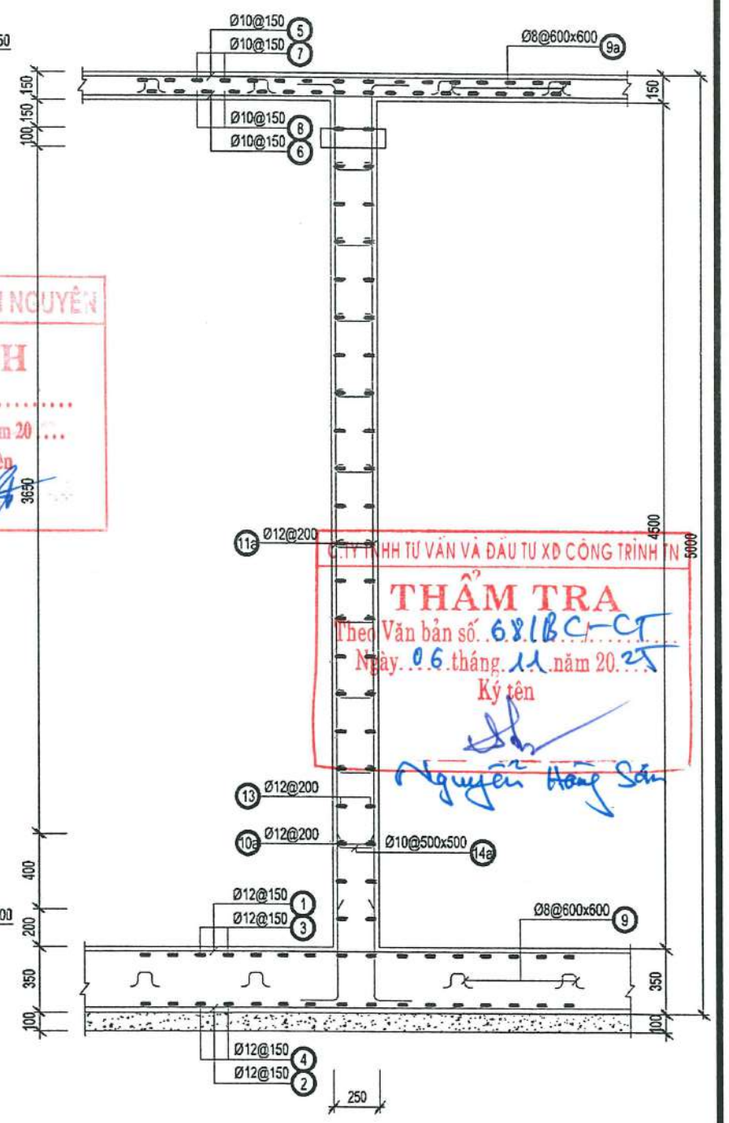
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY, NẮP BỂ GOM, LẮNG CÁT	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20...
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hồng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P.GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BỂ (03/03)
GOM, LẮNG CÁT

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-08
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN, XÃ PHÚ BÌNH
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	CHỦ TRÌ TK	THIẾT KẾ	KIỂM TRA TK
KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	KS. ĐẶNG VĂN BẢO	KS. TRẦN HỮU BẮC

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
					1 CK	T. BỘ		
Thép Bể BTCT (SL: 1)	1	270 | 5920 | 270	12	6460	20	20	129.2	114.71
	2	270 | 5920 | 270	12	6460	20	20	129.2	114.71
	3	270 | 3170 | 270	12	3710	38	38	140.98	125.16
	4	270 | 3170 | 270	12	3710	38	38	140.98	125.16
	5	400 | 5420 | 400	10	6220	18	18	111.96	69.03
	6	400 | 5420 | 400	10	6220	18	18	111.96	69.03
	7	400 | 2670 | 400	10	3470	37	37	128.39	79.16
	8	400 | 2670 | 400	10	3470	37	37	128.39	79.16
	9	75, 70, 70, 40, 40	8	295	48	48	14.16	5.59
	9a	75, 70, 70, 40, 40	8	295	42	42	12.39	4.89
	10	480 | 950	12	1430	220	220	314.6	279.31
	10a	480 | 950	12	1430	55	55	78.65	69.83
	11	480 | 4450	12	4930	220	220	1084.6	962.92
	11a	480 | 4450	12	4930	55	55	271.15	240.73
	12	480 | 5420 | 480	12	6380	100	100	638	566.43
	12a	480 | 2670 | 480	12	3630	100	100	363	322.28
	13	480 | 2670 | 480	12	3630	100	100	363	322.28
	14	100, 120, 100	10	320	40	40	12.8	7.89
	14a	100, 170, 100	10	370	20	20	7.4	4.56

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 319.3 Ø ≤ 18 : 3243.5 Ø > 18 : 0

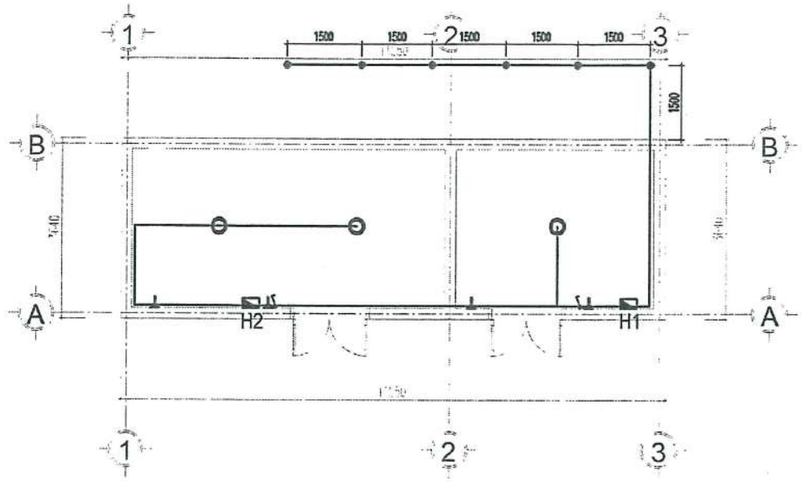
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...
Ngày ... tháng ... năm 20...
Người thẩm định ký tên

C.T.Y TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68../BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 20 25
Ký tên

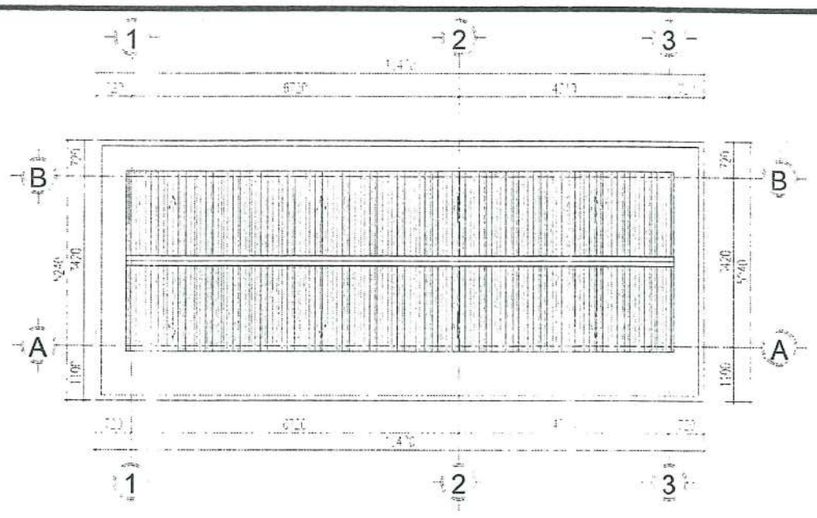
Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ (02/02)
GOM, LẮNG CÁT

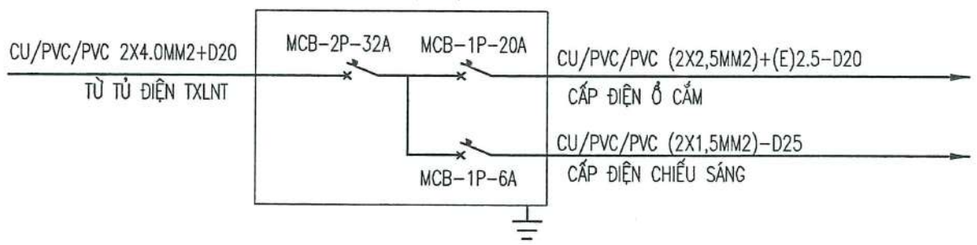
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KCB-09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NHÀ TRẠM



SƠ ĐỒ TỦ ĐIỆN H1, H2



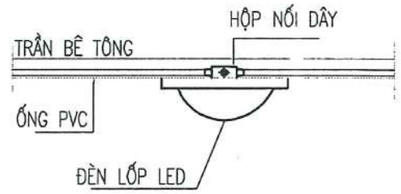
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

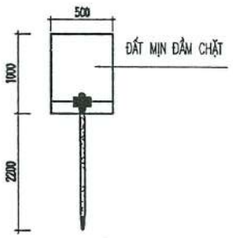
C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68...../.BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

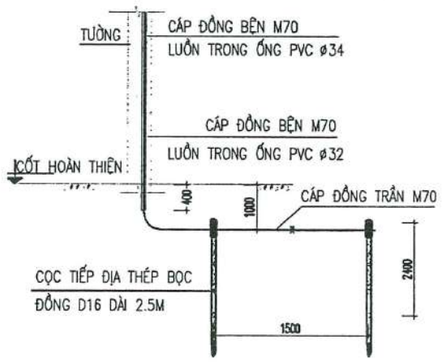
STT	K/H	VẬT LIỆU ĐIỆN	ĐƠN VỊ	TỔNG	QUY CÁCH
1		ĐÈN LED GẮN TRẦN	BỘ	3	20W-220V
2		CÔNG TẮC ĐƠN	CÁI	2	250V-10A
3		Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ÂM TƯỜNG	CÁI	4	
4		AP TỔ MÁT (MCB) 1 PHA 6A-4.5KA	CÁI	2	
5		AP TỔ MÁT (MCB) 1 PHA 20A-4.5KA	CÁI	2	
6		AP TỔ MÁT (MCB) 2 PHA 32A-10KA	CÁI	1	
7		TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG 6 MODUL	TỦ	02	
8		DÂY ĐIỆN CU/PVC/PVC	MÉT	60	2X1,5MM2
9		DÂY ĐIỆN CU/PVC/PVC	MÉT	40	2X2,5MM2
10		DÂY ĐIỆN CU/PVC/PVC	MÉT	20	2X4,0MM2
11		DÂY TIẾP ĐỊA CU/PVC	MÉT	30	1X2.5MM2
12		ỐNG NHỰA CỨNG LUỒN DÂY	MÉT	29	D20
13		CỌC TIẾP ĐỊA D16;L=2.5M	CÁI	06	
14		DÂY TIẾP ĐỊA ĐỒNG TRẦN M70	M	20	
15		ỐNG NHỰA CỨNG LUỒN DÂY D32	M	02	
16		MỐI HÀN HÓA NHIỆT	MỐI	06	
17		THÍ NGHIỆM TIẾP ĐỊA	BÃI	01	
18		ĐÀO, ĐẮP ĐẤT KÉO DÀI VÀ ĐÓNG CỌC TIẾP ĐỊA	M3	5.5	

LẮP ĐẶT ĐÈN ỐP TRẦN GẮN TRẦN





CHI TIẾT RÃNH ĐÀO



LIÊN KẾT DÂY TIẾP ĐỊA
VỚI CỌC TIẾP ĐỊA

TỐI THIỂU CÓ 6 CỌC TIẾP ĐẤT, ĐIỀU CHỈNH SỐ CỌC HOẶC DÙNG HÓA CHẤT ĐỂ ĐẠT DƯỚI 4 OHM ĐỐI VỚI TIẾP ĐỊA TỦ ĐIỆN, BỔ SUNG Ở VỊ TRÍ PHÙ HỢP. TẤT CẢ CÁC KẾT NỐI TIẾP ĐẤT BẰNG MỐI HÀN HÓA NHIỆT

GHI CHÚ :

- CÔNG TRÌNH LẤY NGUỒN ~ 220V TỪ VỊ TRÍ ĐẤU NỐI HIỆN CÓ.
- TOÀN BỘ DÂY DẪN ĐIỆN DÙNG LOẠI CÓ CÁCH ĐIỆN 2 LỚP LUỒN TRONG ỐNG NHỰA ĐI NGẦM
- DÂY TRỤC CHÍNH CHIẾU SÁNG DÙNG DÂY LÕI ĐỒNG 2X2,5MM2. DÂY ĐẾN CÁC APTOMAT DÙNG 2X2,5MM2.
- DÂY TỚI CÁC THIẾT BỊ ĐÈN DÙNG DÂY ĐỒNG BỌC PVC 2X1,5MM2.
- DÂY ĐIỆN LUỒN ỐNG NHỰA PVC ĐI CHÌM TRONG TƯỜNG, TRẦN. MỐI NỐI DÂY ĐẶT TRONG HỘP NỐI
- BẢNG ĐIỆN ĐẶT CÔNG TẮC+Ổ CẮM ĐƠN ĐẶT Ở CỐT 1,25M SO VỚI CỐT SÀN HOÀN THIỆN.
- BẢNG ĐIỆN CÓ Ổ CẮM ĐÔI ĐẶT Ở ĐỘ CAO 2.0M SO VỚI CỐT SÀN (PHỤC VỤ QUẠT TREO TƯỜNG).
- TỦ ĐIỆN CÁC TẦNG PHẢI SƠN TĨNH ĐIỆN , CÓ KHOÁ ĐẶT Ở CỐT 1.5M VỚI SÀN (ĐẾN DÂY TỦ).
- KHI THI CÔNG ĐẢM BẢO KỸ, MỸ THUẬT VÀ ĐÚNG QUY TRÌNH QUY PHẠM , AN TOÀN KHI VẬN HÀNH SỬ DỤNG.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC KS TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS ĐẶNG QUANG TRUNG	
		THIẾT KẾ	KS ĐẶNG QUANG TRUNG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
CHI TIẾT CẤP ĐIỆN NHÀ TXLNT

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: ME.01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: HÀO KỸ THUẬT

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH ...
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC-CT
Ngày. 05 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Phạm Văn Quang

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số. 4055/Sxd-QLCLHĐXD
Ngày. 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

DANH MỤC BẢN VẼ HẠNG MỤC HÀO KỸ THUẬT

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	TỔNG MẶT BẰNG HÀO KỸ THUẬT	MB-HKT: 01
2	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T1.1 (01/2)	TD_HKT: 01
3	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T1.1 (02/2)	TD_HKT:02
4	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T2.1	TD_HKT:03
5	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T2.2	TD_HKT:04
6	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T2.3	TD_HKT:05
7	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T2.4 (01/2)	TD_HKT:06
8	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T2.4 (02/2)	TD_HKT:07
9	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T2.5	TD_HKT:08
10	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T3.1	TD_HKT:09
11	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T3.2 (01/2)	TD_HKT:10
12	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T3.2 (02/2)	TD_HKT:11
13	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T3.3 (01/3)	TD_HKT:12
14	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T3.3 (02/3)	TD_HKT:13
15	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T3.3 (03/3)	TD_HKT:14
16	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T4.1	TD_HKT:15
17	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T4.2	TD_HKT:16
18	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T4.3	TD_HKT:17
19	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T4.4	TD_HKT:18
20	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T5.1	TD_HKT:19
21	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T5.2	TD_HKT:20

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
22	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T6.1	TD_HKT:21
23	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T6.2	TD_HKT:22
24	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T6.3	TD_HKT:23
25	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T6.4	TD_HKT:24
26	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T6.5	TD_HKT:25
27	TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HTK.T6.6	TD_HKT:26
28	CHI TIẾT HÀO KỸ THUẬT (01/3)	CT_HKT: 01
29	CHI TIẾT HÀO KỸ THUẬT (02/3)	CT_HKT: 02
30	CHI TIẾT HÀO KỸ THUẬT (03/3)	CT_HKT: 03
31	CHI TIẾT ỐNG QUA ĐƯỜNG (01/2)	CT_HKT: 04
32	CHI TIẾT ỐNG QUA ĐƯỜNG (02/2)	CT_HKT: 05

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 681/BC-CT

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: ...../.....

Ngày ..... tháng..... năm 20.....

Người thẩm định ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA XÃ ... ỨC, TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 977/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHỔ BÌNH)

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:
- HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ
- HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG
- G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào; Tên ga
- L=30.00 — Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHỔ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHỔ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		GIÁM ĐỐC TRẦN HỮU BẮC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: TỔNG MẶT BẰNG HÀO KỸ THUẬT

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: MB-HKT: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

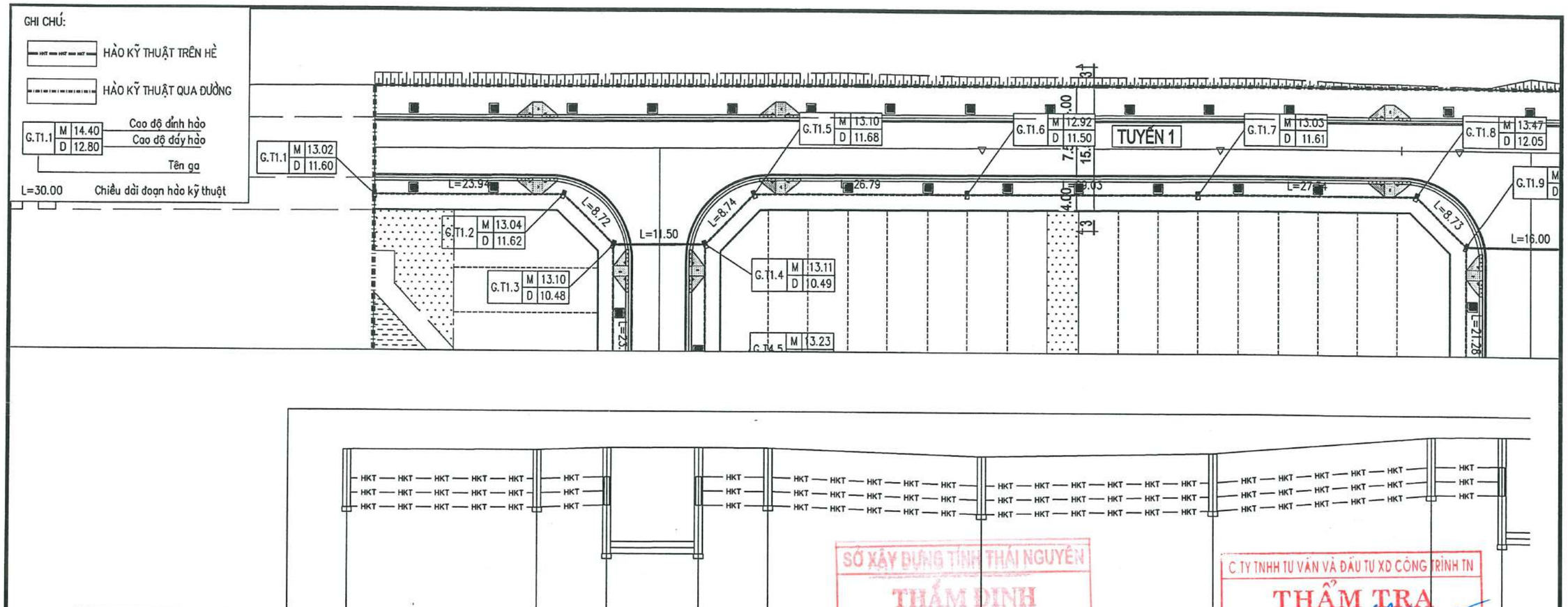
GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào / Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật



1	CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.02		13.04	13.10	13.11	13.10			12.92		13.03		13.47	13.49					
2	CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	11.60		11.62	11.68 10.48	10.49 11.69	11.68			11.50		11.61		12.05	12.07 10.87					
3	ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42	1.42 2.62	2.62 1.42	1.42			1.42		1.42		1.42	1.42 2.62					
4	KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	23.94	23.94	8.72	32.66	11.50	44.16	8.74	52.90	26.79	79.69	29.03	108.73	27.34	136.06	8.73	144.79		
5	ĐỘ DỐC (%)		0.08		0.68		0.10		0.12		0.67		0.38		1.60		0.26			
6	GÓC NGOẶT(ĐỘ)			135	135	90	135	135	90	135		180		180		135	135	90		
7	LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L1	B700	L1	B700	L2	D219	L2	B700	L1	B700	L1	B700	L1	B700	L1	B700	L2		
8	TÊN GA	G.T1.1		G.T1.2		G.T1.3		G.T1.4		G.T1.5		G.T1.6		G.T1.7		G.T1.8		G.T1.9		
9	CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.60		11.62		10.48		10.49		11.68		11.50		11.61		12.05		10.87		

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 681/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày 11 tháng ... năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T1.1 (01/2)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

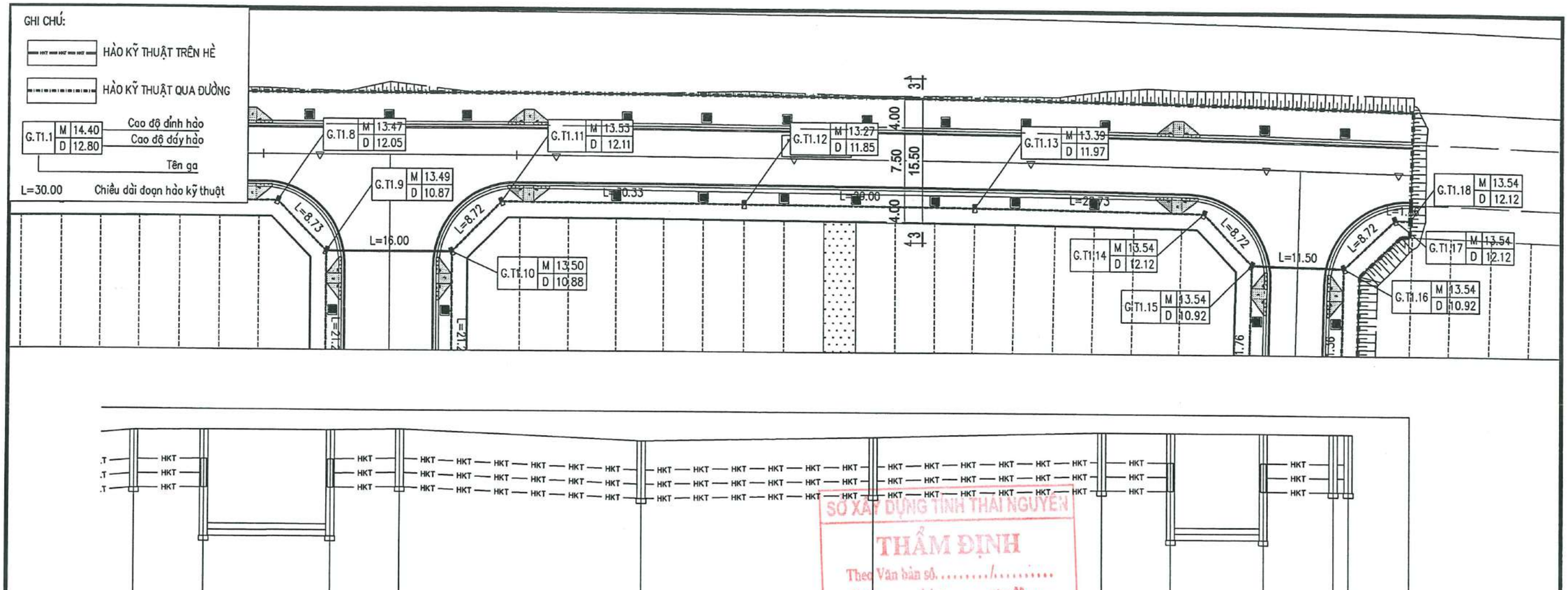
GHI CHÚ:

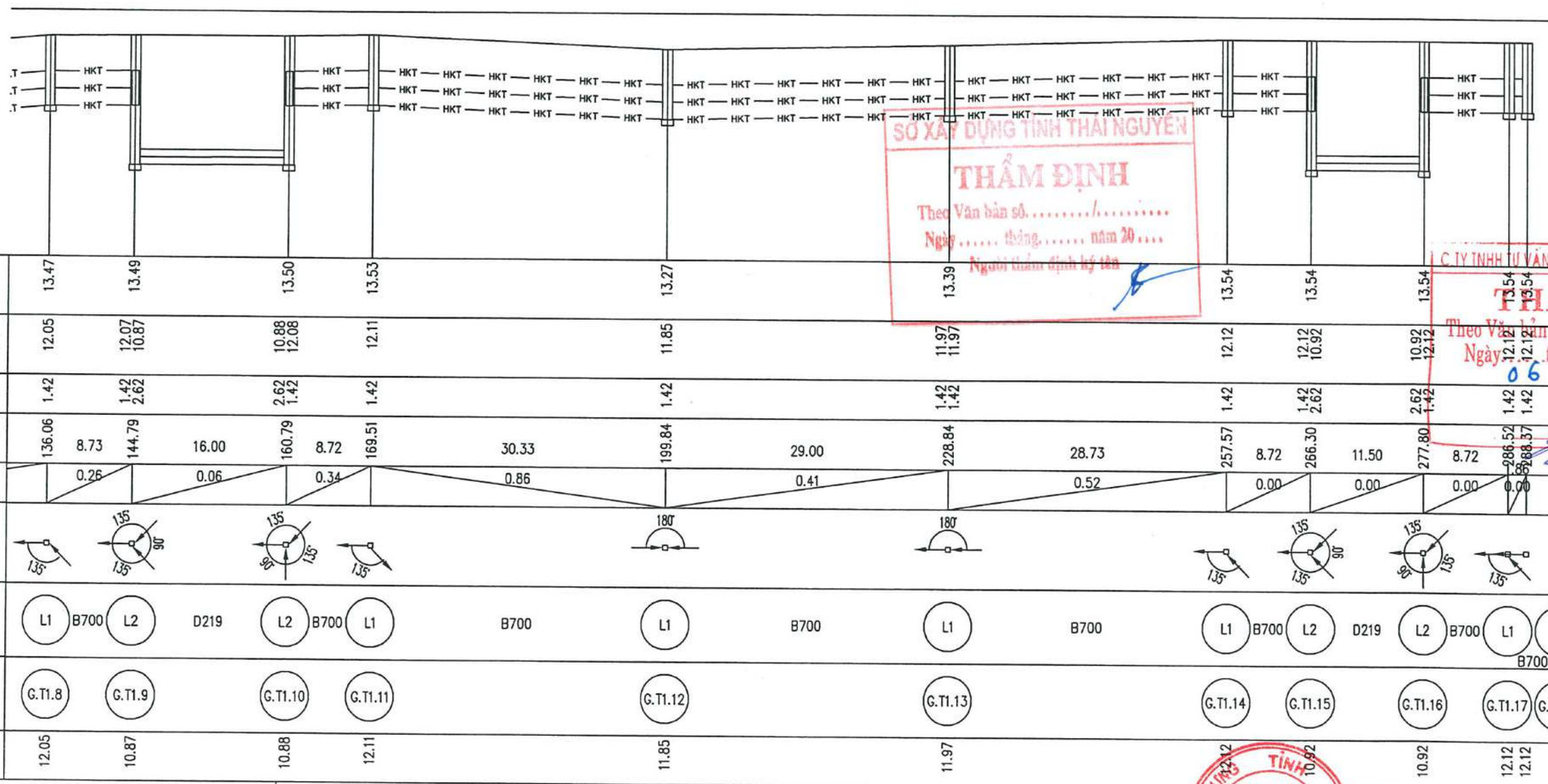
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật





SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

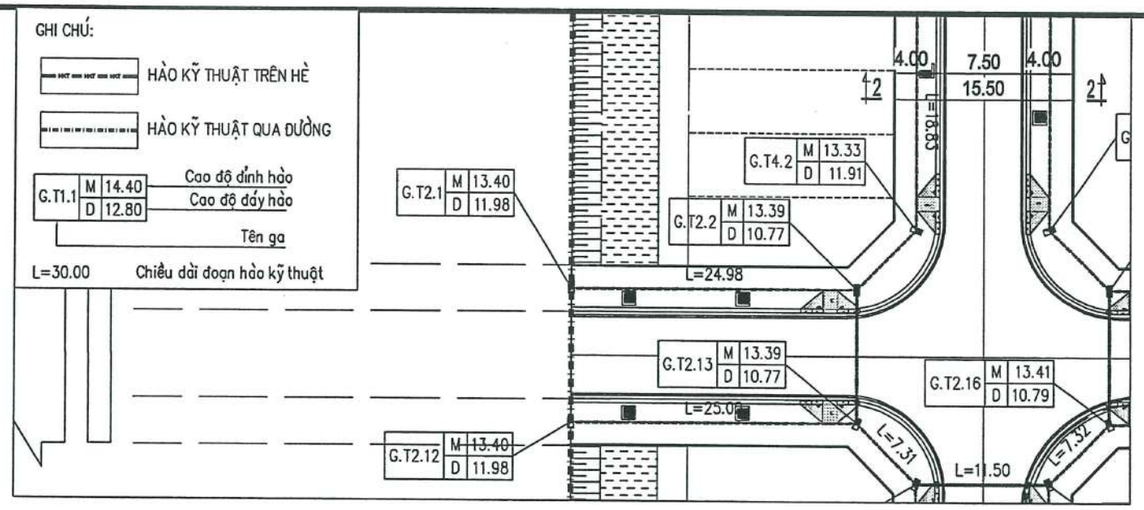
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

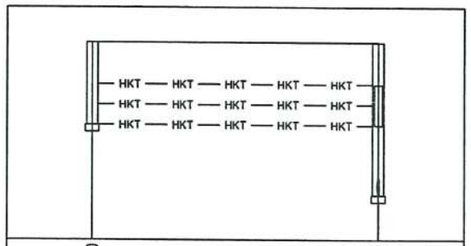
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T1.1 (02/2)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS





CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.40	13.39
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	11.98	11.97
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42	1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00 — 24.98	24.98
ĐỘ DỐC (%)	0.04	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)		135 / 90 / 135
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L1 — B700	L2
TÊN GA	G.T2.1	G.T2.2
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	11.98	10.77

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68.IBC-CT
Ngày.06.tháng.11.năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ...tháng .....năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HKT.T2.1
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 — BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 03
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 — DỰ ÁN: KHU TDC_HS

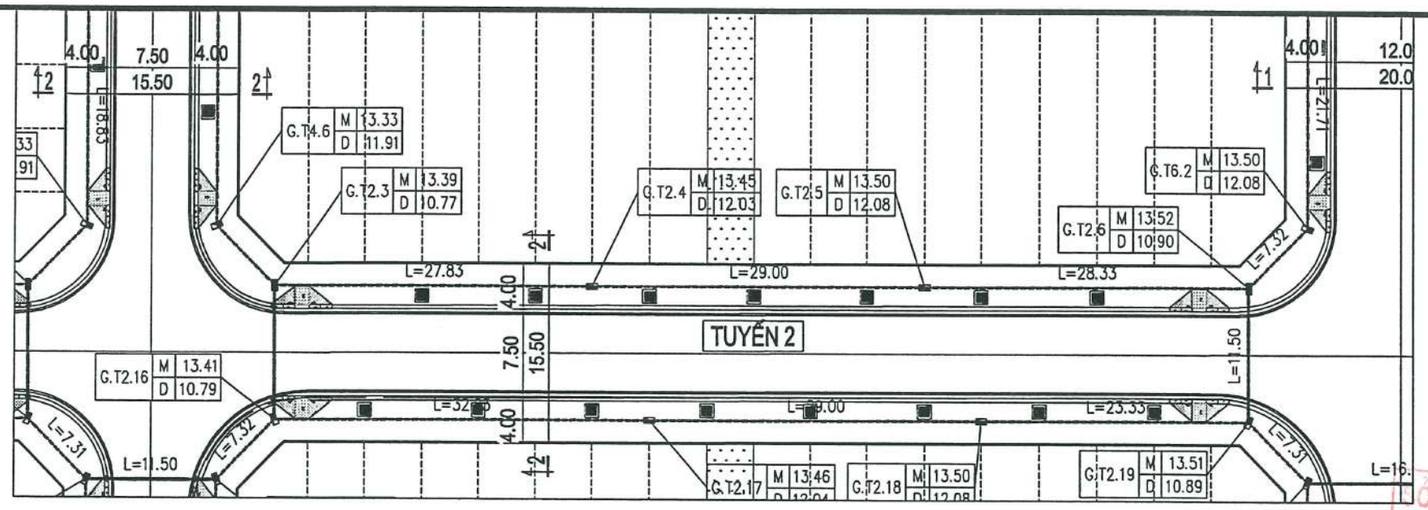
GHI CHÚ:

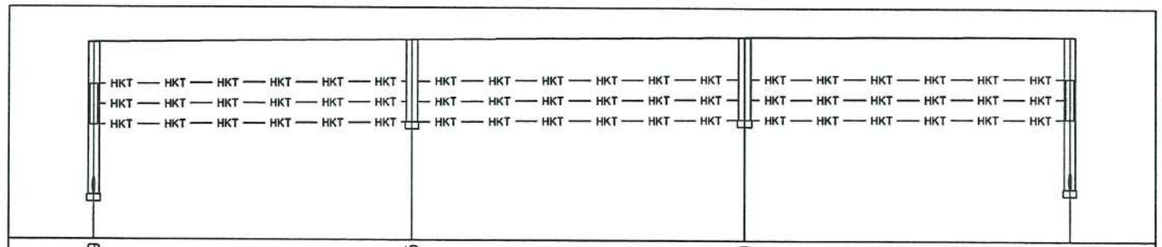
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào / Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật





CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.39		13.45		13.50		13.52
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	11.97		12.03		12.08		12.10
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42		1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	27.83	27.83	29.00	56.83	28.33	85.16
ĐỘ DỐC (%)		0.21		0.17		0.07	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 / 90 / 135		180		180		135 / 90 / 135
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700	L2
TÊN GA	G.T2.3		G.T2.4		G.T2.5		G.T2.6
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.77		12.03		12.08		10.90

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681.BC-...CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T2.2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

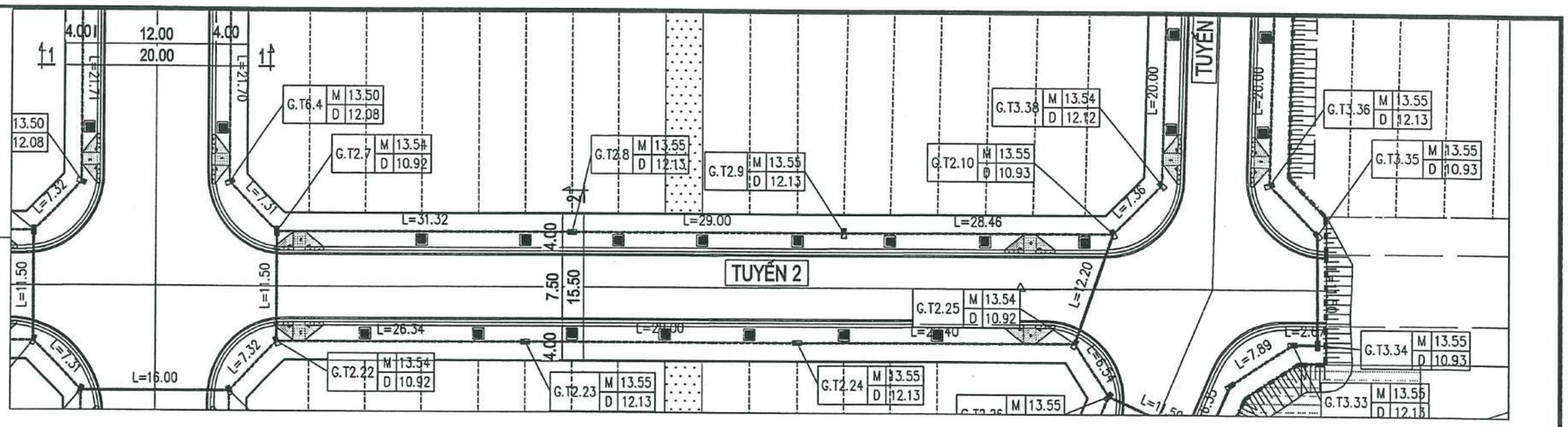
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

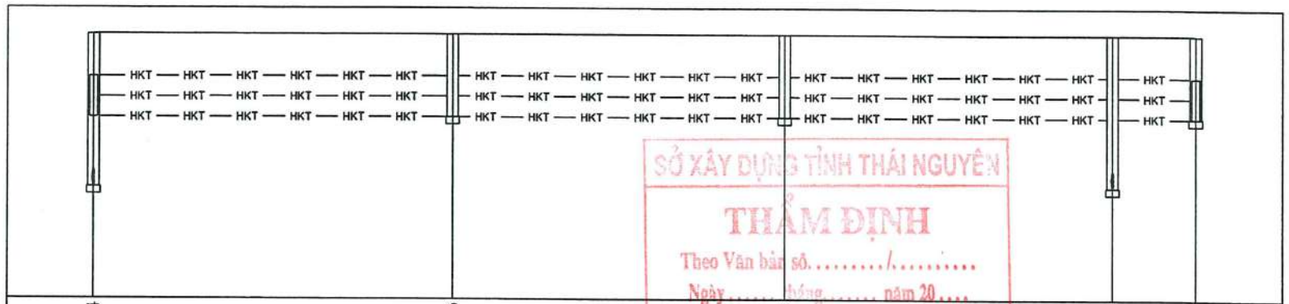
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1	M 14.40	Cao độ đỉnh hào
	D 12.80	Cao độ đáy hào

Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật





CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.54		13.55		13.55		13.55	13.54	
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.12		12.13		12.13		12.13	12.12	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42		1.42	1.42	
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	31.32	31.32	29.00	60.32	28.46	88.79	7.36	96.14
ĐỘ DỐC (%)		0.03		0.00		0.00		0.14	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 135 90		180°		180°		135	135	
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700	L2	B700	L1
TÊN GA	G.T2.7		G.T2.8		G.T2.9		G.T2.10		G.T3.38
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.92		12.13		12.13		10.93		12.12

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T2.3

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

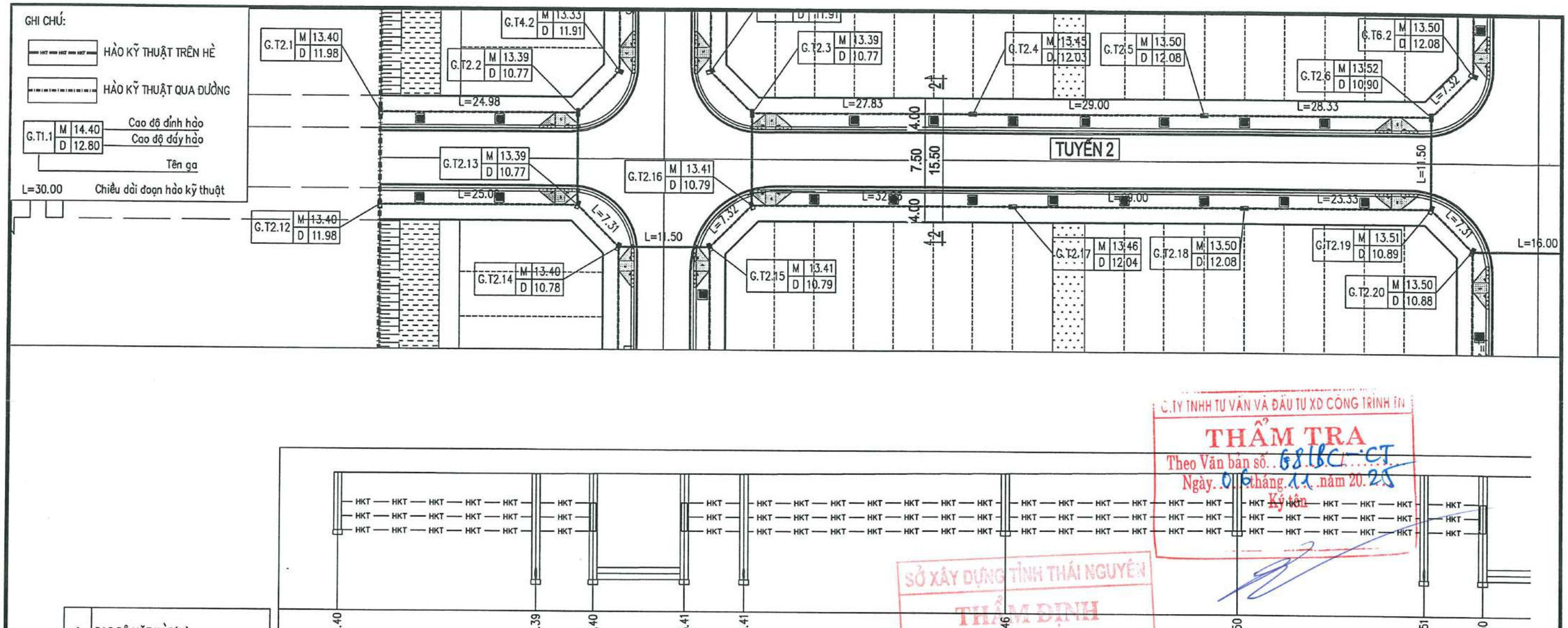
GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào / Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật



| | | |

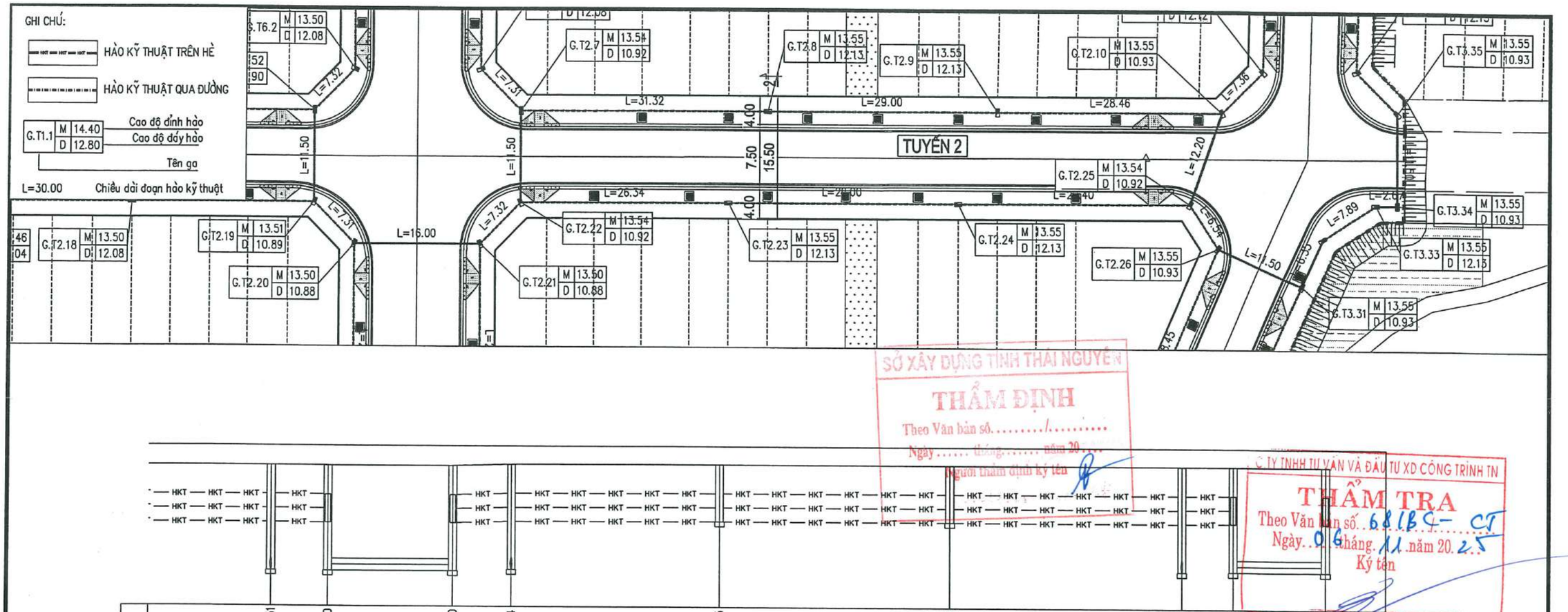
GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào / Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật



| | | |

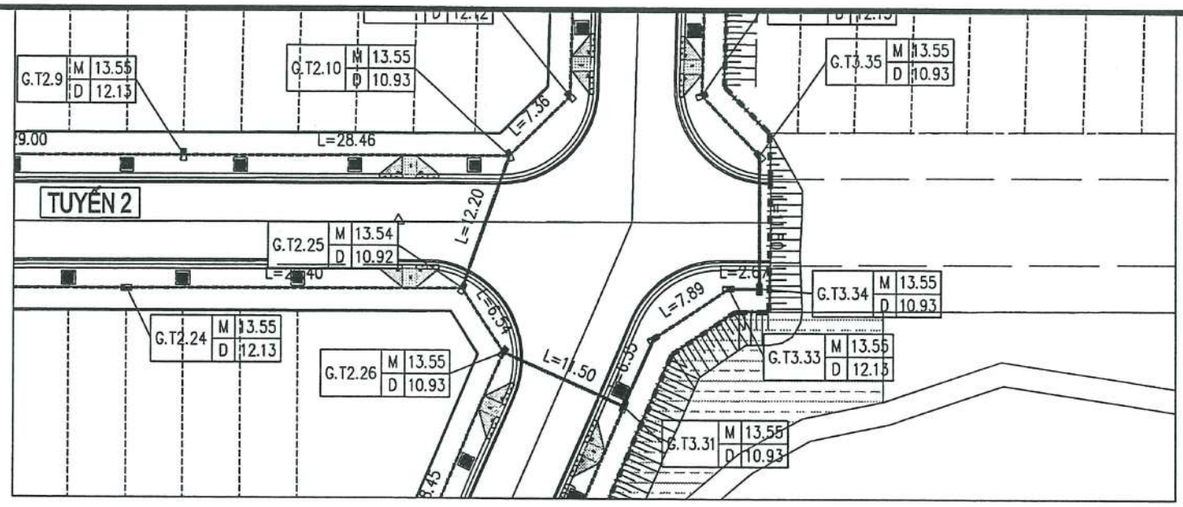
GHI CHÚ:

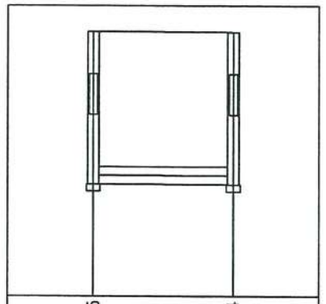
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) | Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật





CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.55	13.54
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	10.93	10.92
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	2.62	2.62
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	12.20 12.20
ĐỘ DỐC (%)		0.08
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	154° 136° 110°	127° 109° 123°
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	D219 L2
TÊN GA	G.T2.10	G.T2.25
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.93	10.92

CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 6816 C-CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HKT.T2.5
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500 / BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 08
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

GHI CHÚ:

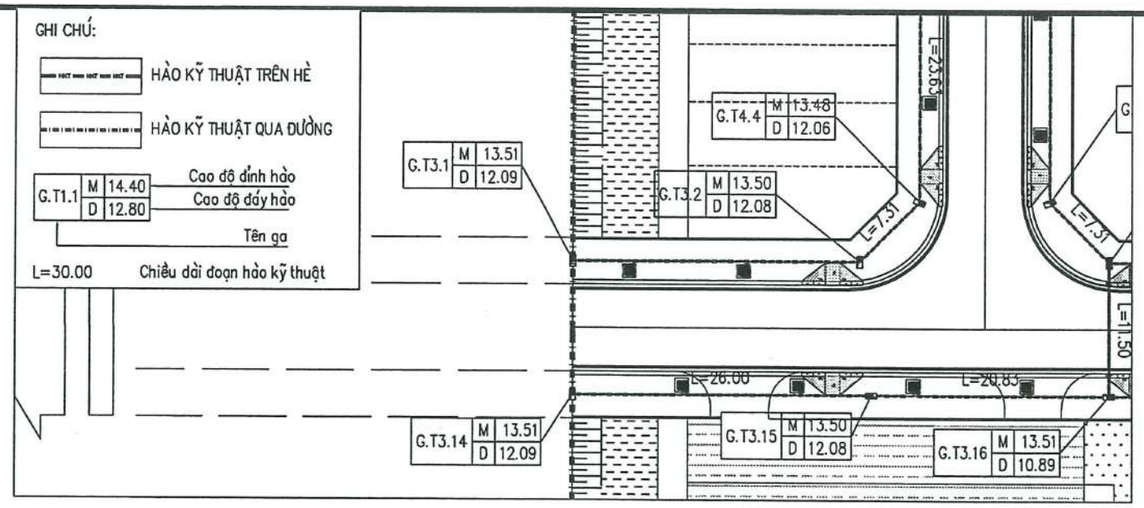
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

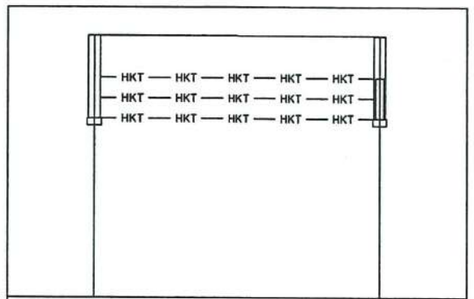
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào; Cao độ đáy hào

Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật





CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.51	13.50
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.09	12.08
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42	1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	24.98
ĐỘ DỐC (%)	0.04	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)		135
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L1	B700 L1
TÊN GA	G.T3.1	G.T3.2
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	12.09	12.08

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...681/BC-CT.....
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HKT.T3.1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

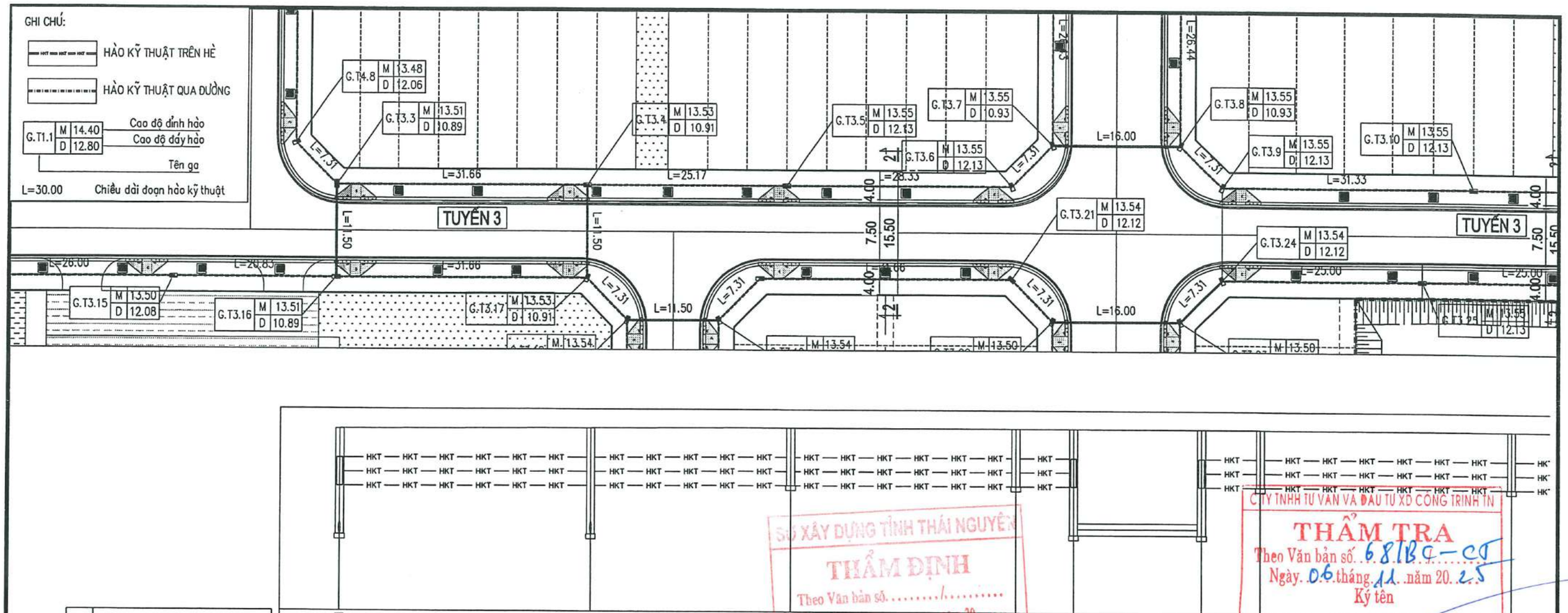
GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào / Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật



| | | |

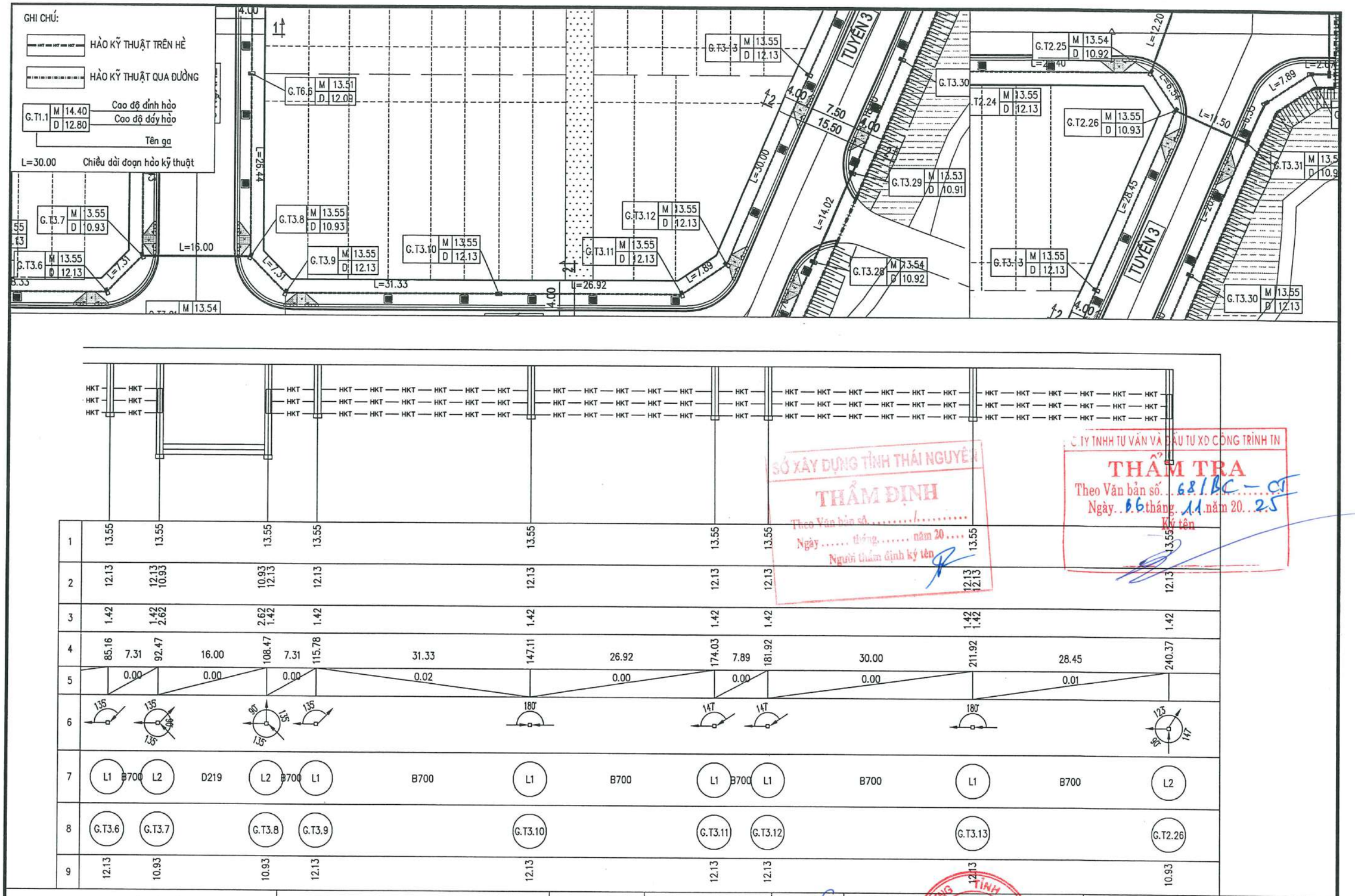
GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào; Cao độ đáy hào; Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật



| | | |

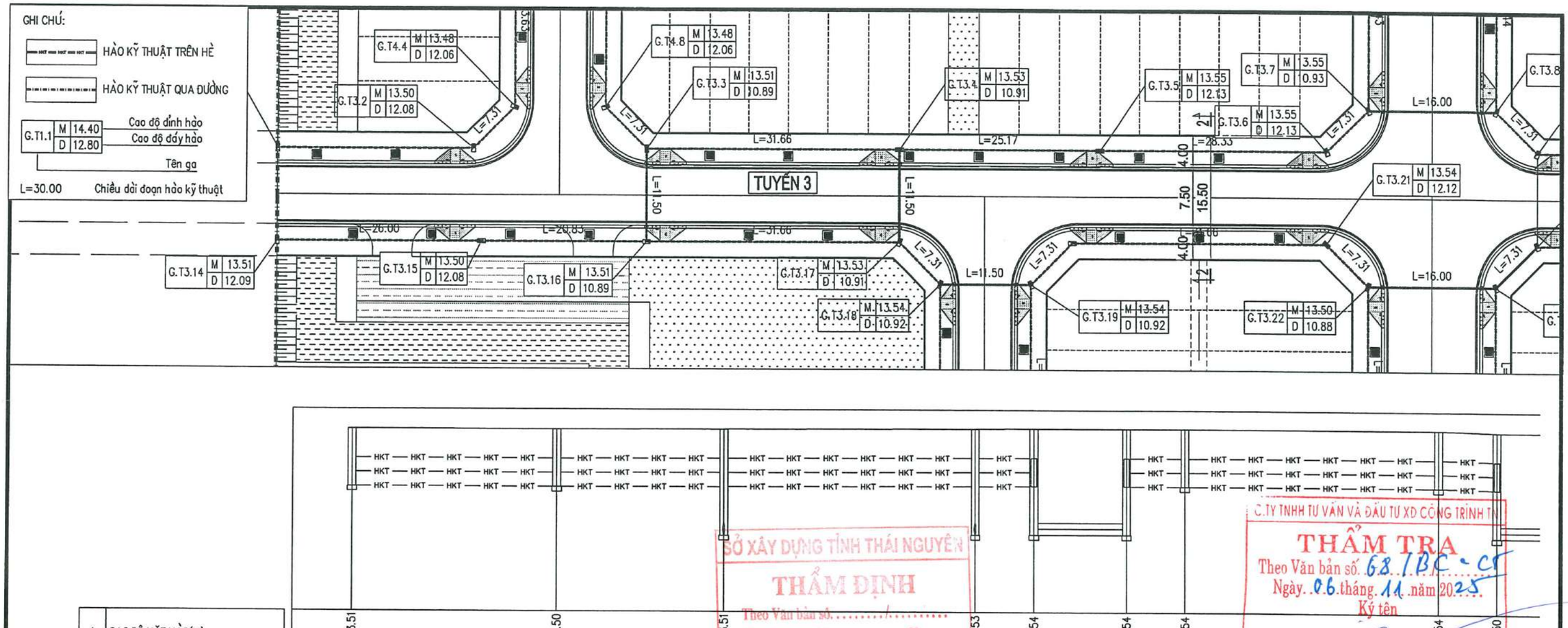
GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

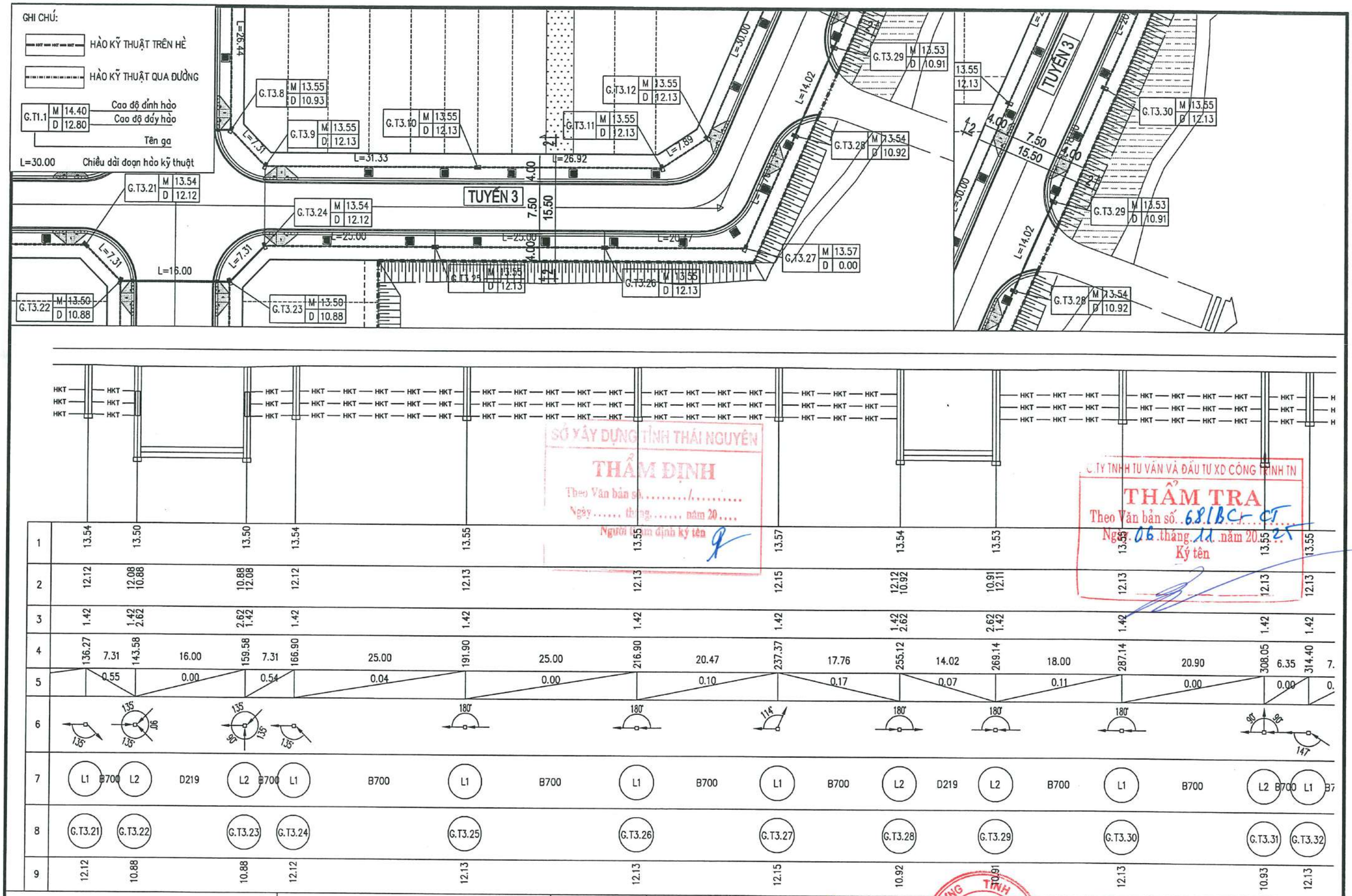
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào / Cao độ đáy hào / Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật



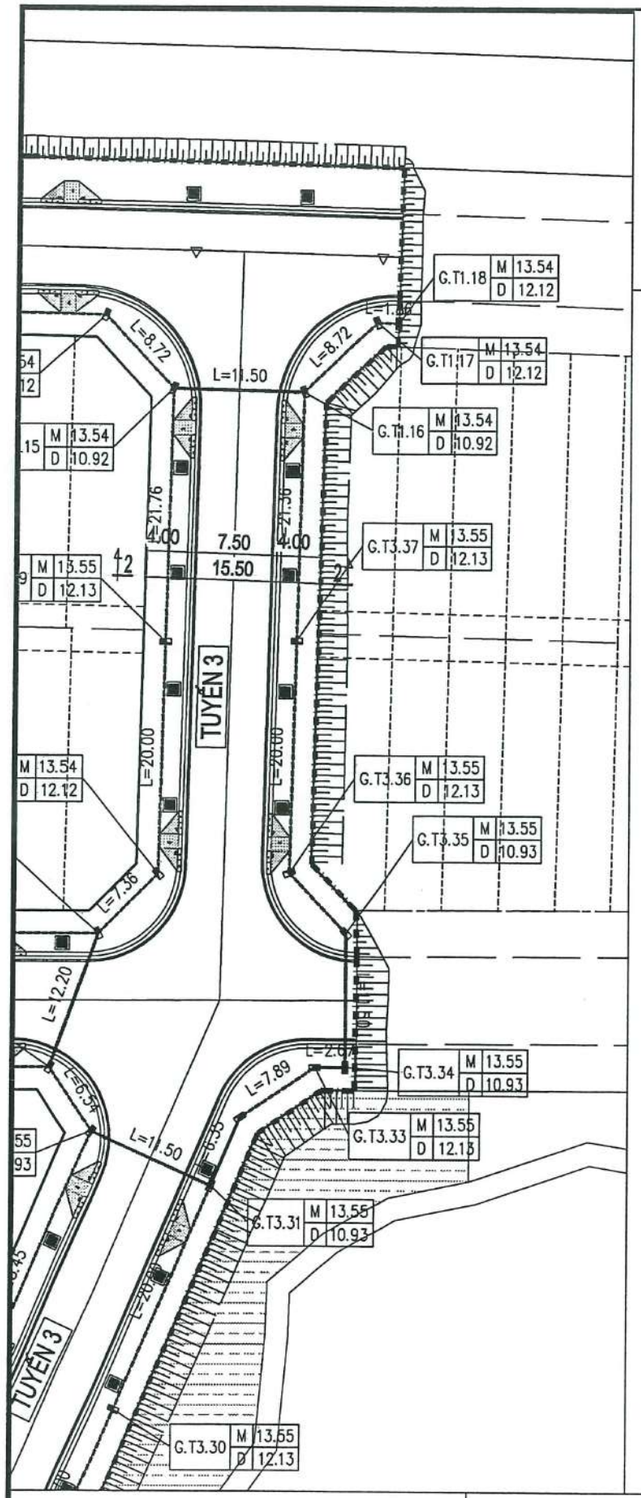
| | | |



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 681BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

| | | |



GHI CHÚ:

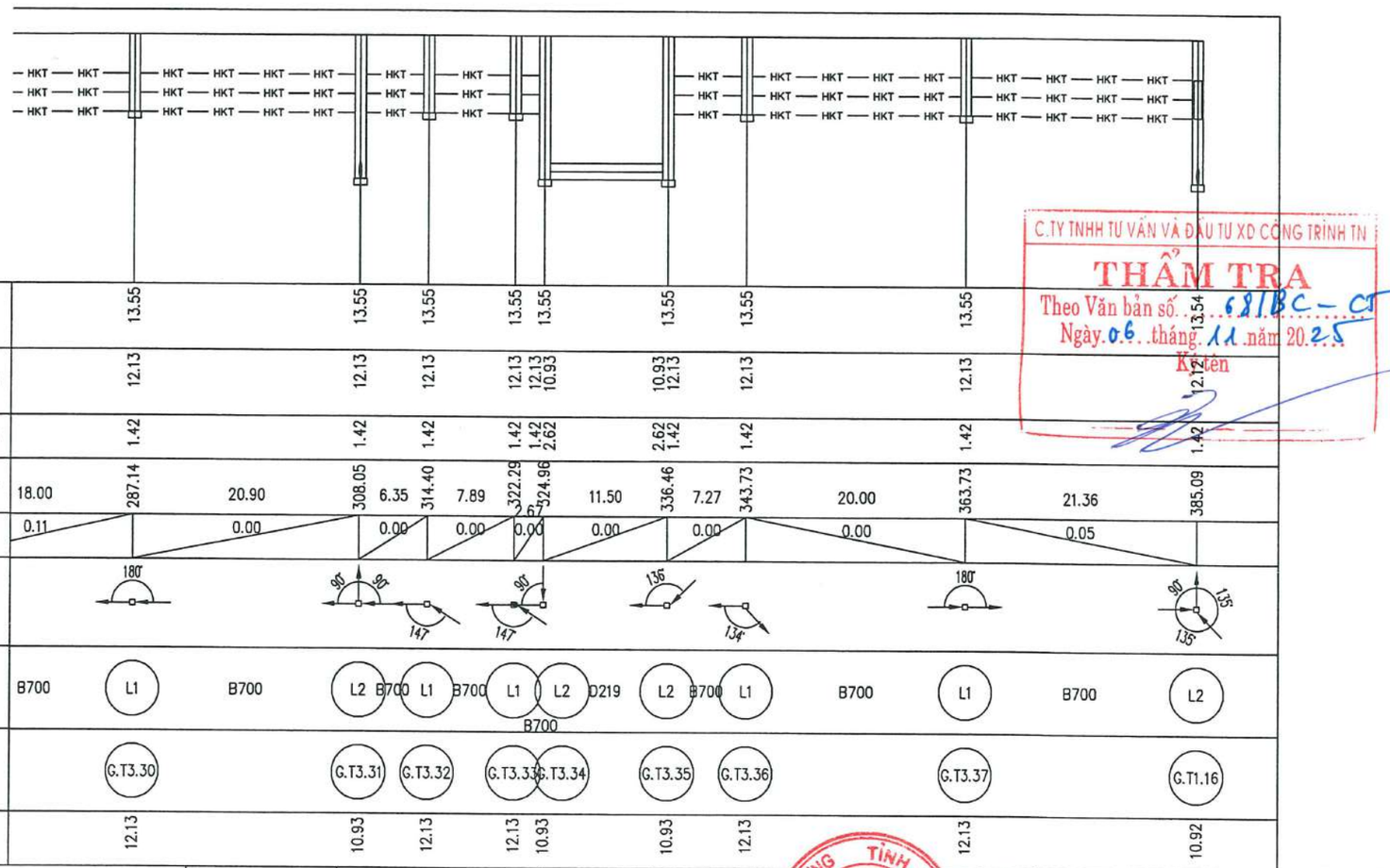
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

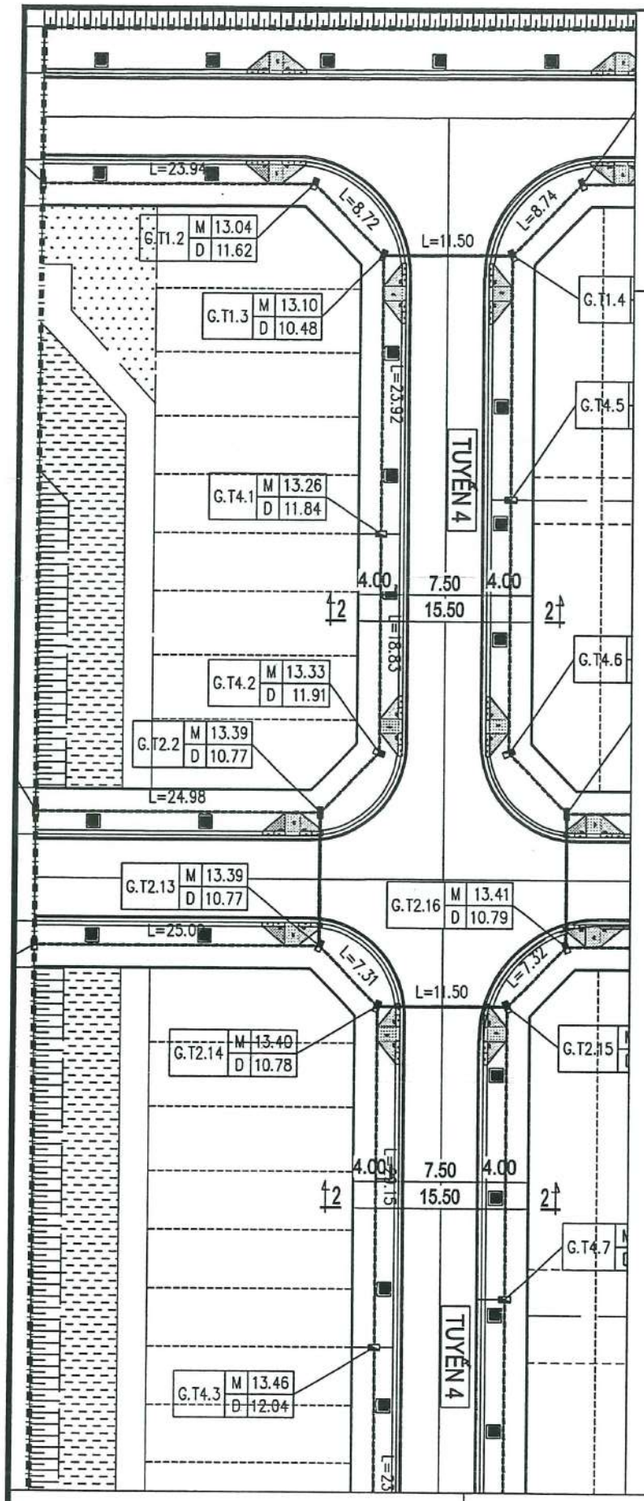


C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T3.3 (03/3)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 14
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

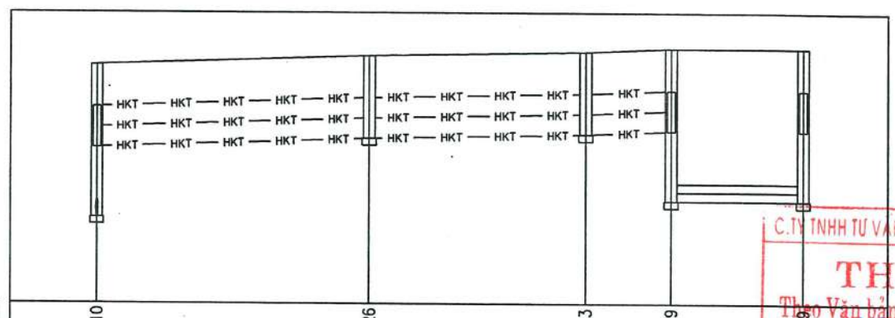
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên



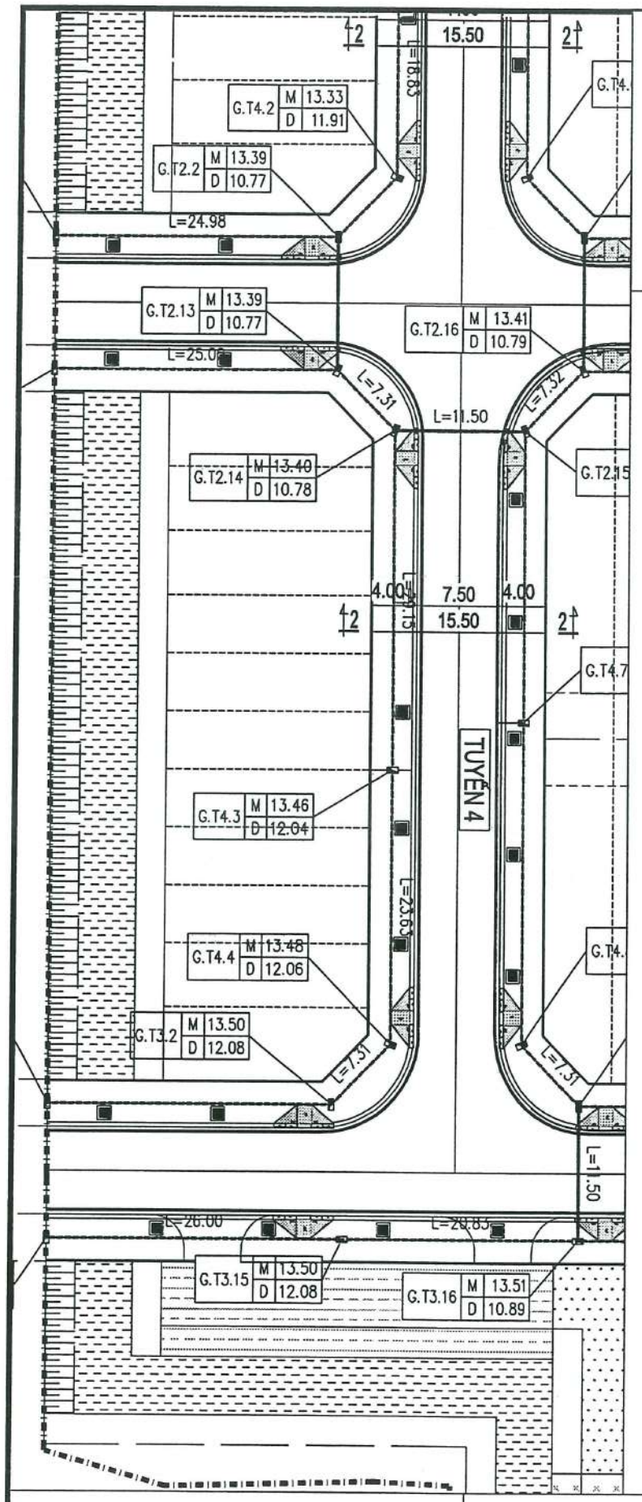
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681BC-CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.10		13.26		13.33	13.39		13.36	
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	11.68		11.84		11.91	11.97 / 10.77		10.77	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42	1.42 / 2.62		2.62	
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	23.92	23.92	18.83	42.75	7.34 / 50.08	11.49	61.57	
ĐỘ DỐC (%)		0.67		0.37		0.81	0.00		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 90 135		180		135	135 90 135		135 90 135	
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700 L2	D219	L2	
TÊN GA	G.T1.3		G.T4.1		G.T4.2	G.T2.2		G.T2.13	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.48		11.84		11.91	10.77		10.77	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T4.1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 15
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

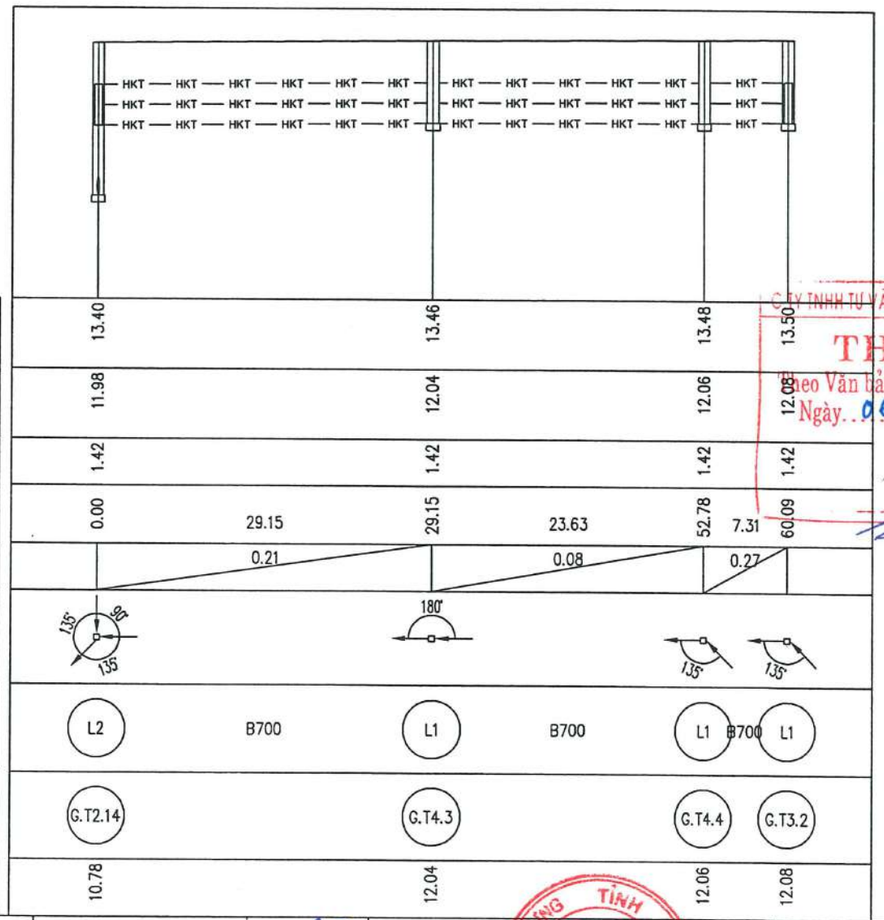
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20....

Người thẩm định ký tên



CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	
ĐỘ DỐC (%)	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	
TÊN GA	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số. 68.LBC-CT..

Ngày..06.tháng.11.năm 20..25

Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

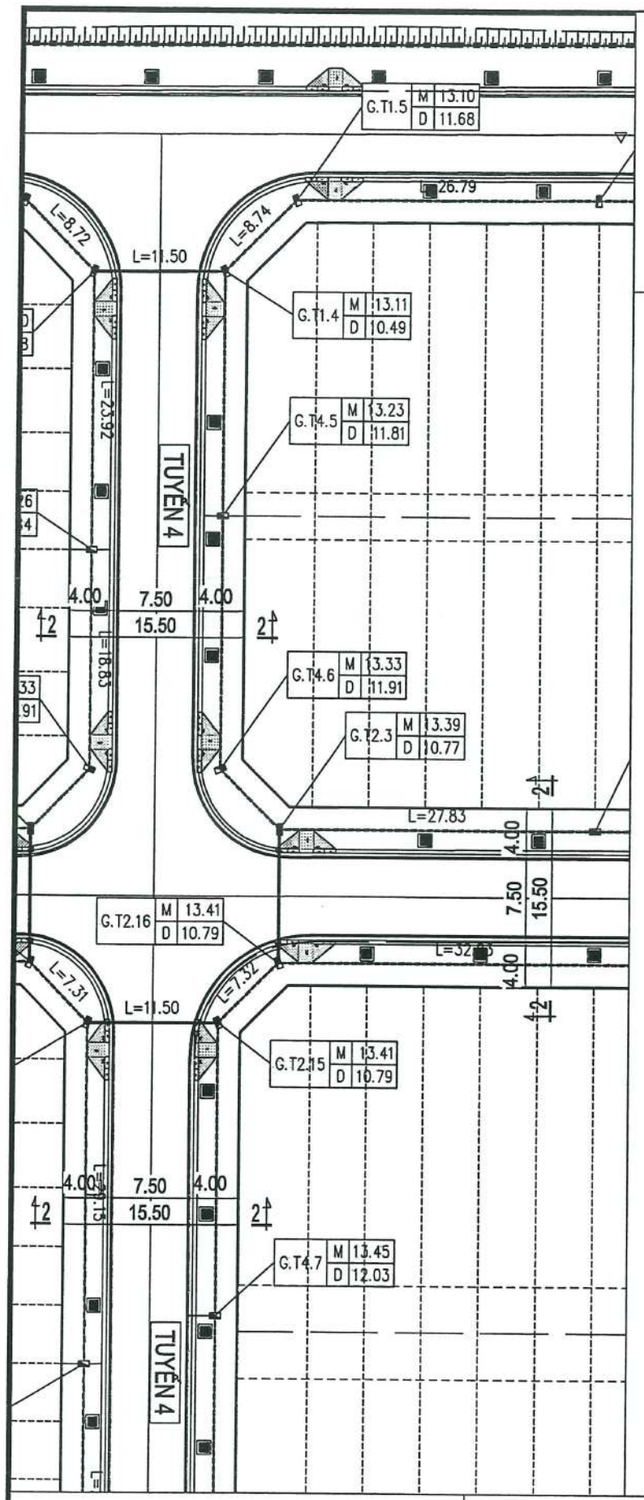
Thái Nguyên, ngày ...tháng ... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T4.2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 16
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

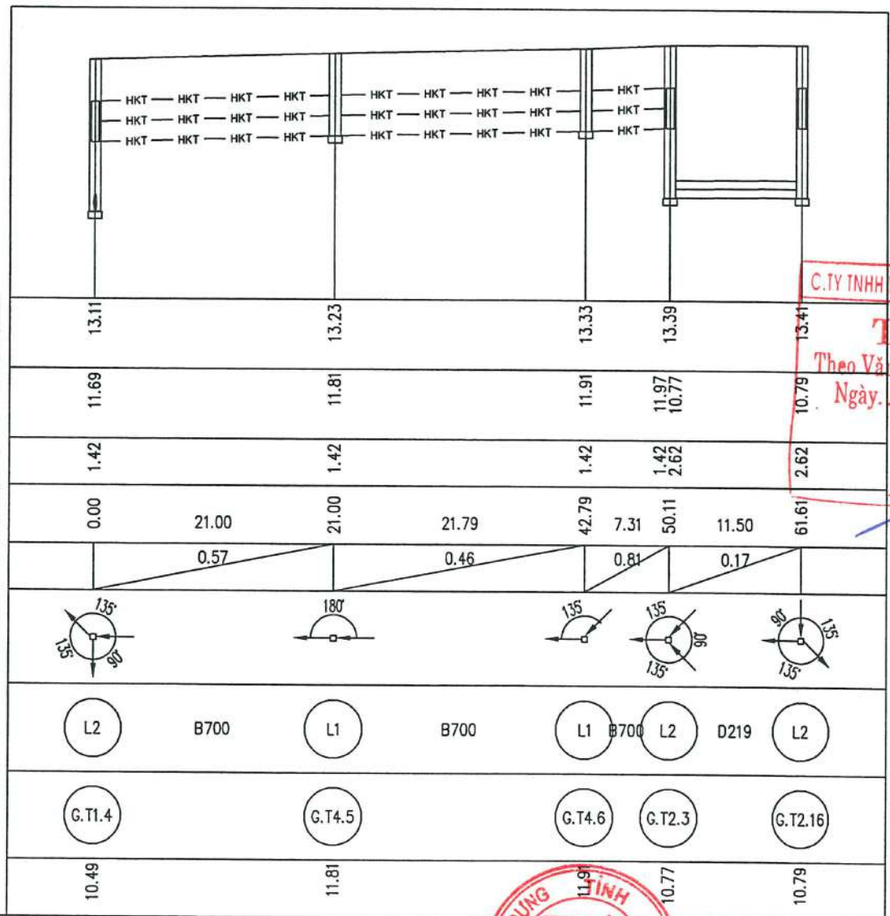
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

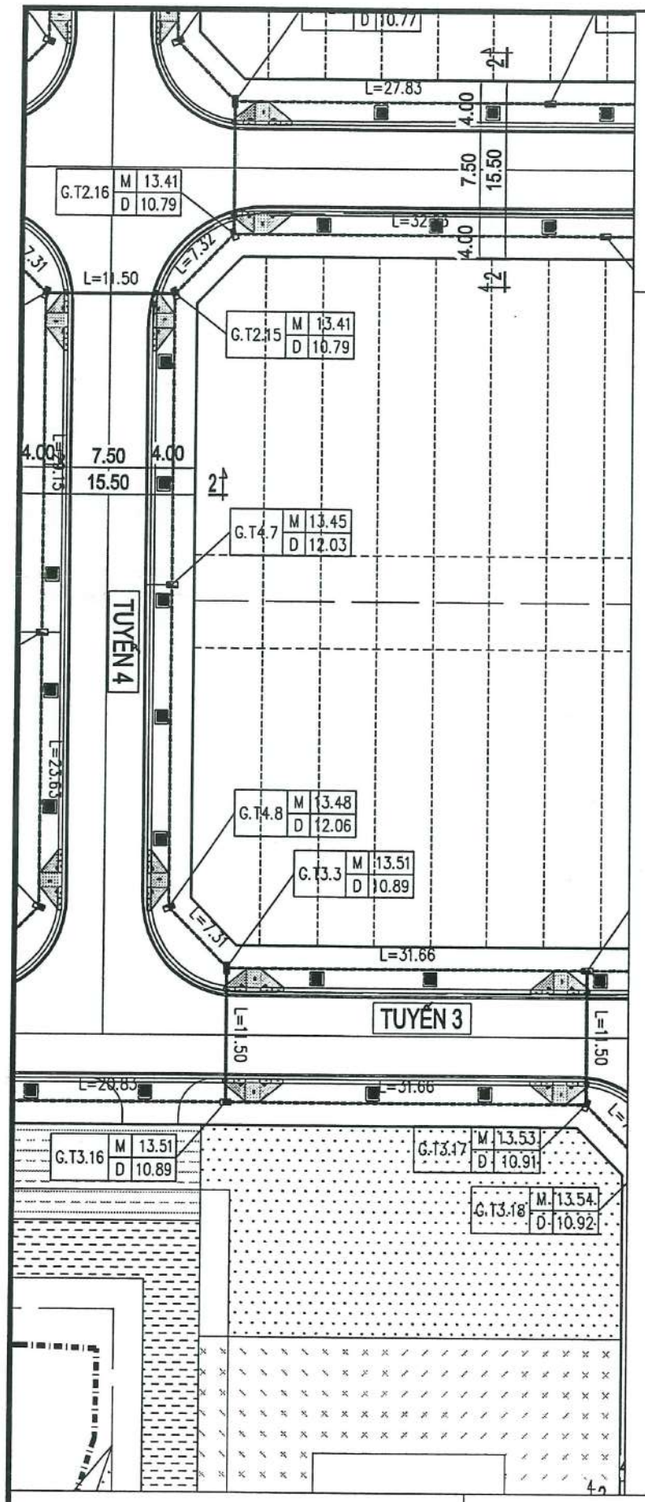
G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên



| | | |



GHI CHÚ:

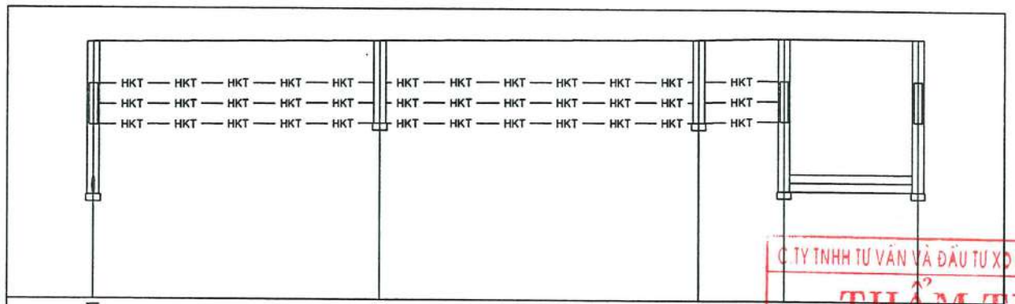
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

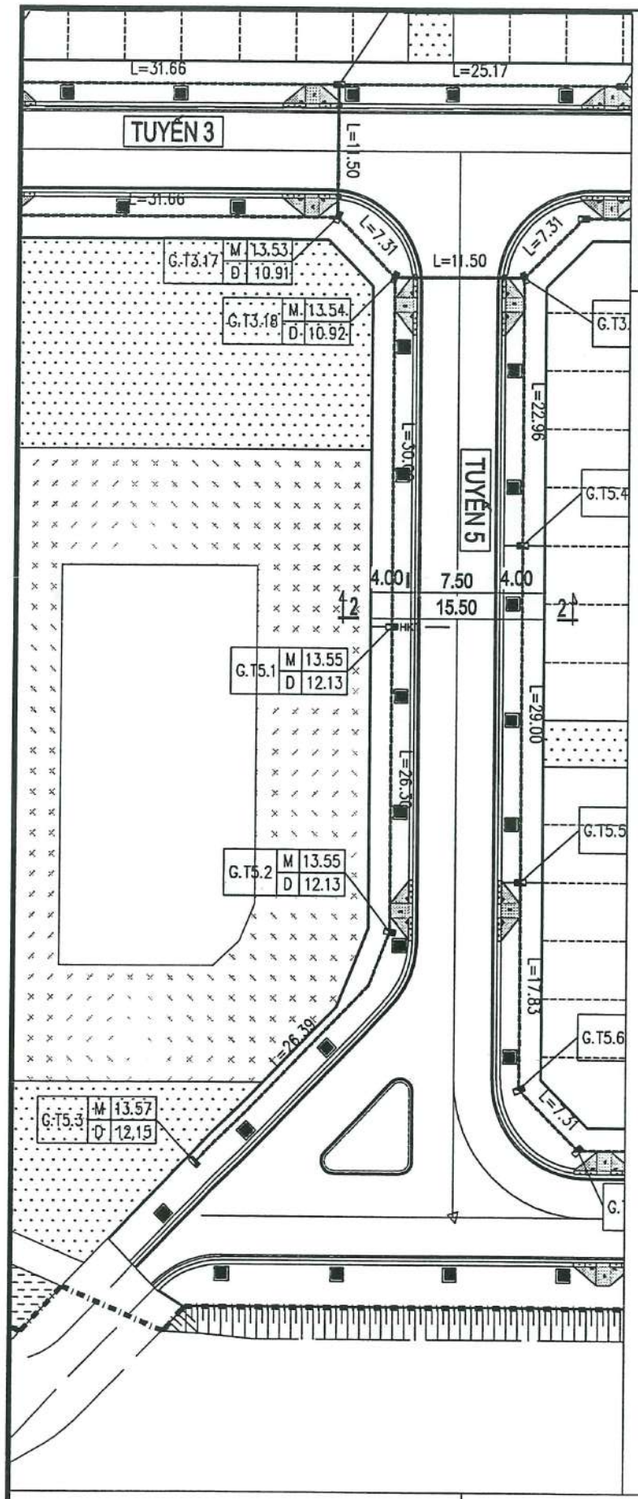
L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên



C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 6816/-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

| | | |



GHI CHÚ:

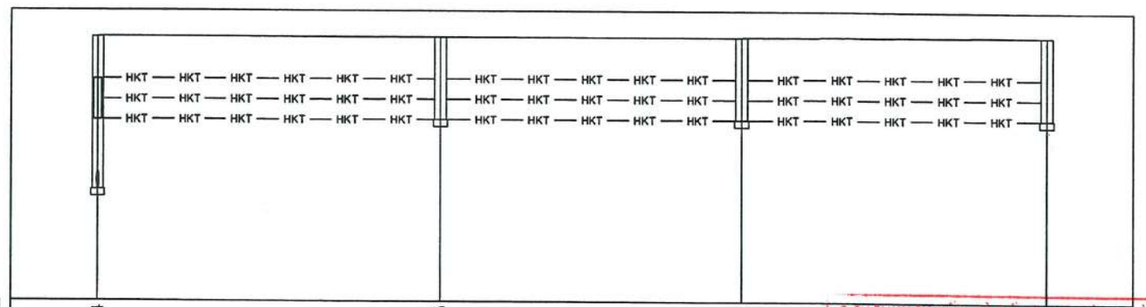
HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên



CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.54		13.55		13.55		13.57
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.12		12.13		12.13		12.15
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42		1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	30.00	30.00	26.30	56.30	26.39	82.69
ĐỘ DỐC (%)		0.03		0.00		0.08	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135° 90° 135°		180°		158°		
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700	L1
TÊN GA	G.T3.18		G.T5.1		G.T5.2		G.T5.3
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.92		12.13		12.13		12.15

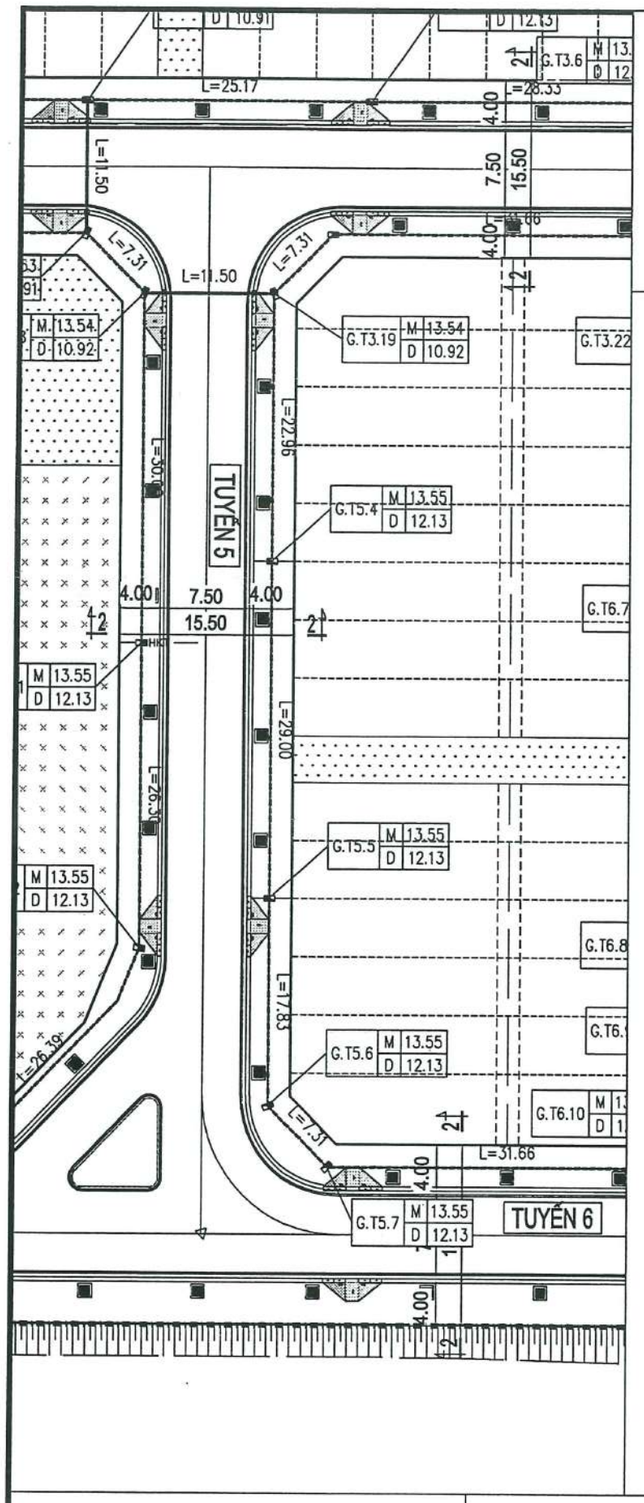
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68...../.BC-CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T5.1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 19
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

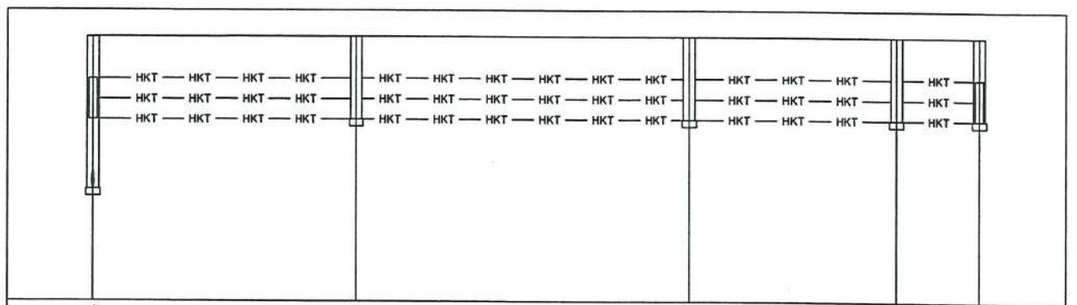
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 — Cao độ đỉnh hào | D 12.80 — Cao độ đáy hào — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số....68...../.BC-CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 2025
Ký tên



CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.54		13.55		13.55		13.55		13.55
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.12		12.13		12.13		12.13		12.13
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42		1.42		1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	22.96	22.96	29.00	51.96	17.83	69.80	7.31	77.11
ĐỘ DỐC (%)		0.04		0.00		0.00		0.00	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135° 135° 90°		180°		180°		135°	135°	
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700	L1	B700	L1
TÊN GA	G.T3.19		G.T5.4		G.T5.5		G.T5.6		G.T5.7
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.92		12.13		12.13		12.13		12.13

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

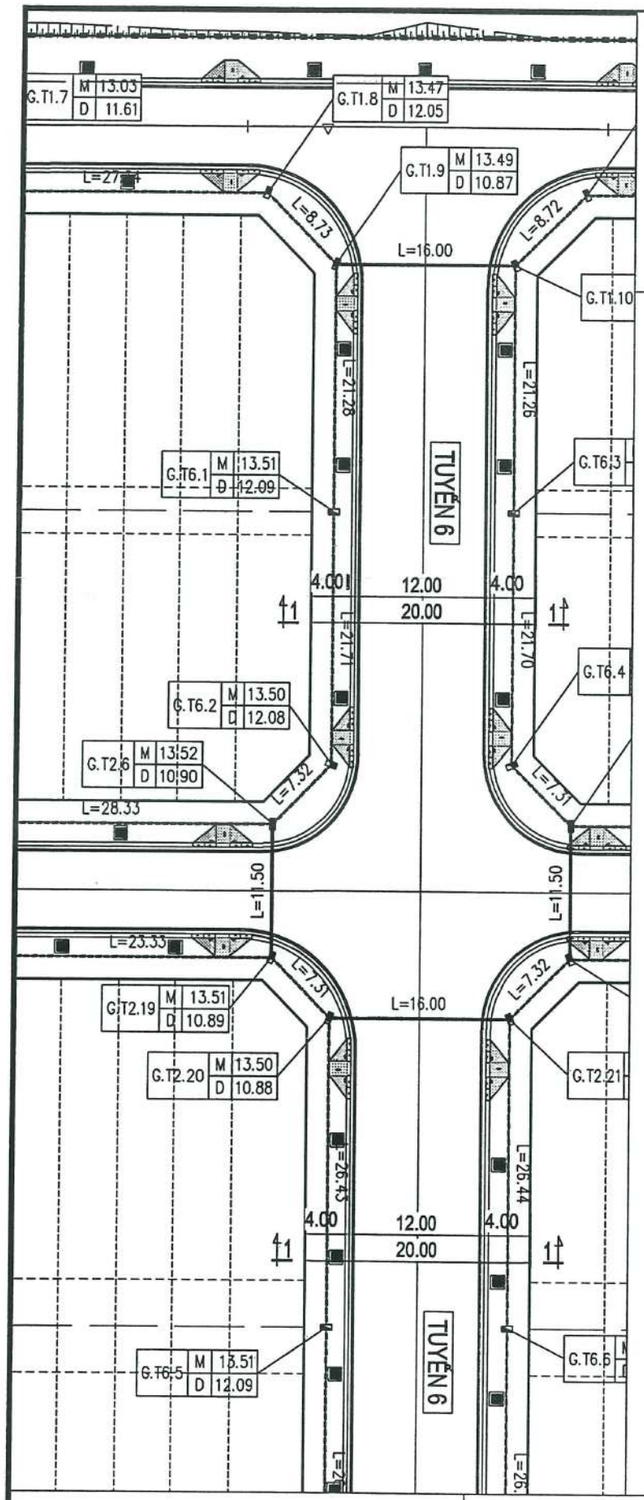
P. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T5.2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 20
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

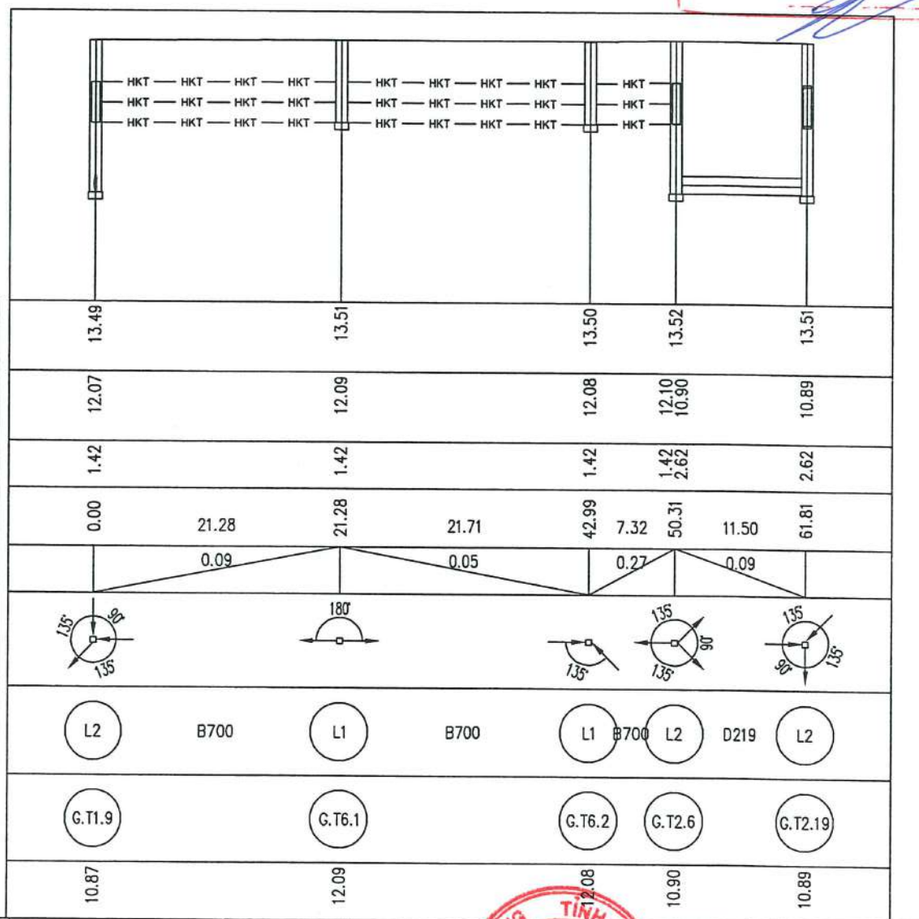
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 | D 12.80 — Cao độ đỉnh hào; Cao độ đáy hào; Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....68...../.BC-CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 2025.
Ký tên



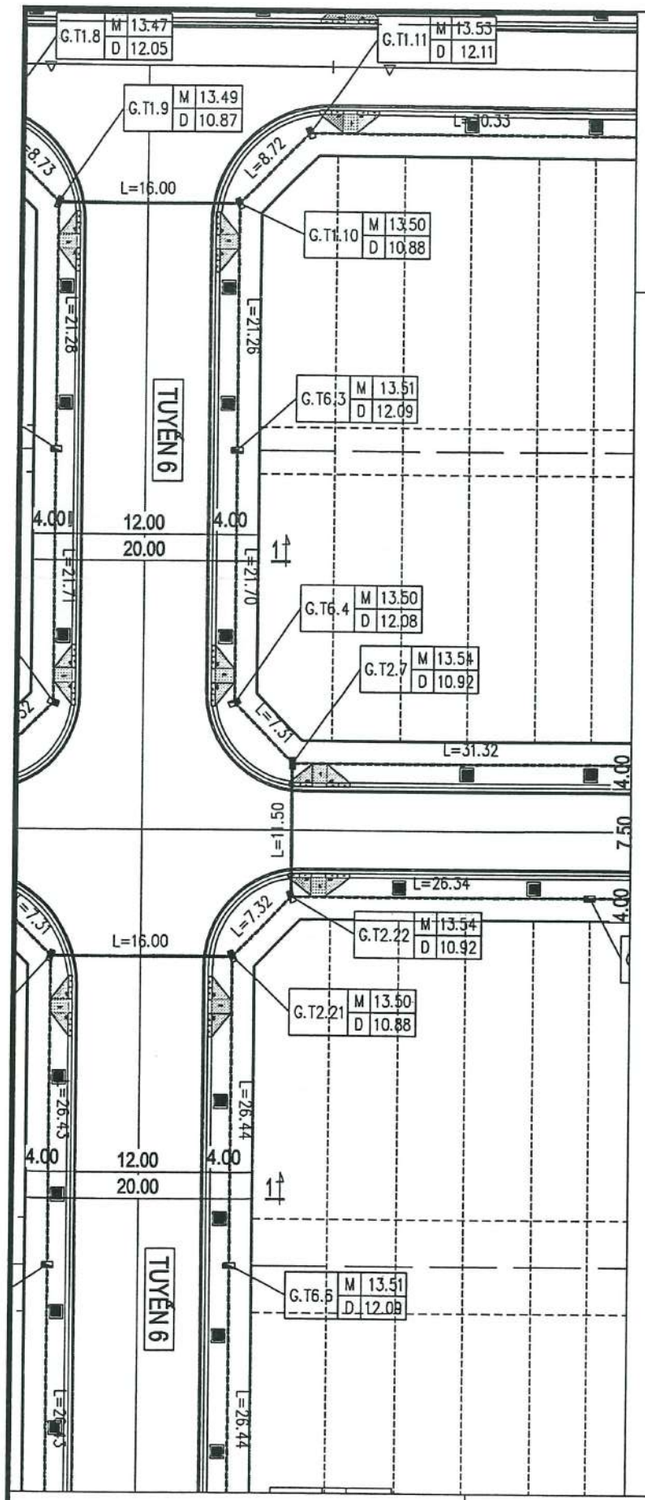
CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.49 — 13.51 — 13.50 — 13.52 — 13.51
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.07 — 12.09 — 12.08 — 12.10 / 10.90 — 10.89
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42 — 1.42 — 1.42 — 1.42 / 2.62 — 2.62
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00 — 21.28 — 21.28 — 21.71 — 42.99 — 7.32 — 50.31 — 11.50 — 61.81
ĐỘ DỐC (%)	0.09 — 0.05 — 0.27 — 0.09
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 / 90 / 135 — 180 — 135 — 135 / 90 / 135 — 135 / 90 / 135
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2 — B700 — L1 — B700 — L1 — B700 — L2 — D219 — L2
TÊN GA	G.T1.9 — G.T6.1 — G.T6.2 — G.T2.6 — G.T2.19
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.87 — 12.09 — 12.08 — 10.90 — 10.89

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T6.1

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 21
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HKT — HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

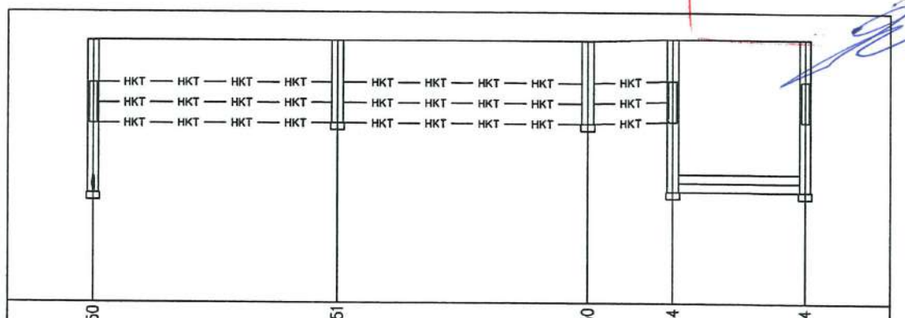
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....68...../.BC-CT..
Ngày..06..tháng..11..năm 2025
Ký tên



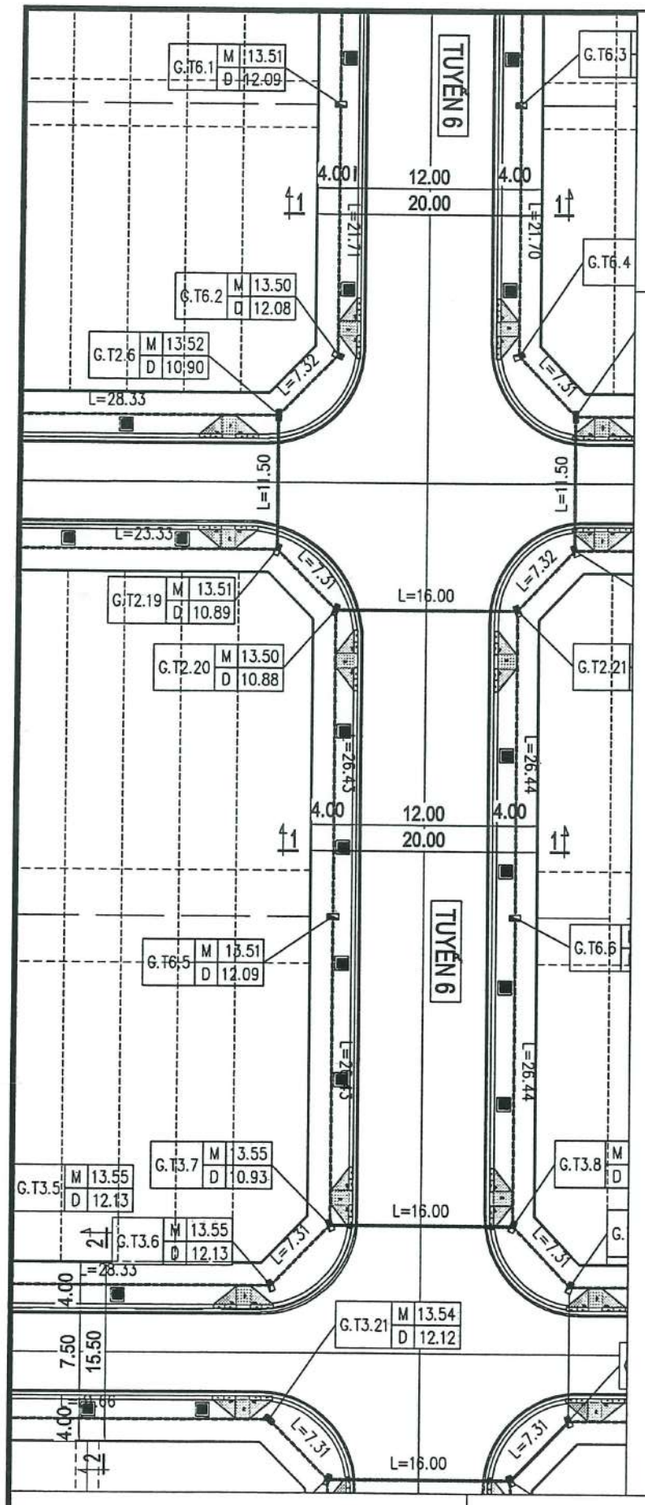
CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.50		13.51		13.50	13.54		13.54	
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.08		12.09		12.08	12.12 / 10.92		10.92	
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42	1.42 / 2.62		2.62	
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	21.26	21.26	21.70	42.95	7.31 / 50.27	11.50	61.77	
ĐỘ DỐC (%)		0.05		0.05		0.55	0.00		
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 / 135 / 90		180		135	135 / 135 / 90		90 / 135 / 135	
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700 L2	D219	L2	
TÊN GA	G.T1.10		G.T6.3		G.T6.4	G.T2.7		G.T2.22	
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.88		12.09		12.08	10.92		10.92	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT TUYẾN HKT.T6.2

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 22
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

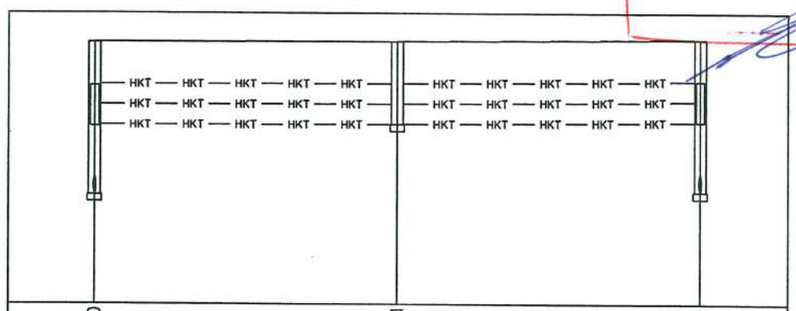
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 M 14.40 — Cao độ đỉnh hào
D 12.80 — Cao độ đáy hào
Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số....68...../.BC-.CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên

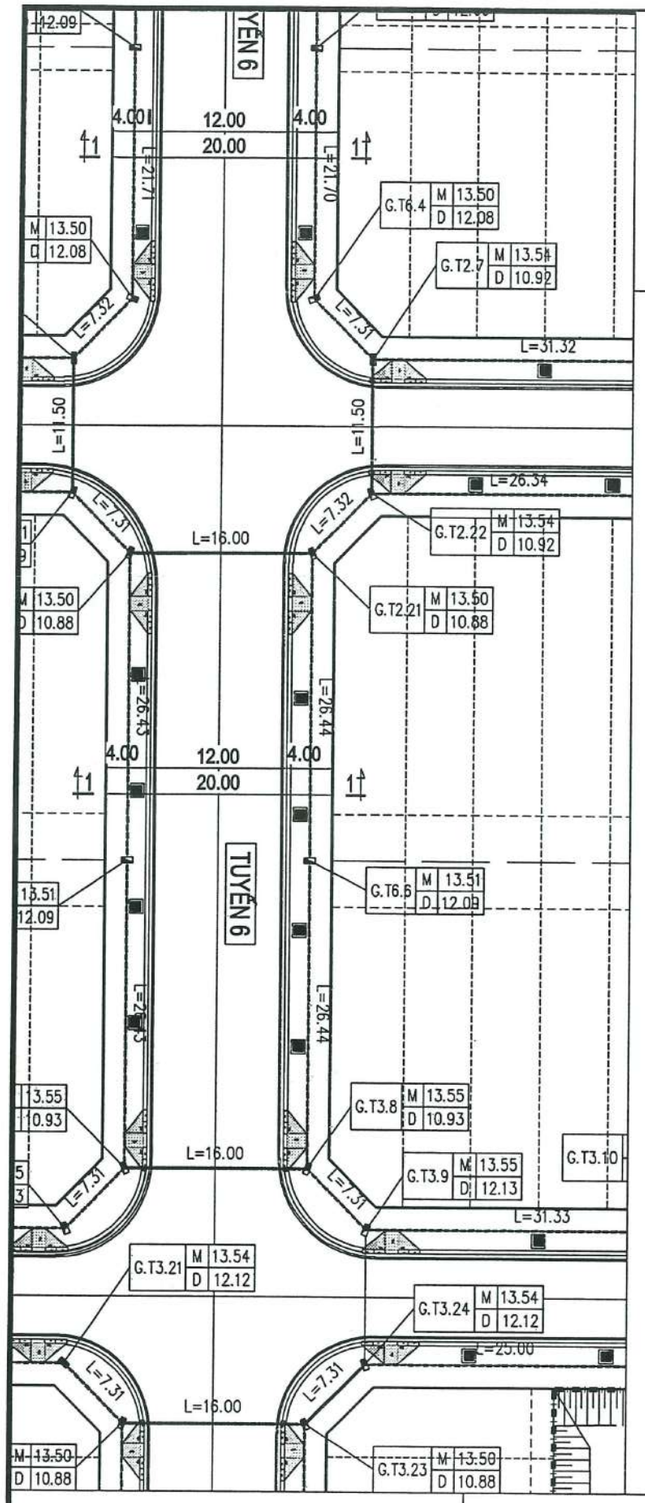


CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.50		13.51		13.55
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.08		12.09		12.13
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	26.43	26.43	26.43	52.87
ĐỘ DỐC (%)		0.04		0.15	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 / 90 / 135		180		90 / 135 / 135
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L2
TÊN GA	G.T2.20		G.T6.5		G.T3.7
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.88		12.09		10.93

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T6.3

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 23
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

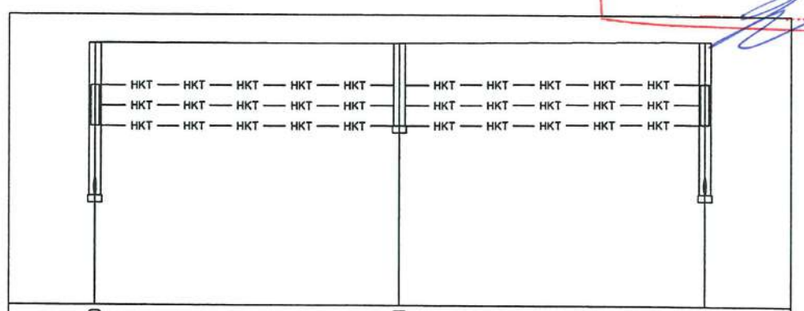
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số....68..../.BC-CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên



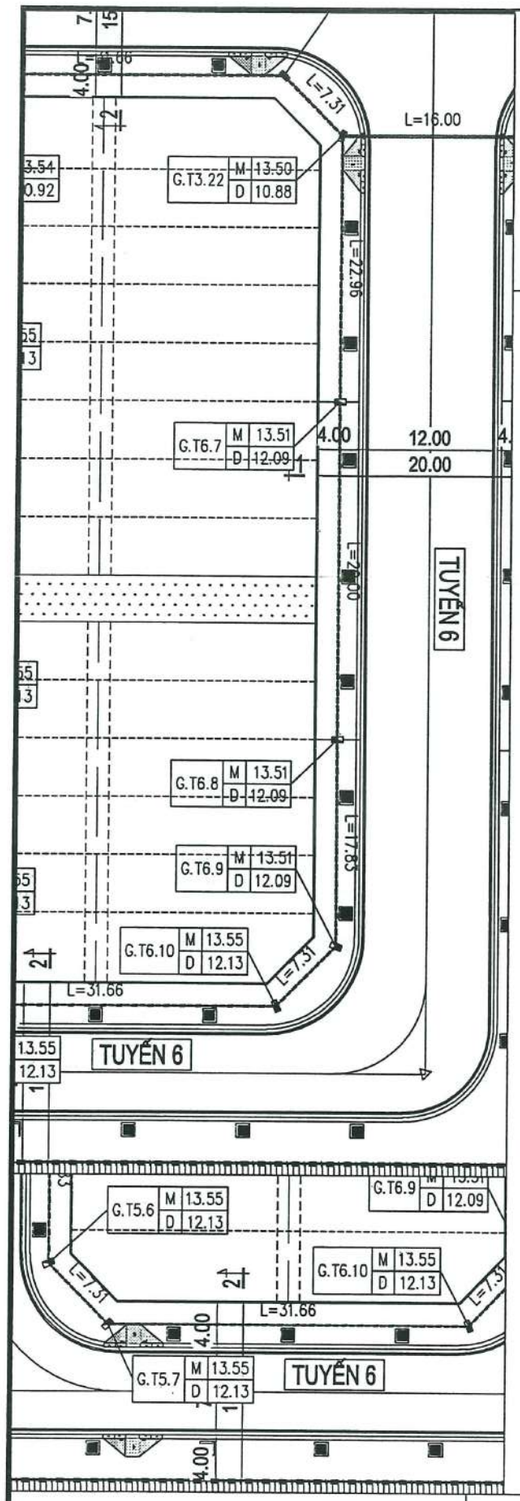
CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.50	13.51	13.55
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.08	12.09	12.13
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42	1.42	1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	26.44	26.44	26.44	52.88
ĐỘ DỐC (%)		0.04		0.15	
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135° 135° 90°		180°		135° 135° 90°
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L2
TÊN GA	G.T2.21		G.T6.6		G.T3.8
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.88		12.09		10.93

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ... tháng .... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T6.4

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 24
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

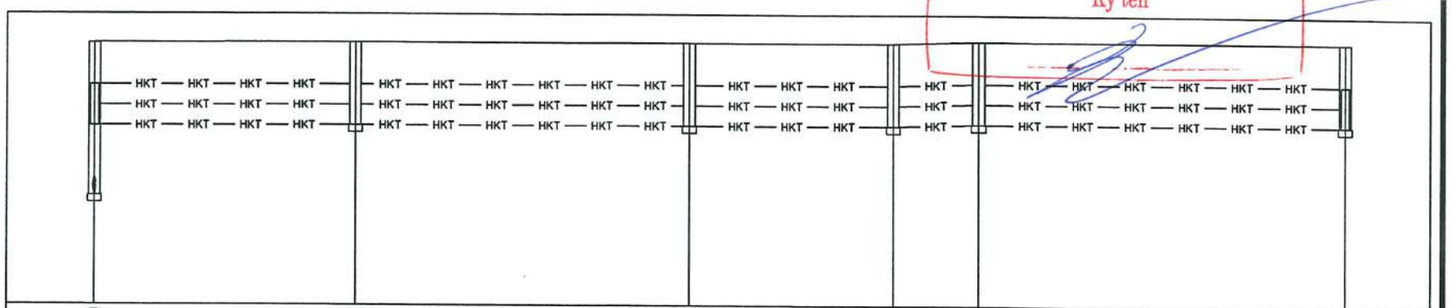
HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) | Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số....62..../.BC-QT
Ngày..06..tháng..11..năm 20.25.
Ký tên



CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.50		13.51		13.51		13.51	13.55					13.55
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.08		12.09		12.09		12.09	12.13					12.13
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42		1.42	1.42					1.42
KHOẢNG CÁCH LỀ/CỘNG DỒN(M)	0.00	22.96	22.96	29.00	51.96	17.83	69.80	7.31	77.11	31.66			108.77
ĐỘ DỐC (%)		0.04		0.00		0.00		0.54		0.00			
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135° 90° 135°		180°		180°		135°	135°					135°
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700	L1	B700	L1	B700			L1
TÊN GA	G.T3.22		G.T6.7		G.T6.8		G.T6.9	G.T6.10					G.T5.7
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.88		12.09		12.09		12.09	12.13					12.13

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

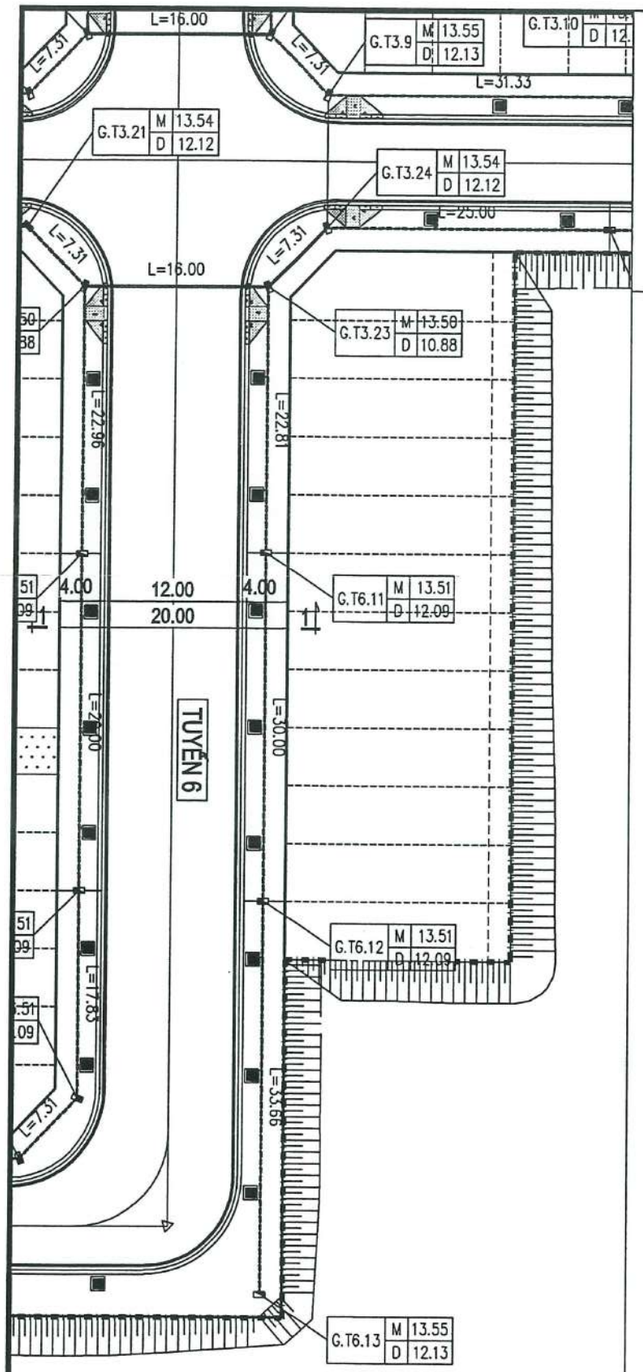
Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T6.5

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 25
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



GHI CHÚ:

HKT — HÀO KỸ THUẬT TRÊN HÈ

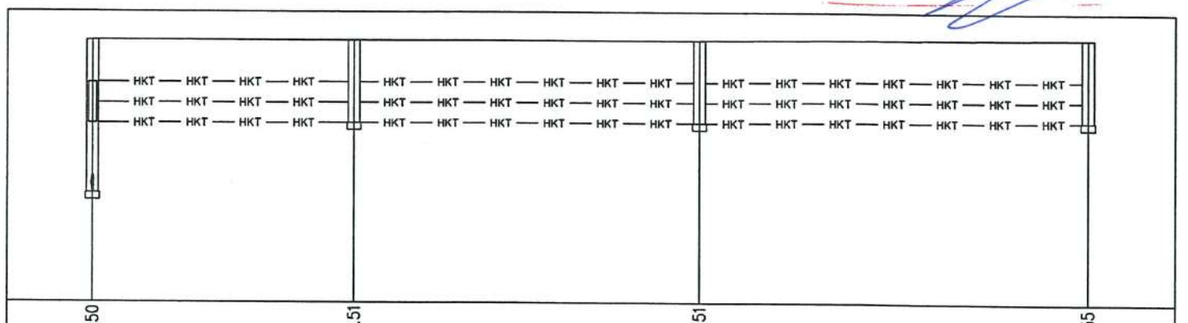
HKT — HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG

G.T1.1 | M 14.40 (Cao độ đỉnh hào) | D 12.80 (Cao độ đáy hào) — Tên ga

L=30.00 Chiều dài đoạn hào kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số....68..../.BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25.
Ký tên



CAO ĐỘ MẶT HÀO(M)	13.50		13.51		13.51	13.55
CAO ĐỘ ĐÁY HÀO(M)	12.08		12.09		12.09	12.13
ĐỘ SÂU ĐẾN ĐÁY HÀO(M)	1.42		1.42		1.42	1.42
KHOẢNG CÁCH LẺ/CỘNG DỒN(M)	0.00	22.81	22.81	30.00	52.81	33.66 86.47
ĐỘ DỐC (%)		0.04		0.00		0.12
GÓC NGOẶT(ĐỘ)	135 135 90		180		180	
LOẠI HỐ GA/BỀ RỘNG LÒNG HÀO	L2	B700	L1	B700	L1	B700 L1
TÊN GA	G.T3.23		G.T6.11		G.T6.12	G.T6.13
CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA (M)	10.88		12.09		12.09	12.13

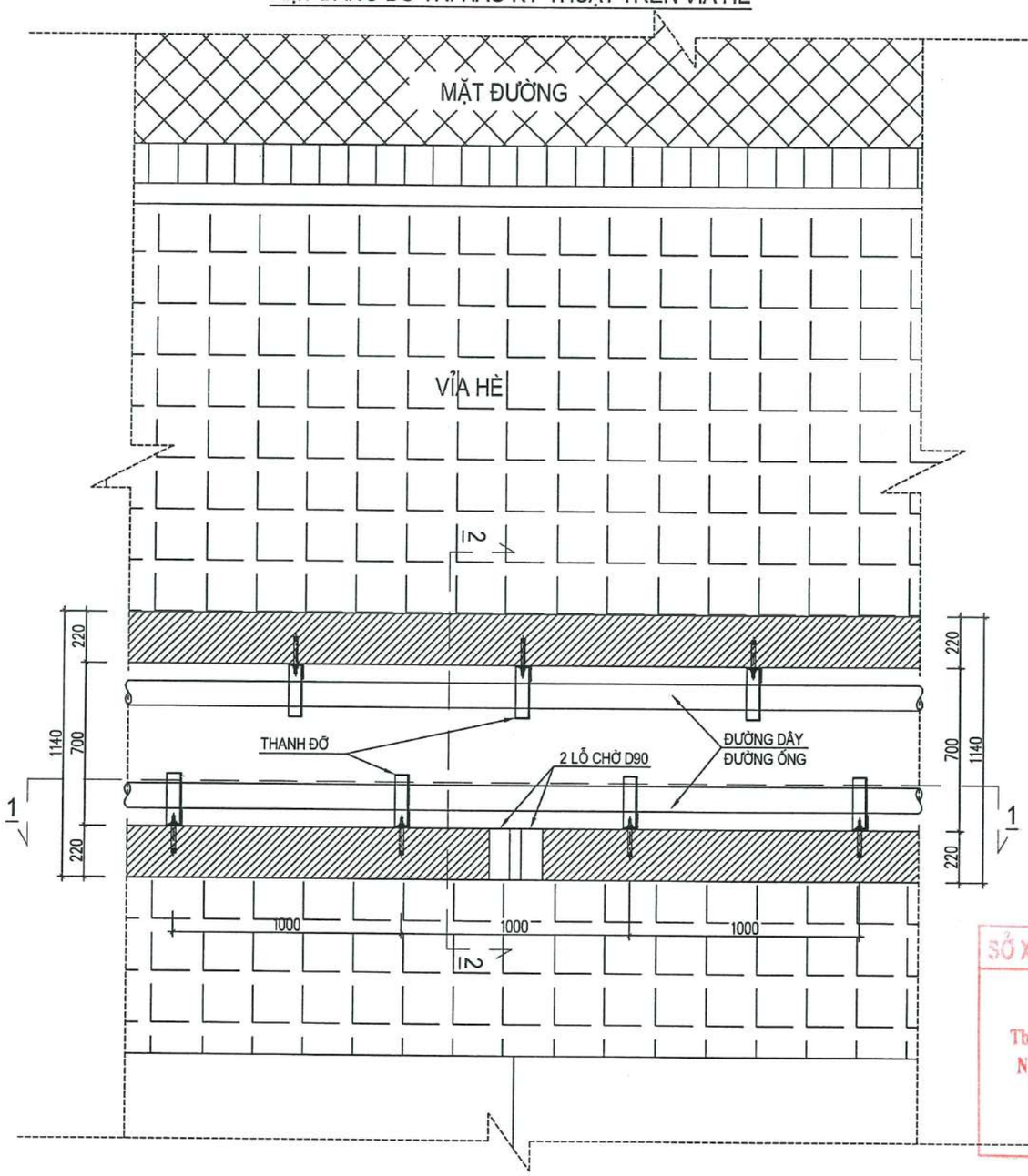
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

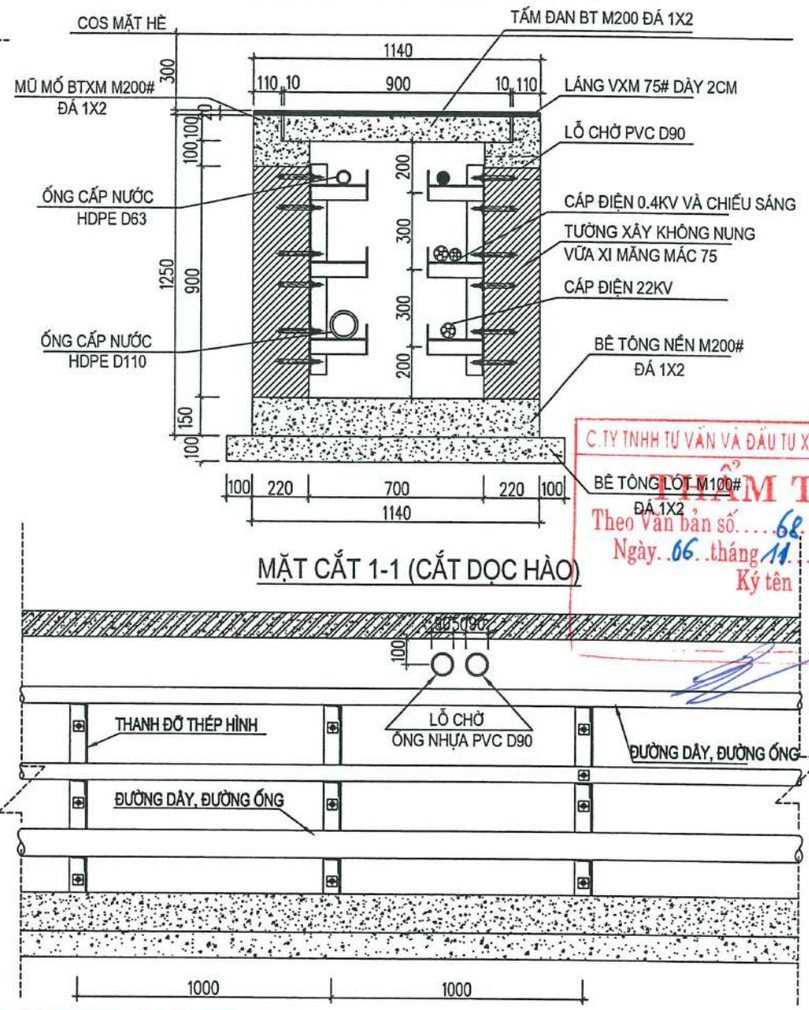
TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC HÀO KỸ THUẬT
TUYẾN HKT.T6.6

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	BẢN VẼ SỐ: TD-HKT: 26
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

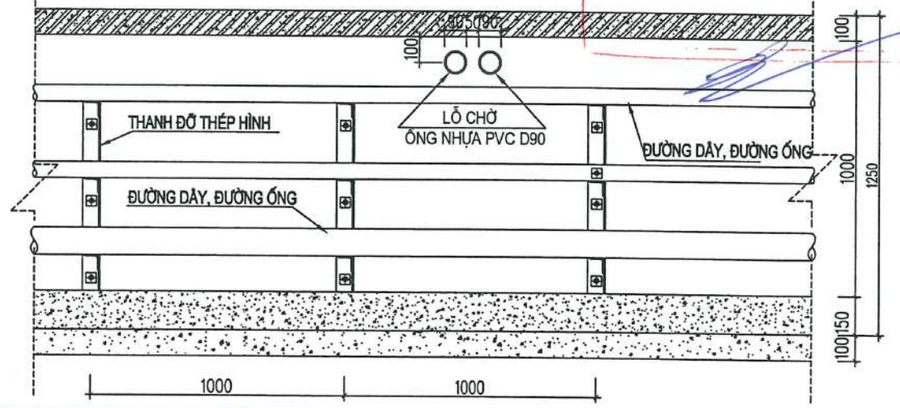
MẶT BẰNG BỐ TRÍ HÀO KỸ THUẬT TRÊN VỈA HÈ



MẶT CẮT 2-2(CẮT NGANG HÀO)



MẶT CẮT 1-1 (CẮT DỌC HÀO)



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

KIỂM TRA
Theo Văn bản số..... 62...../ BC-TT
Ngày..06..tháng 11..năm 2025
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng.....năm 20....
Người thẩm định ký tên

GHI CHÚ:

- TRÊN MẶT BẰNG BỐ TRÍ HÀO, TẠI VỊ TRÍ GIỮA 2 LÔ ĐẤT (30M / 1 VỊ TRÍ) CÓ BỐ TRÍ 2 LỖ CHỜ SẴN ĐỂ ĐI ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG VÀO TỪNG HỘ. LỖ CHỜ DÙNG ỐNG NHỰA PVC D90, L=250MM CÁCH NHAU 50MM NHƯ HÌNH VẼ THỂ HIỆN
- LÁNG VỮA XM M75#, DÀY 20MM TOÀN BỘ MẶT TRÊN HKT.
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ MM.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

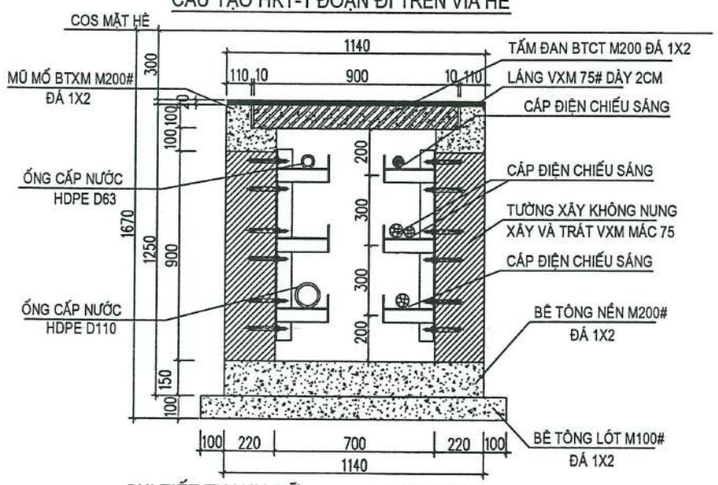
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT HÀO KỸ THUẬT (01/3)

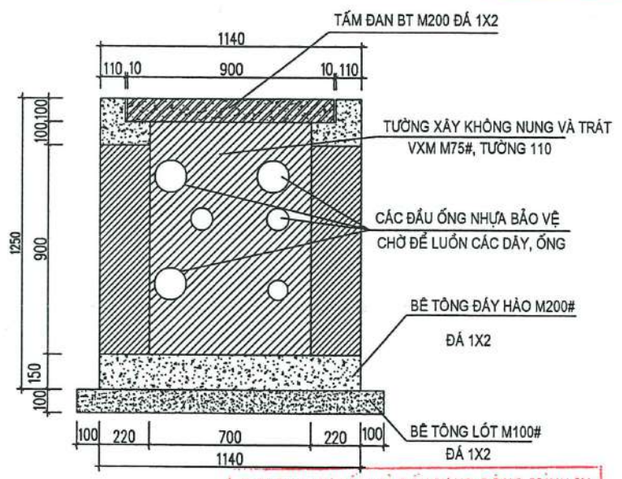
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25	BẢN VẼ SỐ: CT_HKT: 01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CẤU TẠO HKT-1 ĐOẠN ĐI TRÊN VỈA HÈ

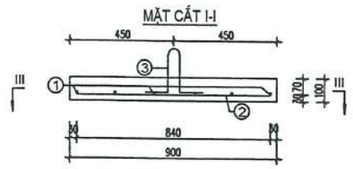


CẤU TẠO VỊ TRÍ XÂY BỊT HKT -1

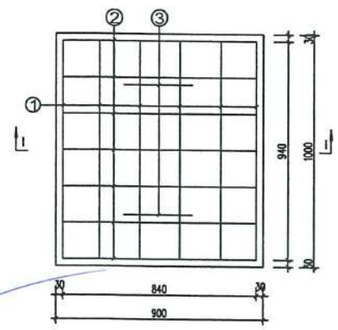


TẤM ĐAN ĐẬY HKT

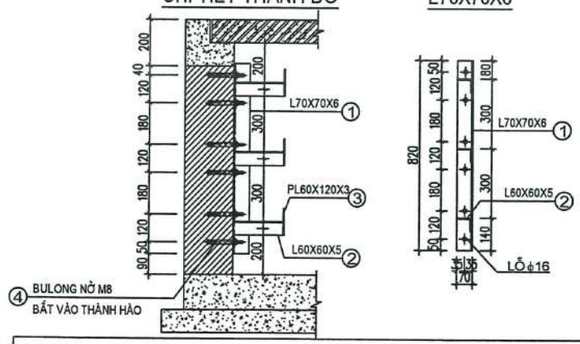
KT 100X90X10CM



MẶT CẮT III-III



CHI TIẾT THANH ĐỠ



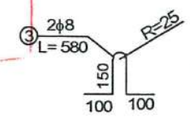
L60X60X5

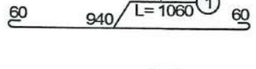


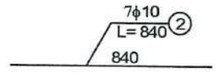
THÉP BẢN PL60X120X3



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....68...../.BC-.CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên







BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
TĐ1 Số lượng: 1	1	60 940 60	8	1060	6	6	6.36	2.51
	2	840	10	840	7	7	5.88	3.63
	3	25 150 100 / 150 100	8	580	2	2	1.16	0.46

- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 2.97 kg; Chiều dài = 7.52 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 3.63 kg; Chiều dài = 5.88 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
HKT - 1 Số lượng: 1m	1	LDC 70x6 Thép góc		820	2	2	1.64	10.48
	2	LDC 60x5 Thép góc		220	6	6	1.32	6.03
	3	PL60x120x3 Thép bản			6	6		1.02
	4	bulong nở M8			12	12		

GHI CHÚ:
- BÊ TÔNG MÁC 200, RN=85KG/CM2
- BÊ TÔNG LÓT MÓNG MÁC 100
- CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ A=3CM
- CÁC THANH ĐỠ ĐƯỢC SƠN CHỐNG RỈ 2 LỚP
- THÉP Ø<10 DÙNG THÉP AI, Ra=2250KG/CM2
- THÉP Ø>=10 DÙNG THÉP AII, Ra=2800KG/CM2
- XÂY THÀNH HÀO GẠCH KHÔNG NUNG MÁC 75
- TRÁT BÊN TRONG THÀNH HÀO VXM MÁC 75
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ MM.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

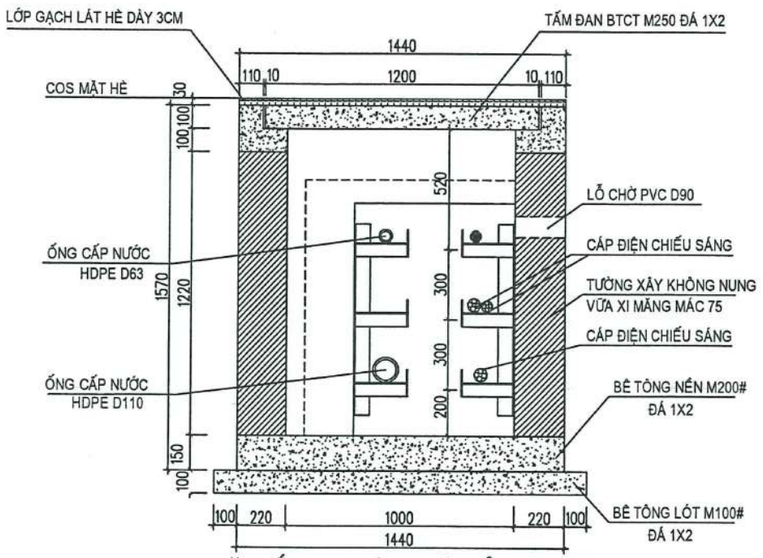
CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

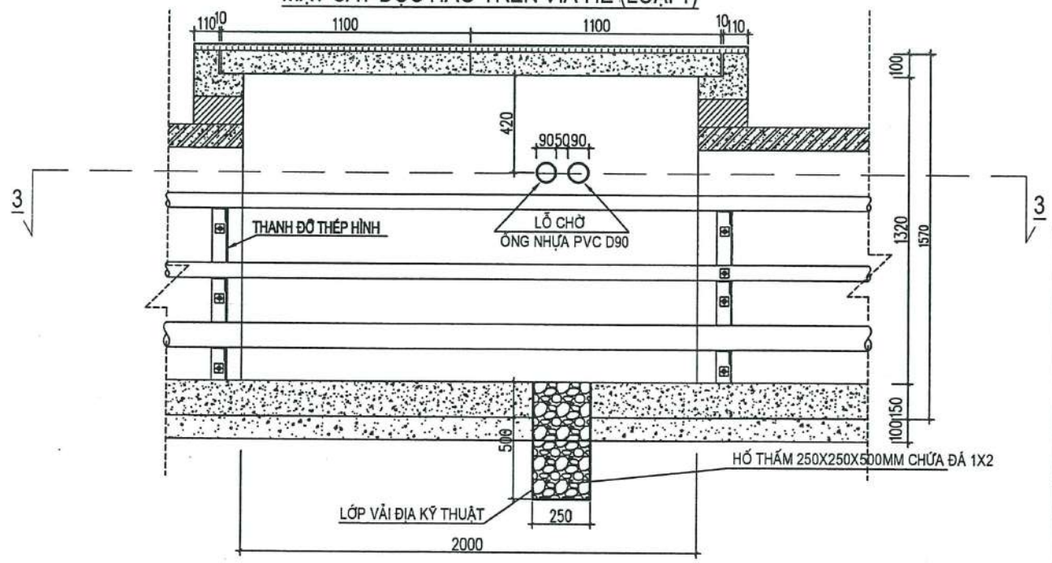
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT HÀO KỸ THUẬT (02/3)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25	BẢN VẼ SỐ: CT_HKT: 02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT NGANG HỐ GA HÀO KỸ THUẬT TRÊN VỈA HÈ (LOẠI 1)

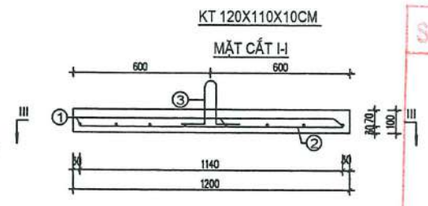


MẶT CẮT DỌC HÀO TRÊN VỈA HÈ (LOẠI 1)



TẤM ĐAN GA HKT

KT 120X110X10CM



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số....69..../BC-CT..
Ngày..06..tháng..11..năm 20.25..
Ký tên

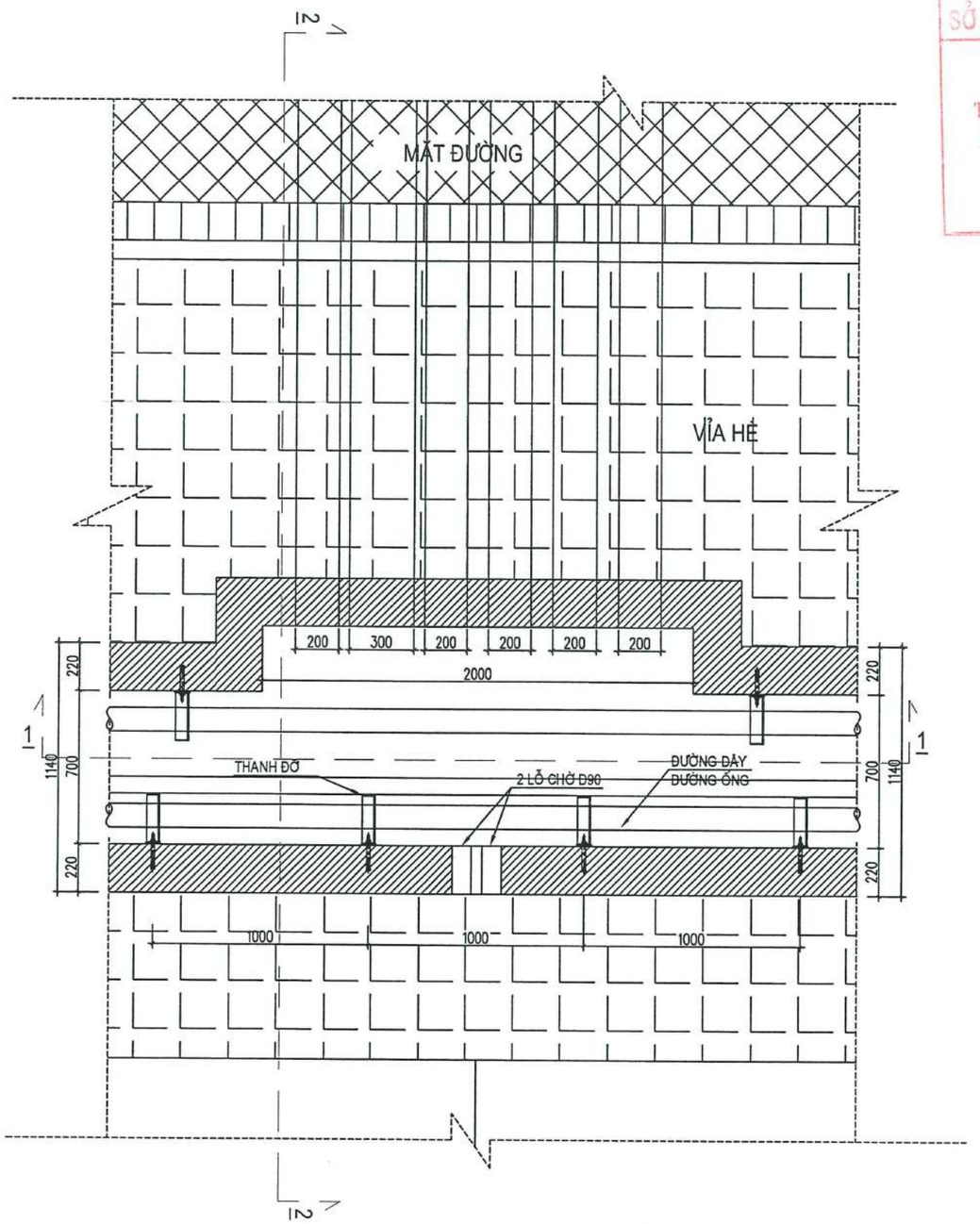
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
TĐ GA Số lượng: 1	1	60 1040 60	8	1160	8	8	9.28	3.67
	2	1140	10	1140	8	8	9.12	5.63
	3	25 150 100 / 150 100	8	580	2	2	1.16	0.46

- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 4.13 kg
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 5.63 kg

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT HÀO KỸ THUẬT (03/3)
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25 / BẢN VẼ SỐ: CT_HKT: 03
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HÀO KỸ THUẬT QUA ĐƯỜNG



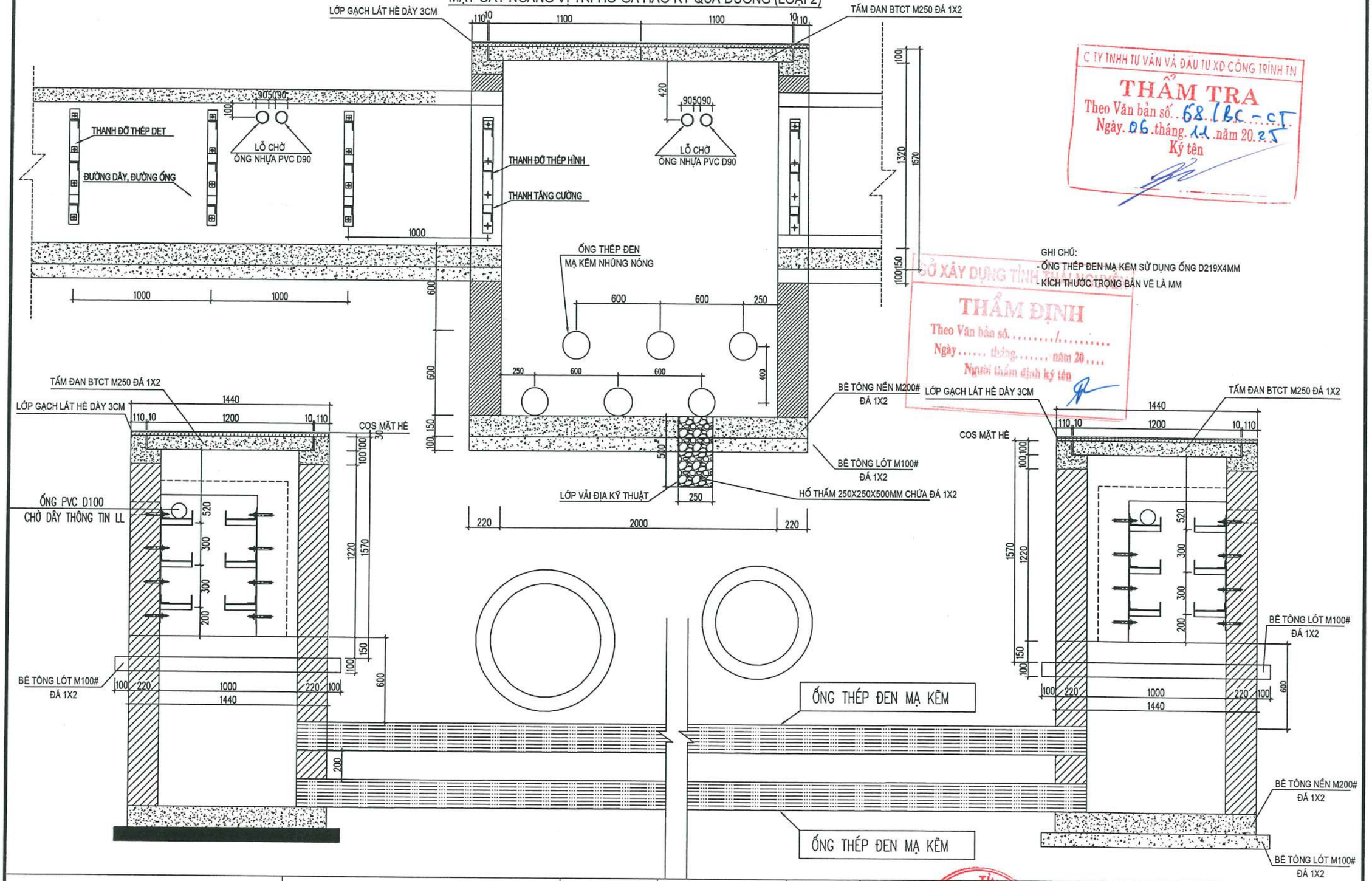
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số. 4055/SXD-QLCHXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68 /.HC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

GHI CHÚ:
- ỐNG THÉP ĐEN MẠ KẼM SỬ DỤNG ỐNG D219X4MM
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng ..... năm 2025 PHÓ GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ỐNG QUA ĐƯỜNG (01/2)	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG				
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN			TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25	BẢN VẼ SỐ: CT_HKT: 04
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC			LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

MẶT CẮT NGANG VỊ TRÍ HỐ GA HÀO KT QUA ĐƯỜNG (LOẠI 2)



GHI CHÚ:
- ỐNG THÉP ĐEN MẠ KẼM SỬ DỤNG ỐNG D219X4MM
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MM

C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.1BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT ỐNG QUA ĐƯỜNG (02/2)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/25	BẢN VẼ SỐ: CT_HKT: 05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA
Theo Văn bản số..62...../BC-SXD
Ngày..06.tháng..11..năm 20..25
Ký tên

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: GA GIAO CẮT

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số.905.5/Sxd-QLCNHTXD
Ngày 25.. tháng 11.. năm 2025
Người thẩm định ký tên

Hoàng Hữu Phong

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHỔ BÌNH)

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

KHU VỰC ĐANG THI CÔNG

Ruộng lúa

Mương thủy lợi

Đường bê tông

Mương thủy lợi

Đường bê tông

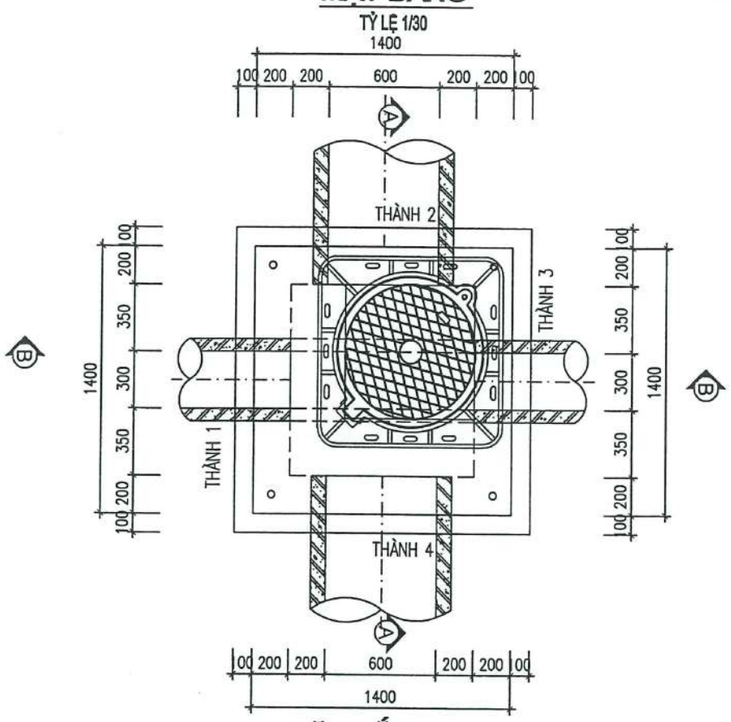
Mương thủy lợi

Đường bê tông

CHI TIẾT GA GIAO CẮT D(600X300)

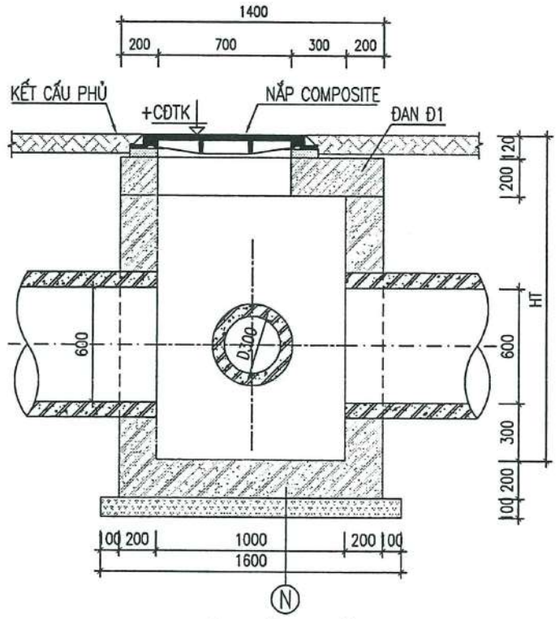
MẶT BẰNG

TỶ LỆ 1/30



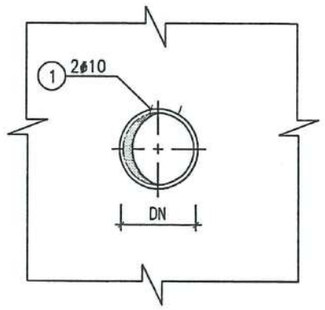
MẶT CẮT A-A

TỶ LỆ 1/30

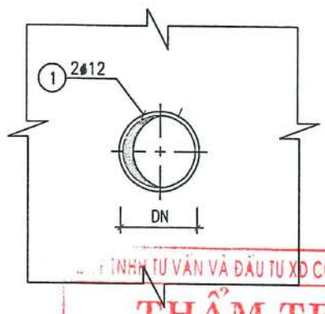


CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

TỶ LỆ 1/30
DN<800

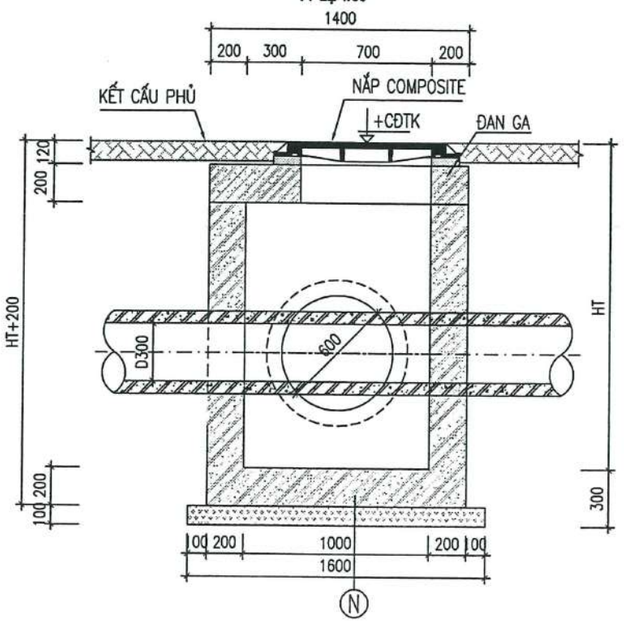


TỶ LỆ 1/30
800<DN



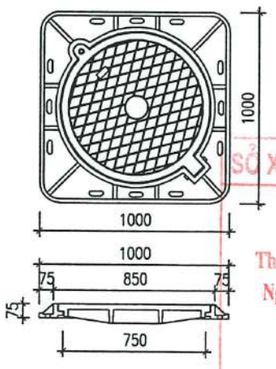
MẶT CẮT B-B

TỶ LỆ 1/30



CHI TIẾT NẮP HỐ GA

TỶ LỆ 1/30



N

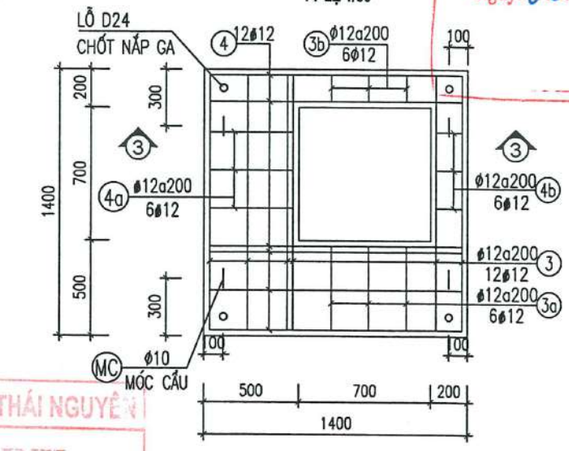
BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM

ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM

NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

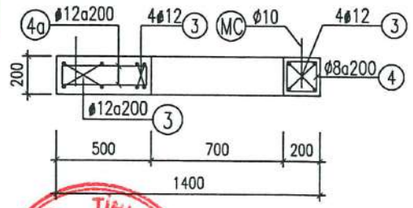
CỐT THÉP ĐAN GA

TỶ LỆ 1/30



MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/30



...TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 69 ...../BC-CT
Ngày. 06 .tháng. 11 ..năm 20.25
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

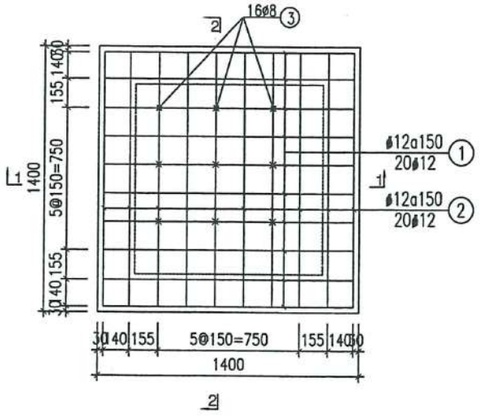
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT GA GIAO CẮT D600 (LOẠI 01)

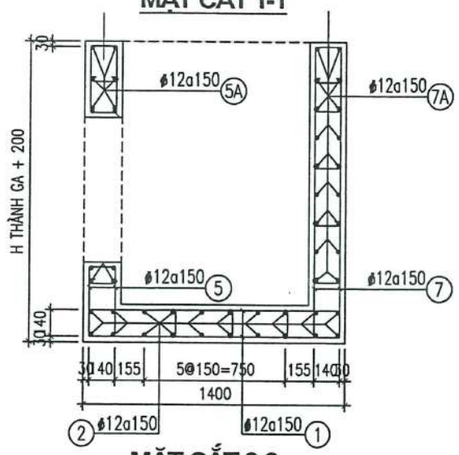
TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_GC-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA GIAO CẮT D(600X300)

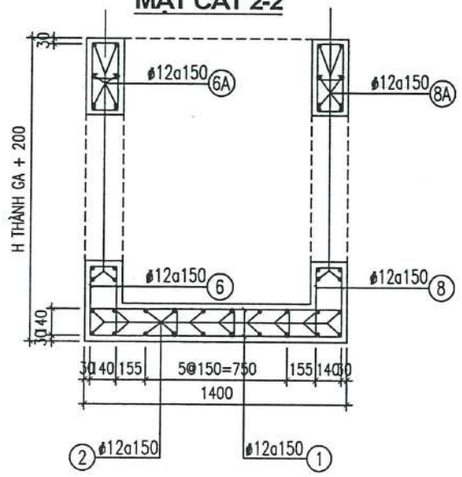
BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN ĐÁY



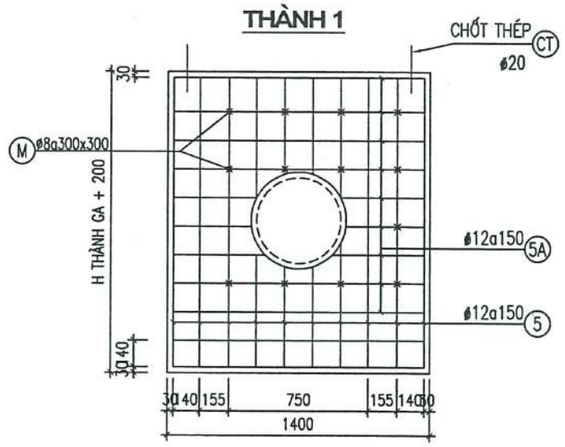
MẶT CẮT 1-1



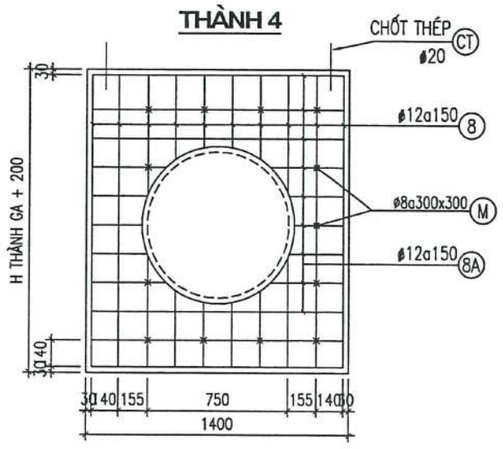
MẶT CẮT 2-2



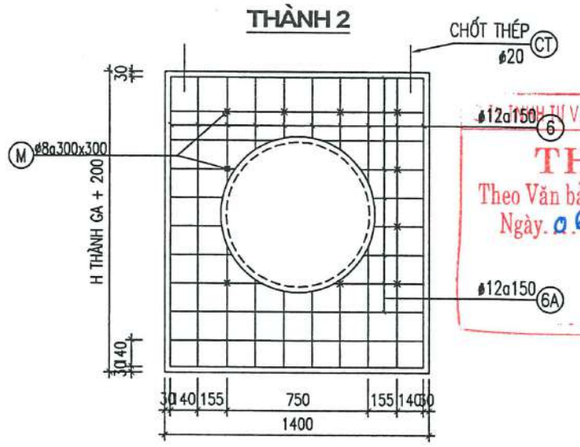
THÀNH 1



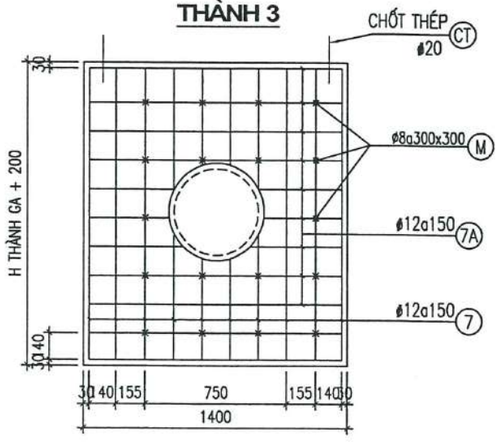
THÀNH 4



THÀNH 2



THÀNH 3



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC SẴN TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 2X4 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ø>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68...../BC-C.T.
Ngày..06..tháng..11..năm 20.25.
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	P. GIÁM ĐỐC
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC

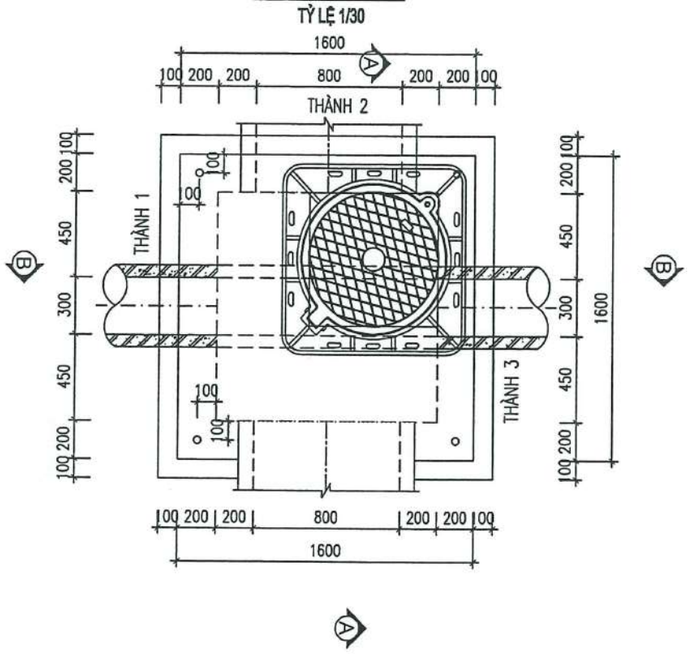
TÊN BẢN VẼ: BỐ TRÍ CỐT THÉP GA GIAO CẮT D600 (LOẠI 01)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_GC-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT GA GIAO CẮT D(800X300)

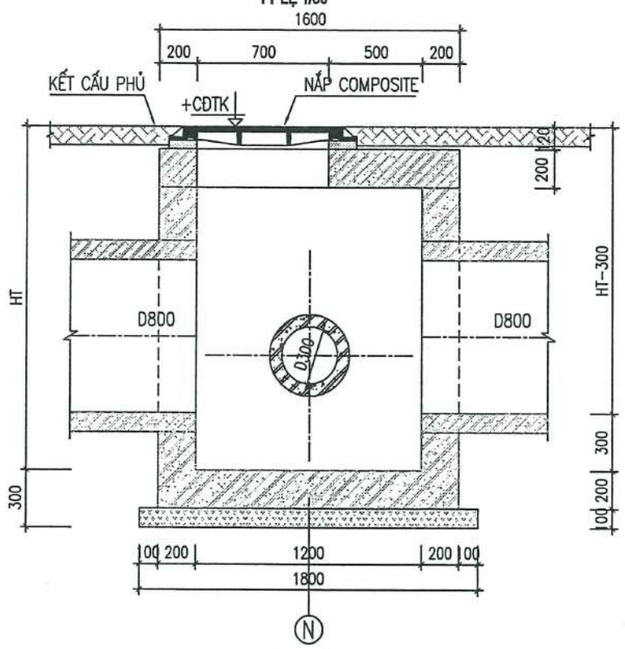
MẶT BẰNG

TỶ LỆ 1/30

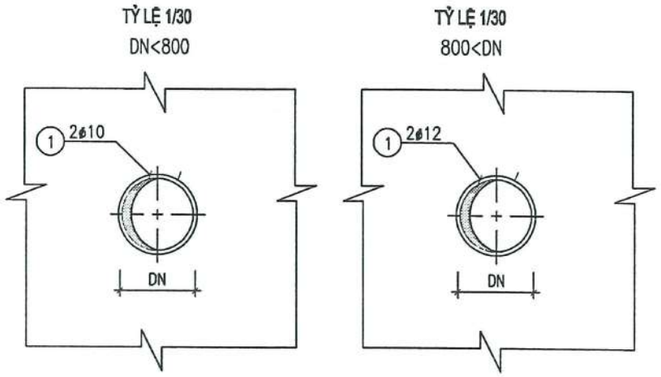


MẶT CẮT A-A

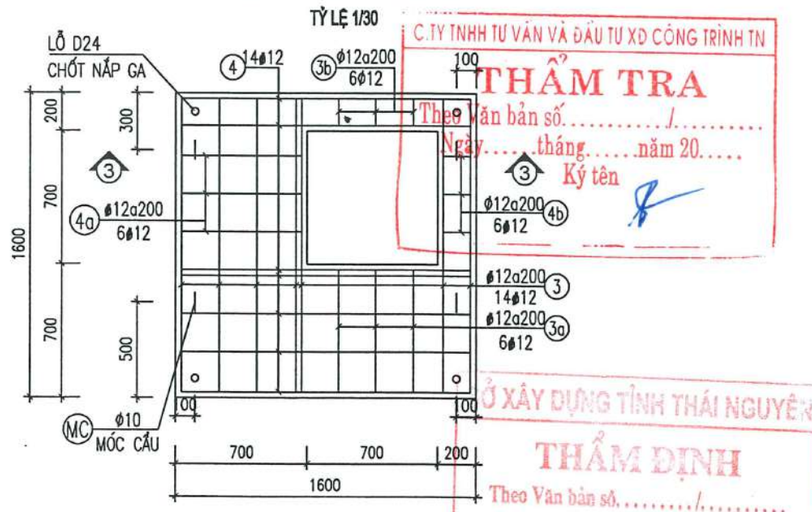
TỶ LỆ 1/30



CHI TIẾT CỐNG TRÒN QUA THÀNH

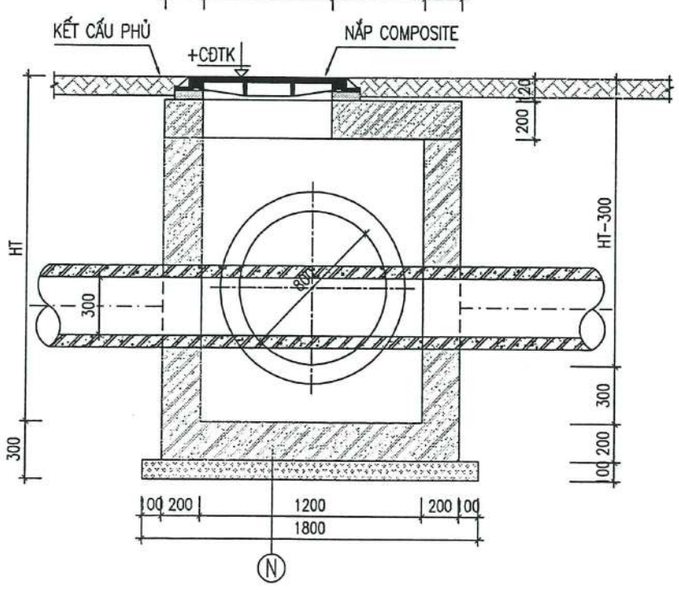


CỐT THÉP ĐAN GA



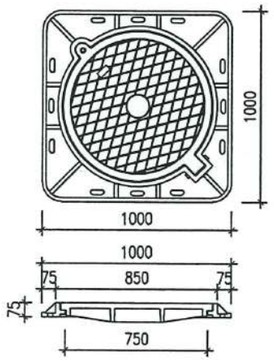
MẶT CẮT B-B

TỶ LỆ 1/30



CHI TIẾT NẮP HỐ GA

TỶ LỆ 1/30

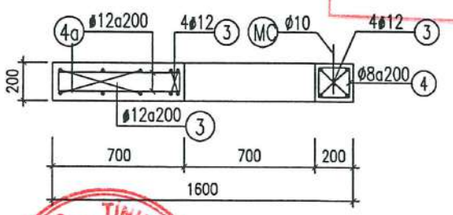


N

- BÊ TÔNG CỐT THÉP M250 DÀY 200MM
- ĐÁ DĂM 1X2CM DÀY 100MM
- NỀN ĐẦM CHẶT, K=0.95

MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/30



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

KS. TRẦN HỮU BẮC

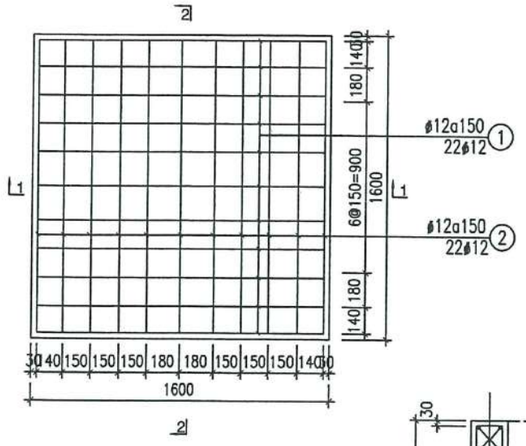
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT GA GIAO CẮT D800 (LOẠI 02)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_GC-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BỐ TRÍ CỐT THÉP GA GIAO CẮT D(800X300)

BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN ĐÁY

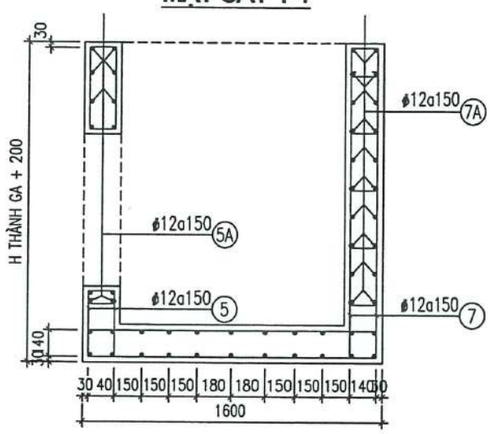


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

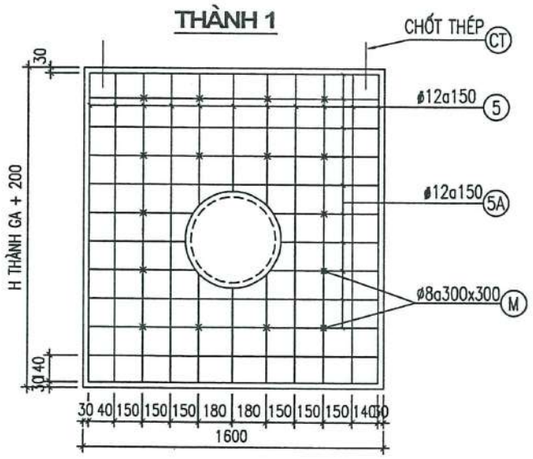
GHI CHÚ:

- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG M, TRỪ NHỮNG CHỖ CHỈ RÕ.
- TOÀN BỘ HỐ GA SỬ DỤNG BÊ TÔNG MÁC 250 ĐÁ 1X2.
- BẢN NẮP GA ĐƯỢC ĐÚC SẴN TẠI BÃI ĐÚC VÀ LẮP ĐẶT VÀO VỊ TRÍ THIẾT KẾ.
- MÓNG GA ĐỆM ĐÁ DĂM 2X4 DÀY 100MM.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ<=10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB240T THEO TCVN 1651:2008.
- CỐT THÉP ĐƯỜNG KÍNH ϕ>10 SỬ DỤNG CẤP THÉP CB300V THEO TCVN 1651:2008.
- CHIỀU DÀI NỐI THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP.
- CHIỀU DÀY LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP THÀNH VÀ ĐÁY BẰNG 30MM.
- CỐT THÉP CỦA THÀNH TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ LỖ CHUI QUA ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CÁC THANH THÉP TRUNG BÌNH ĐƯỢC ĐO CẮT TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- SỬ DỤNG NẮP GA COMPOSITE CHỊU TẢI TRỌNG CẤP D (>=40T) THEO TIÊU CHUẨN EN124.
- KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KĨ THUẬT KHÁC.

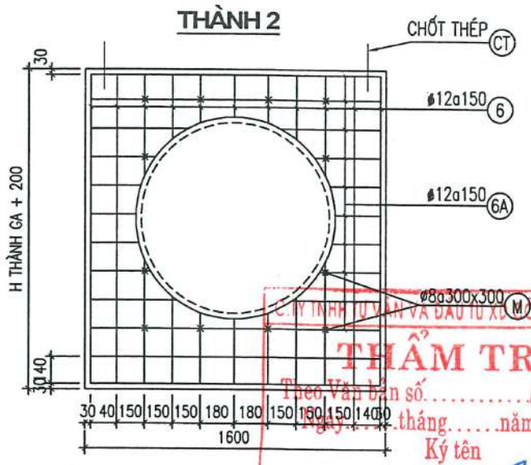
MẶT CẮT 1-1



THÀNH 1

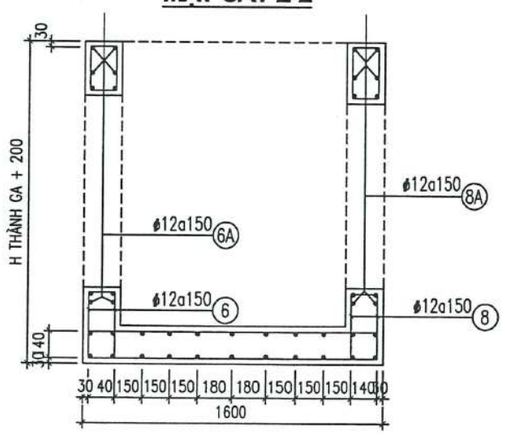


THÀNH 2

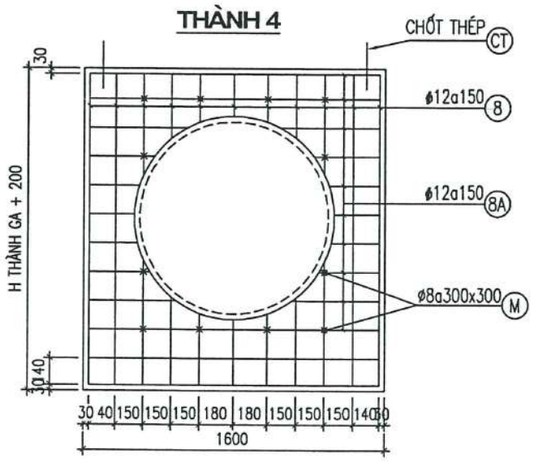


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

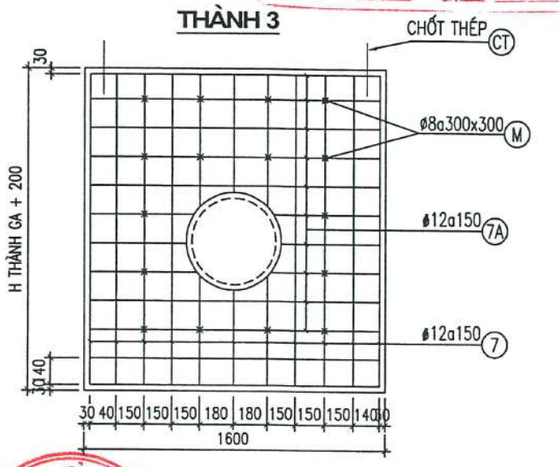
MẶT CẮT 2-2



THÀNH 4



THÀNH 3



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		*Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025* P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG MINH TUẤN		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
BỐ TRÍ CỐT THÉP GA GIAO CẮT D800 (LOẠI 02)

TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/30	BẢN VẼ SỐ: CT_GC-04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...58...../BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 2025..
Ký tên
Nguyễn Văn Lộc

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 4055/SXD-QLCHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

KÝ HIỆU

- ÓNG CẤP NƯỚC CÓ SẴN
- ÓNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI VÀ CHỮA CHÁY (XEM BẢN VẼ PCCC)
- ÓNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
- D.....-L..... ĐƯỜNG KÍNH (mm) - CHIỀU DÀI (m)
- VAN CHẶN
- HỐ ĐỒNG HỒ DN.....

LƯU Ý

- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP VỚI HỒ SƠ THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI, GIAO THÔNG ĐỂ GIẢM KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP.
- ÓNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ ĐI TRONG HÀO KỸ THUẬT.
- NỐI ÓNG HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT
- BIỆN PHÁP THI CÔNG TRONG HỒ SƠ THIẾT KẾ CHỈ MANG TÍNH ĐỊNH HƯỚNG, BIỆN PHÁP THI CÔNG THỰC TẾ SẼ DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ TIẾT KIỆM CHI PHÍ.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

HƯỚNG ĐI PHỐ YÊN

(ĐƯỜNG QUY HOẠCH VÀNH ĐAI V)

M-1 M-2 M-13 M-14 M-15 M-16 M-17 M-18 M-19 M-23 M-24 M-25 M-26 M-27 M-28 M-29 M-30

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI V ĐOẠN QUA KHU VỰC TỈNH THÁI NGUYÊN (QUYẾT ĐỊNH SỐ 5777/QĐ-UBND NGÀY 27/12/2022 CỦA UBND HUYỆN PHÚ BÌNH)

HỐ VAN ĐỒNG HỒ + VAN CHẶN
D110 - 26m
ĐIỂM ĐẤU NỐI
2 ỐNG D110 CHAY SONG SONG
ĐẤU NỐI CẤP NƯỚC TỪ ĐƯỜNG QL37
2 ỐNG SONG SONG DN110-L1000

TỔ DÂN PHỐ THƠM

HƯỚNG ĐI TỔ DÂN PHỐ THƠM

HƯỚNG ĐI XÃ KHA SƠN

HƯỚNG ĐI TỔ DÂN PHỐ NGUYÊN SƠN

TỔ DÂN PHỐ NGUYÊN SƠN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68/LBC-T.C.T...
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

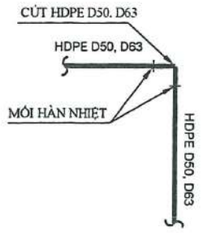
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
P. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
KS. TRẦN HỮU BẮC

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ

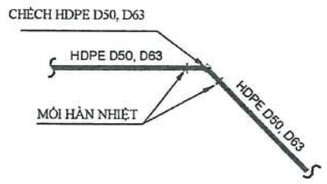
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN.01
LẦN XUẤT BẢN. 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI ỐNG

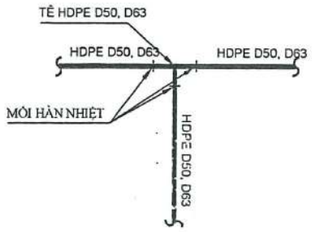
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CÚT HDPE D50, D63



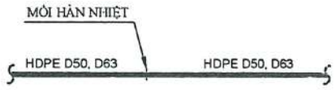
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CHẾCH HDPE D50, D63



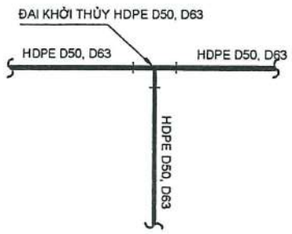
CHI TIẾT LẮP ĐẶT TÊ HDPE D50, D63



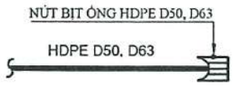
CHI TIẾT NỐI ỐNG HDPE D50, D63



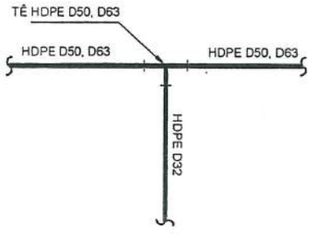
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐAI KHỞI THÙY HDPE D110/D50, D110/D63



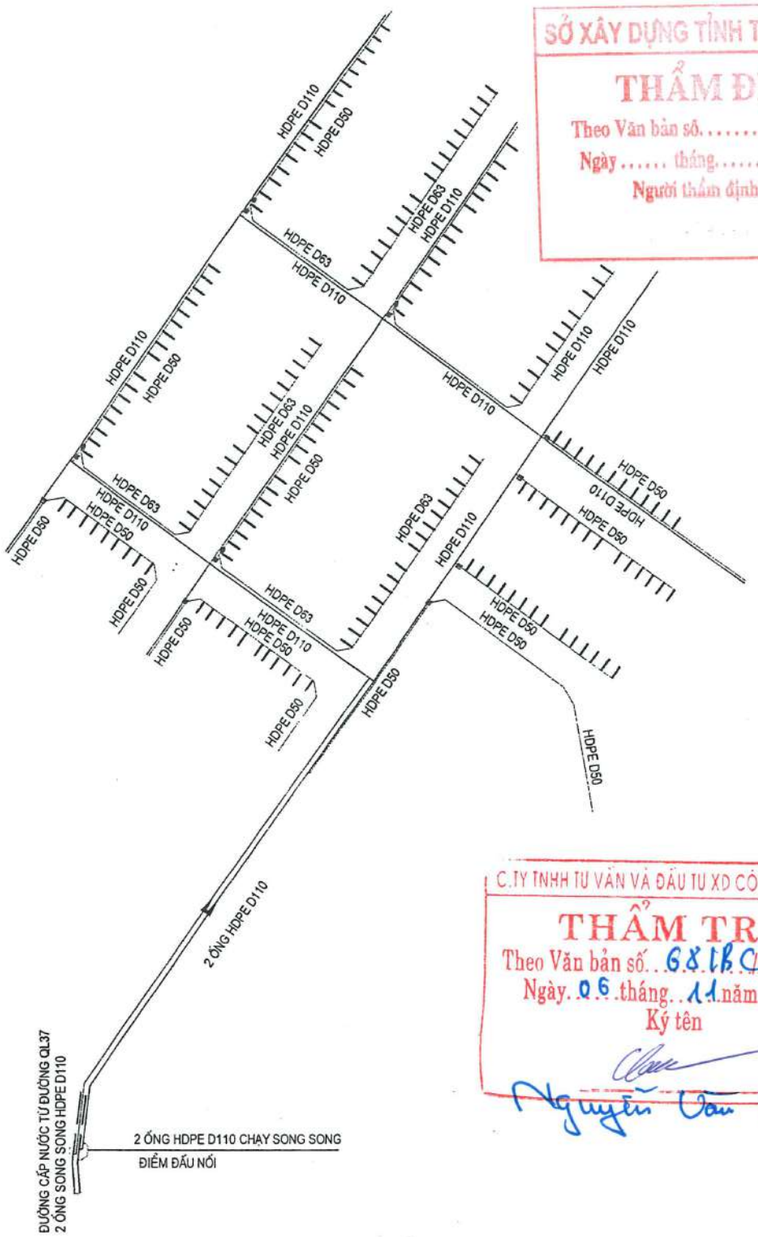
CHI TIẾT BỊT ĐẦU HDPE D50, D63



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐAI KHỞI THÙY HDPE D50/D32, D63/D32



SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..681BC-CT...
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

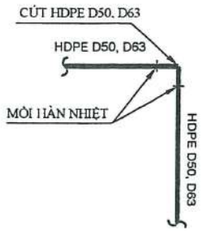
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
CHI TIẾT LẮP ĐẶT VÀ SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

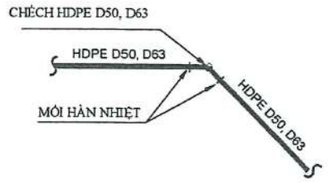
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI ỐNG

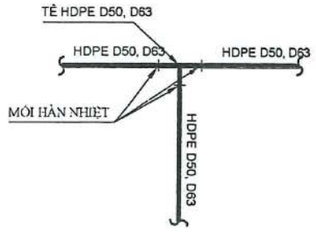
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CÚT HDPE D50, D63



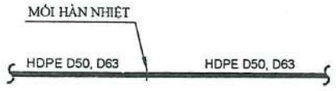
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CHẾCH HDPE D50, D63



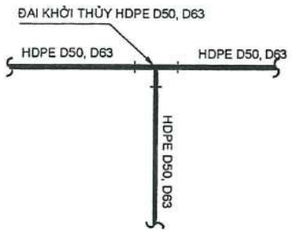
CHI TIẾT LẮP ĐẶT TÊ HDPE D50, D63



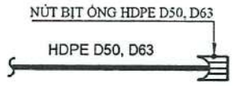
CHI TIẾT NỐI ỐNG HDPE D50, D63



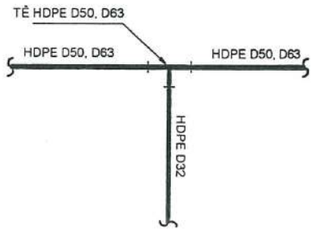
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐAI KHỞI THỦY HDPE D110/D50, D110/D63



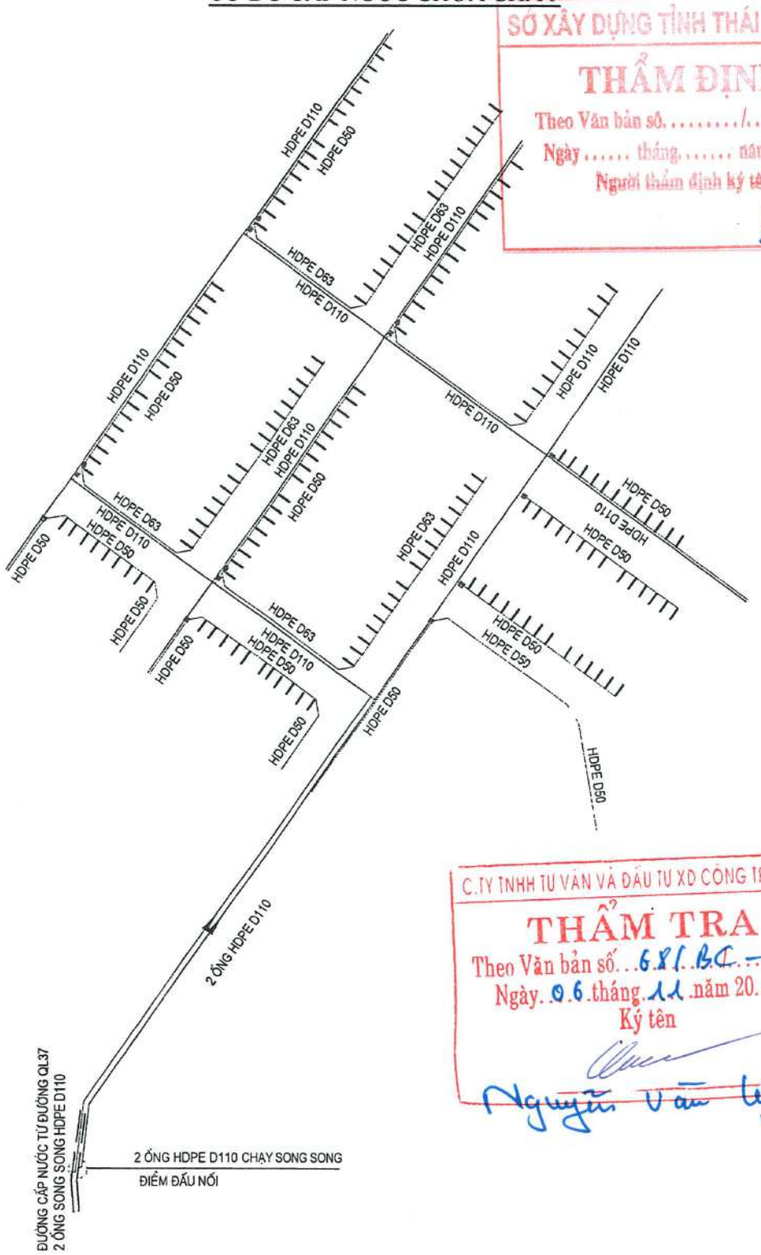
CHI TIẾT BỊT ĐẦU HDPE D50, D63



CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐAI KHỞI THỦY HDPE D50/D32, D63/D32



SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

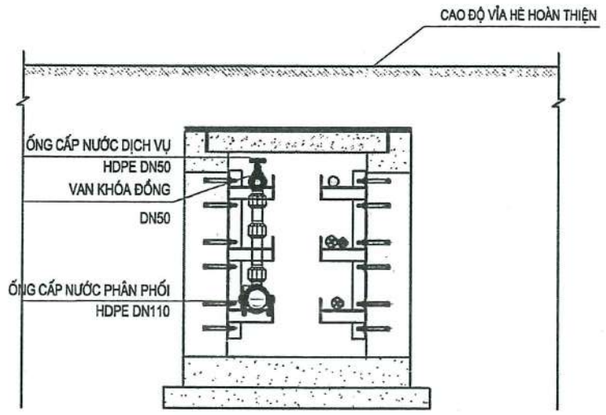
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 681.BC-CT.
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Văn Lực

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025* GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ CHI TIẾT LẮP ĐẶT VÀ SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: CN-02
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

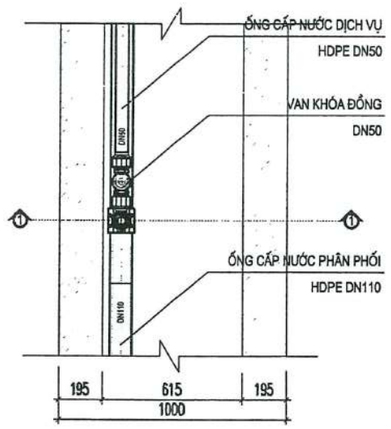
CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐIỂM ĐẤU NỐI GIỮA HỆ THỐNG

CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI VÀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ DN50

SL: 6 ĐIỂM ĐẤU



MẶT CẮT 1-1



MẶT BẰNG ĐẤU NỐI CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

STT	QUY CÁCH VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	VAN KHÓA ĐỒNG DN50	CÁI	01
02	NỐI THẲNG REN NGOÀI HDPE DN32-1"	CÁI	02
03	ĐAI KHỞI THỦY HDPE D110 - 2"	CÁI	01
04	CÙM GIỮ ỐNG D50		02
05	CÙM GIỮ ỐNG D110	CÁI	02
06	GIÁ GIỮ ỐNG U8 MẠ KẼM L=500MM	CÁI	02
07	NỞ RÚT INOX M10-L=8CM	CÁI	04

THỐNG KÊ VẬT TƯ CHO CỤM ĐỒNG HỒ
CẤP NƯỚC SINH HOẠT

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68./BC-CT.
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .....tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

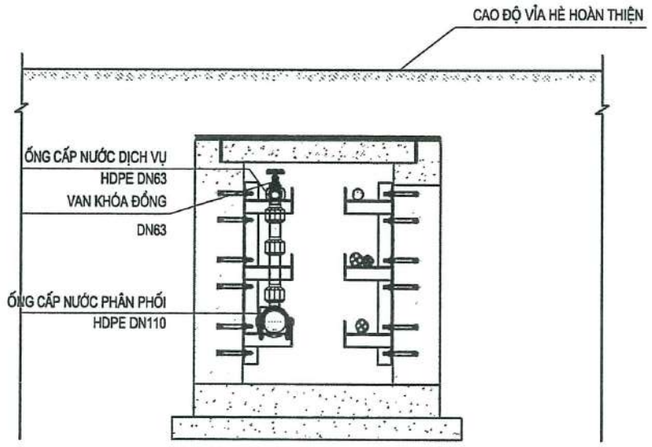
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐIỂM ĐẤU NỐI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI VÀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ DN50

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN-03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

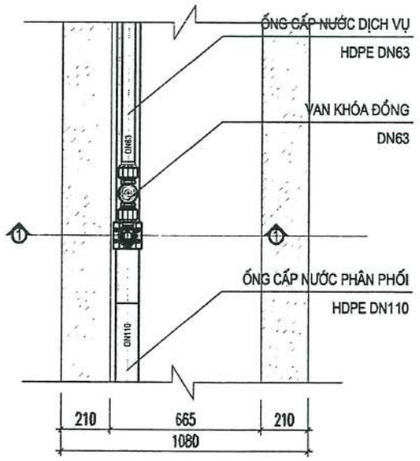
CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐIỂM ĐẤU NỐI GIỮA HỆ THỐNG

CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI VÀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ DN63

SL: 4 ĐIỂM ĐẤU



MẶT CẮT 1-1



MẶT BẰNG ĐẤU NỐI CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

STT	QUY CÁCH VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	VAN KHOA ĐỒNG DN63	CÁI	01
02	NỐI THẲNG REN NGOÀI HDPE DN32-1"	CÁI	02
03	ĐAI KHỞI THỦY HDPE D110 - 2"	CÁI	01
04	CÙM GIỮ ỐNG D63		02
05	CÙM GIỮ ỐNG D110	CÁI	02
06	GIÁ GIỮ ỐNG U8 MẠ KẼM L=500MM	CÁI	02
07	NỞ RÚT INOX M10-L=8CM	CÁI	04

THỐNG KÊ VẬT TƯ CHO CỤM ĐỒNG HỒ
CẤP NƯỚC SINH HOẠT

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68.1BC-CT..
Ngày..06.tháng..11.năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Tới

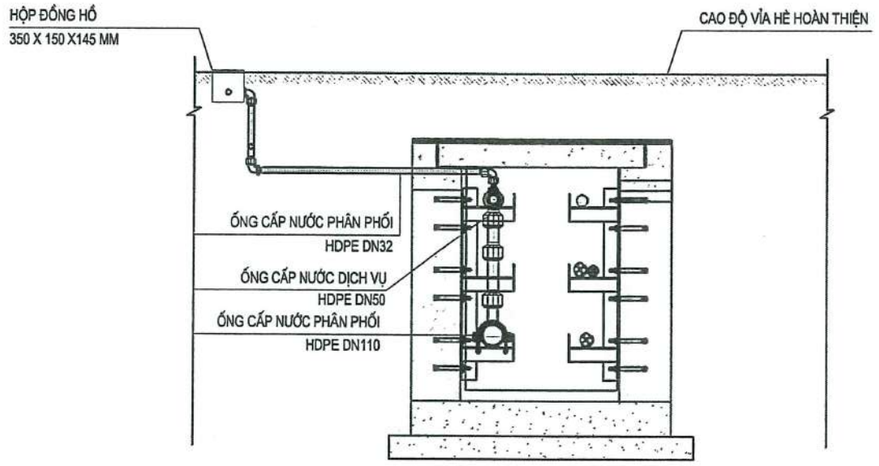
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH ĐIỂM ĐẤU NỐI HỆ THỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI VÀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ DN63

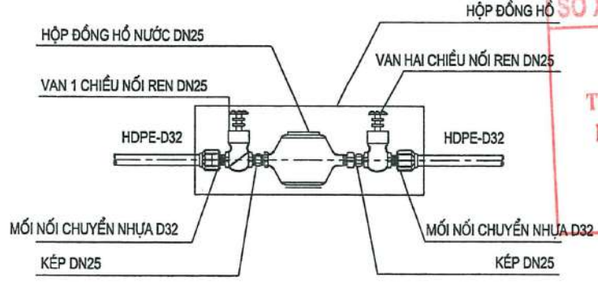
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN-04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT ĐẤU NỐI CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT ỐNG D50

SL: 125 ĐIỂM ĐẤU

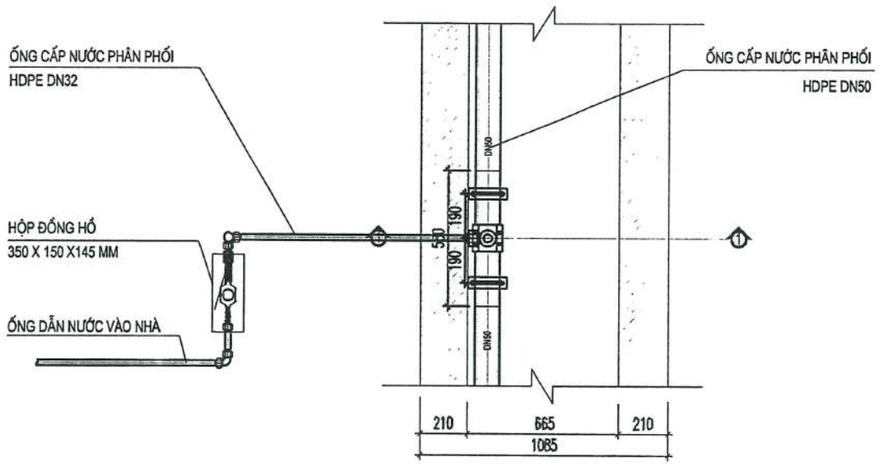


MẶT CẮT 1-1



CHI TIẾT TRONG HỘP ĐỒNG HỒ D25

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên



MẶT BẰNG ĐẤU NỐI CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

THỐNG KÊ VẬT TƯ CHO 1 CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

STT	QUY CÁCH VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG DN25	CÁI	01
02	VAN KHÓA TAY VẶN DN25	CÁI	01
03	VAN 1 CHIỀU DN25	CÁI	01
04	KẸP THÉP MẠ KẼM DN25	CÁI	02
05	NỐI THẲNG REN TRONG HDPE DN32	CÁI	02
06	NỐI THẲNG REN NGOÀI HDPE DN32	CÁI	01
07	CÚT 90 NỐI REN HDPE D32	CÁI	03
09	ỐNG HDPE D32	M	05
10	HỘP ĐỒNG HỒ 150X145X350	CÁI	01
11	ĐAI KHỞI THỦY HDPE D110/50	CÁI	01
12	CÙM GIỮ ỐNG D50	CÁI	02
13	GIÁ GIỮ ỐNG U8 MẠ KẼM L=500MM	CÁI	02
14	NỞ RÚT INOX M10-L=8CM	CÁI	02

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68.1.BC—CT
Ngày. 06.tháng.11.năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Văn Lợi

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG	
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

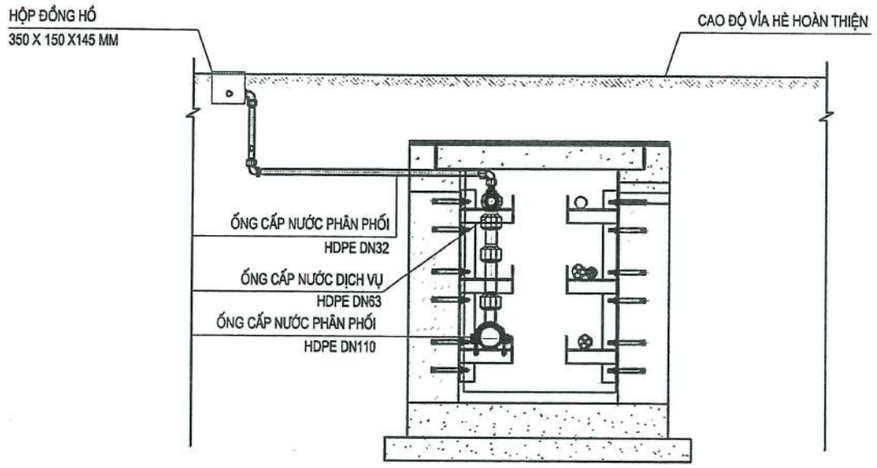
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

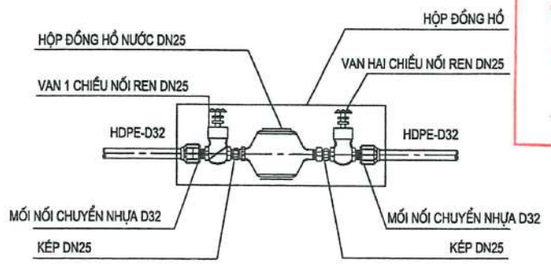
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
CHI TIẾT CỤM ĐỒNG HỒ ĐẤU NỐI ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT D50

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN-05
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

CHI TIẾT ĐẤU NỐI CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT
CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI VÀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ DN63
SL: 62 ĐIỂM ĐẤU



MẶT CẮT 1-1



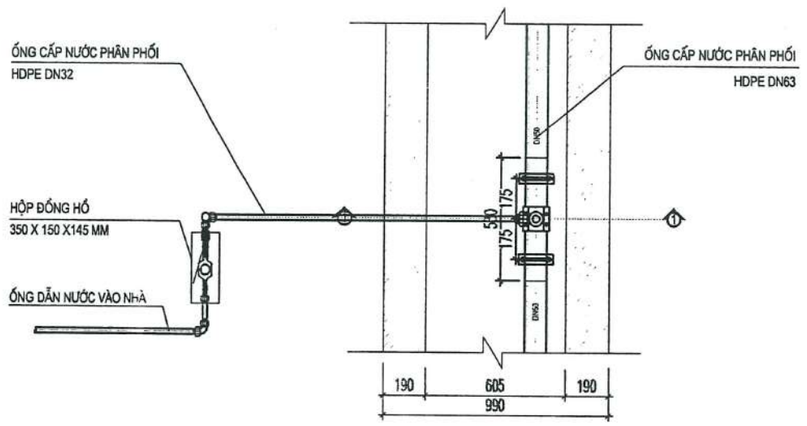
CHI TIẾT TRONG HỘP ĐỒNG HỒ D25

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68.1.B.C.I.-..CT..
Ngày..06.tháng..11.năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Văn Lộc

THỐNG KÊ VẬT TƯ CHO 1 CỤM ĐỒNG HỒ
CẤP NƯỚC SINH HOẠT

STT	QUY CÁCH VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG DN25	CÁI	01
02	VAN KHÓA TAY VẶN DN25	CÁI	01
03	VAN 1 CHIỀU DN25	CÁI	01
04	KẸP THÉP MẠ KẼM DN25	CÁI	02
05	NỐI THẲNG REN TRONG HDPE DN32	CÁI	02
06	NỐI THẲNG REN NGOÀI HDPE DN32	CÁI	01
07	CÚT 90 NỐI REN HDPE D32	CÁI	03
09	ỐNG HDPE D32	M	05
10	HỘP ĐỒNG HỒ 150X145X350	CÁI	01
11	ĐAI KHỞI THỦY HDPE D110/63	CÁI	01
12	CÙM GIỮ ỐNG D63	CÁI	02
13	GIÁ GIỮ ỐNG U8 MẠ KẼM L=500MM	CÁI	02
14	NỞ RÚT INOX M10-L=8CM	CÁI	02



MẶT BẰNG ĐẤU NỐI CỤM ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 11 tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ CHI TIẾT CỤM ĐỒNG HỒ ĐẤU NỐI ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT D63	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN-06
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN KHU TDC_HS

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG				
STT	BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	ỐNG CẤP NƯỚC HDPE DN50-PN10	M	1100	
2	ỐNG CẤP NƯỚC HDPE DN63-PN10	M	600	
3	CỤM ĐẤU NỐI ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT D50	CÁI	6	*xem chi tiết bản vẽ*
4	CỤM ĐẤU NỐI ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT D63	CÁI	4	*xem chi tiết bản vẽ*
5	CỤM ĐỒNG HỒ ĐẤU NỐI ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT D50	CỤM	125	*xem chi tiết bản vẽ*
6	CỤM ĐỒNG HỒ ĐẤU NỐI ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT D63	CỤM	62	*xem chi tiết bản vẽ*
7	TÊ HÀN HDPE DN50	CÁI	10	
8	CÚT HÀN DN50	CÁI	18	
9	CHẾCH HÀN 45^0 DN50	CÁI	18	
10	NÚT BỊT HÀN D50	CÁI	10	
11	CÔN THU HÀN D63/50	CÁI	4	
12	TÊ HÀN HDPE DN63	CÁI	4	
13	CÚT HÀN DN63	CÁI	14	
14	CHẾCH HÀN 45^0 DN63	CÁI	14	
15	NÚT BỊT HÀN D63	CÁI	4	
16	VẬT TƯ PHỤ THI CÔNG	LÓT	1	

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. LÊ TIẾN DŨNG		
		THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG XUÂN SANG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: CN-07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

PHẦN NHÀ BƠM PCCC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 905/SXd-QLCTHDXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hải Phong

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68.16/C-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

THÁI NGUYÊN: 2025

THUYẾT MINH CHUNG

I. CẤU TẠO CHUNG CÁC BỂ

1- CẤU TẠO ĐÁY BỂ:

- Quét 2 lớp chống thấm đáy
- Sàn đáy bê tông cốt thép đá 1x2, B22.5 (M300)
- Lớp bê tông lót đá 4x6 B7.5 (M100)
- Đất tự nhiên đầm chặt K >= 0.9

2- CẤU TẠO THÀNH BỂ:

- Thành bê tông cốt thép đá 1x2, B22.5 (M300)
- Thành trong không trát, chống thấm 2 lớp
- Thành ngoài không trát, không chống thấm

3- CẤU TẠO NẮP BỂ:

- Quét chống thấm 2 lớp
- Sàn bê tông cốt thép đá 1x2, B22.5 (M300)

4- CHỐNG THẤM BỂ:

- Tất cả cấu kiện của bể tiếp xúc nước đều phải được quét chống thấm 2 lớp.

II. YÊU CẦU VỀ BÊ TÔNG

1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:

- Bê tông đá 1x2 B22.5 (M300), cường độ nén trên mẫu thử trung bình = 28.9 Mpa
- Bê tông đá 1x2 B15 (M200), cường độ nén trên mẫu thử trung bình = 19.27 Mpa

2- YÊU CẦU VỀ CHIỀU DÀY BÊ TÔNG BẢO VỆ:

- Bê tông móng, đáy bể: a = 5.0cm
- Bê tông dầm, thành, sàn, cột, nắp bể: a = 3.0cm

3- YÊU CẦU VỀ TÍNH CÔNG TÁC:

- Độ sụt của bê tông sn = 10±2cm.
- Tất cả các cấu kiện thuộc các bể chứa ưu tiên sử dụng bê tông thương phẩm, trong điều kiện vị trí thi công ở vùng sâu vùng xa có thể dùng bê tông trộn bằng máy trộn, đổ bằng thủ công

III. YÊU CẦU VỀ CỐT THÉP

1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:

- Cốt thép Ø<10, sử dụng thép nhóm CI, A-I: Rs=Rsc=2250kg/cm².
- Cốt thép Ø≥10, sử dụng thép nhóm CIII, A-III: Rs=Rsc=3650kg/cm².

2- YÊU CẦU NỐI THÉP:

- Nối thép bằng phương pháp buộc hoặc hàn.
- Nếu bằng phương pháp hàn ln>=20d, nếu bằng phương pháp buộc ln>=35d.
- Đối với đáy và thành, vách các bể tại một vị trí không được nối quá 50% tiết diện thép.

(xem chi tiết IX)

IV. YÊU CẦU VỀ THI CÔNG

1- YÊU CẦU CHUNG:

- Khi thi công phải tuân thủ theo tiêu chuẩn:
  + TCVN 5641-2012: Bể chứa BTCT - Quy phạm thi công và nghiệm thu.
  + TCVN 4453-1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- Khi thi công phần xây dựng phải kết hợp giữa bản vẽ xây dựng với bản vẽ công nghệ, điện để đặt ống chờ và các thiết bị khác.
- Các công tác thử tải bể chỉ được tiến hành sau khi công tác thi công bể hoàn thiện và chưa tiến hành công tác lấp đất.

2- YÊU CẦU THI CÔNG ĐẤT:

- Khi thi công phải tuân thủ TCVN 4447-2012: Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- Công tác đào đất hố móng: dùng máy đào sẽ đào đến vị trí cách cao độ thiết kế của hố móng khoảng 10cm thì dừng lại và cho đào thủ công, sửa chữa đến cao độ thiết kế.
- Phui đào các bể:
  + Nếu độ sâu chôn móng lớn hơn 4.0m thì đào rộng thêm mỗi bên 2.5m.
  + Nếu độ sâu chôn móng sâu từ 2.0-4.0m thì đào rộng thêm mỗi bên 1.5m.
  + Nếu độ sâu chôn móng nhỏ hơn 2.0m thì đào rộng thêm mỗi bên 1.0m.
  + Nếu gặp đất yếu phải có biện pháp gia cố hố đào chống sạt lở.
  + Phải có rãnh thoát nước và hố bơm nước mặt nếu có mực nước ngầm.

V. QUY ĐỊNH MẠCH NGỪNG THI CÔNG

1- VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG KHI THI CÔNG:

- Tất cả đáy bể phải đổ bê tông liên tục không sử dụng mạch ngừng.
- Thi công thành bể có chiều cao nhỏ hơn 2.5m phải thi công liên tục, chỉ cho phép sử dụng mạch ngừng nếu bản vẽ chi tiết có thể hiện.
- Các thành bể có chiều cao lớn hơn 2.5m phải sử dụng mạch ngừng thi công.
- Mạch ngừng thành cách nhau <= 2.0m.

2- QUY ĐỊNH CHUNG VỀ MẠCH NGỪNG:

- Mạch ngừng thi công sử dụng PVC waterstop V15.
- Mạch ngừng thi công phải liên tục và chạy toàn bộ mạch ngừng.
- Khi thi công thành chỉ được sử dụng mạch ngừng nằm ngang, không cho phép dùng mạch ngừng đứng.
- Trước khi đổ bê tông mới bề mặt bê tông cũ cần được xử lý sạch và làm ẩm bằng Sika latex.

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 08/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

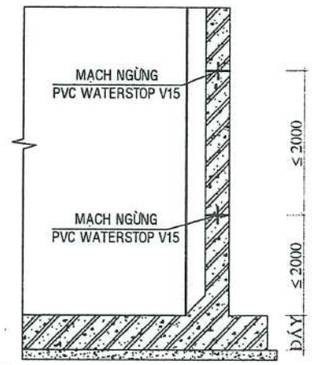
TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
THUYẾT MINH CHUNG

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.01
LẦN XUẤT BẢN 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

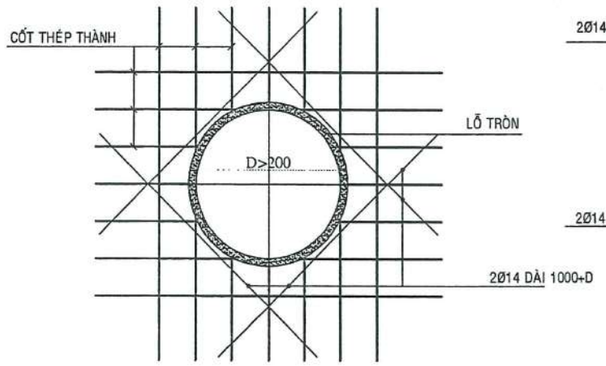
CHI TIẾT LẮP ĐẶT

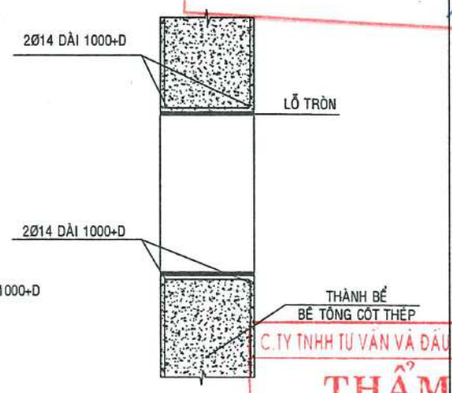
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Người thẩm định ký tên

VI. QUY ĐỊNH MẠCH NGỪNG THI CÔNG (TT)



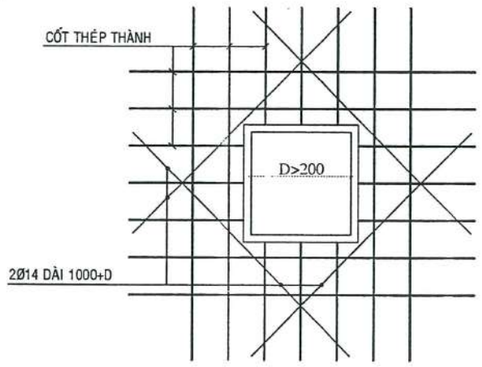
VII. CHI TIẾT BỐ TRÍ THÉP GIA CƯỜNG LỖ TRÒN



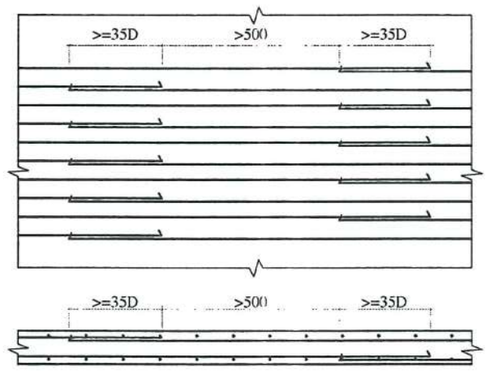


C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68.1BC-CT
Ngày..06.tháng..11.năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

VIII. CHI TIẾT BỐ TRÍ THÉP GIA CƯỜNG LỖ VUÔNG

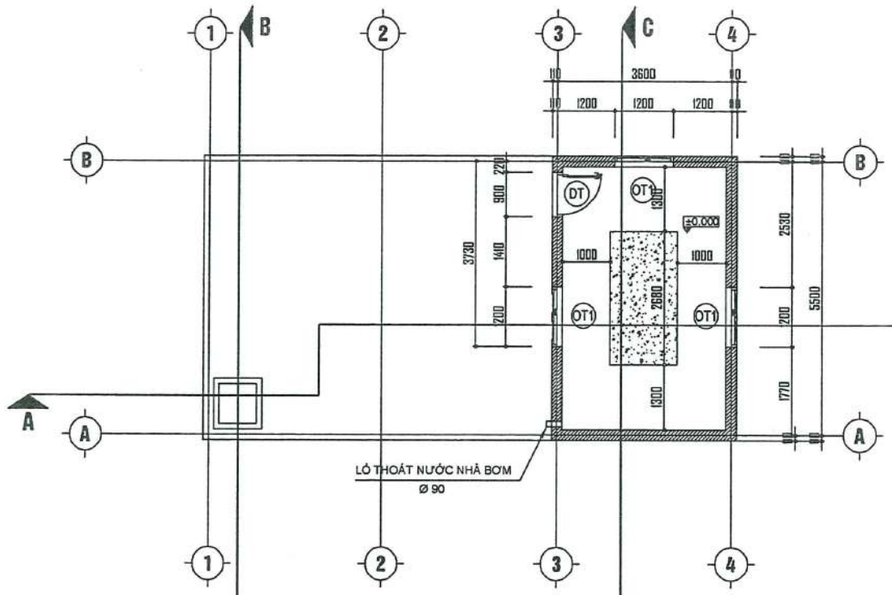


IX. CHI TIẾT BỐ TRÍ NỐI BUỘC THÉP XEN KẼ

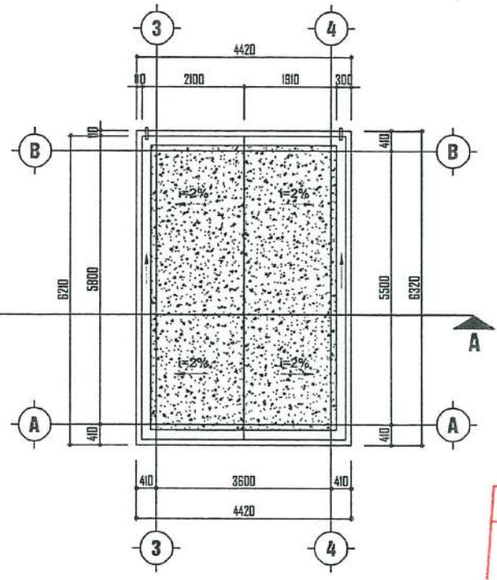


ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày..... tháng..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

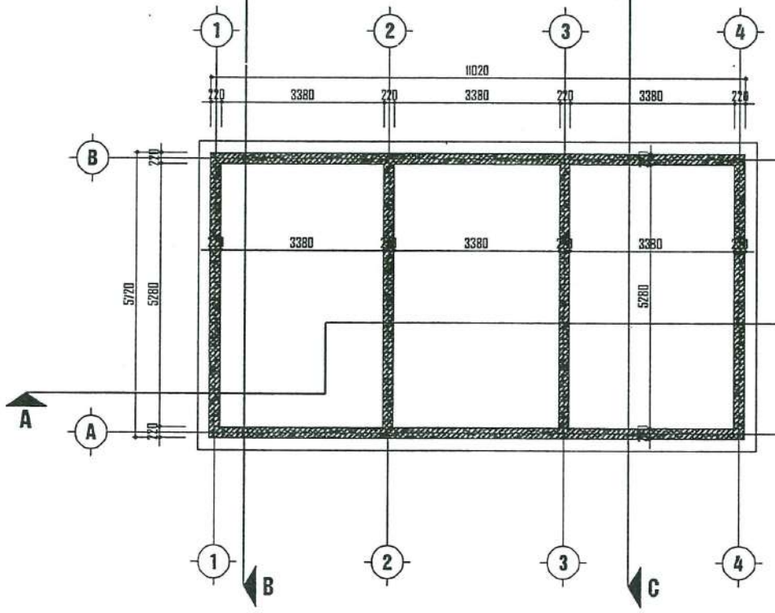
TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY CHI TIẾT LẮP ĐẶT	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



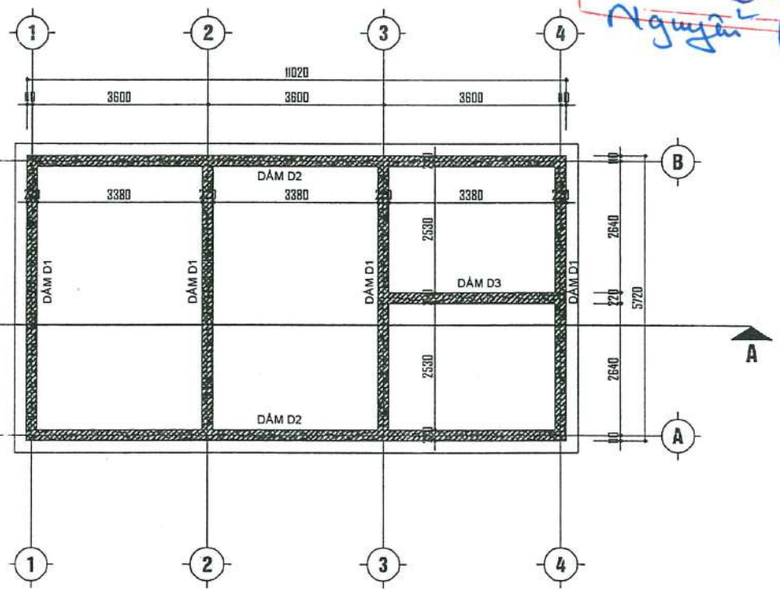
MẶT BẰNG NHÀ BƠM + NẮP BỂ NƯỚC NGẦM



MẶT BẰNG MÁI NHÀ BƠM



MẶT BẰNG THÀNH BỂ NƯỚC NGẦM



MẶT BẰNG DẦM BỂ NƯỚC NGẦM

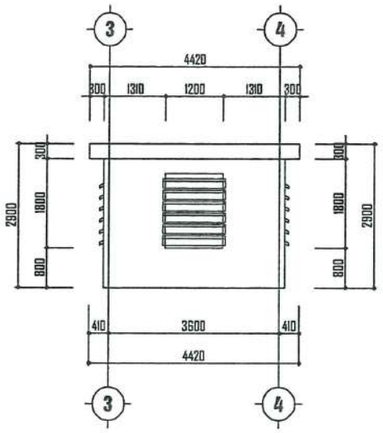
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681.BC-ST
Ngày. 06 .tháng. 11 năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

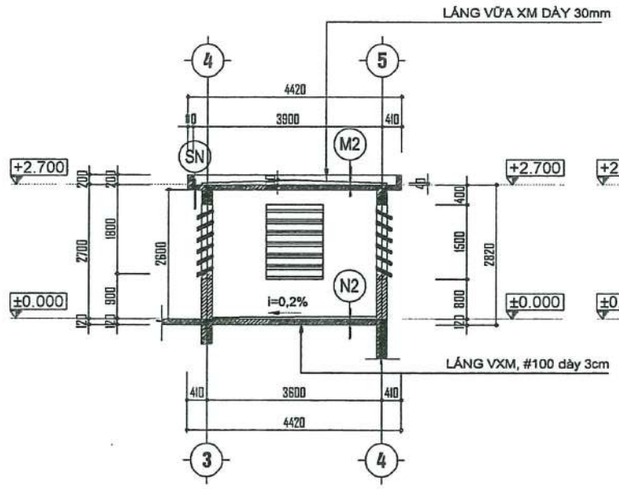
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HƯNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
MẶT BẰNG BỂ NƯỚC NHÀ BƠM

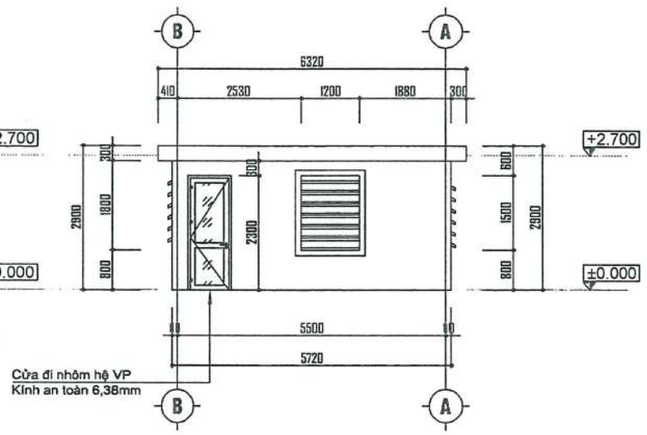
TỶ LỆ BẢN VẼ	BẢN VẼ SỐ: KT.03
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



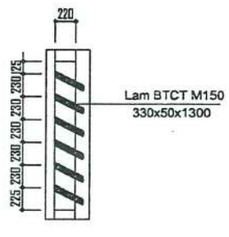
MẶT ĐỨNG TRỤC 5 - 4



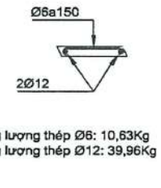
MẶT CẮT A - A



MẶT ĐỨNG TRỤC B - A

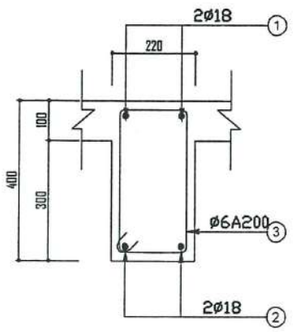


CHI TIẾT LAM Ô THOÁNG



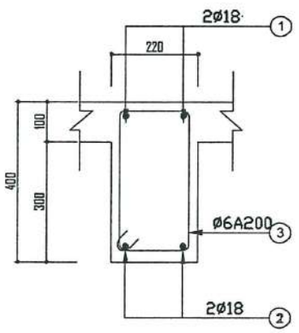
Trọng lượng thép Ø6: 10,63Kg
Trọng lượng thép Ø12: 39,96Kg

THÉP LAM BTCT



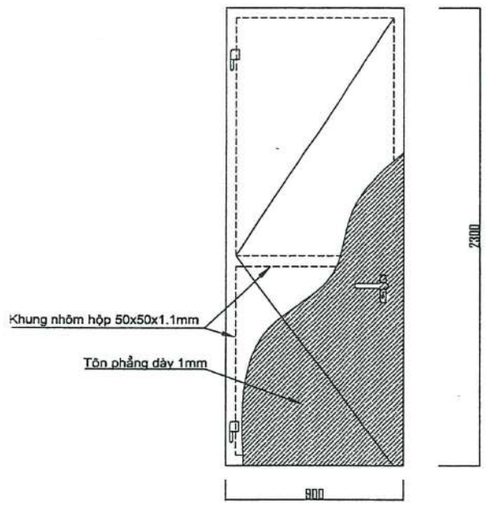
MẶT CẮT DẦM D5

L=5720 SỐ LƯỢNG: 02



MẶT CẮT DẦM D4

L=3820 SỐ LƯỢNG: 02



CHI TIẾT CỬA ĐI DT

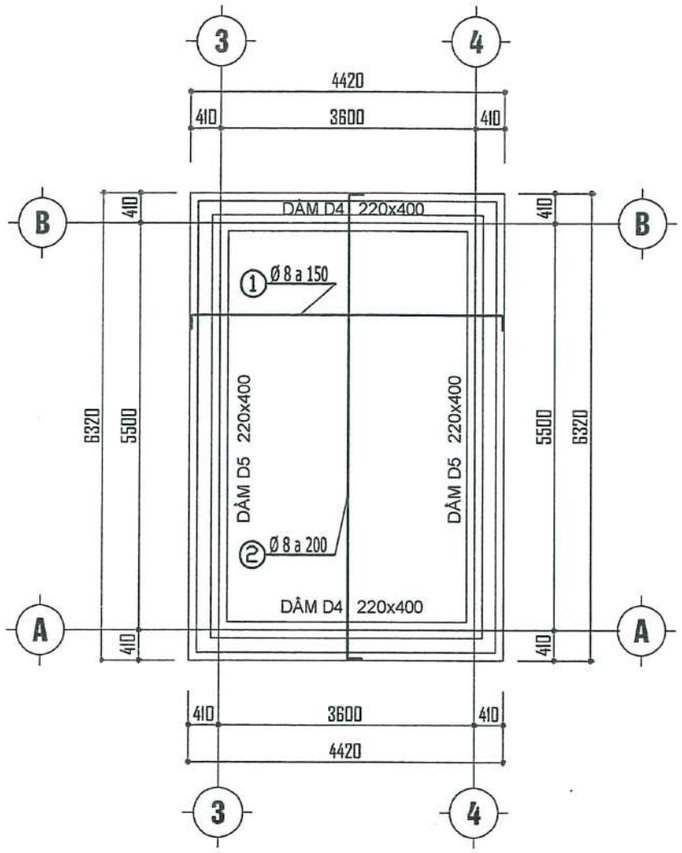
S? L??NG: 01

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 68/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ...../.....
Ngày ..... tháng ..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY MẶT CẮT NHÀ BƠM	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.04
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG THÉP MÁI NHÀ BƠM

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÁI NHÀ BƠM

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DẦM D4 Số lượng: 2	1	150 3780 150	18	4080	2	4	16.32	32.60
	2	150 3780 150	18	4080	2	4	16.32	32.60
	3	170 350 50	6	1140	20	40	45.6	10.12
DẦM D5 Số lượng: 2	1	150 5680 150	18	5980	2	4	23.92	47.78
	2	150 5680 150	18	5980	2	4	23.92	47.78
	3	170 350 50	6	1140	30	60	68.4	15.18
SÀN MÁI Số lượng: 1	1	50 3780 50	8	3880	72	72	279.36	110.23
	2	50 5680 50	8	5780	36	36	208.08	82.11

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 25.3 kg; Chiều dài = 114 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 192.34 kg; Chiều dài = 487.44 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ18 = 160.76 kg; Chiều dài = 80.48 mét

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..681.B.C-CT
Ngày..06..tháng..11năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ... tháng ..... năm 2025	TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY MẶT BẰNG THÉP MÁI NHÀ BƠM
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	GIÁM ĐỐC	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	KS. TRẦN HỮU BẮC	TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ: KT.05
					LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS

Ⓜ MÁI NHÀ BƠM

- LÁNG VXM #75, DÀY 20mm, DỐC 2% VỀ GAS THU;
- QUÉT CHỐNG THẤM
- BÊ TÔNG CỐT THÉP #200, ĐÁ 1x2, DÀY 100mm
- TRÁT TRẦN VXM #75, DÀY 15mm
- SƠN MÀU 3 NƯỚC

Ⓝ NẮP BỂ PCCC

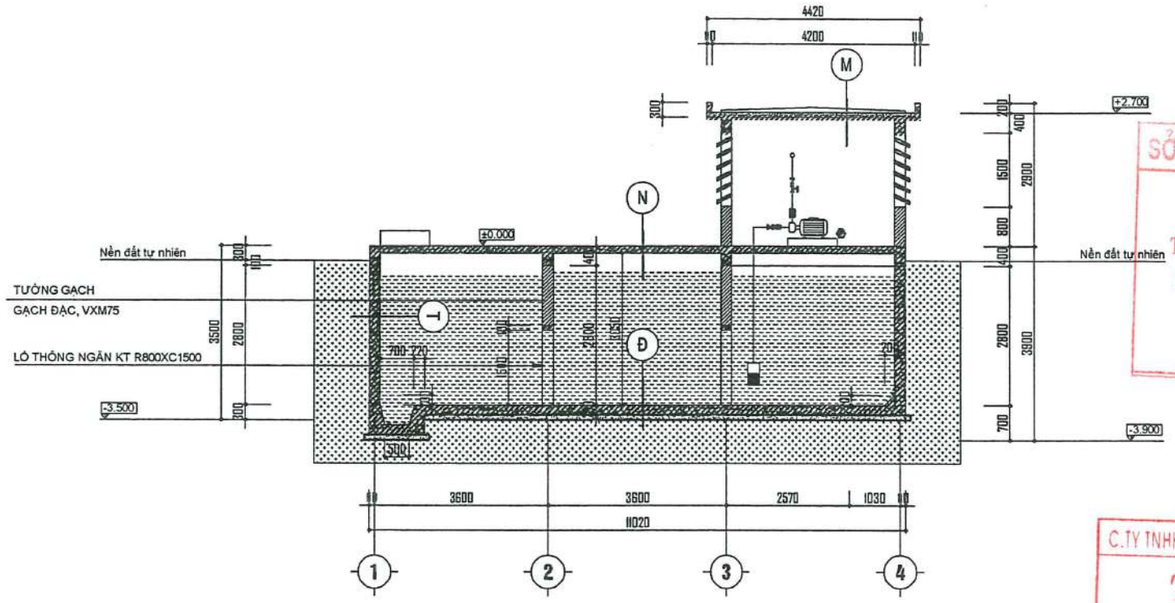
- LÁNG VXM M100, DÀY 20MM DỐC RA 2 BÊN
- BTCT ĐÁ 1x2, M200
- TRÁT TRẦN VXM M75, DÀY 1,5CM

Ⓓ ĐÁY BỂ PCCC

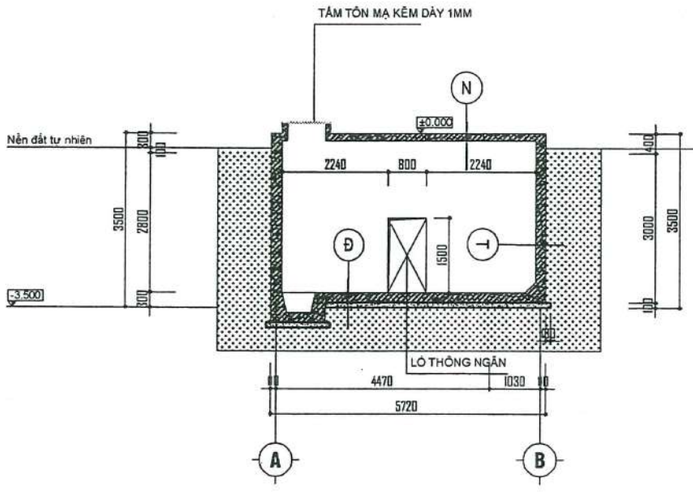
- QUÉT CHỐNG THẤM
- LÁNG VXM M100, DÀY 20MM VỀ RÓN THU
- BTCT ĐÁ 1x2, M200
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 2x4, DÀY 100MM

Ⓣ TƯỜNG BỂ PCCC

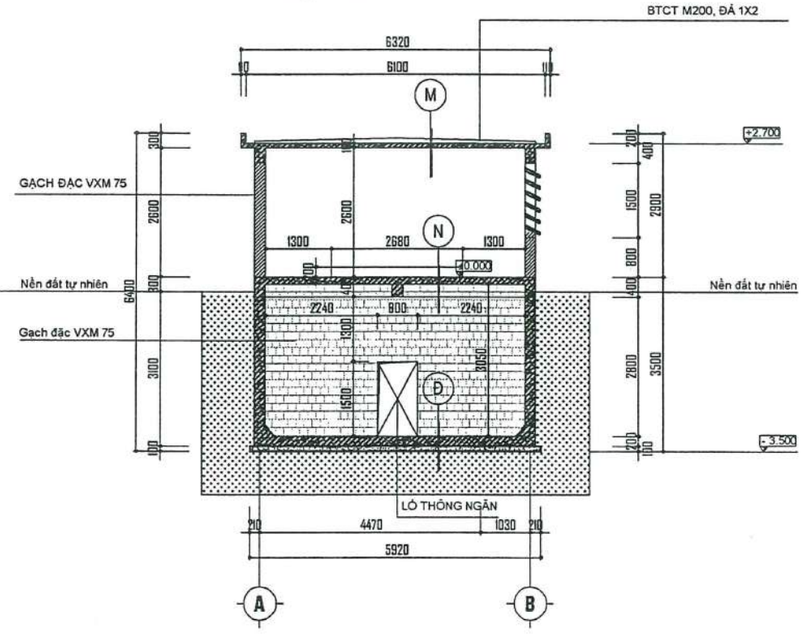
- QUÉT CHỐNG THẤM
- TRÁT VXM M75, DÀY 20MM
- BTCT ĐÁ 1x2, M200
- TRÁT VXM M75, DÀY 20MM
- QUÉT NHỰA BITUM NÓNG



MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT B - B

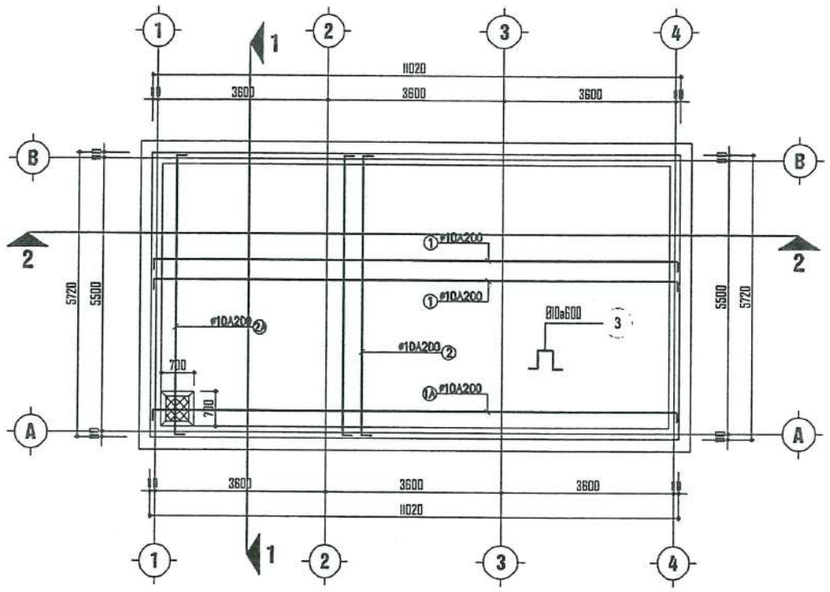


MẶT CẮT C - C

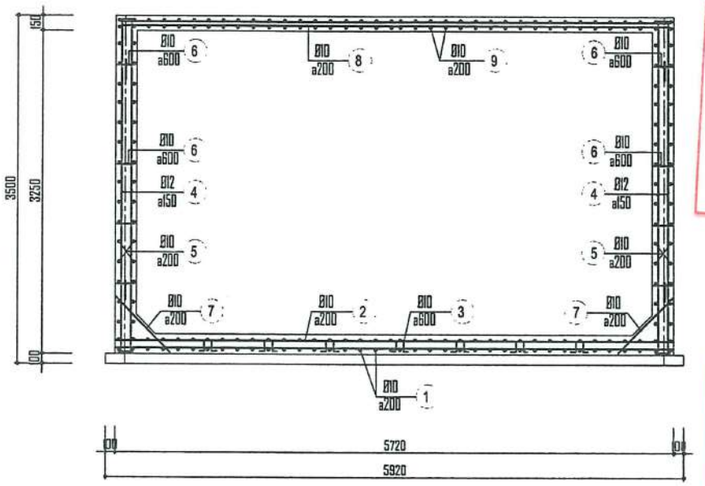
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.1BC – CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		TRƯỞNG PHÒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN KS. TRẦN HỮU BẮC
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY; MẶT CẮT BỂ NƯỚC
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS TRẦN HỮU BẮC		TỶ LỆ BẢN VẼ: / BẢN VẼ SỐ KT.06; LẦN XUẤT BẢN: 01 / DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ

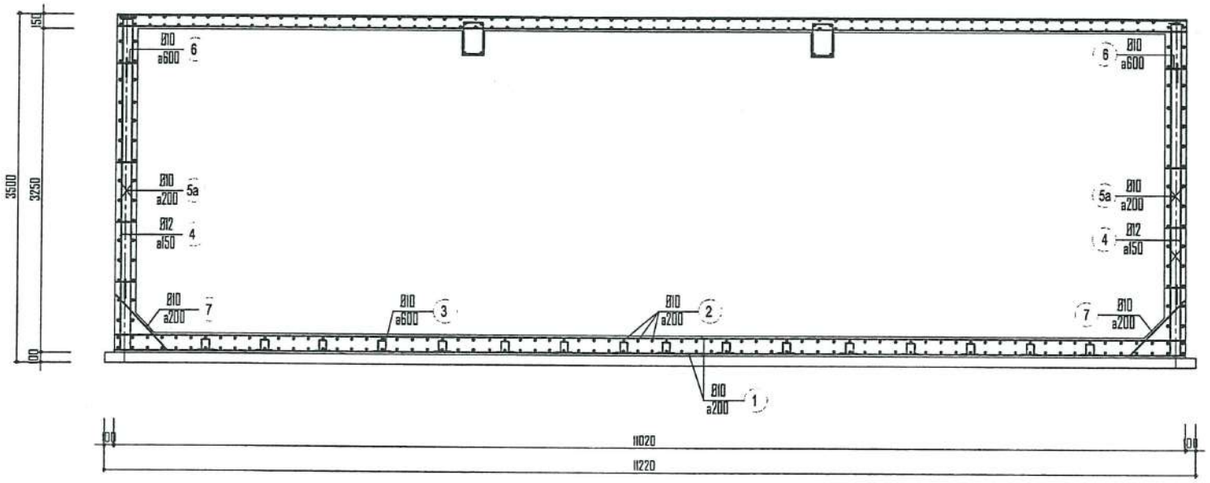


MẶT CẮT 1 - 1

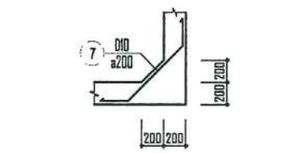
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

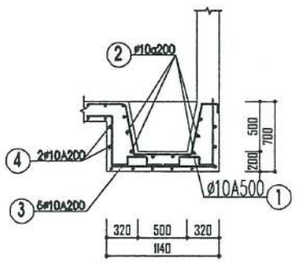
C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số..68/BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 20..25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

CHI TIẾT THÉP GÓC BỂ



MẶT CẮT 2 - 2



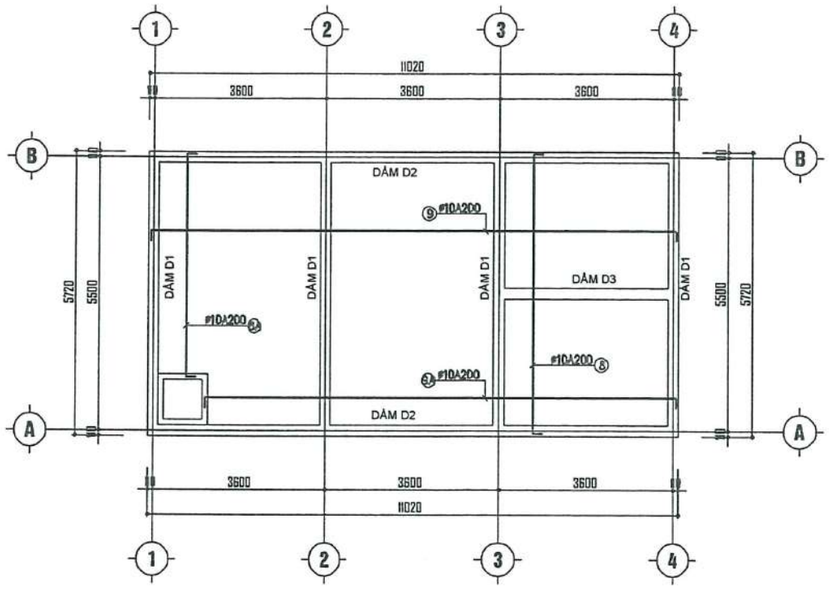


THÉP RỐN BỂ

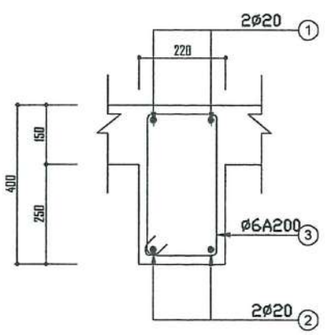
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
MẶT BẰNG, MẶT CẮT THÉP BỂ

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.07
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ

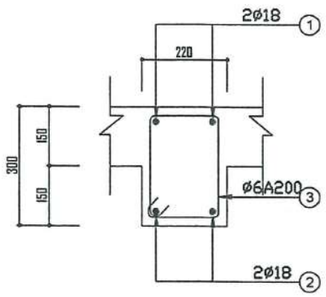


MẶT CẮT DẦM D1

L=5720; S? L??NG: 04

MẶT CẮT DẦM D2

L=11020; S? L??NG: 02



MẶT CẮT DẦM D3

L=3820; S? L??NG: 01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 68/BC-CT

Ngày: 06 tháng: 11 năm 2025

Ký tên

Nguyễn Hoàng Sơn

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ PCCC

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
ĐÁY BỂ Số lượng: 1	1	100 | 10970 | 100	10	11170	50	50	558.5	344.34
	1A	100 | 150 | 500 | 500 | 10050	10	12100	8	8	96.8	59.68
	2	100 | 5680 | 100	10	5880	102	102	599.76	369.77
	2A	100 | 150 | 500 | 500 | 4870	10	6620	8	8	52.96	32.65
	3	100 | 100 | 150 | 100 | 100	10	550	150	150	82.5	50.86
THÀNH BỂ Số lượng: 1	4	100 | 3350 | 100	12	3550	436	436	1547.8	1374.16
	5	100 | 11180 | 100	10	11380	66	66	751.08	463.07
	5A	100 | 5680 | 100	10	5880	66	66	388.08	239.27
	6	50 | 150 | 50	10	250	400	400	100	61.65
	7	250 | 800 | 250	10	1300	168	168	218.4	134.65
NẮP BỂ Số lượng: 1	8	100 | 5680 | 100	10	5880	96	96	564.48	348.02
	8A	100 | 4500 | 100	10	4700	8	8	37.6	23.18
	9	100 | 10980 | 100	10	11180	42	42	469.56	289.50
	9A	100 | 9840 | 100	10	10040	8	8	80.32	49.52

- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 2466.16 kg; Chiều dài = 4000.04 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 1374.16 kg; Chiều dài = 1547.8 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP DẦM MÁI BỂ

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Dầm D1 Số lượng: 4	1	250 | 5680 | 250	20	6180	2	8	49.44	121.93
	2	150 | 5680 | 150	20	5980	2	8	47.84	117.98
	3	170 | 350 | 50	6	1140	29	116	132.24	29.35
Dầm D2 Số lượng: 2	1	250 | 10980 | 250	20	11480	2	4	45.92	113.25
	2	150 | 10980 | 150	20	11280	2	4	45.12	111.27
	3	170 | 350 | 50	6	1140	55	110	125.4	27.83
Dầm D3 Số lượng: 1	1	250 | 3800 | 250	18	4300	2	2	8.6	17.18
	2	150 | 3800 | 150	20	4100	2	2	8.2	20.22
	3	170 | 250 | 50	6	940	19	19	17.86	3.96

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 61.14 kg; Chiều dài = 275.5 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ18 = 17.18 kg; Chiều dài = 8.6 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ20 = 484.65 kg; Chiều dài = 196.52 mét

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Người thẩm định ký tên

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG	Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG	
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC	

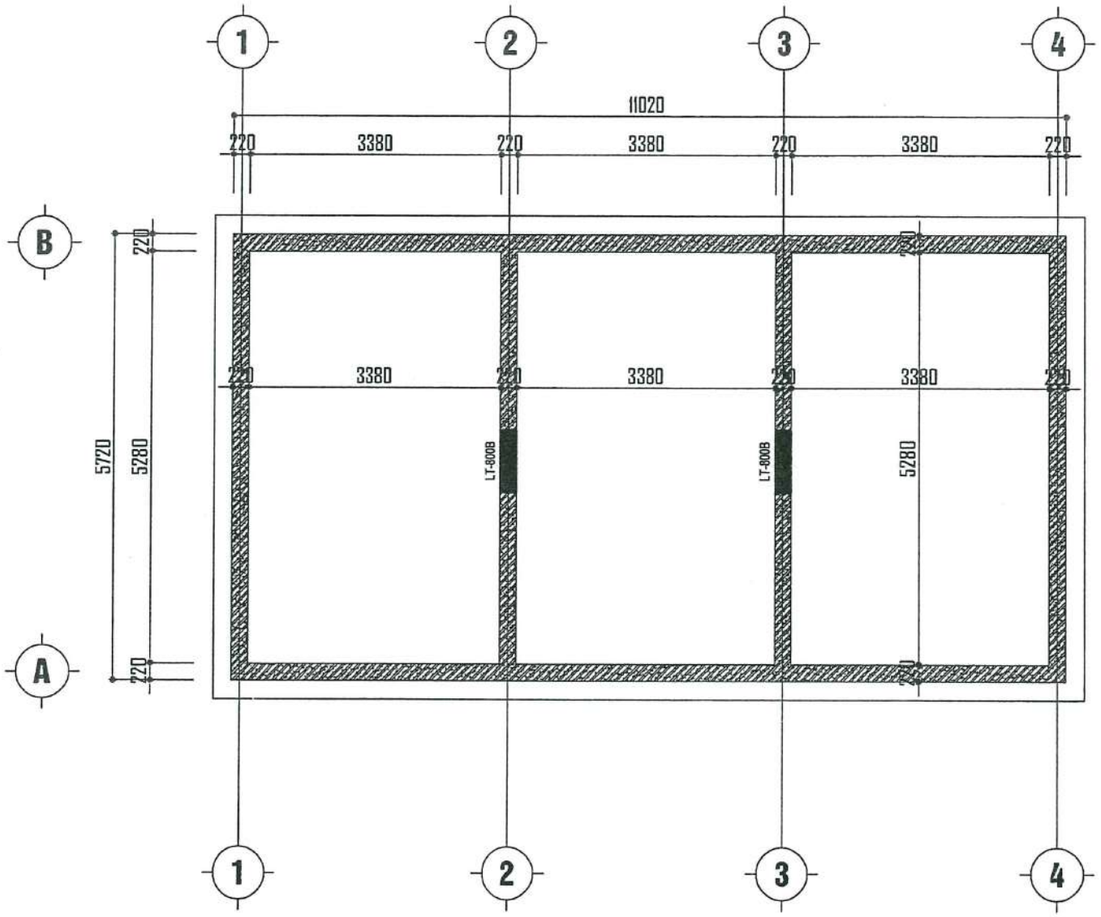
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:

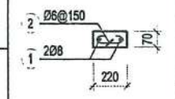
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

MẶT BẰNG, MẶT CẮT THÉP NẮP BỂ

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.08
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

LT-800B	
L = 1100 SL = 2	

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

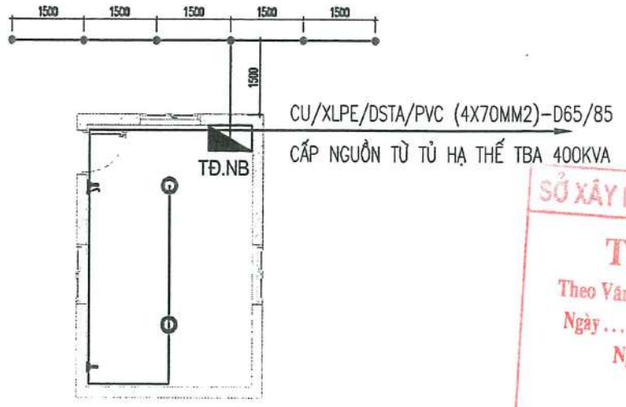
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
LT-800B (SL: 2)	1	80 1050 80	8	1210	2	4	4.84	1.91
	2	60 170 60	6	290	8	16	4.64	1.03
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 2.9 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							

C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 681 BC - CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

MẶT BẰNG LANH TÔ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

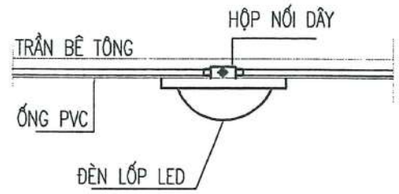
TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY MẶT BẰNG, MẶT CẮT THÉP NẮP BỂ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.09
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

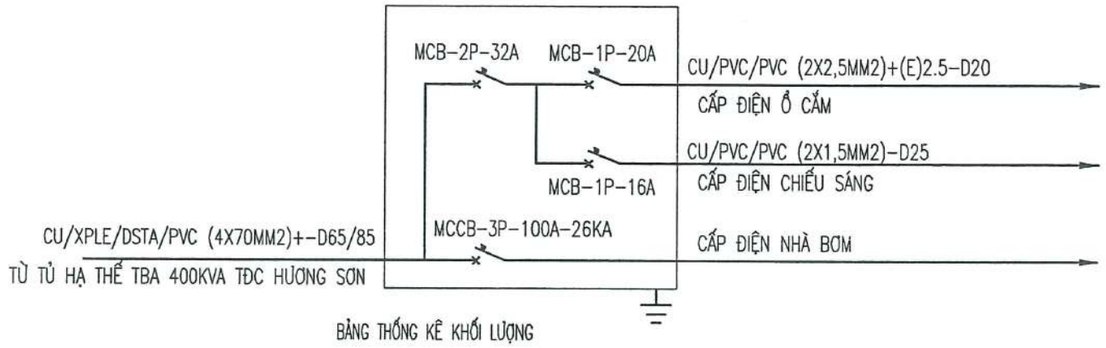


MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NHÀ BƠM

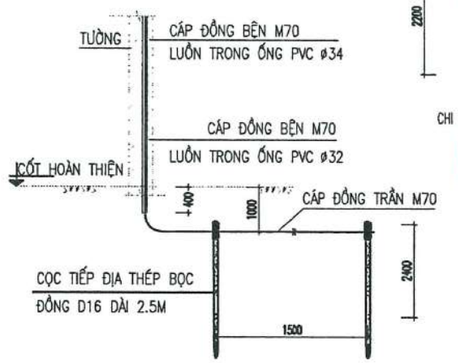
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

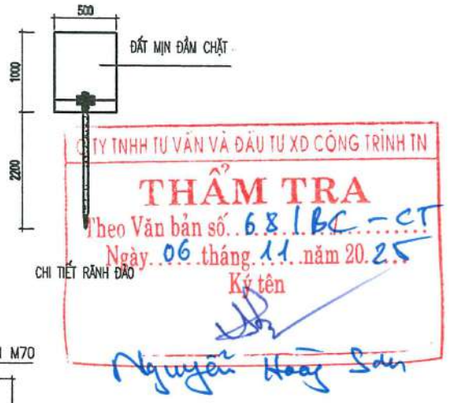
LẮP ĐẶT ĐÈN ỐP TRẦN GẮN TRẦN





LIÊN KẾT DÂY TIẾP ĐỊA VỚI COC TIẾP ĐỊA





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.1BC-CT
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

STT	K/H	VẬT LIỆU ĐIỆN	ĐƠN VỊ	TỔNG	QUY CÁCH
1		ĐÈN LED GẮN TRẦN	BỘ	2	20W-220V
2		CÔNG TẮC ĐƠN	CÁI	1	250V-10A
3		Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ÂM TƯỜNG	CÁI	1	250V-16A
4		AP TỔ MÁT (MCB) 1 PHA 10A-4.5KA	CÁI	1	
5		AP TỔ MÁT (MCB) 1 PHA 20A-4.5KA	CÁI	1	
6		AP TỔ MÁT (MCB) 2 PHA 32A-10KA	CÁI	1	
7		AP TỔ MÁT (MCCB) 3 PHA 100A-26KA	CÁI	1	
8		TỦ ĐIỆN KIM LOẠI KT: 300X400X150X1.2MM	TỦ	01	
9		DÂY ĐIỆN CU/PVC/PVC	MÉT	15	2X1,5MM2
10		DÂY ĐIỆN CU/PVC/PVC	MÉT	4	2X2,5MM2
11		DÂY ĐIỆN CU/PVC/PVC	MÉT	20	2X4,0MM2
12		CÁP ĐIỆN CU/XLPE/DSTA/PVC	MÉT	60	4X70MM2
13		DÂY TIẾP ĐỊA CU/PVC	MÉT	24	1X2.5MM2
14		ỐNG NHỰA CỨNG LUỒN DÂY	MÉT	29	D20
15		ỐNG NHỰA CỨNG LUỒN DÂY	MÉT	20	D25
16		ỐNG HDPE LUỒN DÂY	MÉT	60	D65/85
17		COC TIẾP ĐỊA D16;L=2.5M	CÁI	06	
18		DÂY TIẾP ĐỊA ĐỒNG TRẦN M70	M	20	
19		ỐNG NHỰA CỨNG LUỒN DÂY D32	M	02	
20		MỐI HÀN HÓA NHIỆT	MỐI	06	
21		THÍ NGHIỆM TIẾP ĐỊA	BÃI	01	
		ĐÀO, ĐẮP ĐẤT KÉO DÀI VÀ ĐÓNG COC TIẾP ĐỊA	M3	5.5	

TỐI THIỂU CÓ 6 CỌC TIẾP ĐẤT, ĐIỀU CHỈNH SỐ CỌC HOẶC DÙNG HÓA CHẤT ĐỂ ĐẠT
DƯỚI 4 OHN ĐỐI VỚI TIẾP ĐỊA TỦ ĐIỆN, BỔ SUNG Ở VỊ TRÍ PHÙ HỢP. TẤT CẢ CÁC KẾT NỐI TIẾP ĐẤT BẰNG MỐI HÀN HÓA NHIỆT

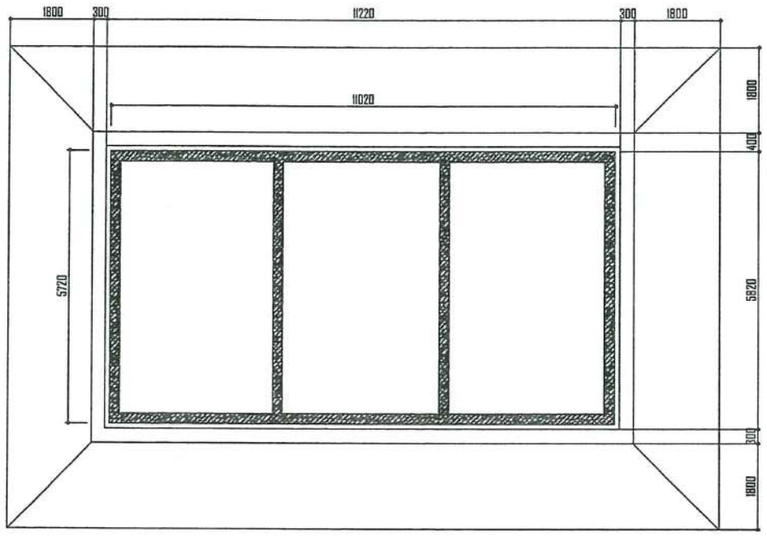
GHI CHÚ :

- CÔNG TRÌNH LẤY NGUỒN ~ 220V. TỪ VỊ TRÍ ĐẤU NỐI HIỆN CÓ.
- TOÀN BỘ DÂY DẪN ĐIỆN DÙNG LOẠI CÓ CÁCH ĐIỆN 2 LỚP LUỒN TRONG ỐNG NHỰA ĐI NGẦM
- DÂY TRỤC CHÍNH CHIẾU SÁNG DÙNG DÂY LÕI ĐỒNG 2X2,5MM2. DÂY ĐẾN CÁC APTOMAT DÙNG 2X2,5MM2.
- DÂY TỚI CÁC THIẾT BỊ ĐÈN DÙNG DÂY ĐỒNG BỌC PVC 2X1,5MM2.
- DÂY ĐIỆN LUỒN ỐNG NHỰA PVC ĐI CHÌM TRONG TƯỜNG, TRẦN. MỐI NỐI DÂY ĐẶT TRONG HỘP NỐI
- BẢNG ĐIỆN ĐẶT CÔNG TẮC+Ổ CẮM ĐƠN ĐẶT Ở CỐT 1,25M SO VỚI CỐT SÀN HOÀN THIỆN
- BẢNG ĐIỆN CÓ Ổ CẮM ĐÔI ĐẶT Ở ĐỘ CAO 2,0M SO VỚI CỐT SÀN (PHỤC VỤ QUẠT TREO TƯỜNG).
- TỦ ĐIỆN CÁC TẦNG PHẢI SƠN TĨNH ĐIỆN , CÓ KHOÁ ĐẶT Ở CỐT 1,5M VỚI SÀN (ĐẾN ĐẶT TỦ).
- KHI THI CÔNG ĐẢM BẢO KỸ, MỸ THUẬT VÀ ĐÚNG QUY TRÌNH QUY PHẠM , AN TOÀN KHI VẬN HÀNH SỬ DỤNG.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày 11 tháng ..... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

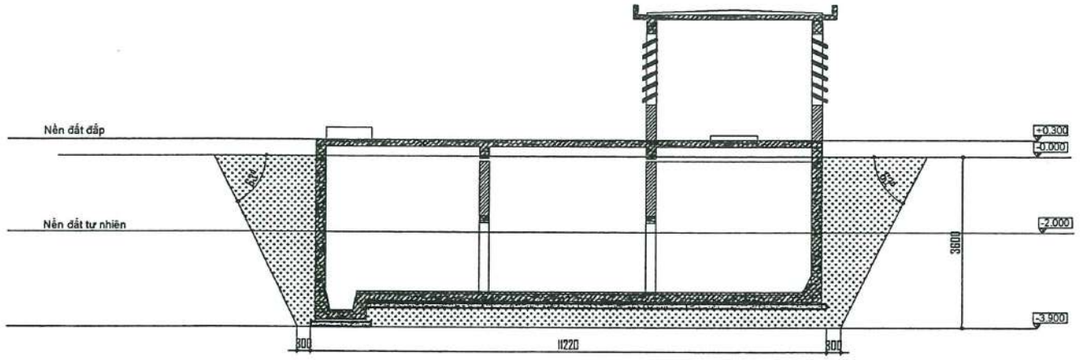
TÊN BẢN VẼ
HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
CHI TIẾT CẤP ĐIỆN NHÀ BƠM

TỶ LỆ BẢN VẼ	BẢN VẼ SỐ: KT.10
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số...68/BC-CT
Ngày..06..tháng..11..năm 20.25
Ký tên
Nguyễn Hoàng Sơn



CHI TIẾT HỐ ĐÀO BỂ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày .... tháng .... năm 2025 P. GIÁM ĐỐC KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ: HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY CHI TIẾT HỐ ĐÀO BỂ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: KT.11
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

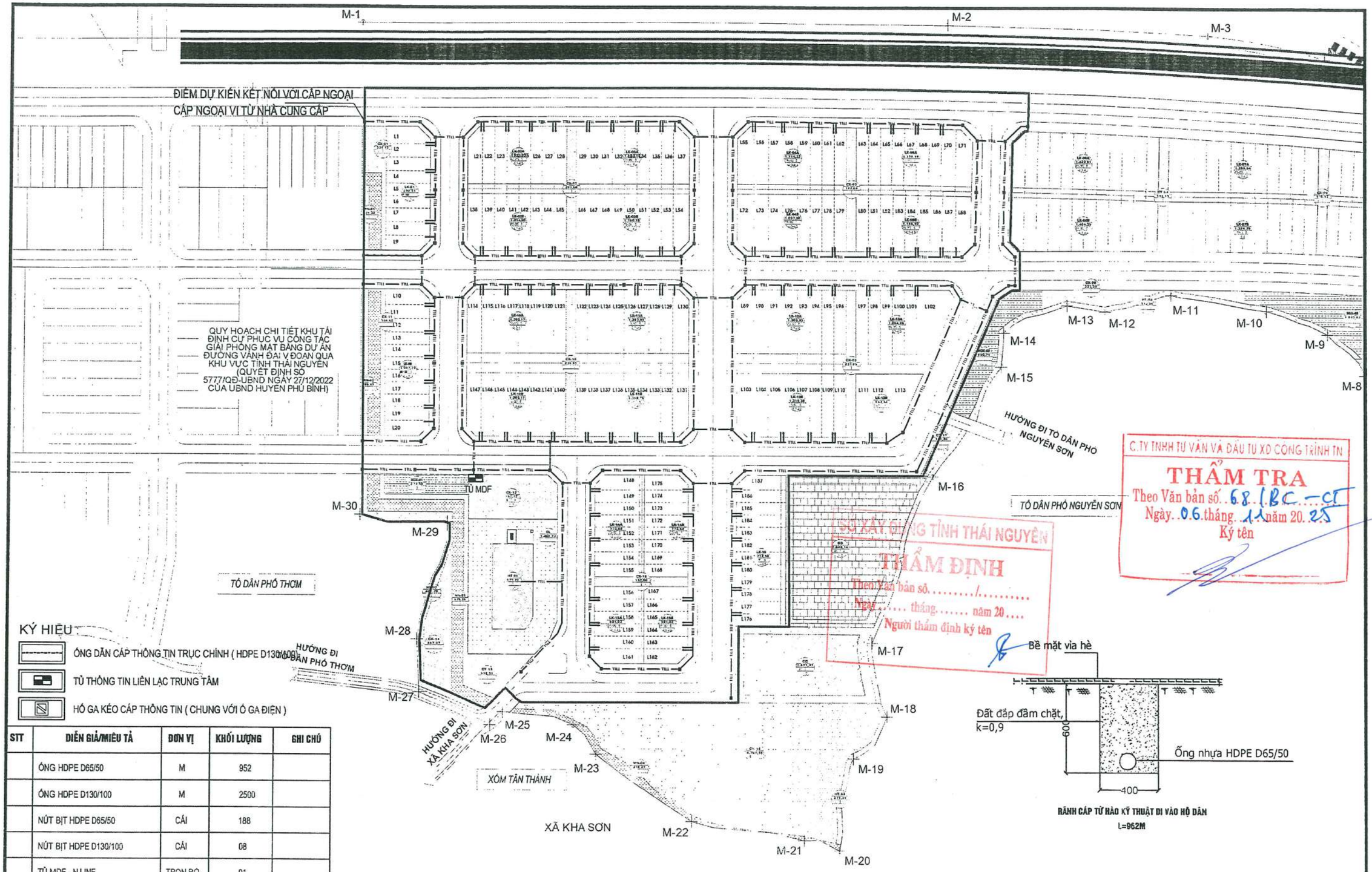
DỰ ÁN : KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)

HẠNG MỤC: THÔNG TIN LIÊN LẠC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4055/SXD-QLCHĐXD
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
Người thẩm định ký tên
Hoàng Hữu Phong

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

C TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 681/BC-CT
Ngày 06 tháng 11 năm 2025
Ký tên
Phạm Văn Quang



C.TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN

THẨM TRA
Theo Văn bản số..68.1BC-CT
Ngày..06.tháng..12.năm 20.25
Ký tên

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

KÝ HIỆU

- ỐNG DẪN CÁP THÔNG TIN TRỤC CHÍNH (HDPE D130/100)
- TỦ THÔNG TIN LIÊN LẠC TRUNG TÂM
- HỐ GA KÉO CÁP THÔNG TIN (CHUNG VỚI Ô GA ĐIỆN)

STT	DIỄN GIẢI/MIÊU TẢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	ỐNG HDPE D65/50	M	952	
	ỐNG HDPE D130/100	M	2500	
	NÚT BỊT HDPE D65/50	CÁI	188	
	NÚT BỊT HDPE D130/100	CÁI	08	
	TỦ MDF - N LINE	TRỌN BỘ	01	
	MÓNG TỦ MDF	TRỌN BỘ	01	

RÃNH CÁP TỪ HÀO KỸ THUẬT ĐI VÀO HỘ DÂN
L=962M

MẶT BẰNG ỐNG CHỜ CHO THÔNG TIN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG:
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1)
ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN
BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HƯNG
CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG
THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG
KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC

Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025

P. GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN HỮU BẮC

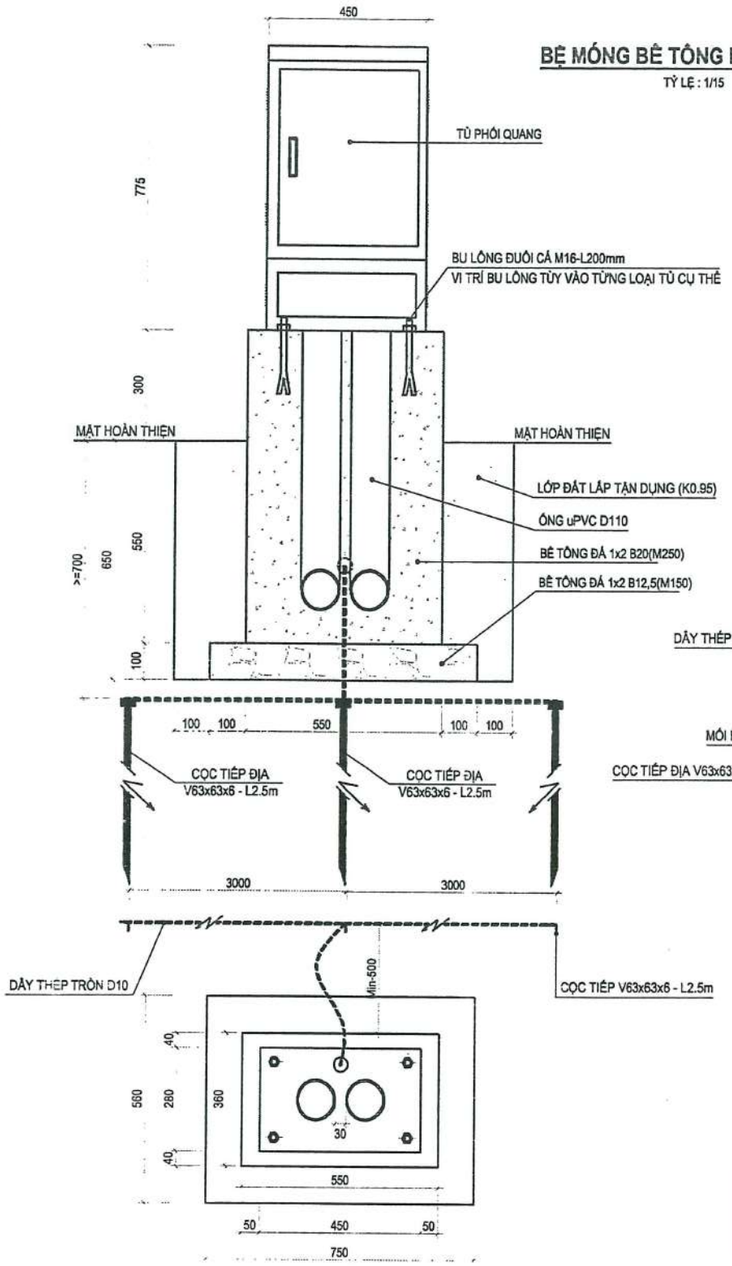
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:
HẠNG MỤC: THÔNG TIN
MẶT BẰNG ỐNG CHỜ CHO THÔNG TIN

TỶ LỆ BẢN VẼ	BẢN VẼ SỐ: TTL01
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS

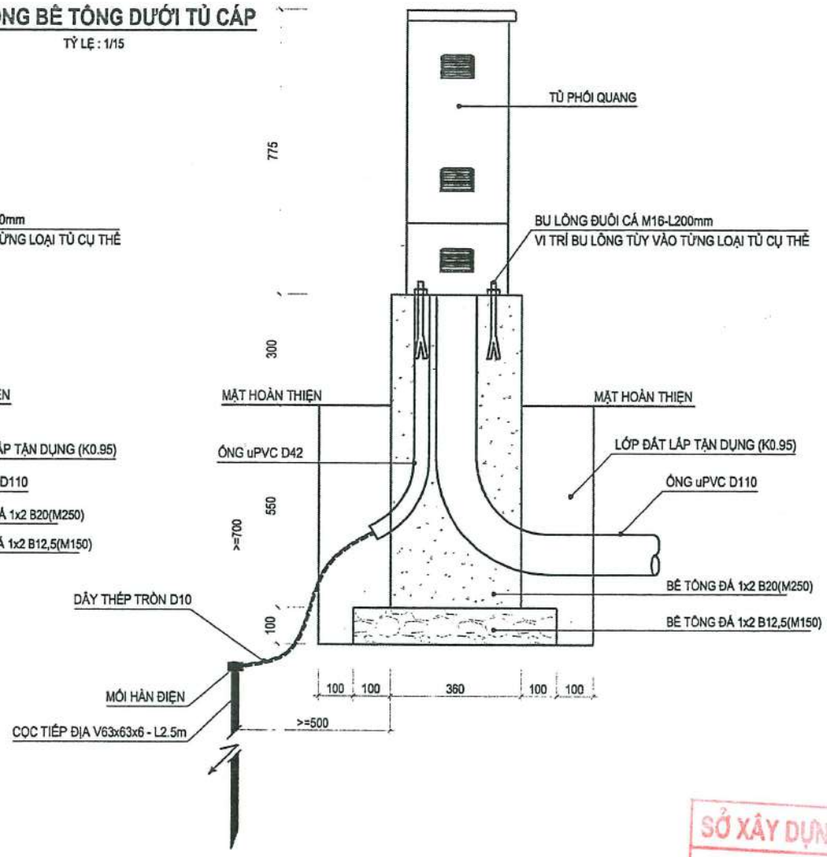
BỆ MÓNG BÊ TÔNG DƯỚI TỦ CÁP

TỶ LỆ : 1/15



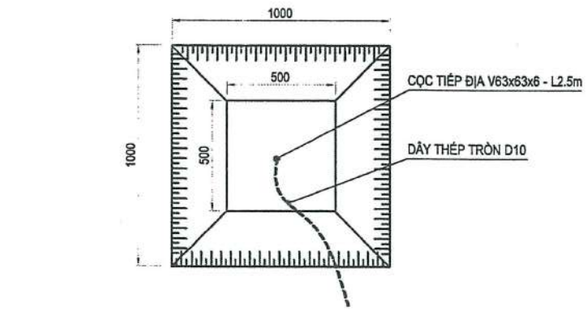
BỆ MÓNG BÊ TÔNG DƯỚI TỦ CÁP

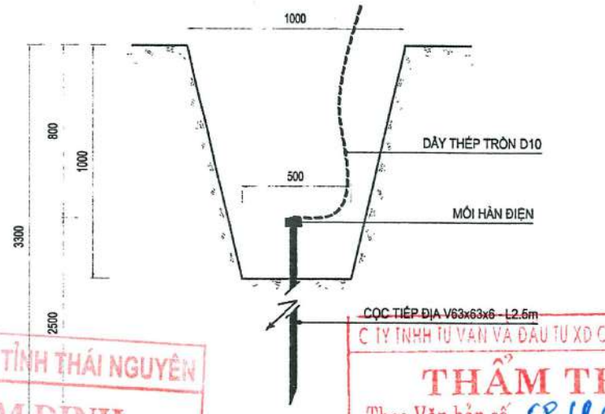
TỶ LỆ : 1/15



CHI TIẾT HỐ TIẾP ĐỊA MÓNG TỦ PHỐI QUANG

TỶ LỆ : 1/25





STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
01	ĐÀO MÓNG TỦ PHỐI QUANG VÀ HỐ TIẾP ĐỊA, ĐÀO ĐẤT	m3	2.219
02	ĐẮP CÁT TỦ PHỐI QUANG VÀ HỐ TIẾP ĐỊA (K = 0,95)	m3	2.068
03	BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 B12,5(M150)	m3	0.042
04	BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 B20(M250)	m3	0.163
05	VÁN KHUÔN MÓNG TỦ PHỐI QUANG	m2	1.81
06	BULONG ĐUÔI CÁ D16, DÀI 200mm	Cái	04
07	CỌC TIẾP ĐỊA- THÉP V63x63x6, DÀI 2.5m	Cọc	03
08	DÂY TIẾP ĐỊA - THÉP TRÒN D10	m	7.5
09	ÓNG LUỒN CÁP TIẾP ĐỊA uPVC D42	m	0.8
10	MỐI HÀN ĐIỆN	Mối hàn	03

BẢNG KHỐI LƯỢNG TÍNH CHO 1 MÓNG TỦ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày ..... tháng..... năm 20....
Người thẩm định ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XD CÔNG TRÌNH TN
THẨM TRA
Theo Văn bản số. 68.IBC-...CT.
Ngày. 06 tháng. 11 năm 20. 25
Ký tên

Ghi chú:
- KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ MM TRỪ TRƯỜNG HỢP GHI CỤ THỂ
- SỐ LƯỢNG ÓNG VÀO RA TÙY THUỘC VÀO TỪNG VỊ TRÍ CỤ THỂ TRÊN MẶT BẰNG.
- XÂY DỰNG MỚI MÓNG TỦ PHỐI QUANG, TỦ PHỐI QUANG VÀ CÁC THIẾT BỊ SẼ DO NHÀ MẠNG DỊCH VỤ KHAI THÁC VÀ CUNG CẤP
- KÍCH THƯỚC TỦ PHỐI QUANG LÀ THAM KHẢO, NHÀ THẦU XÂY DỰNG KIỂM TRA LẠI KÍCH THƯỚC TỦ TRƯỚC KHI THI CÔNG BỆ MÓNG TỦ.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ PHẦN HẠ TẦNG: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN	CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHÚ BÌNH	CHỦ NHIỆM TK	KS. TRỊNH XUÂN HÙNG		Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2025 TRƯỞNG PHÒNG KS. TRẦN HỮU BẮC
	DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HƯƠNG SƠN (GIAI ĐOẠN 1) ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN	CHỦ TRÌ TK	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
		THIẾT KẾ	KS. ĐẶNG QUANG TRUNG		
	BƯỚC: THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	KIỂM TRA TK	KS. TRẦN HỮU BẮC		

TÊN BẢN VẼ
HẠNG MỤC: THÔNG TIN
CHI TIẾT MÓNG TỦ ĐIỆN PHỐI QUANG

TỶ LỆ BẢN VẼ:	BẢN VẼ SỐ: TTLL.02
LẦN XUẤT BẢN: 01	DỰ ÁN: KHU TDC_HS